

# THỦ LÃNG NGHIÊM THẦN CHÚ PHÁP

Bản cập nhật tháng 7/2014

<http://kinhmatgiao.wordpress.com>

## THAY LỜI TỰA

**Kinh Thủ Lăng Nghiêm** (Śuraṃgama-sūtra) được thành lập trước Thế Kỷ thứ III (Thời Đại Tổ Long Thọ). Lập trường của Kinh này là y vào sức Tam Muội (Samādhi: Chính Định) để phát huy lực tác dụng của sự giải thoát bất tư nghị. Nếu y vào **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** (Śuraṃgama-samādhi) thì hiểu rõ tất cả Pháp đều là KHÔNG (Śūnya: trống rỗng) và thể hiện ra lực dụng của Diệu Hữu. Về nội dung thì Kinh Thủ Lăng Nghiêm minh họa rõ ràng: Giáo, Lý, Hành, Quả, các thứ bậc tu chứng và những điều nguy hiểm mà người hành Thiền phải trải qua. Chính vì thế, thuở xưa các vị vua Ấn Độ đã xem Kinh Lăng Nghiêm là vật báu của nước nên giữ gìn nghiêm mật, không cho truyền bá ra nước ngoài.

Theo truyền thống Hoa Văn, vào cuối đời Hán (178- 189) Ngài **Câu Chi La Sám** (Lokarakṣa: Hộ Thế) đã phiên dịch Kinh Lăng Nghiêm gồm 2 quyển. Đến đời Tây Tấn (265\_ 317) nhóm các Ngài **Vô La Xoa** (219) Ưu Bà Tắc **Trúc Thục Lam, Bạch Viễn, Pháp Cự, Chi Pháp Độ** (301) đã phiên dịch nhiều Bộ Kinh Đại Thừa trong đó có Kinh Lăng Nghiêm. Vào khoảng năm 344\_ 413 Ngài **Cưu Ma La Thập** (Kumārājīva) đã phiên dịch Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội gồm 2 quyển... nhưng hầu hết các bản phiên dịch ấy đều không đủ bộ.

Do hay biết sự ích lợi quý báu của Kinh Lăng Nghiêm nên Ngài **Trí Khải** Đại Sư (588\_ 597) đã sớm chiều, một ngày hai lần quay mặt về phương Tây, quỳ lạy cầu khẩn ròng rã suốt 18 năm để mong cho Kinh Lăng Nghiêm sớm được truyền bá đầy đủ trên đất nước Trung Hoa nhằm đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Khoảng 100 năm sau, vào đời Đường (618\_ 907) có vị Tăng nước Ấn Độ tên là **Bát Lạt Mật Đế** (Paramiti) đã nhiều lần tìm cách đem Kinh Lăng Nghiêm đến truyền bá cho nước Trung Hoa nhưng không được kết quả vì luật nước nghiêm cấm và kiểm soát quá chặt chẽ. Cuối cùng Ngài ghi chép Kinh Văn lên miếng lụa mỏng, cuộn lại rồi xẻ thịt bấp dùi, nhét cuộn lụa vào bên trong. Xong băng lại làm như người đang bị mụn nhọt lớn. Nhờ thế mới đem cuốn kinh ra khỏi nước được.

Khi đến đất Nam Thuyên ở Trung Hoa, Ngài Bát Lạt Mật Đế gặp được vị Thừa Tướng **Phòng Dung**, vốn là một Học Giả uyên thâm lại hâm mộ Đạo Phật. Khi ấy, Ngài Bát Lạt Mật Đế liền trình bày giá trị của Kinh Lăng Nghiêm mà Ngài đã hy sinh mang đến. Nghe xong Thừa Tướng Phòng Dung rất mừng rỡ và mau chóng đem cuốn lụa ra. Nhưng cuốn Kinh vì bị máu mủ bám dính lâu ngày nên bị mất cả Kinh Văn. May sao, nhờ có một vị phu nhân của quan Thừa Tướng biết các nấu cuộn lụa trong một chất thuốc hóa học nên máu mủ đều tan biến theo nước thuốc và lưu lại nét mực của Kinh Văn. Bấy giờ, Thừa Tướng Phòng Dung liền thỉnh cầu Ngài Bát Lạt Mật Đế phiên dịch chữ Phạn ra chữ Hán. Khi công việc tiền hành thì có Ngài **Di Già Thích Ca** (Sa Môn của nước Ô Trường) phụ dịch từ ngữ còn quan Thừa Tướng thì nhuận sắc. Nhờ vậy trọn bộ Kinh Lăng Nghiêm gọi đủ tên là **Đại Phật Đỉnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh** gồm 10 quyển được lưu truyền rộng rãi khắp nơi (Đời Vua Đường Trung Tôn, niên hiệu Thần Long 704\_ 705). Tuy nhiên theo một số nhà học giả thì 10 quyển Kinh này không có bản Phạn Ngữ nên cho rằng Bộ Kinh này là sự sáng tạo đặc thù của các bậc Đạo Sư Phật Giáo Trung Hoa. Vì lý do này mà trong một khoảng thời gian dài, Kinh Lăng Nghiêm không được phổ biến và nghiên cứu.

Đến đời Minh (1366\_ 1661) tư tưởng Kinh Lăng Nghiêm được các giới Trung Lưu, các hàng Long Tượng đề tâm nghiên cứu và ra sức phát huy Diệu Lý của Kinh. Mỗi Ngài chú giải, sơ thích theo sức hiểu biết của mình như Ngài **Vân Thê Châu**

**Hoàng** (1535\_ 1615) đã soạn **Lăng Nghiêm Kinh Mô Tượng Ký** 1 quyển, Ngài **Ngẫu Ích Trí Húc** (1599\_ 1655) soạn **Lăng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa** 2 quyển, Ngài **Hàm Thị** soạn quyển **Lăng Nghiêm Trục Chỉ** ...Do có nhiều vị sơ giải Kinh một cách mơ hồ nên một số Phật Tử bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng huyền hoặc hoang đường và không có cách giải lý chân chính được. Thấy vậy, Ngài **Thích Truyền Đăng** phải biên soạn **Lăng Nghiêm Viên Thông Sớ Tiên Mao** 2 quyển để báo động về sự sai lầm của những nhà Sớ Giải đã vô tình gieo mầm mống mê tín dị đoan khiến cho con đường Giác Ngộ Giải Thoát hầu như không có hy vọng thực hiện được. Ngài **Chân Giám** cũng than phiền tương tự trong Bộ **Thủ Lăng Nghiêm Chính Mạch**.

Tại Việt Nam, nhiều Bậc tiền bối đã phiên dịch Kinh Lăng Nghiêm ra Việt Ngữ rất nhiều như : Ban dịch Kinh Lăng Nghiêm của chùa Quán Sứ Hà Nội, Ban dịch Kinh của Linh Sơn Phật Hội, Thượng Tọa **Thích Từ Quang**, Thượng Tọa **Thích Thiện Hoa**, Thượng Tọa **Thích Từ Thông**, Cư Sĩ **Tâm Minh** (Lê Đình Thám), cư sĩ **Tuệ Quang**. Riêng Ngài **Thích Duy Lực** và cư sĩ **Mai Văn Hạnh** đã lược bỏ Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm trong bản dịch của mình. Ngày nay, Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam thường dùng Bộ **Thủ Lăng Nghiêm Trục Chỉ** của Ngài Hàm Thị để giảng dạy trong Giáo Trình tu học.

Do trong quyển thứ 7 của Bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm có ghi nhận bài **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni** (Mahā-sitātapatra-uṣṇīṣa-dhārāṇī) thường gọi là **Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú** (Sūraṃgama-mantra) kèm theo phương cách xây dựng Đạo Trường (Maṇḍala), công năng lợi ích và lời thề nguyện ủng hộ giúp đỡ người tu hành của các vị Kim Cương, các vị Trời, các vị Thần, các vị Quý Vương.... Nên một số Bậc Đạo Sư đã dùng bài Chú này làm pháp tu hành cho mình và giòng phái của mình, đồng thời mở rộng thành pháp tu cho người khác, nổi bật nhất là Khóa Tụng buổi sáng **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú** được nhiều người tuân thủ tu hành.

Tuy nhiên, do phương cách Mật Truyền, truyền âm chẳng truyền nghĩa, truyền thụ theo cách ghi nhớ cộng với dòng thời gian lưu truyền trên nhiều địa phương khác nhau... nên đã xuất hiện nhiều bài Chú Lăng Nghiêm khác nhau. Đại đa số các vị Đạo Sư, các Bậc Long Tượng đều công nhận các câu chữ cuối của bài Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni chính là **Tâm Chú** (Cittā-mantra) của Thủ Lăng Nghiêm còn các câu trước được xem là Mật Ngữ của Phật, mỗi chữ mỗi câu hàm chứa nhiều ý nghĩa cho nên xưa nay vẫn đề nguyện âm chữ và các Dịch Giả đều không chịu phiên dịch ngoại trừ một vài Dòng Phái hoặc các nhà nghiên cứu.

Thật ra Dhārāṇī hay Tổng Trì bao gồm cả hai phần là **Minh Chú** (Vidya-mantra) và **Thần Chú** (Mantra) tức là hàm chứa cả hai phần **Hiển** và **Mật** .

**Minh Chú** (Vidya-mantra): Là bài Chú Nguyện có ý nghĩa sáng tỏ hay phá tan sự ám chướng mê mờ đồng thời vạch ra một hướng đi chân chính cho những người muốn tu tập Pháp giải thoát

**Thần Chú** (Mantra): Là câu Chú Nguyện có nhiều âm ngữ bí mật như Chủng Tử (Bīja), các cảnh giới nội chứng, các tần số âm thanh liên hệ với Thế Giới vô hình, các hiện tượng không có ở Thế Giới này... và đây là lý do mà ít ai chịu dịch Thần Chú ra hiển ngữ.

Nếu căn cứ vào ý nghĩa này thì bài **Bát Nhã Tâm Kinh** (Mahā-prajñā-pāramita hṛdaya-sūtra) có phần trên được dịch theo hiển ngữ (tức Minh Chú) còn các câu cuối chỉ phiên âm Phạn (tức là Thần Chú). Tương tự như vậy, nhiều bậc Đạo Sư của Trung Hoa và Nhật Bản đã phiên dịch nghĩa thú phần Minh Chú của bài Chú Thủ Lăng Nghiêm và dịch âm phần Tâm Chú Thủ Lăng Nghiêm.

Riêng Hòa Thượng **Linh Nghiêm**, sau khi đã phiên dịch bài Đại Phật Đỉnh Chân Ngôn (tức Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm) của Tam Tạng Đại Quảng Trí **BÁT KHÔNG**

(Amogha-vajra) đã dựa vào ý nghĩa của phần Minh Chú mà mình định bài Đại Chân Ngôn này được hình thành qua sự kết hợp của **5 Phật Đỉnh Minh** (Kim Luân Phật Đỉnh, Phổ Thông Thành Trụ Phật Đỉnh, Bạch Tán Cái Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Biện Sự Phật Đỉnh) và chia Đại Chân Ngôn này thành 4 đoạn kèm theo ý nghĩa từng phần của mỗi đoạn.

**ĐOẠN MỘT:** Kim Luân Phật Đỉnh, có 6 phần

- 1) Phần Quy Mệnh: có 2 phần là Tổng và Biệt
  - a) Tổng Quy Mệnh
  - b) Biệt Lễ (Kính lễ quy mệnh riêng)
- 2) Minh hay trừ các nạn:
  - a) Riêng xưng tán Bản Tôn **Vô Năng Cập Giả**
  - b) Chính trừ các nạn (Niệm Công Đức của Chú)
- 3) Biệt Năng Hộ Giả (các bậc hay hộ trì riêng)
- 4) Cầu Nguyện
- 5) Nói Chú
- 6) Cầu Nguyện

**ĐOẠN HAI:** Phổ Thông Thành Trụ Phật Đỉnh, có 4 phần là:

- 1) Khen ngợi tướng đặc biệt lý lạ của Bản Tôn
- 2) Đạo Trường Sở Trụ của Minh
- 3) Nói Chú
- 4) Cầu Nguyện

**ĐOẠN BA:** Bạch Tán Cái Phật Đỉnh và Quang Tụ Phật Đỉnh, có 7 phần là:

- 1) Các nạn riêng biệt
- 2) Các Quý Túy riêng biệt
- 3) Các Thực Quý riêng biệt
- 4) Cắt đứt các Thần Chú Thuật riêng biệt
- 5) Cầu Nguyện
- 6) Đỉnh lễ Bản Tôn
- 7) Nói Chú trừ nạn

**ĐOẠN BỐN:** Biện Sự Phật Đỉnh, có 12 phần là:

- 1) Loại Tâm ác riêng biệt sinh ra từ mình
- 2) Thực Quý riêng biệt
- 3) Nơi nhiều túy của loài Quý có tâm ác riêng biệt
- 4) Bệnh nhiệt của Ngược Quý riêng biệt
- 5) Nơi đau nhức của các bệnh riêng biệt
- 6) Đẳng loại Quý riêng biệt
- 7) Loại ung nhọt riêng biệt
- 8) Nã nạn riêng biệt
- 9) Đức hay trừ tai nạn của Minh
- 10) Hạn lượng kết phương ngưng và phân cột trói các chướng của Minh
- 11) Chính thuyết Chân Ngôn trừ nạn kết Giới trói buộc
- 12) Quy mệnh kính lễ Chân Ngôn. Tự nói: *“Khiến cho Chân Ngôn thành tựu, đã xong”*

— Một số Đạo Sư khác của Nhật Bản lại chia bài Thần Chú Lăng Nghiêm làm 4 phần là:

- 1) Đề Danh Chú
- 2) Minh Chú
- 3) Thần Chú (Tâm Chú Thủ Lăng Nghiêm)
- 4) Tán Thán Chú

Nhiều vị Đạo Sư của Trung Hoa chia bài Thần Chú Lăng Nghiêm ra làm 5 Hội

1) **Hội thứ nhất:** Minh họa các Đức Trang Nghiêm của thân Phật và các Sứ Giả Trì Minh (Vidyadhāra). Hội này biểu thị cho Phương Tiện Cứu Cảnh

2) **Hội thứ hai:** Minh họa công năng của hai chủng tử HŪM và BHRŪM trong đó HŪM biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) là nơi phát sinh hằng hà sa Công Đức của Diệu Thể Chân Như Bất Cộng của tất cả Như Lai và BHRŪM biểu thị cho nơi Quy Thú mọi Công Đức của chư Phật. Do vậy Hội này biểu thị cho sự phát Tâm Bồ Đề tức là gieo nhân tu hành Pháp **Bồ Đề Vô Thượng** (Anuttara-buddhi)

3) **Hội thứ ba:** Minh họa Tâm Nguyên cắt đứt và xa lìa tất cả Chú Ngữ của muôn loài chúng sinh. Hội này biểu thị cho sự tinh tiến tu tập Chính Pháp của Phật Giáo

4) **Hội thứ tư:** Minh họa Ý Nguyên phá bại và vượt qua các Tâm Hữu Tình. Hội này biểu thị cho sự chứng ngộ Chính Pháp của Phật Giáo

5) **Hội thứ năm:** Minh họa cho uy lực điều phục được tất cả ách nạn trong Thế Gian. Hội này biểu thị cho sự hoàn thiện Nghiệp Thức tức là thành tựu **Tâm Kim Cương** (Vajra-citta)

Trong Nhị Khóa Hiệp Giải (Hòa Thượng THÍCH KHÁNH ANH dịch) thì Ngài Quán Nguyệt Pháp Sư ghi nhận tên gọi của 5 Hội là:

1) Hội thứ nhất là: **Tát Đát Đa Bát Đát Lam**

2) Hội thứ nhì là: **Tác Đát Tha Bát Lật Xá Tát Đa**

3) Hội thứ ba là: **Tô Ba La Noa Ma Ha Bát Thu Bát Đát Dạ**

4) Hội thứ tư là: **Tát Đát Đa Bát Đát Ra**

5) Hội thứ năm là: **Tát Đát Đa Bát Đát Ra**

Hoặc nhập 5 Hội làm một, kêu chung một tên là **Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra Vô Thượng Thân Chú**

Lại có vị Đạo Sư nhận định 5 Hội này theo cách khác là:

1) *Hội thứ nhất:* Minh họa Pháp Môn sinh thân quyền thuộc của Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai (Vairocana-tathāgata) nên được gọi là **Tỳ Lô Chân Pháp Hội**

2) *Hội thứ hai:* Minh họa sinh thân quyền thuộc của Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai (Śākyamuṇi-tathāgata) nên được gọi là **Thích Ca Ứng Hóa Hội** hay **Lăng Nghiêm Giáo Chủ Hội**

Ba Hội cuối minh họa Pháp Môn của các vị Bồ Tát (Bodhisatva) còn đang trong thời gian dùng **Bi** (Kāraṇa), **Trí** (Jñāna) để **Trên cầu thành Phật, dưới hóa độ chúng sinh**. Nói riêng rẽ là:

3) *Hội thứ ba:* Minh họa Pháp Môn Viên Thông mọi Chú Ngữ nên được gọi là **Quán Âm Hợp Đồng Hội**

4) *Hội thứ tư:* Minh họa cho Pháp Môn Chiết Phục điều tà ác, nhiếp thọ điều thiện nên gọi là **Kim Cương Tạng Chiết Nhiếp Hội**

5) *Hội thứ năm:* Minh họa Pháp Môn thực hiện sự điều phục, đẩy lui các ách nạn của Thế Gian và giúp cho chúng sinh thành tựu mọi sự cát tường qua sự kết buộc Ấn Khế của Tâm Chú Lăng Nghiêm. Điều này biểu thị cho diệu dụng thuộc Trí Tuệ của Diệu Cát Tường Bồ Tát (Manju'sri Bodhisatva\_ Văn Thù Bồ Tát) nên được gọi là **Văn Thù Hoảng Truyền Hội**

Do diệu dụng của Chú Đà La Ni là tạo ra sự suy nghĩ cho Hành Giả, giữ gìn và thâm tóm nghĩa lý làm tiền đề cho sự tham khảo của Hành Giả tạo nên đề mục quán tưởng trì niệm nhằm đi vào Chính Định để phát sinh Trí Tuệ. Còn Thần Chú là ngôn ngữ bí mật được phát ra do sức Thiền Định nên có thần lực không thể đo lường. Vì thế các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã đề ra một phương pháp trì niệm là: Đọc tụng nghĩa lý của Đà La Ni trước (phần Minh Chú) sau đó trì tụng Âm Phạm của Đà La Ni (phần Thần

Chú) nhằm phối hợp viên dung cả hai phần Hiền và Mật. Đây cũng là nét chính của bản Kinh **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni**

Lại nữa, vì *hình sắc của chữ* biểu thị cho **Thân Mật**, *âm thanh của chữ* biểu thị cho **Khẩu Mật**, *ý nghĩa của chữ* biểu thị cho **Ý Mật** cho nên một số Đạo Sư Mật Giáo đã đề ra phương pháp tu hành là: “Mắt quán sát hình sắc của chữ, miệng đọc tụng âm thanh của chữ, tâm ý quán tưởng ý nghĩa của chữ” nhằm nâng cao và hợp nhất sự gia trì của 3 Mật để thanh lọc tịnh hóa Thân, Khẩu, Ý mau chóng chứng được Trí Tuệ giải thoát. Đây chính là đường nét căn bản của cách tu tập **Pháp Mạn Đa La** (Dharma-maṇḍala) của Tâm Chú Lăng Nghiêm

𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧  
𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧 𑖀𑖄𑖧

LAM\_ OṂ ANALE ANALE \_ VISADA VISADA \_ BANDHA BANDHA \_  
BANDHANI BANDHANI \_ VAIRA VAJRAPĀṆI PHAT\_ HŪM BHRŪM PHAT\_  
\_ SVĀHĀ



LAM (𑖀) có màu trắng tinh khiết mang ý nghĩa là: Ánh sáng Trí Tuệ che trùm khắp Pháp Giới Chúng Sinh. Đây chính là **Chủng Tử** (Bīja) của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh , chủng tử này cũng biểu thị cho chân nghĩa **Vô Tướng chẳng thể đặc** hoặc **tất cả Pháp Tướng chẳng thể đặc**

OṂ (𑖄) : Cảnh giác nhiếp triệu

ANALE (𑖀𑖄𑖧): Ngọn lửa của Thần Linh. Anale được lập lại 2 lần minh họa sự kêu gọi Lửa Trí Tuệ hãy mau chóng tịnh hóa lửa 3 Độc tham, sân, si cho ta và người

VISADA (𑖀𑖄𑖧): Sự thanh tịnh. Visada được lập lại 2 lần minh họa cho sự cần phải mau chóng làm cho Nội Chướng và Ngoại Chướng được thanh tịnh

BANDHA (𑖀𑖄𑖧): Cột trời. Bandha được lập lại 2 lần minh họa cho sự mau chóng cột trời Nội Chướng và Ngoại Chướng có tính chất hiển hiện mạnh mẽ hung bạo.

BANDHANI (𑖀𑖄𑖧): Cột trời. Bandhani được lập lại 2 lần minh họa cho sự mau chóng cột trời Nội Chướng và Ngoại Chướng có tính chất ẩn tàng, âm ý, sâu kín

VAIRA (𑖀𑖄𑖧): Sự chống lại, sự can đảm dũng cảm, có năng lực khác thường

VAJRAPĀṆI (𑖀𑖄𑖧𑖀𑖄𑖧): Kim Cương Thủ. Đấng cầm chày Kim Cương

PHAT (𑖀𑖄𑖧): Phá bại mọi chướng

HŪM (𑖀𑖄𑖧): Chủng Tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

BHRŪM (𑖀𑖄𑖧): Chủng tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi công đức

PHAT (ॐ): Phá bại mọi chướng

SVĀHĀ (ॐ): Quyết định thành tựu

Trên đây là bài Tâm Chú Thủ Lăng Nghiêm do Ngài Đại Quảng Trí BÁT KHÔNG (Amogha Vajra : Bất Không Kim Cương) truyền thụ cho Đệ Tử đã Quán Đỉnh tu Quán Niệm. Còn thông thường thì truyền dạy là

TADYATHĀ: OM ANALE ANALE \_ VIŚADA VIŚADA \_ BANDHA BANDHA \_ BANDHANI BANDHANI \_ VAIRA VAJRAPĀṆI PHAT\_ HŪM BHRŪM PHAT\_ SVĀHĀ

Ngoài ra còn có thêm 6 bài Lăng Nghiêm Tâm Chú với những chỗ đồng dị như sau

1\_ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Đức Dalai Lama thứ 7 (Ghi trong quyển Meditations on the Lower Tantras, A Sitataptra Sadhana, tr 126):

TADYATĀ: OM ANALE ANALE, PIŚHADE PIŚHADE PIŚHADE, VAIRA VAIRA, VAJRADHĀRĪ, BANDA BANDUNĪ HŪM PHAT SVĀHĀ

2\_ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Tam Tạng Pháp Sư SA BA LA:

OM ANALE ANALE \_ VIŚUDDHE VIŚUDDHE \_ VIRE VIRE \_ VAJRADHĀRĪ BANDHA BANDHA \_ VAJRAPĀṆI PHAT\_ HŪM HŪM PHAT PHAT\_ HŪM TRŪM BANDHA PHAT\_ SVĀHĀ

3\_ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Thiên Trúc Đại Sư TUẤN BIỆN:

OM ANALE ANALE \_ VIŚUDDHE VIŚUDDHE \_ VĪRA VAJRADHĀRĪ BANDHĀ BANDHA \_ VAJRAPĀṆI PHAT\_ HŪM HŪM PHAT PHAT\_ HŪM TRŪM PHAT\_ SVĀHĀ

4\_ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Ngài Bát Lạt Mật Đê (Bản Phổ Thông):

OM ANALE VIŚUDDHE \_ VAIRA VAJRADHĀRĪ \_ BANDHA BANDHANI \_ VAJRAPĀṆ PHAT\_ HŪM TRŪM PHAT\_ SVĀHĀ



5 \_ Lăng Nghiêm Tâm Chú của Ngài Bát Lạt Mật Đê (Bản ghi trong Kinh Lăng Nghiêm, quyển 7 trong Mật Tạng Bộ 2):

OM ANALE VISUDHE VAIRA VAJRADHĀRI BANDHA BANDHANI  
VAJRAPĀṆI PHAT HŪM TRŪM SVĀHĀ  
OM HŪM VISUDDHE SVĀHĀ

6 \_ Riêng phần Chân Ngôn trong cuối bản Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni do Đức Phật Sóng NẶC NA truyền thụ thì có nhiều nét sai khác với Chân Ngôn do các Ngài SA BA LA và TUẤN BIỆN truyền dạy. Chân Ngôn ấy là :

TADYATHĀ: OM ANALE ANALE KHASAME KHASAME VAIRE  
VAIRE SOME SOME ŚANTA ŚANTA DĀNTE DĀNTE VIŠADE  
VIŠADE VĪRI VĪRI DEVI VAJRADHĀRI BANDHA BANDHANI  
VAJRAPĀṆI PHAT  
OM HŪM HŪM TRŪM ṢṬOM PHAT SVĀHĀ  
HŪM TRŪM BANDHA PHAT VADAGĀLA ŚRUTA ŚIG SVĀHĀ  
OM VAJRAPĀṆI BANDHA BANDHA VAJRA PRAŚENA MAMA  
SARVA DUṢṬOM VINAYAKA HŪM HŪM PHAT PHAT SVĀHĀ

Tuy nhiên Đức Phật Sóng NẶC NA lại truyền dạy bài Lăng Nghiêm Tâm Chú ở nơi khác như sau:

TADYATHĀ: OM ANALE ANALE VISUDDHE VISUDDHE VIRE  
VIRE SOME SOME VAJRADHĀRIṆI CCHINDHA CCHINDHA  
BHINDHA BHINDHA VAJRAPĀṆI HŪM PHAT SVĀHĀ  
HŪM TRŪM BANDHA PHAT SVĀHĀ

Qua sự khảo cứu các bản truyền thừa trên, ta nhận thấy Chủng Tử của Tâm Chú Lăng Nghiêm được truyền dạy ở Tây Tạng HŪM TRŪM, còn truyền thừa ở Trung Hoa và Nhật Bản là HŪM BHRŪM

Nếu căn cứ vào bản phiên âm của Trong Hoa và Nhật Bản là **Hổ-hồng, đô-lô-ung** kèm với bài **Kim Cương Xí Thịnh Quang Minh Phật Đỉnh Luân Vương Tự Tại Thập Tự Chân Ngôn**

NAMO VAIROCANĀYA (Quy y Đại Nhật) NAMO BHAGAVATE UṢṆĪŚĀYA (Quy y Thế Tôn Phật Đỉnh) ĀḤ (Đại Phật Đỉnh) TRŪM (Quang Tự Phật Đỉnh) TRŪM (Phát Sinh Phật Đỉnh) DHRŪM (Tản Cái Phật Đỉnh) DRŪM (Thắng Phật Đỉnh) HRŪM (Trừ Chướng Phật Đỉnh) ŚRŪM (Quảng Phật Đỉnh) BHRŪM (Tối Thắng Phật Đỉnh) SRŪM (Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh) HŪM (Phổ Thông Phật Đỉnh) BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA (10 Phật Đỉnh)

Thì **Hổ-hồng, đô-lô-ung** chỉ có thể là phiên âm của HŪM TRŪM hoặc HŪM DHRŪM. Tại sao các bậc Đạo Sư Mật Giáo ở Trung Hoa lại dùng 2 chủng tử HŪM BHRŪM? Phải chăng các Ngài đã dùng 2 chủng tử HŪM BHRŪM để nhấn mạnh nghĩa thú căn bản để tu chứng của Đà La Ni này ? ! ...

\_ Nếu dựa vào ý nghĩa thì HŪM (𑖦) là chủng tử biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** hoặc **Sự Thành Tự**

BHRŪM (𑖧) là chủng tử biểu thị cho **nơi quy thú của mọi Công Đức** .

TRŪM (𑖨) là chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

DHRŪM (𑖩) là chủng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra sự giữ gìn tàn lọng Từ Bi trắng tinh để che chở cho Chúng Sinh**



Khi đi liền nhau thì HŪM BHRŪM biểu thị cho nghĩa **Tâm Bồ Đề là nơi quy thú của mọi Công Đức**

HŪM TRŪM biểu thị cho ý nghĩa **Nhờ Tâm Bồ Đề mà Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

HŪM DHRŪM biểu thị cho ý nghĩa **nhờ Tâm Bồ Đề mà Tự Ngã phát sinh ra sự giữ gìn tàn lọng Từ Bi trắng tinh để che chở cho chúng sinh**

Theo ý kiến riêng của chúng tôi thì **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú** chính là **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni**. Trên căn bản thì Pháp tu trì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh chuyên về Pháp **Tức Tai** (Śāntika: Cách thức ngăn ngừa và dứt trừ mọi tai họa, tội chướng) nhằm hỗ trợ cho người tu Thiền Định mau chóng dứt trừ Nội Chướng và Ngoại Chướng mà thực chứng Trí Tuệ giải thoát. Ngài QUÁN NGUYỆT Pháp Sư cũng nhận định rằng: “*Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú có công năng điều trị mầm móng Ngũ Dục nhằm mau chóng hiện bày tính màu nhiệm của Như Lai Tạng*”. Nhưng muốn mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát thì không thể nào không biết cách phát khởi Tâm Bồ Đề và nuôi lớn Tâm Đại Bi như Kinh Đại Nhật, quyển 1 có ghi: “*Tâm Bồ Đề là Nhân, Bi là gốc rễ và Phương Tiện là Cứu Cánh*”. Do đó 2 chủng tử HŪM DHRŪM có thể thỏa mãn được tinh thần này. Hơn nữa DHRŪM lại là chủng tử của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh cho nên rất phù hợp với Pháp tu trì Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú.

Nói theo cách khác. Như chúng ta đã biết sự truyền thừa Chính Pháp Giải Thoát của Phật Giáo được biến đổi hình thức giảng dạy cho phù hợp với căn cơ của từng người, từng địa phương miễn là thật sự giúp ích cho người đó, địa phương đó thâm nhập chứng ngộ được mùi vị giải thoát. Vì Tây Tạng là xứ của Quỷ Thần nên tâm Kiêu Mạn ham thích Thần Thông rất phát triển và khó cải hóa nên các Bậc Đạo Sư cần phải dùng chủng tử HŪM TRŪM để đánh phạt và nhắc nhở. Còn ở Trung Hoa, vốn đã có nền văn hóa phát triển, dân cư đông đúc kèm với sự phát triển của 2 Đạo: Khổng và Lão nên đại đa số chúng sinh ở vùng này ưa thích ham chuộng các Công Đức tối thắng siêu việt nên các Bậc Đạo Sư dùng chủng tử HŪM BHRŪM cũng như sắp đặt lại thứ tự quy kính các Tôn trong Bài Đà La Ni để khuyến tấn. Đây cũng là lý do cho chúng ta nhận thấy bản Chú Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đế có cách sắp xếp thứ tự các Tôn rất phù hợp với Kinh Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni của Tây Tạng, còn bài Đại Phật Đỉnh Đà La Ni của Ngài Bát Không Tam Tạng thì sắp thứ tự các Tôn ngược lại. Vì Nhật Bản lại theo học Trung Hoa nên cũng thường dùng 2 chủng tử HŪM BHRŪM. Riêng chủng tử DHRŪM của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh không được phổ biến nên chỉ dùng để truyền thụ riêng cho một số người có căn tính thích hợp mà thôi.

Vào năm 1994, dưới sự khích lệ của sư cô **Thích Nữ Trí Hải**, tôi đã soạn dịch quyển **Lăng Nghiêm Đại Thần Chú**. Đến năm 1995, dưới sự khuyến khích Thầy **Thích Quảng Trí**, tôi gắng phiên dịch Quyển **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni** do Đức Phật Sống NẠC NA truyền thụ và đệ tử là **Ngô Nhuận Giang** biên thuật. Tiếp theo tôi cố gắng biên dịch các bản **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú**. Nhưng do thiếu tài liệu và sở học còn kém cỏi nên đã sai sót khá nhiều về văn nghĩa của Chú Lăng Nghiêm cũng như cho rằng Chú Lăng Nghiêm và Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni là 2 bản khác nhau !...

Sau này nhờ sự giúp đỡ của Thầy **Pháp Quang**, sự khuyến tấn của Thầy **Thích Quảng Trí** và sự hỗ trợ của các bạn đồng tu. Tôi đã nhận được một số tài liệu về Tự Điển Phạn Anh, sách Mật Giáo ghi bằng tiếng Anh, vài quyển Đại Tạng Kinh có liên quan đến Thần Chú Lăng Nghiêm nên tôi đã tham cứu kiểm tra lại và nhận ra rằng: Sở dĩ Kinh Văn khác nhau là do cách phiên dịch và sắp xếp một vài đoạn văn khác nhau.

Ngoài ra tùy theo sự truyền thừa nên số câu của các bài này nhiều (hoặc ít hơn) hơn bài kia. Nên mạnh dạn xác định rằng Chú Lăng Nghiêm và Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni chính là một loại. Mong rằng các vị nghiên cứu hãy xem xét kỹ và đối chiếu các Kinh Bản mà tôi đã cố gắng sưu tập, phiên dịch và ghi chép trong tập sách này.

Như vậy, tuy cùng một loại nhưng toàn bài Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm được ghi nhận theo cách phiên âm tiếng Phạn và bài Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni thì dịch nghĩa các hội: **Một, Ba, Năm** (riêng hội thứ năm thì phiên âm Tâm Chú ở cuối Hội) dịch âm Phạn Ngữ các Hội: **Hai, Bốn**. Còn lý do thuyết Chú khác nhau và số câu nhiều ít, chẳng qua chỉ tùy theo sự truyền thụ của từng vị Đạo Sư mà thôi.

Hiện nay có khá nhiều bản Chú Lăng Nghiêm đang được lưu truyền nhưng gút lại chỉ có 2 loại là Quảng Bản và Lược Bản trong đó bài Chú của Ngài **Bát Lạt Mật Đế** là Lược Bản (Bản ngắn), còn lại đều là Quảng Bản (Bản dài).

Vào năm 2006, các phần tham cứu và biên dịch có liên quan đến Thần Chú **Thủ Lăng Nghiêm** đã được in ấn thành quyển **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú Pháp**. Tuy nhiên bản in ấy vẫn còn nhiều chỗ sai sót và thiếu phần Thủ Ấn với các Tôn Tượng của **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh**. Nay được em **Tổng Phước Khải** hỗ trợ thêm tư liệu, nên tôi soạn dịch lại tập ghi chép này nhằm giúp cho người đọc có thể tự mình tham cứu một cách thuận lợi hơn. Mọi sai sót của các bản ghi chép trước, tôi xin chân thành cúi đầu sám hối trước Tam Bảo và xin lỗi các vị đã đọc qua. Nguyên xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho con và tất cả chúng sinh tránh được mọi sự sai lầm, mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên Hương Linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**), Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**), Giác Linh của sư cô **Thích Nữ Trí Hải** là những bậc Thầy đầu tiên giúp cho con soạn dịch tập sách này.

Con xin bày tỏ lòng tri ân đến các Thầy **Thích Quảng Trí, Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy đã khuyến tấn, thúc đẩy con nghiên cứu Phật Pháp cho chính đúng

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến các bậc Tiên Bối đã soạn dịch các Kinh Bản giúp cho tôi hoàn thành phần ghi chép này. Đồng thời tôi cũng cảm ơn em Mật Trí (**Tổng Phước Khải**) đã hỗ trợ phần tài liệu bổ sung cho tập ghi chép này.

Tôi xin chân thành cảm ơn nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong suốt thời gian soạn dịch Kinh bản.

Tôi cũng xin chân thành cảm tạ người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) là người đã chịu nhiều phần thiệt thòi và từ bỏ mọi thú vui chơi trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi bước đi trên con đường tìm hiểu Giáo Lý Giải Thoát của Đấng Phật Đà .

Cuối cùng nguyện xin các bậc ân nhân của tôi cùng với toàn thể chúng Hữu Tình trong ba nẻo sáu đường đều mau chóng vượt qua mọi chướng nạn và chứng đạt được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Hạ năm Giáp Ngọ (2014)  
HUYỀN THANH (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

## BẠCH TẢN CÁI PHẬT ĐỈNH

**Bạch Tản Cái Phật Đỉnh** có tên Phạn **Sitātapatra-uṣṇīṣa** (dịch âm là Tắt đất bát đất la Ô Sắt Nị Sa) hay **Uṣṇīṣa-sitātapatra** (dịch âm là Ô Sắt Nị Sa Tắt đất đa bát đất la). Dịch nghĩa là Bạch Tản Phật Đỉnh, Tản Cái Phật Đỉnh, Tản Phật Đỉnh, Bạch Tản Cái Phật Đỉnh.



Bạch Tản Cái Phật Đỉnh là cái lọng màu trắng của Phật Đỉnh, biểu thị cho Đức Tính **Đại Bi trắng tinh của Phật**

Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Kinh có ghi: “Lúc bấy giờ Đức Phật Thích Ca hiện thân thành **Phật Đỉnh Vương** (Uṣṇīṣa-rājan) đứng dưới cái lọng trắng, thân hình giống như một cái lọng trắng che trùm cả 3 ngàn Đại Thiên Thế Giới này”

Do Đức Tính Từ Bi tươi trắng của Phật mà Bạch Tản Cái Phật Đỉnh còn biểu thị cho sự **Dùng Tĩnh Đức của Phật che trùm tất cả Tam Giới**

Trong Mật Giáo, **Phật Đỉnh Tôn** (Uṣṇīṣa-śpaskatā) là các Tôn Hình biểu hiện cho sự tối thắng của **Phật Trí** (Buddha-jñāna) thông qua hình thái **Chuyển Luân Vương** (Cakravartin) thống lãnh 4 Châu thiên hạ do Đức Thích Ca Như Lai nhập vào **Chuyển Luân Vương Tam Ma Địa** (Cakravartti-rāja-samādhi) mà thị hiện. Các Tôn này được bố trí ở bên trái và bên phải của Viện Thích Ca trong **Thai Tạng Giới Mạn Đà La** (Garbha-dhātu-maṇḍala). Phía trái có 5 Tôn gọi là Ngũ Phật Đỉnh biểu thị cho 5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai, hay 5 Tôn này biểu thị cho Công Đức của **Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng** (Tướng nhục kế của Như Lai không thể thấy biết được)

Trong Viện này, **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh** biểu thị cho mọi tướng của Như Lai, dùng cái lọng Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh làm Bản Thệ, có tướng mạo Bồ Tát rất vui vẻ đôn nghiêm. Thân hình màu vàng. Tay trái cầm hoa sen, trên sen có cái

lọng màu trắng. Tay phải hơi gập cánh tay co đều 5 ngón ngang vai, ngón cái vịn đầu ngón trỏ. Ngồi Kiết Già trên tòa sen màu đỏ.



Về ý nghĩa của màu sắc thì:

.) Màu trắng tượng trưng cho Tâm tinh sạch, thường dùng để tu Pháp Tịch Tai (Śāntika: Túc Tai)

.) Màu vàng tượng trưng cho Phước Đức, thường dùng để tu Pháp Tăng Ích (Puṣṭika)

.) Màu đỏ tượng trưng cho Uy Đức, thường dùng để tu Pháp Hàng Phục hay Giáng Phục (Abhicāruka)

Tam Muội Gia Hình của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh là cái lọng trắng đặt trên hoa sen, biểu thị cho Bản Nguyện **Dùng tàn lọng Từ Bi trắng tươi để che chở cho chúng sinh**



Mật Hiệu của Ngài là **Đị Tướng Kim Cương**

Chủng Tử của Ngài là LAM (𑖀) có ý nghĩa là **Ánh sáng Trí Tuệ che trùm Pháp Giới chúng sinh** đồng thời chữ LAM cũng biểu thị cho chân nghĩa **Vô Tướng chẳng thể đặc** hoặc **Tất cả Pháp Tướng chẳng thể đặc**

Tướng Ấn là **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn**: Chưởng trái hơi mở các ngón tay rồi úp chưởng xuống. Tay phải nắm thành quyền, dựng đứng ngón trỏ chỉ vào tâm lòng bàn tay trái thành hình cái lọng



Trong Ấn này thì 5 ngón tay trái biểu thị cho 5 Đại của chúng sinh, còn ngón trỏ của tay phải biểu thị cho Phật Giới. Ấn này còn có ý nghĩa là **Sinh ra cái lọng Bất Nhị của Phật để che chở giúp đỡ cho chúng sinh.**

Chân Ngôn là:

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ LAM \_ SITĀTAPATRA UṢNĪṢA \_ SVĀHĀ

hoặc đọc tắt là:

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ LAM

\_ Trong Đạo Trường Kinh lại ghi thêm **Đại Ấn Căn Bản** của Bạch Tàn Cái Phật Đỉnh , dùng gia trì Pháp Lực cho Đạo Trường là: “*Chắp 2 tay lại giữa trán không (Không Tâm Hợp Chưởng) co 2 ngón vô danh vào lòng bàn tay, đặt mặt 2 ngón cái trên móng 2 ngón vô danh, co tròn 2 ngón trỏ giống như hình cái lọng*”.



Đặt Ấn ngang trái tim, tụng Chân Ngôn 7 lần xong bung Ấn trên đỉnh đầu. Chân Ngôn là:

**Năng mặc tam mãn đa bột đà nam, a bát la để hạ đa xā sa năng nẫm. Ấn. Đát tha nghịệt đồ sất ni sa, a năng phộc lộ cát đề mẫu lật đà, bạc ngật-la phộc la đề. Ấn ma ma, hồng, nễ**

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM APRATIHATA ŚASANĀNAM (Kính lễ khắp cả chư Phật và các Bậc nói Pháp không chướng ngại)

OM\_ TATHĀGATOṢNĪṢA (Quy mệnh Như Lai Đỉnh) ANĀVALOKITE MUDRA (Tuân theo Ấn Quán Chiếu) CAKRA VARTTI (Xoay chuyển bánh xe Pháp)

OM (Nhiếp triệu) MAMA (Tôi) HŪM (Thành tựu) NI (Danh Tướng tốt đẹp)

\_ Đại Phật Đỉnh Pháp có ghi thêm **Tội Chướng Trừ Ấn** là: “10 ngón tay buộc chặt nhau trong lòng bàn tay (Kim Cương Nội Phộc Quyển Ấn) co 2 ngón giữa như đỉnh kế”. Tụng Chân Ngôn là:

ॐ तद्यथा ॐ मन्त्रं मन्त्रं विसृज्य विसृज्य वृष्य वृष्य वृष्य वृष्य वृष्य वृष्य वृष्य वृष्य

TADYATHĀ : OM \_ ANALE ANALE \_ VIŚADA VIŚADA \_ BANDHA BANDHA \_ BANDHANI BANDHANI \_ VAIRA VAJRAPĀṆI PHAṬ \_ HŪM BHRŪM PHAṬ \_ SVĀHĀ

Quán chữ của Chân Ngôn này sinh ra từ miệng tràn khắp 10 phương Pháp Giới đều thành Thân Phật, mỗi một thân Phật phóng ra vô lượng ánh sáng gia trì Người Niệm Tụng. Bảy giờ thân tâm của Hành Giả an vui, đột nhiên được **Pháp Minh Đạo** (Đường lối sáng tỏ của Pháp) chẳng chuyển nhục thân, hiện chứng Bồ Đề Vô Thượng.



Theo Truyền Thống của Mật Giáo Tây Tạng thì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh được thờ phụng dưới hình thức Bạch Tản Cái Phật Mẫu.

Đức Dalai Lama đời thứ 7 (1708 \_ 1757) ghi nhận Tôn Tượng có 3 mặt 6 tay. Mỗi một mặt đều có 3 mắt. Mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh dương, mặt bên trái màu đỏ. Ba tay bên phải lần lượt cầm cái lọng, mũi tên, móc câu. Ba tay bên trái lần lượt là: Kết Ấn Phần Nộ, cầm cây cung, cầm cây kiếm. Tóc kết thành một búi ngay trên đỉnh đầu, thân đeo mọi loại trang sức quý báu, mặc quần áo lụa mềm mại, ngồi Kiết Già ở chính giữa vòng hào quang trong suốt sáng rực.



- .) Tay cầm cái lọng: biểu thị cho Tâm Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh
- .) Tay cầm mũi tên: biểu thị cho Pháp bắn các chương ác của chúng sinh khiến cho họ tìm được bạn tốt lành
- .) Tay cầm móc câu: biểu thị cho nghĩa hô triệu Thiện Thần Long Vương thường ủng hộ
- .) Tay kết Ấn phẫn nộ: biểu thị cho nghĩa giáng phục tất cả Ma Oán
- .) Tay cầm cây cung: biểu thị cho nghĩa giúp cho chúng sinh thành tựu sự nghiệp
- .) Tay cầm cây kiếm: biểu thị cho Trí Tuệ cắt đứt tất cả phiền não

Truyền Thống khác ghi nhận Tôn Tượng Bạch Tản Cái Phật Mẫu có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt, tóc kết thành một búi trên đỉnh đầu, có các vật báu trang sức. Thân khoác áo lụa mỏng, mặc quần lụa thêu hoa văn, có 8 tay. Bốn tay bên phải theo thứ tự cầm cái lọng, chày Tam Cổ Kim Cương, mũi tên, móc câu. Bốn tay bên trái theo thứ tự cầm cái bình báu, bánh xe 8 cãm, cây cung, sợi dây



- .) Tay cầm cái lọng: biểu thị cho Tâm Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh
- .) Tay cầm chày Tam Cổ Kim Cương: biểu thị cho sự giáng phục tất cả Nội Ma, Ngoại Ma, Tâm Ma
- .) Tay cầm mũi tên: biểu thị cho Pháp bắn các chương ác của chúng sinh khiến cho họ tìm được bạn tốt lành
- .) Tay cầm móc câu: biểu thị cho nghĩa hô triệu Thiện Thần Long Vương thường ủng hộ
- .) Tay cầm cái bình báu: biểu thị cho sự rưới Cam Lộ tràn khắp, ban Phước cho chúng sinh
- .) Tay cầm bánh xe tám cãm: biểu thị cho nghĩa phát Tâm Bồ Đề, được Bất Thoái Chuyển và trừ dứt nghiệp luân hồi
- .) Tay cầm cây cung: biểu thị cho nghĩa giúp cho chúng sinh thành tựu sự nghiệp
- .) Tay cầm sợi dây: biểu thị cho sự trừ khử sự sợ hãi khiến cho được an ổn



Chân Ngôn thường dùng để xưng tụng 2 Tôn Tượng trên là:  
OM \_ SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA SITĀTAPATRE (Quy mệnh Nhất Thiết  
Nhu Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HŪM PHAT (Khủng bố phá bại)  
HŪM (Tâm Bồ Đề) MAMA (Tôi) HŪM (Hộ vệ) NI (Danh tướng tốt đẹp)  
SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)







Ngoài ra các vị Đạo Sư Tây Tạng còn truyền dạy Tôn Tượng Thiên Thủ Thiên Diện Bạch Tản Cái Phật Mẫu với thân hình màu vàng, cỡi trần chỉ quấn các dải lụa màu trắng và màu xanh vòng qua vai buông rũ quanh thân. Hạ thể mặc quần lụa 5 màu: hồng, xanh lá cây lợt, đỏ, xanh dương, vàng đất có điểm hoa văn. Đeo 3 chuỗi anh lạc rũ quang cổ, ngực, bụng. Các tay đều đeo vòng xuyên, các tai đều đeo vòng khuyên. Hai tay co trước ngực, tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái cầm cây lọng trắng. Các tay còn lại đều bao quanh thân thành những vòng tròn, mỗi cánh tay đều có một con mắt. Một ngàn mắt, mỗi mắt đều có 3 mắt. Mắt chính giữa hơi nghiêng đầu về bên phải, bên trái có 2 mắt, bên phải có 2 mắt. Các đầu còn lại theo thứ tự từng cái một chông lên cao từ đỉnh đầu của mặt chính. Thân đứng duỗi chân phải, co đầu gối chân trái, cả 2 chân đều đạp trên các loại chúng sinh và tất cả đều ở trên tòa sen nhiều màu. Chung quang Tôn Tượng đều rực lửa thành hào quang bầu dục có đỉnh nhọn.



Chân Ngôn thường dùng để xưng tụng Tôn Tượng này là:

OM\_ SITĀTAPATRE PARĀJITE (Quy mệnh Bạch Tản Cái Năng Thắng)  
SARVA GRAHAM (Tất cả các Chấp) TRĀŚAYA TRĀŚAYA (3 nơi cư trú) HANA  
HANA (Đánh đập) TRŪM TRŪM (chúng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra  
tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**) HŪM HŪM (Khủng bố) PHAT PHAT (Phá  
bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Kinh **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni** ghi nhận rằng: “**Bạch Tản Cái Phật Mẫu** (Sitātapatra-buddha-mātr) có một mặt 2 tay và 3 con mắt, ngồi theo thế Kim Cương Già Phu, tay phải tác Vô Bồ Úy Ấn, tay trái cầm cái lọng trắng để ngang ngực, nghiêm sức bằng mọi thứ Anh Lạc. Thân màu trắng tinh khiết như ánh mặt trời chiếu soi trên núi Tuyết, có đủ tướng vui vẻ, hiển **Vô Tự Tính** (Không có Tự Tính)”

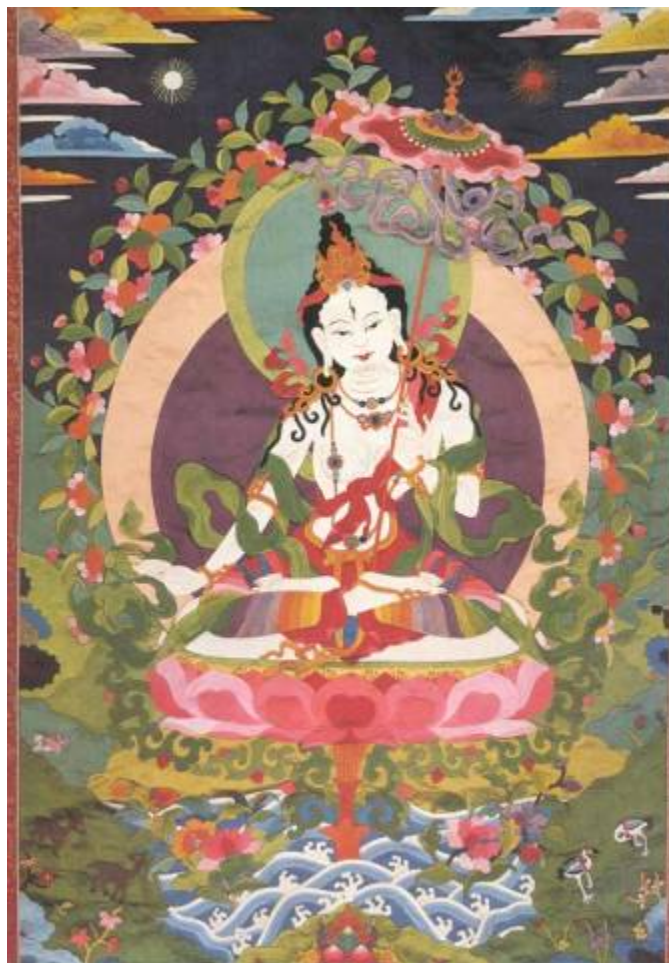
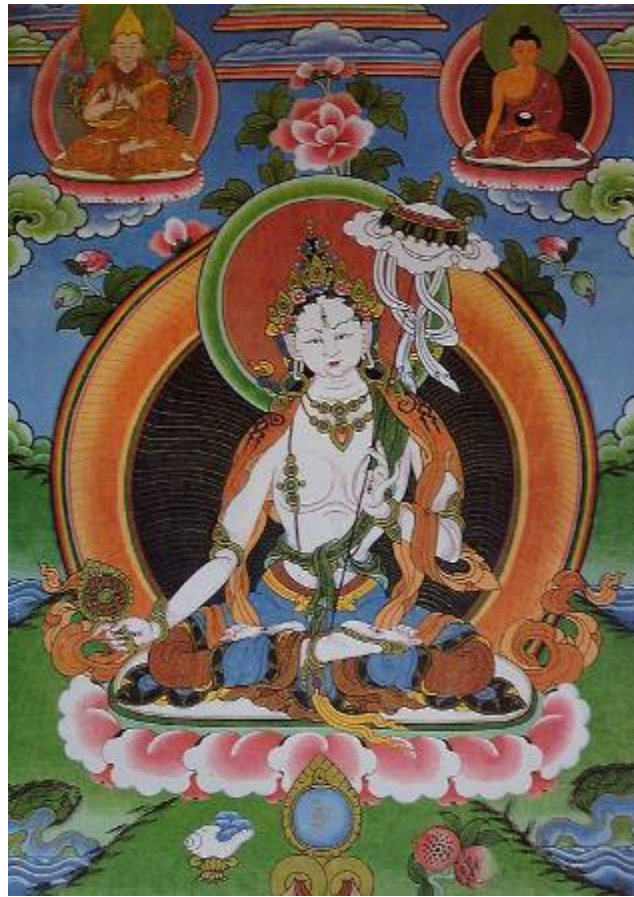


.) Thân màu trắng: biểu thị cho nghĩa dùng **Tịnh Đức của Đức Phật** che trùm khắp ba cõi

.) Tay cầm cái lọng: biểu thị cho Tâm Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh

.) Tay tác **Vô Bồ Úy Ấn**: biểu thị cho nghĩa giúp cho chúng sinh không còn sự sợ hãi





Do trong quyển thứ 7 của Bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm có ghi nhận bài **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni** (Mahā-sitātapatroṣṇīṣa-dhāraṇī) thường gọi là **Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú** (Sūraṃgama-mantra) kèm theo phương cách xây dựng Đạo Trường (Mandala), công năng lợi ích và lời thề nguyện ủng hộ giúp đỡ người tu hành của các vị Kim Cương, các vị Trời, các vị Thần, các vị Quý Vương.... Nên một số Bạch Đạo Sư đã dùng bài Chú này làm pháp tu hành cho mình và giòng phái của mình, đồng thời mở rộng thành pháp tu cho người khác, nổi bật nhất là Khóa Tụng buổi sáng **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú** được nhiều người tuân thủ tu hành.

Theo Hòa Thượng LINH NGHIÊM thì bài **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đà La Ni** này được kết hợp bởi 5 Phật Đỉnh nên có thể dùng 5 Ấn Chú của 5 Phật Đỉnh để gia trì Pháp Lục

1) **Kim Luân Phật Đỉnh Ấn:** Kèm 2 bàn tay dựng thẳng đứng, co 2 ngón cái (2 lòng tay ngang bằng nhau) sao cho đầu ngón dính nhau ở trong lòng bàn tay.



Đặt Ấn ngang trái tim, tụng Chân Ngôn là:

**Bột-lỗ Ấn**

ॐ

BHRŪM

2) **Phổ Thông Thành Tựu Phật Đỉnh Ấn:** Hai tay kết Hư Tâm Kim Cương Hợp Chưởng như hoa ở ngay trong chưởng, tụng Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

**Ấn\_Sa ngật-la vạt đề, án, hồng**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ CAKRA VARTTI – OM HŪM

3) **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn:** Hai ngón cái vịn trên 2 móng ngón vô danh cùng hợp nhau, co 2 ngón trở như hình cái lọng, hơi co 2 ngón giữa lại.



Chân Ngôn là:

**Ấn\_Ma ma nặc**

ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ MAMA NIḤ



Trước mặt Như Lai ở phương Đông, ánh sáng trong bánh xe màu đỏ hiện ra **Quang Tụ Phật Đỉnh Luân Vương**, tay kết Như Lai Đỉnh Ấn phóng ra đám ánh sáng lớn, ngồi trên hoa sen đỏ.

Bên góc phải Đức Như Lai (hướng Đông Nam) trong bánh xe màu vàng hiện ra **Nhất Thế Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm hoa sen vàng, phóng ra ánh sáng màu vàng, ngồi trên hoa sen này

Bên phải Đức Như Lai (phương Nam) trong bánh xe màu trắng hiện ra **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm cái lọng trắng, phóng ra ánh sáng trắng, ngồi trên hoa sen trắng

Phía sau Đức Như Lai, bên góc phải (hướng Tây Nam) trong bánh xe nhiều màu hiện ra **Thắng Đỉnh Luân Vương**, tay cầm cây kiếm sắc bén, phóng ra ánh sáng nhiều màu, ngồi trên hoa sen đủ màu.

Phía sau Đức Như Lai (phương Tây) trong bánh xe màu đỏ hiện ra **Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm hoa sen đỏ, bên trên hoa có cái móc câu, phóng ra ánh sáng màu đỏ, ngồi trên hoa sen đỏ

Phía sau Đức Như Lai, bên góc trái (hướng Tây Bắc) trong bánh xe màu xanh hiện ra **Thanh Sắc Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm chày Kim Cương ba chia (Tam Cổ Kim Cương) phóng ra ánh sáng màu xanh, ngồi trên hoa sen xanh.

Bên trái Đức Như Lai (phương Bắc) trong bánh xe màu xanh lục hiện ra **Nhất Tụ Tối Thắng Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm bánh xe vàng 8 cãm, phóng ra ánh sáng màu xanh lục, ngồi trên hoa sen màu xanh lục.

Trước mặt Đức Như Lai, bên góc trái (hướng Đông Bắc) trong bánh xe màu tím hiện ra **Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh Luân Vương**, tay cầm vỏ ốc trắng, phóng ra ánh sáng màu tím, ngồi trên hoa sen tím.

Như thế 8 phương Phật Đỉnh, mỗi vị đều phóng ra ánh sáng theo mỗi phương, đều có 8 hàng hà sa câu chi Phật vây quanh và ngồi trên tòa sen có màu theo Bản Phương, các vị đều có một câu chi côi Phật và trên đỉnh đầu đều có cái lọng che.

Khi ấy tất cả Phật Đỉnh Luân Vương ngồi ở 8 phương, các vị đều hiện ra tướng của 8 Phật Đỉnh Luân Vương xong. Thời Đức Thế Tôn lại hiện 7 báu quyến thuộc: Người nữ báu, con ngựa báu, Chủ Tàng Thần báu, bánh xe báu, con voi báu, Ngọc Như Ý báu, bình báu... vây chung quanh bốn mặt bánh xe lớn (Đại Luân)

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nhập vào Câu Triệu Tam Ma Địa, câu triệu khắp hết Hư Không Pháp Giới. Vì muốn an lập tất cả Hữu Tình mau được Vô Thượng Bồ Đề, vì muốn ở trong sinh tử chứng được Phật Thân. Thời 10 phương câu chi chư Phật nghe tiếng câu triệu của Nhất Thế Phật Đỉnh Luân Vương, liền ở trong Định hiện ra Thần Thông, tuôn mưa các hoa báu, vòng hoa báu, hương báu, đèn báu.... Cho đến Hư Không Pháp Giới Đại Kim Cương Phong Lô Các ở trong hư không tự lại rồi nói rằng: *“Thế Tôn! Sao không nói Pháp 10 chữ khiến cho tất cả Hữu Tình hiện đời mau chứng Phật Thân?”*

Lúc đó Nhiếp Nhất Thiết Phật Đỉnh Vương nghe lời nói này, vì muốn hiện đại thần thông, muốn nói căn bản nơi tu hành chứng đắc của chư Phật, các Pháp tu hành của chư Phật quá khứ, các Pháp tu hành của Phật hiện tại, các Pháp tu hành của chư Phật vị lai khiến cho kẻ trai lành người nữ thiện chỉ trong đời này không chuyển nhục thân mà hay làm việc Phật lớn lao, vì lợi ích các Hữu Tình được thành Thân Phật. Liền nói **Kim Cương Xí Thịnh Quang Minh Phật Đỉnh Luân Vương Tự Tại Thập Tự Chân Ngôn** là:

NAMO VAIROCANĀYA

NAMO BHAGAVATOṢṆĪṢĀYA

ĀḤ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BUDDHĀ BUDDHA BUDDHA  
 TRŪM BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 TRŪM BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 DHRŪM BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 DRŪM BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 HRŪM BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 ŚRŪM BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BUDDHŪM BUDDHA BUDDHA  
 SRŪM BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BHRŪM BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 HŪM BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 BUDDHA BUDDHA BUDDHA  
 (Dị Bản của bài Chú này đã được ghi ở phần trên)

Riêng Kinh **Đại Bạch Tán Cái Đà La Ni** có ghi nhận thêm 5 Tiêu Chú mà Thần Chú Lăng Nghiêm không có là:

1) **Đại Bạch Tán Cái Phần Nộ Kim Cương Khiển Ma Ủng Hộ Chú :**

TADYATHĀ (Liên nói Chú là) OM (Quy mệnh) ṢṬOM (Chủng tử) BANDHA  
 BANDHA (Cột trời) MAMA (Tôi) RAKṢA RAKṢA MĀM (Ủng hộ thủ hộ tôi)  
 OM (Nhiếp triệu) HŪM ṢṬOM (Chủng tử) BANDHA BANDHA (Cột trời)  
 VAJRA MAMA (Đấng Kim Cương của tôi) RAKṢA RAKṢA MĀM (Ủng hộ thủ hộ  
 tôi) VAJRAPĀṆIYE (Kim Cương Thủ Đấng) HŪM PHAṬ (Khủng bố phá bại)  
 SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

2) **Đại Bạch Tán Cái Thường Hằng Trì Tâm Chú:**

OM SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh)  
 AVĀLŌKITEC (Tuân theo sự quán chiếu) URNATE (Bạch Hào tướng) JVALASĪ  
 (Quang Minh)

OM (Nhiếp Triệu) JVALA JVALA (Phóng quang) DHAKA DHAKA (Uy  
 quang) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Giáng phục khắp)  
 CCHINDHA CCHINDHA (Cắt đứt) BHINDHA BHINDHA (Xuyên thấu) HŪM  
 HŪM (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là **Phật Đỉnh Tâm Chú:**

**Namo sarva-jñāya**

**Om tathāgatoṣṇīṣa** (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrḍha  
 tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūṃ** (thành tựu) **jvala  
 jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda  
 cchinda, bhinda bhinda, hūṃ phaṭ phaṭ svāhā**]

**3) Đại Bạch Tản Cái Tăng Trưởng Thân (Gần gũi) Thân (Thẻ xác) Chú:**  
OM SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh) HŪM  
(Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

**4) Đại Bạch Tản Cái Nhiếp Thọ Chú:**  
TADYATHĀ (Liên nói Chú là) ANALE ANALE (Ngọn lửa linh thiêng)  
KHASAME KHASAME (Thôi thúc tôi, thúc đẩy tôi) VAIRE VAIRE (Tinh tiến  
dũng mãnh) SOME SOME (Rượu bắt tử, sự tốt lành) SARVA BUDDHA  
ADHIṢṬHANA (Thần lực của tất cả chư Phật) ADHIṢṬATE (Gia tri) SARVA  
TATHĀGATOŚNĪṢA SITĀTAPATRE (Tất cả Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái)  
HŪM (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

**5) Đại Bạch Tản Cái Kiên Giáp Chú :**  
HŪM (Tâm Bồ Đề) MAMA HŪM (Hộ vệ cho tôi) NI (Danh tướng tốt đẹp)  
SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

\_ Bản ghi nhận của Ngài Tây Khang **Nặc Na** Hồ Đồ Khắc Đồ có đôi chỗ sai khác  
(Tham khảo ở phần Kinh Bản). Ngoài ra Ngài **Nặc Na** còn truyền thụ riêng bài **Lăng  
Nghiem Trường Chú** là:

NAMO GURUBHYAḤ (Quy mệnh Thượng Sư Đẳng)  
NAMO BUDDHĀYA (Quy y Phật Đẳng)  
NAMO DHARMĀYA (Quy y Pháp Đẳng)  
NAMO SAṄGHĀYA (Quy y Tăng Đẳng)  
HŪM (Hộ vệ khắp) BHAGAVAN STHATHĀGATOŚNĪṢA SITĀTAPATRAM  
(Xuất Hữu Hoại Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu)  
MAHĀ VAJROŚNĪṢA MAHĀ-PRATIYUṆḠIRE (Đại Kim Cương Đỉnh Kế Đại  
Quýnh Già Mẫu) SAHASRA ŚĪRṢAI [Thiên diện (Đầu) Thánh Mẫu] KOTI-ŚATA-  
SAHASRA NETRE (Thiên Vạn Nhãn Thánh Mẫu) ABHEMDYA JVALATA  
NAṬANAKA MAHĀ-VAJRODĀRA (Cụ Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng  
Đại Bạch Mẫu) TRBHUBANA MAṆḌALA (Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu)  
ALAKṢNA GRAHĀ (Ma không có tướng) LAKṢNA GRAHĀ (Ma có tướng)  
PRACAKRA BHAYA (Nạn do quân binh xú khác gây ra) RAKṢA RAKṢA MĀM  
SARVA SATVĀNĀMCA (Ủng hộ thủ hộ cho tôi và tất cả chúng sinh)  
OM (Quy mệnh) AṢITA ANALARKA (Hào quang trắng rõ ràng) PRABHA  
SPHUṬAVIKA (Hiện hiện lửa tối sáng) SITĀTAPATRE (Bạch Tản Cái)  
OM (Nhiếp triệu) JVALA JVALA (Phóng quang) KHĀDA KHĀDA (Ăn nuốt,  
tàn phá, tiêu hủy) HANA HANA (Đánh đập) DAHA DAHA (Thiêu đốt) DARA  
DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Giáng phục khắp) CCHINDHA  
CCHINDHA (Cắt đứt) BHINDHA BHINDHA (Xuyên thấu) HŪM HŪM (Khủng bố)  
PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)  
TADYATHĀ (Như vậy) OM (Nhiếp triệu) ANALE ANALE (Ngọn lửa linh  
thiên) KHASAME KHASAME (Thúc đẩy tôi) VAIRE VAIRE (Chống lại 2 loại  
chướng) SOME SOME (Cát tường) ŚĀNTI ŚĀNTI (Tịch tĩnh, bình yên) DĀNTE  
DĀNTE (Kiểm soát điều chỉnh) VIŚUDDHE VIŚUDDHE (Khiến cho thanh tịnh)  
VĪRE VĪRE (Tinh tiến dũng mãnh) DEVI (Thiên Nữ) VAJRADHĀRI (Kim Cương  
Trì Nữ) BANDHA BANDHA (Cột trói) VAJRAPĀṆI (Kim Cương Thủ) PHAṬ (Phá  
bại)  
OM (Nhiếp triệu) HŪM HŪM (Thành tựu) TRŪM ṢṬOM (Chủng tử) PHAṬ  
(Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)



HŪM TRŪM (Chứng tử) BANDHA (Cột trời) PHAṬ (Phá bại) VATAGALA (Nhìn xuống) ŚRUTA (Nghe biết) ŚAŚIG (Nguyệt quang tối thắng) SVĀHĀ (Thành tựu)

OM SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA SITĀTAPATRE (Quy mệnh nhất thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HŪM (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) HŪM (Tâm Bồ Đề) MAMA HŪM (Hộ vệ cho tôi) NI SVĀHĀ (Quyết định thành tựu danh tướng tốt đẹp)

13/06/2013

BẠCH TẢN CÁI ĐẠI PHẬT ĐỈNH VƯƠNG  
TỐI THẮNG VÔ TỶ ĐẠI UY ĐỨC KIM CƯƠNG  
VÔ NGẠI ĐẠI ĐẠO TRƯỜNG ĐÀ LA NI  
NIỆM TỤNG PHÁP YẾU

Hán dịch: Vajrayāna VÔ ĐĂNG

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh khắp Pháp Giới  
Trần Sát các Như Lai  
Hóa Tướng Tôn kỳ đặc  
Giòng Phật Đỉnh tối thắng  
Kính lễ Bạc Đại Bi  
Chúng Bồ Tát cầm hoa  
Tĩnh trừ nghiệp chướng cầu  
Lợi khắp các Hữu Tình  
Quy y Bí Mật Chủ  
Kim Cương Thủ Tạng Vương  
Theo Phật nhận gian khó  
Hộ trì cho tất cả  
Chúng Đại Tiên, Minh Tôn  
Hàng Thanh Văn, Duyên Giác  
Trời, Rồng, A Tô La  
Ngày đêm thường cung kính  
Đại Bạch Tản Cái này  
Che khắp cả Đại Thiên  
Thần biến lia tư nghị  
Hư Không không chướng ngại  
Chư Phật hoặc ca ngợi  
Gọi **Đại Phật Đỉnh Vương**  
Nhân đây chứng Bồ Đề  
Hay chuyên Pháp vô thượng  
Chúng Thánh cùng du học  
Con cũng tùy thuận tu  
Nghĩa toát lược bí yếu  
Hoặc nguyện xin gia hộ  
Dùng **Hồng** (Hūm) vào Đạo Trường  
Ngửa mặt quán chư Phật  
Trước dùng **Tịnh Tam Nghiệp**  
Ngộ **Bản Tính không dơ**  
Thân, Vật đều trong sạch  
Thê đồng chư Như Lai  
Trần đầy khắp Hư Không  
Vận tâm kính lễ khắp  
Sám hối vô biên tội  
Đồng quy Pháp Tính Không

Khuyến Thịnh các Như Lai  
Thường trụ Thế chẳng diệt  
Tùy hỷ Phước Trời Người  
Lợi ích khắp quần sinh  
Hồi Hương dùng nhất tâm  
Cùng phát **Tát Bà Nhã** (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí)  
Phát Nguyện từ nay trở về sau  
Thường được Quảng Hạnh Bồ Tát Đạo  
Tĩnh Khí Thế Giới Chân Ngôn là :

“**Năng mặc tát phộc bột đà mạo địa tát đất phộc. Ấn thuật điện nổ thú đà năng dã, sa-phộc hạ**”

NAMAḤ SARVA-BUDDHA-BODHISATVA\_ OM ŚUDDHE ANUSUDDHANĀYA SVĀHĀ

Đại Thanh Tịnh Minh này thông dụng cho Như Lai Bộ. Thoạt tiên dùng Táo Sái (Phép tẩy rửa bằng cách rưới nước) liên kết phòng thất niệm tụng. Do tụng xong 7 biến thì ba Nghiệp Thân, Khẩu, Ý cho đến khắp cả Pháp Giới, tất cả đều thanh tịnh

Tiếp nên Phổ Lễ tất cả Như Lai

Chân Ngôn là: “**Ấn\_ Tát phộc đất tha nghiệp đa bá na, mẫn đà năng nam ca lô nhĩ**”

OM\_ SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK CITTA VANDĀNĀM KARĀ- UMI

Do tụng Chân Ngôn 3 lần, vận tâm đồng Pháp Giới tràn khắp cõi vi trần, việc lễ đều viên mãn

Tiếp Sám Hồi Vô Thủy Tội Chướng Chân Ngôn là :

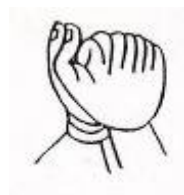
“**Ấn\_ Tát phộc bá bà na hạ năng phộc nhật-la dã, sa-phộc hạ**”

OM\_ SARVA PĀPA DAHANA VAJRĀYA\_ SVĀHĀ

Do tụng Chân Ngôn 3 lần, Sám Hồi tất cả lỗi. Tội Vô Gian như cỏ bị đốt cháy hết không còn sót

Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tất cả Bồ Tát với Đại Chúng rằng: “Này Thiện Nam Tử! Các ông nên thọ nhận 10 Tam Ma Địa sinh ra từ tất cả Như Lai là: Vô Tỷ Siêu Thắng, Nhất Thiết Như Lai Trụ Chân Ngôn Thân, Nhất Thiết Như Lai Tộc, Chân Thật Đại Ấn Chân Ngôn, Vô Tỷ Quang Thân Thông, Duyên Sinh Vô Biên Kỳ Đặc Đại Uy Thần, Năng Sinh Nhất Thiết Bồ Tát, Năng Tội Phục Nhất Thiết Câu Đề Ma Chúng, Nhiếp phục tất cả người khó điều phục, Khởi nơi tâm Từ thấy hay làm tất cả sự nghiệp lợi ích chúng sinh.

Nay nói Đại Ấn. Tiếp, đối diện Bản Tôn ngồi theo thế Du Già, dùng dầu thơm xoa tay kết **Chư Phật Bồ Tát Kim Cương Tam Muội Gia Ấn**. Hai tay cùng cài bên trong thành Quyền, Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi thẳng. Tùy câu cú tụng Chân Ngôn, đem Ấn đặt ở đỉnh đầu. Đây là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Đại Ấn**.



\_ Tiếp, co Trí (Ngón cái Trái) vào trong lòng bàn tay. Đây là **Trì Liên Mật Ấn**. Tỳ câu cú tụng Chân Ngôn, dờn Ấn đặt bên phải đỉnh đầu



\_ Tiếp, co Thiên (Ngón cái phải) vào trong lòng bàn tay. Rút Trí Độ (Ngón cái trái) ra và duỗi thẳng. Đây là **Mật Ấn** sở trì của tất cả Kim Cương Tộc. Tỳ tụng Chân Ngôn Cú, dờn Ấn đặt bên trái đỉnh đầu.



Tất cả cùng một Minh, 3 Bộ thầy đầy đủ. Chân Ngôn là :

**“Năng mặc tát phộc bột đà mạo địa tát đát phộc nam. A vĩ la hồng khiêm”**

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVĀNĀM\_ A VIRA HŪM KHAM

Do kết Đại Ấn của tất cả Như Lai Đẳng, dùng Tâm Chân Ngôn của Đại Cần Dũng, Pháp chân thật của tất cả Như Lai gia trì cho nên hết thầy hay giải thoát: Địa Ngục, Bàng Sinh, Diêm Ma, nẻo ác. Hay khiến tất cả Bồ Tát, Thánh Chúng. Hay Triệu chư Thiên, Phạm Vương, Đế Thích, Dạ Ma, Thủy Thiên, Câu Vĩ La... Hàng Bồ Tát 10 Địa và hàng Đại Tự Tại còn có thể Thánh Triệu được hưởng chi là hàng khác.

\_ Tiếp, kết **Kim Cương Giáp Trụ Hộ Thân Ấn**. Hai Vũ (2 bàn tay) kết Câu Quyền. Tay trái để nằm ngang, ngửa dưới rốn, trái tim, my gian (Tam Tinh) yết hầu, đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là :

**“Năng mặc tam mãn đa bột đà nam. Ấn, bộ, nhập phộc la, đế nhạ hồng”**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM BHUḤ JVALA TEJA HŪM

Dùng Giáp Trụ Minh này, người tu hành nên ấn khắp cả thân mình liền thành Đại Gia Hộ. Trong tất cả Phật Đỉnh, Ấn này có uy đức lớn, chư Ma chẳng thể lấn hiếp. Mặc áo Giáp giống như vị vua hay thành tất cả việc, mau chóng được Tất Địa.

\_ Tiếp nên kết Đại Luân Ấn Kim Cương Luân.

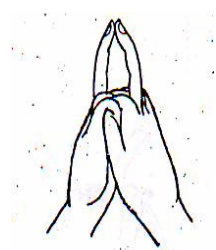
\_ Tiếp, kết Vô Năng Thắng Đại Ấn, Minh Vương Tịch Trừ Ma Chướng Ấn. Nên quỳ gối phải, giữ thẳng gối trái. Tay trái hướng ra phía sau tác Đáp Khế. Quyền phải dựng thẳng ngón trở để ngang trái tim. Lấn thân về phía trước mặt là thành hình trạng. Chân Ngôn là :

**“Năng mặc tam mãn đa bột đà nam. Ấn\_ Thi lỗ, thi lỗ, chiến noa lý, ma đặng đề, sa-phộc hạ”**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM HURU HURU CAṆḌARI MATANĠI SVĀHĀ

**Vô Năng Thắng Đại Minh Vương** là nơi mà Đức Phật đã nói, hay nghiền nát tất cả Ma, hay tịch trừ các điều chướng kể cả **Đại Lực Dục Tự Tại** (Mahā-bala Kāmeśvara), **Thế Gian Ma Quân Vương** (Loka-Māra-sena-rāja), **Ba Tuần** (Pāpān)... cũng được tự tại. Bậc Đại Uy Đức của Thế Thiên, vô lượng Câu Đề Ma khiến muôn gây điều chướng ngại thì hóa hiện muôn loại tướng trạng, hình Ma Quân đáng sợ. Do kết Ấn tụng Minh cho nên tất cả tự nhiên lui tan. Vì thế nên dùng làm Gia Trì, thành tựu Pháp Phật Đỉnh. Ở nơi đại chướng thường được đại gia hộ.

\_ Tiếp, kết **Ngưỡng Thỉnh Ấn**. Hai Vũ (2 bàn tay) cài bên trong thành Quyền, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) duỗi thẳng hợp nhau rồi co lỏng trên như móc câu, đưa qua đưa lại thành Ngưỡng Thỉnh.



Phổ Thông Phụng Thỉnh Nhất Thiết Phật Đỉnh Vương Chân Ngôn là :

**“Năng mạc bà nga phộc đồ ồ sát ni sáp dã, ê hê duệ tứ, bà nga noan đạt ma ma la nhạ, bát-la để sai năng ma la-già đà, bồ sáp-ba độ ma mặt-lân tả hàm, giả tích-la khất-sái, bát-la để hạ đa, ma la phả-la ngọt la ma dã, sa-phộc hạ”**

NAMAḤ BHAGAVATE UṢṆĪŚĀYA EHYEHI BHAGAVAM DHARMA-RĀJA PRATĪCCHA NAMĀRGHATA PUṢPA, DHŪPA, BALIMSYA MAṂCA CAKRĀKṢA APRATIHATA MARA PRĀKRAMAYA SVĀHĀ

Kết Ấn tụng Minh 3 lần cảnh giác tất cả Phật, ngưỡng thỉnh các Như Lai thấy đều giáng phó.

\_ Tiếp, kết **Quang Tự Ấn**. Đàn Tuệ (2 ngón út) kèm nhau duỗi thẳng, Giới Phương (2 ngón vô danh) co lỏng trên đỉnh đầu ngón, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) cùng hợp bên chắc, Tiến Lực (2 ngón trỏ) co lại dính nhau và đè trên đầu ngón Thiên Trí (2 ngón cái), xoay cột buộc thành Kết Giới.



Chân Ngôn là :

**“Năng mạc tam mãn đa bột đà nam, a bát-la để hạ đa xả sa năng nam. An Đát tha nghiệt để đồ sát nga sa, a năng phộc lộ chỉ đá, mộ lật đà năng đế, phộc la thi, hồng, nhập-phộc la nhập-phộc la, đà ca đà ca, vĩ đà ca vĩ đà ca, nại la nại la, vĩ đà la vĩ đà la, đồ na đồ na, tần na tần na, hồng hồng, phán tra phán tra, sa-phộc hạ”**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIHATA-ŚASANĀNĀM OM TATHĀGATA-UṢṆĪŚA ANĀVALOKITEC ŪṚṆATE JVALASĪ HŪM JVALA

JVALA, DHAKA DHAKA, VIDHAKA VIDHAKA, DARA DARA, VIDARA VIDARA, CCHINDHA CCHINDHA, BHINDHA BHINDHA, HŪM HŪM PHAT PHAT \_ SVĀHĀ

Nếu dùng Hộ Thân tức là Tam Cổ Kim Cương Xử Án.



Nếu thỉnh triệu Bản Tôn liền dùng Xử Án. **Cổ**: 2 ngón trỏ là 2 móc câu đi qua lại. Đại Phật Đỉnh Vương này hiệu là Quang Minh Tự, lửa hùng hực mạnh mẽ như hang động của kiếp hỏa. Xong uy lực khó luận bàn, hay tở hoại tất cả **Thiên Ma** (Deva Māra), chúng Ngoại Đạo, **Ma Hê Thấp Phộc La** (Maheśvara: Đại Tự Tại), Đại Lực Na La Diên và các hàng chư Thiên khác, kể cả Thần Thông của tất cả nhóm ấy cũng đều diệt hết không còn sót. Trì Minh Đại Bồ Tát, Mã Đầu Minh Vương.... Khai tụng Chân Ngôn này thì uy quang như lửa tự. Nơi Phật Đỉnh Bộ diệt trừ các chương nạn trong 12 Do Tuần hoặc là Đại Kết Giới Địa.

\_ Tiếp, kết **Biện Sự Án**. Hai Vũ (2 bàn tay) cài bên trong thành Quyền, Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) duỗi co hợp nhau thì hay thành biện tất cả.



Xoay bên trái 3 vòng là thành. Biện Trừ Chân Ngôn là :

“**Nãng mạc tam mãn đà bột đà nam. Tra-lỗ-hồng, mãn đà mãn đà, hồng phán tra phán tra, sa-phộc hạ**”

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ ṬRŪM BANDHA BANDHA HŪM HŪM PHAT PHAT \_ SVĀHĀ

Biện Sự Chân Ngôn này là Tâm của tất cả Phật Đỉnh. Do duyên ức niệm (ghi nhớ) cho nên loài gậy chướng ở dưới nước trên cạn , tất cả muốn gây tổn hại thì hết thấy bị cấm khẩu. Kết Án đặt ở trái tim và gia trì 5 nơi.

\_ Tiếp, kết Liên Hoa Án như hoa sen tám cánh nở, là Tòa ngồi của chư Phật Như Lai.



chí Tâm phụng hiến, tụng 7 lần Chân Ngôn :

“**Năng mặc tát phộc bột đà mạo địa tát đất-phộc nam. Án, Hồng ca ma la dã, sa-phộc hạ**”

NAMAḤ SARVA-BUDDHA-BODHISATVĀNĀM\_ OM HŪM KAMALĀYA SVĀHĀ

Do sự phụng hiến này mà chư Phật nhận Tòa ngời. Ngày sau Hành Giả sẽ đạt được Tòa Kim Cương thắng diệu.

\_ Tiếp, kết **Ú Giã Quảng Đại Chân Thật Cúng**. Nơi chỗ đứng dùng hương, hoa trắng mà thành tâm phụng hiến. Liền nắm Kim Cương Quyển. Dụng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) hợp đầu ngón, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) sau lưng vừa vặn khớp góc Tiến (ngón trỏ Phải). Chân Ngôn là :

“**Năng mặc bà nga phộc đồ sắt-ni sái. Ê hàm hưởng đàm , bổ sáp-ba, độ ẩm, vị cảnh nễ bán giả, bát-la để sai, hạ la hạ la. Tát phộc bộ đà địa sắt xỉ đế, đạt ma la nhạ, bát-la để hạ đá sã, sa-phộc hạ**”

NAMO BHAGAVATE UṢŪṢĀ \_ IDĀM ARGHAM PUṢPA DHŪPE GHANDHA NAIVYVEDYE PAṢCA PRATĪCCHA HĀRA HĀRA SARVA BUDDHA ADHIṢṬITE DHARMA-RĀJA APRATIHAṬĀYA SVĀHĀ

Do tụng Chân Ngôn này phụng hiến Như Lai cho nên khắp mọi cõi vi trần đều thành chúng Diệu Cúng.

\_ Tiếp, kết **Phật Nhân Án**. Trong tất cả Phật Đỉnh nên dùng Đại Án này, thanh tịnh mà thọ trì, tối thắng diệt các tội. Nơi các Phật Đỉnh Vương thường kết Án Khế này, quyết định được Tất Địa chẳng bị thiếu sót, hết thấy thành tựu tất cả Phật Pháp. Giả sử gom chứa Phước trong 100 Kiếp, nếu được Án Minh này thì được Phước bằng nhau. Phật Nhân Chân Ngôn này hay thành tựu tất cả sự nghiệp, là nơi thọ trì của 10 Câu Đề Phật Như Lai. Do duyên ức niệm Minh thì tất cả Thánh Tiên đều hiện, tất cả Chân Ngôn Giáo Pháp đều được thành tựu. Đứng trước sự bạo ác, sân oán nên tụng thì sẽ được vui vẻ. Các Quỷ Thần ác khó điều phục sẽ tùy thuận giảng phục. Ở nơi đấu tranh, tụng thì tất cả đều vắng lặng. Sau đó tụng 7 biến sẽ mau chóng thành chứng nghiệm.

\_ Tiếp, kết **Kim Luân Phật Đỉnh Nhất Tự Vương Án**. Hai Vũ (2 bàn tay) cài bên trong thành Quyển. Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) kèm nhau duỗi hợp rồi co lỏng thứ ba, mở Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi co đầu ngón. Bình đẳng duỗi Thiên Trí (2 ngón cái).



Tụng 7 lần Chân Ngôn là :

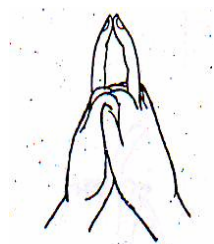
“**Năng mặc tam mãn đa bột đà nam. Án, bộ-lỗ-án**”

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM BHRŪM

Chân Ngôn này là sở thuyết của hàng hạ sa số lượng Như Lai. Phật hiện tại đang nói, Phật vị lai sẽ nói. Án này gọi là Đại Án, tên là **Đỉnh Luân Vương**. Án này tức là Phật, lợi ích các Hữu Tình. Do uy đức lớn của **Minh** (Vidya) chế phục các Hiền

Thánh, ở trong 5 Do Tuần khiến các Tôn khác chẳng thể giáng hiện. Các Bồ Tát 10 Địa còn mê muội trước Bản Chủ hướng chi các loại Chú nhỏ khác làm sao có thể hiện Thần Lực được. Nếu ở đây kết Ấn Xứ thì các Ác Quỷ và loài gây chướng chẳng dám trú ngụ. Nếu xung dương lực Công Đức thì trong 100 Câu Đề Kiếp, 1000 hằng sa Kiếp cho đến vô lượng vô số hằng hà sa Kiếp cũng chẳng thể nói hết Công Đức và Phước Lợi của Chú này. Bậc Trí nếu thọ trì thì thường chẳng bị bại hoại. Như Lai Đại Sư nói: “*Chẳng có thể ca ngợi hết được*”. Ở nơi Pháp tu Phật Đỉnh sẽ mau chóng được thành tựu.

\_ Tiếp, kết **Phổ Thông Nhất Thiết Phật Đỉnh Thành Tựu Ấn**. Hai Vĩ (2 bàn tay) cài bên trong thành Quyền. Duỗi thẳng Nhãn Nguyện (2 ngón giữa) cùng co lỏng trên là Phổ Thông Nhất Thiết Dụng.



Tụng Chân Ngôn 7 lần. Ấn ở trên đỉnh đầu bung tán.

“**Năng mạc tam mãn đa bột đà nam. Ấn, noa-lỗ-án, mãn đà, sa-phộc hạ**”

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ OM DHRŪM BANDHA SVĀHĀ

Do Ấn này như quán thấy chư Phật. Do uy đức của Minh này nên các loài Dục Xoa khó điều phục, chúng Rồng với Tu La, tất cả La Sát ác và các Ma La thấy đều kinh sợ và tiêu tan hết. Nếu có được Thủ Ấn này thì có thể hộ cho các sự an lạc. Ở nơi vua chúa Thế Gian... thường được lợi ích. Muốn cầu điều Pháp Lợi thì quyết định đạt được. Ấy là quả báo thành tựu của Phổ Thông Chân Ngôn Vương.

\_ Tiếp, kết **Nhất Thiết Phật Biến Phú Đại Thiên Thân Bất Biến Kỳ Biên Tế Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Vương Đại Ấn** hoặc kết **Bách Úc Chư Phật Đồng Tâm Ấn**. Tụng Đại Chân Ngôn 7 lần.

\_ Tiếp kết **Đại Ấn Căn Bản của Bạch Tản Cái**. Chắp 2 tay lại giữa rỗng. Co Giới Phương (2 ngón vô danh) vào lòng bàn tay, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) lại khiến thành hình tròn. Đây là **Bạch Tản Cái Ấn**.



Tụng Chân Ngôn 7 lần rồi bung Ấn trên đỉnh đầu. Chân Ngôn là :



“**Năng mặc tam mãn đa bột đà nam, A bát-la đề hạ đa xá sa năng nam. An, đát tha nghiệt đồ sắt-ni sa, a năng phộc lộ cát đế, mẫu lật-đà bạt ngật-la phộc la đề. An, ma ma hồng nễ**”

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIHATA-ŚASANĀNĀM\_ OM  
TATHĀGATA-USŪNĪṢA ANĀVALOKITE MUDRA-CAKRA-VARTTI \_ OM  
MAMA HŪM NI

Đại Phật Đỉnh Vương này thù thắng không có hàng nào có thể ngang bằng, là lực Đại Bi của Phật, tuôn ra tiếng rống của Sư Tử, tất cả Phật gia trì, Đại Bi soi chiếu ưu ám, biết Vô Cấu thâm sâu khiến tác mọi cát tường, Bồ Tát với chư Thiên chẳng thể làm bại hoại, đắc được Bất Thoái Chuyển, tất cả đều an vui, mọi độc chẳng thể gây thương tật, Trời Rồng chẳng thể lại gần hại. Nếu tô vẽ và tụng trì sẽ mau chóng chứng Tất Địa.

\_ Tiếp, trì Niệm Châu. Gia trì 7 biến rồi nâng lên đỉnh đội, xong mới niệm tụng 108 biến hoặc 1080 biến. Lấy tràng hạt đặt ở Bản Xứ

\_ Lại kết Bản Tôn Ấn, trụ ở Tam Ma Địa, ca ngợi Công Đức Phật, cúng dường hiển như trước.

\_ Lại kết Tam Muội Gia hộ thân, lễ Phật rồi lui ra.

Niệm Chân Ngôn Ấn. Dùng 2 tay, đem Thiên Trí (2 ngón cái) đều vịn móng Giới Phương (2 ngón vô danh) đè lên móng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa), co Tiến Lực (2 ngón trỏ) phía sau Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) niệm châu mà niệm tụng.

Nếu muốn trụ Phật Nghi thì làm Tòa Dũng Kiên, ngay thẳng thân mình ngồi Kiết Già, kết Ấn Phật Khất Đê. Tay trái ngửa lòng bàn tay lên trên, tay phải bên ngoài dùng Kiên Chương, đem Thiên (Ngón cái phải) nắm móng Giới (ngón vô danh phải), đem Tiến (ngón trỏ phải) co sau lưng Nhẫn (ngón giữa phải). Tụng Chân Ngôn 7 lần, xong nhập vào Tam Ma Địa. Chân Ngôn là :

“**Năng mặc tam mãn đa bột đà nam. Vĩ nhạ duệ, ma hạ thước khất-đề đà dã, hồng, phán tra, trà-nga-lô-hồng, phán tra, sa-phộc hạ**”

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VIJAYE MAHĀ-ŚĀKTI DHĀYA  
HŪM PHAṬ ṬRŪM PHAṬ SVĀHĀ

Nếu kết Ấn, chẳng ai có thể đoạt được uy lực ấy. Khiến cho đời này và đời khác đắc được lực Như Lai. Nếu tụng Chân Ngôn này thì chư Phật đều gia hộ. Tu trì Phật Đỉnh Vương, 3 thời thường ức niệm sẽ mau chóng được thành tựu. Trong 3 cõi không bị chướng ngại. Vì Mật Ấn Pháp của Đại Phật Đỉnh Vương này có vô số lượng cho nên chỉ khiến người tu hành lực tập các Mật Yếu tinh diệu. Nếu ưa thích Đại Pháp thì phải theo Thầy cầu Quán Đỉnh, được truyền cho Tam Muội Gia, cần phải học hỏi rộng rãi về Pháp niệm tụng của Đại Bạch Tán Cái Đại Phật Đỉnh.

Bí mật của Pháp này, nếu người chưa được Quán Đỉnh thì chẳng được nghe ngay. Người tu hành kia muốn được thành tựu, nếu tính tu cầu Tất Địa và làm Bản Tôn thì chẳng được truyền thụ Mật Ấn cho người khác.

Đại Tam Muội Gia Nghiêm Mật Chân Ngôn là :

“**Ấn, khư yết dã, ma hạ tam muội diêm, mãn đà mãn đà, sa-phộc hạ**”

OM\_ GUHYA MAHĀ-SAMAYAM BANDHA BANDHA SVĀHĀ

Gia Trì Niệm Châu Chân Ngôn là :

“**Năng mạc bà nga phộc đế tiên đế , sa đạt dã , tất đà la-thê, sa-phộc hạ**”  
OM\_ NAMO BHAGAVATI SUSIDDHI SĀDHAYA SIDDHA ARTHA  
SVĀHĀ

Tĩnh Niệm Châu Chân Ngôn, chấp tay nâng tràng hạt.

“**Án, a na-bộ đế , vĩ nhạ duệ, tất địa, tất đà la-thê, sa-phộc hạ**”  
OM\_ ADBHUTE VIJAYE SIDDHI SIDDHA ARTHA SVĀHĀ

BẠCH TẢN CÁI PHẬT ĐỈNH DU GIÀ BÍ YẾU LƯỢC NIỆM TỤNG  
(MỘT QUYỀN\_ Hét)

Ghi chú thêm của người dịch :

**Phật Nhân Án:** Chắp 2 tay lại, 2 ngón cái đều co vào lòng bàn tay, 2 ngón trỏ phụ lưng lóng thứ nhất của 2 ngón giữa như 2 con mắt đối nhau.



Thành Án rồi, gia trì 5 nơi là vàng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng rồi bung Án trên đỉnh đầu.

Chân Ngôn là :

NAMO BHAGAVATE UṢNĪṢĀYA\_ OM RURU SPHURU JVALA TIṢṬA  
SIDDHA LOCANI SARVA ARTHA SĀDHANI\_ SVĀHĀ

**Đại Luân Kim Cương Án:** Hai tay cài chéo các ngón bên trong, dựng thẳng 2 ngón trỏ khít nhau, lấy 2 ngón giữa quấn 2 ngón trỏ ở trước lóng thứ nhất sao cho chạm đầu ngón, 2 ngón cái giáp thẳng nhau. Kết Án để ngang trái tim, tụng Mật Ngũ.



Chân Ngôn là: (Đại Luân Kim Cương Đà La Ni)

NAMAḤ STRYI-DHVIKĀNĀM TATHĀGATĀNĀM\_ OM VIRAJI VIRAJI  
\_ MAHĀ-CAKRA-VAJRI\_ SATA SATA\_ SARATE SARATE\_ TRAYI TRAYI  
\_ VIDHAMANI SAMBHAMJANI TRAMATI SIDDHA AGRIYE TRĀM  
SVĀHĀ

Hiệu chỉnh xong vào ngày 13/02/2013

## PHẬT ĐÌNH ĐẠI BẠCH TÀN CÁI ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư SA BA LA phụng chiếu dịch  
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Bạc Già Phạm ngự tại Thiện Pháp Đường trên cõi Tam Thập Tam Thiên cùng với các vị Tỳ Kheo, các Đại Bồ Tát, Thiên Chủ Đế Thích, vô lượng chúng đến dự.

Bấy giờ Đức Bạc Già Phạm ngồi kiết già, liền nhập vào Ô SẮT VĨ SA Tam Muội (Uṣṇīṣa-samādhī: Đình Kế Tam Muội). Thời đột nhiên từ nhục kế của Đức Bạc Già Phạm diễn ra Pháp Hạnh vi diệu bí mật:

Nam mô tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát chúng

Nam mô Phật Đà Gia

Nam mô Đạt Ma gia

Nam mô Tăng Già gia

Nam mô bảy câu đê (700 Triệu) Phật, chư Đại Thanh Văn chúng

Nam mô hết thầy chúng A La Hán của Thế Gian

Nam mô tất cả Dự Lưu chúng

Nam mô tất cả Nhất Lai chúng

Nam mô tất cả Bất Hoàn chúng

Nam mô Thế Gian chư Chính Hạnh chúng

Nam mô chư Hương Chính Hạnh chúng

Nam mô chư Đại Thiên Tiên chúng hay dùng Chú Trớ Yểm đảo cũng hay làm việc nhiều ích

Nam mô Thành tựu Trì Minh chúng

Nam mô Đại Phạm Thiên Vương chúng

Nam mô Thiên Chủ Đế Thích chúng

Nam mô Lô Đà La Gia (Tự Tại Thiên) Ô Ma Bát Đế (Thiên Hậu) Sa Hê Dạ Gia (cùng với hàng quyến thuộc) chúng

Nam mô Vô ái Tử Ngũ Đại Thủ Ấn mà chúng kính lễ

Nam mô Tồi Tam Giới Thành Lạc Xứ Hàn Lâm Mẫu quý cung kính Ma Ha Ca Lạt chúng

Nam mô Bạc Già Phạm Như Lai câu la gia (Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc)

Nam mô Liên Hoa Câu La gia (Liên Hoa Bộ Tộc)

Nam mô Kim Cương câu la gia (Kim Cương Bộ Tộc)

Nam mô Bảo Châu câu La Gia (Bảo Bộ Tộc)

Nam mô Đại Tượng câu la gia (Đại Tượng Bộ Tộc)

Nam mô Nhu Đồng câu la gia (Nhu Đồng Bộ Tộc)

Nam mô Long Chủng câu la gia (Long chủng Bộ Tộc)

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Dững Kiên Bộ Khí Giới Vương Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Vô Lượng Quang Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Bất Động Tôn Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Sa La Thọ Hoa Phổ Biến Khai Phu Vương Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Bảo Tràng Vương Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Phổ Hiền Vương Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Tỳ Lô Giá Na Phật

Nam mô Bà Già Phạm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Quảng Mục Ưu Bát La Hoa Hương Tràng Vương Phật

Như vậy kính lễ các Phật đấng xong.

Đức BÀ GIÀ BÀ ĐẾ (Thế Tôn) PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TÀN CÁI VÔ HỮU NĂNG CẬP BÁT-LA ĐƯƠNG KÊ LA MẦU hay diệt tất cả Bộ Đa Quý My, cắt đứt các Minh Chú, giải thoát sự trói buộc. Mau chóng xa lìa sự chết yếu, chết đột ngột, ưu não, mộng ác. Tồi hoại 84 ngàn yêu Ma với 8 vị Chấp Diệu, lại hay khiến cho 28 vị Tinh Tú sinh vui vẻ lớn. Cũng hay đời qua tất cả oán hại, tiêu diệt hết thầy tất cả loài khởi độc hại và các mộng ác. Lại hay cứu trừ các nạn về thuốc độc, khí giới, nước, lửa...

Vô Địch đại thế lực

Bạo ác đại lực Mầu

Xí thịnh uy quang Mầu

Bạch Cái đại lực Mầu

Diễm man Bạch Y Mầu

Đa La Tần Tức Tướng

Xung Man thắng Kim Cương

Liên Tướng Kim Cương Tướng

Cụ Man Vô Năng Địch

Kim Cương Tường Tồi Mầu

Chư Thiện Thiên cung kính

Thiện Tướng Đại uy Quang

Cứu Độ Đại lực Mầu

Kim Cương Đỉnh (khỏi Kim Cương), các Đẳng

Kim Cương Đồng Trì chủng

Trì Xử chủng Kim Man

Xích Sắc Bảo Châu Mầu

Quang Minh Kim Cương Man

Yêu Diệu Mầu Trì Xử

Nhân như Kim Quang Mầu

Kim Cương Cụ, Bạch Mầu

Liên Hoa, Nhật Nguyệt Quang

Các chúng Thủ An, nguyện ủng hộ cho con, nguyện ủng hộ cho con

- **Án lị sắt yết noa bát-la xả tất-đa gia** (OM\_RŚĪGAṆA PRAŚĀTRA)

- **Tất lị-phộc đát tha già đá** (SARVA TATHĀGATA)

- **Ô sắt ni sa tất đát đa bát đế-lị, hồng đố-lô-úng** (UṢṆĪṢA-SITĀTAPATRE HŪM TRŪM)

- **Tạm bát noa ca lị, hồng đố-lô-úng** (JAMBHANA KARI HŪM TRŪM)

- **Tất-đam phộc noa ca lị, hồng đố-lô-úng** (STAMBHANA KARI HŪM TRŪM)

- **Ma nghiệt noa già lị, hồng đố-lô-úng** (STAMBHANA KARI HŪM TRŪM)

- **Ma ha bức diệt-gia ma la khur noa ca lị, hồng đố-lô-úng** (MAHĀ VIDYĀ SAMBHAṢAṆA KARI HŪM TRŪM)

- **Bát-la bức diệt-gia tam phộc khur noa ca li, hồng đố-lô-úng** (PARAVIDYĀ SAMBHAḶṢAṆA KARI HŪM ṬRŪM)

- **Tát li-phộc đố sát-đát nă**m (SARVA DUṢṬANĀM)

- **Tát đam bát noa ca li, hồng đố-lô-úng** (STAMBHANA KARI HŪM ṬRŪM)

- **Tát li-phộc đượ xoa la sát tát khăt-la ha nă**m (SARVA YAKṢA RĀKṢASA GRAHĀNĀM)

- **Tỳ đam tát noa ca li, hồng đố-lô-úng** (VIDHVAMṢANA KARI HŪM ṬRŪM)

- **Tạt đố la thi để nă**m (CATUR AṢĪTĪNĀM)

- **Khăt-la ha tát ha tát-la nă**m (GRAHA SAHASRĀNĀM)

- **Tỳ đam tát noa ca li, hồng đố-lô-úng** (VIDHVAMṢANA KARI HŪM ṬRŪM)

- **A thăt-đán tăn xá để nă**m (AṢṬA VIṢṬATĪNĀM)

- **Noa xoa đát-la nă**m (NAKṢATRĀNĀM)

- **Bát-la tát đát noa ca li, hồng đố-lô-úng** (PRASADĀNA KARI HŪM ṬRŪM)

- **A thăt-đán nă**m (AṢṬĀNĀM)

- **Ma ha khăt-la ha nă**m (MAHĀ-GRAHĀNĀM)

- **Tỳ tát noa ca li, hồng đố-lô-úng** (VIDHVAMṢANA KARI HŪM ṬRŪM)

- **La xoa la xoa hàm** (RAKṢA RAKṢA MĀM)

Nguyên ứ

ngộ hộ cho con, nguyên ứ

Bà Già Bà Đố PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TÀN CÁI KIM CƯƠNG ĐỈNH MAN BÁT-LA ĐƯỜNG KẾ LA Mẫ là vị Mẫ Kim cương Quảng Đại có tướng Xí thịnh không hai, có ngàn bàn tay ngàn cánh tay, trăm ngàn câu đê na con mắt đượ tự tại trong tam giới

Nguyên ứ

ngộ hộ cho con, nguyên ứ

ÁN - quốc vương bố (vua chúa làm cho sợ hãi), tặc quan bố, hỏa bố, thủy bố, độc đượ bố, binh khí bố, tha binh lai xâm bố, cơ cận (đối khăt) bố, oan nạn bố, bệnh tật bố, phích lịch bố (sét đánh làm cho sợ hãi), phi thời yếu tử bố, địa chấn động bố, tinh xạ (sao sa) bố, ngục bố, thiên (Trời) bố, Long (rồng) bố, Điều (Chim) bố, phi không (Bay trên hư không) bố, ác mộng bố

Lại có: Thiên my, Long My, Phi Thiên My, Phong Thần my, Phi Không My, Tâm hương my, Nhân phi nhân my, Đại Phúc hành my, Thí ngại my, La xoa my, Nga quỹ my, Không hành mẫ my, Thực nhục (Ăn thịt) my, Bộ Đa my, Ứ

ngộ hộ cho con đượ an ổn

Đối với các quỹ my, nguyên cho con đượ an ổn

- Lại có: Loài ăn tinh thần, loài ăn tinh khí, loài ăn thai, loài ăn máu, loài ăn dầu mỡ, loài ăn thịt, loài ăn mỡ, loài ăn tủy, loài ăn thứ sinh sản, loài cướp đượ mệnh, loài ăn thứ nhỏ ra, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn thứ tiểu tiện, loài ăn nước dò rỉ, loài ăn thứ dư sót, loài ăn thứ nôn mữa, loài ăn nước rãi, loài ăn nước mũi, loài ăn mủ, loài ăn đồ thí thực, loài ăn tóc, loài ăn hương, loài ăn mùi thơm, loài cướp đượ ý, loài ăn hoa, loài ăn quả, loài ăn ngũ cốc, loài ăn thứ thiêu đố bố thí,

Đối với nhóm này, nguyên cho con đượ an ổn

Minh Chú tuyên nói của các Quỹ my với nhóm như vậy thảy đều đượ trừ, đố

Kim Cương quyết

Minh Chú tuyên nói của hàng Biến Hành thảy đều đượ trừ, đố

Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Không hành Không Hành Mẫu thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương quyết

Minh Chú tuyên nói của Đại Bát Tu Bát Đế thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Vô ái Tử thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Phi Không Chính Chúng thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Ma Ha Ca Lạt (Đại Hắc Thiên Thân), chư Mẫu Quỷ chúng thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của kẻ cầm đầu lâu thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của kẻ Năng Thắng, Tác Mật, biện chư sự nghiệp thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của bốn chị em Thần Nữ thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Tỳ Ngật lợi Đế Dục Lạc Tự Tại Tập Chủ Đẳng chúng thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Vô Y Động Thiện thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của a La Hán thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của hàng Ly Dục thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

Minh Chú tuyên nói của Mật Tích Kim Cương Thủ thầy đều đoạn trừ, đóng Kim Cương Quyết

**Nam mô Bà Già Bà Đế Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Mẫu** nguyện ủng hộ cho con, nguyện ủng hộ cho con.

**1) Ân, a tát đất, a noa lật la-ca bát-la bà tát-phổ tra tỳ ca, tát đất đất bát đế-lị** (OM ASITA ANALA ARĀKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITĀTAPATREḤ)

**2) Tạt lật, tạt lật** (JVALA JVALA)

**3) Ca đất ca đất đà la đà la** ( KHĀDA KHADA, DARA DARA)

**4) Tỳ đà la, tỳ đà la** (VIDARA VIDARA)

**5) Đổ đà , đổ đà** (CCHINDA CCHINDA )

**6) Tản đà, tản đà** ( BHINDA BHINDA )

**7) Hồng hồng** (HŪM HŪM )

**8)Phát tra, phát tra, sa-phộc ha** (PHAT PHAT SVĀHĀ)

**9) Hê hê, phát tra** (HE HE PHAT)

**10) Hô hô phát tra** (HO HO PHAT)

**11) A mâu nghiệt gia phát tra** (AMOGHĀYA PHAT)

**12) A bát-la đế ha đất gia, phát tra** ( APRATIHAṬĀYA PHAT)

**13)Bát la bát-la đất gia, phát tra** (VARA PRADĀYA PHAT)

**14)A tố la mạo đất-la bà noa ca la gia, phát tra** (ASURA VIDARA PAKĀYA PHAT )

**15) Tát lị-phộc đề bệ tỳ-duợc, phát tra** (SARVA DEVEBHYAḤ PHAT)

**16) Tát lị-phộc noa ca tỳ-duợc, phát tra** (SARVA NĀGEBHYAḤ PHAT)

**17) Tát lị-phộc A tố lị tỳ-duợc, phát tra** (SARVA ASUREBHYAḤ PHAT)

**18) Tát lị-phộc Ma lộ đế na tỳ-duợc, phát tra** (SARVA MARŪTEBHYAḤ PHAT)

**19) Tát lị-phộc ca lô đế tỳ-duợc, phát tra** (SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAT)

- 20) Tát li-phộc kiến đát-li mạo tỳ-duợc, phát tra (SARVA GANDHARVEBHAYAḤ PHAṬ)
- 21) Tát li-phộc khấn na la tỳ-duợc , phát tra (SARVA KINNARE BHAYAḤ PHAṬ)
- 22)Tát li-phộc ma hô la khất tỳ-duợc, phát tra (SARVA MAHORAGEBHAYAḤ PHAṬ)
- 23) Tát li-phộc dạ xoa tỳ-duợc, phát tra (SARVA YAKṢEBHAYAḤ PHAṬ)
- 24 ) Tát li-phộc la xoa sa tỳ-duợc, phát tra (SARVA RĀKṢASEBHAYAḤ PHAṬ)
- 25) Tát li-phộc tỳ-li đế tỳ-duợc, phát tra (SARVA PRETEBHAYAḤ PHAṬ)
- 26) Tát li-phộc bệ xà chất tỳ-duợc, phát tra (SARVA PIŚĀCEBHAYAḤ PHAṬ)
- 27) Tát li-phộc bộ đế tỳ-duợc , phát tra (SARVA BHŪTEBHAYAḤ PHAṬ)
- 28) Tát li-phộc câu-lô ban đế tỳ-duợc, phát tra (SARVA KUMBHĀṆDEBHAYAḤ PHAṬ)
- 29) Tát li-phộc bổ đát vĩ tỳ-duợc, phát tra (SARVA PŪTANEBHAYAḤ PHAṬ)
- 30) Tát li-phộc ca tra bổ đán ni tỳ-duợc, phát tra (SARVA KAṬA-PŪTANEBHAYAḤ PHAṬ)
- 31) Tát li-phộc tất kiên đế tỳ-duợc, phát tra (SARVA SKANDEBHAYAḤ PHAṬ)
- 32) Tát li-phộc ngộ ma đế tỳ-duợc, phát tra (SARVA UNMĀDEBHAYAḤ PHAṬ)
- 33 ) Tát li-phộc xà di tỳ-duợc, phát tra (SARVA CCHĀYEBHAYAḤ PHAṬ)
- 34 ) Tát li-phộc a bá tất-ma li tỳ-duợc, phát tra (SARVA APASMĀREBHAYAḤ PHAṬ)
- 35) Ô tất-đát la khất đế tỳ-duợc, phát tra (AUṢṬARAKEBHAYAḤ PHAṬ)
- 36) Tát li-phộc đồ-lô cái khất-li đế tỳ-duợc, phát tra (SARVA DURLAṂGHĪTEBHAYAḤ PHAṬ)
- 37) Tát li-phộc cứu sắt tỳ-li khế đế tỳ-duợc, phát tra (SARVA DUṢPRAKṢITEBHAYAḤ PHAṬ)
- 38 ) Tát li-phộc tạt li tỳ-duợc, phát tra ( SARVA JVAREBHAYAḤ PHAṬ)
- 39) Tát li-phộc khất-li đát-na ca-la ma vĩ ca-la đế tỳ-duợc, phát tra (SARVA KRTYA KARMAṆI KAKKOLIKEBHAYAḤ PHAṬ)
- 40) Khất la noa bệ đát đát-la tỳ-duợc, phát tra (KIRANA VETĀḌEBHAYAḤ PHAḤ)
- 41) Chất xa bát-la sa ca, tát li-phộc đột xà-li địa đế tỳ-duợc, phát tra (CICINDA PRAŚAKA SARVA ŚCARDITEBHAYAḤ PHAṬ)
- 42) Đột-lô bổ đế tỳ-duợc, phát tra (DHURA BHUKTEBHAYAḤ PHAṬ)
- 43) Tát li-phộc đế-li đề khất tỳ-duợc, phát tra (SARVA TĪRTHIKEBHAYAḤ PHAṬ)
- 44) Tát li-phộc sa-la ma ni tỳ-duợc, phát tra (SARVA ŚRAMAṆEBHAYAḤ PHAṬ)
- 45) Tát li-phộc tỳ chí-gia đát li tỳ-duợc, phát tra (SARVA VIDYADHĀREBHAYAḤ PHAṬ)
- 46 ) Tạt gia yết la ma độ yết la gia tỳ-duợc, phát tra (JAYA-KARA MADHU-KARĀYEBHAYAḤ PHAṬ)

- 47 ) **Tát li-phộc a li-đạt tát đát ngật tỳ-duợc, phát tra** (SARVA-ARTHA-SĀDHANE BHYAḤ PHAṬ)
- 48 ) **Tỳ điệt-gia tạt li tỳ-duợc, phát tra** (VIDYACĀRYE BHYAḤ PHAṬ)
- 49) **Tạt bộ-lô tạt-duợc bà ngật ni di tỳ-duợc, phát tra** (CATURBHAGINĪ BHYAḤ PHAṬ)
- 50) **Tát li-phộc qua ma li di tỳ-duợc, phát tra** (SARVA KAUMĀRĪ BHYAḤ PHAṬ)
- 51) **Bệ điệt-gia la già di tỳ-duợc, phát tra** (VIDYARĀJEBHYAḤ PHAṬ)
- 52) **Ma ha bát-la đưong kê la tỳ-duợc, phát tra** (MAHĀ-PRATYUṄGIRE BHYAḤ PHAṬ)
- 53) **Phộc nhật-la thương ca lạt bát-la đưong kê la la gia, phát tra** (VAJRA-ŚAṄKARĀYA PRATYUṄGIRA-RĀJĀYA PHAṬ)
- 54) **Ma ha ca lạt gia ma đế-li già noa gia ma tạt ngật-li đát di, phát tra** (MAHĀ-KĀLĀYA MĀTR-GAṆA NAMASKRĪTĀYE PHAṬ)
- 55) **Giải sát-noa bệ di, phát tra** (VIṢṆAVĪYE PHAṬ)
- 56) **Bộ-t-la ha-mâu ni di, phát tra** (BRAHMĪNĪYE PHAṬ)
- 57 ) **A kỳ ni di, phát tra** (AGNĪYE PHAṬ)
- 58 ) **Ma ha yết li di, phát tra** (MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ)
- 59 ) **Yết lạt đần trì di, phát tra** (KĀLA-DANḌĪYE PHAṬ)
- 60 ) **Nhân đế-li di, phát tra** (AINDRĪYE PHAṬ)
- 61 ) **Lô đế-li di, phát tra** (RAUDRĪYE PHAṬ)
- 62 ) **Qua ma li di, phát tra** (KAUMĀRĪYE PHAṬ)
- 63 ) **Bà la hê di, phát tra** (VARĀHĪYE PHAṬ)
- 64 ) **Tạt môn đế di, phát tra** (CĀMUṄḌĪYE PHAṬ)
- 65 ) **Lô đế-li di, phát tra** (RUDRĪYE PHAṬ)
- 66 ) **Yết lạt la đế-li di, phát tra** (KĀLA-RĀTRĪYE PHAṬ)
- 67 ) **Gia ma đần đế di, phát tra** (YAMA-DANḌĪYE PHAṬ)
- 68 ) **Yết bát lạt di, phát tra** (KAPĀLĪYE PHAṬ)
- 69 ) **A địa mục đế thi ma xá noa bà tạt ni di, phát tra** (ADHIMUKTIKA ŚMAŚANA-VĀSINĪYE PHAṬ)

Nếu có chúng sinh đối với ta là: kẻ khởi tâm oán hại, kẻ khởi tâm ác độc, loài ăn tinh thần, loài ăn tinh khí, loài ăn thai, loài ăn máu, loài ăn dầu mỡ, loài ăn thịt, loài ăn mỡ, loài ăn tủy, loài ăn thứ sinh sản, loài cướp đoạt mệnh, loài ăn thứ khắc nhỏ, loài ăn đồ bất tịnh, loài ăn thứ tiểu tiện, loài ăn chất nước dò rỉ tuôn chảy, loài ăn thực phẩm dư thừa, loài ăn thứ nôn mửa, loài ăn nước rãi, loài ăn nước mũi, loài ăn mủ, loài ăn thực phẩm bỏ thí, loài ăn tóc, loài ăn hương, loài ăn mùi thơm, loài cướp đoạt ý, loài ăn hoa, loài ăn quả, loài ăn ngũ cốc, loài ăn thứ thiêu đốt bỏ thí.

Lại có loài khởi tâm sân hận, loài khởi tâm độc hại, loài khởi tâm bạo ác, chúng Thiên my, chúng Long my, chúng Phi Thiên My, chúng Phong Thần my, chúng Tầm Hương my, chúng Nhân Phi Nhân my, chúng Đại Phúc Hành my, chúng Dược Xoa my, chúng La Sát my, chúng Ngạ Quỷ my, chúng Không Hành Mẫu my, chúng Thực Nhục my, chúng Bộ Đa my, chúng Ung Phúc (Bụng như cái lọ) my, chúng Xú Quỷ my, chúng Cự Xú Quỷ my, chúng Tắc Kiên Đà my, chúng Hôn Vọng my, chúng Điền my, chúng Ma my, chúng Phục (nằm sát đất) my, Chúng Ly Bát Đế my, chúng Diễm Ma my, chúng Cầm (loài chim) my, chúng Mẫu quỷ hỷ my, chúng Biên La my, chúng Trừ Cúc (cây nhiều gai) my...



Hoặc có bệnh sốt rét phát bệnh theo chu kỳ: 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày phát một lần. Hoặc thường bị bệnh nhiệt, bệnh cực phiền nhiệt, bệnh phát theo thời tiết, bệnh do quỷ Bộ Đa gây ra, bệnh Phong Hoàng Đàm, bệnh do mọi thứ hòa hợp.

Hết thấy bệnh nhiệt, bệnh đau đầu, bệnh đau nửa đầu... nguyên đều tiêu trừ.

Lại có bệnh ngạnh ế (mắt có hạt cứng che mờ) bệnh về mắt, bệnh mũi, bệnh miệng, bệnh sau cổ, bệnh tim, bệnh cổ họng, bệnh tai, bệnh răng, đau tim, đau óc, đau lưng, đau bụng, đau eo, đau nơi ẩn mật, đau dạ dày, đau ngón tay, đau bàn tay, đau bàn chân, đau nhức mọi chi tiết... Nguyên khiến tiêu trừ, nguyên khiến ủng hộ cho con.

Đại Bạch Tản Cái Kim Cương Đỉnh Kế Bát-La Đương Kế La Mẫu kết Kim Cương Giới trong 12 do tuần. Hết thấy loài Bộ Đa, Không Hành Mẫu và Quỷ, bệnh nhiệt, bệnh ghê chóc, bệnh hắc lào, bệnh cùi, bệnh thần kinh, bệnh ung thư, bệnh nhọt ngứa, bệnh kinh phong, Bảo độc trùng, yểm đảo độc, nước lửa, oan gia oán hận nào hại, chết yếu đột ngột...loài Đẻ Ma Bồ Già, Phong Đẻ Lạt Đất, loài rắn lớn, bò cạp, chuột độc, rồng, cạp, gấu chó, gấu heo, chó, sói, như các loài ong độc cướp đoạt hại mạng.

Như vậy đều dùng Minh Chú cột trời (Hệ Phộc), cột buộc uy thần, cột buộc các Minh Chú, hết thấy Quỷ Mỹ cũng đều cột buộc

- 1) **Đát chí-gia tha: Án** (TADYATHĀ: OM)
- 2) **A noa lê, a noa lê** (ANALE ANALE)
- 3) **Bí sắt đế, bí sắt đế** (VISUDDHE VISUDDHE )
- 4) **Tị la, tị la** (VIRE VIRE)
- 5) **Phộc nhật-la đà lị** (VAJRA-DHĀRI)
- 6) **Ban đà, ban đà** (BANDHA BANDHA)
- 7) **Phộc nhật-la bạt ni, phát tra** (VAJRAPĀNI PHAT)
- 8) **Hồng hồng, phát tra phát tra** (HŪM HŪM PHAT PHAT)
- 9) **Hồng đồ-lỗ-úng ban đà, phát tra, sa-phộc ha** (HŪM TRŪM BANDHA PHAT SSĀHĀ)

(ND : câu Chú trên là **Lăng Nghiêm Tâm Chú**)

Nếu nhập vào ngang bằng với Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Bát-la Đương Kế La Mẫu Đà La Ni Kinh này. Hoặc dùng vỏ cây hoa, Cọ Diệp Tố giao (chất keo dán) viết chép Kinh này rồi đeo trên than hoặc đeo trên cổ, nên biết người đó cho đến cuối đời chẳng thể bị chất độc làm hại. Các khí giới, nước, lửa, Bảo Độc Trùng, Chú Trớ độc chẳng thể hại, cũng không bị chết yếu chết đột ngột. Hết thấy chúng Quỷ Mỹ nhìn thấy đều sinh vui vẻ, lại có 84000 Kim Cương Bộ chúng sinh vui vẻ lớn thường theo phòng hộ. Ở trong 84000 kiếp được Túc Mệnh Trí. Đời đời kiếp kiếp chẳng sinh vào loài Dạ Xoa, La Sát, Phú Đan Na, Ca Tra Phú Đan Na, Tất Độ Đa quỷ... với các nẻo ác. Cũng chẳng thọ sinh vào nơi bần cùng hạ tiện (nghèo túng thấp hèn) đắc được nhóm phước đức của vô lượng vô biên hằng hà sa số chư Phật.

Nếu có người trì Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Bát-La Đương Kế La Mẫu Đà La Ni Kinh này thì chẳng có Phạm Hạnh cũng thành Phạm Hạnh, chẳng Trì Giới cũng thành Trì Giới, chẳng Thanh Tịnh cũng thành Thanh Tịnh, Chẳng có Bồ Tát cũng thành Bồ Tát, chẳng có **Thanh Trai** (Trai giới trong sạch) cũng thành Thanh Trai. Nếu bị 5 tội Vô Gián và hết thấy tai họa có từ thời vô thủy đến nay, tội nghiệp xa xưa thấy đều diệt hết không còn sót.

Nếu gặp người bị bệnh, gia súc bị bệnh, bệnh dịch nào hại, đấu tranh bức bách, binh nước khác xâm nhiễu với tất cả ách nạn thì đem Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Vô Hữu Năng Địch Bát-La Đương Kế La Mẫu Đà La Ni này cột trên đầu cây phượng rồi cúng dường rộng rãi, làm đại Phật Sự, phụng nghinh Chú đó đặt ở 4 cửa Thành hoặc ở

các tụ lạc, đô ấp, thôn dã lễ bái cung kính nhất tâm cúng dường thì hết thủy binh trận liền tiêu diệt ngay. Các bệnh dịch lệ, các bệnh não hại, đấu tranh, binh nước khác xâm nhiễu, tất cả tai ách thủy đều tiêu diệt.

1) **Đát diệt-gia tha**

2) **Án, sắt đô lô-úng**

3) **Ban đà ban đà**

4) **Nguyện ủng hộ con, nguyện ủng hộ con, sa-phộc ha\_ La xoa la xoa hàm**

◆ TADYATHĀ: OM\_ ṢṬOM BANDHA BANDHA MAMA RAKṢA RAKṢA MĀM

1) **Án, hồng sắt, đở-lô-úng**

2) **Ban đà ban đà**

3) **Phộc nhật-la nguyện ủng hộ con**

4) **La xoa la xoa hàm**

5) **Phộc nhật-la bát ni di, hồng phát tra, sa-phộc ha**

◆ OM\_ HŪM ṢṬOM BANDHA BANDHA VAJRA MAMA RAKṢA RAKṢA MĀM\_ VAJRAPĀṆIYE HŪM PHAṬ SVĀHĀ

(ND: Hai câu Chú trên chính là **Đại Bạch Tản Cái phần nộ Kim Cương khiển Ma ủng hộ Chú**)

1) **Án, tát li-phộc đa tha già đá**

2) **Ô sắt ni sa**

3) **A phộc lô kê đế**

4) **Mâu-li đà đế tả la sắt**

◆ OM SARVA TATHĀGATA-UṢṆĪA AVALOKITEC ŪRṆATE JVARASĪ

1) **Án, tạt lạt tạt lạt**

2) **Già đà già đà**

3) **Đà la đà la**

4) **Bí đà la, bí đà la**

5) **Thân đà, thân đà**

6) **Tần đà, tần đà**

7) **Hồng hồng, phát tra phát tra, sa-phộc ha**

◆ OM\_ JVALA JVALA \_ DHAKA DHAKA \_ DARA DARA \_ VIDARA VIDARA \_ CCHINDHA CCHINDHA \_ BHINDHA BHINDHA \_ HŪM HŪM PHAṬ PHAṬ\_ SVĀHĀ

(ND: Hai câu Chú trên là **Đại Bạch Tản Cái thường hằng trì Tâm Chú**)

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là **Phật Đỉnh Tâm Chú**:

**Namo sarva-jñāya**

**Om\_ Tathāgatoṣṇīṣa** (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrḍha tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūṃ** (thành tựu)\_ **jvala jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda cchinda, bhinda bhinda, hūṃ phaṭ phaṭ svāhā**)

◆ **Án, tát li-phộc đa tha già đá\_ Ô sắt ni sa \_ Hồng phát tra phát tra\_ sa-phộc ha**

◆ OM\_ SARVA TATHĀGATA-UṢṆĪṢA HŪM PHAṬ PHAṬ\_ SVĀHĀ

(ND: Câu chú trên là : **Đại Bạch Tản Cái tăng trưởng thân (gần gũi) thân (thể xác) Tâm Chú**)

1) Đát điệt-gia tha

2) Án, a noa lệ

3) A noa lệ

4) Già tát di

5) Già tát di

6) Tị la

7) Tị la

8) Sá di

9) Sá di

10) Tát lệ-phộc phật đà

11) A đế sắt-tha noa

12) A đế sắt-đề đề

13) Tát lệ-phộc đa tha già đá

14) Ô sắt ni xá

15) Tát đát đa bát đề-lị

16) Hồng phát tra, sa-phộc ha

◆ TADYATHĀ: OM ANALE ANALE \_ KHASAMI KHASAMI \_ VAIRE  
VAIRE \_ SOME SOME \_ SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA ADHIṢṬHITE \_  
SARVA TATHĀGATA-UṢNĪṢA-SITĀTAPATRE HŪM PHAT SVĀHĀ

(ND: Câu Chú trên là : **Đại Bạch Tản Cái Nhiếp Thụ Chú**)

17) Hồng ma ma hồng ni

18) Sá-phộc ha

◆ HŪM MAMA HŪM NI SVĀHĀ

(ND: Câu Chú trên là : **Đại Bạch Tản Cái Kiên Giáp Chú**)

Nếu hay y theo Phật tu tập thì hết thấy các Trời Long Vương đều tùy thuận giáng mưa ngon ngọt đúng theo thời tiết

Bây giờ tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát, Trời, Rồng, Dược Xoa, Kiên đạt Phộc, A Tố Lạc, Yết Lộ Trà, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hồ Lạc Già, Người, Phi Nhân... Tất cả Đại Chúng nghe lời Phật nói thấy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT ĐỈNH ĐẠI BẠCH TẢN CÁI ĐÀ LA NI KINH  
\_HẾT\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 14/02/2013

## PHẬT THUYẾT ĐẠI BẠCH TẢN CÁI TỔNG TRÌ ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Đồi Nguyên\_ Thiên Trúc TUẤN BIỆN Đại Sư, Tứ Nại Mính Đắc Li Liên Đắc La Ma Ninh với Dịch Chủ Tăng là nhóm CHÂN TRÍ dịch  
Việt dịch: HUYỀN THANH

Kính lễ **tất cả Thượng Sư Tối Diệu!**

Phàm muốn tu tập **Bạch Tản Cái Phật Mẫu**. Ở trong phòng thất vắng lặng, ngồi trên cái chần mềm ấm rồi phát nguyện rằng: “*Vì tất cả Hữu Tình của 6 nẻo đang ở trong Luân Hồi , khiến cho họ được giải thoát. Nguyện cho tôi được thành Cứu Cánh Chính Giác*”

Phát nguyện xong, tưởng Bạch Tản Cái Phật Hội hiện trong khoảng không trước mặt. Tại Hội ấy, dùng tâm chân thật niệm ba Quy Y. Xong, Phật Hội liền tiêu dung thành ánh sáng hòa nhập vào thân của mình, thân của mình liền thành ánh sáng. Sau đó niệm Chú **Sa Mạt Oát** (Svabhāva-mantra: Thần Chú Tự Tính) tưởng tất cả đều **Không** (Śūnya: trống rỗng). Nơi cái **Không** ấy, tưởng chữ ÁN (ॐ \_ OM) màu trắng trên đóa

hoa trong vành trăng. Chữ ÁN tỏa ánh sáng phóng ra rồi quay trở lại, Chủng của chữ biến thành cái lọng có cán vàng, trên cán có chữ ÁN. Chữ ấy tỏa ánh sáng phóng ra rồi lại quay về, chủng của chữ biến thành **Bạch Tản Cái Phật Mẫu** (Sītāpatra Buddha-mātr) có một mặt 2 tay và 3 con mắt, ngồi theo thế Kim Cương Già Phu, tay phải tác Vô Bồ Úy Án, tay trái cầm cái lọng trắng để ngang ngực, nghiêm sức bằng mọi thứ Anh Lạc. Thân màu trắng tinh khiết như ánh mặt trời chiếu soi trên núi Tuyết, có đủ tướng vui vẻ, hiện **Vô Tự Tính** (Không có Tự Tính). Nên quán như hình tượng tự nhiên ở trong gương.

Lúc muốn tụng Chú, ở ngay hoa sen trong vành trăng trên trái tim của mình có Tâm Chú với nhóm Tổng Trì dài ngắn vây quanh chữ ÁN. Ở đây phóng ra ánh sáng khiến trừ tất cả tội chướng với sự gián đoạn của Ta và Người. Tưởng xong, sau đó tán tụng.

Nếu lúc bị mệt mỏi.muốn dâng Thí Thực. Liền đặt Thí Thực ấy ở trước mặt, niệm Chú có 3 chữ là ÁN Á HỒNG (ॐ ॐ ॐ \_OM ĀH HŪM) nhiếp thụ biến thành Cam

Lộ. Trong Hư Không trước mặt, triệu thỉnh Bạch Tản Cái Phật Mẫu làm đầu, các vị Âm Mẫu cư ngụ ở 22 gò mả trên núi (Sơn Trùng), 7 Chủng Phật với Chính Giác ở 10 phương có 3 hàng Cù Mỹ, Tĩnh Phạm, Đệ Thích vây bên cạnh. Tưởng cái lưỡi biến thành hình cái ống tỏa ánh sáng Kim Cương (Kim Cương Quang Đồng). Tụng Phụng Thực Chú là:

“**Án, tát lật-oát đát đạt yết đá, ô thất nễ chiết, tịch nại đát mạt đắc lệ, hồng, phát. Y đả mạt lệ, khát khát, khát hệ khát hệ**”

OM SARVA-TATHĀGATA-UṢṢĪṢA-SITĀPATRE HŪM PHAT IDĀM BALIM KHAKHA KHAHI KHAHI

Tụng 3 biến hoặc 5 biến xong. Tụng Thán Thán Đảo Chúc (Khẩn cầu) cầu Sách Nguyện Sự Đẳng. Xong, phụng tụng Phật Hội rồi bỏ thức ăn cúng thí (Thí Thực) ấy ở nơi sạch sẽ , hồi hướng căn lành.

**Át linh già, đất đạt yết đá, thất nễ chiết, tây nại đất mặt đất-lị, nại ma. Á mặt la tức đá, nại la nễ.** (Phạn Ngữ )

ĀRYA-TATHĀGATA-USŪNĪṢA-SITĀTAPATRE NAMAḤ APARĀJITA DHĀRANĪ

**Thánh Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu Du Vô Năng Địch Tổng Trì. Kính Lễ Tam Bảo Tối Thượng** (Hoa Ngữ)

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Xuất Hữu Hoại (Bhagavān: Thế Tôn) ngự tại Thiện Pháp Diệu Hào ở cõi Tam Thập Tam Thiên là nơi cư ngụ của chư Thiên, cùng với Đại Tỳ Kheo, Đại Bồ Đề Mãnh Thức, Thiên Chủ Đế Thích và Đồ Chúng tập hội.

Bấy giờ, Đức Xuất Hữu Hoại ngồi trên Tòa Hoa Sen, nhập vào Tam Muội **Phổ Quán Đỉnh Kế**. Đột nhiên từ trong đỉnh kế của Đức Xuất Hữu Hoại hiện ra **Tổng Trì Mật Chú Pháp Hạnh** như vậy

\*) Kính lễ Chính Giác với tất cả Bồ Đề Mãnh Thức

Kính lễ Chính Giác

Kính lễ Diệu Pháp

Kính lễ Đại Chúng

Kính lễ 7 Câu đê Chân Thật Cứu Cánh Chính Giác với hàng Đại Chúng Thanh

Văn

Kính lễ hết thầy hàng Hoại Oán ở Thế Gian

Kính lễ hết thầy hàng Thuận Lưu

Kính lễ hết thầy hàng Bất Hoàn

Kính lễ hết thầy hàng Siêu Việt Chân Thật ở Thế Gian

Kính lễ hết thầy hàng Nhật Thật

Kính lễ Chú Trớ với năng lực giúp đỡ của Thiên Tiên

Kính lễ hết thầy hàng Tụng Trì Minh Chú Thành Tựu

Kính lễ Tĩnh Phạm

Kính lễ Đế Thích

Kính lễ Khẩn Uy Cự Mỹ hay khiến đầy lui khuất phục hàng chủ về Khổ Hạnh

Kính lễ Cự Mỹ Nghiêm Ngũ Thủ Ấn là nơi quy kính của Vô Ai Tử

Kính lễ Cự Mỹ hay tối hoại ba tầng cung thành trú ngụ ở gò mả (Mộ Địa) là nơi quy kính của tất cả Âm Mẫu.

Kính lễ Xuất Hữu Hoại Như Lai Chủng Phật

Kính lễ Liên Hoa Chủng Phật

Kính lễ Kim Cương Chủng Phật

Kính lễ Bảo Châu Chủng Phật

Kính lễ Đại Tượng Chủng Phật

Kính lễ Thiếu Đồng Chủng Phật

Kính lễ Long Chủng Phật

Kính lễ Dũng Cố Bộ Khí Giới Vương Phật

Kính lễ Vô Lượng Quang Phật

Kính lễ Bất Động Phật

Kính lễ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật

Kính lễ Sa La Chủ Vương Hoa Thực Viên Mãn Phật

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính lễ Bảo Thượng Vương Phật

Kính lễ Tối Diệu Phổ Hiền Phật

Kính lễ Chúng Minh Chủ Phật

Kính lễ Mục Viên Mãn Ô Ba Lạp Hương Thượng Vương Phật

Kính lễ Đăng Xứ ấy xong.

Xuất Hữu Hoại Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái  
Phật Mẫu, Dur Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu

Dùng Pháp này chém đứt tất cả Tà Ma ăn hơi thở ra vào

Cũng hay chém đứt tất cả Minh Chú của loài khác

Cũng hay ngăn che sự chết yểu không đúng thời

Cũng hay khiến cho Hữu Tình giải thoát tất cả sự cột trói

Cũng hay ngăn che tất cả sự ghét bỏ nghi ngờ, mộng ác

Cũng hay tột hoai 8 vạn 4 ngàn Tà Ma

Cũng hay làm cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ

Cũng hay chiết phục 8 vị Đại Phòng Tú

Cũng hay ngăn che tất cả oán thù

Cũng hay tột hoai sự bạo ác tối cực, tất cả sự ghét bỏ nghi ngờ, mộng ác

Cũng hay cứu độ các nạn: Thuốc độc, khí giới, nước, lửa

\_ Vô Hữu Năng Địch Đại Khẩn Mẫu

Đại Xuyết Phác Mẫu, Đại Lực Mẫu

Đại Xí Nhiên Mẫu, Đại Uy Lực

Đại Bạch Tản Mẫu, Đại Lực Mẫu (Đại Lực Cát Tường Mẫu)

Xí Nhiên Giải Anh Bạch Y Mẫu

Thánh Cứu Độ Mẫu, Cụ Sân Nộ (Bhṛkuṭi)

Thắng Thế Kim Cương Xưng Niệm Châu

Liên Hoa Chiêu Minh, Kim Cương Danh

Vô Hữu Năng Địch Cụ Niệm Châu

Kim Cương Tường Đẳng Tội Hoại Mẫu

Nhu Thiện Phật Đẳng Cúng Dường Mẫu

Nhu Tướng Uy Lực Cụ Đại Mẫu

Thánh Cứu Độ Mẫu Đại Lực Mẫu

Bất Một Kim Cương Thiết Đỉnh Mẫu

Kim Cương Thiếu Đồng Trì Chủng Mẫu

Kim Cương Thủ, Kim Cương Niệm Châu

Đại Xích Sắc với Bảo Châu Mẫu

Chủng Minh Kim Cương Xưng Đỉnh Kế

Chủng Tướng Yếu Diệu Kim Cương Mẫu

Như Kim Sắc Quang Cụ Nhân Mẫu

Kim Cương Chúc với Bạch Sắc Mẫu

Liên Hoa Nhân với Nguyệt Quang Mẫu

Thủ Ấn gom tụ tất cả lực của nhóm ấy. Nguyên khiến ủng hộ cho con, ủng hộ cho con

\* \*) **Án\_ Linh thất khát nại, bất-la chiến nại tha, đát đạt yết đá, ô thất nễ  
chiết, tịch nại đát ba đắc-lị, hồng, năng-long**

**Tịch đát mạt nại, cát la, hồng, năng-long**

**Ma hạt mịch-tha mạt thất khát nại la, hồng, năng-long**

**Phát la mịch-năng-nhạ mạt thất khát nại, cát la, hồng, năng-long**

**Tát oát đĩnh thất đát nại, tịch đảm mạt nại, cát la, hồng, năng-long**

**Tát oát tha thất khát, la thất khát tát, ngật la hạt nại, mịch nại tát nại, cát la,  
hồng, năng-long**

**Tạt đĩnh la, thất đế nại, ngật la hạt, tát hạt tát la, mịch nại tát nại, cát la,  
hồng, năng-long**

**Á thất nại, chiết đế nại, nại sắc cát đắc đắc la nại ma, bất la tát đát nại, cát la,  
hồng, năng-long**



**Á hy đát nại, ma ma khát, ngật la hạt nại, mịch nại tát nại, cát la, hồng, năng-long**

**La tác khắc la, am**

**Ứng hộ cho con**

[OM\_ RṢĪGAṆA PRAŚATRA TATHĀGATA-USŪṢA-SITĀTAPATRE (Quy mệnh Tiên Chúng Thắng Thiện Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HŪM (Chúng Tử biểu thị cho **Tâm Bồ Đề**) TRŪM (Chúng Tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp xa lìa bụi dơ Kiêu Mạn**)

STAMBHANA KARA (Tác áp lãnh) HŪM TRŪM

MAHĀ-VIDYA SAMBHAṢAṆA KARA (Tác hoàn thiện Đại Minh Chú) HŪM TRŪM

PARAVIDYA SAMBHAṢAṆA KARA (Tác hoàn thiện Minh Chú khác) HŪM TRŪM

SARVA DUṢṬANĀM STAMBHANA KARA (Tác trấn hộ tất cả nhóm ác) HŪM TRŪM

SARVA YAKṢA RĀKṢASA GRAHĀṆĀM VIDHVAMŚANA KRARA (Tác tiêu diệt tất cả sự quấy nhiễu của Dạ Xoa, La Sát) HŪM TRŪM

CATUR-AŚĪTĪNĀM GRAHA SAHASRAṆĀM VIDHVAMŚANA KARA (Tác tiêu diệt 84000 Tà Ma) HŪM TRŪM

AṢṬA VIṢĀTĪNĀM NAKṢATRAṆĀM PRASĀDANA KARA (Làm cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ) HŪM TRŪM

AṢṬANĀM MAHĀ-GRAHANĀM VIDHVAMŚANA KARA (Tác tiêu diệt 8 đại Ac Tinh) HŪM TRŪM

RAKṢA (Ứng hộ) RAKṢA MĀM (Ứng hộ cho con)]

**Xuất Hữu Hoại Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phạt Mẫu, Kim Cương Đỉnh Kế Đại Quýnh Già Mẫu, Cự Đại Thiên Tý Mẫu, Hữu Thiên Đại Thủ Mẫu, Cự Thập Vạn Câu Đề Mục, Bất Nhị Xí Nhiên Cự Chúng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu, Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu trong tất cả thời ứng hộ cho con, ứng hộ cho con**

\* \* \*) Án. Nạn vua chúa, nạn giặc cướp, nạn lửa, nạn nước, nạn thuốc độc, nạn khí giới, nạn quân binh của nước ngoài, nạn đói khát, nạn oán thù, nạn bệnh tật, nạn sét đánh, nạn chết yểu không đúng thời, nạn động đất, nạn sao băng, nạn hình phạt của quốc vương, nạn Trời, nạn Rồng, nạn sấm chớp, nạn bay trên không (Phi Không), nạn ác thú phần nộ.

Lại có: Thiên Ma, Long Ma, Phi Thiên Ma, Phong Thần Ma, Phi Không Ma, Tầm Hương Ma, Nghi Thần Ma, Đại Phúc Hành Ma, Thí Nghi Ma, Dạ Xoa Ma, Ngạ Quỷ Ma, Không Hành Mẫu Ma, Thực Nhục Ma, Xuất Giả Ma, Bình Đại Ma (Ma có hình như cái bình cái túi), Xú Ma (Ma hôi thối), Thân Xú Ma, Linh Khô Sáu Ma (Ma khiến cho héo gầy), Linh Vong Ma (Ma khiến cho quên lãng), Linh Điên Cuồng Ma, Linh Yểm My Ma, Linh Trấn Phục Ma, Quái Tú Ma... Trong tất cả nhóm ấy, nguyện cho con được sự an ổn tốt lành.

Lại có: Đoạt Uy Lực Quỷ, Đoạt Dung Nhan Quỷ, Thực Sản Cung Quỷ, Âm Huyết Quỷ, Thực Bào Thai Quỷ, Thực Nhục Quỷ, Thực Chi Quỷ (Quỷ ăn mỡ), Thực Tủy Quỷ, Thực Chi Y Quỷ (Quỷ ăn màng mỡ), Thủ Mệnh Quỷ (Quỷ cướp lấy sinh mệnh), Thực Âu Thổ Quỷ (Quỷ ăn thứ nôn mửa), Thực Đại Tiện Quỷ, Thực Tiểu Tiện Quỷ, Thực Khiếu Lưu Quỷ, Thực Tàn Quỷ (Quỷ ăn thừa dư thừa), Thực Thóa Quỷ (Quỷ ăn thứ khắc nhỏ), Thực Thế Quỷ (Quỷ ăn nước mũi), Thực Tiên Quỷ (Quỷ ăn nước rãi), Thực Nùng Quỷ (Quỷ ăn mủ của ung nhọt), Thực Thí Thực Quỷ (Quỷ ăn thức ăn bỏ

thí), Thực Man Quý (Quý ăn tóc), Thực Hương Khí Quý, Đoạt Ý Quý, Thực Hoa Quý, Thực Quả Quý, Thực Miêu Quý (Quý ăn cây non), Thực Thiêu Thí Quý (quý ăn thức thiêu đốt rồi cho)... Trong tất cả nhóm đó, nguyện cho con đạt được sự an ổn tốt lành.

Tất cả Minh Chủ do nhóm ấy và tất cả Ma tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do hàng Biên Du Hành tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do hàng Không Hành và Không Hành Mẫu tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do Đại Thủ Chủ tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do hàng Vô Ái Tử tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do hàng Phi Không và hàng Chân Thật Tác tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do hàng Đại Hắc và Âm Mẫu tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do hàng Tri Nhân Đầu Khí (cầm vật khí có đầu người) tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do hàng Linh Thắng, Tác Phong Mật, Linh Nghĩa, Cam Thành tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do 4 chị em Thần Nữ tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do Tỳ Ngật Lị Đê (Đầu Chiến Thần), Hỷ Chủ, Tật Chủ tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do hàng Vô Thiện Tĩnh tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do hàng Hoại Oán tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do hàng Nan Dục tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

Minh Chủ do Mật Chủ Kim Cương Thủ tạo ra. Dùng Pháp này quyết cắt đứt, cầm Chày đánh phạt.

\* \* \* \*) Kính lễ Xuất Hữu Hoại Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu. Ủng hộ cho con, ủng hộ cho con

**Ăn\_Á tịch đất, nại lạt thất khát, bất la mật, tất bất đất linh khát, tắc nại đất mật đắc lị**

**Tát lạt, tát lạt \_Hát nại, hát nại\_Nại la, nại la\_Mịch nại, mịch nại\_Tần nại, tần nại\_Mịch nại, mịch nại\_Hồng, hồng\_Phát, phát\_Sa hạt**

**Hê hê, phát**

**Hòa hoà, phát**

**Ác mẫu ngật anh, phát**

**Ác bất la để hạt đất, phát**

**Bất la mật la đất, phát**

**Ác tu la mệnh đắc la mật khát, phát**

**Tát lạt mật, để tính quần, phát**

**Tát lạt mật, tính kinh quần, phát**

**Tát lạt mật, ác tu lị quần, phát**

Tát lật mặt, ma lỗ ninh quàn, phát  
 Tát lật mặt, cát lỗ đình quàn, phát  
 Tát lật mặt, hạt nại mệnh quàn, phát  
 Tát lật mặt, tất ngật-lị nại quàn, phát  
 Tát lật mặt, ma hòa la ninh quàn, phát  
 Tát lật mặt, dã tắc kinh quàn, phát  
 Tát lật mặt, la tắc ngật la tinh quàn, phát  
 Tát lật mặt, bất lị đình quàn, phát  
 Tát lật mặt, mệnh chiết xung quàn, phát  
 Tát lật mặt, mẫu đình quàn, phát  
 Tát lật mặt, trảo mặt ninh lật, phát  
 Tát lật mặt, mặt đất đình quàn, phát  
 Tát lật mặt, cát đất bố đất nễ quàn, phát  
 Tát lật mặt, tư cát ninh quàn, phát  
 Tát lật mặt, ô ma ninh quàn, phát  
 Tát lật mặt, tạt anh quàn, phát  
 Tát lật mặt, ác bất tắc ma lị quàn, phát  
 Tát lật mặt, a đất la điều đế quàn, phát  
 Tát lật mặt, đình lãnh lật ngật đình quàn, phát  
 Tát lật mặt, đình lãnh tính lãnh ngật đình quàn, phát  
 Tát lật mặt, toát lị quàn, phát  
 Tát lật mặt, ngật lị đất, cát la ma nễ cát qua lãnh đình quàn, phát  
 Ngật la nại tính đót đất quàn, phát  
 Túc đắc nại, bất la chiến cát, đình nại lành đế đình quàn, phát  
 Đá lãnh trực bố ngật đình quàn, phát  
 Tát lật mặt, đế lị đề ngật quàn, phát  
 Tát lật mặt, thất la ma nễ quàn, phát  
 Tát lật mặt, mệnh đắc dạ nại quàn, phát  
 Tạt gia cát la, ma đình cát la-dã quàn, phát  
 Tát lật mặt, ác đạt tát đất kinh quàn, phát  
 Mịch nại dã tạt lị quàn, phát  
 Tạt đình diệt mặt ngật nễ anh quàn, phát  
 Tát lật mặt, qua ô ma lị anh quàn, phát  
 Mệnh đất dã la nễ anh quàn, phát  
 Ma hạt bất la đất ngật lị quàn, phát  
 Mặt tắc la, sơn cát lật dã, bất la đất ngật la, la tạt dã, phát  
 Ma hạt cát lật dã, ma đắc lị cát nại, nại ma tắc ngật lị đất anh, phát  
 Miệt chiết nại tính anh, phát  
 Bất la hắc mặt nễ dã, phát  
 Ác ngật ái nễ anh, phát  
 Ma hạt cát lị anh, phát  
 Cát lật nại đế anh, phát  
 Y đắc lị anh, phát  
 Lãng đắc lị anh, phát  
 Trảo danh lị anh, phát  
 Bất la hột anh, phát  
 Tạt ma đế anh, phát  
 La đắc lị anh, phát

**Cát lạt la đắc lị, phát**

**Gia ma đát đế anh, phát**

**Ca bát lị anh, phát**

**Ác đế ma ngật đế, tắc ma chiết nại, mặt tịch nại anh, phát**

[OM\_ ASITA ANALA ARĀKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA  
SITĀTAPATREḤ (Quy mệnh Bạch Tản Cái với hào quang lửa màu trắng tinh phóng  
tỏa ánh sáng rực rỡ long lanh)

JVALA JVALA (Phóng quang)\_ HANA HANA (Đánh đập)\_ DARA DARA  
(Giang phục) \_ CCHINDA CCHINDA (Cắt đứt) \_ BHINDA BHINDA (Xuyên thấu)  
\_ CCHINDA CCHINDA (Cắt đứt) \_ HŪM HŪM (Khủng bố) \_ PHAṬ PHAṬ (Phá  
bại) \_ SVĀHĀ (Thành tựu)

HE HE PHAṬ (Kêu gọi phá bại)

HO HO PHAṬ (Vui vẻ phá bại)

AMOGHĀYA PHAṬ (Bất Không Thiên Sứ phá bại)

APRATIHAṬĀYA PHAṬ (Phá bại không chướng ngại)

VARA PRADĀYA PHAṬ (Nguyên ban cho phá bại)

ASURA VIDARA PAKĀYA PHAṬ (Phá bại sự phá hoại của A Tu La)

SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Thiên Chúng)

SARVA NĀGEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Long Chúng)

SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Phi Thiên Chúng)

SARVA MARŪTEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Phong Thần Chúng)

SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Kim Xí Điều Chúng)

SARVA KIMNAREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Nghi Thần Chúng)

SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Tầm Hương Chúng)

SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Đại Phúc Hành Thần  
Chúng)

SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Dược Xoa Chúng)

SARVA RĀKṢASEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả La Sát Chúng)

SARVA PRETEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ngạ Quỷ Chúng)

SARVA PIŚĀCEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Xí Trung Quỷ Chúng)

SARVA BHŪTEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Hóa Sinh Quỷ Chúng)

SARVA KUMBHĀṆḌEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ung Hình Quỷ Chúng)

SARVA PŪTANEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Xú Quỷ Chúng)

SARVA KAṬAPŪTANEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Kỳ Xú Quỷ Chúng)

SARVA SKANDEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Thiên Thần (vẹo môi) Quỷ  
Chúng)

SARVA UNMĀDEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ác Sinh Chúng)

SARVA CCHĀYEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ảnh Quỷ Chúng)

SARVA APASMĀREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Dương Đầu Quỷ Chúng)

SARVA AUṢṬARAKEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Lạc Đà Hình Quỷ  
Chúng)

SARVA DURLAMGHĪTEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ngộ Tường Quá  
Chúng)

SARVA DUṢPRAKṢITEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ngộ Kiến Quá Chúng)

SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Nhiệt Ngược Quỷ Chúng)

SARVA KṚTYA KARMAṆI KAKKOLIKEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả  
Chủng Loại Tác Nghiệp Chúng)

KIRANA VETĀDEBHYAḤ PHAḤ (Phá bại Khởi Thi Quỷ Chúng)

CICINDA (Bình Đại Ma) PRAŚAKA (Linh Khô Sáu ma) ŚCARDITEBHYAḤ  
 (Linh Vong Ma Chúng) PHAṬ (Phá bại)  
 DHURA BHUKTEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Linh Trần Phục Ma Chúng)  
 SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Ngoại Đạo Chúng)  
 SARVA ŚRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Trì Chú Chúng)  
 SARVA VIDYADHĀREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Trì Minh Chúng)  
 JAYA-KARA (Tác Thắng) MADHU-KARĀYEBHYAḤ (Tác Mật Chúng)  
 PHAṬ (Phá bại)  
 SARVA-ARTHA-SĀDHANEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại tất cả Thành Tựu Nghĩa  
 Lợi Chúng)  
 VIDYACĀRYEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Trì Chú Bác Sĩ Chúng)  
 CATURBHAGINĪBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Tứ Tỷ Muội Thần Nữ Chúng)  
 SARVA KAUMĀRĪBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Kim Cương Đồng Nữ Chúng)  
 VIDYARĀJEBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Minh Vương Chúng)  
 MAHĀ-PRATYUṆḂGIREBHYAḤ PHAṬ (Phá bại Đại Điều Phục Chúng)  
 VAJRA-ŚAṆKARĀYA PRATYUṆḂGIRA-RĀJĀYA PHAṬ (Phá bại Kim  
 Cương Tỏa Điều Phục Vương Đẳng)  
 MAHĀ-KĀLĀYA MĀTR-GAṆA NAMASKRĀTĀYE PHAṬ (Phá bại Đại Hắc  
 Thiên Thần, nơi kính lễ của Âm Mẫu Chúng)  
 VIŚNAVĪYE PHAṬ (Phá bại Tỳ Nữ Thiên Phi Đẳng)  
 BRAHMĪNĪYE PHAṬ (Phá bại Phạm Thiên Phi Đẳng)  
 AGNĪYE PHAṬ (Phá bại Hỏa Thiên Phi Đẳng)  
 MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ (Phá bại Đại Hắc Thiên Phi Đẳng)  
 KĀLA-DANḂĪYE PHAṬ (Phá bại Đại Quỷ Súc Hắc Ao Thần Đẳng)  
 INDRĪYE PHAṬ (Phá bại Đế Thích Thiên Phi Đẳng)  
 RAUDRĪYE PHAṬ (Phá bại Sân Nộ Thần Nữ Đẳng)  
 KAUMĀRĪYE PHAṬ (Phá bại Đồng Nữ Thần Đẳng)  
 VARĀHĪYE PHAṬ (Phá bại Trư Đầu Thần Nữ Đẳng)  
 CĀMUṆḂĪYE PHAṬ (Phá bại Nộ Thần Nữ Đẳng)  
 RUDRĪYE PHAṬ (Phá bại Tụ Tại Thiên Nữ Đẳng)  
 KĀLA-RĀTRĪYE PHAṬ (Phá bại Hắc Dạ Thần Nữ Đẳng)  
 YAMA-DANḂĪYE PHAṬ (Phá bại Diêm Ma Quỷ Súc Thần Đẳng)  
 KAPĀLĪYE PHAṬ (Phá bại Độc Lâu Thần Nữ Đẳng)  
 ADHIMUKTIKA ŚMAŚANA-VĀSINĪYE PHAṬ (Phá bại Chúng Quỷ Nữ vui  
 thích cư ngụ ở gò mả)]

\* \* \* \* \*) Phàm có Hữu Tình đối với Ta khởi Tâm ganh ghét nghi kỵ, khởi tâm  
 bạo ác hay tranh đoạt uy lực.

Lại có nhóm Quỷ tranh đoạt dung nhan, nhóm Quỷ ăn Tử Cung, nhóm Quỷ ăn  
 máu huyết, nhóm Quỷ ăn thứ giống như mỡ, nhóm Quỷ ăn thịt, nhóm Quỷ ăn mỡ,  
 Nhóm Quỷ ăn tủy, Nhóm Quỷ ăn vỏ bào thai, nhóm Quỷ cướp đoạt sinh mệnh, nhóm  
 Quỷ ăn thứ nôn mửa, nhóm Quỷ ăn đồ đại tiện, nhóm Quỷ ăn đồ tiểu tiện, nhóm Quỷ  
 ăn thứ tuôn chảy từ các khiếu, nhóm Quỷ ăn thứ dư thừa, nhóm Quỷ ăn nước rãi, nhóm  
 Quỷ ăn nước mũi, nhóm Quỷ ăn thứ khạc nhổ, nhóm Quỷ ăn mù của gân thịt thối nát,  
 nhóm Quỷ ăn thứ thí thực, nhóm Quỷ ăn tóc, nhóm Quỷ ăn mùi thơm, nhóm Quỷ ăn  
 hương, nhóm Quỷ ăn hoa, nhóm Quỷ ăn quả trái, nhóm Quỷ ăn cây non, nhóm Quỷ ăn  
 thứ thiêu đốt rồi cho, nhóm có đủ tâm tội lỗi sai lầm, nhóm có đủ tâm oán ghét ty hiềm,  
 nhóm có đủ tâm bạo ác.

Lại có nhóm Ma của hàng Trời, nhóm Ma của loài Rồng, nhóm Ma của hàng Phi Thiên, nhóm Ma của hàng Thân Gió, nhóm Ma của hàng Phi Không, nhóm Ma của hàng Tầm Hương, nhóm Ma của hàng Nghi Thần, nhóm Ma của hàng Đại Phúc Hành, nhóm Ma của hàng Thí Nghi, nhóm Ma của hàng Dạ Xoa, nhóm Ma của loài Quỷ Đồi, nhóm Ma ăn thịt, nhóm Ma ăn hơi thở, nhóm Ma có hình cái túi, nhóm Ma hôi thối, nhóm Ma có thân hôi thối, nhóm Ma khiến cho bị héo gầy, nhóm Ma khiến cho bị điên cuồng, nhóm Ma khiến bị Yểm My, nhóm Ma khiến cho quên lãng, nhóm Ma của hàng Trấn Phục, nhóm Ma của hàng Không Hành Mẫu, nhóm Ma của các vì sao quái, nhóm Ma của hàng Ngục Đế, nhóm Ma của hàng Âm Mẫu Linh Hỷ, nhóm Ma của hàng Du Hành Cụ Anh, nhóm Ma của hàng Bạt Lạt.

Lại có bệnh dịch trong 1 ngày, bệnh trong 2 ngày, bệnh trong 3 ngày, bệnh trong 4 ngày, bệnh trong 7 ngày, bệnh dịch thường xuyên, bệnh dịch không bao giờ hết, bệnh đau sỏi đầu, bệnh do hơi thở ra vào và theo gió khởi, bệnh theo trái mặt khởi, bệnh theo đàm khởi, bệnh theo câu tập khởi, tất cả bệnh tật, bệnh của thân...Nguyễn khiến tiêu trừ.

Lại có bệnh của thân thể, bệnh do ăn uống chẳng đủ, bệnh mắt, bệnh mũi, bệnh miệng, bệnh cổ, bệnh tim, bệnh cổ họng, bệnh tai, bệnh răng, bệnh nóng bức của tim, bệnh óc não, bệnh xương sườn, bệnh lỏng xương ở lưng (Bối Tiết), bệnh về bụng, bệnh eo lưng, bệnh cóc đạo, bệnh bắp đùi, bệnh bắp chân, bệnh bàn tay, bệnh bàn chân, bệnh từng chi, bệnh mọi chi...Nay nguyện khiến trừ, nay nguyện ủng hộ.

Dùng **Bạch Tản Cái Phật Mẫu Kim Cương Đỉnh Kế Đại Quýnh Già Mẫu** thì trong khoảng 12 Do Tuần, các nhóm ấy đều phải đi ra khỏi nơi đó.

Xác chết đứng dậy đi, Không Hành Mẫu với các bệnh tật: Nhọt ghê, nhọt ngứa ngáy, nhọt đầu mùa, nhọt bệnh cùi, nhọt do da bị lạnh nứt nẻ, nhọt trĩ, nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do bệnh lao, nhọt Diệu (?), bệnh do sợ hãi mà héo gầy, chất độc của vật báu, chất độc do hòa hợp pha chế, chất độc do ếm đối cầu đảo, nạn lửa, nạn nước, mọi tổn hoại do đấu tranh kết oán, nạn chết yểu không đúng thời.

Lại có loài Trùng Đắc-Lị Ma Bồ Cát, loài Trùng Đắc Lị Lạt Đất, bò cạp độc, rắn lớn, chuột, sói, sư tử, cọp, gấu, bi, gấu chó, loài thú dưới nước, loài giống như con ruồi con nhặng... hay cướp đoạt sinh mệnh của loài khác.

Tất cả Minh Chú của Đấng ấy, thấy đều cột trời

Tất cả uy nghi, thấy đều cột trời

Tất cả Minh Chú của loài khác, thấy đều cột trời

Tất cả Minh Chú của các loài Ma, thấy đều cột trời.

**“Đát diệt tha: Án\_ Ác nại linh, ác nại linh, mệnh chiết đế, mệnh chiết đế, mệnh la mạc tắc la nại lị, mạc nại mạc nại, mạc tắc la bát nễ, phát, hồng hồng, phát phát. Hồng, năng-long, mạc nại, phát\_Sa hạt “**

[TADYATHĀ (Liên nói Chú là) OM (Nhiếp triệu) ANALE ANALE (Ngọn lửa Thần Linh) VISUDDHE VISUDDHE (khiến cho thanh tịnh) VĪRA VAJRADHĀRI (Dũng Mạnh Kim Cương Trì) BANDHA BANDHA (Cột trời) VAJRAPĀṆI (Kim Cương Thủ) PHAṬ (Phá bại) HŪṀ HŪṀ (Khủng bố hộ vệ khắp) PHAṬ PHAṬ (Phá bại) HŪṀ ṬRŪṀ (Tâm Bồ Đề xa lìa kiêu mạn) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Thành tựu)]

(Theo người dịch thì phần trên là một Di Bản của Chú Lăng Nghiêm)

Phàm có Hành Nhân đem **Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu Dư Vô Năng Dịch Đại Quýnh Già Mẫu** này, hoặc tô vẽ trên vỏ cây hoa, giấy trắng, vỏ cây ròi đeo trên cổ thì có thể cho đến lúc chết dùng độc chẳng thể hại, dùng khí giới chẳng thể hại, dùng lửa chẳng thể đốt, dùng nước chẳng thể cuốn



chìm, dùng chất độc của vật báu (Bảo độc) chẳng thể bị trúng, dùng chất độc do hòa hợp chế biến (Hòa Độc) chẳng thể hại, dùng Chú Độc chẳng thể hại, Phi Thời Yêu Mệnh chẳng thể xâm phạm. Tất cả oan Ma và mọi bạn bè ác... Với tất cả nơi đều khởi yêu thích mà kính yêu người ấy.

Lại có Hằng Hà Sa Câu Đề 8 vạn 4 ngàn Đẳng loại Kim Cương cũng ủng hộ, cứu hộ, che chở. Đẳng ấy khởi tâm yêu thích mà kính yêu người ấy.

Lại nữa trong 8 vạn 4 ngàn Đại Kiếp được Túc Mệnh Trí. Sinh ra ở Thế Gian chẳng thọ nhận làm loài Thí Nghi, La Sát, Quỷ đói, loài hôi thối, loài có thân hôi thối. Lại trong cõi Người chẳng thọ thân nghèo túng, được đầy đủ Phước Đức của vô lượng vô số hằng hà sa số Chính Giác Xuất Hữu Hoại (Buddha Bhagavān: Phật Thế Tôn).

Lại hàng ngày thọ trì **Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu** ắt chẳng hành Phạm Hạnh cũng thành Phạm Hạnh, chẳng thể Nhân cũng hay thành Nhân, chẳng thanh tịnh ắt được thanh tịnh, không có Giới Cận Trụ cũng được Giới Cận Trụ, chẳng giữ Trai Giới cũng thành Trai Giới.

Thiết Nĩ có nói: “5 tội Vô Gian cũng có thể thanh tịnh không còn sót, nghiệp chướng quá khứ thấy đều tiêu diệt”

Nếu người nữ cầu con ắt có thể thọ trì **Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tản Cái Phật Mẫu Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu** sẽ được con cái có đầy đủ thọ mệnh, Phước Đức, uy lực. Sau khi chết vãng sinh về cõi Cực Lạc (Sukha-vatī).

Lại nữa bệnh của người, bệnh của bò, bệnh của gia súc, bệnh dịch, sự tổn hoại do bệnh tật gây ra, chiến đấu với người khác trong tất cả quân binh... ắt có thể đem **Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái Phật Mẫu Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu** này đặt trên đầu cây phượng, tác cúng dường rộng lớn. Rồi đem cây phượng này đặt trên cửa thành lớn; hoặc trong cung điện, nhà cửa; hoặc trong thôn phường, tụ lạc. Hoặc đặt cây phượng ấy trong sông, suối, nơi tịch tĩnh. Đối với **Dư Vô Năng Địch Đại Quýnh Già Mẫu** tác cúng dường rộng lớn ắt hay mau chóng khiến cho quốc thổ được an ninh, cũng hay làm an lành sự chướng ngại của bệnh dịch và sự tổn hoại do đấu tranh với tất cả quân binh của xứ khác.

1) Mạc Tắc La Bát Nễ (Vajrapāṇi: Kim Cương Thủ) Khiển Ma Ủng Hộ Chú:

**Ninh đắc tha đạt: Ân\_ Thất đá một, mạt nại mạt nại. Ủng hộ cho con, ủng hộ cho con, sa hạt**

**La thất khát, la thất khát ma. Ân, hồng thất đá một, mạt năng nại mạt năng nại, mạt tắc la ủng hộ cho con. La thất khát, la thất khát ma, mạt tắc la mạt nễ, hồng phát, sa hạt.**

[TADYATHĀ (Liên nói Chú là) OM (Nhiếp Triệu) ṢṬOM (Chủng Tử) BANDHA BANDHA (Cột trói) MAMA (Tôi, con) RAKṢA RAKṢA (Ủng hộ) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

RAKṢA RAKṢA MĀM (Ủng hộ, ủng hộ cho con) HŪM ṢṬOM (Chủng tử) BANDHANI BANDHANI (Trói buộc) VAJRA (Kim Cương) MAMA RAKṢA (Ủng hộ cho con) RAKṢA (Ủng hộ).VAJRAPĀṆI (Kim Cương Thủ) HŪM (Khủng bố) PHAT (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)]

(ND: Bản Tây Tạng thay câu **Rakṣa rakṣa mām Hūm** bằng chữ **Om** và thay 2 chữ **Bandhani** bằng 2 chữ **Bandha** )

2) Hằng Thường Trì Tâm Chú :

**Ân\_ Tát lạt mạt, dát đạt yết đá, ô thất nễ chiết, ác oát lãng ngật đế ma nại đĩnh tạng la thất nễ**

**Án, nại lạt nại lạt, nại khát, nại la nại la, mịch nại la mịch nại la, tần nại tần nại, mịch nại mịch nại, hồng hồng, phát phát, sa hạt**

[OM\_ SARVA TATHĀGATA-UṢṆĪṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh) ANĀVALOKITEC (Tuân theo sự quán chiếu) ŪRṆATE (Bạch Hào Tướng) JVALASĪ (Quang minh)

OM (Nhiếp Triệu) JVALA JVALA ( Phóng quang) DHAKA DHAKA (Uy quang) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Giáng phục khắp) CCHINDA CCHINDA (Cắt đứt) BHINDA BHINDA (Xuyên thấu) HŪM HŪM (Khủng bố) PHAT PHAT (Phá bại) SVĀHĀ (Thành tựu)]

(Bản khác ghi nhận bài Chú này là **Phật Đỉnh Tâm Chú**:

**Namo sarva-jñāya**

**Om\_ Tathāgaṣṇīṣa** (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrḍha tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūm** (thành tựu)\_ **jvala jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda cchinda, bhinda bhinda, hūm phat phat svāhā**)

3) Tăng Trưởng Thân (Gần Gũi) Thân (Thê xác) Chú:

**Án\_ Tát lạt mạt, đát đạt yết đá, ô thất nễ chiết, hồng phát, sa hạ**

[OM\_ SARVA TATHĀGATA-UṢṆĪṢA (Quy mệnh tất cả Như Lai Đỉnh) HŪM (Khủng bố) PHAT (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)]

4) Nhiếp Thọ Chú :

**Ninh dã đạt: Án, ác nại linh ác nại linh, khát tát mỉnh khát tát mỉnh, mệnh la mệnh la, tinh tinh**

**Tát lạt mạt mạt nại, ác nhược thất đạt nại, ác nhược thất đắc đĩnh**

**Tát lạt mạt, đát đạt yết đá, ô thất nễ chước, tịch đát đát mạt đắc lị, hồng phát, sa hạt**

[TADYATHĀ (Liên nói Chú là) ANALE ANALE (Ngọn lửa linh thiêng) KHASAME KHASAME (Thôi thúc tôi, thúc đẩy tôi) VAIRE VAIRE (Tinh tiến dũng mãnh) SOME SOME (Rượu bất tử, sự tốt lành)

SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA (Thần lực của tất cả chư Phật) ADHIṢṬITE (Gia trì)

SARVA TATHĀGATA-UṢṆĪṢA-SITĀTAPATRE (Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái) HŪM (Khủng bố) PHAT (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

5) Kiên Giáp Chú:

**Hồng, ma ma, hồng, nễ, sa hạt**

[HŪM (Tâm Bồ Đề) MAMA HŪM (Hộ vệ cho con) NI (Tướng tốt đẹp) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)]

Nếu tác Minh (Vidya) tu tập đủ thì hết thầy hàng Long Vương (Nāgarāja) sẽ y theo Thời tuôn mưa. Các Đấng Chính Giác (Phật , Bồ Đề Mãnh Thức (Bồ Tát), Trời với Phi Thiên, loài Người, hàng Tâm Hương, tất cả Thế Gian... đều rất vui vẻ. Ở trước nơi Đức Xuất Hữu Hoại giảng nói, thầy đều khen ngợi.

PHẬT THUYẾT ĐẠI BẠCH TẢN CÁI TỔNG TRÌ ĐÀ LA NI KINH

\_Hết\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 15/02/2013

ĐẠI BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU TỔNG TRÌ  
TẢN THÁN ĐẢO CHÚC KỆ

Việt dịch: HUYỀN THANH

ÁN\_ Diệu toà trong trắng trên hoa sen.  
Kim Cương Già Phu, thân sắc trắng  
Tay trái ngang ngực cầm lọng trắng  
Đủ nơi lọng trắng, xung tán lễ.  
Tay phải kết nơi Vô Úy Ân.  
Khuôn mặt cười tươi, thân yếu diệu.  
Phật Mẫu nhiếp thọ mọi Chính Giác.  
Tất cả xung tán lễ nơi ấy  
Điều phục tất cả chôn Hữu Tình  
Tùy loại hóa hiện muôn thứ Thân.  
Đại Bảo trang nghiêm cực mỹ diệu.  
Duyệt Ý Mẫu xứ , xung tán lễ.

ÁN\_ Vô Hữu Năng Địch Đại Khẩn Mẫu.  
Đại quyết Phác Mẫu, Đại Lực Mẫu.  
Đại Xí Nhiên Mẫu, Đại Uy Mẫu.  
Đại Bạch Cái Mẫu, Đại Lực Mẫu.  
Xí Nhiên Giải Anh Bạch Y Mẫu.  
Thánh Cứu Độ Mẫu Đại Sân Trúu (Sân Nộ Mẫu)  
Thánh Thế Kim Cương Xung Niệm Châu.  
Liên Hoa Chiêu Minh, Kim Cương Danh.  
Vô Hữu Năng Địch Cụ Niệm Châu.  
Kim Cương Tường Đẳng Tội Hoại Mẫu.  
Nhu Thiện Phật Đẳng Cúng Dường Mẫu.  
Nhu Thiện Uy Lực Cụ Đại Mẫu.  
Thánh Cứu Độ Mẫu, Đại Lực Mẫu.  
Bất Một Kim Cương Thiết Đỉnh Mẫu.  
Kim Cương Thiếu Đồng Trì Chủng Mẫu.  
Kim Cương Thủ Chủng, Kim Niệm Châu.  
Đại Xích Sắc với Bảo Châu Mẫu.  
Chủng Minh Kim Cương Xung Đỉnh Kế.  
Chủng Tướng Yếu Diệu Kim Cương Mẫu.  
Nhu Kim Sắc Quang Cụ Nhân Mẫu.  
Kim Cương Chúc với Bạch Sắc Mẫu.  
Liên Hoa Mục với Nguyệt Quang Mẫu.  
Xung tán lễ nơi tụ Thủ Ấn  
Xuất Hữu Hoại Mẫu, Bạch Cái Mẫu.  
Thích Ca Đỉnh Kế Trung Xuất Mẫu.  
Kim Cương Đỉnh Kế Quýnh Già Mẫu.  
Thiên Tý Thiên Thủ Đại Cụ Mẫu.  
Đại Cụ Đê Chi Cụ Nhân Mẫu  
Bất Nhị Xí Nhiên Cụ Chủng Tướng.

Kim Cương Quảng Bác Đại Bạch Mẫu.  
Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu.  
Tối cực nơi con, cầu ủng hộ.  
Tối cực nơi con, xin che giúp.

ÁN-Quốc vương, giặc cướp, nước, lửa, độc.  
Khí giới, đói khát, Tà Ma, tật.  
Sét đánh phi thời và chết yếu.  
Động đất, hình phạt của quốc vương.  
Sấm sét, Phi Không, các Bồ tát.  
Loài cạp, thú ác trong nạn lớn.  
Trong tất cả Thời xin che giúp.  
Thiên Ma, các Ma gây trở ngại  
Loài đoạt uy lực và Quỷ đói  
Nhóm Phong, Đám, Đàm trong đại bệnh  
Trong tất cả Thời xin che giúp  
Nhóm Tham, Sân, Si, các phiền não  
Mười nghiệp bất thiện, năm vô gián  
Ngăn che Tự Tính, gây Tội nghiệp  
Nẻo ác, quả khổ trong sợ hãi  
Ngu tư (vốn Tính ngu muội) nay con cầu che giúp  
Dùng Thiết câu của Đại Từ bi  
Giống như Ái Tử (con yêu) xin hộ trì  
Trong tất cả Thời ủng hộ con .

ĐẠI BẠCH TẢN CÁI TỔNG TRÌ TÁN THÁN ĐẢO CHÚC KỆ  
\_Hết\_

17/ 11/ 2001

# PHẬT THUYẾT ĐẠI BẠCH TẢN CÁI TỔNG TRÌ ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Đồi Nguyên \_Nước Thiên Trúc: TUẤN BIÊN Đại Sư cùng với  
Dịch Chủ Tăng là nhóm CHÂN TRÍ dịch.  
Tạng văn: Tây Khang NẶC NA Hô Đồ Khắc Đồ  
Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH.

Kính lễ tất cả Thượng Sư tối diệu.

Phàm muốn tu tập BẠCH TẢN CÁI PHẬT MÃU thì ở trong phòng thất vắng lặng,ngồi trên cái chăn mềm ấm,sau đó phát nguyện: “**Vì tất cả hữu tình đang luân hồi trong 6 nẻo, khiến cho họ được giải thoát. Nguyện cho con thành Cứu Cánh Chính Giác**”. Phát nguyện xong hướng lên không trung tưởng Bạch Tản Cái Phật hội. Ngay nơi ấy dùng Tâm chân thật niệm TAM QUY xong thì Phật hội tan dần thành ánh sáng rực rỡ nhập vào thân tâm của mình rồi thân mình hoá thành ánh sáng.Sau đó niệm chú SA BA OÁT (Svabhāva-mantra: Thần Chú Tự Tính), tưởng tất cả đều trống rỗng (Śūnya: Không). Nơi cái KHÔNG ấy,tưởng chữ ÁN (ॐ \_ OM) màu trắng ở trên hoa sen trong vành trăng.Chữ ÁN phóng ánh sáng toả ra rồi quay trở lại,chúng tự biến thành cái lọng trắng cán vàng,trên cán có chữ ÁN. Chữ đó phóng ánh sáng toả ra rồi quay trở lại, chúng tự biến thành BẠCH TẢN CÁI PHẬT MÃU: một mặt, hai tay, đủ ba mắt, ngồi theo thế Kim Cương Già Phu,tay phải tác Vô Bồ Úy Ấn, tay trái cầm cái lọng trắng đặt ngang ngực, nghiêm sức bằng mọi thứ anh lạc, thân màu trắng tinh khiết như ánh mặt trời soi trên núi tuyết, tướng vui vẻ, hiển VÔ TỰ TÍNH. Nên quán như hình tượng ở trong gương.

Khi muốn tụng Chú thì ngay trong trái tim của mình,trong vành trăng trên hoa sen có Tâm Chú với nhóm Tổng Trì dài ngắn vây quanh chữ ÁN. Nơi đấy phóng ra ánh sáng khiến trừ tất cả tội chướng với sự gián đoạn của Ta và Người khác. Tưởng xong ,sau đó tán tụng.

**\*)Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn:**

OM SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMAH SVABHĀVA  
VÍSUDDHĪHOAM

Kính lễ TAM BẢO TỐI THƯỢNG.

Như vậy tôi nghe, một thời Đức XUẤT HỮU HOẠI (Bhagavān: Thế Tôn) trụ ở Thiện Pháp Diệu Hảo của cõi Tam Thập Tam Thiên là nơi cư ngụ của chư Thiên cùng với Đại tỳ kheo, Đại Bồ Đề Mãnh Thức, vua Trời Đế Thích và đồ chúng cùng tập hội.Bấy giờ Đức XUẤT HỮU HOẠI ngồi trên toà sen nhập vào Tam muội PHỔ QUÁN ĐỈNH KẾ, đột nhiên từ trong đỉnh kế của Đức XUẤT HỮU HOẠI hiện ra Hành Pháp Mật Chú Tổng Trì như sau:

Kính lễ Chính Giác với tất cả Bồ Đề Mãnh Thức.

Kính lễ Đại chúng.

Kính lễ bảy câu đề Chân Thật Cứu Cánh Chính Giác với hàng Đại chúng Thanh Văn.

Kính lễ tất cả Đẳng Thế Gian Hoại Oán.

Kính lễ tất cả Đẳng Thuận Lưu.

Kính lễ tất cả Đẳng Nhất Lai.

Kính lễ tất cả Đẳng Bất Hoàn.

Kính lễ tất cả Đẳng Thế Gian Chân Thật Siêu Việt.  
 Kính lễ tất cả Đẳng Nhập Thật.  
 Kính lễ Chú Trớ với năng lực gia hộ của Đẳng Đại Tiên.  
 Kính lễ Đẳng Trì Tụng Minh Chú được thành tựu.  
 Kính lễ Tịnh Phạm.  
 Kính lễ Đệ Thích.  
 Kính lễ Khẩn Uy Cụ Mỹ hay đẩy lui người chủ về khổ hạnh.  
 Kính lễ Cụ Mỹ Nghiêm Ngũ Thủ Ấn, là nơi quy kính của Vô Ái Tử.  
 Kính lễ Cụ Mỹ hay tòi hoại ba tầng cung thành, trú ngụ nơi gò mả, là nơi quy kính của tất cả Âm Mẫu.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI NHƯ LAI CHỨNG PHẬT.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI LIÊN HOA CHỨNG PHẬT.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI KIM CƯƠNG CHỨNG PHẬT.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI BẢO CHÂU CHỨNG PHẬT.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI ĐẠI TƯỢNG CHỨNG PHẬT.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI DIỆU ĐỒNG CHỨNG PHẬT.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI LONG CHỨNG PHẬT.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri DỪNG BỘ CỐ KHÍ GIỚI VƯƠNG Phật.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri VÔ LƯỢNG QUANG Phật.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri BẤT ĐỘNG Phật.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG VƯƠNG Phật.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri SA LA CHỦ VƯƠNG Phật.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri HOA BẢO VIÊN MÃN Phật.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri THÍCH CA MÂU NI Phật.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri BẢO THƯỢNG VƯƠNG Phật.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri TỐI DIỆU PHỔ HIỀN Phật.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri CHÚNG MINH CHỦ Phật.  
 Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri MỤC VIÊN MÃN Ô BA LẬP HƯƠNG THƯỢNG VƯƠNG Phật.  
 Kính lễ các Đẳng ấy xong.  
 Dùng XUẤT HỮU HOẠI MÃU, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất BẠCH TÀN CÁI PHẬT MÃU, DƯ VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MÃU, quyết đoạn tất cả Tà Ma ăn hơi thở ra vào.  
 Cũng hay quyết đoạn tất cả Minh Chú của các loài khác.  
 Cũng hay ngăn che sự chết yếu phi thời.  
 Cũng hay khiến Hữu Tình giải thoát tất cả sự cột trói.  
 Cũng hay ngăn che sự ghét bỏ nghi ngờ, ác mộng.  
 Cũng hay phá nát tám vạn bốn ngàn Tà Ma.  
 Cũng hay làm cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ.

Cũng hay chiết phục tám vị Đại Phòng Tú.

Cũng hay ngăn che tất cả oán thù.

Cũng hay tòi hoại sự tối cực bạo ác, tất cả sự ghét bỏ nghi ngờ, ác mộng.

Cũng hay cứu độ nạn về thuốc độc, khí giới nước lửa.

\*) Vô HỮU Năng Địch Đại Khản Mẫu.

Đại xuyết Phác Mẫu, Đại Lực Mẫu.

Đại Xí Nhiên Mẫu Đại uy Lực.

Đại Bạch Tán Mẫu, Đại lực Mẫu.

Xí Nhiên Giải Anh Bạch Y Mẫu.

Thánh Cứu Độ Mẫu, Cự Sân Nộ.

Thắng Thế Kim Cương xưng niệm châu.

Liên Hoa Chiêu Minh Kim Cương Danh.

Vô HỮU Năng Địch Cự Niệm Châu.

Kim Cương Tường Đẳng Tồi Hoại Mẫu.

Nhu Thiện Phật Đẳng Cúng Dương Mẫu.

Nhu Tướng Uy Lực cụ Đại Mẫu.

Thánh Cứu Độ Mẫu, Đại Lực Mẫu.

Bát Một Kim Cương, Thiết Đỉnh Mẫu.

Kim Cương Thiêu Đồng Trì Chủng Mẫu.

Kim Cương Thủ Chủng Kim Niệm Châu.

Đại Xích Sắc với Bảo Châu Mẫu.

Chủng Minh Kim Cương Xưng Đỉnh Kế.

Chủng Tướng Yếu Diệu Kim Cương Mẫu.

Như Kim Sắc Quang Cự Nhân Mẫu.

Kim Cương Chúc với Bạch Sắc Mẫu.

Liên Hoa Nhân với Nguyệt Quang Mẫu.

Vì tất cả lực của Thủ Ấn nhóm tụ cho nên nay ủng hộ cho con, ủng hộ cho con với các chúng sinh.

OM\_ SARVA-TATHĀGATOṢṢNĪṢA-SITĀTAPATRE HŪM ṬRUM HRĪḤ ṢṬOM

JAMBHANA KARI HŪM ṬRUM HRĪḤ ṢṬOM

STAMBHANA KARI HŪM ṬRUM HRĪḤ ṢṬOM

MOHANA KARI HŪM ṬRUM HRĪḤ ṢṬOM

LAMBHANA KARI HŪM ṬRUM HRĪḤ ṢṬOM

MABHANA KARI HŪM ṬRUM HRĪḤ ṢṬOM

PARAṢABHAKSANA KARI (?PARAVIDYA SAMBHAḶṢANA KARI)  
HŪM ṬRUM HRĪḤ ṢṬOM

SARVA DUṢṬĀ PRADUṢṬANĀM STAMBHANA KARI HŪM ṬRUM  
HRĪḤ ṢṬOM

SARVA YAKṢASA (?YAKSA RĀK,SASA) GRAHANĀM VIDHVAMṢANA  
KARI HŪM ṬRUM HRĪḤ ṢṬOM

SARVA PARAVITYĀ (?PARAVIDYA) CCHEDANA KARI HŪM ṬRUM  
HRĪḤ ṢṬOM

CATUR-AṢĪTĪNĀM GRAHA SAHASRANĀM VIDHVAMṢANA KARI  
HŪM ṬRUM HRĪḤ ṢṬOM

AṢṬA-VIṢĀTINĀM (?AṢṬA-VIMṢATĪNĀM) NAKṢATRANĀM  
PRASĀDANA KARI HŪM ṬRUM HRĪḤ ṢṬOM

AṢṬANĀM MAHĀ-GRAHANĀM VIDHVAMṢANA KARI HŪM ṬRUM  
HRĪḤ ṢṬOM



RAKṢA RAKṢA MĀM SARVA-SATVAMSCA. (?SARVA SATVĀNĀMCA)  
Xuất Hữu Hoại Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tàn Cái Phật Mẫu, Kim Cương Đỉnh Kế Quýnh Già Mẫu, Cự Thiên Thủ Thánh Mẫu, Thiên Diện Thánh Mẫu, Bách Thiên Vạn Nhân Thánh Mẫu, Bất Nhị Xí Nhiên Cự Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu, Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu. Trong tất cả Thời ủng hộ cho con với các chúng sinh thường được an ổn.

Chủng Tướng Yêu Diệu Kim Cương Mẫu, Như Kim Sắc Quang Nhân Mẫu, Kim Cương Chúc, Bạch Sắc Mẫu, Liên Hoa Nhân, Nguyệt Quang Mẫu, Liên Hoa Chiêu Minh, Kim Cương Danh, Kim Cương Thiếu Đồng Trì Chủng Mẫu, tất cả chư Phật. Vì tất cả lực của Thủ Ấn, Chân Ngôn nhóm tụ cho nên nay ủng hộ cho con với các chúng sinh.

\*JOM RIṢIGANA (?RṢĪ-GANA) PRAŚĀTĀ (?PRAŚASTA) SARVA  
TATHĀGATOṢNĪṢA SITĀTAPATRE HŪM ṬRUM  
JAMBHANA KARI HŪM ṬRUM  
STAMBHANA KARI HŪM ṬRUM  
MAHĀ-VIDYĀ SAMBHAḶṢANA KARI HŪM ṬRUM  
PARAVIDYĀ SAMBHAḶṢANA KARI HŪM ṬRUM  
SARVA DUṢṬAṆĀM STAMBHANA KARI HŪM ṬRUM.  
SARVA YAKṢA RAKṢASA GRAHĀṆĀM VIDHVAMṢANA KARI HŪM  
ṬRUM  
CATUR-AŚITĪNĀM GRAHA SAHASRANĀM VIDHVAMṢANA KARI  
HŪM ṬRUM  
AṢṬA VIŚATĪNĀM (?AṢṬA-VIMŚATĪNĀM) NAKṢATRANĀM  
PRASĀDANA KARI HŪM ṬRUM  
AṢṬANĀM MAHĀ-GRAHĀṆĀM VIDHVAMṢANA KARI HŪM ṬRUM  
HŪM HŪM PHAṬ PHAṬ  
RAKṢA RAKṢA MĀM SVĀHĀ.

Xuất Hữu Hoại Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Trung Xuất Bạch Tàn Cái Phật Mẫu, Kim Cương Đỉnh Kế Đại Quýnh Già Mẫu, Cự Thiên Thủ Thánh Mẫu, Thiên Diện Thánh Mẫu, Bách Thiên Vạn Nhân Thánh Mẫu, Bất Nhị Xí Nhiên Cự Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu, Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu.

\*Con với các chúng sinh gặp các nạn vua chúa, nạn trộm cướp, nạn lửa, nạn nước, nạn thuốc độc, nạn khí giới, nạn quân binh, nạn đói khát, nạn oán thù, nạn bệnh dịch, nạn sét đánh thành linh, nạn chết yểu phi thời, nạn động đất, nạn sao băng, nạn vua chúa trừng phạt, nạn chư Thiên hại, nạn Rồng hại, nạn sấm sét, nạn do hàng Hư Không Hành gây ra, nạn thú dữ, nạn giận dữ...

Lại gặp: ma của hàng Thiên, ma của hàng Rồng, ma của hàng Phi Thiên, ma của hàng Thần Gió, ma của hàng Phi Không (bay trên hư không), ma của hàng Tầm Hương, ma của hàng Nghi Thân, ma của hàng Đại Phúc Hành, ma của hàng Thí Đắc, ma của hàng Dạ Xoa, ma của hàng Ngạ Quỷ, ma của hàng Không Hành Mẫu, ma ăn thịt, ma ăn hơi thở ra vào, ma có hình cái bình cái túi, ma hôi thối, ma có thân hình hôi thối, ma khiến cho héo gầy, ma hay trừ yếm, ma khiến bị điên cuồng, ma khiến cho quên lãng, ma khiến bị trần phục, ma của vị Sao quái.... Trong tất cả các nạn ấy nguyện cho con được an ổn tốt lành.

Lại có: Quý đoạt uy lực, Quý đoạt dung nhan, Quý ăn tử cung, Quý uống máu, Quý ăn bào thai, Quý ăn thịt, Quý ăn mỡ, Quý ăn tủy, Quý ăn da ngón tay, Quý cướp đoạt mạng sống, Quý ăn thú nôn mửa, Quý ăn đồ đại tiện, Quý ăn đồ tiểu tiện, Quý ăn

thứ tuôn chảy từ các khiêu, Quý ăn thứ dư thừa, Quý ăn thứ khạc nhổ, Quý ăn mủ của gân thịt thối nát, Quý ăn nước rãi, Quý ăn nước mũi, Quý ăn đồ thí thực, Quý ăn tóc, Quý ăn hương, Quý ăn mùi hương, Quý đoạt ý, Quý ăn hoa, Quý ăn quả trái, Quý ăn cây non... Trong tất cả hàng ấy, nguyện cho con được an ổn tốt lành.

Các Minh Chú do các loài Quý và tất cả loài Ma nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Không Hành và Không Hành Mẫu nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do Đại Thủ Chủ nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Vô Ái Tử nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Phi Hành và Chân Thật Tác nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Đại Hắc và Âm Mẫu nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Trì Nhân Đầu Khí nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Linh Thắng, Tác Phong Mật, Linh Nghĩa, Cam, Thành nói... dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do 4 chị em Thần Nữ nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do Tất Ly Kê Ly Đề, Hỷ Chủ và Tập Chủ nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Vô Thiện Tĩnh nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do hàng Nan Dục nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Minh Chú do Mật Chủ Kim Cương Thủ nói, dùng Pháp này quyết cắt đứt và dùng chày đánh phạt.

Kính lễ XUẤT HỮU HOẠI MẪU, NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỈNH KẾ TRUNG XUẤT BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU. Hãy ủng hộ cho con, ủng hộ cho con với các chúng sinh.

OM\_ ASITA ANALĀRKA PRABHA SPUṬAVIKA (?SPHUṬA VIKACA) SITĀTAPATRE.

OM\_ JVALA JVALA KHĀDA KHĀDA HANA HANA DAHA DAHA DARA DARA VIDARA VIDARA CCHINDA CCHINDA BHINDA BHINDA HŪM PHAT

AMOGHA PHAT

APRATIHAṬĀYA PHAT

VARADĀYA PHAT

VARAPRATĀYA (?VARA PRADĀYA) PHAT

PRATYASGIRĀTĀYA (? PRATYUṄĪRĀYA) PHAT

ASURA VIDRAVAṆA KARĀYA (? VIDARA PĀKĀYA) PHAT

PARAVIDRAVAṆA KARĀYA (? PARAVIDARA PĀKĀYA) PHAT

SARVA DEVEBHYAḤ PHAT

SARVA NAGEBHYAḤ (?NĀGEBHYAḤ) PHAT

SARVA RAK,SASEBHYAḤ (?RĀKṢASEBHYAḤ) PHAT

SARVA BHŪTEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA PRETEBHYAḤ PHAḤ  
 SARVA PEŚACEBHYAḤ (?PIŚĀCEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA PŪTANAMBHYAḤ (? PŪTANEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA KHATAPŪTANEBHYAḤ (?KAṬAPŪTANEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA SKANDEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA UMMĀDEBHYAḤ (? UNMĀDEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA CCHĀYEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA APĀSMAREBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA OSTARAKEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA ḌĀKINĪBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA REVATĪBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA YANAYEBHYAḤ (?YAMĀYEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA ŚAKUNIBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA TREGAṆEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA KAMPŪKIMANIBHYAḤ (? KĀMBOJINĪBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA ALAMBAKEBHYAḤ (? LAMBIKEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA KATADANIBHYAḤ (? KAṆṬAPĀṆĪBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA GANDEBHYAḤ (?GANDHEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA GANDĀRVEBHYAḤ (? GANDHARVEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA KINNAREBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA GARUḌREBHYAḤ (?GARUḌEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA DURLAMĠTEBHYAḤ (?DURLAMĠGHYEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA DUPRAKṢITEBHYAḤ (? DUṢPREBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA BHAYEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA UPADRAVEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA UPASARGE BHYAḤ PHAṬ  
 SARVA KRITYA KARMAṆI KĀKHORDEBHYAḤ PHAṬ  
 KIRANA VETĀḌEBHYAḤ PHAṬ  
 CICCHA PREŚĀKA SARVA TUŚCARDETEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA DURU BHUKTEBHYAḤ PHAṬ.  
 SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA ŚRAMAṆIBHYAḤ (?ŚRAMAṆEBHYAḤ) PHAṬ  
 SARVA PĀTAKEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA VIDYĀ-DHAREBHYAḤ PHAṬ  
 JAYA KAMARA DHUKARA SARVA ARTHASADHAK EBHYO VIDYĀ  
 CAREBHYAḤ (? SARVA JAYA-KARA MADHU-KARA SARVĀRTHA-  
 SĀDHANEBHYAḤ VIDYA-CĀRYEBHYAḤ) PHAḤ  
 CATURBHYO BHAGENIBHYAḤ (?CATUR-BHAGINĪBHYAḤ) PHAṬ  
 VAJRA KORĀNĪ (?VAJRA-KAUMĀRI) VAJRA-KULANDHARI VIDYĀ-  
 CARYEBHYAḤ PHAṬ  
 SARVA MAHĀ-PRATYAMĠGIREBHYAḤ (?MAHĀ-  
 PRATYUṆĠĪREBHYAḤ) PHAṬ

VAJRA-ŚAMKALAYA PRATYAMGIRE-RĀJAYA (?VAJRA-ŚANĀKARĀYA  
 PRATYUṄGĪRA-RĀJĀYA) PHAṬ  
 MAHĀ-KĀLĀYA MĀTYEKANA NAMASKRITĀYE (?MAHĀ-KĀLĀYA  
 MĀTR-GAṆĀYA NAMASKRṬĀYA) PHAṬ  
 BRAHMAṆĪYE PHAṬ  
 VIṢṆAVĪYE PHAṬ  
 MAHĀ-ŚRARĪYE PHAṬ  
 RODRĪYE (? RUDRĪYE) PHAṬ  
 MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ  
 CAMUṆḌĪYE PHAṬ  
 KOMARĪYE (? KAUMĀRĪYE) PHAṬ  
 VĀRĀHĪYE (?VARĀHĪYE) PHAṬ  
 INDRA YE PHAṬ  
 AKNĀYE (? AGNĪYE) PHAṬ  
 YAMĀYE PHAṬ  
 NIRĪDIYE (?AINDRĪYE) PHAṬ  
 VARUṆYE PHAṬ  
 MARUDĪYE (?MARŪTĪYE) PHAṬ  
 SOMAYE PHAṬ  
 IŚANĪYE (?IŚANĪYE) PHAṬ  
 KĀLA-DANḌĪYE PHAṬ  
 KĀLA-RĀTRĪYE PHAṬ  
 YAMA-DANḌĪYE PHAṬ  
 RODRĪYE (? RAUDRĪYE) PHAṬ  
 KAPĀLIYE PHAṬ  
 ADHIMUKHE ŚMAŚĀNA SINĪYE (? ADHIMUKTIKA ŚMAŚĀNA-  
 VĀSINĪYE) PHAṬ  
 OM\_ ṢṬOM BANDHA BANDHA RAKṢA RAKṢA MAṀ SVĀHĀ.

Phàm có Hữu Tinh đối với ta khởi Tâm ganh ghét hoài nghi, Tâm bạo ác hoặc hay tranh đoạt uy lực.

Lại có: nhóm Quỷ đoạt dung nhan, nhóm Quỷ ăn tử cung, nhóm Quỷ ăn máu, nhóm Quỷ ăn thứ giống như mỡ, nhóm Quỷ ăn thịt, nhóm Quỷ ăn mỡ, nhóm Quỷ ăn tủy, nhóm Quỷ ăn vỏ bào thai, nhóm Quỷ cướp đoạt sinh mạng, nhóm Quỷ ăn thứ nôn mửa, nhóm Quỷ ăn đồ đại tiện, nhóm Quỷ ăn đồ tiểu tiện, nhóm Quỷ ăn thứ tuôn chảy từ các khiếu, nhóm Quỷ ăn thứ dư thừa, nhóm Quỷ ăn nước rãi, nhóm Quỷ ăn nước mũi, nhóm Quỷ ăn thứ khạc nhổ, nhóm Quỷ ăn mủ của gân thịt thối nát, nhóm Quỷ ăn thức thối thực, nhóm Quỷ ăn tóc, nhóm Quỷ ăn hương, nhóm Quỷ ăn mùi hương, nhóm Quỷ ăn hoa, nhóm Quỷ ăn quả trái, nhóm Quỷ ăn cây non, nhóm Quỷ ăn thức thiêu đốt rồi cho, nhóm có đầy đủ Tâm tội lỗi sai lầm, nhóm có đủ Tâm oán ghét tị hiềm.

Lại có nhóm ma của hàng Trời, nhóm ma của hàng Rồng, nhóm ma của hàng Phi Thiên, nhóm ma của hàng Thần Gió, nhóm ma của hàng bay trên không (Phi Không), nhóm ma của hàng Tầm Hương, nhóm ma của hàng Nghi Thần, nhóm ma của hàng Đại Phúc Hành, nhóm ma của hàng Thí Đắc, nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng Ngạ Quỷ, nhóm ma ăn thịt, nhóm ma ăn hơi thở ra vào, nhóm ma có hình cái bình cái túi, nhóm ma hôi thối, nhóm ma có thân hình hôi thối, nhóm ma khiến bị héo gầy, nhóm ma khiến bị điên cuồng, nhóm ma khiến bị ếm đối, nhóm ma khiến cho quên lãng, nhóm ma của hàng Trần Phục, nhóm ma của hàng Không Hành Mẫu, nhóm

ma của các vì Sao quái, nhóm ma của hàng Ngục Đế, nhóm ma của hàng Âm Mẫu và Linh Hỷ, nhóm ma của hàng Biên Du Hành Cụ Anh, nhóm ma Bạt Lạt.

Lại có: bệnh dịch trong một ngày, bệnh trong hai ngày, bệnh trong ba ngày, bệnh trong bốn ngày, bệnh trong bảy ngày, bệnh dịch thường xuyên, bệnh dịch không bao giờ hết, bệnh đau sỏi đầu, bệnh do hơi thở ra vào, bệnh theo gió khởi, bệnh theo trái mặt khởi, bệnh theo đàm khởi, bệnh theo câu tập khởi, tất cả bệnh tật, bệnh của thân.....Tất cả đấng ấy nguyện khiến khiến trừ.

Lại có: bệnh của thân thể, bệnh chẳng đủ ăn uống, bệnh mắt, bệnh mũi, bệnh phía sau cổ, bệnh miệng, bệnh tim, bệnh yết hầu, bệnh lỗ tai, bệnh răng, bệnh nhiệt não của tim, bệnh óc não, bệnh xương sườn, bệnh ngón tay ngón chân, bệnh của bụng, bệnh eo lưng, bệnh bắp chân, bệnh bàn tay, bệnh bàn chân, bệnh của tay chân....Nay nguyện miễn trừ. Nay nguyện ủng hộ.

Dùng Đại Bạch Tản Cái Phật Mẫu, Kim Cương Đỉnh Kế Đại Quýnh Già Mẫu thì trong khoảng 12 do tuần, các hàng ấy đều phải xuất ra.

Xác chết đứng dậy đi, hàng Không Hành Mẫu với các bệnh tật: nhọt ghẻ, nhọt ngứa ngứa, nhọt đậu mùa, nhọt bệnh hủi, nhọt do da bị lạnh nứt nẻ, nhọt trĩ, nhọt do bị đốt, nhọt do bệnh lao, nhọt Diệu (?). Lại nữa, bệnh do sợ hãi héo gầy, thuốc độc do hoà hợp các thứ độc, thứ độc do ém đôi cầu đảo, nạn lửa, nạn nước, nạn tổn hoại do kết oán đấu tranh, nạn chết yếu phi thời.

Lại có: loài trùng ĐẠT LẠT MA BÔ CÁT, loài trùng ĐẮC HỒ LẠP ĐỒNG, bò cạp độc, rắn độc, chuột dữ tợn tàn nhẫn, sư tử, cọp, gấu, bi, gấu dữ, thú dưới nước với loài giống như con ruồi, con nhặng...hay cướp đoạt tính mệnh của loài khác.

Tất cả Minh Chú của hàng ấy thầy đều cột trời.

Tất cả uy nghi, thầy đều cột trời.

Tất cả Minh Chú của hàng khác, thầy đều cột trời.

Tất cả Minh Chú của ma, thầy đều nguyện khiến cột trời.

TADYATHĀ: OM \_ ANALE ANALE \_ KHASAME KHASAME \_ VAIRE VAIRE \_ SOME SOME \_ ŚANTA ŚANTA \_ DĀNTE DĀNTE \_ VIṢADE VIṢADE \_ VĪRI VĪRI \_ DEVI \_ VAJRADHĀRI \_ BANDHA BANDHANI \_ VAJRAPĀṆI PHAT

OM \_ HŪM HŪM ṬRŪM ṢṬOM PHAT \_ SVĀHĀ

HŪM ṬRŪM BANDHA PHAT \_ VADAGALA ŚRUTA ŚIG \_ SVĀHĀ

OM \_ VAJRAPĀṆI BANDHA BANDHA \_ VAJRA PRAŚENA MAMA \_ SARVA DUṢṬOM VINAYAKA HŪM HŪM PHAT PHAT \_ SVĀHĀ

Phàm có Hành Nhân đem NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỈNH KẾ TRUNG XUẤT BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU, DƯ VÔ NĂNG DỊCH ĐẠI QUỲNH GIÀ MẪU hoặc tô vẽ trên vỏ cây hoa, giấy trắng, vỏ cây rồi đeo trên cổ thì có thể đến lúc chết dùng độc chẳng thể hại, dùng khí giới chẳng thể hại, dùng lửa chẳng thể đốt, dùng nước chẳng thể cuốn chìm, dùng thứ thực độc chẳng bị trúng, dùng thứ hoà hợp độc chẳng thể hại, dùng chú độc chẳng thể hại, sự chết yếu phi thời chẳng thể xâm phạm. Tất cả Oan Ma, mọi bạn ác và tất cả nơi đều khởi vui thích mà kính yêu người đó.

Lại có hàng sa câu đề tám vạn bốn ngàn đấng Kim Cương đều ủng hộ, cứu hộ, che chở và khởi ý vui thích mà kính yêu người đó.

Lại nữa, trong bốn ngàn đại kiếp chẳng thọ thân làm loài Thí Đắc, loài La Sát, loài Ngạ Quỷ, loài Xú Quỷ, loài thân Xú Quỷ. Lại chẳng thọ thân nghèo hèn trong cõi người, được gặp đầy đủ vô lượng vô số hàng hà sa số bậc Chính Giác, được phước lộc của Đức XUẤT HỮU HOẠI.

Lại nữa, hằng thọ trì NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỈNH KẾ TRUNG XUẤT BẠCH TẢN CÁI PHẬT MÃU, DU VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MÃU tức chẳng hành Phạm Hạnh cũng thành Phạm Hạnh, chẳng có thể Nhẫn ất cũng hay thành Nhẫn, chẳng thanh tịnh ất được thanh tịnh, không có giới CẬN TRỤ cũng được giới Cận Trụ, chẳng giữ Trai Giới cũng thành Trai Giới.

THIỆT NI có nói: “Năm tội Vô Gián ất có thể thanh tịnh không sót. Mọi nghiệp chướng bị cảm ứng sau khi chết ất được tiêu diệt hết”.

Nếu người nữ muốn cầu con thì có thể thọ trì NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỈNH KẾ TRUNG XUẤT BẠCH TẢN CÁI PHẬT MÃU, DU VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MÃU ất sẽ được đưa con có đầy đủ thọ mệnh, phước đức, uy lực. Sau khi chết vắng sinh về Thế Giới Cực Lạc.

Lại nữa bệnh của người, bệnh của bò, bệnh của gia súc, bệnh dịch, sự tổn hoại gây ra do tật hạn, chiến đấu với người khác, hoặc trong tất cả quân binh ất có thể dùng NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỈNH KẾ TRUNG XUẤT BẠCH TẢN CÁI PHẬT MÃU, DU VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MÃU an trí ở đỉnh cây phượng, tác Pháp cúng dường rộng lớn. Xong đem cây phượng đặt trên cửa thành lớn, hoặc trong cung điện, nhà ở, thôn, phường, tụ lạc hoặc đặt cây phượng trong sông suối hay chỗ tịch tĩnh. Tác cúng dường rộng lớn nơi DU VÔ NĂNG ĐỊCH ĐẠI QUÝNH GIÀ MÃU ất có thể trong phút chốc sẽ an ổn được quốc giới cũng có thể làm an lành các hạn tật dịch, sự tổn hại do đấu tranh với người khác hay bị quân binh vây hãm.

**\*)Phẫn Nộ Kim Cương Khiển Ma Ủng Hộ Chú:**

TADYATHĀ: OM\_ ṢṬOM BANDHA BANDHA MAMA RAKṢA RAKṢA SVĀHĀ

OM\_ ṢṬOM BANDHA BANDHA VAJRA MAMA RAKṢA RAKṢA VAJRAPĀṆI HŪṀ PHAṬ

**\*)Hằng Thường Trì Tâm Chú:**

OM\_ SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA ANALE AVALOKITEC URNATE JVARASĪ.

OM\_ JVALA JVALA DHAKA DHAKA DARA DARA VIDARA VIDARA CCHINDHA CCHINDHA BHINDHA BHINDHA HŪṀ HŪṀ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ.

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là **Phật Đỉnh Tâm Chú:**

**Namo sarva-jñāya**

**Om\_ tathāgatoṣṇīṣa** (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrdha tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūṃ** (thành tựu)\_ **jvala jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda cchinda, bhinda bhinda, hūṃ phaṭ phaṭ svāhā**

**\*)Tăng Trưởng Thân (thể xác) Thân (gần gũi) Tâm Chú:**

OM\_ SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA HŪṀ PHAṬ SVĀHĀ.

**\*)Nhiếp Thụ Chú:**

TADYATHĀ: OM\_ ANALE ANALE KHASAMI KHASAMI VAIRE VAIRE SOME SOME SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA ADHIṢṬHATE SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA-SITĀTAPATRE HŪṀ PHAṬ

**\*)Kiên Giáp Chú:**

HŪM MAMA HŪM NI SVĀHĀ

Nên tác Minh, tu tập đủ thì tất cả hàng Long Vương sẽ đúng thời làm mưa. Các Bậc Chính Giác, Bồ Đề Mãnh Thức, hàng Trời, hàng Phi Thiên, loài người, hàng Tâm Hương, tất cả thế gian.....đều vui vẻ, ở trước nơi giảng thuyết của Đức XUẤT HỮU HOẠI thầy đều ca ngợi.

PHẬT THUYẾT ĐẠI BẠCH TÁN CÁI TỔNG TRÌ ĐÀ LA NI KINH  
\_Hết\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/02/2013



ĐẠI PHẬT ĐÌNH NHƯ LAI PHÓNG QUANG  
TẮT ĐÁT ĐA BÁT ĐÁT LA ĐÀ LA NI

Dịch âm Phạn Hán : Chùa Đại Hưng Thiện- Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí

BÁT KHÔNG phụng chiếu dịch

Dịch âm Hán Việt : HUYỀN THANH

I

Năng mạc tát phộc mẫu đà, mạo địa tát đá-phệ tỳ-dược

Năng mô sáp đá năm, thăm miệu thăm mẫu đà, câu chi năm, sa thất-la phộc ca,  
tăng già năm

Năng mô lô kê, a la-hãn đá năm

Năng mô tồ-lỗ đá bạn năng năm

Năng mô tắc khát-lị đá nga nhĩ năm

Năng mô a năng nga nhĩ năm

Năng mô lộ kê, thăm miệu nga đá năm, thăm miệu bát-la đê bán năng năm

Năng mô la đát-năng đát-la dạ gia

Năng mô bà nga phộc đê, nễ-lị trà, du la, thất năng, bát-la ha la noa, la nhạ gia, đát  
tha nga đá gia, a la-ha đê, thăm miệu thăm mẫu đà gia

Năng mô bà nga phộc đê, a nhĩ đá bà gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đê, thăm miệu  
thăm mẫu đà gia

Năng mô bà nga phộc đê, a khuất-sổ tộ-dạ gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đê, thăm  
miệu thăm mẫu đà gia

Năng mô bà nga phộc đê, bồi sát nĩ-gia, ngu lỗ, phệ nữ ly-gia, bát-la bà, la nhạ  
gia, đát tha nga đá gia, a la-ha đê, thăm miệu thăm mẫu đà gia

Năng mô bà nga phộc đê, thăm bồ sáp-tỷ đá, sa lang ná-la, la nhạ gia, đát tha nga  
đá gia, a la-ha đê, thăm miệu thăm mẫu đà gia

Năng mô bà nga phộc đê, xả chi-dã mậu năng duệ, đát tha nga đá gia, a la-ha đê,  
thăm miệu thăm mẫu đà gia

Năng mô bà nga phộc đê, la đá-năng, câu tô ma, kê đô, la nhạ gia, đát tha nga đá  
gia, a la-ha đê, thăm miệu thăm mẫu đà gia

Năng mô bà nga phộc đê, đát tha nga đá, câu la gia

Năng mô bà nga phộc đê, bát ná-ma, câu la gia

Năng mô bà nga phộc đê, phộc nhật-la, câu la gia

Năng mô bà nga phộc đê, ma ni, câu la gia

Năng mô bà nga phộc đê, nghiệt nhạ, câu la gia

Năng mô ni phộc, lị-sử năm

Năng mô tát đà, vĩ nễ-dã đà la năm

Năng mô tát đà, vĩ nễ-dã đà la, lị-sử năm, xá bá nộ nghiệt-la ha, sa mạt la-tha năm

Năng mô một-la ha-ma ni

Năng mô án nại-la gia

Năng mô bà nga phộc đê, lỗ nại-la già, ô mãng bát đê, sa hê dạ gia

Năng mô năng la diên noa gia, lạc khát-mạo di, sa hê dạ gia

Bán già, ma ha mẫu nại-la, năng ma tắc khát-lị

Năng mô ma ha ca la gia, đê-lị bồ la năng nga la, vĩ nại-la bả noa, ca la gia, a địa  
mục đắc ca xả-ma xả năng, phộc tát bễ, ma đê-lị nga noa, năng mô tắc khát-lị đá gia.

É biều, năng mô tác khát-lị đá phộc  
 Y mi, bà nga phộc đế, sa-đá tha nga đồ sắt-nị sam, tát đàn đá bát đá-lam, năng  
 măng  
 Bả la nĩ đá, bát-la đề-dụng kỳ-lam. Tát phộc ni phộc năng ma tác khát-lị đam  
 Tát phộc ni phệ tỳ-dược, bổ nĩ đam  
 Tát phộc ni phệ thi-xa bả lị bá lý đam  
 Tát phộc bộ đa nga-la ha, nễ nga-la ha, ca lị-diễm  
 Bả la vĩ nễ-dã, thiết ná năng, ca lị-diễm  
 Nột nan đá nẫm, tát đá-phộc, ná ma kiếm  
 Nột sắt-tra nẫm, nễ phộc la ni-diễm, a ca la một-lị đề-dữu, bát-la xa ma năng, ca  
 lị-diễm  
 Tát phộc mẫn đà năng, mục khát-nhận năng, ca lị-diễm  
 Tát phộc nỗ sắt-tra, nột tác-phộc bát-năng, nễ phộc la ni-diễm, giả đô la , thí đề  
 nẫm, nguyệt-la ha, sa ha sa-la nẫm, vĩ đặc-phụng sa năng, ca lị-diễm  
 A sắt-tra vĩ-dụng xả đề nẫm, nhược khát-sát đa-la nẫm, bát-la sa ná năng, ca lị-  
 diễm  
 A sắt-tra nẫm, ma ha nga-la ha nẫm, vĩ đặc-phụng sa năng, ca lị-diễm  
 Tát phộc xả đót-lỗ, nễ phộc la ni-diễm, ngu lam, nộ sa-phộc bát năng nan, giả  
 năng xả nễ-diễm  
 Vĩ sa, thiết sa đá-la, a kỳ-nễ, ô ná ca, ô đát-la ni-diễm  
 A bả la nĩ đá ngu lam  
 Ma ha chiến-noa nẫm  
 Ma ha điễm bột-đam  
 Ma ha đề n히려  
 Ma ha thủy-phệ đam, nhập-phộc la  
 Ma ha mặt la, thất-lị gia  
 Bán noa la phộc tỳ nễ-diễm  
 A lị-gia đá la  
 Tỳ-lị câu tri-diễm  
 Ché phộc n히려, phộc nhật-la, ma lỗ-đề, vĩ du-lỗ đam  
 Bát nột-ma my  
 Phộc nhật-la, nễ hạ-phộc giả  
 Mãng la, ché phộc, bả la nễ đá  
 Phộc nhật-la nan nị, vĩ xá la giả  
 Phiến đá phệ ni ha, bổ nĩ đá  
 Táo mê lỗ ba, ma ha thủy-phệ đá  
 A lị-gia đá la, ma ha mặt la  
 A bả la, phộc nhật-la thương ca la, ché phộc  
 Phộc nhật-la, ha sa-đá giả  
 Ma ha vĩ nễ-dã, đát tha kiến giả năng, ma lý ca  
 Câu lỗ-án bà, la đá-năng  
 Ché phộc, phệ lô giả năng, câu ná la-thổ sắt-nị sa  
 Vĩ tích-lâm ba, ma noa giả, phộc nhật-la  
 Ca năng ca, bát-la ba, lỗ giả năng  
 Phộc nhật-la đôn nị giả  
 Thủy-phệ đá giả  
 Ca ma la khát-xoa  
 Xả thí, bát-la ba  
 Y đề-duệ đế, mẫu nại-la nga noa, tát phệ, lộ khát-xuyến, câu la-văn đồ, ma ma tả

## II \_

Án, lì-sử nga noa, bát-la xả sa-đá, đát tha nghiệt đố sắt-nị sa, hồng, bổ-lâm  
Nhiêm bà năng, hồng, bổ-lâm  
Sa-đảm bà năng, hồng, bổ-lâm  
Mạo ha năng, hồng, bổ-lâm  
Ma tha năng, hồng, bổ-lâm  
Bả la vĩ nễ-dã, thám bạc khát-xoa noa, ca la, hồng, bổ-lâm  
Tát phộc nột sắt-tra nẫm, sa-đảm bà năng, ca la, hồng, bổ-lâm  
Tát phộc dược xoa, la sát sa, nga-la ha nẫm, vĩ đặc-phụng sa năng, ca la, hồng,  
bổ-lâm  
Giả đót la, thí đễ nẫm, nghiệt-la ha, sa ha sa-la nẫm, vĩ nghiệt xả năng, ca la,  
hồng, bổ-lâm  
A sắt-tra vĩ-dụng, thiết đễ nẫm, nhược khát-xoa đát-la nẫm, bát-la sa ná năng, ca  
la, hồng, bổ-lâm  
A sắt-tra nẫm, ma ha nga-la ha nẫm, vĩ đặc-phụng sa năng, ca la, lạc khát-xoa, lạc  
khát-xoa, my  
Bà nga noan, sa-đá tha nga đố sắt-nị sái  
Ma ha bát-la đễ-dụng nghi-lệ  
Ma ha sa ha sa-la bộ thệ  
Sa ha sa-la thi lì-sái  
Câu chi, xá đá, sa ha sa-la, ninh đế-lê  
A tiện-dã, nhập-phộc-lý, đá năng tra năng ca, ma ha phộc nhật-lộ ná la  
Đề-lì bộ phộc năng, mạn noa la  
Án, sa-phộc tất-đề la-bà phộc đố, ma ma

## III \_

La nhạ, bà gia  
Chủ la, bà gia  
A nghi-nễ, bà gia  
Ô ná ca, bà gia  
Vĩ sa, bà gia  
Xả sa đá-la, bà gia  
Bả la chúc khát-la, bà gia  
Nột tích khát-xoa, bà gia  
A xả nễ, bà gia  
A ca la mật-lì đễ-dữu, bà gia  
Đà la ni, bộ di, kiếm ba, bà gia  
Ô lạc-ca ba đá, bà gia  
La nhạ nan noa, bà gia  
Năng nga, bà gia  
Vĩ nễ-dữu, bà gia  
Tô bát-la ni, bà gia  
Dược khát-xoa, nga-la ha  
La khát-xoa sa, nga-la ha  
Tất-lệ đa, nga-la ha  
Tỳ xá già, nga-la ha  
Bộ đá, nga-la ha  
Cưu bàn noa, nga-la ha

Bô đan năng, nga-la ha  
 Yết tra bô đan năng, nga-la ha  
 Tác-kiến ná, nga-la ha  
 A bả sa-ma la, nga-la ha  
 Ôn mãng ná, nga-la ha  
 Xa gia, nga-la ha  
 Lệ phộc đê, nga-la ha  
 Ô nhạ , ha lị nhạ  
 Nghiệt bà, ha lị nhạ  
 Nhạ đá, ha lị nhạ  
 Nhĩ vĩ đá, ha lị nhạ  
 Lỗ địa la, ha lị nhạ  
 Phộc sa, ha lị nhạ  
 Mãng sa, ha lị nhạ  
 Mê ná, ha lị nhạ  
 Mạt nhạ, ha lị nhạ  
 Vạn đá, ha lị nhạ  
 A du già, ha lị nhạ  
 Chất già, ha lị nhạ  
 Đê sam, tát phệ sam, tát phộc nghiệt-la ha năm, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Ba lị một-la nhạ ca, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Noa ca, noa chỉ nễ, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Ma ha bả du bả đê, lỗ nại-la, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Đát đá-phộc, nghiệt lỗ noa, tổ hê gia, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Ma ha ca la, ma đê-lị nga noa, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Ca bả lý ca, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Nhạ gia ca la, mạt độ ca la, tát phộc la-tha sa đà năng, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Giả đôt-la bạc nghĩ nễ, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Bôt-lãng nghĩ lị trí ca, nan nễ kê thi-phộc la, nga noa bả đê, sa hê gia, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Năng nga-năng thát-la ma noa, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 A la-hãn đá, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Vĩ đá la nga noa, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Phộc nhật-la bá ni, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Một-la ha-ma, khát-lị đam, lỗ ná-la, khát-lị đam, năng la diên noa, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Phộc nhật-la bá ni ngọc hê-dã ca địa bát đê, khát-lị đam, vĩ niệ, sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ  
 Lạc khát- xoa, lạc khát-xoa, my ( xưng tên... )

IV \_  
 Bà nga phạm, tát đát đá bát đát-la, ná mô tổ-đồ đê  
 A tý đá năng la la-ca, bát-la bà, sa-phồ tra vĩ ca, tát đát đá bát đát-lệ, nhập-phộc la nhập-phộc la, đà ca đà ca, vĩ đà ca vĩ đà ca, ná la ná la, vĩ ná na vĩ ná la, sân ná sân ná, tần ná tần ná, hồng hồng, phán tra phán tra, sa-phộc hạ  
 He hê, phán tra

A mục già gia, phán tra  
 A bát-la để ha đa gia, phán tra  
 Phộc la bát-la ná gia, phán tra  
 A tổ la vĩ ná-la bả ca gia, phán tra  
 Tát phộc nễ phộc tỳ-duợc, phán tra  
 Tát phộc nằng nghê tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc duợc khát-sái tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc la khát-sái tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc nga lỗ nhĩ tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc hiền đạt phệ tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc a tổ lệ tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc khăn ná lệ tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc ma hộ la nghê tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc bộ để tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc tỳ xá chế tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc Cung bàn nô tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc bố nan nễ tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc yết tra bố đan nễ tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc nột lằng kỳ để tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc nỗ sắt bát-la khát-sử để tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc nhập-phộc lệ tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc a bả sa ma lệ tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc thất-la ma nễ tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc để lật-thể kê tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc ỏn măng nhĩ tệt-gia, phán tra  
 Tát phộc vĩ nễ-dã già lị-duệ tệt-gia, phán tra  
 Nhạ gia ca la, mạt độ ca la, tát phộc lật-tha sa đà kê biều, vĩ nễ-dã già lị-duệ tệt-gia, phán tra  
 Giả đót-la bạc nghi nễ tệt-gia, phán tra  
 Phộc nhật-la kiêu măng lị câu lan đà lị, vĩ nễ-dã la thệ tệt-gia, phán tra  
 Ma ha bát-la để-dụng nghi lệ tệt-gia, phán tra  
 Phộc nhật-la thương ca la gia, bát-la để-dụng nghi la, la nhạ gia, phán tra  
 Ma ha ca la gia, măng để-lị nga noa, nằng măng tắc khát-lị đá gia, phán tra  
 Ẩn ná-la, phán tra  
 Một-la ha-nhĩ nễ duệ, phán tra  
 Lỗ ná-la gia, phán tra  
 Vĩ sắt-noa vĩ duệ, phán tra  
 Vĩ sắt-nãi vĩ duệ, phán tra  
 (? Một-la ha-mê duệ, phán tra )  
 Vậ-la ha-di duệ, phán tra  
 A nghi-nệ duệ, phán tra  
 Ma ha ca lý duệ, phán tra  
 Lao niết-lị duệ, phán tra  
 Ca la nan đề duệ, phán tra  
 Ai viết-lị duệ, phán tra  
 Mang để-lị duệ, phán tra  
 Già muộn nị duệ, phán tra  
 Ca la ca để-lị duệ, phán tra  
 Ca bả lý duệ, phán tra

A địa mục khát-đức ca, xá-ma xá năng phộc tất nễ duệ, phán tra  
Duệ kế, chất đá, sa đất-phộc, ma ma

V  
Nột sắt-tra, chất đá  
Bá bả, chất đá  
Lao ná-la, chất đá  
Vĩ nễ-phệ sa, chất đá  
A muối đất-la, chất đá  
Ô đá-bả ná diễn đê  
Chỉ la diễn đê  
Mạn đất-la diễn đê  
Nhạ bán đê  
Thô hãn đê  
Ô nhạ, ha la  
Nghịệt bà, ha la  
Ô địa la, ha la  
Mãng sa, ha la  
Mê ná, ha la  
Mạt nhạ, ha la  
Phộc sa, ha la  
Nhạ đá, ha la  
Nhĩ vĩ đá, ha la  
Mạt lược, ha la  
Phộc lược, ha la  
Hiễn đà, ha la  
Bỏ sắt-ba, ha la  
Phả la, ha la  
Tát tả, ha la  
Bá bả, chất đá  
Nỗ sắt-tra, chất đá  
Ni phộc, nghịệt-la ha  
Năng nga, nghịệt-la ha  
Dược khát-xoa, nghịệt-la ha  
La khát-sát sa, nghịệt-la ha  
A tổ la, nghịệt-la ha  
Nghịệt lỗ noa, nghịệt-la ha  
Khản ná la, nghịệt-la ha  
Ma hộ la già, nghịệt-la ha  
Tát-lệ đa, nghịệt-la ha  
Bộ đa, nghịệt-la ha  
Bổ đan năng, nghịệt-la ha  
Ca tra bổ đan năng, nghịệt-la ha  
Cưu bàn noa, nghịệt-la ha  
Tắc-kiển noa, nghịệt-la ha  
Ôn mãng đá, nghịệt-la ha  
Xa gia, nghịệt-la ha  
A bả sa-mãng la, nghịệt-la ha  
Noa ca, noa chỉ nễ, nghịệt-la ha

Lê phộc đẽ, nghiệt-la ha  
 Nhạ nhĩ ca, nghiệt-la ha  
 Thước câu nễ, nghiệt-la ha  
 Nan nễ ca, nghiệt-la ha  
 Lam vĩ ca, nghiệt-la ha  
 Kiến tra bá ni, nghiệt-la ha  
 Nhập-phộc la, ế ca hê ca, nễ-phệ đẽ đả ca, đẽ-lệ đẽ đả ca, giả đót tha ca, nễ đẽ-gia  
 nhập-phộc la, vĩ sa-ma nhập-phộc la  
 La đẽ ca  
 Bôi đẽ ca  
 Thủy-lệ tham-di ca  
 Tán nễ bả đẽ ca  
 Tát phộc nhập-phộc la  
 Thủy lỗ lật-đê  
 A la-đà phộc bệ ðà ca  
 A lỗ giả ca  
 A khát-sử lỗ nghiêm  
 Mục khu lỗ nghiêm  
 Yết-lị nột lỗ nghiêm  
 Yết la-noa, du lam  
 Nan ða, du lam  
 Khát-lị ná gia, du lam  
 Mạt ma, du lam  
 Bá la thi-phộc, du lam  
 Bát-lị sắt-xá, du lam  
 Ô ná la, du lam  
 Ca trí, du lam  
 Phộc sa-đẽ, du lam  
 Ô lô, du lam  
 Thường giả, du lam  
 Hạ sa-đà, du lam  
 Bá ná, du lam  
 Tát võng nga, bát-la đẽ-dựng nga, du lam  
 Bộ đá phệ đá noa  
 Noa ca, noa chỉ nễ  
 Nhập-phộc la ná nột-lô  
 Kiến nhần, chỉ trí  
 Bà lỗ đá phệ  
 Tát bả lỗ ha  
 Lãng nga  
 Du sa đát-la  
 Sa nga la  
 Vĩ sái dụ nga  
 A nghi-nễ  
 Ô ná ca  
 Mạt la phệ la  
 A ca la một-lị đẽ-dữ  
 Bế-lệ mục ca  
 Đẽ-lệ la tra ca



Một-lị thủy-chỉ ca  
 Tát bả  
 Nãng câu la  
 Tư-dụng hạ  
 Vĩ-dã già-la  
 Lị khắt-sa  
 Đá la lị khắt-sa  
 Già mặt la, nhĩ vĩ tỳ  
 Đê sam, tát phệ sam, tát đát đa bát đá-la, ma ha phộc nhật-lỗ, ô sắt-nị sam, ma ha  
 bát-la đê-dụng nghi lam  
 Dạ phộc, ná-phộc ná xả, dụ nhạ nãng tiện đa lệ noa  
*Sam mãng, mẫ đẵng, ca lỗ nhĩ*  
*Nễ xả, mẫ đẵng, ca lỗ nhĩ*  
*Bả la vĩ nễ-dã, mẫ đẵng, ca lỗ nhĩ*  
*Hạ sa-đá, mẫ đẵng, ca lỗ nhĩ*  
*Bá ná, mẫ đẵng, ca lỗ nhĩ*  
*Tát vông nga , bát-la đê-dụng nga, mẫ đẵng, ca lỗ nhĩ*  
**Đát nễ-dã tha: Án, a nãng lệ a nãng lệ, vĩ xá ná vĩ xá ná, mẫ đà mẫ đà,**  
**mẫ đà nễ mẫ đà nễ, phệ la phộc nhật-la bá ni phán tra, hồng, bố-lâm, phán tra,**  
**sa-phộc a**  
 Nãng mô sa-đá tha nga đá gia, tô nga đá gia, la-ha đê, tam miệu tam một đà gia,  
 tát điện đồ, man đát-la bả ná, sa-phộc ha

Đời Đường, chùa Thanh Long, Nội Cung Phụng Sa Môn ĐÀM TRINH tu sửa bản  
 bia Chân Ngôn

Nguyên Lục, năm thứ 16, tháng 02, ngày 06 dùng bản của Hoà Thượng TỈNH  
 NGHIÊM xem xét xong\_ TÔN GIÁO

19/01/1999

ĐẠI PHẬT ĐỈNH ĐẠI ĐÀ LA NI

Phạn Văn: Chùa Đại Hưng Thiện\_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí  
BÁT KHÔNG

Dịch âm: HUYỀN THANH

एतन्नञ्जलं (सर्वत्रयं सम्यक्सम्बुद्धं वरुणं  
STATHĀGATOṢṢĪṢĀM SITĀTAPATRAM APARĀJITAM  
PRATYUṢṢGIRAM DHARAṢṢI

I  
नमः सर्वबुद्धसंघः  
NAMAṢṢ SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVEBHAYAṢṢ  
नमः सप्तानं सम्यक्संबुद्धं कोटिनं साश्रवक  
NAMO SAPTĀNĀM-SAMYAKSAMBUDDHĀ-KOṢṢĪNĀM SAŚRĀVAKA  
SAMGHANĀM

नमो लोके अरहन्तानं  
NAMO LOKE ARHANTĀNĀM

नमो श्रोतपन्नानं  
NAMO SROTĀPANNĀNĀM

नमो सुकृतागमिनं  
NAMO SUKRTĀGĀMINĀM

नमो आतागमिनं (?ANĀGĀMINĀM)  
NAMO ATĀGĀMINĀM (?ANĀGĀMINĀM)

नमो लोके सम्यगतानं सम्यकप्रतिपन्नानं  
NAMO LOKE SAMYAGGATĀNĀM SAMYAK-PRATIPANNĀNĀM

नमो रत्नत्रयै  
NAMO RATNA-TRAYĀYA

नमो भगवते गुरुसुत्रिनं धरणीरुद्र  
नमो भगवते गुरुसुत्रिनं धरणीरुद्र  
NAMO BHAGAVATE DRṢṢHA ŚURASENA PRAHARAṢṢA RĀJĀYA

TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA  
नमो भगवते अमिताभै तथगतये अरहते  
NAMO BHAGAVATE AMITĀBHĀYA TATHĀGATAYA ARHATE

SAMYAKSAMBUDDHĀYA  
नमो भगवते अक्षोभ्यै तथगतये अरहते  
NAMO BHAGAVATE AKṢOBYĀYA TATHĀGATAYA ARHATE

SAMYAKSAMBUDDHĀYA  
नमो भगवते वैश्वदेवे वैश्वदेवे तथगतये अरहते  
NAMO BHAGAVATE BHAIṢṢAIJYA GURU VAIBHŪRYA (?VAIDURYA)

PRABHA RĀJĀYA TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA  
नमो भगवते संबुद्धै तथगतये अरहते  
NAMO BHAGAVATE SAMBUDDHĀYA TATHĀGATAYA ARHATE

SAMYAKSAMBUDDHĀYA  
नमो भगवते संबुद्धै तथगतये अरहते  
NAMO BHAGAVATE SAMBUDDHĀYA TATHĀGATAYA ARHATE

SAMYAKSAMBUDDHĀYA  
नमो भगवते संबुद्धै तथगतये अरहते  
NAMO BHAGAVATE SAMBUDDHĀYA TATHĀGATAYA ARHATE

NAMO BHAGAVATE SAMPUṢPĪTA SĀLENDRA RĀJĀYA  
TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

ନମୋଭଗବାତେ ସମ୍ପୁଷ୍ପିତା ସାଲେନ୍ଦ୍ରା ରାଜାୟା  
ତଥାଗତାୟା ଅରହାତେ ସାମ୍ୟାକସାମ୍ବୁଦ୍ଧାୟା

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYAMUṆAYE TATHĀGATAYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

ନମୋଭଗବାତେ ଶାକ୍ୟାମୁଣୟେ ତଥାଗତାୟା ଅରହାତେ  
ସାମ୍ୟାକସାମ୍ବୁଦ୍ଧାୟା

NAMO BHAGAVATE RATNA KUSUMA KETU RĀJĀYA  
TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

ନମୋଭଗବାତେ ରତନା କୁସୁମା କେତୁ ରାଜାୟା  
ତଥାଗତାୟା ଅରହାତେ ସାମ୍ୟାକସାମ୍ବୁଦ୍ଧାୟା

NAMO BHAGAVATE TATHĀGATĀ KULĀYA

ନମୋଭଗବାତେ ତଥାଗତା କୁଳାୟା

NAMO BHAGAVATE PADMA KULĀYA

ନମୋଭଗବାତେ ପଦ୍ମା କୁଳାୟା

NAMO BHAGAVATE VAJRA KULĀYA

ନମୋଭଗବାତେ ବଜ୍ରା କୁଳାୟା

NAMO BHAGAVATE MAṆI KULĀYA

ନମୋଭଗବାତେ ମାଣି କୁଳାୟା

NAMO BHAGAVATE GARJA KULĀYA

ନମୋଭଗବାତେ ଗରଜା କୁଳାୟା

NAMO DEVA RṢĪNĀM

ନମୋଦେବୀଣାମ୍

NAMO SIDDHĀ VIDYĀ DHARĀNĀM

ନମୋସିଦ୍ଧା ବିଦ୍ୟା ଦଧାରୀଣାମ୍

NAMO SIDDHĀ VIDYĀ DHARĀ RṢĪNĀM

ନମୋସିଦ୍ଧା ବିଦ୍ୟା ଦଧାରୀ ଋଷିଣାମ୍

ŚĀPANU GRAḌHA (?GRAHĀ) SAMARTHĀNĀM

ନମୋସାପାନୁ ଗ୍ରହାଣାମ୍

NAMO BRAHMAṆE

ନମୋବ୍ରହ୍ମାଣେ

NAMO INDRAYA

ନମୋଭଗବାତେ ଇନ୍ଦ୍ରାୟା ଓମ୍ପତିମହାୟା

NAMO BHAGAVATE RUDRĀYA UMĀPATĪ SAHEYĀYA

ନମୋଭଗବାତେ ରୁଦ୍ରାୟା ଓମ୍ପତିମହାୟା

NAMO NARĀYAṆĀYA RAKṢAṂ MI SAHEYĀYA

ନମୋନାରାୟାଣାୟା ରାକ୍ଷାମ୍ ମି ସାହେୟାୟା

PAMCA MAHĀ MUDRA NAMASKRĪTĀYA

ନମୋପଞ୍ଚମହାମୁଦ୍ରା ନାମାସ୍କୃତାୟା

ନମୋମହାକାଳାୟା ତ୍ରିପୁରାଣାଗା ବିଦ୍ରାପାଣା କାରାୟା

NAMO MAHĀ KĀLĀYA TRIPURANAGA VIDRĀPAṆA KĀRĀYA  
ADHIMUKTO ŚMAŚĀNA VASINI MĀTR-GAṆA NAMAḢ SKRĪTĀYA

ଏବଂ ନମୋଭଗବାତେ ଓମ୍ପତିମହାୟା

EBHYO NAMAḢ SKRĪTVĀ

ଓମ୍ପତିମହାୟା ନମୋଭଗବାତେ ଓମ୍ପତିମହାୟା

IMĀM BHAGAVATE STATHĀGATOṢNĪṢĀM SITĀTAPATRAM NAMA  
APARĀJITĀM PRATYUṆGIRAM

ନମୋଭଗବାତେ ଓମ୍ପତିମହାୟା

SARVA DEVA NAMASKRTĀM  
 ਸਰ ਵ ਦੋ ਯੋ: ਸੁਕੁੰ  
 SARVA DEVEBHYAḤ PŪJITAM  
 ਸਰ ਵ ਦੋ ਯੋ ਪ (੨੫) ਭੰ  
 SARVA DEVEŚCA PARIPĀLITAM  
 ਸਰ ਵ ਦੁ ਗ ਯ ਕ ਭ ਯ ਕ ਕੁੰ  
 SARVA BHŪTA GRAHA NIGRAHA KARĪM  
 ਪੜਿ ਭ ਯੋ ਕ ਦ ਯ ਕੁੰ  
 PARAVIDYĀ CCHEDANA KARĪM  
 ਦੁ ਗੰ ਗੰ ਸਰੁੰ ਦਮੁੰ ਦੁ ਯੁੰ ਗੀ ਵ ਟੁੰ  
 DUNAM TANAM SATVĀNĀM DAMAKAM DUṢṬĀNĀM NĪVĀRAṆĪM  
 ਸੁ ਕ ਭ ਸੁ ਯੁ ਪ ਮਿ ਮ ਯ ਕੁੰ  
 ĀKĀLA MRTYU PRAŚAMANA KARĪM  
 ਸਰ ਵ ਦੁ ਗੰ ਮ ਕ ਯ ਕੁੰ  
 SARVA BANDHANA MOKṢANA KARĪM  
 ਸਰ ਵ ਦੁ ਯੁ ਦੁ ਯੁ ਯੁ ਭ ਵ ਟੁੰ  
 SARVA DUṢṬA DUSVAPNA NIVĀRAṆĪM  
 ਵ ਭੁ ਟੁ ਯੋ ਗੰ ਯ ਕ ਸ ਕ ਯੁ ਭ ਭ ਯੁ ਮ ਯ ਕੁੰ  
 CATURA-ŚĪTĪNĀM GRAHA SAHASRĀNĀM VIDHVAMŚANA KARĪM  
 ਸੁ ਯੁ ਭ ਯੋ ਗੰ ਗੰ ਯ ਕ ਯੁ ਭ ਯੁ ਯੁ ਮ ਯ ਕੁੰ  
 AṢṬA-VIMŚATĪNĀM NAKṢATRĀNĀM PRASĀDANA KARĪM  
 ਸੁ ਯੁ ਭ ਯੁ ਮ ਕ ਯੁ ਭ ਯੁ ਭ ਯੁ ਮ ਯ ਕੁੰ  
 AṢṬĀNĀM MAHĀ-GRAHĀNĀM VIDHVAMŚANA KARĪM  
 ਸਰ ਵ ਮਿ ਯੁ ਭ ਯੁ ਟੁੰ  
 SARVA ŚATRŪ NIVĀRAṆĪM  
 ਗੁੰ ਦੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ  
 GURĀM DUSVAPNANĀM CANĀŚNĪM  
 ਭ ਯੁ ਮਿ ਯੁ ਸੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ  
 VIṢA, ŚĀSTRA, AGNI, UDAKA UTRĀṆĪM  
 ਸੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ  
 APARĀJITĀ GURĀ  
 ਮ ਕ ਯੁ ਯੁ  
 MAHĀ-CANṬHANA  
 ਮ ਕ ਯੁ ਯੁ ਯੁ  
 MAHĀ-DĪPTĀM  
 ਮ ਕ ਯੁ ਯੁ ਯੁ  
 MAHĀ-TEJAM  
 ਮ ਕ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ  
 MAHĀ-ŚVETĀM JVALA  
 ਮ ਕ ਯੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ  
 MAHĀ-BALĀ ŚRĪYA  
 ਪ ਯੁ ਟੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ  
 PANDARA-VĀSINĪM  
 ਸੁ ਯੁ ਯੁ ਯੁ  
 ARYA TĀRĀ

बृकुटं  
 BHRKUTĪM  
 बवळं वङ्गमखणं वेङ्गं  
 CEVAJAM VAJRA MALETI VIŚRŪTĀM  
 पद्मङ्ग  
 PADMAKMĀM  
 वङ्गजिह्वकः  
 VAJRA JIHVACAḤ  
 मलेश्वरपराजितं  
 MALĀ CEVĀPARĀJITĀM  
 वङ्गदण्डं वेङ्गलेश्वरं  
 VAJRA DAṆḌI VIŚALĀCA  
 शान्ता वैदेहा पूजिताः  
 ŚANTĀ VAIDEHA PŪJITĀḤ  
 सौमि रूपं महाश्वेतं  
 SAUMI RŪPĀ MAHĀ-ŚVETĀM  
 आर्यातारा महाबलं  
 ĀRYA-TĀRĀ MAHĀ-BALĀḤ  
 अपरा वङ्गशङ्कलेश्वरः  
 APARĀ VAJRA ŚAṅKALA CEVAḤ  
 वङ्गकौमारी कुलधरि  
 VAJRA-KAUMĀRIḤ KULANDHARĪ  
 वङ्गहस्तः  
 VAJRA HASTĀCA  
 महाविद्या तथं काम्बानं मालिका  
 MAHĀ-VIDYĀ TATHĀ KĀM̐CANĀ MĀLIKAḤ  
 कुसुम्भं रताना चैव  
 KUSUMBHA RATANA CEVA  
 वैरोचना कुदार्थोष्णिशा  
 VAIROCANA KUDARTHOSṆĪṢA  
 विजम्बहा मन्नाका वङ्ग  
 VIJMBHA MĀNĀCA VAJRA  
 कानका प्रबहा लोचानं  
 KANAKA-PRABHA LOCANAḤ  
 वङ्गतुण्डिका  
 VAJRA TUṆḌĪCA  
 श्वेतिका  
 ŚVETĀCA  
 कमलाक्षा  
 KAMALĀKṢA  
 शशी प्रबहा  
 ŚAŚI PRABHĀ  
 इत्येते मुद्राङ्गणः सर्वे रक्षन्तु मम  
 ITEYETE MUDRA-GAṆAḤ SARVE RAKṢAM KURBBANTU  
 MAMASYA

II

ॐ ऋषिगणप्रसस्ता तथगतोऽनिशां हुं ह्रूं  
OM RŚĪGAṆA PRAŚASTA TATHĀGATOŚNĪŚĀ \_ HŪM BHRŪM

जम्भाना हुं ह्रूं  
JAMBHANA HŪM BHRŪM

स्तम्भाना हुं ह्रूं  
STAMBHANA HŪM BHRŪM

बोहाना हुं ह्रूं  
BOHĀNAḤ HŪM BHRŪM

मथाना हुं ह्रूं  
MATHĀNA HŪM BHRŪM

पारविद्या सम्भक्षणा कारा हुं ह्रूं  
PARAVIDYĀ SAMBHAKṢANA KARA \_ HŪM BHRŪM

सर्वदुष्टानाम् स्तम्भाना कारा हुं ह्रूं  
SARVA DUṢṬĀNĀM STAMBHANA KARA \_ HŪM BHRŪM

सर्वयक्षारक्षसा ग्राहानाम् विध्वंसना कारा हुं ह्रूं  
SARVA YAKṢA RĀKṢASA GRAHĀṆĀM VIDHVAMŚANA KARA \_  
HŪM BHRŪM

चतुराशितिनम् ग्राहा साहस्रानाम् विनाशना कारा हुं ह्रूं  
CATURĀ-ŚĪTĪNĀM GRAHA SAHASRĀṆĀM VINĀŚANA KARA \_ HŪM  
BHRŪM

अष्टविंशतिनाम् नक्षत्रानाम् प्रसादाना कारा हुं ह्रूं  
AṢṬA-VIMŚATĪNĀM NAKṢATRĀNĀM PRASĀDANA KARA \_ HŪM  
BHRŪM

अष्टानाम् महाग्राहानाम् विध्वंसना कारा रक्षामाम्  
AṢṬĀNĀM MAHĀ-GRAHĀṆĀM VIDHVAMŚANA KARA \_ RAKṢA  
RAKṢA MĀM

भगवाम् तथगतोऽनिशां  
BHAGAVĀM STATHĀGATOŚNĪŚĀ

महाप्रत्युङ्गिरे  
MAHĀ-PRATYUṄGIRE

महासाहस्रभुये  
MAHĀ- SAHASRĀ-BHUYE

सहस्रशिरसा  
SAHASRA ŚIRŚAI

कोटिशतासाहस्रनेत्रे  
KOṬI-ŚATA-SAHASRA NETRE

अभेमद्या ज्वलितानातानाका महावज्रोदारा त्रिभुवना  
ABHEṆDYA JVALITANAṬĀNĀKA MAHĀ-VAJRODARA TRĪBHUVANA  
MAṆḌALA

ॐ स्वस्त्यस्तु माम्  
OM SVASTIR-BHAVATU MAMA

III

राजभया  
RĀJA BHAYA

କୌରବ  
 CORA BHAYA  
 ଅଗ୍ନିକୌରବ  
 AGNI BHAYA  
 ଉଦାକକୌରବ  
 UDAKA BHAYA  
 ବିଷକୌରବ  
 VIṢA BHAYA  
 ମିଷ୍ଟକୌରବ  
 ŚASTRA BHAYA  
 ପାରାକ୍ରମକୌରବ  
 PARACAKRA BHAYA  
 ଦୁର୍ଭିକ୍ଷକୌରବ  
 DURBHIKṢA BHAYA  
 ମୁନିଭିକ୍ଷକୌରବ  
 AŚANI BHAYA  
 ମୂଳାକାଳମୃତ୍ୟୁକୌରବ  
 AKĀLA MR̥TYU BHAYA  
 ଦଧିଭୂମିକାମ୍ପାକୌରବ  
 DHARAṆĪ BHUMI KAMPA BHAYA  
 ଉଲ୍କପାତକୌରବ  
 ULKOPĀTA BHAYA  
 ରାଜାଦାନ୍ଦକୌରବ  
 RAJA-DANḌA BHAYA  
 ନାଗକୌରବ  
 NAGA BHAYA  
 ବିଦ୍ୟକୌରବ  
 VIDYU BHAYA  
 ସୁପାର୍ଣ୍ଣକୌରବ  
 SUPARNI BHAYA  
 ଯକ୍ଷଗ୍ରହ  
 YAKṢA GRAHĀ  
 ରାକ୍ଷସଗ୍ରହ  
 RAKṢASA GRAHĀ  
 ପ୍ରେତଗ୍ରହ  
 PRETA GRAHĀ  
 ପିସାଚଗ୍ରହ  
 PIŚĀCA GRAHĀ  
 ଭୂତଗ୍ରହ  
 BHUTA GRAHĀ  
 କୁମ୍ଭାନ୍ଦଗ୍ରହ  
 KUMBHAṆḌA GRAHĀ  
 ପୁତାନାଗ୍ରହ  
 PŪTANA GRAHĀ  
 କଳପୁତାନାଗ୍ରହ

KATAPŪTANA GRAHĀ

କଟପୁତ

SKANDA GRAHĀ

ସ୍କନ୍ଦଗ୍ରହ

APASMĀRA GRAHĀ

ଅସ୍ମରାଗ୍ରହ

UNMĀDA GRAHĀ

ଅନ୍ମଦାଗ୍ରହ

CCHĀYĀ GRAHĀ

ଚ୍ଚାୟାଗ୍ରହ

REVATI GRAHĀ

ରବତୀଗ୍ରହ

ŪJA AHĀRIṆYA

ଊଜାଅହାରିଣ୍ୟା

GARBHA AHĀRIṆYA

ଗର୍ଭାଅହାରିଣ୍ୟା

JĀTA AHĀRIṆYA

ଜାତାଅହାରିଣ୍ୟା

JĪVITA AHĀRIṆYA

ଜୀବିତାଅହାରିଣ୍ୟା

RUDHIRA AHĀRIṆYA

ରୁଦ୍ଧିରାଅହାରିଣ୍ୟା

VASA AHĀRIṆYA

ଘସାଅହାରିଣ୍ୟା

MAMSA AHĀRIṆYA

ମମ୍ସାଅହାରିଣ୍ୟା

MEDA AHĀRIṆYA

ମେଦାଅହାରିଣ୍ୟା

MAJJA AHĀRIṆYA

ମାଜ୍ଜାଅହାରିଣ୍ୟା

VĀNTA AHĀRIṆYA

ଘାନ୍ତାଅହାରିଣ୍ୟା

AŚUCYA AHĀRIṆYA

ଅଶୁଚ୍ୟାଅହାରିଣ୍ୟା

CITTA AHĀRIṆYA

ଚିତ୍ତାଅହାରିଣ୍ୟା  
ନିର୍ଦ୍ଦମସର୍ବେଶମ୍ ସର୍ବଗ୍ରହାଣାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା

TEṢĀM SARVEṢĀM SARVA GRAHĀṆĀM VIDYĀM \_ CCHINDA  
YĀMI, KĪLA YĀMI

ପରିବ୍ରାଜକା କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି, କିଲା ଯାମି

PARIBRĀJAKA KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ଦାକା ଦାକିଣୀ କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି, କିଲା ଯାମି

DĀKA DĀKIṆĪ KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ମହାପାଶୁପତି ରୁଦ୍ରା କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି, କିଲା

MAHĀ-PAŚUPATI RUDRA KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA  
YĀMI

ନିର୍ଦ୍ଦମସର୍ବେଶମ୍ ସର୍ବଗ୍ରହାଣାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି, କିଲା



TATVA GARUḌA SAHEYA KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI,  
KĪLA YĀMI

ମହାକାଳା ମାତ୍ର-ଗଣା କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

MAHĀ-KĀLA MATR-GAṆA KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI,  
KĪLA YĀMI

କାପାଳିକା କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

KĀPĀLIKA KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ଜୟକାରା, ମାଧୁକାରା, ସାର୍ବାର୍ଥ-ସାଧନା କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

JAYAKARA, MADHUKARA, SARVĀRTHA-SĀDHANA KṚTĀM  
VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ଚତୁର୍ଭାଗିନୀ କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

CATUR-BHAGINĪ KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ଞ୍ଜିତା ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ  
କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

BHRMGIRITIKA , NANDIKESVARA, GAṆAPATI, SAHEYA KṚTĀM  
VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ନାଗନା-ଶ୍ରାମଣା କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

NAGNA-ŚRAMAṆA KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ଅରହାନ୍ତା କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

ARHĀNTA KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ବିତାରାଗଣା କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

VĪTARĀGAṆA KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ବାଜ୍ରାପାଣି କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

VAJRAPĀṆI KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ବ୍ରହ୍ମା କୃତାମ୍ , ରୁଦ୍ରା କୃତାମ୍ , ନାରାୟଣା କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

BRAHMA KṚTĀM , RUDRA KṚTĀM, NARĀYAṆA KṚTĀM VIDYĀM \_  
CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

ବାଜ୍ରାପାଣି-ଗୁହ୍ୟାକାଧିପାତୀ କୃତାମ୍ ବିଦ୍ୟାମ୍ ଚ୍ଚିନ୍ଦା ଯାମି

VAJRAPĀṆI-GUHYAKĀDHIPATI KṚTĀM VIDYĀM \_ CCHINDA YĀMI,  
KĪLA YĀMI

ରାକ୍ଷା ରାକ୍ଷା ମାମ୍

RAKṢA RAKṢA MĀM

IV

ଭଗବାନ ସିତାପାତ୍ରା ନାମୋଷ୍ଟୁତେ

BHAGAVĀM SITĀTAPATRA NAMOSTUTE

ସିତାପାତ୍ରା ନାମୋଷ୍ଟୁତେ: ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ  
ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ  
ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ

ASITA ANALĀRKAH PRABHA SPHUṬA VIKA SITĀTAPATEH  
(?SITĀTAPATREH)\_ JVALA JVALA \_ DHAKA DHAKA \_ VIDHAKA  
VIDHAKA \_ DARĀ DARĀ \_ VIDARA \_ VIDARA \_ CCHINDA CCHINDA \_  
BHINDA BHINDA \_ HŪM HŪM \_ PHAṬ PHAṬ \_ SVĀHĀ

ହେ ହେ ଫାଟ୍

HE HE PHAṬ

ଶ୍ରୀମତୀ ଶ୍ରୀମତୀ

AMOGHAYĀ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ཕྱི་ལོ་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 APRATIHAṬĀYA PHATṬ  
 འཕྲིམ་ཕྱི་ལོ་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 VARA PRADĀYA PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ཕྱི་ལོ་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 ASURA VIDRĀPAKĀYA PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA DEVEBHYAṬ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA NĀGEBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA YAKṢEBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA RAKṢASEBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA GARUḌEBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA ASUREBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 ARVA (?SARVA) KINDAREBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 ARVA (?SARVA) MAHORAGEBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA PHISĀCEBHYAḤ (?PIŚĀCEBHYAḤ) PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA KUMBHAḌEBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA PŪTANEBHYAṬ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA KATAPŪTANEBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA DURLAMGHIMTEBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA DUṢPREKṢIREBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA JVAREBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA APASMAREBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA ŚRAMANEḤBHYAḤ PHATṬ  
 མཚན་མེད་ཀྱི་ རྒྱུ་ རྒྱུ་  
 SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHATṬ

ਸਰ੍ਵ ਉਨਮੰਦੇਬਯਾਃ ਫਾਟੁ  
 SARVA UNMĀMDEBHYAḤ PHAṬ  
 ਸਰ੍ਵ ਵਿਦਯਾਚਾਰਯੇਬਯਾਃ ਫਾਟੁ  
 SARVA VIDYĀCARYEBHYAḤ PHAṬ  
 ਜਯਾਕਾਰਾ ਮਧੁਕਾਰਾ ਸਰ੍ਵਥ ਸਰ੍ਵਕ੍ਰੁਤੁ ਭੇਦਯੋਗਯੋ ਫਾਟੁ  
 JAYĀKARA, MADHUKARA, SARVĀRTHA-SADDHĀHEBHYO,  
 VIDYĀCARYEBHYAḤ PHAṬ  
 ਚਤੁਰਭਗਿਨੀਯੋ ਫਾਟੁ  
 CATUR-BHAGINĪBHYAḤ PHAṬ  
 ਵਜ੍ਰਕਾਮਾਰੀਕੁਲੰਧਾਰੀ ਵਿਦਯਾਰਾਜੇਬਯਾਃ ਫਾਟੁ  
 VAJRA KAUMĀRĪ KULANDHARĪ VIDYĀRAJEBHYAḤ PHAṬ  
 ਮਹਾਪ੍ਰਤਯੁੰਗਿਰੇਬਯਾਃ ਫਾਟੁ  
 MAHĀ-PRATYUṄGIREBHYAḤ PHAṬ  
 ਵਜ੍ਰਸੰਕਲਾਯਾ ਪ੍ਰਤਯੁੰਗਿਰਾ-ਰਾਜਯਾ ਫਾਟੁ  
 VAJRA ŚĀNKALĀYA PRATYUṂGIRA-RĀJAYA PHAṬ  
 ਮਹਾਕਾਲਾਯਾ ਮਾਤ੍ਰ-ਗਣਾ ਨਾਮਸਕ੍ਰੁਤਾਯਾ ਫਾਟੁ  
 MAHĀ-KĀLĀYA MĀTR-GAṆA NAMASKṚTĀYA PHAṬ  
 ਭ੍ਰੁਵਯ ਫਾਟੁ  
 INDRĀYA PHAṬ  
 ਬ੍ਰਹਮਿਨੀਯੇ ਫਾਟੁ  
 BRAHMĪNĪYE PHAṬ  
 ਰੁਦ੍ਰਯ ਫਾਟੁ  
 RUDRĀYA PHAṬ  
 ਵੀਸ਼ਨਵਿਯੇ ਫਾਟੁ  
 VIṢṆAVIYE PHAṬ  
 ਵਿਸ਼ਨੇਵਿਯੇ ਫਾਟੁ  
 VIṢNEVIYE PHAṬ  
 ਬ੍ਰਹਮਿਯੇ ਫਾਟੁ  
 BRAHMĪYE PHAṬ  
 ਵਾਰਾਕਿਯੇ ਫਾਟੁ  
 VARAKIYE PHAṬ  
 ਅਗਨਿਯੇ ਫਾਟੁ  
 AGNIYE PHAṬ  
 ਮਹਾਕਾਲੀਯੇ ਫਾਟੁ  
 MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ  
 ਰੌਦ੍ਰਿਯ ਫਾਟੁ  
 RAUDRĪYE PHAṬ  
 ਕਾਲਾਦਾਂਡੀਯੇ ਫਾਟੁ  
 KĀLA-DANḌĪYE PHAṬ  
 ਚੰਦ੍ਰਿਯ ਫਾਟੁ  
 AINDRĪYE PHAṬ  
 ਮਾਤ੍ਰਿਯੇ ਫਾਟੁ  
 MĀTRĪYE PHAṬ  
 ਕਾਮੁੰਡੀਯੇ ਫਾਟੁ  
 CĀMUṆḌĪYE PHAṬ

କାଳରାତ୍ରିୟ କଣ୍ଠ

KĀLA-RĀTRĪYE PHAṬ

କାପାରୀୟ କଣ୍ଠ

KĀPĀRĪYE PHAṬ

ଅଧିମୁକ୍ତୋ ଶ୍ମାଶାନା-ବୀସିନୀୟ କଣ୍ଠ

ADHIMUKTO ŚMAŚĀNA-VĀSINĪYE PHAṬ

V

ୟେକେଚିତ୍ତା-ସତ୍ତ୍ୱା ମାମା

YEKE CITTĀ-SATVĀ MAMA

ଦୁଷ୍ଟଚିତ୍ତା

DUṢṬA CITTĀ

ପାପଚିତ୍ତା

PĀPA CITTĀ

ରାଉଦ୍ରାଚିତ୍ତା

RAUDRA CITTĀ

ଭିଦ୍ୱାଇଶାଚିତ୍ତା

VIDVAIṢA CITTĀ

ଆମାତ୍ରାଚିତ୍ତା

AMAITRA CITTĀ

ଉତ୍ପାଦା ଯାନ୍ତି

UTPĀDA YANTI

କିଳା ଯାନ୍ତି

KĪLA YANTI

ମନ୍ତ୍ରା ଯାନ୍ତି

MANTRA YANTI

ଜାପା ଯାନ୍ତି

JĀPA YANTI

ଜୋହାନ୍ତି

JOHANTI

ଉଜା ଅହାରା

UJA AHĀRĀ

ଗର୍ଭା ଅହାରା

GARBHA AHĀRĀ

ରୁଦ୍ଧିରା ଅହାରା

RUDHIRA AHĀRĀ

ମାମ୍ସା ଅହାରା

MAMSA AHĀRĀ

ମେଦା ଅହାରା

MEDA AHĀRĀ

ମାଜ୍ଜା ଅହାରା

MAJJA AHĀRĀ

ବାସା ଅହାରା

VASA AHĀRĀ

ଜାତା ଅହାରା

JĀTA AHĀRĀ

ଜୀବିତାହାରା  
 JĪVITA AHĀRĀ  
 ମାଲ୍ୟାହାରା  
 MALYA AHĀRĀ  
 ବାଲ୍ୟାହାରା  
 BALYA AHĀRĀ  
 ଗନ୍ଧାହାରା  
 GANDHA AHĀRĀ  
 ପୁଷ୍ପାହାରା  
 PUṢPA AHĀRĀ  
 ଫଳାହାରା  
 PHALA AHĀRĀ  
 ସାସ୍ୟାହାରା  
 SASYA AHĀRĀ  
 ପାପାଚିତ୍ତା  
 PĀPA CITTĀ  
 ଦୁଷ୍ଟାହାରା  
 DUṢṬA AHĀRĀ  
 ଦେବାଗ୍ରାହା  
 DEVA GRAHĀ  
 ନାଗାଗ୍ରାହା  
 NAGA GRAHĀ  
 ଯକ୍ଷାଗ୍ରାହା  
 YAKṢA GRAHĀ  
 ରାକ୍ଷସାଗ୍ରାହା  
 RAKṢASA GRAHĀ  
 ଅସୁରାଗ୍ରାହା  
 ASURA GRAHĀ  
 ଗାରୁଡ଼ାଗ୍ରାହା  
 GARUṬA GRAHĀ  
 କିନ୍ଦରାଗ୍ରାହା  
 KINDARA GRAHĀ  
 ମାହରାଗାଗ୍ରାହା  
 MAHORAGA GRAHĀ  
 ପ୍ରେତାଗ୍ରାହା  
 PRETA GRAHĀ  
 ପିଶାଚାଗ୍ରାହା  
 PIŚĀCA GRAHĀ  
 ଭୂତାଗ୍ରାହା  
 BHŪTA GRAHĀ  
 ପୁତାନାଗ୍ରାହା  
 PŪTANA GRAHĀ  
 କାତାପୁତାନାଗ୍ରାହା  
 KAṬAPŪTANA GRAHĀ  
 କୁଞ୍ଜୁଗ୍ରାହା

KUMBHĀṆḌA GRAHĀ

କୁମ୍ଭାନ୍ଠଗ୍ରହ

SKANDA GRAHĀ

ସ୍କନ୍ଦଗ୍ରହ

UNMĀDA GRAHĀ

ଅନୁମାଦଗ୍ରହ

CCHĀYĀ GRAHĀ

ଅପସ୍ମାରଗ୍ରହ

APASMĀRĀ GRAHĀ

ଅପସ୍ମାରଗ୍ରହ

DĀKA ḌĀKINĪ GRAHĀ

ଦାକଗ୍ରହ

REVATI GRAHĀ

ରବିଗ୍ରହ

JĀMIKĀ GRAHĀ

ଜାମିକଗ୍ରହ

ŚAKUNI GRAHĀ

ଶକନିଗ୍ରହ

NADĪKE GRAHĀ

ନାଦିକେଗ୍ରହ

LAMVIKA GRAHĀ

ଲାମ୍ବିକାଗ୍ରହ

KANṬHAPĀṆĪ GRAHĀ

କାନ୍ଥାପାଣିଗ୍ରହ

JVALĀ, EKĀHIKĀ, DVAITIIYAKĀ, TRETIYAKĀ, CATURTHAKĀ, NITYĀ

JVARĀ

ବିଷମଜ୍ୱର

VIṢAMA JVARĀ

ଘଣ୍ଟିକା

VĀTIKĀ

ଧଣ୍ଟିକା

PAITTIKĀ

ଶ୍ଳେଷ୍ମିକା

ŚLEŚMIKĀ

ମନ୍ଦିପତିକା

SANDIPATIKĀ

ସର୍ବାଜ୍ୱର

SARVA JVARĀ

ଶିରୂର୍ତ୍ତି

ŚIRORTTI

ଅରବୀଭେଦହାକା

ARVĀVABHEDHAKA

ଅରୋକାକା

AROCAKA

ଅକ୍ଷିରୋଗମ୍

AKṢI ROGAM

मुखरोग  
 MUKHA ROGAM  
 हृद्रोग  
 HRDROGAM  
 कर्णसूल  
 KARNŪ ŚŪLAM  
 दण्डसूल  
 DANDA ŚŪLAM  
 हृदयसूल  
 HRDAYA ŚŪLAM  
 मर्मसूल  
 MARMA ŚŪLAM  
 पारश्वसूल  
 PĀRĀŚVA ŚŪLAM  
 परिष्टिसूल  
 PARIṢṬI ŚŪLAM  
 उदरसूल  
 UDARA ŚŪLAM  
 कटिसूल  
 KAṬI ŚŪLAM  
 वृषिसूल  
 BASTI ŚŪLAM  
 उरुसूल  
 ŪRŪ ŚŪLAM  
 जम्घासूल  
 JAMGHA ŚŪLAM  
 हस्तसूल  
 HASTA ŚŪLAM  
 पादसूल  
 PĀDA ŚŪLAM  
 सर्वङ्गप्रत्यङ्गसूल  
 SARVĀNGA PRATYUṄGA ŚŪLAM  
 भूतवैतण्ड्य  
 BHŪTA VETĀḌA  
 दाकादाकिनी  
 DĀKĀ DĀKINĪ  
 ज्वरदद्रुकण्ठ्यु  
 JVARA DADRUKAṆṬYU  
 किण्ठ  
 KIṬI  
 बालोत्तवै  
 BHALOTĀVAI  
 सर्पलोहा  
 SARPALOHĀ  
 लोहा

LINGA  
 ଲିଂଗ  
 ŚOSATRĀ  
 ମଗା  
 SAGARA  
 ସାଗରା  
 VIṢA-YOGA  
 ବିଷୟ  
 AGNI  
 ଓହକ  
 UDAKA  
 ମାଧୁ  
 MARAVERA  
 କାନ୍ତରା  
 KĀNTARA  
 କାନ୍ତରା ମୃତ୍ୟୁ  
 AKĀLA MṚTYU  
 କାନ୍ତରା ମୃତ୍ୟୁ  
 TRAIMUKA TRAILĀṬAKA  
 ତ୍ରୈମୁଖ  
 VRŚCIKA  
 ମୟ  
 SARPA  
 କୁରୁ  
 NAKULA  
 ନୀଳ  
 SĪMHĀ  
 ହିମା  
 VYĀGHRA  
 ରିକ୍ଷ  
 RIKṢA  
 ଗାଋକ୍ଷ  
 TARARIKṢA  
 ବାମାଋକ୍ଷ  
 CAMARA JĪVIBHE  
 କାମରା ଜୀବିଧି  
 TEṢĀM SARVEṢĀM SITĀTAPATRA MAHĀ-VAJROṢṆĪṢAṀ MAHĀ-  
 PRATYUṅGIRAM  
 ଧ୍ୟାବା ଦ୍ଵାଦାଶା ଯୋଜନାବିଧି  
 YĀBA DVĀDAŚA YOJANĀBHYĀNTAREṆA  
 ସାମା ବନ୍ଧାମ କାରୋମି  
 SĀMA BANDHAṀ KAROMI  
 ଦିଶା ବନ୍ଧାମ କାରୋମି  
 DIŚA BANDHAṀ KAROMI  
 ପାରାବିଦ୍ୟା ବନ୍ଧାମ କାରୋମି  
 PARAVIDYA BANDHAṀ KAROMI



तेजो बंधकरोमि

TEJO BANDHAM KAROMI

हस्तो बंधो करोमि

HASTĀ BANDHAM KAROMI

पादो बंधो करोमि

PĀDA BANDHAM KAROMI

सर्वान्गप्रत्यङ्गो बंधो करोमि

SARVĀNGA PRATYUNGA BANDHAM KAROMI

गच्छन्ति मन्त्रे मन्त्रे विमलेविमले वज्रवज्र वज्रवज्रवज्र

वं । वज्रपद्मे क्लृप्ते क्लृप्ते क्लृप्ते क्लृप्ते

\_ TADYATHĀ: OM\_ ANALE ANALE \_ VIŚADA VIŚADA – BANDHA  
BANDHA \_ BANDHANI BANDHANI \_ VAIRA VAJRA-PĀṆI PHAT\_ HŪṀ  
BHRŪṀ PHAT\_ SVĀHĀ

नमोऽस्तुते भगवते सुगतयस्ते सम्यक्संबुद्धये (संस्तुते वज्रपदे  
सुदामये

NAMO STATHĀGATĀYA SUGATĀYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA SIDDHYAMTU VANTRA PADĀ \_ SAMAPTA

Hiệu chỉnh chỗ sai sót xong vào ngày 05/02/2013

**CHÚ LĂNG NGHIÊM**  
(PHẠM, ANH , HOA)

Phạm Hán: Tam Tạng Đại Quảng Trí BÁT KHÔNG

Dịch Phạm âm: HUYỀN THANH

Dịch Hán Việt: VONG CHI

**STATHĀGATOṢṆĪṢĀM** (Như Lai Đỉnh Kế) **SITĀTAPATRAM** (Bạch Tản  
Cái) **APARĀJITAM** (Vô Hữu Năng Cập) **PRATYUṆḂGIRAM** (Thậm Năng Điều  
Phục) **DHARAṆI** (Tổng Trì)

I  
NĀMAḂ (Quy mệnh) SARVA BUDDHĀ BODHISATVEBHYAḂ (Nhất thiết  
Phật Bồ Tát Đẳng)

NAMO (Quy mệnh) SAPTĀNĀM (7 Úc) SAMYAKSAMBUDDHĀ (Chính  
Đẳng Giác) KOTĪNĀM SAŚRĀVAKA SAMGHANĀM (Thanh Văn Chúng)

NAMO (Quy mệnh) LOKE (Thế Gian) ARHANTĀNĀM (Ứng Cúng)

NAMO (Quy mệnh) SROTĀPANNĀNAM (Chư Dự Lưu Quả Chúng)

NAMO (Quy mệnh) SUKṚTĀGĀMINĀM (Nhất Lai Quả Chúng)

NAMO (Quy mệnh) ANĀGĀMINĀM (Bất Hoàn Quả Chúng)

NAMO (Quy mệnh) LOKE (Thế Gian) SAMYAGGATĀNĀM (Chính Chí)  
SAMYAK-PRATIPANNĀNAM (Chính Hạnh)

NAMO (Quy mệnh) RATNA-TRAYĀYA (Tam Bảo)

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE (Thế Tôn) DRḂHA ŚURASENA  
PRAHARAṆA (Kiên Cố Dũng Mãnh Kịch) RĀJĀYA (Vương) TATHĀGATAYA  
(Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng) SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Đẳng Giác)

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE (Thế Tôn) AMITĀBHĀYA (Vô Lượng  
Quang) TATHĀGATAYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng)  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Đẳng Giác)

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE AKṢOBHYĀYA (Thế Tôn Bất Động Như  
Lai) TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

NAMO BHAGAVATE BHAIṢAJYA GURU (Dược Sư) VAITŪRYA  
PRABHA RĀJĀYA (Lưu Ly Quang Vương) TATHĀGATĀYA (Như Lai)  
ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

NAMO BHAGAVATE SAMPUṢPĪTA SĀLENDRA (Khai Phu Hoa)  
RĀJĀYA (Vương) TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng)  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Đẳng Giác)

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYAMUNAYE TATHĀGATAYA (Quy mệnh Thế  
Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai) ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

NAMO BHAGAVATE RATNA KUSUMA KETU RĀJĀYA  
TATHĀGATAYA (Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai) ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE (Thế Tôn) TATHĀGATĀ KULĀYA (Như  
Lai Bộ Tộc)

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE (Thế Tôn) PADMA KULĀYA (Liên Hoa  
Bộ Tộc)

NAMO BHAGAVATE VAJRA KULĀYA (Kim Cương Bộ Tộc)

NAMO BHAGAVATE MAṆI KULĀYA (Bảo Bộ Tộc)

NAMO BHAGAVATE GARJA KALĀYA (Khố Tàng Bộ Tộc)  
 NAMO DEVA RSĪNĀM (Thiên Tiên Chúng)  
 NAMO SIDDHĀ VIDYĀ DHARĀNĀM (Thành Tựu Trì Minh Chúng)  
 NAMO SIDDHĀ VIDYĀ DHARĀ RŚĪNĀM (Thành Tựu Trì Minh Tiên Chúng)  
 ŚĀPANU GRAHA SAMARTHĀNĀM (Nhiếp Ác Tác Thiện Chúng)  
 NAMO BRAHMAṆE (Phạm Thiên Chúng)  
 NAMO INDRAYA (Đế Thích Thiên)  
 NAMO BHAGAVATE RUDRĀYA UMĀPATĪ (Đại Tụ Tại Thiên, Thiên Hậu)  
 SAHEYĀYA (Cập Quyển Thuộc Đẳng : Với hàng Quyển Thuộc)  
 NAMO NARĀYAṆĀYA (Na La Diên Thiên) RAKṢAM MI (Ủng Hộ ư Ngã: Ủng hộ cho tôi) SAHEYĀYA (Với hàng Quyển Thuộc)  
 PAṂCA MAHĀ MUDRA (5 Đại Ấn) NAMASKRTĀYA (Tác lễ giả: Người làm lễ)  
 NAMO MAHĀ KĀLĀYA (Đại Hắc) TRINAGARA (3 cung thành) VIDRĀPAṆA KĀRĀYA (Phá hoại) ADHIMUKTO ŚMAŚĀNA VASINI MĀTRGAṆA (Lạc Túng Cư Mẫu Chúng: Hàng Âm Nữ thích cư ngụ ở gò mả) NAMAḤ-SKRTĀYA (Tác lễ giả)  
 EBHYO NAMAḤ-SKRTVĀ (Như thị tác lễ : Tác lễ như vậy)  
 IMĀM (Dĩ tất : Đã xong)  
 BHAGAVATE STATHĀGATOṢNĪŚĀM SITĀTASPATRAM NAMA APARĀJITAM PRATYUNḂIRAM (Quy mệnh Thử Bạch Tản Cái Đại Phật Đỉnh Thế Tôn Tồi Thắng Điều Phục Vô Năng Cập Giả)  
 SARVA DEVA NAMASKRTĀM (Nhất thiết Thiên Chúng tác lễ giả)  
 SARVA DEVEBHYAḤ PŪJITAM (Nhất thiết Thiên Chúng cúng dường giả)  
 SARVA DEVEŚCA PARIPĀLITAM (Nhất thiết Thiên Nữ đẳng giai vệ hộ)  
 SARVA BHŪTA GRAHA (Nhất thiết Ác Quỷ Túy) NIGRAHA KARĪM (Thậm năng giáng phục)  
 PARAVIDYĀ CCHEDANA KARĪM (Năng già đoạn kỳ Chú lực : Hay chặn cắt Chú lực khác)  
 DUNAM TANAM SATVĀNĀM DAMAKAM (Năng giáng phục nan giáng phục giả chúng sinh: Hay giáng phục chúng sinh khó giáng phục) DUṢṬĀNĀM NĪVĀRAṆĪM (Chư ác giả chi : Hay ngăn chặn các điều ác)  
 ĀKĀLA MRTYU PRAŚAMANA KARĪM (Năng miễn trừ phi thời yếu tử: Hay miễn trừ sự chết yếu không đúng thời)  
 SARVA BANDHANA MOKṢANA KARĪM (Nhất thiết chư phộc giải thoát: Giải thoát tất cả các sự trói buộc)  
 SARVA DUṢṬA DUSVAPNA NIVĀRAṆĪM (Năng tịch nhất thiết ác mộng: Hay làm mất tất cả mộng ác)  
 CATURA SĪTĪNĀM GRAHA SAHASRĀNĀM VIDHVAMSAṆA KARĪM (Thậm năng tòi hoại bát vạn tứ thiên phiến não: Rất hay đập nát 84000 phiến não)  
 AṢṬA-VIMŚATĪNĀM NAKṢATRĀNĀM PRASĀDANA KARĪM (Nhị thập bát Tú hoan hỷ: 28 vị Tinh Tú vui vẻ)  
 AṢṬANĀM MAHĀ GRAHĀNĀM VIDHVAMSAṆA KARĪM (Năng tòi hoại bát căn bản phiến não: Hay đập nát 8 phiến não căn bản)  
 SARVA ŚATRŪ NIVĀRAṆĪMM (Nhất thiết oan gia giả chi: Ngăn chặn tất cả oan gia)  
 GURĀM DUSVAPNANĀMCA NĀSANĪM (Trọng ác mộng đẳng tiêu diệt: Tiêu diệt tất cả mộng ác nặng nề)

VIṢA (Độc, chất độc), ŚASTRA (Đao trượng: Dao gậy), AGNI (Hỏa: Lửa),  
 UDAKA (Thủy: Nước) UTRANĪM (Độ thoát)  
 APARĀJITĀ GURĀ (Vô năng cập giả : Đáng không có gì không làm kịp)  
 MAHĀ CANṬHANA (Đại lực phần nộ)  
 MAHĀ DĪPTĀM (Đại uy quang)  
 MAHĀ TEJAM (Đại uy diệu)  
 MAHĀ ŚVETĀM JVALA (Đại Bạch Thiên chi quang diễm: Lửa ánh sáng của  
 Đại Bạch Thiên)  
 MAHĀ BALA ŚRĪYA (Đại lực cát tường)  
 PAṆḌARA VĀSINĪM (Bạch Y Mẫu)  
 ARYA TĀRĀ (Thánh Cứu Độ Tôn)  
 BHR̥KUTĪM (Phần Nộ Mẫu)  
 CEVAJAM VAJRA MALATI VIŚRŪTĀM (Danh Xung Anh Tướng Thắng  
 Kim Cương)  
 PADMAKMĀM VAJRA JIHVACAḤ (Liên Hoa Anh Tướng Kim Cương Thiết)  
 MALĀ CEVĀPARAJITĀḤ (Xa Xung Thiên Nữ Kim Cương Man)  
 VAJRA DAṆḌI VIŚALĀCA  
 ŚANTĀ VAIDEHA PŪJITĀḤ (Nhu Thiên Thiên Chúng cúng dường)  
 SAUMI RŪPA MAHĀ ŚVETĀM (Thiện Mạo Đại Bạch Thiên)  
 ĀRYA TĀRĀ MAHĀ BALĀḤ (Thánh Cứu Độ Tôn Đại Lực)  
 APARĀ VAJRA ŚAṆKALĀ CEVAḤ (Kim Cương Liên Tỏa Tối Thắng)  
 VAJRA KAUMĀRIH KULANDHARĪ (Kim Cương Đồng Nữ Tính Trì Nữ)  
 VAJRA HASTĀCA (Kim Cương Thủ)  
 MAHĀ VIDYĀ TATHĀ KĀM̐CANĀ MĀLIKAḤ (Đại Minh Chân Kim Anh  
 Giả)  
 KUSUMBHA RATNA CEVA (Hồng Lam Bảo Tối Thắng )  
 VAIROCANA KUDĀRTHOṢṆĪṢA VIJRMBHA MĀNĀCA (Phổ Chiếu Kế  
 Xung La Sát Thần Nữ)  
 VAJRA KANAKA PRABHĀ (Kim Cương Uy Thế Quang)  
 LOCANĀḤ (Liên Hoa Mục)  
 VAJRA TUNḌĪCA ŚVETĀCA (Kim Cương Nhãn Bạch)  
 KAMALĀKṢA (Liên Hoa Nhãn)  
 ŚAŚĪ PRABHĀ (Nguyệt Quang)  
 ITEYETE MUDRA GAṆAḤ (Như thị Ấn Chúng: Mọi Ấn như vậy) SARVE  
 RĀḤKṢAM KURBBANTU MAMASYA (Nhất thiết thủ hộ ư ngã: Tất cả thủ hộ cho  
 tôi)

II  
 OM̐ RṢĪGAṆA PRAŚASTA TATHĀGATOṢṆĪṢĀ (Quy Kính Tiên Chúng  
 Thiện Tướng Như Lai Đỉnh Kế) HŪM BHRŪM (Chủng Tử)  
 JAMBHANA (Lược thủ: Cướp lấy) HŪM BHRŪM  
 STAMBHANA (Trấn hộ) HŪM BHRŪM  
 BOHĀNAḤ (Mê hoặc ý) HŪM BHRŪM  
 MATHĀNA (Tội phá) HŪM BHRŪM  
 PARAVIDYĀ (Tha Minh: Bài Minh khác) SAMBHAKṢAṆA KARA (Vị  
 tướng : Chưa biết rõ ?) HŪM BHRŪM  
 SARVA DUṢṬANĀM STAMBHANA KARA (Trấn nhất thiết chư ác: Trấn tất  
 cả các ác) HŪM BHRŪM

SARVA YAKṢA RĀKṢASA GRAHĀṆĀM VIDHVAMŚANA KARA (Phá  
chiết nhất thiết Dạ Xoa La Sát tác Túy) HŪM BHRŪM  
CATUR-AŚĪTĪNĀM GRAHĀ SAHASRĀṆĀM VINĀŚANA KARA (Tiêu  
diệt 84000 Quỷ Thân) HŪM BHRŪM  
AṢṬA-VIMŚATĪNĀM NAKṢATRĀNĀM PRASADANA KARA (28 vị Tinh  
Tú vui về HŪM BHRŪM  
AṢṬANĀM MAHĀ GRAHĀṆĀM VIDHVAMŚANA KARA (Phá hoại đại ác  
tinh) RAKṢA RAKṢA MĀM (Ứng hộ cho tôi)  
BHAGAVĀM (Thế Tôn) STATHĀGATOṢNĪṢA (Như Lai Đỉnh Kế)  
MAHĀ PRATYUṆGIRE (Đại Năng Điều Phục)  
MAHĀ SAHASRĀ BHUYE (Đại Thiên Tý : 1000 cánh tay to lớn)  
SAHASRA ŚIRṢAI (Thiên Đầu : 1000 cái đầu)  
KOṬI ŚATA SAHASRĀ NETRE (Úc Bách Thiên Nhân: 100 triệu trăm ngàn  
con mắt)  
ABHEMDYA (Nội : bên trong) JVALITANAṬANAKA (Diễm cụ chủng tướng)  
MAHĀ VAJRODARA TRBHŪVANA MAṆḌALA (Đại Kim Cương tác quảng Tam  
Hữu Đàn Trường)  
OM SVASTIRBHAVATU MAMA (Nguyện Ngã đặng cập nhất thiết chúng  
sinh giai hoạch cát tường: Nguyện cho chúng tôi với tất cả chúng sinh đều được tốt  
lành)

### III

RĀJA BHAYA (Vương nạn: Nạn do vua chúa gây ra)  
CORĀ BHAYA (Tặc nạn: nạn giặc cướp)  
AGNI BHAYA (Hỏa nạn: nạn lửa thiêu đốt)  
UDAKA BHAYA (Thủy nạn: nạn nước cuốn chìm)  
VIṢA BHAYA (Độc nạn : nạn vương chất độc)  
ŚASTRA BHAYA (Đao trượng nạn: nạn do dao gậy)  
PARACAKRA BHAYA (Binh nạn: nạn do quân binh)  
DURBHIKṢA BHAYA (Cơ cậ nạn: nạn đói khát)  
AŚANI BHAYA ( Bạc nạn: nạn mưa đá )  
AKĀLA MR̥TYU BHAYA ( Phi thời tử nạn: nạn chết không đúng thời)  
DHARAṆĪ BHUMI KAMPA BHAYA ( Địa chấn nạn: nạn động đất)  
ULKOPĀTA BHAYA (Hiểm lộ nạn: nạn trên đường đi nguy hiểm)  
RĀJADAṆḌA BHAYA (Vương hình nạn: nạn bị hình phạt của vua chúa)  
NAGA BHAYA (Long nạn: nạn do Rồng hại)  
VIDYU BHAYA (Lôi nạn: nạn bị sét đánh)  
SUPARṆI BHAYA (Kim Xí Điều nạn)  
YAKṢA GRAHĀ (Dạ Xoa tác túy: hàng Dạ Xoa gây ra điều ma quái)  
RĀKṢASA GRAHĀ (La Sát Túy: điều ma quái của hàng La Sát)  
PRETA GRAHĀ (Ngạ Quỷ Túy)  
PIŚĀCA GRAHĀ (Thực huyết nhục Quỷ Túy)  
BHŪTA GRAHĀ (Hóa Sinh Quỷ Túy)  
KUMBHAṆḌA GRAHĀ (Ung Hình Quỷ Túy)  
PŪTANA GRAHĀ (Xú Quỷ Túy)  
KAṬAPŪTANA GRAHĀ (Kỳ Xú Quỷ Túy)  
SKANDA GRAHĀ (Thiên Thần Quỷ Túy: Điều ma quái của hàng Quỷ vẹo môi)  
APASMARA GRAHĀ (Dương Đầu Quỷ Túy)  
UNMĀDA GRAHĀ (Điên Cuồng Quỷ Túy)

CCHĀYĀ GRAHĀ (Lô Hình Quỷ Túy)  
 REVATI GRAHĀ (Não Nhi Quỷ Túy)  
 UJA AHĀRIṆYA (Thực sinh nhân khí sắc giả: Loài ăn khí sắc của người sống)  
 GARBHA AHĀRIṆYA (Thực bào thai giả)  
 JĀTA AHĀRIṆYA (Thực sinh khí giả)  
 JĪVITA AHĀRIṆYA (Thực thọ mệnh giả)  
 RUDHIRA AHĀRIṆYA (Thực Huyết giả)  
 BASA AHĀRIṆYA (Thực sản giả)  
 MAMSA AHĀRIṆYA (Thực nhục giả: loài ăn thịt)  
 MEDA AHĀRIṆYA (Thực ám giả)  
 MAJJA AHĀRIṆYA (Thực Tùy giả)  
 BĀNTA AHĀRIṆYA (Thực Xuất tức giả: Loài ăn hơi thở ra vào)  
 AŚŪCYA AHĀRIṆYA (Thực bất tỉnh giả)  
 CITTA AHĀRIṆYA (Thực tâm giả: loài ăn tâm thức)  
 TEṢĀMM SARVEṢĀM SARVA GRAHĀNĀM (Như thị nhất thiết Quỷ Túy)  
 VIDYĀM (Sở hữu Chú Ngữ) CCHINDA YĀMI (Ngã kim đoạn chi: Nay ta cắt đứt)  
 KĪLA YĀMI (Ngã kim cầm chi: nay ta ngăn cấm)  
 PARIBRĀJAKA (Ngoại Đạo tặc: giặc Ngoại Đạo) KṚTĀM VIDYĀM (Sở tác Chú Ngữ) CCHINDA YĀMI (Ngã kim đoạn chi) KĪLA YĀMI (Ngã kim cầm chi)  
 ĐĀKA ĐĀKINĪ (Ly My) KṚTĀM VIDYĀM (Sở tác Chú Ngữ) CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 MAHĀ PAŚUPATI RUDRA (Đại Thú Chủ tức Đại Tự Tại Thiên Vương) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 TATVA GARUḌA SAHEYA (Kim Xí Điều cấp Quyển thuộc: Kim Xí Điều với quyển thuộc) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 MAHĀ-KĀLA MATRGAṆA (Hắc Mẫu Chúng) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 KAPĀLIKA (Độc Lâu Ngoại Đạo) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 JAYAKARA (Tác Thắng giả) MADHUKARA (Tác Cam giả) SARVĀRTHA SĀDHANA (với Nhất Thiết Thành Tự giả) KṚTĀM VIDYĀM (Sở tác Chú Ngữ) CCHINDA YĀMI (Ngã kim đoạn chi) KĪLA YĀMI (Ngã kim cầm chi)  
 CATUR-BHAGINĪ (Tứ Tỷ Muội Thần Nữ: 4 chị em Thần Nữ) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 BHRṂGIRIṬIKA (Đấu Chiến Quỷ) NANDIKESVARA (Hỷ Tự Thiên) GAṆAPATI (Hoan Hỷ Thiên) SAHEYA (với Quyển thuộc) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 NAGNA-ŚRAMAṆA (Khỏa hình Ngoại Đạo: Ngoại đạo khỏa thân) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 ARHĀNTA (A La Hán) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 VĪTARĀGAṆA ( Khởi Thi Quỷ) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 VAJRAPĀṆI (Kim Cương Thần) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 BRAHMA KṚTĀM (Phạm Thiên sở tác) RUDRA KṚTĀM (Tự Tại Thiên sở tác) NARĀYAMAṆA (Na La Diên Thiên) KṚTĀM VIDYĀM (Sở tác Chú Ngữ) CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 VAJRAPĀṆI GUHYAKĀDHIPATI (Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI

RAKṢA RAKṢA MĀM ( Ừng hộ cho tôi với Đại Chúng)

IV

BHĀGAVĀM SITĀTAPATRA NAMOSTUTE (Quy mệnh đỉnh lễ Bạch Tản  
Cái Thế Tôn)

ASITA ANALĀRKAḤ (Bạch Quang phân minh) PRABHA (Quang diễm: lửa  
của ánh sáng) SPHUTA VIKĀ (Hiện hiện tối thắng) SITĀTAPATREḤ (Bạch Tản  
Cái) JVALA JVALA (Phóng quang) DHAKA DHAKA (Uy quang) VIDHAKA  
VIDHAKA (Biển uy quang) DARA DARA (Giáng phục) VIDARA VIDARA (Biển  
giáng phục: giáng phục khắp cả) CCHINDA CCHINDA (Tuyệt tuyệt: cắt đứt)  
BHINDA BHINDA (Xuyên xuyên: xỏ qua, đục qua) HŪM HŪM (Khủng bố) PHAT  
PHAT (Phá bại) SVĀHĀ (Thành tựu)

HE HE (Hô triệu) PHAT (Phá bại)

AMOGHAYĀ (Bất Không Thiên Sứ) PHAT (Phá bại)

APRATIHAṬĀYĀ (Vô chướng ngại: không có chướng ngại) PHAT (Phá bại)

VARA PRĀDĀYĀ (Dữ Nguyện) PHAT (Phá bại)

ASURA VIDRĀPAKĀYA (A Tu La) PHAT (Phá bại)

SARVA DEVEBHYAḤ (Tất cả Thiên Chúng) PHAT (Phá bại)

SARVA NĀGEBHYAḤ (Tất cả Long Chúng) PHAT (Phá bại)

SARVA YAKṢEBHYAḤ (Tất cả Dược Xoa Chúng) PHAT (Phá bại)

SARVA RĀKṢASEBHYAḤ (La Sát Chúng) PHAT

SARVA GARUḌEBHYAḤ (Kim Xí Điều Chúng) PHAT

SARVA GANDHARVEBHYAḤ (Hương Thực Thần Chúng) PHAT

SARVA ASUREBHYAḤ (A Tu La Chúng) PHAT

SARVA KINDAREBHYAḤ (Nghì Thần Chúng) PHAT

SARVA MAHORAGEBHYAḤ (Đại Phúc Hành Thần Chúng) PHAT

SARVA BHŪTEBHYAḤ (Hóa Sinh Quỷ Chúng) PHAT

SARVA PIŚĀCEBHYAḤ (Xí trung Quỷ Chúng: Chúng Quỷ ở trong nhà cầu)

PHAT

SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ (Ung Hình Quỷ Chúng) PHAT

SARVA PŪTANEBHYAḤ (Xú Quỷ Chúng: Chúng Quỷ hôi thối) PHAT

SARVA KAṬAPŪTANEBHYAḤ (Kỳ Xú Quỷ Chúng: Chúng Quỷ hôi thối lạ  
kỳ) PHAT

SARVA DURLAṂGHITEBHYAḤ (Ngộ Tưởng Quá Chúng: Chúng có lỗi là  
tưởng sai lầm) PHAT

SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ (Ngộ Kiến Quá Chúng: Chúng có lỗi là thấy  
sai lầm) PHAT

SARVA JVAREBHYAḤ (tất cả Nhiệt Bệnh Quỷ) PHAT

SARVA APASMĀREBHYAḤ (Kiện Vong Quỷ Chúng) PHAT

SARVA ŚRAMAṆEBHYAḤ (Trì Chú Chúng) PHAT

SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ (Ngoại Đạo Chúng) PHAT

SARVA UNMĀMDEBHYAḤ (Ác Sinh Chúng) PHAT

SARVA VIDYĀCARYEBHYAḤ (Trì Chú Bác Sĩ) PHAT

JAYAKARA (Tác Thắng giả) MADHUKARA (Tác Cam giả) SARVĀRTHA  
SADDHĀKEBHYO, VIDYĀCARYEBHYAḤ (Cập Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu Giả  
chi Minh Chú) PHAT

CATUR-BHAGINĪBHYAḤ (4 chị em Thần) PHAT

VAJRA KAUMĀRĪ KULANDHARĪ VIDYĀ-RAJEBHYAḤ (Kim Cương  
Đồng Nữ Trì Tĩnh Nữ Minh Vương) PHAT

MAHĀ-PRATYUNḠIREBHYAḤ (Đại Điều Phục giả) PHAṬ  
 VAJRA-ŚAÑKALĀYA PRATYUMGIRA-RĀJAYA (Kim Cương Liên Tỏa  
 Điều Phục Vương) PHAṬ  
 MAHĀ-KĀLĀYA MĀTRGAṆA (Đại Hắc Thiên Thần Quỷ đấng)  
 NAMASKRTĀYA (Tác lễ giả) PHAṬ  
 INDRĀYĀ (Đế Thích Thiên) PHAṬ  
 BRAHMĪNĪYE (Phạm Thiên Phi) PHAṬ  
 RUDRĀYA (Tự Tại Thiên) PHAṬ  
 VIṢṆAVIYE (Tỳ Nữ Thiên Tử) PHAṬ  
 VIṢṆEVIYE (Tỳ Nữ Thiên Phi) PHAṬ  
 BRAHMĪYE (Phạm Thiên) PHAṬ  
 VARAKIYE (Tru Đầu Thần: Thần đầu heo) PHAṬ  
 AGNIYE (Hỏa Thiên) PHAṬ  
 MAHĀ-KĀLĪYE (Đại Hắc Thiên Phi) PHAṬ  
 RAUDRĪYE (Sân Nộ Thần) PHAṬ  
 KĀLADANḌĪYE (Đại Quỷ Súc Hắc Áo Thần) PHAṬ  
 AINDRĪYE (Đế Thích) PHAṬ  
 MĀTRĪYE (Quỷ Thần) PHAṬ  
 CĀMUṆḌĪYE (Nộ Thần) PHAṬ  
 KALA-RĀTRĪYE (Hắc Dạ Thần) PHAṬ  
 KĀPĀRĪYE (Độc Lâu Thần Nữ) PHAṬ  
 ADHIMUKTO ŚMAŚANA VĀSINĪYE (Lạc Túng cư gian Nữ) PHAṬ

V

YEKE CITTĀ-SATVĀ (Phát tâm Hữu Tình) MAMA (Ngã: Tôi)  
 DUṢṬA-CITTĀ (Tâm ác) PĀPA-CITTĀ (Tâm tội) RAUDRA-CITTĀ (Tâm  
 phần nộ) VIDVAIṢA-CITTĀ (Tâm sân khuê) AMAITRA-CITTĀ (Tâm không hiền)  
 UTPADA YANTI (Sinh dã)  
 KĪLA YANTI (Cắm dã) MANTRA YANTI (Mật Ngữ dã) JĀPA YANTI (Tụng  
 dã) JOHANTI (Sinh dã)  
 UJA AHĀRĀ (Thực Tinh Khí Quỷ) GARBHA AHĀRĀ (Thực Thai Quỷ)  
 RUDHIRA AHĀRĀ (Thực Huyết Quỷ) MAMSA AHĀRĀ (Thực Nhục Quỷ) MEDA  
 AHĀRĀ (Thực Chi Quỷ: Quỷ ăn mỡ) MAJJA AHĀRĀ (Thực Tủy Quỷ) BASA  
 AHĀRĀ (Thực Sơ Sản Quỷ) JĀTA AHĀRĀ (Thực Sinh Khí giả) JĪVITA AHĀRĀ  
 (Thực Thọ Mệnh giả) MALYA AHĀRĀ (Thực Man giả: Loài ăn tóc) BALYA  
 AHĀRĀ (Thực Lực giả: Loài ăn sức lực) GANDHA AHĀRĀ (Thực Hương Khí giả)  
 PUṢPA AHĀRĀ (Thực Hoa giả) PHALA AHĀRĀ (Thực Quả giả) SASYA  
 AHĀRĀ (Thực Chủng Tử giả)  
 PĀPA CITTĀ (Tâm tội) DUṢṬA CITTĀ (Tâm ác) DEVA GRAHĀ (Thiên  
 Túy) NAGA GRAHĀ (Long Túy) YAKṢA GRAHĀ (Dạ Xoa Túy) RĀKṢASA  
 GRAHĀ (La Sát Quỷ Túy) ASURA GRAHĀ (A Tu La Túy) GARUṆA GRAHĀ  
 (Ca Lâu La Túy) KINDARA GRAHĀ (Khẩn Na La Túy) MAHORAGA GRAHĀ  
 (Đại Phúc Hành Thần Túy) PRETA GRAHĀ (Ngạ Quỷ Túy) PIŚĀCA GRAHĀ  
 (Thực Nhục Quỷ Túy) BHŪTA GRAHĀ (Hóa Sinh Quỷ Túy) PŪTANA GRAHĀ  
 (Xú Quỷ Túy) KAṬAPŪTANA GRAHĀ (Ký Xú Quỷ Túy) KUMBHAṆḌA  
 GRAHĀ (Ung Hình Quỷ Túy) SKANDA GRAHĀ (Thiên Thần Quỷ Túy) UNMĀDA  
 GRAHĀ (Cuồng Quỷ Túy) CCHĀYA GRAHĀ (Ảnh Quỷ Túy) APASMĀRĀ  
 GRAHĀ (Dương Đầu Quỷ Túy) DĀKA DĀKINĪ GRAHĀ (Yêm Cổ Nữ Quỷ Túy)  
 REVATI GRAHĀ (Não Nhi Quỷ Túy) JAMIKĀ GRAHĀ (Như Mã Quỷ Túy)



ŚAKUNI GRAHĀ (Điều Hình Quỷ Túy) NANDĪKĀ GRAHĀ (Miêu Hình Quỷ Túy)  
LAMVIKA GRAHĀ (Xà Hình Quỷ Túy) KANṬHAPĀṆĪ GRAHĀ (Kê Hình Quỷ  
Túy)

JVALĀ (Ngược Quỷ: Quỷ gây bệnh sốt rét) EKĀHIKĀ (Nhật nhật ngược)  
DVAITIYAKĀ (Nhị nhật ngược) TRETIYAKĀ (Tam nhật ngược) CATURTHAKĀ  
(Tứ nhật ngược) NITYA JVARĀ ( Thường tráng nhiệt) VIṢAMA JVARĀ (Tráng  
nhiệt) VĀTIKA (Phong bệnh) PAITTIKĀ (Hoàng bệnh: Bệnh vàng da) ŚLEṢMIKĀ  
(Đàm ẩm) SANDIPATIKĀ (Ly bệnh: Bệnh tiêu chảy, kiết lỵ) SARVA JVARĀ (tất cả  
Nhiệt bệnh )

ŚIRORTTI (Đầu thông: Đau nhức cái đầu) ARDHĀBHEDHAKA (Bán đầu  
thông) AROCAKA (Bất Thực bệnh: Bệnh chẳng chịu ăn) AKṢĪ ROGAM (Nhãn  
thông) MUKHA ROGAM (Khẩu thông) HRDROGAM (Tông thông: Đau nhức tổng  
quát) KARNĀDA ŚŪLAM (Nhĩ thông) DANĀDA ŚŪLAM (Nha Thông) HRDAYA  
ŚŪLAM (Tâm thông) MARMA ŚŪLAM (Cốt tiết đông thông: Đau nhức buốt đốt  
xương) PARAŚVA ŚŪLAM (Hiếp thông: Đau hông sườn) PRṢṬĪ ŚŪLAM (Bối  
thông: Đau lưng) UDARA ŚŪLAM (Phúc thông: đau bụng) KAṬĪ ŚŪLAM ( Yêu  
thông: đau eo lưng) BASTI ŚŪLAM (Khỏa thông: đau mắt cá chân) URŪ ŚŪLAM  
(Thoái bệ thông: đau bắp đùi) JAMGHA ŚŪLAM (Uyển thông: đau cổ tay) HASTA  
ŚŪLAM (Thủ thông: đau bàn tay) PĀDA ŚŪLAM (Cước thông: đau bàn chân)  
SARVĀṅGA PRATYUNGA ŚŪLAM (Nhất thiết chi tiết đông thông: đau buốt tất  
cả chi tiết)

BHŪTA VETĀDA (Khởi Thi Quỷ) ĐAKĀ ĐĀKINĪ (Yểm Quỷ) JVARA  
DADRUKANṬYU (Thiên Hành Quỷ) KIṬĪ (Tri Thù sang: Nhọt do dờn ăn)  
BHALOTĀVAI (Đinh sang) SARPALOHĀ (Xâm Dâm sang) LINGA (Xích sang)  
ŚOSATRĀ (chưa biết rõ ?) SAGARA (chưa biết rõ ?) VIṢA-YOGA (Cổ Độc) AGNI  
(Lửa) UDAKA (Nước) MARAVERĀ (chưa biết rõ ?) KĀNTARA (Thú: Loài thú)  
AKĀLĀ MRṬYU (Chết yểu không đúng thời) TRAIMUKA (Tên loài trùng)  
TRAILĀṬAKA (Tên loài trùng )

BRŚCIKA (Bò cạp) SARPA (Rắn) NAKULA (Thử Lang: Chuột hoang)  
SĪMHA (Sư Tử) VYĀGHRA (Cọp) RIKṢA (Gấu) TARARIKṢA (Bi: Loài gấu lớn)  
CAMARA JĪVIBHE (Miêu Ngưu: Loài trâu Yak)

TEṢĀM SARVEṢĀM (Như thị nhất thiết tai nạn)

SITĀTAPATRAM (Thị Bạch Tản Cái) MAHĀ-VAJROṢṆĪṢAM (Đại Kim  
Cương Đỉnh) MAHĀ-PRATYUNĠIRAM (Đại Năng Điều Phục linh chur tai nạn tự  
nhiên thoái tán) YĀBA DVĀDAŚA YOJANĀBHYĀNTAREṆA (Nãi chí Thập Nhị  
(Hoặc 20 ) Do Tuần nội: Cho đến bên trong khoảng 12 Do Tuần)

SĪMĀ BANDHAM KAROMI (Ngã tác kết giới)

DIŚA BANDHAM KAROMI (Ngã tác thập phương kết phộc)

PARAVIDYA BANDHAM KAROMI (Ngã tác Năng Thắng Minh kết phộc)

TEJO BANDHAM KAROMI (Ngã tác Quang Tụ kết phộc)

HASTĀ BANDHAM KAROMI (Ngã tác thủ kết phộc)

PĀDA BANDHAM KAROMI (Ngã tác túc kết phộc)

SARVĀṅGA PRATYUNGA BANDHAM KAROMI (Ngã tác nhất thiết chi  
tiết kết phộc linh bí chur nạn bất đắc nhập dã)

**\_ TADYATHĀ (Liên nói Chú là) OM\_ ANALE ANALE \_ VIŚADA VIŚADA  
\_ BANDHA BANDHA \_ BANDHANI BANDHANI \_ VAIRA VAJRAPĀṆĪ  
PHAT\_ HŪM BHRŪM PHAT\_ SVĀHĀ**

NAMO STATHĀGATĀYA (Quy mệnh Như Lai) SUGATĀYA (Thiện Thệ)  
ARHATE (Ứng Cúng) SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)  
SIDDHYANTU (Thành tựu) MANTRA PADĀ (Chân Ngôn Cú) SVĀHĀ

Chân Ngôn này là bản dịch của Tam Tạng Đại Quảng Trí BÁT KHÔNG ở đời  
nhà Đường. Do Nhật Bản Mật Tông A Xà Lê Bí Tạng sao lục và cho lưu thông

01/09/1995

## GIẢI THÍCH ĐẠI PHẬT ĐỈNH CHÂN NGÔN

Hán văn: NỮ NGUYỆT

Việt dịch: HUYỀN THANH

Phàm không một cũng chẳng nhiều là Thật Tướng, không đồng mà chẳng khác là Nhất Thừa. Vì thế Biến Chiếu Luân Quang có nhiều Bộ ngang đồng với nhau. Do một Đạo Thanh Tĩnh này mà Quần Phẩm đều giải được, thấy Thật Tướng ở Phổ Môn ắt mọi Nghiệp quy về gốc rễ, ngộ Thật Tính nơi tiếng chữ tức mọi Tâm mở Giác.

Nay nói **Đại Phật Đỉnh Chân Ngôn** là bên trong chứng được **Luật Bí Mật** của Thánh Trí còn bên ngoài là áo **Giáo Bí Mật** hộ giúp cho sinh giới. Tuy thế người Trì Tụng chỉ vì Hồ Âm (Tiếng Ấn Độ) mới có sự sai lầm, hướng chi hiểu rõ được thứ bậc của cú nghĩa mà phiên dịch đây! Hoà Thượng LINH NGHIÊM của tôi vào nước Đại Đường thỉnh được bản dịch của Chân Ngôn này. Lại về nước Nhật chuyên trì Nghi Quỹ của Tôn ấy. Tôi ở Nam Trung được thọ Pháp và được truyền cho bản dịch đó. Có thể nói Phục Tàng là nơi mà kẻ nghèo túng nhìn biết được ngọc báu. Đêm dài mờ mịt chỉ mong thấy ánh mặt trời, tìm kiếm liền được Hòa Thượng ẩn khả. Lấy bản Phạn của **BÁT KHÔNG** ở trong sách Hán có ghi 2 chữ Phạn Hán rồi bèn bị ghi chép thứ tự từng đoạn riêng biệt mà dịch cú nghĩa. Nếu người trì tụng hiểu rõ ý tứ của sự giải thích này rồi đem làm đường lối tu hành ắt học được Nghi Quỹ ấy. Chữ và câu tương ứng thì chỉ khoảng sát na chứng được Tất Địa, miệng và ý bình đẳng thì thân liền đến Bồ Đề.

Hưởng Hòa năm thứ 14, Đỉnh Mão, mùa Hạ \_ NỮ NGUYỆT ghi chú

*Chùa Đại Hưng Thiện\_ Tam Tạng Sa Môn **BÁT KHÔNG** phụng chiếu dịch*

\*) Dịch tên là: **Đại Phật Đỉnh Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thâm Năng Điều Phục Đà La Ni**

Phạn Hán khó học, nếu giữ đủ Phạn Ngữ có thể nói là **Tát-đa tha nghiệt đồ ô sắt-ni sá, tất đa đa bát đa-lam, a ba la nhĩ đả, bát-la đẵng nghi lam, đà la ni.**

Có thể dịch theo Hán Ngữ là: **Đại Phật Đỉnh Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thâm Năng Điều Phục Tổng Trì**

**Sa-đa tha nga đồ** (Như Lai) **Ô sắt-ni sam** (Đỉnh kế) **tất đàn bát-đa lam** (Bạch cái: cái lọng màu trắng) **A ba la nhĩ đả** (Vô hữu năng cập: Không có gì không theo kịp) **Bát-la đễ-dụng kỳ lam** (Thâm năng điều phục: Rất hay điều phục) **Đà La Ni** (Tổng trì)

\*) Đà La Ni này có 5 Phật Đỉnh Minh làm một Đại Chân Ngôn, chia làm 4 đoạn

I \_ Kim Luân Phật Đỉnh

II \_ Phổ Thông Thành Tựu Phật Đỉnh

III \_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh và Quang Tụ Phật Đỉnh

IV \_ Biện Sự Phật Đỉnh

I \_ Đoạn đầu có 6 phần

1) Quy mệnh các Tôn

2) MINH hay trừ các chướng

3) Các Bạc hay hộ trì riêng

- 4) MINH cầu nguyện
- 5) Nói Chú
- 6) Lại cầu nguyện

1) Quy Mệnh đầu tiên lại có 2 phần là: trước Tổng, sau Biệt

a) **Tổng Quy Mệnh** là :

**Năng mô tát phộc mẫu đà , mạo địa tát đất-phệ tỳ-duợc** (Kính lễ tất cả chư Phật với chúng Bồ Tát)

**Năng mô tát đá nẫm, sam miệu sam mẫu đà, câu đê nẫm, sa thất-la phộc ca, tăng già nẫm** (Kính lễ 7 câu đê Chính Đẳng Chính Giác với Chúng Thanh Văn Tăng)

**Năng mô lô kê, a la-hãn đá nẫm** (Kính lễ Thế Gian A La Hán Chúng)

**Năng mô tô-lỗ đá bán năng nẫm** (Kính lễ Dự Lưu Chúng)

**Năng mô tắc ngật-lị đá nga nhĩ nẫm** (Kính lễ Nhất Lai Quả)

**Năng mô a năng nga mi nẫm** (Kính lễ Bất Lai Quả)

**Năng mô lộ kế sam miệu nga đá nẫm** (Kính lễ Bạc đã cứu độ các Thế Gian) **sam miệu bát-la để bán năng nẫm** (Bạc đã trụ nơi chân thật)

**Năng mô la đất-năng đất la dạ gia** (Kính lễ Tam Bảo)

b) **Biệt lễ** là :

**Năng mô bà nga phộc đế, nễ-lị trà thâu la tẩy năng, bát-la ha la noa, nhạ nhạ gia, đất tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia** (Kính lễ Dũng Mãnh Vô Song Dực Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

**Năng mô bà nga phộc đế, a nhĩ đá bà gia, đất tha nga đá gia, a la-ha đế , sam miệu sam mẫu đà gia** (Kính lễ Vô Lượng Quang Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

**Năng mô bà nga phộc đế, a khuất-số bệ-dạ gia, đất tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia** (Kính lễ A Súc Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

**Năng mô bà nga phộc đế , bỏi sát nhĩ-gia, ngu lỗ, phệ nữ ly gia, bát-la bà, la nhạ gia, đất tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia** (Kính lễ Dực Sư Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

**Năng mô bà nga phộc đế, sam bồ sáp-tỳ đá, sa luyện ná-la la nhạ gia, đất tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia** (Kính lễ Sa La Thọ Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

**Năng mô bà nga phộc đế, xá chỉ-dã mẫu năng duệ, đất tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia** (Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

**Năng mô bà nga phộc đế, la đất-năng, câu tô ma, kê đô, la nhạ gia, đất tha nga đá gia, a la-ha đế, sam miệu sam mẫu đà gia** (Kính lễ Bảo Hoa Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn)

**Năng mô bà nga phộc đế, đất tha nga đá, câu la gia** (Kính lễ Như Lai Chúng Tính Thế Tôn)

**Năng mô bà nga phộc đế, bát ná-ma, câu la gia** (Kính lễ Liên Hoa Chúng Tính Thế Tôn)

**Năng mô bà nga phộc đế, phộc nhật-la, câu la gia** (Kính lễ Kim Cương Chúng Tính )

**Năng mô bà nga phộc đế, ma ni, câu la gia** (Kính lễ Ma Ni Chúng Tính)

**Năng mô bà nga phộc đế , nguyệt nhạ, câu la gia** (Kính lễ Bạch Tụ Chúng Tính)

**Năng mô nê phộc, lật-sứ nẫm** (Kính lễ tất cả các Thiên Tiên)

**Năng mô tất đà, vĩ nễ-dã , đà la nẫm** (Kính lễ Trì Chú Tiên)  
**Năng mô tất đà, vĩ nễ-dã, đà la, li-sứ nẫm** (Kính lễ Thệ Năng Trì Chú Tiên) **xá ba noa, nghiệt-la ha, sa mặt la-tha nẫm** (Nhiếp ác tác thiện)  
**Năng mô một-la ha-ma ni** (Kính lễ các Phạm Thiên)  
**Năng mô ấn nại-la gia** (Kính lễ các Đế Thích)  
**Năng mô bà nga phộc đế, lỗ nại-la gia, ô mãng bát đế, sa hê dạ gia** (Kính lễ Đại Tự Tại Thế Tôn với Hậu (vợ) và Đẳng Chúng)  
**Năng mô na la diên noa gia** (Kính lễ Na La Diên Thế Tôn) **Lạc khát-sâm nhĩ, sa hê dạ gia**  
**Bán già ma ha mẫu nại-la, năng ma tắc ngật-li đá gia** (Kính lễ 5 Đại Án)  
**Năng mô ma ha ca la gia, đễ-li bồ la năng nga la, vĩ nại-la bả noa, ca la gia, a địa mục đắc ca , xả-ma xả năng phộc tất nễ, ma đễ-li nga noa, năng mô tắc ngật-li đá gia** (Kính lễ Đại Hắc Thiên Thần phá 3 vòng thành, nơi lễ kính của chúng Bản Mẫu vui thích ở gò mả (hay rừng Thi Đà))  
**Ế biểu, năng mô tắc ngật-li đá-phộc, y my.** (Như vậy lễ xong)

2) Bên trong Minh hay trừ các nạn lại có 2 phần

a) Riêng xưng Bản Tôn **Vô Năng Cập:**

**Bà nga phộc đá, sa-đá tha nga đồ sắt-nị sam, tất đàn đá bát đá-lam, năng mãng bả la nhĩ đá** ( Kính lễ Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Giá Vô Hữu Năng Cập )

b) Chính trừ các nạn:

**Bát-la đễ-dựng kỳ lam. Tát phộc nê phộc năng ma tắc ngật-li đam**

**Tát phộc nê phộc, thi-giả bả li bá li đam**

**Tát phộc bộ đa, nga-la ha, nhĩ nga-la ha, ca li-diễm**

(Rất hay điều phục chư Thiên, Bộ Đa Đẳng, tất cả Quỷ Thần)

**Bả la vĩ nễ-dã , thiết na năng , ca li-diễm** (Hay cắt đứt các Thần Chú Pháp)

**Nột nan đá nẫm, tát đá-phộc nẫm, ná ma kiếm**

**Nột sắt-tra nẫm, nễ phộc la nê-diễm**

**A ca la một-li đễ-dữu, bát-la xa ma năng, ca li-diễm** (Hay cột trời ách nạn chết không đúng thời)

**Tát phộc mẫn đà năng, mục ngật-xoa năng, ca li-diễm** (Cắt đứt sự cột trời của tất cả chúng sinh)

**Tát phộc nộ sắt-tra, nột tắc-phộc bát-năng , nễ phộc la nê-diễm** (Cột tất cả mộng ác chẳng lành)

**Giả đô la, thí đễ nẫm, nghiệt-la ha, sa ha sa-la nẫm, vĩ đặc phụng sa năng, ca li-diễm** (Cũng hoại diệt 84000 sự sợ hãi gây hại)

**A sắt-tra vĩ-dựng, xả đễ nẫm, nhược ngật-sát đa-la nẫm** (Cũng khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ) **Bát-la sa ná năng, ca li-diễm**

**A sắt-tra nẫm, ma ha nga-la ha nẫm, vĩ đặc-phụng sa năng, ca li-diễm** (Hoại 8 Đại Ác Tinh)

**Tát phộc xả khuất-lỗ, nhĩ phộc la nê-diễm** (Đẩy lui tất cả oán địch)

**Ngu lam, nộ sa-phộc bát la năng, nan giả năng xả nễ-diễm** (Tiêu diệt các mộng ác khác thường)

**Vĩ sa, thiết sa đá-la, a kỳ-nễ, ô noa ca, ô đá-la nê-diễm** (Hay độ thoát uy thế của thuốc độc, dao gậy, lửa, nước)

3) Các Bậc hay hộ trì riêng :

**A bà la nễ đá ngu la** (Vô Năng Cập Giả)

**Ma ha chiến noa nẫm** (Đại Lực Sân Nộ)

**Ma ha điêm bột-đam** (Đại Phu)

**Ma ha đế nhiễm** (Đại Uy Đức)

**Ma ha thủy-phệ đam** (Đại Bạch Thiên)

**Nhập-phộc la** (Hỏa Diễm)

**Ma ha mạt la thất-la giả** (Đại Lực Nữ)

**Bán noa la phộc đồ nễ-diễm** (Bạch Phát Nữ)

**A li-gia đá la, tỳ-li câu tri-diễm** (Hiền Độ Thiên Nữ và Sân Nữ)

**Chế phộc nhiễm, phộc nhật-la, ma lễ đễ, vĩ thâu lỗ-đảm** (Danh Xung Anh Tướng Kim Cương)

**Bát nột-ma ca-mi, phộc nhật-la, nhĩ hạ-phộc giả** (Liên Hoa Anh Tướng Kim Cương Tướng)

**Mãng la, chế phộc, bà la nhĩ đá** (Thù Anh Tịch Năng Vô Năng Cập)

**Phộc nhật-la nan nị, vĩ xá la giả** (Danh Xung Thiên Nữ Kim Cương Lịch)

**Phiến đá phệ ni ha, bố nhĩ đá** (Hòa Hàng Thiên Nữ Cúng Đường Giả)

**Táo mê, lỗ ba, ma ha thủy-phệ đá** (Thiện Mạo Uy Thế Đại Thiên Nữ)

**A li-gia đá la, ma ha mạt la** (Hiền Độ Siêu Việt Đại Lực Nữ)

**A bà la, phộc nhật-la, thương ca la, chế phộc** (Sợi Xích báu của Kim Cương Bát Tử)

**Phộc nhật-la ha sa-đá giả, ma hạ vĩ nễ-dã** (Chấp Kim Cương Chú Kim Anh Giả)

**Đát tha kiến giả năng, ma lý ca** (4 Thiên Vương với Thái Tử)

**Câu tô-án bà, la đát năng, chế phộc** (Đại Bảo Liên Hoa Hồng Lam Hoa)

**Phệ lô giả năng, câu ná la-thố sắt-nị sa** (Kim Cương Kế Xung Năng Phổ Chiếu)

**Vĩ tích-lâm bà ma noa giả** (La Sát Thần Nữ)

**Phộc nhật-la, ca năng ca** (Kim Cương Uy Thế)

**Bát-la bà, lô giả năng** (Liên Hoa Mục)

**Phộc nhật-la đôn nị giả** (Kim Cương Nhãn)

**Thủy-phệ đá giả, ca ma la ngật-xoa, xả thí bát-la bà** (Đại Bạch Thiên Nữ với Nguyệt Quang)

**Y đễ-duệ đễ, mẫu nại-la nga noa** (át cả các Chú Ấn như vậy)

4) Cầu Nguyện:

**Tát phệ, lạc khát-sam, câu la-văn đở, ma tả** (Nguyện thành tựu đều thủ hộ cho tôi với tất cả Chúng Sinh Đẳng)

5) Nói Chú:

**Ấn, lật-sứ nga noa** (Tiên Chúng) **Bát-la xả sa đá** (Thiện Chúng) **Đát tha nghiệt đố sắt-nị sa** (Nhất thiết Như Lai Đỉnh Kế) **Hồng, bố-lâm**

**Nhiễm bà năng** (Áp lãnh) **Hồng, bố-lâm**

**Sa-đảm bà năng** (Trần thù) **Hồng, bố-lâm**

**Mạo ha năng, hồng, bố-lâm**

**Ma tha năng, hồng, bố-lâm**

**Bà la vĩ nễ-dã, sam bạc ngật-xoa noa, ca la, hồng, bố-lâm**

**Tát phộc nột sắt-tra nẫm, sa-đảm bà năng, ca la** (Kêu gọi đầy lùi người khác)  
**Hồng, bố-lâm**

**Tát phộc đượ xoa (Dũng Mãnh) La sát sa nga-la ha nãm, vĩ đặc-phụng sa nãng, ca la (đánh phá) hồng, bố-lâm**

**Giả đốt la thí để nãm, tát-la ha, sa ha sa-la nãm (84000 Thần Vương Chúng) Vĩ nãng xả nãng, ca la, hồng, bố-lâm**

**A sát-tra vĩ-dựng, thiết để nãm, nhược ngật-xoa đát-la nãm, bát-la sa ná nãng, ca la, hồng, bố-lâm**

**A sát-tra nãm, ma ha nga-la ha nãm, vĩ đặc-phụng sa nãng, ca la**

6) Cầu Nguyện:

**Lạc khất-xoa, lạc khất-xoa, mị** (Thủ hộ cho tối với tất cả chúng sinh)

## II \_ PHỔ THÔNG THÀNH TỰU PHẬT ĐỈNH:

Ở trong đoạn này có 4 phần

- 1) Khen ngợi tướng kỳ lạ của Bản Tôn
- 2) Đạo Trường Sở Trú của Minh
- 3) Nói Chú
- 4) Cầu Nguyện

1) Khen ngợi Bản Tôn :

**Bà nga noan, sa-đá tha nga đố sắt-nị sái, ma ha bát-la để-dựng nghi lệ** (Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Đại Thập Năng Điều Phục Giả)

**Ma ha sa ha sa-la, bộ thệ** (Đại Thiên Tý)

**Sa ha sa-la, thi lị-sái** (Đại Thiên Đầu)

**Câu đê, xả đá, sa ha sa-la , ninh để-lệ** (Bách Thiên Câu Đê Nhãn)

**A tiện nễ-dã, nhập-phộc lý đá nãng tra nãng ca, ma ha phộc nhật-lộ ná la** (Vô Biệt Dị Hòa Diễm Kim Cương Xử)

2) Đạo Trường Sở Trú của Minh:

**Đế-lị bộ phộc nãng, man noa la** [bên trong Đàn Trường rộng rãi chân thật của Tam Giới (3 cõi)]

3) Nói Chú:

**Án**

4) Cầu Nguyện:

**Sa-phộc tát-để-la bà phộc đố, ma ma** (Nguyện cho chúng tôi với tất cả đều được tốt lành)

## III \_ BẠCH TẢN CÁI PHẬT ĐỈNH và QUANG TỰ PHẬT ĐỈNH:

- 1) Các nạn riêng biệt
- 2) Các Quý Túy riêng biệt
- 3) Các Thực Quý riêng biệt
- 4) Cắt đứt các Chú Thuật riêng biệt
- 5) Cầu Nguyện
- 6) Đỉnh lễ Bản Tôn
- 7) Nói Chú trừ các nhóm nạn

1) Các nạn riêng biệt :

**La nhạ , bà gia** (Nạn vua chúa)

**Chủ la, bà gia** (Nạn giặc cướp)  
**A ngh-nễ, bà gia** (Nạn lửa thiêu đốt)  
**Ô ná ca, bà gia** (Nạn nước cuốn chìm)  
**Vi sa, bà gia** (Nạn chất độc)  
**Xả sa đá-la, bà gia** (Nạn dao gậy)  
**Bả la chước ngật-la, bà gia** (Nạn binh trận)  
**Nột tích khát-xoa, bà gia** (Nạn đói khát)  
**A xả nễ, bà gia** (Nạn mưa đá)  
**A ca la, một-li đê-dữu, bà gia** (Nạn chết đột ngột)  
**Đà la ni, bộ di, kiếm ba, bà gia** (Nạn động đất)  
**Ô lạc-ca ba đá, bà gia** (Nạn ở đường xá nguy hiểm)  
**La nhạ nan noa, bà gia** (Nạn hình phạt của vua chúa)  
**Nặng nga, bà gia** (Nạn do loài Rồng gây ra)  
**Vĩ nễ-dữu, bà gia** (Nạn sét đánh)  
**Tô bát-la ni, bà gia** (Nạn do loài Kim Xí Điều gây ra)

2 ) Các Quý Túy riêng biệt:

**Dược khát-xoa, nga-la ha**  
**La khát-xoa sa, nga-la ha**  
**Tất-lê đá, nga-la ha** (Ngạ Quý: Quý đói)  
**Bộ đa, nga-la ha** (Thần Quý Chúng)  
**Cưu bàn noa, nga-la ha** (Thủ Cung Phụ Nữ Quý)  
**Bồ đan na, nga-la ha** (Xú Quý: Quý hôi thối)  
**Yết tra bồ đan na, nga-la ha** (Quý hôi thối lạ kỳ)  
**Tắc-kiền ná, nga-la ha** (Cưu Ma La Đồng Tử)  
**A bả sa-ma la, nga-la ha** (Dương Đầu Quý: Quý đầu dê)  
**Ồn mãng ná, nga-la ha** (Quý điên cuồng)  
**Xa gia, nga-la ha** (Ảnh Quý: Quý hớp bóng)  
**Lê phộc đê, nga-la ha** (Âm Mưu Quý)

3) Các Thực Quý riêng biệt:

**Ô nhạ ha lệ nhạ** (Loài ăn tinh khí sắc loại của con người)  
**Nghiệt bà ha lệ nhạ** (Loài ăn bào thai)  
**Nhạ đá ha lệ nhạ** (Loài ăn sinh khí)  
**Nhĩ vĩ đá ha lệ nhạ** (Loài ăn thọ mệnh)  
**Lỗ địa la ha lệ nhạ** (Loài ăn máu huyết)  
**Phộc sa ha lệ nhạ** (Loài ăn thứ dơ do sinh đẻ)  
**Mãng sa ha lệ nhạ** (Loài ăn thịt)  
**Mê ná ha lệ nhạ** (Loài ăn mỡ)  
**Mạt nhạ ha lệ nhạ** (Loài ăn tủy)  
**Vạn đá ha lệ nhạ** (Loài ăn thứ nôn mửa)  
**A thâu già ha lệ nhạ** (Loài ăn thứ bất tịnh)  
**Chất già ha lệ nhạ** (Loài ăn Tâm)  
**Đế sam, tát phệ sam** (Chúng Đẳng như vậy)

4) Cắt đứt các Thần Chú Thuật riêng biệt:

**Tát phộc nghiệt-la ha nẫm** (Tất cả Quý Thân) **Vĩ niệ** (Minh Chú) **sân ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ** (khắp cả đều ngăn cấm cắt đứt)



**Ba li một-la nhạ ca** (giặc Ngoại Đạo) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ** (bẻ gãy cột trời tội lỗi)

**Noa ca, noa chỉ nhĩ** (Hồ Mỹ Quý) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Ma ha bả thâu bả đễ, lỗ nại-la** (Đại Tự Tại Thiên) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Đát đá-phộc, tát lộ noa, tổ hệ gia** (Kim Xí Điều Vương) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Ma ha ca la** (Đại Hắc Thiên Thần) **ma đễ-li nga noa, ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Ca bả lý ca** (Độc Lâu Ngoại Đạo) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Nhạ gia ca la, mặt độ ca la, tát phộc la-tha sa đà nã** (chư tác cường thắng, chư tác Kiêu Mạn, Sở dục thành tựu nhất thiết sự giả. Xưa ghi là cầm giữ tất cả vật) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Giả đốt la bạc nghi nễ** (4 chị em Thần Nữ) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Bộ-lãng lãng li trí ca** (Đầu Chiến Thần) **Nan nễ** (Ngoại Đạo) **cuu thi-phộc la** (Khổng Tước Vương) **nga noa bả đễ** (Hoan Hỷ Vương) **sa hê gia** (anh em của Dã Xoa Vương 3 người đều lãnh 28 vạn) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Nã nga-nãng thất-la ma noa** (Ngoại Đạo khóa thân) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**A la-hán đá** (La Hán) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Vĩ đá la nga** (Ly Ái Trước Thiên. Xưa ghi là Khởi Thi Quý) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Phộc nhật-la bá ni** (Chấp Kim Cương Thần) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Một-la ha-ma, ngật-li đả. Lỗ ná-la, ngật-li đả. Nã la diên na, ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

**Phộc nhật-la bá ni ngọc tứ-dã ca** (Mật Tích Lực Sĩ) **địa bát đễ** (Tổng Quản) **ngật-li đả, vĩ niệ, sần ná gia nhĩ, chỉ la gia nhĩ**

5) Cầu Nguyên:

**Lạc khát-xoa, lạc khát-xoa, mê** (Xung tên.... Thủ hộ cho tôi với tất cả Chúng Đẳng)

6) Đỉnh lễ Bản Tôn:

**Bà nga phạm, tát đá đá bát đá-la, ná mô tổ đố** (Quy mệnh đỉnh lễ Bạch Cái Thế Tôn)

7) Nói Chú trừ nhóm nạn :

**A đồ đá nãng la la-ca** (Hào quang trắng rõ ràng) **bát-la bà, sa-phổ tra vĩ ca, tát đá bát đát-lệ, nhập-phộc la nhập-phộc la, đà ca đà ca, vĩ đà ca vĩ đà ca, ná la ná la, vĩ ná la vĩ ná la, sần ná sần ná, tần ná tần ná, hồng hồng, phán tra phán tra, sa-phộc ha**

**Hê hê, phán tra**

**A mục già gia, phán tra** (Bất Không Đại Sư)

**A bát-la đê ha đa gia, phán tra** (không có Chương Ngại)  
**Phộc la bát-la ná gia, phán tra** (Dữ Nguyễn)  
**A tổ la vĩ ná-la bả ca gia, phán tra** (Tu La phá bại)  
**Tát phộc nệ phệ tỳ-dược, phán tra** (Tất cả Đại Chúng)  
**Tát phộc năng nghệ tậ-gia, phán tra** (Tất cả Chúng Rông)  
**Tát phộc dược khắt-sái tậ-gia, phán tra** (Tất cả Quỷ Thân dùng mãnh)  
**Tát phộc la khắt-sát tậ-gia, phán tra**  
**Tát phộc nga lỗ nễ tậ-gia, phán tra**  
**Tát phộc hiến đạt phệ tậ-gia, phán tra** (Tất cả Thần Âm Nhạc)  
**Tát phộc a tổ lệ tậ-gia, phán tra**  
**Tát phộc khấn ná lệ tậ-gia, phán tra**  
**Tát phộc ma hộ la nghệ tậ-gia, phán tra**  
**Tát phộc bộ đế tậ-gia, phán tra**  
**Tát phộc tỳ xá chế tậ-gia, phán tra**  
**Tát phộc cung bát nãi tậ-gia, phán tra**  
**Tát phộc bố đan nễ tậ-gia, phán tra**  
**Tát phộc yết tra bố đan nễ tậ-gia, phán tra**  
**Tát phộc nột lãng kỳ đế tậ-gia, phán tra** (Tất cả nạn lỗi lầm)  
**Tát phộc nộ sát bát-la khắt-xoa đế tậ-gia, phán tra** (Tất cả nạn, phát khiên)  
**Tát phộc nhập-phộc lệ tậ-gia, phán tra** (Tất cả Ngược Bệnh Quỷ: Quỷ gây bệnh sốt rét)  
**Tát phộc a bả sa-ma lệ tậ-gia, phán tra** (Kiện Vong. Xưa ghi là tất cả Ngoại Đạo Sĩ)  
**Tát phộc thất-la ma nễ tậ-gia, phán tra** (Tất cả Trì Chú)  
**Tát phộc đê lật-thể cru tậ-gia, phán tra** (Tất cả Ngoại Đạo)  
**Tát phộc ổn mãng nhĩ tậ-gia, phán tra** (Tất cả Ác Sinh)  
**Tát phộc vĩ nễ-dã giá lệ-duệ tậ-gia, phán tra** (Tất cả hàng Trì Chú Bác Sĩ)  
**Nhạ gia ca la** (Cường Thắng) **Mạt độ ca la** (Kiêu Mạn) **tát phộc lật-tha sa đà cru biều** (Tất cả Dục Thành) **vĩ nễ-dã giá la-duệ tậ-gia, phán tra** (Xưa ghi là Trì Chú Bác Sĩ)  
**Giả đốt-la bạc lệ nễ tậ-gia, phán tra** (4 chị em Thần Nữ)  
**Phộc nhật-la cru mãng lệ** (Kim Cương Đông Tử) **câu lan đà lệ** (Trì Tĩnh Nữ) **vĩ nễ-dã la thệ tậ-gia, phán tra** (Nữ Vương. Xưa ghi là Chú Vương Đẳng)  
**Ma ha bát-la đê-dụng nhĩ tậ-gia, phán tra**  
**Phộc nhật-la thương ca la gia** (Kim Cương Liên Tỏa) **Bát-la đê-dụng nghĩ la, la nhạ gia, phán tra**  
**Ma ha ca la gia** (Đại Hắc Thiên Thần) **Mang đê-lệ nga noa** (Quỷ Thần Chúng)  
**năng ma tác ngật-lệ đá gia, phán tra**  
**Án ná-la gia, phán tra**  
**Một-la ha-nhĩ duệ, phán tra** (Phạm Thiên)  
**Lỗ ná-la gia, phán tra**  
**Vĩ sắt-noa vĩ duệ, phán tra** (Tỳ Nữ Thiên Tử)  
**Vĩ sắt-nãi vĩ duệ, phán tra**  
**Vật-la ha-di duệ, phán tra**  
**A nghĩ-nễ duệ, phán tra** (Hòa Thiên)  
**Ma ha ca lý duệ, phán tra** (Đại Hắc Thiên Nữ)  
**Lao niết-lệ duệ, phán tra** (Phần Nộ Thần)  
**Ca la nan đà duệ, phán tra** (Đại Quỷ Sứ Hắc Áo Thần)

**Ai niết-lị duệ, phán tra** (Đề Thích)

**Mang đê-lị duệ, phán tra**

**Giá muộn nị duệ, phán tra** (Nộ Thân)

**Ca la, la đê-lị duệ, phán tra**

**A địa mục ngật-đức ca, xá-ma xá năng, phộc tất nễ duệ, phán tra**

#### IV \_ BIỆN SỰ PHÁT ĐỈNH:

Bên trong có 12 phần

1) Loại tâm ác riêng biệt sinh ra từ bản thân mình

2) Thực Quỷ riêng biệt

3) Nơi nhiều túy của Quỷ có tâm ác riêng biệt

4) Bệnh nhiệt của nhóm Ngược Quỷ riêng biệt

5) Nơi đau nhức của các bệnh riêng biệt

6) Đẳng loại Quỷ riêng biệt

7) Loại ung nhọt riêng biệt

8) Nhóm tai nạn riêng biệt

9) Đức hay trừ tai nạn của Minh

10) Hạn lượng kết Phương Ngung và phần cột trói các chương của Minh

11) Chính thuyết Chân Ngôn trừ tai nạn kết giới kết trói buộc

12) Quy mệnh kính lễ Bản Tôn, nói ra lời là: **“*Khiển cho Chân Ngôn thành tựu, đũ xong*”**

1) Loại ác riêng biệt sinh ra từ bản thân mình:

**Duệ kế , chất đá sa đất-phộc** (Phát tâm chúng sinh) **ma ma** (nơi ta)

**Nột sắt-tra, chất đá** (Tâm ác. Hợp cả câu trên liền thành ***Nếu có chúng sinh đối với ta sinh các tâm ác***)

**Bá bá, chất đá** (Tâm tội lỗi)

**Lao ná la, chất đá** (Tâm phần nộ)

**Vĩ nễ-phệ sa, chất đá** (Tâm giận ghét)

**A muội đất-la, chất đá** (Tâm không hiền lành)

**Ô đá-bả ná diễn đễ, chỉ la diễn đễ, mạn đất-la diễn đễ, nhạ bán đễ, tô hãn đễ**

2) Thực Quỷ riêng biệt :

**Ô nhạ ha la** (Quỷ ăn tinh khí nhan sắc)

**Nghiệt bà ha la** (Quỷ ăn thai tạng)

**Lỗ địa la ha la** (Loài ăn máu huyết)

**Mãng sa ha la** (Loài ăn thịt)

**Mê ná ha la** (Loài ăn mỡ)

**Mạt nhạ ha la** (Loài ăn tủy)

**Phộc sa ha la** (Loài ăn thứ do mới sinh đẻ)

**Nhạ đá ha la** (Loài ăn sinh khí)

**Nhĩ vĩ đá ha la** (Loài ăn thọ mệnh)

**Mạt lược ha la** (Loài ăn tóc)

**Phộc lược ha la** (Loài ăn sức lực)

**Hiển đà ha la** (Loài ăn hương khí)

**Bổ sắt-ba ha la** (Loài ăn bông hoa)

**Phả la ha la** (Loài ăn ngũ cốc trái cây)

**Tát tả ha la** (Loài ăn hạt giống)

3) Nơi nhiều túy của loài Quỷ có tâm ác riêng biệt:

**Bả bá, chất đá** (Tâm tội lỗi gây nhiều túy)

**Nộ sắt-tra, chất đá** (Tâm ác)

**Nê phộc, nguyệt-la ha** (Thiên túy)

**Nặng nga, nguyệt-la ha**

**Dược khát-xoa, nguyệt-la ha**

**La khát-sát sa, nguyệt-la ha**

**A tố la, nguyệt-la ha**

**Nghiệt lỗ noa, nguyệt-la ha**

**Khẩn ná la, nguyệt-la ha**

**Ma hô la nga, nguyệt-la ha**

**Tất-lệ đá, nguyệt-la ha**

**Bô đa, nguyệt-la ha**

**Bố đan nặng , nguyệt-la ha**

**Ca tra bố đan nặng, nguyệt-la ha**

**Cru bàn noa, nguyệt-la ha**

**Tắc-kiến ná, nguyệt-la ha**

**Ồn mãng ná, nguyệt-la ha**

**Xa gia, nguyệt-la ha** (Ảnh Quỷ)

**A bả sa mãng la, nguyệt-la ha** (Quỷ đầu dê như chồn hoang)

**Noa ca, noa nghi nê, nguyệt-la ha** (Yêm Cổ Nữ Quỷ)

**Lê phộc đễ, nguyệt-la ha** (Như cầu (*con chó*) Nảo Tiểu Nhi Quỷ)

**Nhạ nhĩ ca , nguyệt-la ha** [Như Điều (*con chim*)]

**Nan nê ca , nguyệt-la ha** [Như Miêu (*con mèo*)]

**Lam vĩ ca , nguyệt-la ha** [Như Xà (*con rắn*)]

**Kiến đà bá ni , nguyệt-la ha** [Như Kê (*con gà*)]

4) Bệnh nhiệt của nhóm Ngược Quỷ riêng biệt:

**Nhập-phộc la** (Nhiệt Ngược Quỷ) **Ê ca tứ ca** (1 ngày phát bệnh 1 lần) **Nễ-phệ đễ**  
**dã ca** (2 ngày phát bệnh 1 lần) **Đễ-lệ đễ dã ca** (3 ngày phát bệnh 1 lần) **Giả đốt tha ca**  
(4 ngày phát bệnh 1 lần)

**Nễ đễ-dã** (Thường tráng nhiệt: Thường nóng sốt cao)

**Phộc đễ ca** (Bệnh trúng gió)

**Bối đễ ca** (Bệnh vàng da)

**Thủy-lệ sâm-di ca** (Bệnh đàm rãi)

**Tán nê bả đễ** (Bệnh kiết lỵ)

**Tát phộc nhập-phộc la** (Tất cả bệnh nhiệt)

5) Nơi đau nhức của các bệnh riêng biệt:

**Thủy lỗ lật-đễ** (đau đầu)

**A la-đà phộc bệ đà ca** (đau nhức nửa đầu)

**A lô giả ca, a khát-sử lô nghiêm** (đói chẳng thể ăn)

**Mục khư lỗ nghiêm** (đau miệng)

**Yết-lị nột-lô nghiêm** (đau toàn thể. Xưa ghi là Quỷ buồn rầu)

**Yết la-noa thân lam** (đau tai)

**Nan đa thân lam** (đau răng)

**Hột-lị ná gia thân lam** (Đau tim)

**Ma mạ thâu lam** (đau buốt đốt xương)  
**Bá la thi-phộc thâu lam** (đau hông sườn)  
**Ca trí thâu lam** (đau eo lưng)  
**Phộc sa-để thâu lam** (đau xương mắt cá chân)  
**Ô lô thâu lam** (đau bắp đùi)  
**Nhuỡng già thâu lam** (đau cổ tay)  
**Hạ sa-đa thâu lam** (đau bàn tay)  
**Bá ná thâu lam** (đau bàn chân)  
**Tát vông nga bát-la để-dựng nga thâu lam** (đau tất cả chi tiết)

6) Nhóm Quỷ riêng biệt:

**Bộ đá phệ đá noa** (Khởi Thi Quỷ)  
**Noa ca, noa chỉ nhĩ** (Yểm Quỷ)  
**Phộc la noa nột-lô kiến nữ** (Thiên Hành Quỷ)

7) Loại ung nhọt riêng biệt:

**Chỉ trí** (Tri Thù: nhọt do Dời ăn)  
**Ba lỗ đa** (Đinh sang)  
**Phệ tát bả lỗ ha** (Xâm dâm sang)  
**Lăng nga** (Xích sang)

8) Nhóm nảo nạn riêng biệt:

**Thâu sa đát-la sa nga la**  
**Vĩ sái dụ nga** (Cổ Độc)  
**A nghi-nễ**  
**Ô ná ca** (nước)  
**Mạt la phệ la**  
**Kiến đá la** (loài thú)  
**A ca la một-lị để-dữu** (chết đột ngột)  
**Đế-lai mục ca, đế-lê la tra ca**  
**Một-lị thủy-chỉ ca** (Bò cạp)  
**Tát bả** (Rắn)  
**Nẩng câu la** (Thử Lang: Chuột hoang)  
**Tư-dựng hạ** (Sư tử)  
**Vĩ-tha già-la** (Đại Trùng)  
**Lị-khất sa** (Gấu)  
**Đá la khất-sa** (Bi: Loài gấu lớn)  
**Giá mạt la nhĩ vĩ bệ** (Cá Ma Kiệt)  
**Đế sam, tát phệ sam** (Như vậy tất cả nạn)

9) Đúc hay trừ các nạn của Minh:

**Tất đá đa bát đất-la, ma ha phộc bạch-lỗ ô sắt-nị sam, ma ha bát-la để-dụng nghi lam** (Bạch Cái Đại Kim Cương Đỉnh Kế đó hay khiến cho các nạn tự nhiên lui tan)

10) Hạn lượng kết Phương Ngung Giới và chi phần trói buộc loài gây chướng của Minh:

**Dạ phộc, ná-phộc xả, dụ nhạ năng, tiện đa lệ noa** (cho đến bên trong 12 Do Tuần)

**Sam mãng, mẫn đặng, ca lỗ nhĩ** (Ta tác Giới kết buộc. Hợp với câu trên sẽ nói là: Cho đến bên trong 12 Do Tuần, Ta tác Giới kết buộc)

**Nễ xả, mẫn đặng, ca lỗ nhĩ** (Ta tác: Hay cột buộc các kết buộc ở 10 phương)

**Bả la vĩ nễ-dạ, mẫn đặng, ca lỗ nhĩ** (Ta tác: Hay cột buộc sự kết buộc của Minh)

**Đế thù, mẫn đặng, ca lỗ nhĩ** (Ta tác Kết buộc của nhóm ánh sáng (*Quang Tụ*))

**Ha sa-đá, mẫn đặng, ca lỗ nhĩ** (Ta tác kết buộc của bàn tay)

**Bá ná, mẫn đặng, ca lỗ nhĩ** (Ta tác kết buộc của bàn chân)

**Tát vông nga, bát-la để-dụng nga, mẫn đặng, ca lỗ nhĩ** (Ta tác kết buộc của tất cả chi tiết. Hợp lại thì nói là: Ta tác Phật Đỉnh Quang Tụ kết giới kết buộc chẳng được cho vào giới)

11) Chính thuyết Chân Ngôn trừ nạn kết giới kết buộc :

**Đất nễ-dã tha** (Liên nói Chú là)

**Án\_ A năng lệ, a năng lệ \_ Vĩ xá ná, vĩ xá ná\_ mẫn đà, mẫn đà\_ mẫn đà nễ, mẫn đà nễ\_ phệ la phộc nhật la bá ni, phán tra \_ Hồng, bố-lâm, phán tra\_ Sa-phộc ha**

12) Quy mệnh Bản Tôn kết Giới:

**Năng mô sa-đá tha nga đá gia** (Quy mệnh Như Lai) **Tổ nga đá gia** (Thiện Thệ) **la-ha đế** (Ứng Cúng) **Tam miệu tam một đà gia** (Chính Chân Đẳng Giác) **tất điện đô, mạn đất-la bả ná** (Thành tựu Thân Chân Ngôn đã xong) **sa-phộc ha** (Thành tựu Phước Trí hay Vô Trụ Niết Bàn)

Nếu lại có người hoặc ở trên giấy trắng, hoặc trên vỏ cây hoa, hoặc trên lá Bối viết **Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thập Năng Điều Phục Đà La Ni** này. Hoặc đeo trên thân, hoặc cột ở cổ ... cho đến lúc chết thì chất độc chẳng thể hại, dao chẳng thể gây thương tích, nước chẳng thể cuốn chìm, trùng độc thú dữ tự nhiên tiêu diệt, chết đột ngột chẳng đúng thời cũng chẳng thể hại. Cũng khiến cho các Quỷ Thần ác, Tỳ Na Dạ Ca thấy đều vui vẻ. Cũng khiến cho 84 ức Na Do Tha các Kim Cương Tính cũng thường thủ hộ vui vẻ cung kính. Có thể biết các việc đời trước trong 84 trăm ngàn kiếp. Cuối cùng chẳng thọ nhận thân nghèo cùng hạ tiện, Dạ Xoa, Quỷ đói, Yết Tra Bồ Đan Na. Cũng hay viên mãn vô lượng vô biên hằng hà sa số các nhóm Phước Đức của Phật Thế Tôn

Nếu có người trì Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thập Năng Điều Phục Đà La Ni này thì chẳng có Phạm Hạnh cũng thành Phạm Hạnh, chẳng hay điều phục cũng tự điều phục, chẳng thanh tịnh cũng tự thanh tịnh, chẳng ăn một bữa tự sẽ ăn một bữa, gây ra 5 Tội Nghịch cũng tự tiêu diệt, diệt sạch Nghiệp Chướng đời trước không còn dư sót.

Nếu người nữ muốn cầu con cái, nên trì Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thâm Năng Điều Phục Đà La Ni này sẽ được sinh con trai con gái đoan chính có Phước Trí.

Hoặc ở đồng trống, dựng cây phướng cao, treo Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Vô Hữu Năng Cập Thâm Năng Điều Phục Đà La Ni này rồi cung kính lễ bái thì bao nhiêu tai địch, oán địch bên ngoài đến xâm nhiễu sẽ tự nhiên quay trở về và lui tan

**Điều Phục Đà La Ni** này làm cho người thọ trì được đầy đủ Phước Đức, sống lâu an vui. Khi chết sẽ sinh về nước An Lạc

Nếu bị Dịch Lệ, dịch lục súc (súc vật nuôi trong nhà) oán địch bên ngoài đến xâm nhiễu... Hoặc ở trước công thành, hoặc ở trong làng xóm phường ấp cũng đặt bày thì liền được ngưng trừ tai nạn.

**ĐẠI PHẬT ĐỈNH NHƯ LAI ĐỈNH KẾ BẠCH CÁI ĐÀ LA NI (Hết)**

**Đốt-lễ-hông (☸:TRŪM)** là một chữ của **Biện Sự Phật Đỉnh** vậy

Bản Phạn này và sự phiên dịch, ỗi mỗi câu chữ có thêm bớt chẳng giống nhau. Nhân Huyền Sư lấy các Bản đã dịch mà làm. Tuy thế còn một số câu chưa phiên dịch được, mong bậc Đại Giác bổ sung cho.

*Nguyện đem Công Đức này*

*Phổ biến khắp tất cả.*

*Tôi cùng với chúng sinh*

*Đồng chứng Đại Tất Địa*

**Đại Phật Đỉnh Như Lai Phóng Quang Tất Đát Đa Bát Đát La Đà La Ni**

Đời Đường, chùa Thanh Long, Nội Cúng Đường Sa Môn ĐÀM TRINH tu sửa dựng lại bản bia của Chân Ngôn

01/10/1999

**KIỂM TRA VÀ GHI CHÚ**  
**ĐẠI PHẬT ĐỈNH NHƯ LAI PHÓNG QUANG**  
**TẮT ĐẤT ĐA BÁT ĐẤT LA ĐÀ LA NI**

Phạn Hán: MINH GIÁC  
Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

STATHAGATO (Như Lai) UṢṆĪṢA (Đỉnh Ké) SITĀTA (Bạch: màu trắng)  
PATRAM (Cái: Dù, lọng) APARAJITAM (Vô Hữu Năng Cập) PRATYUṆḂIRAM  
(Thậm Năng Điều Phục) DHARAṆI (Tổng Trì)

Phần trên là **Đề Danh**

I

NĀMAḂ (Kính lễ) SARVA (Tất cả) BUDDHĀ (Phật, đấng giác ngộ)  
BODHISATVEBHYAḂ (Hàng Bồ Tát, Giác Chúng Sinh (Tâm) đấng)

**Kính lễ tất cả chư Phật với chúng Bồ Tát**

NAMO (Kính lễ) SAPTĀNAM (7) SAMYAKSAMBUDDHĀ (SAMYAK:  
Chính, SAM: Đấng, BUDDHĀ: Giác. Tức là Chính Đấng Giác) KOTĪNĀM (Câu đê,  
úc: 100 triệu) SAŚRĀVAKA (Thanh Văn) SAMGHANĀM (Chúng)

**Kính lễ 7 câu đê (700 triệu) Chính Chân Đấng Giác với chúng Thanh Văn  
Tăng**

NAMO (như trước) LOKE (Thế Gian) ARHANTĀNĀM (chư A La Hán)

**Kính lễ chúng A La Hán ở Thế Gian**

NAMO ŚROTĀPANNĀNAM (Chư Thuận Lưu Chúng. Xưa ghi là: Tu Đà Hoàn.  
ŚROTA: Lưu, APANNA: Nhập, cho nên nói là **Nhập Lưu**, NĀM: nhiều, nên nói là  
**Chư**)

**Kính lễ chúng Thuận Lưu Quả**

NAMO SUKRTĀGĀMINĀM (Chư Nhất Lai Quả. SUKRTA: Nhất, một.  
AGĀMI: Lai, đi lại, NĀM: Nhiều)

**Kính lễ chúng Nhất Lai Quả**

NAMO ANĀGĀMINĀM (ANA: Bất, chẳng phải. AGĀMI: Lai, đi đến. Nên Đại  
Luận nói là **Bất Lai**. Lại GAMI: Hành, A: Bất. Hành còn ghi là **Hoàn** nên nói là **Bất  
Hoàn**)

**Kính lễ chúng Bất Hoàn Quả**

NAMO LOKE SAMYAGAGATANĀM (Dĩ độ : Đã vượt qua. Huyền Trang ghi  
là: **Chính Chí** tức là tên của **4 Quả**. SAMYAGA là Tam Miệu, đây là **Chính**. GATA:  
Hành, NĀM: nhiều ) SAMYAKPRATIPANNĀNĀM (Dĩ sinh chân thật sở : Đã sinh  
vào nơi chân thật. Huyền Trang nói là **Chính Hạnh** tức là tên của **4 Hướng**.  
SAMYAK là Tam Miệu , đây là **Chính**, PRATIPANNA: Hành, Hướng)

**Kính lễ Bậc đã vượt qua Thế Gian, Bậc đã sinh vào nơi chân thật**

NAMO RATNA-TRAYĀYA

**Kính lễ Tam Bảo**

NAMO BHAGAVATE (Thế Tôn) DRḂHA (Kiên Cố) ŚURA (Dũng mãnh)  
SENA (Quân) PRAHARAṆA (Kích, đánh) RAJĀYA (Vương, vua)  
TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng) SAMYAKSAMBUDDHĀYA  
(Chính Đấng Giác)



**Kính lễ Dũng Mãnh Phấn Kích Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE AMITĀBHA (Vô Lượng Quang) TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

**Kính lễ Vô Lượng Quang Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE AKṢOBYĀYA (A Súc, Bất Động) TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

**Kính lễ A Súc Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE BHAIṢAJYA (Dược, Thuốc) GURU (Sư đấng, bậc thầy) VAITURYA (Phệ Lưu Ly) PRABHA (Quang, ánh sáng) RĀJĀYA (Vương) TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

**Kính lễ Dược Sư Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE SAMPUṢPĪTA (Khai Sở Hoa. SAM: Khai sở tức là bóc mở, PUṢPĪ là bông hoa) SĀLA (Tên cái cây) INDRA (Đế Vương) RĀJĀYA (Vương) TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

**Kính lễ Sa La Thọ Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYA (Thích Ca, Năng) MUṆAYE (Mâu Ni, Tịch) TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

**Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE RATNA (Bảo, báu) KUSUMA (Hoa) KETU (Tràng, cây phượng) RĀJĀYA (Vương) TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

**Kính lễ Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Chính Chân Đẳng Giác Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE TATHĀGATĀ (Như Lai) KULĀYA (KULA: Bộ, Tộc. YA là tiếng đệm sau chữ)

**Kính lễ Như Lai Chủng Tính Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE PADMA (Liên hoa, hoa sen) KULĀYA

**Kính lễ Liên Hoa Chủng Tính Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE VAJRA (Kim Cương) KULĀYA

**Kính lễ Kim Cương Chủng Tính Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE MAṆI (Bảo, báu) KULĀYA

**Kính lễ Ma Ni Chủng Tính Thế Tôn**

NAMO BHAGAVATE GARJA (Bạch Tụ, nhóm tụ màu trắng) KALĀYA

**Kính lễ Bạch Tụ Chủng Tính Thế Tôn**

NAMO DEVA (Thiên, hàng Trời) ṚṢĪ (Tiên) NĀM (Nhiều)

**Kính lễ tất cả chúng Thiên Tiên**

NAMO SIDDHA (Thành tựu) VIDYA (Minh) DHARĀ (Trì, cầm giữ) NĀM

**Kính lễ chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên**

NAMO SIDDHA VIDYĀDDHĀRA ṚṢIṆĀM

**Kính lễ chúng Thệ Năng Thành Tựu Minh Tiên**

ŚĀPĀNUGAHASAMARTHĀNĀM

**Kính lễ chúng Nhiếp ác tác thiện**

NAMO BRAHMAṆE

**Kính lễ các Phạm Thiên**

NAMO INDRAJA

**Kính lễ các Đế Thích**

NAMO BHAGAVATE RURĀYA (Đại Tụ Tại Thiên) UMĀPATI (Thiên Hậu) SAHEYĀYA (với hàng quyền thuộc)

**Kính lễ Đại Tụ Tại Thiên Tôn với hàng Hậu Phi**

NAMO NĀRĀYAṆĀYA (Kính lễ Na La Diên Thiên Đẳng) RAKṢAM MI SAHEYĀYA (Thủ hộ cho tôi với hàng quyền thuộc. RAKṢAM là thủ hộ)

PAMCA (5) MAHĀ (Đại, to lớn) MUDRA (Ấn) NAMO (Lễ) SKRTĀYA (Tác, làm)

### **Người kính lễ 5 Đại Ấn**

NAMO MAHĀ (Đại) KALĀYA (hắc, màu đen) TRI (3) PURA (Cung, cung điện) NAGARA (Thành, cái thành) VIDRĀPAṆA-KĀRĀYA (phá hoại) ADHIMUKTOKA (Lạc, vui thích, ưa thích) ŚMAŚĀNA (Rừng Thi Đà hay nơi có gò mả) MĀTRGAṆA (Bản Mẫu chúng hay Quỷ Thần Chúng. GAṆA là chúng) NAMAḤ (Kính lễ) SKRTĀYA (tác, làm)

**Kính lễ Đại Hắc Thiên Thần hoại 3 trùng thành, chúng Bản Mẫu thích cư ngụ ở gò mả**

EBHYO (như vậy) NAMAḤ (lễ) SKR (Tác, làm) TVA (xong) IMAM (cái này, điều này)

### **Như vậy lễ xong**

BHAGAVATE (Thế Tôn) STATHĀGATA-USNĪṢA (Như Lai Đỉnh Kê) SITĀTAPATRAM (Bạch cái, cái lọng màu trắng) NAMĀ (Quy mệnh) APARAJITAM (Vô Hữu Năng Cập) PRATYUNḠIRAM (Thậm Năng Điều Phục)

SARVA DEVA (Tất cả Trời) NAMASKRTĀM (Tác lễ giả, người làm lễ)

SARVA DEVEBHYAḤ (Tất cả hàng Trời) PŪJITAM (nơi cúng dường)

SARVA DEVE (Tất cả Thiên Nữ) ŚCA ( Đẳng ) PURI (đều) PĀLITĀM (Hộ)

SARVA (Tất cả) BHŪTA (Ác Quỷ) NIGRAHĀ-KARĪM

### **Rất hay điều phục chư Thiên, hàng Bộ Đa, tất cả Quỷ Thần**

PARA (cái khác) VIDYA (Minh) CCHEDANA (cắt đứt) KARĪM (Tác, làm)

### **Cũng cắt đứt các Thần Chú Pháp**

DURDATANĀM (DUDBHATTĀNĀM: Khó giáng phục) SATVĀNĀM (Chúng sinh) DAMAKAM (giáng phục)

### **Giáng phục các chúng sinh khó giáng phục**

DUṢṬANĀM (chư ác) NIVĀRAṆĪM (ngăn che, chặn đứng)

### **Ngăn che chặn đứng các ác**

AKĀLA (không đúng thời) MRTYU (chết) PRAŚAMANA (hay trừ bỏ) KARĪM (Tác, làm)

### **Hay trừ ách nạn chết không đúng thời**

SARVA (Tất cả) BANDHANA (trói buộc) MOKṢANA (giải thoát) KARĪM (Tác, làm)

### **Hay cắt đứt tất cả sự trói buộc của chúng sinh**

SARVA DUṢṬA (Tất cả ác) DUSVAPNA (mộng ác) NIVĀRAṆĪM (Chướng, ngăn che)

### **Hay cột trói tất cả mộng ác chẳng lành**

CATUR-AŚĀTĪNĀM (84) GRAHA (Chấp) SAHASRĀ (1000) NĀM (nhiều) VIDHVAMSANA (hoại) KARĪM (Tác, làm)

### **Hoại 84000 các phiến não**

AṢṬA (8) VIṢATĪNĀM (20) NAKṢATRĀNAM (các Tú) PRASĀDANA (vui vẻ) KARĪM (Tác, làm)

### **Cũng khiến cho 28 Tú vui vẻ**

AṢṬANĀM (8) MAHĀ (Đại) GRAHĀNĀM (Chấp, ác tinh) VIDHVAMSANA (Hoại) KARĪM (Tác, làm)

### **Hoại 8 đại ác tinh**

SARVA ŚATRŪ (Tất cả oan gia) NIVĀRAṆĪM (ngăn che)

**Đẩy lui tất cả oán địch**  
GURĀM (nặng nề ) DU (Ác) SVAPNA (mộng) NĀMCA (Đẳng) NĀSANĪM  
(tiêu diệt)

**Tiêu diệt các mộng ác khác thường**  
VIṢA (chất độc) ŚASTRA (dao gậy) AGNI (lửa) UDAKA (nước) UTRANĪM  
(Độ thoát)

**Hay vượt thoát uy thế của thuốc độc, dao gậy , lửa, nước**  
APARĀJITĀ-ŚURA (Vô Năng Cập Giả)  
MAHĀ-CANṬHANAM (Đại Dao Sân Nộ. **Ma hạ bả thâu** (Mahā-paśu) là Đại  
Dao)

MAHĀ-DĪPTĀM (Đại Thiên, Đại Uy Quang)  
MAHĀ-ŚVETĀM (Đại Bạch Thiên)  
JVALA (Quang Diễm hay Hỏa Diễm)  
MAHĀ-BALĀ (Đại Lực) ŚRĪYA (Cát Tường)

**Đại Lực Cát Tường**  
PAṆḌARA (Bạch, màu trắng) VĀSINIM (Phát, cây phát trần)

**Bạch Phát Nữ**  
ARYA-TĀRĀ (Thánh Cứu Độ) BHRĀKUTĪM (Sân Nữ)

**Hiền Độ Thiên Nữ và Sân Nữ**  
CEVAJAM (Tối Thắng Bồ Tát) VAJRA-MALETI (Kim Cương Man:Vòng hoa  
Kim Cương) VIŚRŪTAM (Tối thắng)

**Danh Xưng Anh Tướng Thắng Kim Cương**  
PADMĀKAM (Liên Hoa Anh Tướng) VAJRA-JIHVĀCAḤ (Kim Cương Thiệt:  
cái lưỡi Kim Cương)

**Liên Hoa Anh Tướng Kim Cương Tướng**  
MALĀ (Anh: chuỗi Anh Lạc) CEVA (tối diệu) APARĀJITAḤ (Vô Năng Cập)

**Thù Anh Thắng Diệu Vô Năng Cập**  
VAJRA-DANḌĪ (Kim Cương Thần Xử: Cái chày của Thần Kim Cương)  
VIŚALĀCA (Thiên Thần Lực Sĩ)

**Danh Xưng Thiên Nữ Kim Cương Lịch**  
ŚANTĀ (Hoà Hàng, cùng bay lượn) VAIDEHA (Thiên Chúng) PŪJITĀḤ (cúng  
dường)

**Hoà Hàng Thiên Chúng Cúng Dường Giá**  
SAUME (Thiện) RŪPA (Mạo) MAHĀ-ŚVETĀ (Đại Bạch Thiên)

**Thiện Mạo Uy Thế Đại Thiên Nữ**  
ARYA (Hiền) TĀRĀ (Độ) MAHĀ (Đại) BALĀḤ (Gia)

**Hiền Độ Siêu Việt Đại Lực Nữ**  
APARA (không có cái khác) VAJRA-ŚĀṆKALA (Kim Cương Liên Tỏa)  
CEVAḤ (Tối Thắng)

**Cái khóa hoa sen của Kim Cương Bất Tử** (Kim Cương Bất Tử chi Liên Tỏa)  
VAJRA-KAUMĀRĪḤ (Kim Cương Đồng Nữ) KULA (Tính) NDHARĪ (Trì Nữ)

**Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ**  
VAJRA-HASTĀCA (Kim Cương Thủ) MAHĀ-VIDYA (Đại Minh, Đại Chú)  
TATHĀ (Chân: sự thật) KĀMCANĀ (Chân Kim: vàng ròng) MALIKAḤ (Anh Lạc)

**Chấp Kim Cương Chú Kim Anh Giả**  
KUSUMBHA (Hồng Lam) RATANA (Bảo, báu) CEVA (Tối Thắng)

**Đại Bảo Liên Hoa Hồng Lam Hoa**  
VAI (Phổ) ROCANA (Chiếu) KUDĀRTHOṢNĪṢA  
**Kim Cương Kế Xưng Năng Phổ Chiếu**

VIJYAMBHA MĀNĀCA (La Sát Thần Nữ )  
 VAJRA-KANAKA (Kim Cương Uy Thế. KANAKA: Kim, vàng)  
 PRABHA LOCANĀḤ (Liên Hoa Mục. PRABHA: Quang, ánh sáng)  
 VAJRA-TUNḌĪCA (Kim Cương Nhân)  
 ŚVETĀCA (Bạch: màu trắng)  
 KAMALĀKṢA (Liên Hoa Mục. AKṢA: con mắt)  
 ŚAŚĪ (Nguyệt: mặt trăng) PRABHĀ (Quang, ánh sáng)  
 ITYETE (Như vậy) MUDRA (Ấn) GAṆAḤ (Đẳng)  
**Tất cả các Ấn Chú như vậy**  
 SARVE RĀKṢAM (Tất cả hộ cho tôi) KURBBANTU (Tác làm ở) MAMASYA  
 (Ngã, tôi)  
**Nguyện đều thành, đều thủ hộ cho tôi với tất cả chúng sinh đẳng**

II  
 OM\_ RṢĪ (Tiên) GAṆAM (Chúng. Xưa hợp lại là Tiên Chúng) PRAŚASTA  
 (Thiện Tướng: Tướng hiền lành) TATHĀGATOṢṆĪṢA (Như Lai Đỉnh Kế) HŪM  
 BHRŪM (Chủng Tử)  
 JAMBHANA (Áp trần) HŪM BHRŪM  
 STAMBHANA (Trần thủ) HŪM BHRŪM  
 BOHANAḤ (Mê hoặc) HŪM BHRŪM  
 MATHĀNA HŪM BHRŪM  
 PRAVIDYA (Bài Minh khác) SAMBHAKṢANA KARA\_ HŪM BHRŪM  
 SARVA DUṢṬANĀM (Tất cả ác) STAMBHANA-KĀRA (Trần thủ) HŪM  
 BHRŪM  
 SARVA YAKṢA (Tất cả Dũng Mãnh) RAKṢASA (La Sát) GRAHĀNĀM (Túy,  
 loài Ma gây mê hoặc) VIDHVAMŚANA-KARA (Đánh phá, phá hoại) HŪM  
 BHRŪM  
 CATURA (4) ŚĪTĪNĀM (80) GRAHA (Quý Thần) SAHASRĀNĀM (1000)  
 (84000 Chúng Thần Vương) VINĀŚANA (Diệt) KARA (Tác, làm) HŪM BHRŪM  
 AṢṬA (8) VIŚĀTĪNĀM (20) NAKṢATRĀNĀM (Tú, Tinh Tú) PRASĀDANA  
 (vui vẻ) KARA (Tác, làm) HŪM BHRŪM

**Cũng khiến cho 28 Tú vui vẻ**  
 RAKṢA RAKṢA MAM ( Ủng hộ cho tôi )  
**Thủ hộ cho tôi (tên là .... ) với tất cả chúng sinh**  
 BHAGAVĀM (Thế Tôn) STATHĀGATOṢṆĪṢA (Như Lai Đỉnh Kế) MAHĀ  
 (Đại, to lớn) PRATYUNḠIRE (Thậm Năng Điều Phục)  
**Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái Đại Thậm Năng Điều Phục Giả**  
 MAHĀ (Đại) SAHASRA (1000) BHUBHO (Tý, cánh tay ? BHŪJE)  
**Đại Tý Đại Thần**  
 SAHASRA ŚIRṢE (Thiên Đầu Thần : vị Thần có 1000 cái đầu)  
 KOṬĪ (Câu đê : 100 triệu) ŚATI (100) SAHĀSRA (1000) NETRE (Mục, con  
 mắt)  
**Bách Thiên Câu Đê Nhân Thần**  
 ABHAIDYA (Nội, bên trong) JVALATI (Diễm, ánh lửa) NATĀNAKA (không  
 có sai khác) VAJRODARA (Kim Cương Xử Quảng) TRBHUVANA (Tam Hữu: 3 cõi)  
 MAṆDALA (Đàn Trường)  
**Chày Kim Cương tỏa ánh lửa không sai khác bên trong Đàn Trường rộng rãi  
 chân thật của 3 cõi**

OM (Quy mệnh, cảnh giác, nhiếp phục, trừ chướng, cúng dường. Lại có 3 thân là: Pháp Thân, Ứng Thân, Hóa Thân)

SVASTIBHAVATU (Nguyện chúng tôi với tất cả đều được cát tường. Hoặc cho tôi bình đẳng. MAMA là Tôi, BHAVA là đắc được)

III

RĀJA BHAYA (Nạn vua chúa)

CORA BHAYA (Nạn giặc cướp)

AGNI BHAYA (Nạn lửa)

UDAKA BHAYA (Nạn nước)

VIṢA BHAYA (Nạn chất độc)

ŚASTRA BHAYA (Nạn dao gậy)

PRACAKRA BHAYA (Nạn binh trận)

DURBHIKṢA BHAYA (Nạn đói khát)

AŚANI BHAYA (Nạn mưa đá)

AKĀLA (Phi Thời, đột ngột) MR̥TYU (chết) BHAYA (sợ hãi)

**Nạn chết đột ngột**

DHARAṆI (Đất) BHUMI (Đất đai) KAMPA (chấn động) BHAYA

**Nạn động đất**

ULKAPĀ BHAYA (Nạn đường xá nguy hiểm)

RAJA-DANḌA BHAYA (Nạn hình phạt của vua chúa)

NAGA BHAYA (Nạn Rồng)

VIDYU BHAYA (Nạn sét đánh)

SUPARṆI BHAYA (Nạn Kim Xí Điểu)

YAKṢA GRAHĀ (Dược Xoa Túy)

RAKṢASA GRAHĀ (La Sát Túy)

PRETA GRAHĀ (Ngạ Quỷ Túy)

PIŚĀCA GRAHĀ (Xí Thân Túy)

BHŪTA GRAHĀ (Thần Quỷ Túy)

KUMBHAṆḌA GRAHĀ (Thủ Cung Sản Nữ Quỷ Túy)

PŪTANA (Xú Quỷ Túy)

KATAPŪTANA GRAHĀ (Kỳ Xú Quỷ Túy)

SKANDA GRAHĀ (Cru Ma La Đồng Tử Túy)

APASMĀRA GRAHĀ (Dương Đầu Quỷ Túy)

UNMĀDA GRAHĀ (Cuồng Quỷ Túy)

CCHĀYĀ GRAHĀ (Ảnh Quỷ Túy)

REVATI GRAHĀ (Âm Mưu Quỷ Túy)

ŪJĀHĀRIṆYĀ (Thực Sinh Khí Nhân Sắc Giả. ŪJA là sinh. AHĀRIṆYA là ăn)

GARBHĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn bào thai)

JATĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn sinh khí. JATA là sinh)

JĪVITĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn thọ mệnh)

RUDHIRĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn máu huyết. RUDHIRA là máu huyết)

BASĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn thứ do sinh đẻ)

MĀMSĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn thịt. MĀMSA là thịt)

MEDĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn mỡ)

MAJJĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn tủy)

BĀNTĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn thức nôn mưa, loài ăn gió)

AŚUCYĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn thứ bất tịnh. ŚUCYA là Tịnh)

CITTĀHĀRIṆYĀ (Loài ăn Tâm)

TEṢĀM SARVEṢĀM (Chúng đấng như vậy)  
 SARVA GRAHĀNĀM (Tất cả Chấp Thần Chúng) VIDYĀM (Minh Chú)  
 CCHINDA (cắt đứt) YĀMI (Nay tôi) KĪLA (cắm) YĀMI (Nay tôi)  
 PARIBRĀHĀKA (giặc Ngoại Đạo) KṚTĀM (Sở tác) VIDYĀM (Minh Chú)  
 CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI (hết thầy Minh Chú, nay tôi cắm đứt)  
 ḌAKA ḌĀKINĪ (Hồ My) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA  
 YĀMI  
 MAHĀ-PAŚUPATI RUDRA (Đại Tự Tại Thiên) KṚTĀM VIDYĀM  
 CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 TATVA GARUḌA SAHAYA (Kim Xí Điều Vương) KṚTĀM VIDYĀM  
 CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 MAHĀ-KĀLA MATṚ-GAṆAM (Đại Hắc Thiên Thần. MAHĀ là Đại, KĀLA  
 là Hắc, MATṚ là Mẫu, GAṆAM là Chúng) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI,  
 KĪLA YĀMI  
 KĀPALIKA (Độc Lâu Ngoại Đạo) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI,  
 KĪLA YĀMI  
 JAYA (Thắng) KARA (Tác) MADHU (Kiêu Mạn) KARA (Tác) SARVĀRTHA  
 (Tất cả Nghĩa Lợi) SĀDHANA (Thành tựu) **Các tác cường thắng, các tác kiêu mạn,  
 sở dục nhất thiết sự thành tựu**) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA  
 YĀMI  
 CATUR-BHAGINĪ (4 Chị em Thần Nữ. BHAGINĪ là tên chung của 4 chị em)  
 KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 BHRĠGIRĪTIKA (Đấu Chiến Quỷ) NANDI (Ngoại Đạo) KEŚVARA (Không  
 Tước Vương) GAṆAPATI (Hoan Hỷ Vương) SAHEYA (Dã Xoa Vương. 3 anh em  
 đều lãnh 28 vạn. SAHEYA còn nói là Quyến Thuộc) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA  
 YĀMI, KĪLA YĀMI  
 NAGNA-ŚRAMAṆA (Khóa Hình Ngoại Đạo) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA  
 YĀMI, KĪLA YĀMI  
 ARHĀNTA (La Hán) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 VĪTARAGAṆĀ (Ly Ái Trước Thiên, Khởi Thi Quỷ) KṚTĀM VIDYĀM  
 CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 VAJRAPĀṆI (Chấp Kim Cương Thần) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA  
 YĀMI, KĪLA YĀMI  
 BRAHMA KṚTĀM (Phạm Thiên sở tác) RUDRA KṚTĀM (Tự Tại Thiên  
 Chú) NARĀYAṆA (Na La Diên Thiên) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI,  
 KĪLA YĀMI  
 VAJRAPĀṆI-GUHYAKA (Chấp Kim Cương Mật Tích Lục Sĩ. GUHYAKA là  
 Mật Tích) ADHIPATI (Chủ) KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI, KĪLA YĀMI  
 RAKṢA RAKṢA MĀM (Thủ hộ cho tôi... với tất cả chúng sinh đấng)

IV

BHĀGAVĀM (Thế Tôn) SITĀTAPATRA (Bạch Cối) NAMOSTUTE (Đỉnh lễ)

**Quy mệnh đỉnh lễ Bạch Cối Thế Tôn**

ASITĀNALĀRKAḤ (Hào quang trắng rõ ràng) PRABHA (ánh sáng) SPHUṬA  
 (Hiện hiện) VIKĀ (Tối thắng) SITĀTAPATREḤ (Bạch Cối) JVALA JVALA (Phóng  
 quang, phóng quang) DHAKA DHAKA (Uy Quang, Uy Quang) VIDHAKA  
 VIDHAKA (Biến uy quang, biến uy quang) DARA DARA (giáng phục) VIDARA  
 VIDARA, CCHINDA CCHINDA (cắt đứt) BHINDA BHINDA (xuyên qua) HŪM  
 HŪM, PHAṬ PHAṬ, SVĀHĀ

HE HE (Hô triệu) PHAṬ (Phá bại )  
 AMOGHAYA (Bất Không) PHAṬ (Phá bại)  
**Bất Không Đại Sứ phá bại**  
 APRATIHATAYĀ PHAṬ (Vô chướng ngại phá bại)  
 VARAPRADAYĀ PHAṬ (Dữ Nguyễn phá bại. VARA là Nguyễn, PRADĀYA là Dữ: ban cho)  
 ASURA (Phi Thiên) VIDRĀPAKĀYA (Phá hoại) PHAṬ (Phá bại)  
**A Tu La phá bại**  
 SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Thiên Chúng phá bại. DEVA là Thiên: Trời, EBHYAḤ là Chúng)  
 SARVA NĀGEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Long Chúng phá bại)  
 SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Quỷ Thần Dũng Mãnh phá bại)  
 SARVA RĀKṢASEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả La Sát Thần Chúng phá bại)  
 SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Kim Xí Điều Thần Chúng phá bại)  
 SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAḤ (Tất cả Âm Nhạc Thần Chúng phá bại)  
 SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ (Tất cả A Tu La Thần Chúng phá bại)  
 SARVA KINDAREBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Nghi Thần Chúng phá bại)  
 SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Đại Phúc Hành Thần Chúng phá bại)  
 SARVA BHŪTEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Ác Quỷ Chúng phá bại)  
 SARVA PIŚĀCEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Tỳ Xá Già Quỷ Chúng phá bại)  
 SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Cưu Bàn Trà Quỷ Chúng phá bại)  
 SARVA PŪTANEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Xú Quỷ Chúng phá bại)  
 SARVA KAṬAPŪTANEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Kỳ Xú Quỷ Chúng phá bại)  
 SARVA DURLAMGHITEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Nột Ngộ Chúng phá bại. DURA là Nột: nói năng chậm chạp, LAMGHITA là ngộ: sai lầm)  
 SARVA DUṢPRAKṢITEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Nột Phất Khiển Chúng phá bại. DUṢA là Nột: nói năng chậm chạp, PRAKṢITA là Phất Khiển)  
 SARVA APASMAREBHYAḤ PHAṬ (Kiện Vong. Tất cả Ngoại Đạo Sĩ phá bại)  
 SARVA ŚRAMAṆIBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Trì Chú Chúng phá bại. ŚRAMAṆE là Sa Môn, người trì Chú)  
 SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Ngoại Đạo Chúng phá bại)  
 SARVA UNMAṆDEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Ác Sinh Chúng phá bại)  
 SARVA VIDYĀCĀRYEBHYAḤ PHAṬ (Tất cả Trì Chú Bác Sĩ phá bại. VIDYA là Minh, ACĀRYE là Bác Sĩ)  
 JAYĀ-KĀRA (Tác tối thắng) MADHU-KARA (Tác kiêu mạn) SARVĀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SADDHĀNEBHYĀ (Tất cả sự thành tựu) VIDYĀCĀRYEBHYAḤ (Trì Minh Bác Sĩ) PHAṬ (Phá bại)  
 CATUR-BHAGINĪBHYAḤ PHAṬ (4 chị em Thần Nữ phá bại)  
 VAJRA-KAUMARĪ (Kim Cương Đồng Nữ) KULANDHARĪ (Trì Tính Nữ)  
 VIDYĀ-RAJEBHYAḤ PHAṬ (Minh Vương Đẳng phá bại)  
 MAHĀ-PRATYUNḂGIREBHYAḤ PHAṬ (Đại Điều Phục Giả Đẳng phá bại)  
 VAJRA-ŚAṆKALĀYA (Kim Cương Liên Tỏa) PRATYUNḂGIRA-RĀJAYA PHAṬ (Đại Điều Phục Vương phá bại)  
 MAHĀ-KĀLĀYA (Đại Hắc Thiên Thần) MATṚ-GAṆA (Quỷ Thần Chúng)  
 NAMASKṚTĀYA PHAṬ (Tác lễ già phá bại)

INDRAYĀ PHAṬ (Đế Thích phá bại)  
 BRAHMAṆĪYE PHAṬ (Phạm Thiên Phi phá bại)  
 RUDRĀYA PHAṬ (Tự Tại Thiên phá bại)  
 VIṢṆAVIYE PHAṬ (Tỳ Nữ Thiên Tử phá bại)  
 VIṢNEVIYE PHAṬ (Tỳ Nữ Thiên Nữ phá bại)  
 BRAHMĪYE PHAṬ (Phạm Thiên Thiên Tử phá bại)  
 VARAKĪYE PHAṬ (Trư Đầu Thần phá bại)  
 AGNIYE PHAṬ (Hỏa Thiên phá bại)  
 MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ (Đại Hắc Thiên Thần Phi phá bại)  
 RAUDRĪYE PHAṬ (Sân Nộ Thần phá bại)  
 KĀLA-DANḌĪYE PHAṬ (Đại Quỷ Súc Thần Hắc Áo Thần phá bại)  
 AINDRĪYE PHAṬ (Đế Thích phá bại)  
 MĀTRĪYE PHAṬ (Quỷ Thần phá bại)  
 CAMUNḌĪYE PHAṬ (Nộ Thần phá bại)  
 KALA-RĀTRĪYE PHAṬ [Hắc Dạ Thần phá bại. RĀTRĪ là ban đêm (dạ)]  
 KĀPĀRĪYE PHAṬ (Độc Lâu Thần Nữ phá bại)  
 ADHIMUKTOKA ŚMAŚĀNA-VĀSINIYE PHAṬ (Lạc Cư Tùng Sở Nữ phá bại : Âm Nữ vui thích ở gò mả phá bại)

V  
 YEKE CITTA SATVA (Phát tâm chúng sinh) MAMA (nơi tôi)  
 DUṢṬA-CITTĀ (Tâm ác) PĀPA-CITTĀ (Tâm tội lỗi) RAUDRA-CITTĀ (Tâm  
 phẫn nộ) VIDVAIṢA-CITTĀ (Tâm giận ghét) AMAITRA-CITTĀ (Tâm không hiền)  
 UTPADAYANTI (Sinh dã) KĪLAYANTI (Cấm dã) MANTRAYANTI (Mật Ngữ  
 dã) JĀPANTI (Tụng dã) JOHANTI (Sinh dã)  
 ŪJĀHĀRĀ (Loài ăn tinh khí, Ngư Quỷ. UJA là sinh, AHĀRĀ là ăn)  
 GARBHĀHĀRĀ (Thực Thai Quỷ)  
 RUDHIRĀHĀRĀ (Thực huyết Quỷ)  
 MEDĀHĀRĀ (Thực ám Quỷ)  
 MAJJĀHĀRĀ (Thực Tùy Quỷ)  
 BASĀHĀRĀ (Thực Sơ Sản Quỷ)  
 JATĀHĀRĀ (Thực Sinh Khí Quỷ)  
 MALYĀHĀRĀ (Loài ăn tóc)  
 GANDHĀHĀRĀ (Loài ăn hương khí)  
 PUṢPĀHĀRĀ (Loài ăn bông hoa)  
 PHĀLĀHĀRĀ (Loài ăn ngũ cốc. **Tư** ghi PHALA là quả trái)  
 SASYĀHĀRĀ (Loài ăn hạt giống)  
 PĀPA-CITTĀ (Tâm tội lỗi) DUṢṬA-CITTĀ (Tâm ác)  
 DEVA GRAHĀ (Thiên Túy)  
 NĀGA GRAHĀ (Long Túy)  
 YAKṢA GRAHĀ (Dược Xoa Túy)  
 RAKṢASA GRAHĀ (La Sát Túy)  
 ASURA GRAHĀ (A Tu La Túy)  
 GARUṢA GRAHĀ (Ca Lâu La Túy)  
 KINDARĀ GRAHĀ (Khẩn Na La Túy)  
 MAHORĀGA GRAHĀ (Ma Hầu La Giá Túy)  
 PRETA GRAHĀ (Nạ Quỷ Túy)  
 PIŚĀCA GRAHĀ (Tỳ Xá Già Quỷ Túy)  
 BHŪTA GRAHĀ (Bộ Đa Quỷ Túy)



PŪTANA GRAHĀ (Bồ Đan Na Túy)  
 KAṬAPŪTANA GRAHĀ (Yết Tra Bồ Đan Na Quỷ Túy)  
 KUMBHAṆḌA GRAHĀ (Cầu Bàn Trà Quỷ Túy)  
 SKANDA GRAHĀ (Tắc Khiển Na Quỷ Túy)  
 UNMĀDA GRAHĀ (Ồn Mãng Quỷ Túy)  
 CCHĀYA GRAHĀ (Ảnh Quỷ Túy)  
 APASMĀRĀ GRAHĀ (Duong Đầu Quỷ Chi Hình Nữ Dã Hồ Quỷ)  
 ḌAKA ḌAKINĪ GRAHĀ (Yêm Mỵ Nữ Quỷ Túy)  
 REVATI GRAHĀ (Như Cầu Nảo Nhi Túy)  
 JAMIKĀ GRAHĀ (Như Mã Quỷ Túy)  
 ŚAKUNI GRAHĀ (Như Điều Hình Quỷ Túy)  
 NANDĪKĀ GRAHĀ (Như Miêu Hình Quỷ Túy)  
 LAṂVIKA GRAHĀ (Như Xà Hình Quỷ Túy)  
 KAṆṬHAPAṆI GRAHĀ (Như Kê Hình Quỷ Túy)  
 JVARĀ (Nhiệt Ngược Quỷ) EKAHIKĀ (1 ngày phát sốt rét 1 lần)  
 DVAITIYAKĀ (2 ngày phát sốt rét 1 lần) TRETIYAKĀ (3 ngày phát sốt rét 1 lần)  
 CATURTHAKĀ (4 ngày phát sốt rét 1 lần)  
 NITYĀ JVARA (Luôn nóng sốt cao)  
 VIṢAMA JVARĀ (Nóng sốt cao)  
 VĀTIKĀ (Phong bệnh)  
 PATTAKĀ (Bệnh vàng da)  
 ŚLEṢMIKA (Đàm ẩm)  
 SANDIPATIKA (Bệnh kiết lỵ)  
 SARVA JVARĀ (Tất cả bệnh nhiệt)  
 ŚARORTTI (Đau nhức đầu)  
 ARDHĀVABHEDHAKA (Đau nhức nửa đầu)  
 AROCAKA (Bệnh chẳng ăn được)  
 AKṢI ROGAM (Đau mắt. AKṢI là con mắt, ROGA là đau nhức)  
 MUKHA ROGAM (Đau miệng)  
 HRDROGAM (Đau nhức toàn thể)  
 KARṆDA ŚULAM (Đau tai. KARṆA là lỗ tai)  
 DANDA ŚULAM (Đau răng)  
 HRDAYA ŚULAM (Đau tim)  
 MARMA ŚULAM (Đau buốt đốt xương)  
 PĀRĀ ŚULAM (Đau hông sườn)  
 PRṢṬA ŚULAM (Đau lưng)  
 UDARA ŚULAM (Phúc bệnh: bệnh về cái bụng)  
 KAṬI ŚULAM (Đau eo lưng)  
 BAṢṬI ŚULAM (Đau bắp đùi)  
 JAMGHA ŚULAM (Đau cổ tay)  
 HASTA ŚULAM (Đau bàn tay)  
 PĀDA ŚULAM (Đau bàn chân)  
 SARVAṄGA PRATYUṄGA ŚULAM (Đau nhức tất cả chi tiết. AṄGA là Chi, PRATYU là Tiết)  
 BHŪTA VETĀḌĀ (Khởi Thi Quỷ. BHŪTA là Bộ Đa Quỷ, VETĀḌA là Thi Quỷ)  
 ḌĀKA ḌĀKINĪ (Yêm Quỷ)  
 JVARA DRADRUKANṬU (Thiên Hành Quỷ)  
 KITI (Tri Thù Sang: Nhọt do Dời ăn)

BHAILOTA VAI (Đỉnh Sang)  
SARPALOHĀ (Xâm Dâm Sang)  
LIṄGA (Xích Sang)  
ŚOSATRA SAGARA  
VIṢA-YOGA (Cổ Độc)  
AGNI (lửa) UDAKA (nước)  
MARAVĒRĀ  
KĀNTARĀ (loài Thú)  
AKĀLĀ MR̥TYU (Chết đột ngột)  
TRAIMUKA TRAILOṬAKA  
BR̥ŚIKA (Bò Cạp) SARPA (Rắn) NAKULA (Thử Lang : Chuột hoang) SIMHA  
(Sư Tử) VYAGHRA (Cọp, Đại Trùng) RIKṢA (Gấu, gấu heo) DARARIKṢA (Gấu  
Ngựa) CAMARA JĪVIBHE (Cá Ma Kiệt)  
TEṢAM SARVEṢAM (Như vậy tất cả tai nạn)  
SITĀTAPATRA (Bạch Cối) MAHĀ-VAJROṢṆĪṢA (Đại Kim Cương Đỉnh)  
MAHĀ-PRATYUṆḠIRAM (Đại Điều Phục)

**Bạch Cối Đại Kim Cương Đỉnh Kế này hay khiến cho các nạn tự nhiên lui  
tan**

YĀBA (Cho đến) DVA (2) DAŚA (10) YOJANĀ (Do Tuần) BHYĀNTARENA  
(Bên trong. ABHYĀNTARA là bên trong)

**Cho đến bên trong 12 Do Tuần**

SĪMA (Giới) BANDHAM (cột buộc) KAROMI (Tác Ngã)

**Kết Giới kết Phục tác ngã . Hay bên trong 12 Do Tuần ta kết buộc giới**

DIŚĀ (10 Phương) BANDHAM KAROMI

**Ta tác 10 phương kết buộc**

PARA (điều khác) VIDYA (Minh) BANDHAM KAROMI

**Ta tác Năng Thẳng Minh kết buộc**

TEJA (Quang: ánh sáng) BANDHAM KAROMI

**Ta tác Quang Tự kết buộc**

HASTA (bàn tay) BANDHAM KAROMI

**Ta tác bàn tay kết buộc**

PĀDA (bàn chân) BANDHAM KAROMI

**Ta tác bàn chân kết buộc**

SARVAṆGA PRATYUṆḠA (Tất cả chi tiết) BANDHAM KAROMI

**Ta tác tất cả chi tiết kết buộc. Hay ta tác Phật Đỉnh Quang Tự kết Giới kết  
buộc, chẳng được cho vào Giới**

TADYATHĀ (Liên nói Chú là)

**OM ANALE ANALE VIŚADA VIŚADA BANDHA BANDHA  
BANDHĀNI BANDHĀNI VAIRA VAJRAPĀṆI (Kim Cương Thủ) PHAṬ (Phá  
bại) HŪM BHRŪM PHAṬ SVĀHĀ**

NAMO STATHĀGATĀYA (Quy mệnh Như Lai) SUGATĀYA (Thiện Thệ. SU  
là Thiện, GATA là đi, SUGATA là Bậc đi đến nẻo lành) ARHATE (Ứng Cúng)  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Chân Đẳng Giác) SIDDHYAMTU (Thành Tựu)  
MANTRA (Chân Ngôn) PADA (Cú)

**Quy mệnh tất cả Như Lai Chính Đẳng Giác khiến cho con thành tựu Chân  
Ngôn Cú**

SVĀHĀ (Thành tựu Phước Trí)

**ĐẠI PHẬT ĐỈNH ĐÀ LA NI NHẤT ĐẠO xong**

Đà La Ni này bắt đầu có **Như Lai Đỉnh Kế** cho đến **Tổng Trì**. Đây là **Đề Mục** Phạm Phạn Văn trong các Kinh thông biệt, các Chú, khởi đầu có câu **Quy Mệnh** tiếp có chính tông, cuối cùng của Kinh Chú có đề mục kết thúc là SAMĀPTAḤ tức là **đã xong**. Ý nói rằng Chú của Kinh đó đã xong rồi.

Nay Chú này bắt đầu thì đề **Đề Mục** của bản Phạn. Đây là dựa theo lúc kết thúc Kinh Sách của đất Hán (Trung Quốc) mà đề khởi đầu, có bản không có đề mục này.

Dựa theo Kinh Chú thì Chân Ngôn này gom hợp **Phương Quỹ Trì Chú** với **Chính Đà La Ni** làm thành một Chú. Ý theo ý chú giải thì nơi gia chú (chú giải thêm) như bên trên. Có điều Phạn Ngữ có nhiều hàm ý chẳng phải một cách. Tư dựa theo bản khác mà phân chia văn. Minh khởi đầu là Phương Quỹ Trì Chú, tiếp đến là Chính Thuyết Đà La Ni.

**Phương Quỹ Trì Chú** có 3 phần

- 1) Quy mệnh các Tôn
- 2) Niệm Chú Đức
- 3) Thỉnh Gia Hộ

1) **Quy mệnh các Tôn** có 2 phần

- a) **Tổng Quy Mệnh**: Kính lễ tất cả chư Phật cho đến Kính lễ Tam Bảo
- b) **Biệt Quy Mệnh**: Kính lễ Dũng Mãnh cho đến Bản Mẫu Chi Chúng kính giả  
Tiếp theo là EBHYO NAMAHSKṚTVĀ là Như vậy lễ xong. Đây là Kết phần Quy Mệnh các Tôn bên trên

2) **Niệm Chú Đức**:

Thoạt đầu là IMAM BHAGAVATA STATHĀGATOŚNĪṢA SITĀTAPATRAM NAMA. Đây là tên gọi **Thế Tôn Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái**. Ý là Như vậy lễ xong, lại nên niệm lời *tên Chú này là Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái*

Khảo xét phần trước sau của bản giải thích này tựa như dùng **Vô Hữu Năng Cập Thạm Năng Điều Phục** cũng là tên của Chú (Xuất Chú Danh) cho nên biết tên chính của Chú này là **Như Lai Đỉnh Kế Bạch Cái** vậy, xong **Vô Hữu Năng Cập Thạm Năng Điều Phục** tức là ghi phần dụng của Chú. Phạn Ngữ có nhiều hàm ý cho nên khi phiên dịch chẳng muốn làm trái ngược với ý đã giải thích.

Tiếp từ PARAJITA trở xuống là **Chính Niệm Chú Đức**. Chữ 𑖣(MĀ) bên trên đã có chữ 𑖠(A) cho nên nói **Vô Hữu Năng Cập Thạm Năng Điều Phục** tức niệm dụng của Chú, nên nói rằng **Tất cả Thiên Chúng lễ bái cúng dường, điều phục các Quỷ** cho đến **Uy thế của nước, lửa ...** cũng là niệm Đức vậy

3) Tiếp trong **Thỉnh gia hộ thủ** có 2 phần

- a) Khởi đầu từ **Vô Năng Cập Giả** cho đến **Nguyệt Quang Giả** là các Hộ Giả (Bậc Thủ Hộ) riêng biệt. (*Đây y theo ý khởi đầu Tất cả Thiên Chúng cúng dường lễ bái ủng hộ Đức mà Thỉnh Gia Hộ*)

b) Tiếp từ 𑖠(OM) trở xuống là **Chính Thuyết Chú** cho nên trong Kinh ghi là: **Đát diệt tha: Ô hồng ....** Là các Chú thông thủ vậy

Doanh Bảo, năm thứ 3, tháng 7, ngày 10. Hạ Châu Ân Giả MINH GIÁC tùy theo khả năng mà kiểm tra ghi chú xong

Văn Trì, năm thứ 5 (Kỷ Dậu), tháng 10, ngày 10. Sao chép ở sách **Thiên Song** của Liêm Thương. THÍCH TÍNH NGÃ ghi xong

Diên Bảo, năm thứ 2, tháng 9, ngày 27. Dùng bản đề trong rương của chùa Cao Sơn ghi chép xong. Lúc đó Viện Sĩ SA lại gia trì lần nữa. Ân Giả HIÊN CHỨNG (78 tuổi)

12/11/1999

# ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM ĐÀ LA NI

Dựa theo Quảng Bản của Ngài BÁT KHÔNG  
Phục hồi và chú thích Phạm Văn: HUYỀN THANH

## ĐỀ DANH CHÚ:

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿  
STATHĀGATOSŃIṢĀM SITATĀPATRAM APARĀJITAM  
PRATYUṄGIRAM DHĀRAṆĪ

Stathāgata: Tất cả Như Lai

Uṣṇīṣa: Đỉnh kế, đỉnh cô, nhục kế là phần thịt nổi cao tròn trên đỉnh đầu. Đây là một trong 32 tướng tốt của Đức Phật

Stathāgatosṅīṣām: Nhất thiết Như Lai Đỉnh Kế hay Đỉnh kế của tất cả Như Lai

Sitāta: Có tính màu trắng

Patra: Cái lọng, cái dù

Sitātapatram: Bạch Tản Cái tức cái lọng màu trắng

Aparājitam: Vô năng thắng tức không có gì vượt thắng hơn được

Pratyuṅgiram: Rất khéo điều phục (thậm năng điều phục) hay cứu thoát (năng cứu thoát)

Dhāraṇī: Tổng Trì tức gìn giữ tổng thể

**\*) Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Đà La Ni**

## I \_ HỘI THỨ NHẤT:

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVEBHYAḤ

Namaḥ: Kính lễ

Sarva: Tất cả (nhất thiết)

Buddha: Bạc Giác Ngộ, vị Phật

Bodhisatva: Giác Hữu Tình, vị Bồ Tát

Ebhyaḥ: Đẳng cấp, hàng

**Kính lễ tất cả Phật với hàng Bồ Tát**

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

NAMO SAPTĀNĀM SAMYAKSAMBUDDHA KOṬĪNĀM SAŚRĀVAKA SAMGHĀNĀM

Namo: Quy mệnh, quy y, lễ bái, cúng dường, cứu ngã, độ ngã

Sapta: số 7 \_ Nām là nhiều. Trong văn tự Tất Đàn thì **saptānam** được dùng để kết hợp nhân số 7 với một số lớn hơn đặt ở phía sau danh từ cần phải tính đếm

Samyak: Chính, Chính Đẳng

Saṃbuddha: Biến giác, biến tri tức là cái biết khắp cả

Samyaksambuddha: Chính Biến Tri, Chính Đẳng Chính Giác

Koṭī: Ưc, 100 triệu \_ Koṭīnām kết hợp với Saptānām phía trên thành 7 ức hay 700 triệu

Srāvaka: Thanh Văn chỉ người do nghe giảng học hỏi mà chứng Đạo giải thoát. Saśrāvaka là Diệu Thanh Văn

Saṅgha: còn viết là saṃgha, saṅgha chỉ những vị có Đức Hạnh, có cuộc sống trong sạch, cùng sống chung với nhau và hỗ trợ nhau tiến bộ trên con đường giải thoát

phiền não khổ đau. Trong bản Đà La Ni này thì **saṅgha** nhằm chỉ các tu sĩ Phật Giáo (Tăng)\_ saṅghānāṃ là Tăng Chúng

**Quy mệnh 7 ức Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng**

ॐ लोके अरहन्तानाम्

NAMO LOKE ARHANTĀNĀM

Loka: Thế gian\_ Loke là bên trong Thế Gian

Arhanta: còn viết là Arhāt, arhate tức A La Hán là quả vị thứ tư trong 4 quả Thanh Văn. A La Hán có 3 nghĩa là: Sát Tặc (giết giặc phiền não) Vô Sinh (không còn sinh tử luân hồi) Ứng Cúng (Bậc Thánh xứng đáng nhận sự cúng dường của tất cả chúng sinh). Arahantānāṃ là Chúng A La Hán

**Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian**

ॐ श्रोतपाननाम

NAMO SROTĀPANNĀNĀM

Srota: Giòng chảy (Luu)

Apanna: Tham dự vào, nhập vào

Srotāpanna: Tu Đà Hoàn là quả vị thứ nhất trong 4 quả Thanh Văn thường dịch là Nhập Luu (bước vào dòng Thánh), Dự Luu, Nghịch Luu (ngược giòng sinh tử)

**Quy mệnh Chúng Dự Luu**

ॐ सुकृतागमिनाम

NAMO SUKṚTĀGAMĪNĀM

Sukṛta: Một (Nhất)

Agami: Đi đến (Lai)

Sukṛtāgami: Tu Đà Hàm là quả vị thứ hai trong 4 Quả Thanh Văn thường dịch là Nhất Lai

**Quy mệnh Chúng Nhất Lai**

ॐ अनागमिनाम

NAMO ANĀGĀMĪNĀM

Ana: Chẳng phải (Bất)

Agāmi: Đi đến (Lai), quay trở lại (Hoàn)

Anāgāmi: A Na Hàm là quả vị thứ ba trong 4 Quả Thanh Văn thường dịch là Bất Lai, Bất Hoàn

**Quy mệnh Chúng Bất Hoàn**

ॐ लोके सम्यग्गतानाम् सम्यक्प्रतिपाननाम

NAMO LOKE SAMYAGGATĀNĀM SAMYAKPRATIPANNĀNĀM

Samyag: Chính

Gata: Vượt Qua, đã đi qua, nơi đã đến

Samyaggatānāṃ: Chúng Chính Chí tức tên gọi 4 Quả Thanh Văn

Samyak: Chính

Pratipanna: Nổi lên, lộ ra, bắt kịp, theo kịp, đến gần, nơi hay lui tới

Samyakpratipannānāṃ: Chúng Chính Hành, Chúng Chính Hướng là tên của 4 Hướng tiến đến 4 Quả Thanh Văn

**Quy mệnh Chúng đạt 4 Quả với Chúng đạt 4 Hướng trong Thế Gian**

ॐ इत्ययम्

NAMO RATNA-TRAYĀYA

Ratna: Vật báu (Bảo)

Traya: Có 3 phần

Aya: Đẳng, nhóm

Ratna-trayāya: Nhóm 3 báu Phật, Pháp, Tăng

**Quy mệnh 3 báu Phật, Pháp, Tăng**

ॐ नमो भगवते द्रुध्वासुरसेनाप्राहरणराज्याय तथगतार्हाय सम्यक्सम्बुद्धाय

NAMO BHAGAVATE DRDHA-SURASENA-PRAHARANA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Bhagavate: còn ghi là Bhagavāt, Bhagavān, Bhagavaṃ là Bạc Tôn Quý trong Thế Gian (Thế Tôn). Dịch ý là Tác Hữu Đức, Hữu Đại Công Đức, Hữu Danh Thanh, Chúng Hữu (mọi Thần ngầm giúp), Xảo Phân Biệt, Năng Phá, Thế Tôn, Tôn Quý. Tại Ấn Độ dùng để xưng tán Bạc Thánh Hiền, vị Thần có uy đức gồm có 6 nghĩa là : Tự tại, chính nghĩa, ly dục, cát tường, danh xưng, giải thoát

Trong Phật Giáo dùng Bhagavat để tôn xưng Đức Phật. Lại nhân Phật Đà có đủ mọi Đức là: có đủ đức, hay phân biệt, nhận sự tôn kính của mọi người, hay phá trừ phiền não cho nên Bhagavat có đủ 4 nghĩa là: Hữu Đức, Xảo Phân Biệt, Hữu Danh Thanh, Năng Phá.

**Phật Địa Kinh Luận, Quyển 1** ghi: Bạc Già Phạm có đủ 6 nghĩa là: Tự Tại, Xí Thịnh, Đoan Nghiêm, Danh Xưng, Cát Tường, Tôn Quý

Dṛdha: Kiên cố, bền chắc

Śura: Dũng mãnh, anh hùng

Sena: Quân lính

Praharāṇa: Gõ, đánh, kích (đâm), chiến đấu, chống cự lại, phản kích

Rājāya: Vương đẳng, hàng vua chúa

Tathāgata: Như Lai

Arhate: Ứng Cúng

Samyaksambuddha: Chính Đẳng Chính Giác

**Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

ॐ नमो भगवते अमिताभ्याय तथगतार्हाय सम्यक्सम्बुद्धाय

NAMO BHAGAVATE AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Amita: Vô lượng

Abha: Ánh sáng (Quang)

**Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

ॐ नमो भगवते अक्षुब्धाय तथगतार्हाय सम्यक्सम्बुद्धाय

NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Akṣobhya: Bất động

**Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

ନମୋ ଭଗବାତେ ବୈଷାମ୍ପୈୟା ଗୁରୁ ବୈଦୁର୍ୟା ପ୍ରଭା ଇନ୍ଦ୍ରାୟ ନମୋ ସମ୍ୟକ୍ସାମ୍ବୁଦ୍ଧାୟ

NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA-GURU-VAIDURYA-PRABHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Bhaiṣaijya: Thuốc men (Dược)

Guru: danh từ chỉ vị Đạo Sư

Vaidurya: Lưu Ly, thủy tinh

Prabha: Ánh sáng (Quang)

**Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

ନମୋ ଭଗବାତେ ସମ୍ପୁଷ୍ପାୟ ଇନ୍ଦ୍ରାୟ ନମୋ ସମ୍ୟକ୍ସାମ୍ବୁଦ୍ଧାୟ

NAMO BHAGAVATE SAMPUṢPĪTA-SĀLENDRA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Sam là bóc mở khắp cả. Puṣpa là Bông hoa. Sampuṣpīta là Khai Phu Hoa (Bóc mở bông hoa)

Sāla là cây Sa La. Indra là đế vương. Sālendra là Sa La Thọ Vương

**Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

ନମୋ ଭଗବାତେ ଶାକ୍ୟାମୁଣ୍ୟାୟ ନମୋ ସମ୍ୟକ୍ସାମ୍ବୁଦ୍ଧାୟ

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYAMUṆĀYE TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Śākya: Thích Ca được dịch là Năng Nhân

Muṇi: Tịch Mặc, sự êm ả vắng lặng

Śākyamuṇi: Bậc Tịch Mặc (Hiện Thánh) của giòng họ Thích Ca

**Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

ନମୋ ଭଗବାତେ ରତ୍ନା କୁସୁମା କେତୁ ଇନ୍ଦ୍ରାୟ ନମୋ ସମ୍ୟକ୍ସାମ୍ବୁଦ୍ଧାୟ

NAMO BHAGAVATE RATNA-KUSUMA-KETU-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Ratna: Vật báu (Bảo)

Kusuma: một loài hoa

Ketu: Cây phượng (Tràng)

**Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

ନମୋ ଭଗବାତେ ନାମୋ ଭଗବାତେ କୁଳାୟ

NAMO BHAGAVATE TATHĀGATA-KULĀYA

Kula: Tộc, giòng họ, chủng tộc

Kulāya: Bộ Tộc

**Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc**

ନମୋ ଭଗବାତେ ପଦ୍ମା କୁଳାୟ

NAMO BHAGAVATE PADMA-KULĀYA



Padma: Hoa sen hồng  
**Quy mệnh Thế Tôn Liên Hoa Bộ Tộc**

नमो भगवते वाज्रकुल्यै  
NAMO BHAGAVATE VAJRA-KULĀYA  
Vajra: Kim Cương  
**Quy mệnh Thế Tôn Kim Cương Bộ Tộc**

नमो भगवते मणिकुल्यै  
NAMO BHAGAVATE MAṆI-KULĀYA  
Maṇi: Viên ngọc như ý  
**Quy mệnh Thế Tôn Ma Ni Bộ Tộc**

नमो भगवते गरजूकुल्यै  
NAMO BHAGAVATE GARJA-KULĀYA  
Garja: Kho tàng, khó tàng  
**Quy mệnh Thế Tôn Khố Tàng Bộ Tộc**

नमो देवै र्षिण्यै  
NAMO DEVA-RṢĪNĀM  
Deva: cõi Trời, chư Thiên  
Rṣi: Tiên, người tiên  
Rṣinām: Chúng Tiên  
**Quy mệnh Chúng Thiên Tiên**

नमो सिद्धविद्यधरान्यै  
NAMO SIDDHA-VIDYA-DHĀRĀNĀM  
Siddha: thành tựu  
Vidya: Minh, Minh Chú  
Dhāra: Chăm giữ (Trì)  
Vidyadhāra: Trì Minh  
**Quy mệnh Chúng Thành Tựu Trì Minh**

नमो सिद्धविद्यधरै र्षिण्यै सपानु ग्रह समर्थान्यै  
NAMO SIDDHA-VIDYA-DHĀRA-RṢĪNĀM ŚAPĀNU GRAHĀ  
SAMARTHĀNĀM

Śapānu: Thuận theo sự đáng nguyên rủa  
Grahā: Chấp thủ, Sao La Hầu, Cái đầu của con Rồng, các hành tinh báo điềm, sự phá hủy, sự phiền não, Quỷ Thần xấu ác, loài Ma gây phiền não (Túy)  
Samartha: Khéo hủy diệt  
Śapānu grahā samartha: Phá hủy sự phiền não xấu ác. Dịch ý là Nhiếp ác tác thiện  
**Quy mệnh Chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên và Chúng Nhiếp Ác Tác Thiện**

नमो ब्रह्मणे  
NAMO BRĀHMAṆE  
Brāhma hay Brahma là Phạm Thiên  
Brāhmaṇe: Chúng Phạm Thiên  
**Quy mệnh Chúng Phạm Thiên**

नमो इन्द्राय

NAMO INDRĀYA

Indra: Đế Thích, vị chủ tể của cõi Tam Thập Tam Thiên (Trayastrimśa). Cõi này còn gọi là Đạo Lợi Thiên, Đế Thích Thiên

Indrāya: Chư Thiên ở cõi Trời Đế Thích

**Quy mệnh Chúng Đế Thích Thiên**

नमो भगवते रुद्राय उमापति साहेय्याय

NAMO BHAGAVATE RUDRĀYA UMĀPATĪ SAHEYĀYA

Rudra: Tụ Tại Thiên

Umā: Vợ của Trời Tụ Tại, một vị Nữ Thần trong Ấn Độ Giáo

Patī: Người chủ

Saheya: Quyên thuộc

**Quy mệnh Thế Tôn Tụ Tại Thiên, Thiên Hậu U Ma với hàng quyên thuộc**

नमो नारायणाय लक्ष्मी साहेय्याय पञ्चमहासुख मङ्गलपुत्राय  
नमस्तुभ्य

NAMO NĀRĀYAṆĀYA LAKṢMI SAHEYĀYA PAṆCA-MAHĀ-MUDRA AKĀMAPUTRA NAMASKṚTĀYA

Nārāyaṇa: Na La Diên Thiên. Dịch ý là: Kiên Cố Lực Sĩ, Kim Cương Lực Sĩ, Câu Tỏa Lực Sĩ, Nhân Trung Lực Sĩ, Nhân Sinh Bản Thiên, Tỳ Nữu Thiên (Viṣṇu)

Lakṣmi: Cát Khánh Thiên Nữ (Cát Tường Thiên Nữ) là vợ của Na La Diên Thiên

Pañca: còn ghi là Paṃca tức số 5

Mahā: to lớn (Đại)

Mudra: Ấn, hình thức con dấu biểu thị cho điều gì đó

Kāma: Nhục dục, dục vọng, sự thèm khát, mong muốn tính dục, tình yêu, lòng mong muốn ước vọng. Theo truyền thuyết Ấn Độ thì **Kāma** là vị Thần Tình Yêu, con trai của Lakṣmi và Nārāyaṇa.

Khi lòng mong muốn làm điều thiện mà không phải là sự thèm muốn tính dục (Akāma) thì Kāma được tôn sùng và nâng lên thành phẩm giá của Thần Thánh. Điều này có nghĩa là Dục Vọng là sự biểu hiện đầu tiên của cái tuyệt đối

**Rig\_Veda** có ghi: “**Dục Vọng** (Kāma) nảy sinh trong cái tuyệt đối, nguồn gốc của ý thức mà các vị Thánh đã phát hiện từ đáy lòng của mình do sự tìm kiếm nhằm thống nhất thực thể tuyệt đối với Thế Giới hiện tượng”

Do ý nghĩa này mà Thần Tình Yêu Kāma còn được gọi là **Đức con yêu không có dục vọng thấp hèn** (Akāmaputra: Vô Ái Tử)

Nama là Kính lễ. Skṛta là tạo tác, làm nên. Namaṣktāya là nơi tác kính lễ

**Quy mệnh Na La Diên Thiên, Thiên Hậu Cát Khánh, các hàng quyên thuộc, 5 Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử**

नमो महाकालाय त्रिपुरा नगरे त्रिपुराणकाराय मधिमुक्ति स्यामाशानावासिना मत्रगणाय नमस्तुभ्य

NAMO MAHĀ-KĀLĀYA TRIPURA-NAGARA VIDARAPAṆA-KARĀYA ADHIMUKTIKA ŚMA-ŚĀNA-VASINI MĀTR-GAṆA NAMASKṚTĀYA

Mahā-lāla: Đại Hắc Thiên

Tri là số 3. Pura là lâu đài, cung điện. Nagara là thành phố. Tripuranagara là 3 cung thành

Vidara là Xé rách, phá hoại. Pana là Đụng chạm. Vidarapana là phá hủy, phá hoại  
 Kara: bàn tay biểu tượng cho sự tự làm, tự tạo tác  
 Adhimuktika hay adhimukti là tin cậy, có xu hướng  
 Śama viết tắt là Śma: nghỉ ngơi, êm đềm, yên lặng, yên tĩnh  
 Śāna: im lặng, bình lặng, mềm mại  
 Śma-sāna thường được dịch là: Nơi vắng vẻ lặng yên, rừng lạnh (Hàn Lâm), Thi Đà Lâm (nơi bỏ xác người chết ở Ấn Độ), nơi có gò mả (tùng xứ)  
 Vasi: sự trú ngụ, nơi cư ngụ, nhà ở, quần áo. Vasini là cư ngụ  
 Mātr: Mẫu, khuôn đúc ra cái tương tự  
 Gaṇa: Chúng, nhiều chúng sinh  
 Mātrgana được dịch là: Chúng Quỷ Mẫu, Chúng Âm Mẫu, Chúng Mẫu  
**Quy mệnh Đại Hắc Thiên phá hoại 3 cung thành, vui thích ở nơi gò mả là nơi kính lễ của Chúng Âm Mẫu**

▽ ॐ नमः

EBHYO NAMASKRTVĀ

Ebhyo: các hàng như vậy

**Tác kính lễ các hàng như vậy xong**

ॐ इदं भगवते स्थातहागतोऽनिशम-सितापत्राम

IDĀM BHAGAVATE STHATHĀGATOSŃIṢĀM-SITĀTAPATRAM  
 NAMAḤ

Idam: Cái này, việc này, người này

Namah: Kính lễ

**Kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này**

अपराजितं प्रत्युंगिराम

APARĀJITAM PRATYUṄGĪRAM

**Ngài là Vô Năng Thắng Thạm Năng Điều Phục Mẫu**

सर्वदेव नमस्कृतम्

SARVA DEVA NAMASKRTĀM

**Ngài là nơi kính lễ của tất cả chư Thiên**

सर्वदेवभ्याः पूजितम्

SARVA DEVEBHYAḤ PŪJITAM

Devebhyaḥ: Thiên Đẳng, Thiên Chúng

Pūjita: Sự cúng dường

**Ngài là nơi cúng dường của Thiên Chúng**

सर्वदेवस्य परिपालितम्

SARVA DEVEŚCA PARIPĀLITAM

Deveśca: Hàng Thiên Nữ

Pari là đều khắp. Pāla là hộ giúp, hộ vệ. Paripālitaṃ là đều hộ vệ

**Ngài là đáng tối cao mà các Thiên Nữ đều theo hộ vệ**

सर्वभूता ग्राहा निग्राहा करिम्

SARVA BHŪTA GRAHĀ NIGRAHA KARĪM

Bhūta: Trở nên, trở thành, đã đi qua, quá khứ, sự thật xảy ra, theo đúng sự thật, chính xác, nghiêm chỉnh đúng đắn, tên của Śiva, thầy tế của Thượng Đế, linh hồn, vong linh tốt xấu, ma quỷ độc ác. Phật Giáo thường dịch là Hóa Sinh Quỷ, Ác Sinh Chúng

Grahā: Quỷ túy, sự phiền não

Nigraha: Không có phiền não nên được dịch là Hay giáng phục

Karīm: Tự mình tác làm

**Ngài hay giáng phục tất cả loài quỷ ác gây phiền não**

𑀧𑀲𑀭𑀸𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺

PARAVIDYA CCHEDANA KARĪM

Para là cái khác, điều khác. Paravidya là Minh Chú khác

Cchedana hay Ccheda là cắt đứt, chặt đứt

**Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác**

𑀤𑀲𑀸𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺

DURDATTANĀM SATVĀNĀM DAMAKAM

Durdattanām: Đem lại điều xấu, khó giáng phục

Satvānām: Chúng Hữu Tình

Damaka: Giáng phục, bẻ gãy. Damakam là giáng phục khắp cả

**Ngài hay giáng phục chúng Hữu Tình khó giáng phục**

𑀤𑀲𑀸𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺

DUṢṬĀNĀM NIVĀRAṆĪM

Duṣṭa là điều xấu ác. Duṣṭānām là những điều xấu ác

Nivāraṇa: Chướng ngại, sự ngăn che. Nivāraṇīm là tự gây chướng ngại, tự tạo ngăn che, tự ngăn chặn

**Ngài hay ngăn chặn các điều ác**

𑀧𑀲𑀸𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺

AKĀLA MṚTYU PRAŚAMANA KARĪM

Kāla là thời. Akāla là phi thời, không đúng lúc

Mṛta là sự chết. Mṛtyu là sự chết yếu, chết non

Praśamana: chặn đứng, miễn trừ

**Ngài hay chặn đứng sự chết yếu không đúng thời**

𑀧𑀲𑀸𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺

SARVA BANDHANA MOKṢANA KARĪM

Bandha là trói buộc, cột trói. Bandhana là sự trói buộc

Mokṣa hay Mukṣa là giải thoát, vượt khỏi, thoát ra khỏi. Mokṣana là sự giải thoát, sự vượt thoát

**Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc**

𑀧𑀲𑀸𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺𑀓𑀢𑀺

SARVA DUṢṬA DUḤSVAPNA NIVĀRAṆĪM

Duḥ: Điều xấu

Svapna: giấc mộng, giấc mơ

Duḥsvapna: Giấc mộng xấu

**Ngài hay chặn đứng tất cả giặc mộng xấu ác**

चतुरासितानाम् ग्राह साहस्रानाम् विध्वंसना करि

CATUR ASĪTĪNĀM GRAHĀ SAHASRĀNĀM VIDHVAMŚANA KARĪM

Catur là số 4.

Asīti là số 80.

Sahasra là số 1000

Grahā: Phiền não

Vidhvamsana: tội hoại, làm cho hư hoại tàn rụi

**Ngài hay tội hoại 84000 phiền não**

अष्टविंशतिनाम नक्षत्रानाम् प्रसदा करि

AṢṬA VIṂŚATĪNĀM NAKṢTRĀNĀM PRASĀDA KARĪM

Aṣṭa: Số 8

Viṁśatī: số 20

Nakṣatra: Tinh tú, ngôi sao

Prasāda: vui vẻ, hoan hỷ

**Ngài hay khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ**

अष्टानाम् महाग्राहानाम् विध्वंसना करि

AṢṬĀNĀM MAHĀ-GRAHĀNĀM VIDHVAMŚANA KARĪM

Aṣṭānām mahā-grahānām: 8 Đại phiền não hay làm thương tổn căn lành tu Đạo là: lợi, bất lợi (Suy), nói xấu (Hủy), khen ngợi (Dự), chê bai (Cơ), kính trọng (Xung), Đau khổ (khổ), vui sướng (Lạc)

**Ngài hay tội hoại 8 phiền não lớn**

सर्वत्रिषु निवारिणि

SARVA ŚATRŪ NIVĀRANĪM

Śatrū: Oan gia, oán địch

**Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia**

गुराम् दुःखेषु घ्नान् वनशनि

GURĀM DUHSVAPNĀNĀM CANĀŚANĪM

Gura là nặng nề. Gurām là các sự nặng nề

Canaśanīm: Không bao giờ ném vào, không bao giờ gửi đến, loại bỏ

**Ngài hay loại bỏ giặc mộng xấu ác nặng nề**

विषा अस्त्राग्नि उदाका उत्तानि

VIṢA ŚĀSTRA AGNI UDAKA UTTRANĪM

Viṣa: Chất độc

Śastra: Dao gậy, khí trượng

Agni: Lửa

Udaka: Nước

Uttrana là băng qua, vượt qua, độ thoát. Uttranīm là Tự độ thoát, tự cứu thoát

**Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về: chất độc, dao gậy, lửa, nước**

अपराजितगुरा

APARĀJITĀGURĀ

Aprarājita: Vô năng thắng, không có gì không thể chiến thắng  
Agurā: không có sự nặng nề tức nhẹ nhàng khinh an  
**Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu**

महं कन्दनम्

MAHĀ-CANDANĀM

Mahā: To lớn (Đại)

Caṇḍa là bạo nộ, sân nộ. Caṇḍanām là mọi sự bạo nộ

**Đại Sân Nộ Mẫu**

महं दीप्तम्

MAHĀ-DĪPTĀM

Dīpta là rực sáng. Dīptām là uy quang

**Đại Uy Quang Mẫu**

महं तेजम्

MAHĀ-TEJĀM

Teja là lửa, ánh sáng, năng lực. Tejām là Uy Diệu

**Đại Uy Diệu Mẫu**

महं श्वेतं ज्वाल

MAHĀ-ŚVETĀM-JVALA

Śveta là màu trắng. Śvetām là vật có màu trắng

Jvala: ngọn lửa, ánh lửa, quang diễm

**Đại Bạch Quang Diễm Mẫu**

महं बलश्रीम्

MAHĀ-BALA-ŚRĪYA

Bala: Sức lực, sức mạnh

Śrī là điều tốt lành. Śrīya là nhóm tốt lành, sự cát tường

**Đại Lực Cát Tường Mẫu**

पद्मं वसिष्ठम्

PĀṆDARA-VĀSINĪM

Pāṇḍara: màu trắng

Vāsinīm: quần áo

**Bạch Y Mẫu**

ऋषि ताराम्

ĀRYA-TĀRĀ

Ārya: Vị Thánh, bậc Thánh

Tārā: Cứu Độ Mẫu, Hiền Độ Mẫu, Đa La Bồ Tát

**Thánh Cứu Độ Mẫu**

भृकुटि

BHRKUTĪM

Bhṛkuṭi Tỳ Câu Chi Bồ Tát, Phẫn nộ Mẫu

## Phần Nộ Mẫu

शिव विजया वज्र मालती विस्रुतां

CIVA VIJAYA VAJRA MALATI VIŚRUTĀM

Civa: Bao trùm. Phủ khắp, Phổ Mãn

Vijaya: Tới Thắng

Vajra : Kim Cương

Malati: bông hoa Malati

Viśruta là nghe xa rộng, nổi tiếng, lừng danh, cử hành nghi lễ, ca ngợi tán tụng, tên con trai của Vasudeva, con của Bhavabhūti

Viśrutām là danh xưng

**Phổ mãn tới thắng Kim Cương Hoa Danh Xưng Mẫu**

पद्म शिखरं

PADMA-AGMAM

Padma: Hoa sen hồng, liên hoa

Agmam: Trận chiến, cuộc xung đột

**Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu**

वज्र जिह्वकः

VAJRA JIHVAKAḤ

Jihva hay jihvaka là cái lưỡi (Thiệt)

**Kim Cương Thiệt Mẫu**

माला शिवपारुशतं

MĀLĀ CIVA APARĀJITAḤ

Mālā: Vòng hoa, chuỗi Anh Lạc

**Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu**

वज्र दण्ड विशलकः

VAJRA DAṆḌI VIŚĀLAKA

Daṇḍa hay Daṇḍi là Cây Bông, cây gậy

Viśālaka: Tên của một Dạ Xoa (Yakṣa) thường dịch là Thiên Thần Lực Sĩ

**Kim Cương Bông Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu**

शान्ता वैदेहा पूजिताः

ŚĀNTĀ VAIDEHA PŪJITĀḤ

Śānta: Vắng lặng (Tịch Tĩnh), nhu thiện

Vaideha: hình thức tốt đẹp, Hảo Tướng

Pūjitāḥ: Cúng Dường

**Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu**

शुभ रूपा महाश्वेता

SAUMI-RŪPA MAHĀ-ŚVETĀ

Saumi: Lành tốt , Thiện Hảo

Rūpa: Sắc, hình sắc

**Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu**

अर्या तारा महा बाला  
ĀRYA-TĀRĀ MAHĀ-BALĀH  
Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu

अपरा वज्रसंकरा शिवः  
APARA-VAJRA-ŚAṆKARA CIVAḤ  
Apara: Thượng hạng, tối thượng  
Vajra : Kim Cương  
Śaṅkara còn viết là Śaṃkara, Śaṅkara là cái khoá (Toả)  
Tối Thượng Kim Cương Toả Phổ Mãn Mẫu

वज्र कुमारी कुलधारी  
VAJRA-KAUMĀRĪ-KULANDHARĪ  
Kaumārī còn viết là Kumārī là Đồng Nữ  
Vajra-Kaumārī: Kim Cương Đồng Nữ  
Kulandharī: Trì Tính Nữ  
Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu

वज्र हस्तक  
VAJRA-HASTĀKA  
Vajra-hastāka: Người cầm chày Kim Cương  
Kim Cương Thủ Mẫu

महा विद्या तथैकम्पान मालिका  
MAHĀ-VIDYĀ TATHĀ-KAMPANA-MĀLIKAḤ  
Mahā-vidyā: Đại Minh  
Tathā: Chân, chân thật  
Kampana: Rung động nhẹ  
Mālikah: Chuỗi Anh Lạc  
Đại Minh Chân Thật Niệm Châu Mẫu

कुसुम्भा रत्ना शिव  
KUSUMBHA-RATNA-CIVA  
Kusumbha: Uất Kim hương, màu vàng nghệ , màu của hoa Sufflower  
Ratna: vật báu  
Civa: Phổ mãn, bao phủ khắp  
Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu

वैरोचना कदम्ब उष्णिष  
VAIROCANA CODĀRTHA UṢNĪṢA  
Vairocana: Biến Chiếu  
Coda: Vượt hơn , trội hơn  
Artha: Của cái, sự lợi ích, nghĩa lợi  
Uṣṇīṣa: Đỉnh kế  
Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu

विश्वम्पानस वज्र



VIJRM̐BHA-MĀNADA-VAJRA

Vijrmbha : Uốn cong, đan dệt, móc nối, gắn chặt

Mānada: Phá hủy sự ngạo mạn, tàn phá sự kiêu hãnh

Vijrmbha-mānada: Được dịch là La Sát Thần Nữ

**La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu**

𑖕𑖧𑖧𑖫𑖛𑖜𑖧𑖛

KANAKA-PRABHĀ-LOCANĀḤ

Kanaka: Vàng (Kim loại vàng)

Prabhā: Ánh sáng (Quang)

Locana: Chiếu sáng, tỏa sáng, rọi sáng, con mắt, tên vị Phật Mẫu

**Kim Quang Nhân Mẫu**

𑖠𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛

VAJRA-TUṆḌIKA

Tuṅḍi: Cái mồm, mũi, đầu vòi

Tuṅḍika: Vật trang bị với cái đầu vòi, ngọn đuốc (Chúc)

**Kim Cương Chúc Mẫu**

𑖠𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛

ŚVETĀKA

Śvetāka: Màu trắng, kim loại bạc

**Bạch Sắc Mẫu**

𑖕𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛

KAMALĀKṢA

Kamala: Hoa sen đỏ

Akṣa hay Akṣi là con mắt

**Liên Hoa Nhân Mẫu**

𑖠𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛

ŚAŚI-PRABHĀ

Śasi: Mặt trăng

**Nguyệt Quang Mẫu**

𑖠𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛𑖜𑖧𑖛

ITYETI MUDRA-GAṆAḤ SARVE RAKṢAṀ KURVATTU MAMAṢYA

Ityeti: Như vậy

Mudra: Ấn, dấu hiệu biểu tượng

Mudragañah: Ấn chúng, mọi ấn

Sarve: Tất cả

Rakṣaṃ: Ủng hộ

Kurvati: Hành động như một người đầy tớ hay một người đại diện

Kurvattu: Thủ hộ cho

Mamaṣya: Chúng tôi

**Mọi Ấn như vậy hết thấy đều ủng hộ, thủ hộ cho chúng tôi**

II \_ HỘI THỨ HAI:

ॐ र्षीगण प्रसास्त तथगतोऽनिसा हुम ब्रुम

OM\_ RṢĪ-GAṆA PRAŚASTA TATHĀGATOṢNĪSA HŪM BHRŪM

Om: biểu thị cho các nghĩa 3 Thân, quy mệnh, cúng dường, cảnh giác, nhiếp phục

Rṣī-gaṇa: Tiên chúng, các vị Tiên

Praśasta: Quý trọng, thiện quý

Tathāgatoṣnīṣa: Như Lai Đỉnh Kế

Hūm: Chúng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

Bhrūm: Chúng tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi Công Đức

**Quy mệnh chúng tử HŪM BHRŪM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế**

जम्भन हुम ब्रुम

JAMBHANA HŪM BHRŪM

Jambhana: Nghiền nát, đè bẹp, tiêu diệt, phá hủy

**Với Hūm Bhrūm thường nghiền nát mọi nghiệp tội**

स्तम्भन हुम ब्रुम

STAMBHANA HŪM BHRŪM

Stambhana: Làm cho vững chắc kiên cố, tán trợ, trấn hộ

**Với Hūm Bhrūm thường uy trấn hộ trì Thân Căn**

मोहना हुम ब्रुम

MOHĀNAḤ HŪM BHRŪM

Moha : Ý mê hoặc

Mohānāḥ: Làm cho tiêu tan ý mê hoặc

**Với Hūm Bhrūm thường trừ bỏ Tâm Ý mê hoặc**

मथन हुम ब्रुम

MATHĀNA HŪM BHRŪM

Mathāna: Phá hoại, rung lắc, lay chuyển, công kích, quấy rối

**Với Hūm Bhrūm thường phá hoại mọi sự ngăn trở**

पारिविद्य सम्भक्षणाकरा हुम ब्रुम

PARAVIDYA SAMBHAKṢAṆA-KARA HŪM BHRŪM

Paravidya: Bài Minh Chú khác

Sambhakṣaṇa :Hoàn thiện cứu lấy

Kara: Tác làm, tạo tác

**Với Hūm Bhrūm thường hoàn thiện Minh Chú khác**

सर्वदुष्टानाम् स्तम्भनकरा हुम ब्रुम

SARVA DUṢṬĀNĀM STAMBHANA-KARA HŪM BHRŪM

**Với Hūm Bhrūm thường trấn hộ tất cả điều ác**

सर्वयक्षा रक्षसा ग्राहणाम् विध्वंसनकरा हुम ब्रुम

SARVA YAKṢA RĀKṢASA GRAHĀṆĀM VIDHVANSA-KARA HŪM BHRŪM

Yakṣa: Dạ Xoa, Dục Xoa

Rākṣasa: La Sát

Grahāṇām: Mọi sự phiền não

Vidhvamsana: Tồi hoại

**Với Hūṃ Bhrūṃ thường tòi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La Sát gây phiền não**

चतुरासितिनम ग्राहसहस्रानम विध्वंसन करि ऊँ ह्रुं

CATUR-AŚĪTĪNĀM-GRAHĀ-SAHASRĀNĀM VIDHVAMŚANA-KARA HŪM BHRŪM

**Với Hūṃ Bhrūṃ thường tòi hoại 84000 phiền não**

अष्टविंशतिनाम नक्षत्रनाम प्रसादाना करि ऊँ ह्रुं

AṢṬA-VIMŚATĪNĀM-NAKṢTRĀNĀM PRASĀDANA-KARA HŪM BHRŪM

**Với Hūṃ Bhrūṃ thường khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ**

अस्तनम महग्राहानम विध्वंसन करि ऊँ ह्रुं

AṢṬĀNĀM-MAHĀ-GRAHĀNĀM VIDHVAMŚANA-KARA HŪM BHRŪM

**Với Hūṃ Bhrūṃ thường tòi hoại 8 phiền não lớn**

रक्षारक्ष म

RAKṢA RAKṢA MĀM

**Ứng hộ, ứng hộ tôi**

भगव

BHAGAVAM

**Đức Thế Tôn**

स्थथगतोऽनिस

STHATHĀGATOŚNĪṢA

**Ngài là Nhất Thiết như Lai Đỉnh Kế Mẫu**

महप्रत्युङ्गिरा

MAHĀ-PRATYUṄĠĪRA

**Đại Điều Phục Mẫu**

महसहस्रभुजे

MAHĀ-SAHASRA-BHŪYE

Bhūye: Cánh tay

**Đại Thiên Tý Mẫu**

सहस्रशिरसि

SAHASRA-ŚIRṢAI

Śirṣai: Cái đầu

**Thiên Đầu Mẫu**

कोटिशतासहस्रनेत्रे

KOṬĪ-ŚATA-SAHASRA-NETRE

Koṭi: Úc, 100 triệu  
Śata: 100 (bách)  
Sahasra: 1000 (Thiên)  
Netre: con mắt (Nhãn)  
**Úc Bách Thiên Nhãn Mẫu**

**अभेद्या ज्वाला तानादाका महावज्रोदरा**  
ABHEDYA JVALA TANATAḌĀKĀ MAHĀ-VAJRODARA

Abhedya: bên trong cái này (Nội)  
Jvala: Lửa tỏa ánh sáng, Quang Diễm  
Tana: Đồi sau, hậu duệ  
Taḍākā: Sự trắng lệt huy hoàng, nét nguy nga hùng vĩ  
Mahā: To lớn  
Vajra: kim Cương  
Udara: Cái bụng (Phúc)  
Vajrodara: tên của một loài La Sát, Kim Cương Phúc (cái bụng Kim Cương), kim Cương Tràng (bộ ruột Kim Cương), Kim Cương Vị (bao tử Kim Cương)  
**Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu**

**त्रिभुवन मण्डल**  
TRIBHUVANA-MANḌALA

Trībhuvana: 3 Cõi (Tam Hữu)  
Maṇḍala: Đạo Trường, Đàn Trường  
**Tam Hữu Đàn Trường Mẫu**

**ॐ स्वस्तिर्भवतु माम**  
OM\_ SVASTIRBHAVATU MAMA

Om: nhiếp triệu  
Svastir: Thịnh vượng, phát đạt, tốt lành  
Bhavatu: Có được, đắc được  
Mama: Tôi  
**Hãy khiến cho tôi đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành**

III\_ HỘI THỨ BA:

**राजा भया**  
RĀJA BHAYA  
Bhaya: Sự đáng sợ, tai nạn  
**Nạn vua chúa**

**कुरा भया**  
CORA BHAYA  
**Nạn giặc cướp**

**अग्नि भया**  
AGNI BHAYA  
**Nạn lửa**

**उदका भया**

UDAKA BHAYA

**Nạn nước**

विष भय

VIṢA BHAYA

**Nạn chất độc**

शस्त्र भय

ŚASTRA BHAYA

**Nạn dao gậy**

परिक्रम भय

PARACAKRA BHAYA

**Nạn chiến tranh**

दुर्भिक्ष भय

DURBHIKṢA BHAYA

**Nạn đói khát**

शनि भय

AŚANĪ BHAYA

**Nạn sấm sét**

अकाल मृत्यु भय

AKĀLA-MRITYU BHAYA

**Nạn chết yểu không đúng thời**

धरणी भूमि कम्प भय

DHARANĪ-BHŪMI-KAMPA BHAYA

Dharanī: Trái đất, lãnh thổ, mặt đất, khu đất

Bhūmi Mặt đất, khu đất trồng trọt, quốc thổ, địa phận, khu vực, địa điểm, vị trí

Kampa: Sự rung chuyển, lay động

**Nạn động đất**

उल्कापति भय

ULKOPĀTI BHAYA

Ulkā: Lửa rơi xuống từ Thiên Đàng, Hiện tượng nẩy lửa trên trời, sao băng

Upāti: Thêm sự thặng dư, đi băng qua

Ulkopāti: Nơi sao băng đi qua

**Nạn sao băng**

राजदण्ड भय

RĀJA-DANḌA BHAYA

Danḍa: Cây bông, cây gậy, biểu tượng cho hình phạt

**Nạn hình phạt của vua chúa**

शत्रु भय

NĀGA BHAYA  
**Nạn Rồng hại**

विद्युर्भय  
VIDYU BHAYA  
Vidyu: Điện quang, làn sét  
**Nạn sét đánh**

सुपर्णभय  
SUPARṆI BHAYA  
Suparṇi: Loài chim cựa lớn tức Kim Xí Điều  
**Nạn Kim Xí Điều**

यक्षग्रह  
YAKṢA GRAHĀ  
Grahā: Chấp thủ, sao La Hầu, cái đầu của con Rồng, các hành tinh báo điềm, Quỷ Thần xấu ác, loài ma gây phiền não (Túy), sự phá hủy, sự phiền não  
**Dạ Xoa Túy**

राक्षसग्रह  
RĀKṢASA GRAHĀ  
**La Sát Túy**

प्रेतग्रह  
PRETA GRAHĀ  
**Nga Quỷ Túy**

पिशाचग्रह  
PIŚĀCA GRAHĀ  
Piśāca: Loài ăn tinh khí của ngũ cốc với con người. Do loài này hay ở nhà cầu nên dịch là Xí trung Quỷ  
**Xí trung Quỷ Túy**

भूतग्रह  
BHŪTA GRAHĀ  
**Hóa Sinh Quỷ Túy**

कुम्भण्डग्रह  
KUMBHAṆḌA GRAHĀ  
**Ung Hình Quỷ Túy**

पुतनग्रह  
PŪTANA GRAHĀ  
**Xú Quỷ Túy**

कटपुतनग्रह  
KAṬAPŪTANA GRAHĀ

**Kỳ Xú Quỷ Túy**

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖭

SKANDA GRAHĀ

**Thiên Thần Quỷ (Quỷ vẹo môi) Túy**

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭

APASMĀRA GRAHĀ

**Kiên Vong Quỷ Túy**

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭

UNMĀDA GRAHĀ

Unmāda: Điên cuồng, thái quá, vượt quá mức, hoang dại, điên rồ quá mức

**Điên Cuồng Quỷ Túy**

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭

CCHĀYA GRAHĀ

**Ảnh Quỷ Túy**

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭

CCINDA GRAHĀ

Ccinda: Quả bầu, quả bí...nên hay dịch là Lô Hình Quỷ (Quỷ có hình cái lò) hay Bình Đại Ma (Loài ma có hình cái bình cái túi)

**Lô Hình Quỷ Túy**

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭

REVATI GRAHĀ

**Não Nhi Quỷ Túy**

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭

ŪRJĀHĀRIṆYĀ

Ūrja: Sức mạnh, năng lực, tinh khí

Ahāraṇyā: Ăn nuốt (Thực)

**Loài ăn tinh khí**

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭

GARBHĀHĀRIṆYĀ

Garbha: Bào thai

**Loài ăn bào thai**

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭

JĀTĀHĀRIṆYĀ

Jāta: Sinh khí

**Loài ăn sinh khí**

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭𑖫𑖪𑖭

JĪVITĀHĀRIṆYĀ

Jīvita: Thọ mệnh  
**Loài ăn thọ mệnh**

रुधिरहारिण्य  
RUDHIRĀHĀRIṆYĀ  
Rudhira: Máu huyết  
**Loài ăn máu huyết**

वसहारिण्य  
VAŚĀHĀRIṆYĀ  
Vaśa: Sự sinh đẻ, nhà chứa (Thanh Lâu) nguồn gốc, sự thêm muốn, có ý định, ước muốn, lời chúc tụng  
**Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ**

मंसहारिण्य  
MAṂSĀHĀRIṆYĀ  
Mamsa: Thịt  
**Loài ăn thịt**

मदहारिण्य  
MEDĀHĀRIṆYĀ  
Meda: Loại thảo mộc có chất như mỡ  
**Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ**

मज्जहारिण्य  
MAJJĀHĀRIṆYĀ  
Majja: Xương tủy  
**Loài ăn xương tủy**

वन्तहारिण्य  
VĀNTĀHĀRIṆYĀ  
Vānta: Hơi thở ra vào  
**Loài ăn hơi thở ra vào**

असुच्यहारिण्य  
AŚUCYĀHĀRIṆYĀ  
Aśuci: Dơ bẩn, không tinh khiết, không trong trắng, hôi hám ghê tởm  
Aśucya: Thứ bất tịnh, ám tối  
**Loài ăn thứ bất tịnh**

चित्तहारिण्य  
CITTĀHĀRIṆYĀ  
Citta: Tâm, Tập Khởi Tâm, Tâm Thức  
**Loài ăn Tâm Thức**

जघंसृक्षंसृक्षंशुक्रं क्लेशदम्य क्लेशदम्य



TEṢĀM SARVEṢĀM SARVA GRAHĀNĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI  
KĪLA YĀMI

Teṣām: Như vậy

Sarveṣām: Tất cả loại

Sarva grahānām vidyām: Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não

Cchinda: Cắt đứt, chặt đứt

Yāmi: Nay tôi

Kīla: Giết chết, cấm đoán

**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế**

परिव्रजका कृतम विद्याम च्छिन्द्याम किला यामि

PARIBRĀJAKA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI

Paribrājaka: Giặc Ngoại Đạo

Kṛtām: Sở tác, đã tạo làm

Vidyām: Chú Ngữ, Minh Chú

**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo**

दका दकिनि कृतम विद्याम च्छिन्द्याम किला यामि

DĀKA DĀKINĪ KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI

Dāka: Không Hành Nam

Dākinī: Không Hành Nữ

Theo Ấn Độ thì Dākinī là một con Quỷ cái tiến hóa trong cảnh giới Thần Thánh. Các Đạo Sư Trung Hoa thì dịch Dākinī là Ly Mị nhưng theo Tây Tạng thì Dākinī (Khadroma) là người nữ tiến hóa trong lãnh vực hiện thực cao nhất và biểu thị cho việc hiểu chân lý không che đậy không vướng mắc như hư không nên dịch là Không Hành Nữ. **Dākinī** có sứ mệnh hợp nhất những sức mạnh của người Thiền Định giải thoát và đưa vào tiên trình Hữu Hình Hoá (Sādhana: Nghi thức thành tựu)

**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Không Hành Nam và Không Hành Nữ**

महापासुपति रुद्र कृतम विद्याम च्छिन्द्याम किला यामि

MAHĀ-PĀSŪPATI RUDRA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA  
YĀMI

Mahā-pāsupati: Đại Thú Chủ

Rudra: Tụ Tại Thiên

**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ và Tụ Tại Thiên**

तत्वा गरुडा साहेया कृतम विद्याम च्छिन्द्याम किला यामि

TATVA GARUḌA SAHEYA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA  
YĀMI

Tatva: Điều kiện như thế, trạng thái của đồ vật như thế, trở nên như thế

Garuḍa: Kim Xí Điều, một loài chim Thần có thần thông biến hóa

Saheya: Quyên thuộc

**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Loài Kim Xí Điều và Quyên thuộc của chúng**

महाकाल मंत्रगण कर्तव्य विद्या च्छिन्दामि किला यामि  
MAHĀ-KĀLA MĀTR-GAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA  
YĀMI

Mahā-kāla: Đại Hắc Thiên  
Mātrgaṇa: Chúng Âm Mẫu, chúng Quỷ Mẫu  
Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của Đại Hắc Thiên và chúng Âm Mẫu

कपालिका कर्तव्य विद्या च्छिन्दामि  
KĀPALIKA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI  
Kāpalika: Độc Lâu Ngoại Đạo  
Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

जयकार मधुकार सर्वार्थ साधना कर्तव्य विद्या च्छिन्दामि  
JAYA KARA MADHU KARA SARVĀRTHA SĀDHANA KṚTĀM  
VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI  
Jaya: Thắng, vượt hơn  
Kara: Việc làm bằng bàn tay, sự tạo tác  
Madhu: Ngọt ngào, khoái lạc, diễm lệ, duyên dáng, mật, đường, nước trái cây, rượu của Thiên Thần  
Sarva: Tất cả.  
Artha : Nghĩa lợi, của cải.  
Sādhana: Nghi thức thành tựu  
Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu tất cả Nghĩa Lợi

चतुर्भगिणी कर्तव्य विद्या च्छिन्दामि  
CATUR-BHAGINĪ KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI  
Catur: Số 4  
Bhagaṇī: Chị em gái  
Caturbhagaṇī: 4 chị em Thần Nữ gồm có Ajitā , Jayā, Vijayā, Aparājitā  
Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của bốn chị em Thần Nữ

भ्रमगिरिका नन्दिकेश्वर गणपति साहेय कर्तव्य विद्या च्छिन्दामि  
BHRṆGIRITĪKA NANDIKĒŚVARA GAṆAPATI SAHEYA KṚTĀM  
VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI  
Bhrṁgiritika còn ghi là Bhriṅgiritika là tên 2 người phục vụ của śiva, thường dịch là Chiến Đấu Quỷ  
Nandikeśvara: Hỷ Tự Tại Thiên  
Gaṇapati: Chúng Chủ. Gana là tên của vị Thần đầu voi Ganeśa chuyên chủ về ban Phúc Lợi và dứt trừ sự ngu tối nên Ganapati còn dịch là Hoan Hỷ Thiên  
Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Chiến Đấu Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên và quyến thuộc của họ

नग्नश्रमणा कर्तव्य विद्या च्छिन्दामि  
NAGNA-ŚRAMAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI

Nagna: Loã thể, trần truồng, không mặc quần áo  
 Śramaṇa: Sa Môn tức danh từ chỉ chung các vị tu sĩ ở Ấn Độ  
**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo lỏa thể**

**अरहन्तः कर्ता विद्यां च्छिन्द्यामि किल यामि**

ARHANTA KRTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI

Arhanta Sống một cuộc đời đáng kính trọng đáng khen đáng thưởng. Đây là một tên của Śiva

Phật Giáo thường dịch Arhanta là A La Hán, Sát Tặc, Ứng Cúng, Vô Sinh. Theo quan điểm Đại Thừa thì hàng A La Hán chưa phải là bậc toàn thiện nên trong Kinh Đại Bạch Tán Cái Đà La Ni dịch Arhanta là Hoại Oán

**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc**

**वेटालगणः कर्ता विद्यां च्छिन्द्यामि किल यामि**

VETĀLA-GAṆA KRTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI

Vetāla còn ghi là Vetāḍa tức vua của Ma Quỷ, linh hồn, Thiên Thần, Quỷ hút máu, tên người phục vụ của Śiva

Phật Giáo thường dịch Vetāla là Khởi Thi Quỷ

**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Chúng Khởi Thi Quỷ**

**वज्रपाणिः कर्ता विद्यां च्छिन्द्यामि किल यामि**

VAJRA-PĀṆI KRTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI

Vajrapāṇi: Cầm chày Kim Cương trong lòng bàn tay tức là vị Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương phòng hộ cho chư Thiên ở 33 cõi Trời (Tam Thập Tam Thiên)

**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú ngữ của hàng Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương**

**वज्रपाणि गुह्याकधिपतिः कर्ता विद्यां च्छिन्द्यामि किल यामि**

VAJRA-PĀṆI GUHYAKĀDHIPATI KRTĀM VIDYĀM CCHINDA YĀMI KĪLA YĀMI

Vajrapāṇi: Kim Cương Thủ

Gūhyaka: Bí mật, ẩn kín

Adhipati: Người chủ

Vajrapāṇi-gūhyakādhīpati: Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ tức vị Thần cầm chày Kim Cương theo hầu Đức Phật và thường hay tuyên nói Mật Pháp

**Nay tôi xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ**

**ॐ नमः भगवते शतशतशुभं भगवतः [ॐ [ॐ शं सत्  
 सत्सर्वं सुखं**

OM NAMO BHAGAVATE STATHĀGATOŚNĪṢA SITATĀPATRA  
 RAKṢA RAKṢA MĀM SARVA SATVĀNĀMCA SVĀHĀ

**Quy mệnh Kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tán Cái .  
 Xin hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng Hữu Tình thành tựu tốt lành**

IV HỘI THỨ TƯ:

**भगवते भगवतः नमस्तुते**

BHAGAVAM SITATĀPATRA NAMOSTUTE

Namostute: Quy mệnh lễ kính  
**Quy mệnh kính lễ Bạch Tản Cái Thế Tôn**

**असितानलारकाः प्रभा सफुटा विकका सिततपत्रेह**

ASITĀNALĀRĀKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITATĀPATREḤ  
JVALA JVALA

Asita Màu đen, màu tối, màu thẫm sẫm, sự xấu xa nham nhiễm, sự tối tăm dốt nát.  
Asita là tên của mọi vị Chủ Tể của bóng tối và Ma Thuật. Một con rắn đen, một Thần Chú của con rắn đen đó. Một kẻ thù dẫu mặt

Asita là tên của một Apsara, tên của mọi Devala hay Asita Devala

Trong trường hợp đặc biệt. Sita là màu trắng, lại xuất hiện chữ Asita để hình thành từ chữ này (Sita) mà có thể là nguyên bản và không cần sự kết hợp giữa A và Sita . Ví dụ như Asura và Sura đều chỉ chung cho hàng Phi Thiên (Tự điển Sanskrit\_ English của Monier Williams , tr.120). Như vậy Asita có thể dịch là màu trắng.

Anala: Ngọn lửa linh thiêng

Arākaḥ: Cây cặm của bánh xe

Prabha: Ánh sáng

Sphuṭa: Mở ra, phồng lên, hiển hiện

Vikaca: Chiếu sáng lóng lánh rực rỡ

Sitatāpatreḥ: Cái lọng màu trắng (Bạch Tản Cái)

Jvala: Ngọn lửa, ánh lửa bập bùng, phóng quang

**Ngọn lửa linh thiêng màu trắng lóa ánh sáng trắng tấp tròn đầy lóng lánh rực rỡ , là ánh lửa của Bạch Tản Cái phóng tỏa chiếu sáng.**

**दका दका**

DHĀKA DHĀKA

Dhāka: Cái túi, vật chứa, trụ cột, mốc phát xuất hay đến mức, nơi thông báo tin tức, vị trí công tác

Trong bài Minh Chú này thì Dhāka là nơi phát ra ánh sáng rực rỡ nên dịch là Uy Quang

**विदका विदका**

VIDHĀKA VIDHĀKA

Vidhāka: Ánh sáng có uy lực chiếu soi tràn khắp nên dịch là Biến Uy Quang

**दरा दरा**

DARA DARA

Dara: Chẻ, bổ, xẻ, bẻ gãy nên dịch là Giáng Phục

**विदरा विदरा**

VIDARA VIDARA

Vidara: Xé rách, phá nát, riêng biệt từng mảnh nên dịch là Giáng Phục khắp cả (Biến Giáng Phục)

**चचि चचि**

CCHINDA CCHINDA

Cchinda: Cắt đứt

𑖀𑖄𑖀𑖄

BHINDA BHINDA

Bhinda: Xuyên thấu, xỏ qua

𑖀𑖄

HŪM HŪM

Hūm: Chủng Tử chỉ sự khủng bố

𑖀𑖄 𑖀𑖄

PHAT PHAT

Phat: Phá bại

𑖀𑖄 𑖀𑖄

HE HE PHAT

He he: Hô triệu

**Hô triệu phá bại**

𑖀𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄

AMOGHĀYA PHAT

Amogha: Bất Không. Amoghāya là Bất Không Thiên Sứ

**Bất Không Thiên Sứ phá bại**

𑖀𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄

APRATIHAṬĀYA PHAT

Apratihata: Vô chướng ngại, không có sự trở ngại

**Phá bại không chướng ngại**

𑖀𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄

VARA-PRADĀYA PHAT

Vara: Nguyện theo, y theo

Pradāya: Ban cho

**Nguyện ban cho phá bại**

𑖀𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄

ASURA VIDARA PAKĀYA PHAT

Asura: Phi Thiên

Vidara: Xé rách, phá hoại

Paka: Nấu chín, đốt cháy, quay nướng

Vidara pakāya: Đốt cháy phá hoại

**Phá bại sự đốt cháy phá hoại của Phi Thiên**

𑖀𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄

SARVA DEVEBHYAḤ PHAT

Deva: Hàng Trời, chư Thiên

Devebhyaḥ: Thiên Đẳng, Thiên Chúng

**Phá bại tất cả Thiên Chúng**

𑖀𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄 𑖀𑖄

SARVA NĀGEBHYAḤ PHAT  
**Phá bại tất cả Chúng Rồng**

सर्व यक्ष्युः कुरु  
SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAT  
**Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa**

सर्व राक्षस्युः कुरु  
SARVA RĀKSAṢEBHYAḤ PHAT  
**Phá bại tất cả chúng La Sát**

सर्व गरुड्युः कुरु  
SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAT  
Garuḍa: Loài Chim Thần Kim Xí Điều  
**Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điều**

सर्व गन्धर्व्युः कुरु  
SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAT  
Gandharva: Hương Thực Thần, Tầm Hương Thần, Hương Thần, Dược Thần... Là Nhạc Thần của Trời Đế Thích, thường tấu nhạc cho Trời Đế Thích nghe  
**Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần**

सर्व असुर्युः कुरु  
SARVA ASUREBHYAḤ PHAT  
**Phá bại tất cả chúng Phi Thiên**

सर्व किम्बरीयुः  
SARVA KIMNAREBHYAḤ PHAT  
Kimnara còn ghi là Kinnara tức là Nghi Thần, Ca Thần, Âm Nhạc Thiên. Hàng này thường ca múa và tấu Pháp Nhạc cho Trời Đế Thích thưởng thức  
**Phá bại tất cả chúng Nghi Thần**

सर्व महोरग्युः कुरु  
SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAT  
Mahoraga : Đại Mãng Xà, Địa Long, Đại Phúc Hành Thần tức Thần Rắn. Đây cũng là Thần âm nhạc  
**Phá bại tất cả chúng Đại Phúc Hành Thần**

सर्व मनुष्युः कुरु  
SARVA MANUṢYEBHYAḤ PHAT  
Manuṣya: Con người, loài người  
**Phá bại tất cả Nhân Chúng**

सर्व अमनुष्युः कुरु  
SARVA AMANUṢYEBHYAḤ PHAT  
Amanuṣya: Loài Phi Nhân. Thông thường thì 3 hàng Kim Xí Điều, Nghi Thần, Đại Phúc Hành Thần được gọi là loài Phi Nhân

**Phá bại tất cả chúng Phi Nhân**

सर्वं भूतेशुः कुरु

SARVA BHŪTEBHYAḤ PHATṬ

Bhūta: Loài Bộ Đa, Hóa Sinh Quỷ

**Phá bại tất cả chúng Hóa Sinh Quỷ**

सर्वं पिशितेषुः कुरु

SARVA PIŚĀCEBHYAḤ PHATṬ

**Phá bại tất cả chúng Xí Trung Quỷ**

सर्वं कुम्भण्डेषुः कुरु

SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ PHATṬ

**Phá bại tất cả chúng Ung Hình Quỷ**

सर्वं पुतानेषुः कुरु

SARVA PŪTANEBHYAḤ PHATṬ

**Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ**

सर्वं कटपुतानेषुः कुरु

SARVA KAṬAPŪTANEBHYAḤ PHATṬ

**Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ**

सर्वं दुरलम्घ्येषुः कुरु

SARVA DURLAMḠHYEBHYAḤ PHATṬ

Durlamghya: Bị phạm tội, vượt quá quyền hạn của mình, vượt quá vi phạm Pháp Luật. Đây là kẻ có lỗi là tương sai lầm (Ngộ Tương Quá)

**Phá bại tất cả chúng Ngộ Tương Quá**

सर्वं दुष्प्रेक्षितेषुः कुरु

SARVA DUŚPREKṢITEBHYAḤ PHATṬ

Duṣprekṣita : Kẻ có lỗi là nhìn thấy sai lầm (Ngộ Kiến Quá)

**Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá**

सर्वं ज्वरेशुः कुरु

SARVA JVAREBHYAḤ PHATṬ

Jvara: Con sốt, bệnh sốt, người lãnh đạo và vua của mọi thứ bệnh tật, nổi đau buồn, tai họa, tinh thần đau khổ, điên cuồng đau khổ

**Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quỷ**

सर्वं अपस्मरेशुः कुरु

SARVA APASMĀREBHYAḤ PHATṬ

Apasmāra: Điên cuồng, mất trí nhớ (Kiện vong), bệnh động kinh. Đây là một trong 15 loài Quỷ hại trẻ con

**Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quỷ**

सर्वं अस्मरेशुः कुरु

SARVA ŚRAMANE BHYAḤ PHAṬ  
Śramaṇebhyaḥ: Sa Môn Chúng, Trì Chú chúng  
**Phá bại tất cả chúng Trì Chú**

सर्व तीर्थिकेषु: कुरु  
SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHAṬ  
**Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo**

सर्व उन्मदेषु: कुरु  
SARVA UNMĀDEBHYAḤ PHAṬ  
**Phá bại tất cả chúng Diên Cuồng Quỷ**

सर्व विद्यार्थेषु: कुरु  
SARVA VIDYACĀRYEBHYAḤ PHAṬ  
Cārya: Hạnh , hành.  
Vidyacārya: Minh Hạnh. Xưa dịch là Trì Chú Bác Sĩ  
**Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh**

जयकार मधुकार मरुध सर्वार्थ विद्यार्थेषु: कुरु  
JAYĀ-KARA, MADHU-KARA, SARVĀRTHA SĀDHANE BHYAḤ,  
VIDYACĀRYEBHYAḤ PHAṬ  
**Phá bại hàng Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu, Minh Hạnh chúng**

चतुर्भगिण्यु: कुरु  
CATUR-BHAGINĪBHYAḤ PHAṬ  
**Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ**

वज्रकौमारी कुलधारी विद्यारजेषु: कुरु  
VAJRA-KAUMĀRĪ KULANDHARĪ VIDYARĀJEBHYAḤ PHAṬ  
Vajra-kaumārī kulandhari: Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ  
**Phá bại chúng của Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Minh Vương**

महाप्रत्युङ्गिरेषु: कुरु  
MAHĀ-PRATYUṄGĪREBHYAḤ PHAṬ  
**Phá bại chúng Đại Điều Phục**

वज्रशङ्कराय प्रत्युङ्गिरा राजाय कुरु  
VAJRA-ŚAṅKARĀYA PRATYUṄGĪRA-RĀJĀYA PHAṬ  
Śaṅkara: Cái khóa (Tỏa)  
Vajra-śaṅkara: Kim Cương Tỏa. Xưa dịch là Kim Cương Liên Tỏa  
**Phá bại hàng Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương**

महाकालाय मृगाम् नमस्कृत्य कुरु  
MAHĀ-KĀLĀYA, MĀTRGAṆĀYA NAMASKRĀYA PHAṬ  
**Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu**



इन्द्रिय फल

INDRĪYE PHAT

Indri: Đế Thích Thiên Phi

**Phá bại hàng Đế Thích Thiên Phi**

ब्रह्मण्य फल

BRAHMĪNĪYE PHAT

**Phá bại hàng Phạm Thiên Phi**

रुद्रिय फल

RUDRĪYE PHAT

**Phá bại hàng Tự Tại Thiên Phi**

विश्वण्य फल

VI.ṢṆAVĪYE PHAT

**Phá bại hàng Tỳ Nữ Mẫu Thiên**

विश्वण्य फल

VIṢNEVĪYE PHAT

**Phá bại hàng Tỳ Nữ Thiên Phi**

वरुण्य फल

VARĀHĪYE PHAT

Varāha: Thần đầu heo

Varāhi: Nữ Thần đầu heo

**Phá bại hàng Trư Đầu Thần Nữ**

अग्नि फल

AGNIYE PHAT

Agna: Ngọn lửa, Hỏa Thiên

Agni: Hỏa Thiên Phi

**Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi**

महाकाल्य फल

MAHĀ-KĀLĪYE PHAT

**Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi**

रुद्रिय फल

RAUDRĪYE PHAT

Raudra: Phần Nộ, Phần Nộ Thần

Raudri: Phần Nộ Thần Nữ

**Phá bại hàng Phần Nộ Thần Nữ**

काल दण्ड्य फल

KĀLA-DANḌĪYE PHAT

Kāla: Hắc Thiên

Danḍa: Cây gậy, cây bồng

Kāla-daṇḍa: Hắc Thiên Bông và được dịch ý là Quỷ Súly Hắc Áo Thần  
**Phá bại hàng Quỷ Súly Hắc Áo Thần Nữ**

चिन्द्रीये ऋद्धे

AINDRIYE PHAṬ

**Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ**

मृत्त्रिये ऋद्धे

MĀTRYE PHAṬ

**Phá bại hàng Âm Mẫu**

वसुण्डीये ऋद्धे

CĀMUNDĪYE PHAṬ

Cāmuṇḍa: Một hình thức của Nữ Thần Durga, một trong 7 Mẫu là Nộ Thần Nữ, một trong 8 Nāyikā của Durga hay Brahma, tên của một Tác Giả, tên của một Thành Phố.

7 Mẫu: 7 Mẫu Thiên, 7 Mẫu Nữ Thiên, 7 chị em là quyền thuộc của Diêm Ma Thiên hoặc Đại Hắc Thiên gồm có Cāmuṇḍā, Kauvari, Viṣṇavi, Kaumāri, Indri, Raudri, Brāhmi

**Phá bại hàng Nộ Thần Nữ**

कालरात्रिये ऋद्धे

KĀLA-RĀTRYE PHAṬ

Kāla-rātr: Hắc Dạ (đêm đen), Hắc Dạ Thần Nữ

**Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ**

कपालीये ऋद्धे

KĀPALĪYE PHAṬ

Kāpala: Đầu lâu, Độc Lâu Ngoại Đạo, Độc Lâu Thần

Kāpali: Độc Lâu Thần Nữ

**Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ**

अधिमुक्तिश्चास्मान्वासनीये ऋद्धे

ADHIMUKTIKA ŚMAŚĀNA-VĀSINĪYE PHAṬ

**Phá bại hàng Lạc Cư Túng Gian Nữ** (Âm Nữ vui thích ở nơi gò mả và chốn hoang vắng)

ॐ ॐ ॐ व्रुव्रुव्रु व्रुव्रुव्रु म्

OM\_HŪM BHRŪM BANDHA BANDHA RAKṢA RAKṢA MĀM

**Quy mệnh Hùm Bhrùm. Hãy cột trời Ngoại Chương và Nội Chương. Ủng hộ, ủng hộ cho tôi**

V\_HỘI THỨ NĂM:

यन्त्रिंशत् सप्त मयि शृष्ट्रिंशत् पंचत्रिंशत् त्रिंशत्शतं शतं  
सप्तत्रिंशत् त्रिंशत्शतं त्रिंशत्शतं मयि त्रिंशत्शतं यन्त्रिंशत्

YENA-CITTĀ SATVĀ MAMA: DUṢṬA-CITTĀ , PĀPA-CITTĀ, RAUDRA-CITTĀ, VIDVAIṢA-CITTĀ, AMAITRA-CITTĀ, UTPĀDAYANTI KĪLAYANTI MANTRAYANTI JĀPANTI YUHOTI

Yena: Bởi ai, bởi điều gì, bởi đường nào, trong chỉ thị nào, ở đâu, đến đâu

Citta: Tâm, Tập Khởi Tâm

Satva: Hữu Tình

Mama: Tôi

Duṣṭa-citta: Tâm độc ác

Pāpa-citta: Tâm tội lỗi

Raudra-citta: Tâm phần nộ

Vidvaiṣa-citta: Tâm giận ghét

Amaitra-citta: Tâm không hiền lành (Vô Từ Tâm)

Utpādayanti: Sinh khởi

Kīlayanti: Cấm đoán

Mantrayanti: Dùng Thần Chú, dùng Mật Ngữ

Jāpayanti: Chuyển tụng

Yuhoti: Ứng dụng Nghi Thức cúng tế

**Phàm có Hữu Tình đối với Ta khởi Tâm độc ác, Tâm gây tội lỗi, Tâm phần nộ, Tâm giận ghét, Tâm không hiền lành mà phát khởi sự cấm đoán, đọc tụng Thần Chú cúng bái cầu đảo... để hãm hại**

ॐ॒रु॒ज॒ह॒र॒ः

ŪRJĀHĀRĀ

Ūrja: Sức mạnh, năng lực, tinh khí, sự siêu phàm

Ahāra: Thâu nhiếp, ăn nuốt

**Loài ăn tinh khí**

ॐ॒ग॒र्भ॒ह॒र॒ः

GARBHĀHĀRĀ

**Loài ăn bào thai**

ॐ॒रु॒ध॒र॒ह॒र॒ः

RUDHIRĀHĀRĀ

**Loài ăn máu huyết**

ॐ॒म॒स॒ह॒र॒ः

MAMSAHĀRĀ

**Loài ăn thịt**

ॐ॒म॒द॒ह॒र॒ः

MEDĀHĀRĀ

**Loài ăn Thảo Mộc có chất như mỡ**

ॐ॒म॒ज्ज॒ह॒र॒ः

MAJJĀHĀRĀ

**Loài ăn xương tủy**

ॐ॒व॒पि॒ह॒र॒ः

VAŚĀHĀRĀ  
Loài ăn thú do sinh đẻ

जंतुहार  
JĀTĀHĀRĀ  
Loài ăn sinh khí

जीवितहार  
JĪVITĀHĀRĀ  
Loài ăn Thọ Mệnh

मल्यहार  
MALYĀHĀRĀ  
Loài ăn tóc

बल्यहार  
BALYĀHĀRĀ  
Loài ăn sức lực

गन्धहार  
GANDHĀHĀRĀ  
Loài ăn mùi thơm

पुष्पहार  
PUṢPĀHĀRĀ  
Loài ăn bông hoa

फलहार  
PHALĀHĀRĀ  
Loài ăn quả trái

सस्यहार  
SASYĀHĀRĀ  
Loài ăn hạt giống

पापविह  
PĀPA-CITTĀ  
Loài có tâm gây tội lỗi

दुष्टविह  
DUṢṬA-CITTĀ  
Loài có Tâm ác độc

देवग्रह  
DEVA-GRAHĀ  
Deva: Thiên, cõi Trời  
Graha: Loài Ma (Túy)

**Thiên Túy (Loài Ma của hàng Trời)**

**ନାଗଗ୍ରହ**

**NĀGA-GRAHĀ**

**Long Túy**

**ଯକ୍ଷଗ୍ରହ**

**YAKṢA-GRAHĀ**

**Đạ Xoa Túy**

**ରାକ୍ଷସଗ୍ରହ**

**RĀKṢASA-GRAHĀ**

**La Sát Túy**

**ମୟୂରଗ୍ରହ**

**ASURA-GRAHĀ**

**Phi Thiên Túy**

**ଗରୁଡ଼ଗ୍ରହ**

**GARUDA-GRAHĀ**

**Kim Xí Điều Túy**

**କିମ୍ବରୀଗ୍ରହ**

**KIMNARA-GRAHĀ**

**Nghi Thần Túy**

**ମହରୀଗ୍ରହ**

**MAHORAGA-GRAHĀ**

**Đại Phúc Hành Thần Túy**

**ଅମରଗ୍ରହ**

**PRETA-GRAHĀ**

**Ngạ Quỷ Túy**

**ପିଷାକଗ୍ରହ**

**PIŚĀCA-GRAHĀ**

**Xí Trung Quỷ Túy**

**ଭୂତଗ୍ରହ**

**BHŪTA-GRAHĀ**

**Hóa Sinh Quỷ Túy**

**ପୁତନାଗ୍ରହ**

**PŪTANA-GRAHĀ**

**Xú Quỷ Túy**

**କଳପୁତନାଗ୍ରହ**

KATAPŪTANA-GRAHĀ  
**Kỳ Xú Quỷ Túy**

कुम्भघ्न  
KUMBHĀṆDA-GRAHĀ  
**Ung Hình Quỷ Túy**

स्कन्दघ्न  
SKANDA-GRAHĀ  
**Thiên Thần Quỷ Túy (Loài Ma của hàng Quỷ vẹo môi)**

उन्मन्दघ्न  
UNMĀNDA-GRAHĀ  
**Điên Cuồng Quỷ Túy**

चक्षुघ्न  
CCHĀYA-GRAHĀ  
**Ảnh Quỷ Túy**

अपस्मरघ्न  
APASMĀRA-GRAHĀ  
**Kiếp Vong Quỷ Túy**

दकदकिघ्न  
DĀKA-DĀKINĪ-GRAHĀ  
**Không Hành Quỷ Túy**

रवघ्न  
REVATI-GRAHĀ  
**Não Nhi Quỷ Túy**

जङ्घघ्न  
JAṅGHĪKA-GRAHĀ  
Jaṅghika: Con Lạc Đà, một loài Linh Dương  
**Như Linh Dương Quỷ Túy**

शकुलघ्न  
ŚAKUNI-GRAHĀ  
Śakuna hay Śakuni là con chim  
**Điều Hình Quỷ Túy**

नन्दिकघ्न  
NANDIKĀ-GRAHĀ  
Nandika: Con chim trống của loài Gia Cầm  
**Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy**

वृषघ्न

LAMBIKA-GRAHĀ

Lambika : Con chim cu hay con gà trống của người Ấn Độ

**Như Kê Hình Quỷ Túy**

कण्टपानि ग्राह

KANṬAPĀNI-GRAHĀ

Kaṇṭa: Cây gai, bụi gai, cây có nhiều gai (Cúc)

Pāni: Bàn tay

Kaṇṭa-pāni: Loài Quỷ có bàn tay đầy gai. Đạo Sư Tây Tạng dịch là Trừ Cúc Quỷ

**Loài Ma của hàng Quỷ có bàn tay đầy gai**

ज्वर एकाहिक द्वैतियक त्रैतियक चतुर्थक

JVARĀ: EKĀHIKĀ, DVAITYAKĀ, TRETIYAKĀ, CATURTHAKĀ

Jvara: Sốt nóng, Quỷ gây ra bệnh sốt rét (Ngược Quỷ)

Ekāhika: 1 ngày phát bệnh 1 lần

Dvaityaka: 2 ngày phát bệnh 1 lần

Tretiyaka: 3 ngày phát bệnh 1 lần

Caturthaka: 4 ngày phát bệnh 1 lần

**Quỷ gây bệnh sốt rét: 1 ngày phát 1 lần, 2 ngày phát 1 lần, 3 ngày phát 1 lần, 4 ngày phát 1 lần**

नित्य ज्वर

NITYĀ JVARĀ

Nitya: Thường thường, luôn luôn

**Luôn luôn nóng sốt cao (Thường tráng nhiệt)**

विषम ज्वर

VIṢAMA JVARĀ

Viṣama: không đồng bộ, không ngang sức, gò gề, khó khăn, nguy hiểm, xấu, bất lợi, không công nhận, cảm, gớm ghiếc, kinh khủng

**Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm**

वातिक

VĀTIKĀ

**Phong bệnh, bệnh nhiễm gió, bị trúng gió**

पित्तिक

PAITTIKĀ

**Bệnh vàng da**

श्लेष्मक

ŚLEṢMAKĀ

Śleṣmaka: Đàm rãi, tính phớt đời, sự hài hước hóm hình

**Bệnh đàm rãi**

संनिपतिक

SAMNIPATIKĀ

**Bệnh do mọi thứ hòa hợp**

सर्वज्वर

SARVA JVARĀ

**Tất cả bệnh nóng sốt**

शिरूर्ति

ŚIRORTI

**Bệnh đau đầu, bệnh nhức đầu (Đầu Thống)**

अर्धवर्षका

ARDHĀVABHEDAKA

Ardha: Một nửa

Avabhedaka: Làm nhức nhối, làm nhức buốt, làm buốt cái đầu

**Bệnh đau nửa đầu (Bán Đầu Thống)**

अरोका

AROCAKA

**Bệnh chẳng ăn được**

अक्षि रोगम्

AKṢI ROGAM

Akṣi: Con mắt

Rogam: Bệnh tật, sự hủ bại, suy nhược cơ thể, sự đau yếu

**Bệnh đau mắt**

मुख रोगम्

MUKHA ROGAM

Mukha: Cái miệng, cái mồm

**Bệnh đau miệng**

हृद रोगम्

HRD-ROGAM

Hrd: Chứng liệt tim, suy tim, linh hồn, sức sống, sức truyền cảm, cá nhân, tâm trí, tinh thần

**Bệnh đau toàn thể con người**

कर्ण सुलम्

KARNA ŚŪLAM

Karṇa: Lỗ tai, cái tai

Śulam: Cái giáo, cái thương, cái lao, đâm thủng, chọc thủng, nổi đau buồn, nổi sầu khổ, tai họa, tuyệt vọng, đau khổ, sự đau đớn

**Đau tai**

दन्त सुलम्

DANTA ŚŪLAM

**Đau răng**



हृदय सुलं

HRDAYA ŚŪLAM

**Đau tim**

मर्म सुलं

MARMAN ŚŪLAM

Marman: Điểm gây chết chóc, phần nhạy cảm của cơ thể, yếu ớt, thiếu nghị lực, dễ bị tổn thương, liều mạng vào nơi nguy hiểm, chỗ yếu. Xưa dịch là đốt xương

**Đau buốt đốt xương**

पार्श्व सुलं

PĀRŚVA ŚŪLAM

**Đau hông sườn**

पृष्ठ सुलं

PRṢṬA ŚŪLAM

**Đau lưng**

उदर सुलं

UDARA ŚŪLAM

**Đau bụng**

कटि सुलं

KAṬI ŚŪLAM

Kaṭi: Eo lưng, mông dít

**Đau eo lưng, đau mông dít**

ऊरु सुलं

ŪRU ŚŪLAM

Ūru: Bắp đùi, bắp vế, ống chân, xương ống chân

**Đau bắp đùi**

जम्घा सुलं

JAMGHA ŚŪLAM

**Đau ống chân**

वस्ति सुलं

VASTI ŚŪLAM

Vasti: Sự tận cùng của cái áo đằm bằng vải, điểm cuối cùng. Xưa dịch là mắt cá chân (Điểm cuối cùng của ống chân)

**Đau mắt cá chân**

हास्त सुलं

HASTA ŚŪLAM

**Đau bàn tay**

पद्म सुखं

PĀDA ŚŪLAM

**Đau bàn chân**

सर्वगप्रत्युंगिरा सुखं

SARVAGĀPRATYUṄGIRA ŚŪLAM

Sarvaga: Tỏa khắp tất cả, thâm nhập khắp cả, lan tràn khắp tất cả, nước, Thiên Thần, linh hồn, tên của Brāhma hay Śiva, có mặt khắp nơi

Apratyuṅgira: Không thể cứu thoát, không thể điều phục

**Đau buốt tất cả chi tiết trên thân không thể chữa khỏi**

भूता वेताल

BHŪTA VETĀLA

**Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ (Ma Quỷ nhập vào xác chết đứng dậy đi)**

दृक् दृक्

DĀKA DĀKINĪ

**Không Hành Nam và Không Hành Nữ**

ज्वर

JVARA

**Nhọt do bị thiêu đốt**

दद्रु

DATRŪ

**Nhọt do bị cùi hủi**

कण्ट्यु

KANṬYU

**Nhọt ghê mọc dây như gai**

किट्टि

KITṬI

**Nhọt do ở bản, nhọt do Dòi ăn (Tri Thù Sang)**

बहिलोत्तव

BHAILOTĀVAI

**Đinh sang**

सर्पलोहा

SARPALOHĀ

**Xâm dâm sang**

लिङ्ग

LIṄGA

**Xích sang**

शशत्र

ŚOŚATRĀ

**Nhọt do da khô nứt**

सगर

SAGARĀ

**Nhọt Trĩ**

विषय

VIṢAYOGA

**Cổ độc**

अग्नि

AGNI

**Lửa**

उदक

UDAKA

**Nước**

मरुवेल कान्तार

MARA VELĀ KĀNTĀRA

Mara: Sự chết, lúc chết, lúc hấp hối

Velā: Cái vườn

Kāntāra: Khu rừng rậm

**Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)**

अकाल मृत्यु

AKĀLA MR̥TYU

**Chết yếu không đúng thời**

त्रिमूक

TRAIMUKHA

**Một loài trùng**

त्रिलोक

TRAILĀṬAKA

**Một loài mòng**

वृषिक

VR̥SIKA

Vṛsika: Một loại sâu bướm phủ đầy khắp với lông lờm chờm, một loài động vật có nhiều chân, bò cạp

**Bò Cạp**

सर्प

SARPA

## Rắn

नकुल

NAKULA

Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn

सिंह

SIMHA

Sư tử

वृष

VYĀGHRA

Cọp

रिक्ष तरारिक्ष

RIKṢA TARARIKṢA

Rikṣa: Độc hại, bị thương, gây tai hại, một loại táo, tên ngọn núi, tốt, tuyệt hảo, con gấu. Xưa dịch là gấu ngựa

Tara: Mang qua, phụ giúp mang qua, ở bên kia, vượt xa hơn, tuyệt hảo, ngọn lửa, giỏ áo.

Tararikṣa: Một loài gấu lớn (Bi), gấu heo

**Gấu Ngựa, gấu Heo**

कामरु

CAMARA

Một loài bò gọi là Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

जिवाक

JIVAKA

Jivaka: Đòi sống, người đầy tớ, hành khất, người bắt rắn, tên của Mumara-Bhūta, đòi sống ban cho nhân tố, nước.

Jivaka còn được dịch là loài sống dưới nước

**Loài sống dưới nước**

Nếu dựa theo nghĩa của Bản xưa thì tên những con vật còn thiếu có thể đọc thêm là :

Mèo: Bidāla

Bò: Dhenu

Bò Mộng: Vṛsabha

Chó sói: Vṛka hay Tarakṣa

Cá Ma Kiệt, cá Sấu: Makāra

Chấy rận: Rikṣā

Gấu: Bhallūka

Con ong: Tarala

वृष मृगं (सर्प वृषं मन्त्रकृत्तं मन्त्रकृत्तं एव कर्म  
अस्मिन्वृषं मन्त्रं

TEṢĀM SARVEṢĀM SITATĀPATRĀM MAHĀ-VAJROṢṆĪṢĀM  
MAHĀ- PRATYUṆĠĪRAM YĀBA DVĀDAŚA YOJANĀBHYANTARĪṆA

Vajra: Kim Cương

Uṣṇīṣ: Đỉnh kế

Vajroṣṇīṣa: Kim Cương Đỉnh Kế

Yāba: Cho đến

Dvādaśa: 12

Yojana: Do Tuần, một đơn vị đo lường

Abhyantarīṇa: Ở trong khoảng

**Do Bạch Tảo Cái Đại Kim Cương Đỉnh Kế có năng lực to lớn điều phục tất cả bệnh tật tai nạn như vậy cho đến trong khoảng 12 Do Tuần khiến mọi Tật Nạn ấy tự nhiên lui tan**

सिम बन्ध करोमि

SĪMĀ BANDHAM KAROMI

Sīmā: Giới Đàn

Bandha: Cột trói

Kara: Tác làm.

Umi: Nay Tôi

Kara + Umi =Karomi (Nay tôi tác làm)

**Nay tôi kết buộc Giới**

दिश बन्ध करोमि

DIŚĀ BANDHAM KAROMI

Diśa: Phương hướng

**Tôi kết buộc mười phương**

प्रविद्य बन्ध करोमि

PRAVIDYĀ BANDHAM KAROMI

Pravidya: Minh Chú thù thắng, Minh Chú năng thắng

**Tôi kết Năng Thắng Minh**

तेज बन्ध करोमि

TEJO BANDHAM KAROMI

Tejo: Nhóm ánh sáng (Quang tụ)

**Tôi buộc nhóm ánh sáng**

हस्त बन्ध करोमि

HASTĀ BANDHAM KAROMI

**Tôi kết buộc bàn tay**

पदा बन्ध करोमि

PĀDA BANDHAM KAROMI

**Tôi kết buộc bàn chân**

सर्वग प्रत्युङ्ग बन्ध करोमि

SARVAGA PRATYUṆGA BANDHAM KAROMI

**Tôi kết buộc tất cả mọi chi tiết**

ॐ ह्रीं

TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

ॐ अनाले अनाले विषदा विषदा वज्रवज्र वज्रवज्र  
वैश्वानरं कुरु कुरु कुरु कुरु

OM\_ ANALE ANALE \_ VIŚADA VIŚADA \_ BANDHA BANDHA \_  
BANDHANI BANDHANI \_ VAIRA VAJRA-PĀṆI PHAṬ\_ HŪM BHRŪM  
PHAṬ\_ SVĀHĀ

**Om:** Nhiếp triệu, cảnh giác

**Anale :** Ngọn lửa linh thiêng, ngọn lửa của Thượng Đế, Ngọn lửa, năng lực siêu phàm

**Viśada:** Sự thanh tịnh

**Bandha:** Cột trói, cột buộc

**Bandhani:** Cột buộc

**Vaira:** Sự chống lại, dũng cảm, can đảm, có năng lực khác thường

**Vajrapāṇi :** Kim Cương Thủ. Vị Thần cầm chày Kim Cương

**Phaṭ:** Phá bại

**Hūm:** Chủng Tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

**Bhrūm:** Chủng Tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi Công Đức

**Phaṭ:** Phá bại

**Svāhā:** Quyết định thành tựu

**TÁN THÁN CHÚ:**

नमस्तथागतये सुगतये कुरु सुमुक्तये (सुमुक्तये सुमुक्तये  
कुरु

NAMO STATHĀGATĀYA SUGATĀYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA SIDDHYANTU MANTRA-PĀDA SVĀHĀ

Sugata : Bậc Thiện Thệ, bậc khéo đi đến nẻo lành

Siddhyantu : khiến cho thành tựu

Mantra-pāda: Chân Ngôn cú, câu chữ của Chân Ngôn

Svāhā: Viên mãn cát tường

**Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác.  
Hãy khiến cho con thành tựu Chân Ngôn Cú, viên mãn cát tường**

Hiệu chỉnh lại chỗ sai sót xong vào ngày 07/02/2013

# ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM ĐÀ LA NI

Việt dịch: HUYỀN THANH

ĐỀ DANH CHÚ:

**Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái Vô Năng Thắng Thập Năng  
Điều Phục Đà La Ni**

I) HỘI THỨ NHẤT:

Kính lễ tất cả Phật với hàng Bồ Tát  
Quy mệnh bảy ức Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng  
Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian  
Quy mệnh chúng Dự lưu  
Quy mệnh chúng Nhất Lai  
Quy mệnh chúng Bất Hoàn  
Quy mệnh chúng đạt bốn Quả với chúng đạt bốn Hướng trong Thế Gian  
Quy mệnh ba báu Phật, Pháp, Tăng  
Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dững Mãnh Quân Kịch Vương Như Lai Ứng Cúng  
Chính Đẳng Chính Giác  
Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính  
Giác  
Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác  
Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính  
Đẳng Chính Giác  
Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương như Lai Ứng Cúng Chính  
Đẳng Chính Giác  
Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính  
Giác  
Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng  
Chính Giác  
Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc  
Quy mệnh Thế Tôn Liên Hoa Bộ Tộc  
Quy mệnh Thế Tôn Kim Cương Bộ Tộc  
Quy mệnh Thế Tôn Ma Ni Bộ Tộc  
Quy mệnh Thế Tôn Khổ Tàng Bộ Tộc  
Quy mệnh chúng Thiên Tiên  
Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh  
Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp Ác Tác Thiện  
Quy mệnh chúng Phạm Thiên  
Quy mệnh chúng Đế Thích  
Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Thiên Hậu Ô Ma với hàng quyền thuộc  
Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, Thiên Hậu Cát Khánh, hàng quyền thuộc,  
năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô ái Tử  
Quy mệnh Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ  
của chúng Âm Mẫu  
Kính lễ các hàng ấy xong rồi  
Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này  
Ngài là Vô Năng Thắng Thập Năng Điều Phục Mẫu

Ngài là nơi kính lễ của tất cả chư Thiên  
 Ngài là nơi cúng dường của Thiên Chúng  
 Ngài là Đấng tối cao mà các Thiên Nữ đều theo hộ vệ  
 Ngài hay giáng phục tất cả quỷ ác gây phiền não  
 Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác  
 Ngài hay giáng phục chúng Hữu Tình khó giáng phục  
 Ngài hay ngăn chặn các điều ác  
 Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời  
 Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc  
 Ngài hay chặn đứng tất cả giấc mộng xấu ác  
 Ngài hay tòi hoai tám mươi bốn ngàn phiền não  
 Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ  
 Ngài hay tòi hoai tám ngàn phiền não lớn  
 Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia  
 Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu hãi hùng  
 Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về: chất độc, dao gậy, lửa , nước...  
 Ngài hay sai khiến tất cả Án chúng:  
 Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu  
 Đại Sân Nộ Mẫu  
 Đại Uy Quang Mẫu  
 Đại Uy Diệu Mẫu  
 Đại Bạch Quang Diễm Mẫu  
 Đại Lực Cát Tường Mẫu  
 Bạch Y Mẫu  
 Thánh Cứ Độ Mẫu  
 Phần Nộ Mẫu  
 Phổ Mãn Tội Thắng Kim Cương Hoa Danh Xung Mẫu  
 Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu  
 Kim Cương Thiệt Mẫu  
 Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu  
 Kim Cương Bồng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu  
 Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu  
 Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu  
 Thánh Cứ Độ Đại Lực Mẫu  
 Tội Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu  
 Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu  
 Kim Cương Thủ Mẫu  
 Đại Minh Chân Thật Niệm Châu Mẫu  
 Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu  
 Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu  
 La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu  
 Kim Quang Nhân Mẫu  
 Kim Cương Chúc Mẫu  
 Bạch Sắc Mẫu  
 Liên Hoa Nhân Mẫu  
 Nguyệt Quang Mẫu  
 Mọi Án như vậy, hết thầy đều ủng hộ thủ hộ cho chúng con

## II) HỘI THỨ HAI:



Quy mệnh chúng tử HŪM, BỒ-HỒ-RUM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kê

Với HŪM BHRŪM thường nghiền nát mọi nghiệp tội  
Với HŪM BHRŪM thường uy trấn hộ trì thân căn  
Với HŪM BHRŪM thường trừ bỏ tâm ý mê hoặc  
Với HŪM BHRŪM thường phá hoại mọi sự ngăn trở  
Với HŪM BHRŪM thường hoàn thiện Minh Chú Khác  
Với HŪM BHRŪM thường trấn ngự tất cả điều ác  
Với HŪM BHRŪM thường tồ hoại tất cả loài Dạ Xoa, La Sát gây phiền não  
Với HŪM BHRŪM thường tồ hoại tám mươi bốn ngàn phiền não  
Với HŪM BHRŪM thường khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ  
Với HŪM BHRŪM thường tồ hoại tám phiền não lớn  
Hãy ủng hộ! Ủng hộ cho con!

Hỡi Đức Thế Tôn! Ngài là Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kê Mẫu, Đại Điều Phục Mẫu, Đại Thiên Tý Mẫu, Thiên Đầu Mẫu, Úc Bách Thiên Nhân Mẫu, Nội Diễm Cụ Chúng Tướng Kim Cương Phúc Mẫu, Tam Hữu Đàn Trường Mẫu  
Xin hãy khiến cho con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

### III) HỘI THỨ BA:

Phàm có mọi tai nạn gây ra từ: Vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy, chiến tranh, đói khát, sấm sét, chết yểu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt của vương pháp, Rồng độc, sét đánh, Kim Xí Điều...

Lại có sự phiền não do các loài gây ra như: Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ở trong nhà cầu, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ vẹo môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hớp bóng (Ảnh Quỷ), Quỷ có hình cái túi, Quỷ gây hại cho con nít, loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn máu huyết, loài ăn đồ dơ của sự sinh sản, loài ăn thịt, loài ăn thảo mộc có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức...

Nay con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Không Hành Nam và Không Hành Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ và Tự Tại Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điều cùng với quyền thuộc của chúng

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên và chúng Âm Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Thành tựu tất cả Nghĩa Lợi

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đâu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyền thuộc của họ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo lửa thê

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Khởi Thi Quỷ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng : Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Na La Diên Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái. Xin hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng Hữu Tình đều được thành tựu tốt lành.

#### IV) HỘI THỨ TƯ:

Cúi đầu con quy mệnh  
Bạch Tản Cái Thế Tôn  
Hào quang lửa tròn đầy  
Màu trắng tinh rực rỡ  
Ánh sáng Bạch Tản Cái  
Phóng muôn tia long lanh  
Uy quang soi mọi chốn  
Giáng phục khắp tất cả  
Cắt đứt và xuyên thấu  
Khủng bố rồi phá bại  
Diệt hai chương trong ngoài  
Thành tựu sự tốt lành  
Nay hô triệu Phá bại  
Hàng Bất Không Thiên Sứ  
Nguyện ban cho phá bại  
Phá bại sự phá hoại của hàng A Tu La  
Phá bại tất cả Thiên chúng  
Phá bại tất cả chúng Rồng  
Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa  
Phá bại tất cả chúng La Sát  
Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điều  
Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần  
Phá bại tất cả chúng Phi Thiên  
Phá bại tất cả chúng Nghi Thần  
Phá bại tất cả chúng Đại Phúc Hành Thần  
Phá bại tất cả Nhân chúng (Loài người)  
Phá bại tất cả chúng Phi Nhân  
Phá bại tất cả chúng Quỷ Hóa Sinh  
Phá bại tất cả chúng Quỷ ở trong nhà cầu  
Phá bại tất cả chúng Quỷ có hình ung nhọt  
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối  
Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối lạ kỳ  
Phá bại tất cả chúng Ngộ Tướng Quá  
Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá  
Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh nóng sốt  
Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh mất trí nhớ  
Phá bại tất cả chúng Trì Chú  
Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo  
Phá bại tất cả chúng Quỷ điên cuồng  
Phá bại tất cả chúng Trì Chú Bác Sĩ  
Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh của các hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết

Nghĩa Thành Tựu

Phá bại chúng của bốn chị em Thần Nữ  
 Phá bại chúng của Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Minh Vương  
 Phá bại chúng Đại Điều Phục  
 Phá bại hàng Kim Cương Tỏa Điều Phục Vương  
 Phá bại hàng Đại Hắc Thiên và nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu  
 Phá bại hàng Đế Thích Thiên Phi  
 Phá bại hàng Phạm Thiên Phi  
 Phá bại hàng Tự Tại Thiên Phi  
 Phá bại hàng Tỳ Nữ Mẫu Thiên  
 Phá bại hàng Tỳ Nữ Thiên Phi  
 Phá bại hàng Trư Đầu Thần Nữ  
 Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi  
 Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi  
 Phá bại hàng Phần Nộ Thần Nữ  
 Phá bại hàng Quỷ Súc Hắc Áo Thần Nữ  
 Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ  
 Phá bại hàng Âm Mẫu  
 Phá bại hàng Nộ Thần Nữ  
 Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ  
 Phá bại hàng Độc Lô Thần Nữ  
 Phá bại hàng Quỷ Nữ vui thích ở nơi gò má  
 Quy mệnh HŪM BHRŪM. Hãy cột trời hai chướng trong ngoài và ủng hộ, ủng hộ cho con.

#### V) HỘI THỨ NĂM:

Phàm có các Hữu Tình đối với ta khởi sinh tâm độc ác, tâm tội lỗi, tâm phần nộ, tâm giận ghét, tâm không hiền lành mà phát ra sự căm đốn, đọc tụng Thần Chú, cúng bái cầu đảo để hãm hại

Lại có các loài gây nhiễu hại như: loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn thứ dơ bẩn do sự sinh đẻ, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn tóc, loài ăn sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác...

Lại có nhóm ma của hàng Trời, nhóm ma của loài Rồng, nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của hàng A Tu La, nhóm ma của loài Kim Xí Điều, nhóm ma của hàng Nghi Thần, nhóm ma của hàng Đại Phúc Hành Thần, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của loài Quỷ ở trong nhà cầu, nhóm ma của loài Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của loài Quỷ hôi thối, nhóm ma của loài Quỷ hôi thối lạ kỳ, nhóm ma của loài Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của loài Quỷ vẹo môi, nhóm ma của loài Quỷ điên cuồng, nhóm ma của loài Quỷ hớp bóng (Ảnh Quỷ), nhóm ma của loài Quỷ khiến cho mất trí nhớ, nhóm ma của hàng Không Hành Nam và Không Hành Nữ, nhóm ma của loài Quỷ nhiễu hại con nít, nhóm ma của loài quỷ có hình như con Linh Dương, nhóm ma của loài Quỷ có hình con chim, nhóm ma của loài Quỷ có hình như loại gia cầm, nhóm ma của loài Quỷ có hình con gà, nhóm ma của loài Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có loài Quỷ gây bệnh sốt rét: một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần, bốn ngày phát một lần

Lại có các thứ bệnh tật như: thường nóng sốt cao, bệnh nóng sốt gây nguy hiểm, bệnh nhiễm gió, bệnh vàng da, bệnh kéo đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cả bệnh

nóng sốt, bệnh đau nhức đầu, bệnh đau nhức nửa đầu, bệnh chẳng ăn được, bệnh đau mắt, bệnh đau miệng, bệnh đau toàn thể thân xác và tâm hồn, bệnh đau tai, bệnh đau răng, bệnh đau tim, bệnh đau đốt xương, bệnh đau hông sườn, bệnh đau lưng, bệnh đau bụng, bệnh đau eo lưng hay hông đít, bệnh đau bắp đùi, bệnh đau ống chân, bệnh đau mắt cá chân, bệnh đau bàn tay, bệnh đau bàn chân, bệnh đau buốt các chi tiết trên thân

Lại có hàng Bộ Đa (Ma Quỷ độc ác), hàng Khởi Thi Quỷ, Không Hàng Nam, Không Hành Nữ

Lại có các loại ung nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do cùi hủi, nhọt ghẻ mọc dày như gai, nhọt do Dời ăn, Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, nhọt do da bị khô nứt, nhọt trĩ

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yếu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng trailātaka, bò cạp, rắn, chồn dữ, sư tử, cọp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sống dưới nước...

Tất cả tật nạn như trên. Dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đinh Kế Đại Năng Điều Phục sẽ khiến cho chúng tự nhiên lui tan Trong vòng 12 Do Tuần, tất cả tai nạn bệnh tật ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay ta kết buộc Giới

Kết buộc khắp mười phương

Ta kết Năng Thắng Minh

Ta kết nhóm ánh sáng (Quang Tụ)

Ta kết buộc bàn tay

Ta kết buộc bàn chân

Ta dùng mọi chi tiết

Kết buộc khắp tất cả

Khiến cho các tật nạn

Chẳng thể xâm nhiễu được

Liên nói Thần Chú là ;

OM \_ A NA LÊ, A NA LÊ \_ VI SÁ ĐÁ, VI SÁ ĐÁ \_ BAN ĐA, BAN ĐA \_ BAN ĐA NI, BAN ĐA NI \_ VAI RA, VA DI-RA BÁ NI, PHẠT \_ HÙM, BỒ-HỒ-RUM, PHẠT \_ XỒ-VA HA

TÁN THÁN CHÚ:

**Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác \_  
Hãy khiến cho con thành tựu Chân Ngôn Cú viên mãn cát tường**

04/ 01/ 2002

ĐẠI PHẬT ĐỈNH NHƯ LAI  
PHÓNG QUANG TẮT ĐÁT ĐA BÁT ĐÁT LA  
BỒ TẮT VẠN HẠNH PHẨM  
QUÁN ĐỈNH BỘ LỤC XUẤT NHẤT DANH:  
TRUNG ÁN ĐỘ NA LAN ĐÀ MAN TRÀ LA  
QUÁN ĐỈNH KIM CƯƠNG ĐẠI ĐẠO TRƯỜNG THẦN CHÚ

Hán dịch: Đồi Đường\_ Thiên Trúc Sa Môn BÁT LẠT MẬT ĐỀ  
Việt dịch: HUYỀN THANH

I \_

- 1) Nam mâu tát đát tha tô già đá gia (Quy mệnh tất cả chư Phật)
- 2) A la ha đế tam miệu tam bồ đà gia (Quy mệnh tất cả Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác)
- 3) Ná mâu tát bà bột đà (Kính lễ tất cả chư Phật)
- 4) Bột đà tát đá phệ (Quy mệnh Bồ Tát tỷ gia)
- 5) Ná mâu tát đá năm tam miệu tam bồ đà câu chi năm (Kính lễ Chính Biến Tri)
- 6) Tát thất la bá ca tăng già năm (Kính lễ Bích Chi Phật và Bạc thuộc 4 quả)
- 7) Ná mâu lô kê a la hát đá năm (Quy mệnh A La Hán Đẳng Chúng)
- 8) Ná mâu tát lỗ đá bán na năm
- 9) Ná mâu tắc yết-lị đà già di năm (Kính lễ Tư Đà Hàm, A Na Hàm Chúng)
- 10) Ná mâu lô kê tam miệu già đá năm (Kính lễ quá khứ vị lai)
- 11) Ná mâu tam miệu bát-la đề bán na năm
- 12) Ná mâu đề bà lị sử năm (Kính lễ 33 Thiên với tất cả hàng Thiên Tiên)
- 13) Ná mâu vi tất đà già vi địa-dã đà la năm (Kính lễ Chú Tiên)
- 14) Ná mâu tát đà vĩ địa-dã đà la, lật sử năm (Kính lễ người trì Chú thành tựu)
- 15) Xá ba noa yết la ha sa ha ma la-đà năm (Nhiếp ác tác thiện)
- 16) Ná mâu bá-la ha-ma nê (Quy mệnh Phạm Thiên)
- 17) Ná mâu nhân đà-la gia (Quy mệnh Đế Thích)
- 18) Ná mâu bà già phộc đế (Quy mệnh Thế Tôn)
- 19) Lỗ đà-la gia (Đại Tự Tại Thiên)
- 20) Ô ma bát đề (Thiên Hậu) Sa hê dạ gia (với hàng quyền thuộc)
- 21) Ná mâu bà già phiệt đế (Thế Tôn)
- 22) Na la diên noa gia (Địa Kỳ Chúng)
- 23) Bán giá ma ha một đà la (Đại Ấn)
- 24) Ná mâu tắc khát-lị đa gia (Đỉnh lễ Thế Tôn)
- 25) Ná mâu bà già phiệt đế, ma ha ca la gia (Đại Hắc Thiên Thần)
- 26) Đề-lị bồ la na già la (cái thành)
- 27) Tỳ đà la bá noa, ca la gia (phá hoại)
- 28) A địa mục đa ca, thi ma xá na, phộc tất bộ (trong rừng Thi Đà)
- 29) Ma đát-lị già noa (Chúng Quỷ Thần)
- 30) Ná mâu tắc khát-lị đa gia
- 31) Ná mâu bà già phiệt đế, đát tha yết đa, câu la gia (Như Lai Tộc)
- 32) Ná mâu bát đầu-ma, câu la gia (Quy mệnh Liên Hoa Tộc Bồ Tát Đẳng)
- 33) Ná mâu phiệt chiết la, câu la gia (Quy mệnh Kim Cương Tộc)

- 34) Na mâu ma ni, câu la gia (Quy mệnh Bảo Tộc)
- 35) Ná mâu già xà, câu la gia (Quy mệnh Chúng Tộc)
- 36) Ná mâu bà già phiệt đế
- 37) Địa-lị trà thân la tây na
- 38) Bát-la ha la noa, la xà gia (Đại mãnh tướng đều cảm khí trượng nhập vào)
- 39) Đát tha yết đa gia (Như Lai)
- 40) Ná mâu bà già phiệt đế
- 41) A di đà bà gia (Vô Lượng Thọ Phật)
- 42) Đát tha yết đa gia
- 43) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia (Ứng Chính Đẳng Giác)
- 44) Ná mâu bà già phiệt đế
- 45) A sô bệ dã (A Súc Như Lai)
- 46) Đát tha yết đa gia
- 47) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia
- 48) Ná mâu bà già phiệt đế
- 49) Tỳ sa xà câu-lỗ phệ lưu ly lị gia (Dược Sư Như Lai)
- 50) Bát-la bà, la xà gia (Quang Vương)
- 51) Đát tha yết đa gia
- 52) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia
- 53) Ná mâu bà già phiệt đế
- 54) Tam bố sát tất đa sa la, la xà dạ (Sa La Hoa Vương)
- 55) Đát tha yết đa gia
- 56) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia
- 57) Ná mâu bà già phiệt đế
- 58) Xá chi-dã mẫu ná duệ (Thích Ca Mâu Ni Phật)
- 59) Đát tha yết đa gia
- 60) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia
- 61) Ná mâu bà già phiệt đế
- 62) Đát la na, câu tô ma (Bảo Hoa)
- 63) Kê bộ, la xà gia (Bảo Tràng Vương)
- 64) Đát tha yết đa gia
- 65) A la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia
- 66) Ná mâu tắc khát-lị đa bá, ế ma hàm, bà già phiệt đa
- 67) Tất đát tha yết đô, ô sắt ni sam (Như Lai Phật Đỉnh)
- 68) Tất đát đa bát đát-lam (Hoa Cái)
- 69) Ná mâu a ba la chi đan (Kính lễ Thị Thần Thắng)
- 70) Bát la đặng nghi la
- 71) Tất phộc bộ đa yết-la ha, ca la ni (tất cả Thần Chúng tác phật)
- 72) Bà la vi địa-dã, chế đà nễ (hay cắt đứt Chú khác)
- 73) A ca la muội-lị trú (hoạnh tử, chết đột ngột)
- 74) Ba lị đát la gia na, yết lị
- 75) Tất phộc bạn đà na, mạo khát xoa na, ca lị (giải thoát tất cả cảm đoán trôi buộc)
- 76) Tất phộc đột sắt-tra (trừ tất cả ác)
- 77) Đột sa bát na, nễ phộc la ni (mộng ác)
- 78) Giả đô la thất đế năm (8 vạn 4 ngàn Chúng Thần)
- 79) Yết la ha, sa ha sa la năm
- 80) Vi đà phòng sa na, yết lị (đánh phá)
- 81) A sắt tra băng thiết đế năm

- 82) Nhược sắt tra năm  
83) Bát-la sa đà na, yết lệ (Chính hành) A sắt-tra năm  
84) Ma ha yết la ha năm (Thần)  
85) Vĩ đà-phòng tát na, yết lệ (đánh phá)  
86) Tát phộc xá đô-lỗ, nễ phộc la ni (trừ tất cả ác)  
87) Cự la năm  
88) Đột thất-phạp bát ná nan, giá na xá ni (trừ khước nghiêm ác)  
89) Tỳ sa, thiết tát đất la (khí trượng)  
90) A kỳ ni (lửa)  
91) Ô đà ca, la ni (nước)  
92) A ba la thị đa, cụ la (Vô năng thắng nghiêm)  
93) Ma ha bạt la chiến noa (sân nộ)  
94) Ma ha đề đá (Hòa Thiên)  
95) Ma ha đế xà (Đại uy)  
96) Ma ha thuế-vĩ đa (Thái Bạch)  
97) Thập-phạt la (quang điểm)  
98) Ma ha bạt la (Đại lực)  
99) Bán trà la, phộc tất nễ (Bạch Phát)  
100) A lệ gia đa la (Thánh Giả)  
101) Tỳ-lị câu tri, chế phộc tỳ xà gia (Tối Thắng Bồ Tát)  
102) Phiệt chiết-la, ma lễ đề, tỳ thân lỗ đa (Tối Toái Kim Cương)  
103) Bát đạp võng ca (giáng phục)  
104) Bạt chiết la, nhi ha phộc giả (Kim Cương Lực Sĩ)  
105) Ma ha chế phộc (tùy nhất toại)  
106) Bát la thất đa (Kim Cương Thần Xử : Cái chày của thần Kim Cương)  
107) Bạt chiết-la đàn trì (Kim Cương Thần Xử)  
108) Tỳ xá la ma giá (Thiên Thần Lực Sĩ)  
109) Phiến đa, xá tỳ đề phộc, bồ thất đa, tô ma lỗ ba (Sân Thân, Nhật Nguyệt Thiên Tử với 28 Tú)
- 110) Ma ha thuế-vĩ đa (Thái Bạch Tinh)  
111) A lệ gia đa la  
112) Ma ha bạt la, a ba la  
113) Bạt chiết-la thương khư yết la, chế bà (Kim Cương Liên Tỏa)  
114) Đất tha (Thiên) bạt chiết la câu ma lệ ca (Kim Cương Đồng Nữ)  
115) Câu lam tha lệ (Kim Cương đồng tử)  
116) Bạt chiết la, ha tát-đá giả (Kim Cương Thủ)  
117) Vĩ địa ca (Đại Minh Chú Tạng)  
118) Càn giá na, ma lệ ca (Tứ Thiên Vương Thái Tử)  
119) Câu tô bà, hát la đất la đất na  
120) Tỳ lỗ giá na, na câu lệ gia  
121) Thao viêm dạ la, ô sắt-ni sa (Phật Đỉnh)  
122) Tỳ chiết lam bà ma la giá (La Sát Thần Nữ)  
123) Bạt chiết la, ca na ca (Kim Cương Sứ Giả)  
124) Bát-la bà, kỳ giá na (Phùng Hoa Thần Chúng : Chúng Thần dâng hoa)  
125) Bạt chiết-la đơn ni giá (Kim Cương nâng núi)  
126) Thuế vĩ đa giá, ca ma la khát-xoa  
127) Xá thí, bát-la bà, ế đế di đế (nhóm như vậy)  
128) Mẫu đà-la ni yết noa (Chúng Ấn)  
129) Sa phệ, sa khát-sám (tất cả hộ cho tôi)

130) Câu la-phạn đô. Ân thổ na mạ mạ (Tôi, tên là...) na tả (nười tụng chú đến chỗ này đều tự xưng tên)

## II

- 131) Ô-hồng, mâu li-sắt, yết noa (Tiên Chúng)
  - 132) Bát-la xá tát đa (Thiện Tướng)
  - 133) Tát đất tha yết đô (tất cả Như Lai)
  - 134) Ô sắt ni sa
  - 135) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
  - 136) Chiêm bà na (Áp lãnh)
  - 137) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
  - 138) Tát đăm bà na (trần hộ)
  - 139) Hô hồng, đốt-lỗ-hồng
  - 140) Bà la vi địa dã, tam bà khát xoa na la
  - 141) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
  - 142) Tát bà bộ sắt tra năm
  - 143) Tắc đăm bà na, yết la (khiết khước tha Chú)
  - 144) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
  - 145) Tát phộc dục xoa (dũng mãnh)
  - 146) Hát la sát sa, yết la ha năm
  - 147) Vĩ đà phòng sa na, yết la (đánh phá)
  - 148) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
  - 149) Giả đô la thi đề năm
  - 150) Yết la ha, sa ha sa la năm ( 8 vạn 4 ngàn Thần Vương Chúng )
  - 151) Tỳ đà phòng sa na, yết la
  - 152) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
  - 153) A sắt-tra vi ma xá đế năm
  - 154) Na khur sa đất la năm
  - 155) Sa la ma đà na, già la
  - 156) Hô-hồng, đốt-lỗ-hồng
  - 157) La sát, la sát (được tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cương, Thiên Tiên đều hộ giúp)
  - 158) Bạc già phạm (Phật)
  - 159) Tát đất tha yết đô, ô sắt ni sa (Phật Đỉnh)
  - 160) Bát la đấng nghi li
  - 161) Ma ha , tát ha tát la, bộ nhi (Thiên Tý Đại Thần: vị Thần có 1000 tay)
  - 162) Sa ha sa la, thất sái (Thiên Đầu: 1000 cái đầu)
  - 163) Câu chi, xá đa, sa ha tát la, ninh đất lê (Bách Thiên Nhân Thần: vị Thần có một trăm ngàn con mắt)
  - 164) A bệ địa dã, thập phộc li đa na tra ca
  - 165) Ma ha bạt chiết lỗ đà la (Đại Luân Kim Cương)
  - 166) Đế li tát phộc na (Tam Thế: 3 đời)
  - 167) Man trà la (Đàn Trường)
  - 168) Ô hồng, sa tát đề
  - 169) Bạc bà đô (cùng tôi bình đẳng)
  - 170) Ân thổ ma ma (Tôi, tên là...)
- ## III
- 171) La xà, bà già (Nạn vua chúa)
  - 172) Chủ la, bà dạ (Nạn giặc cướp)
  - 173) A kỳ ni, bà dạ (Nạn lừa)



- 174) Ô đà ca, bà dạ (Nạn nước)
- 175) Phê sa, bà dạ (Nạn chất độc)
- 176) Xá tát đa la, bà dạ (Nạn dao gậy)
- 177) Ba la chước yết la, bà dạ (Nạn quân binh)
- 178) Đột lật xoa, bà dạ (Nạn đói khát mất mùa)
- 179) A xá nễ, bà dạ (Nạn mưa đá)
- 180) A ca la, mật lật thú, bà dạ (Nạn chết đột ngột, hoạnh tử)
- 181) A đà la ni, bộ di, kiếm ba (Tổng trì địa động, động đất)
- 182) Già ba đá, ba dạ (Nạn nguy hiểm)
- 183) Ô la la ca ba đa, bà dạ (Nạn đường xá)
- 184) La xà đàn trà, bà dạ (Nạn hình phạt của vua chúa)
- 185) Na già, bà dạ (Nạn Rồng gây sợ hãi)
- 186) Vi địa du, bà dạ (Nạn sét đánh)
- 187) Tô bạt lật ni, bà dạ (Nạn Kim Xí Điều)
- 188) Dược xoa, yết la ha
- 189) La sát sa, yết la ha
- 190) Tất lị đá, yết la ha (Quý đói)
- 191) Tỳ xá già, yết la ha (Thần nhà xí)
- 192) Bộ đa, yết la ha (chúng Thần Quỷ)
- 193) Cưu bàn trà, yết la ha (Thủ Cung Phụ Nữ Quỷ)
- 194) Bồ đàn na, yết la ha (Quý hôi thối)
- 195) Yết tra bồ đàn na, yết la ha (Quý hôi thối lạ lùng)
- 196) Tác kiên đà, yết la ha (Cưu Ma La Thiên đồng tử)
- 197) A bà sa ma la, yết la ha (Quý đầu dê)
- 198) Ô đàn ma đà, yết la ha (Nhiệt Quỷ)
- 199) Xa gia, yết la ha (Ảnh Quỷ: Quỷ hợp bóng)
- 200) Lô bà đề, yết la ha (Âm Muru Quỷ)
- 201) Xà đề hạ lị ni (Thực Sơ Sản Quỷ: Quỷ ăn thứ vừa mới sinh đẻ)
- 202) Yết la bà hạ lị bệ (Quỷ ăn bào thai)
- 203) Lô địa hạ lị ni (Quỷ ăn máu huyết)
- 204) Mãng sa hạ lị ni (Quỷ ăn thịt)
- 205) Kế đà hạ lị ni (Quỷ ăn mỡ)
- 206) Ma xà hạ lị ni (Quỷ ăn tủy)
- 207) Xà đa hạ lị ni (Quỷ ăn khí)
- 208) Thị phê đá hạ lị ni (Quỷ ăn thọ mệnh)
- 209) Bà đa hạ lị ni (Quỷ ăn Phong Khí)
- 210) Bá đa hạ lị năm, a du già hạ lị ni (Quỷ ăn thứ Bất Tịnh)
- 211) Chát đa hạ lị ni (Quỷ ăn trái tim)
- 212) Đề sam, tát tỳ sam (Chúng đẳng như vậy)
- 213) Tát phộc yết la ha năm (tất cả Cháp Thần Quỷ)
- 214) Tỳ địa dã (Minh Chú Tạng)
- 215) Sân đà dạ di (trảm phạt tội giả: chém phạt tội lỗi)
- 216) Chi la dạ di (đoạn phạt: chặt đứt trùng phạt)
- 217) Ba lị bạt la chước ca la (Ngoại Đạo)
- 218) Khất-lị chiêm, vĩ địa dã (Minh Chú Tạng)
- 219) Sân đà dạ di
- 220) Chi la dạ di
- 221) Trà chi ni (Hồ My Quỷ)
- 222) Khất-lị chiêm, vi địa dã (Minh Chú)

- 223) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di  
224) Ma ha bát thân đề dạ  
225) Lô đà la (Đại Tự Tại Thiên)  
226) Khất lệ đām, vi địa dã  
227) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di  
228) Na la gia noa gia (Thiên Thân)  
229) Khất lệ đām, vi địa dã (Minh Chú)  
230) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di  
231) Đát đát phộc già lỗ trà (Kim Xí Điều Vương)  
232) Khất-lệ đām, vi địa dã  
233) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di  
234) Ma ha ca la (Đại Hắc Thiên Thân)  
235) Ma đát la già noa, khất lệ đām, vi địa dã  
236) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di  
237) Ca ba lệ ca (Độc Lâu Ngoại Đạo)  
238) Khất lệ đām, vi địa dã  
239) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di  
240) Xà dạ yết la  
241) Mạn độ yết la  
242) Tát bà la tha sa đát ni (cầm giữ tất cả vật)  
243) Khất lệ đām, vi địa dã  
244) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di  
245) Giả đô lật bạc kỳ ni (chị em Thần Nữ)  
246) Khất lệ đām, vi địa dã  
247) Sân đà dạ di  
248) Chỉ la dạ di  
249) Ngu nghi lệ tri (Đấu Chiến Thắng Thần với Khí Trọng)  
250) Nan ni (Ngoại Đạo) Kê thủ bà la (Khổng Tước Vương Khí trọng)  
251) Già na bát đề (Tỳ Na Dạ Ca Vương)  
252) Sa hê dạ (anh em Dã Xoa Vương, 2 người đều lãnh 28 vạn chúng)  
253) Khất lệ đām, vi địa dã  
254) Sân đà dạ di  
255) Chỉ la dạ di  
256) Na diên na, thất la bà noa (Khóa Hình Ngoại Đạo)  
257) Khất lệ đām, vi địa dã  
258) Sân đà dạ di  
259) Chỉ la dạ di  
260) A la ha đa (La Hán)  
261) Khất lệ đām, vi địa dã  
262) Sân đà dạ di  
263) Chỉ la dạ di  
264) Vĩ đát la ca (Khởi Thi Quỷ)  
265) Khất lệ đām, vi địa dã  
266) Sân đà dạ di  
267) Chỉ la dạ di  
268) Bạt chiết la ba nễ (Chấp Kim Cương Thân)  
269) Bạt chiết la ba ni  
270) Cự hê dạ ca (Mật Tích Lực Sĩ)  
271) Địa bát đề (Tổng Quản)

- 272) Khất li đăm, vi địa dĩa  
 273) Sân đà dạ di, chỉ la dạ di  
 274) La xoa, la xoa võng (tất cả chư Phật, Bồ Tát, Thiên Tiên, Long Thần Phương ... hộ giúp)

- 275) Bạc già phạm  
 276) Ấn thổ na ma ma na tả (Tôi, tên là ....)

#### IV

- 277) Bạc già phạm, tát đất tha yết đô , ô sắt ni sa  
 278) Tát đất đa bát đất la (Hoa Cái)  
 279) Nam mô tốt đô đê (Đỉnh lễ)  
 280) A tát đa na la la ca (ánh sáng trắng rõ ràng)  
 281) Bát la bà, tỳ tát phổ tra  
 282) Tỳ ca tát đất đa  
 283) Bát đề li  
 284) Thập phộc la, thập phộc la (Quang diễm: Lửa tỏa ánh sáng)  
 285) Đà la, đà la  
 286) Tần đà la, tần đà la  
 287) Sân đà, sân đà  
 288) Hàm hồng, hàm hồng  
 289) Phán, phán, phán  
 290) Phán tra, phán tra  
 291) Sa bá ha  
 292) Hê hê, phán  
 293) A mâu già gia, phán (Bất Không Đại Sư)  
 294) A bát la đề ha đa, phán (không có chướng ngại)  
 295) Bá la bát la đà, phán (Dữ nguyện)  
 296) A tổ la, tỳ đà la bá ca (Tu La phá bại)  
 297) Tát bá đề phệ tệ, phán (tất cả Thiên Thần)  
 298) Tát bá na na ca bệ, phán (tất cả chúng Rồng)  
 299) Tát bá dược xoa tệ, phán (tất cả Quỷ Thần dũng mãnh)  
 300) Tát bá càn đạt bà tệ, phán (tất cả Thần âm nhạc)  
 301) Tát bá a tổ la tệ, phán  
 302) Tát bá yết lỗ trà tệ, phán  
 303) Tát bá khăn na la tệ, phán  
 304) Tát bá ma hộ la già tệ, phán  
 305) Tát bá la sát sa tệ, phán  
 306) Tát bá ma nỗ sái tệ, phán  
 307) Tát bá a ma nỗ sái tệ, phán  
 308) Tát bá bố đản na tệ, phán  
 309) Tát bá ca tra bố đản na tệ, phán  
 310) Tát bá đột lan chi đế tệ, phán (tất cả Ly Quá)  
 311) Tát bá đột sắt tra tất li khất sử đế tệ, phán  
 312) Tát bá thập bá lê tệ, phán (tất cả ngược tráng nhiệt)  
 313) Tát bá a ba la ma lệ tệ, phán (tất cả Ngoại Đạo xuất)  
 314) Tát bà xa la bá noa tệ, phán  
 315) Tát phộc đề lật sĩ kê tệ , phán  
 316) Tát bồ đất đa đề tệ, phán (tất cả Nội Quỷ)  
 317) Tát bá vi địa dĩa, la thệ già lê tệ, phán (tất cả hàng Trì Chú Bác Sĩ)  
 318) Xa gia yết la, ma độ yết la

- 319) Tát bà la tha sa đà kê tệt, phán (tất cả vật Trì Chú Bác Sĩ)  
 320) Vi địa dã, già lê duệ tệt, phán  
 321) Giả đót la nam bạc kỳ nễ tệt, phán (4 chị em Thần Nữ)  
 322) Bạt chiết la, câu ma lị ca tệt, phán (Kim Cương Đồng Tử)  
 323) Bạt chiết la, câu lam đà lợi tệt, phán  
 324) Vi địa dã, la xà tệt, phán (Chú Vương Đăng)  
 325) Ma ha bát la đăng kỳ sai tệt, phán  
 326) Bạt chiết la, thương yết la dạ, phán (Kim Cương Liên Tỏa)  
 327) Bát la đăng kỳ la, la xà gia, phán  
 328) Ma ha yết la ca, phán (Đại Hắc Thiên Thân)  
 329) Ma ha ma đất-lị già noa gia, phán (Chúng Quỷ)  
 330) Ná mâu tắc yết-lị đa gia, phán  
 331) Tỳ sắt noa vĩ duệ, phán (Tỳ Nữ Thiên Tử)  
 332) Bá la hàm ma ni duệ, phán  
 333) A kỳ ni duệ, phán (Hỏa Thiên)  
 334) Ma ha ca lị duệ, phán (Đại Hắc Thiên Nữ)  
 335) Ca la đàn trì duệ, phán (Đại Quỷ Sứ Hắc Áo Thân)  
 336) Miệt ni lị duệ, phán (Đế Thích)  
 337) Giá văn trì duệ, phán (Nộ Thần)  
 338) Lao đất lị duệ, phán (Sân Nộ Thần)  
 339) Ca la đất lị duệ, phán  
 340) Ca ba lệ duệ, phán  
 341) A địa mục chỉ đa ca, thi ma xá na, bá tất nễ duệ, phán

**V**

- 342) Duệ kế giả noa, tát đất tát đất bá (Nếu có chúng sinh)  
 343) Đột sắt tra, chất đa (Ác Tâm Quỷ)  
 344) Lao trì la, chất đa  
 345) Ô xà ha la (Thực Tinh Khí Quỷ)  
 346) Yết bà ha la (Thực Thai Tạng Quỷ)  
 347) Lao địa la ha la (Thực Huyết Quỷ)  
 348) Mãng sa ha la (Thực Nhục Quỷ)  
 349) Ma xã ha la (Thực Sản Quỷ)  
 350) Xã đa ha la  
 351) Thị vi đa ha la (Thực Thọ Mệnh Quỷ)  
 352) Bá lược gia ha la (Thực Tế Quỷ: Quỷ ăn đồ cúng tế)  
 353) Kiến đà ha la (Thực Hương Quỷ)  
 354) Bồ sắt ba ha la (Thực Hoa Quỷ)  
 355) Phá la ha la (Thực Ngũ Quả Quỷ)  
 356) Tát bả ha la (Thực Ngũ Cốc Chúng Tử)  
 357) Bạ ba chất đa, đột sắt tra chất đa (Ác Tâm Quỷ)  
 358) Lao đà la, chất đa (Sân Tâm Quỷ)  
 359) Đà la chất đa, dược xoa yết la ha  
 360) La sát sa, yết la ha  
 361) Bế lệ đa yết la ha, tỳ xá già yết la ha  
 362) Bộ đa, yết la ha (chúng Thần)  
 363) Cưu bàn trà, yết la ha  
 364) Tắc kiên đà, yết la ha  
 365) Ô đất ma đà, yết la ha  
 366) Xa dạ, yết la ha (Ảnh Quỷ)

- 367) A ba sa ma la, yết la ha (Quý đầu dê như chồn hoang)
- 368) Trạch ca, trà thi ni, yết la ha (My Quỷ, My Nữ Quỷ)
- 369) Lê bà đề, yết la ha (Nảo Nhi Quỷ như con chó)
- 370) Xà nhĩ ca, yết la ha (Như Điều Quỷ)
- 371) Xá câu ni, yết la ha (Như Mã Quỷ)
- 372) Mạn đất la nan đề ca, yết la ha (Như Miêu Quỷ)
- 373) A lam bá, yết la ha (Như Xà)
- 374) Ha nô kiến độ ba ni, yết la ha (Như Kê)
- 375) Thập bá la (Phi Nhiệt Bệnh Quỷ) ế ca kê ca (1 ngày sốt rét 1 lần) đức phệ đề ca (2 ngày phát bệnh 1 lần) đế lệ đế dục ca (3 ngày phát bệnh 1 lần)
- 376) Chiết đốt lật tha ca (4 ngày phát bệnh 1 lần)
- 377) Ni đề thập bá la (Thường Tráng Nhiệt Quỷ)
- 378) Tỳ sa ma thập bá la (Tráng Nhiệt Quỷ)
- 379) Bá đề ca (Phong bệnh) Bôi đề ca (Hoàng Bệnh Quỷ)
- 380) Thất lễ sắt di ca (Đàm bệnh)
- 381) Sa nễ ba đề ca (Ly bệnh : bệnh kiết ly)
- 382) Tát bá thập bá la (tất cả tráng nhiệt: nóng sốt cao)
- 383) Thất lỗ hát la đề (Đầu Thống : Đầu bị đau nhức)
- 384) A la đà bá đề (Bán Đầu Thống : Đau nhức nửa bên đầu)
- 385) A khát sử lô kiềm (Cơ Bất Thực Quỷ)
- 386) Mục khư lô kiềm (Đau miệng)
- 387) Yết lệ đột lô kiềm (Yết Hầu Đông Quỷ)
- 388) Yết la ha du lam (Bệnh đau nhức thân)
- 389) Yết noa du lam (đau tai)
- 390) Đàn đa du lam (đau răng)
- 391) Hiệt lệ đà gia du lam (Đau tim)
- 392) Mạt ma du lam
- 393) Bạt la thất bà du lam (đau hông sườn)
- 394) Bối lệ sắt tra du lam (đau lưng)
- 395) Ô đà la du lam (đau bụng)
- 396) Đàn tri du lam (đau eo lưng)
- 397) Bá tất đế du lam (đau xương mắt cá chân)
- 398) Ô lô du lam (đau bắp chân)
- 399) Thường già du lam (đau cổ tay)
- 400) Hát tất đa du lam (đau bàn tay)
- 401) Ba đà du lam (đau bàn chân)
- 402) Tần già bát la đặng du lam (đau nhức lông của 4 chi)
- 403) Bộ đa phệ đất trà (Khởi Thi Quỷ)
- 404) Trà kỳ ni (My Quỷ)
- 405) Thập bá la, đà đột lô kiến nữ
- 406) Cát tri (Hồ My) Ba lộ đa (Đỉnh sang)
- 407) Phệ tất la ba lỗ ha (Xâm dâm sang) Lãng già (Xích sang)
- 408) Du sa đa la , sa na ca la , tỳ sa dụ ca
- 409) A thi ni (lửa) ô đà ca (nước) Ma la phệ la kiến đa la
- 410) A ca la, mật lật trú (Hoạnh tử: chết đột ngột)
- 411) Đất lệ bộ ca, địa lệ la tra tỳ thất chi ca (loài trùng)
- 412) Tát ba la (rắn)
- 413) Na câu la (cọp, sói)
- 414) Tăng già (Sư tử)

- 415) Phệ tha yết la (Đại Trùng)
- 416) Đát khất xoa (gấu heo)
- 417) Đát la khất xoa mặt la (gấu ngựa ). Thị bá đế sam (nhóm này)
- 418) Tát tỳ sam, tát tỳ sam (tất cả điều nói đây)
- 419) Tát đát đa bát đát la (Hoa Cái)
- 420) Ma ha bát chiết lỗ (Đại Kim Cương Tạng)
- 421) Sất ni sam, ma ha bát la đăng kỳ lam
- 422) Dạ bà đỏa đà xá dụ xã na (cho đến 12 Do Tuần thành Giới Địa)
- 423) Tiện đát lệ noa, tỳ địa dạ, bạn đà, ca lỗ nhĩ (Đại Minh Chú của Ta kết giới cấm phộc trong 12 Do Tuần không cho vào)
- 424) Đế thù, bạn đà, ca lỗ nhĩ (Phật Đỉnh Quang Tụ kết phộc, chẳng được vào trong Giới)
- 425) Ba la vĩ địa dã, bạn đà, ca lỗ nhĩ (hay cột trời tất cả Quỷ Thần ác)
- 426) Đát điệt tha (liên nói Chú là)
- 427) **Án**
- 428) **A na lệ, tỳ xá đề**
- 429) **Bệ la**
- 430) **Bạt chiết la**
- 431) **A lị bàn đà**
- 432) **Tỳ đà nễ**
- 433) **Bạt chiết la ba ni, phán**
- 434) **Hô-hông**
- 435) **Đốt-lỗ-hông**
- 436) **Sa bá ha**
- 437) **Án, hông**
- 438) **Tỳ lỗ đề**
- 439) **Sa bá ha**

18/01/1999

**ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ**  
(Bản ghi trong Kinh Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đê)

Phục hồi và dịch nghĩa Phạm Văn: HUYỀN THANH

**I. HỘI THỨ NHẤT:**

नमो सत्त्वगतये सुगतये सुकृत सम्यक्सुवृतये

NAMO STATHĀGATĀYA SUGATĀYA ARHATE

SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो सर्व बुद्धये बोधिसत्वेभ्यः

NAMAḤ SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVEBHYAḤ

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

नमो सप्तानाम् सम्यक्सुबुद्धोत्तमानाम् सप्तैवकसंघानाम्

NAMO SAPTĀNĀM SAMYAKSAMBUDDHA KOṬĪNĀM\_ SAŚRĀVAKA

SAMGHĀNĀM

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

नमो लोके अरहन्तानाम्

NAMO LOKE ARHANTĀNĀM

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

नमो स्रोतपन्नानाम्

NAMO SROTĀPANNĀNĀM

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

नमो सुकृतगतयेभ्यः

NAMO SUKRTĀGĀMINĀM

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

नमो अनगमिनयेभ्यः

NAMO ANĀGĀMINĀM

Quy mệnh Chúng Bất Hoàn Quả

नमो लोके सम्यग्गतयेभ्यः सम्यक्प्रतिपन्नानाम्

NAMO LOKE SAMYAGGATĀNĀM SAMYAK-PRATIPANNĀNĀM

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và Chúng đạt bốn Hương trong Thế Gian

नमो देवै र्षीन्

NAMO DEVA RṢĪNĀM

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

नमो सिद्धे विद्ये धारानाम्

NAMO SIDDHA-VIDYĀ-DHĀRĀNĀM

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh

नमो सिद्धे विद्ये धारा र्षीन् सप्तैवकसंघानाम्

NAMO SIDDHA-VIDYĀ-DHĀRA-RṢĪNĀM\_ ŚAPĀNU GRAHĀ SAHASRA

MATHĀNĀM

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp Ác Tác Thiện

नमो बुद्धये

NAMO BRAHMANĒ  
Quy mệnh chúng Phạm Thiên

नम ःह्य

NAMO INDRĀYA  
Quy mệnh chúng Đế Thích Thiên

नम नगव न इह्य इमपग मरुय

NAMO BHAGAVATE RUDRĀYA UMĀPATĪ SAHEYĀYA  
Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyền thuộc

नम नगव न इयलय चरमरुसु न नमपु न नमसुनय

NAMO BHAGAVATE NĀRAYANĀYA PAṂCA-MAHĀ-MUDRA  
AKĀMA-PUTRA NAMASKRTĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

नम नगव न मरुनय वृपु नग वरु चमरुय मरुसुन  
शुन वरु मरुग नमसुनय

NAMO BHAGAVATE MAHĀ-KĀLĀYA TRPURA-NAGARA  
VIDARAPAṂA-KĀRĀYA\_ ADHIMUKTIKA ŚMA-ŚĀNA-VĀSINI MĀTRGAṂA  
NAMASKRTĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

नम नगव न नगनकुय

NAMO BHAGAVATE TATHĀGATĀ-KULĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

नम पयकुय

NAMO PADMA-KULĀYA

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

नम वकुकुय

NAMO VAJRA-KULĀYA

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

नम मकुकुय

NAMO MAṂI-KULĀYA

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

नम गरकुकुय

NAMO GARJA-KULĀYA

Quy mệnh Khó Tàng Bộ Tộc

नम नगव न इरुसुन न चरुम इरुय ननगननरु न  
मसुनवकुय

NAMO BHAGAVATE DRDHA-ŚURASENA-PRAHARAṂA-RĀJĀYA  
TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kịch Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नम नगव न मरुनरुय ननगननरु न मसुनवकुय

NAMO BHAGAVATE AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नम नगव न मरुसुय ननगननरु न मसुनवकुय



NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमो भगवते अक्षयुतुतु वसुतु वसु इत्य नमो नमः  
समुक्षु वसु

NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA-GURU-VAIDURYA-PRABHA-  
RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमो भगवते संघुचोन सवुतु इत्य नमो नमः समुक्षु वसु

NAMO BHAGAVATE SAMPUṢPĪTĀ-SĀLENDRA-RĀJĀYA  
TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमो भगवते सखुसुमय नमो नमः समुक्षु वसु

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYA-MUNĀYE TATHĀGATĀYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमो भगवते इवकुसुमकतु इत्य नमो नमः समुक्षु वसु

NAMO BHAGAVATE RATNA-KUSUMA-KETU-RĀJĀYA  
TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

ॐ नमः

EBHYO NAMAḤSKRTVA

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

ॐ नमो भगवते स्थागता-उन्निषा-सितापत्राम नामा

IDĀM BHAGAVATE STATHĀGATA-UṢNĪṢA-SITĀTAPATRAM NAMAḤ

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

सुपरेण वसु

APARĀJITAM PRATYUNḠIRA

Ngài là Vô Năng Thắng Thậm Năng Điều Phục Mẫu

सर्व भूता ग्राहा निग्राहा करि

SARVA BHŪTA GRAHĀ NIGRAHĀ KARĪM

Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

पारविद्या च्छेदना करि

PARAVIDYĀ CCHEDANA KARĪM

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

सर्व मृत्यु प्रसामना करि

AKĀLA-MṚTYU PRAŚAMANA KARĪM

Ngài hay chặn đứng sự chết yếu không đúng thời

सर्व बन्धन मुक्षना करि

SARVA BANDHANA MUKṢANA KARĪM

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

सर्व दुष्ट दुःख निवृत्ति

SARVA DUṢṬA DUḤ-SVAPNA NIVĀRANĪM

Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác  
 चतुरासितिनम ग्राह साहस्रानाम विध्वंसना करिम्  
 CATUR ASITĪNĀM GRAHĀ SAHASRĀNĀM VIDHVAMŚANA KARĪM  
 Ngài hay tòi hoai tám mươi bốn ngàn phiền não  
 अष्टविंशतिनाम नक्षत्रानाम प्रसादाना करिम्  
 AṢṬA-VIMŚATĪNĀM NAKṢATRĀNĀM PRASĀDANA KARĪM  
 Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ  
 अस्तानाम महा-ग्राहानाम विध्वंसना करिम्  
 AṢṬĀNĀM MAHĀ-GRAHĀNĀM VIDHVAMŚANA KARĪM  
 Ngài hay tòi hoai tám phiền não lớn  
 सर्व शत्रु निवारिन्  
 SARVA ŚATRŪ NIVĀRANĪM  
 Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia  
 गुरु दुःखघ्नं वन्दयेत्  
 GURĀM DUḤ-SVAPNANĀMCA NĀŚANĪM  
 Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu nặng nề  
 विषा, सास्त्रा, अग्नि, उदाका उत्थानिम्  
 VIṢA ,ŚĀSTRA, AGNI, UDAKA UTTRANĪM  
 Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước...  
 अपारजिता अगुरा  
 APARĀJITA AGURĀ  
 Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu  
 महा बला वन्दयेत्  
 MAHĀ-BALĀ-CANḌĀNĀM  
 Đại Lực Sân Nộ Mẫu  
 महा दीप  
 MAHĀ-DĪPTĀM  
 Đại Uy Quang Mẫu  
 महा तेज  
 MAHĀ-TEJĀM  
 Đại Uy Diệu Mẫu  
 महा श्वेता ज्वाला  
 MAHĀ-ŚVETA-JVALA  
 Đại Bạch Quang Diễm Mẫu  
 महा बला श्रीया  
 MAHĀ-BALĀ-ŚRĪYA  
 Đại Lực Cát Tường Mẫu  
 पण्डिता वसिन्  
 PĀṆḌARA-VĀSINĪM  
 Bạch Y Mẫu  
 अर्या तारा  
 ĀRYA-TĀRĀ  
 Thánh Cứu Độ Mẫu  
 बृहकुत्  
 BHRKUTĪM  
 Phần Nộ Mẫu  
 सर्व शत्रुघ्नं वन्दयेत्

CIVA-VIJAYA-VAJRA-MĀLATI VIŚRŪTĀM

Phổ Mãn Tỏi Thắng Kim Cương Man Mầu

८५ ५५

PADMA-AGMAM

Liên Hoa Chiên Tướng Mầu

८५ ५५

VAJRA-JIHVAKAH

Kim Cương Thiệt Mầu

८५ ५५

MĀLA-CIVA-APARĀJITĀH

Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mầu

८५ ५५

VAJRA-DANḌI VIŚALAKA

Kim Cương Bông Thiên Thần Lực Sĩ Mầu

८५ ५५

ŚĀNTĀ-VAIDEHĀ-PŪJITĀH

Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Đường Mầu

८५ ५५

SAUMI-RŪPA MAHĀ-ŚVETĀ

Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mầu

८५ ५५

ĀRYA-TĀRĀ MAHĀ-BALĀH

Thánh Cứu Độ Đại Lực Mầu

८५ ५५

APARA-VAJRA-ŚAṅKARA CIVAH

Tỏi Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mầu

८५ ५५

VAJRA-KAUMĀRĪH KULANDHARĪ

Kim Cương Đông Nữ Trì Tinh Nữ Mầu

८५ ५५

VAJRA-HASTAKA

Kim Cương Thủ Mầu

८५ ५५

VIDYA-KAMPANA-MĀLIKAH

Minh Chú Niệm Châu Mầu

८५ ५५

KUSUMBHA-RATNA-CIVA

Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mầu

८५ ५५

VAIROCANA-CODĀRTHA-UṢNĪṢA

Biển Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mầu

८५ ५५

VIJRMBHA-MĀNADA-VAJRA

La Sát Thần Nữ Kim Cương Mầu

८५ ५५

KANAKA-PRABHĀ-LOCANĀH

Kim Quang Nhãn Mầu

वज्र तुण्डिका

VAJRA-TUNDĪKA

Kim Cương Chúc Mẫu

श्वेता

ŚVETAKA

Bạch Sắc Mẫu

कमलक्ष

KAMALĀKṢA

Liên Hoa Nhãn Mẫu

शशि प्रभा

ŚAŚI-PRABHĀ

Nguyệt Quang Mẫu

इत्येते मुद्रा-गणाः सर्वे रक्षाम् कुरवतु मामाया

ITYETE MUDRA-GAṆAH SARVE RAKṢAM\_ KURVATTU MAMAŚYA

Hét thấy Ân Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con

इधना मामाया

INDHANA MAMAŚYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

**II. HỘI THỨ HAI :**

ॐ रुषीगण प्रसादा तथगत उष्णिसाम हृम त्रुम

OM\_ RŚĪ-GAṆA PRAŚASTA TATHĀGATA-UṢṆĪŚĀM\_ HŪM TRŪM

Quy mệnh chúng tử HŪM, TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai

Đỉnh Ké

जम्बहाना हृम त्रुम

JAMBHANA\_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường nghiền nát mọi nghiệp tội

शम्भहाना हृम त्रुम

STAMBHANA\_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường uy trấn hộ trì thân căn

पराविद्या सम्भक्षणा-कारा हृम त्रुम

PARAVIDYĀ SAMBHAṢṢAṆA-KARA\_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường hoàn thiện các Minh Chú khác

सर्व दुष्टा सम्भहाना-कारा हृम त्रुम

SARVA DUṢṬĀM STAMBHANA-KARA\_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường trấn ngự các điều ác

सर्व यक्षा रक्षसा ग्राहानाम विधवामसाना-कारा

SARVA YAKṢA RĀKṢASA GRAHĀṆĀM VIDHAVAMŚANA-KARA\_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường tột hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não

चतुर-असितनाम ग्राहा साहस्रानाम विधवामसाना-कारा

CATUR-AŚĪTĪNĀM GRAHĀ SAHASRĀṆĀM VIDHAVAMŚANA-KARA\_ HŪM TRŪM

Với HŪM TRŪM thường tột hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

रक्ष रक्ष

RAKṢA RAKṢA

Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh

भगवं

BHAGAVAM

Đức Thế Tôn

स्यगताउष

STATHĀGATA-UṢNĪṢA

Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Ké Mẫu

प्रत्युंगिरे

PRATYUNĠGIRE

Điều Phục Mẫu

महासहस्रभुजे

MAHĀ-SAHASRA-BHŪJE

Đại Thiên Tý Mẫu

सहस्रसिंघ

SAHASRA-ŚIRṢAI

Thiên Đầu Mẫu

कोटीशतसहस्रनेत्रे

KOṬI-ŚATA-SAHASRĀ-NETRE

Úc Bách Thiên Nhãn Mẫu

अभेद्याज्ज्वलितानाटादाका महावज्रोदारा

ABHEDYA-JVALI TANATADĀKA MAHĀ-VAJRODĀRA

Nội Diễm Cụ Chủng Tượng Đại Kim Cương Phúc Mẫu

त्रिभुवनमण्डल

TRBHUVANA-MANḌALA

Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

ॐ स्वस्त्यस्तु

OM\_ SVASTIRBHAVATU

Hãy khiến cho đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

इन्द्रममथ

INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

### III. HỘI THỨ BA:

राजा भया

RĀJA BHAYA

Nạn vua chúa

कोरा भया

CORA BHAYA

Nạn giặc cướp

अग्नि भया

AGNI BHAYA

Nạn lửa thiêu đốt

उदाका भया

UDAKA BHAYA

Nạn nước cuốn trôi

विष भया

VIṢA BHAYA

Nạn thuốc độc

शस्त्र भय

ŚASTRA BHAYA

Nạn dao gậy

परचक्र भय

PARACAKRA BHAYA

Nạn quân binh

दुर्भिक्ष भय

DURBHIKṢA BHAYA

Nạn đói khát

शूल भय

AŚANI BHAYA

Nạn sấm sét

शकल मृत्यु भय

AKĀLA-MṚTYU BHAYA

Nạn chết không đúng thời

धरणी भूमि कंप भय

DHARANĪ BHŪMI-KAMPA BHAYA

Nạn động đất

उल्कापतन भय

ULKOPĀTI BHAYA

Nạn trên đường đi nguy hiểm

राजदण्ड भय

RĀJA-DANḌA BHAYA

Nạn bị hình phạt của vua chúa

नाग भय

NĀGA BHAYA

Nạn do loài Rồng gây hại

विद्युत् भय

VIDYU BHAYA

Nạn sét đánh

सुपर्ण भय

SUPARṆI BHAYA

Nạn do loài Kim Xí Điều gây ra

यक्ष ग्रह

YAKṢA GRAHĀ

Hàng Dạ Xoa gây ra điều ma quái (Dạ Xoa Túy)

राक्षस ग्रह

RĀKṢASA GRAHĀ

Điều ma quái của hàng La Sát (La Sát Túy)

प्रेत ग्रह

PRETA GRAHĀ

Nga Quỷ Túy

पिषाच ग्रह

PIŚĀCA GRAHĀ

Thực Huyết Nhục Quỷ Túy

भूता ग्रह

BHŪTA GRAHĀ

Hóa Sinh Quỷ Túy  
 कुम्भग्रह  
 KUMBHAṆḌA GRAHĀ  
 Ung Hình Quỷ Túy  
 पुतनग्रह  
 PŪTANA GRAHĀ  
 Xú Quỷ Túy  
 कटपुतनग्रह  
 KAṬA-PŪTANA GRAHĀ  
 Kỳ Xú Quỷ Túy  
 स्कन्दग्रह  
 SKANDA GRAHĀ  
 Điều ma quái của loài Quỷ vẹo môi ( Thiên Thần Quỷ Túy)  
 अपस्मारग्रह  
 APASMĀRA GRAHĀ  
 Kiện Vong Quỷ Túy  
 उन्मदाग्रह  
 UNMĀDA GRAHĀ  
 Điên Cuồng Quỷ Túy  
 चक्षुग्रह  
 CCHĀYĀ GRAHĀ  
 Ảnh Quỷ Túy  
 रवग्रह  
 REVATI GRAHĀ.  
 Não Nhi Quỷ Quỷ  
 उर्जाग्रह  
 ŪRJA AHĀRIṆYĀ  
 Loài ăn tinh khí  
 गर्भग्रह  
 GARBHA AHĀRIṆYĀ  
 Loài ăn bào thai  
 रूधिरग्रह  
 RUDHIRA AHĀRIṆYĀ  
 Loài ăn máu huyết  
 मंसग्रह  
 MAṆSA AHĀRIṆYĀ  
 Loài ăn thịt  
 मृदग्रह  
 MEDA AHĀRIṆYĀ  
 Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ  
 मज्जाग्रह  
 MAJJA AHĀRIṆYĀ  
 Loài ăn xương tủy  
 जटग्रह  
 JĀTA AHĀRIṆYĀ  
 Loài ăn sinh khí  
 शरीरग्रह

JĪVITA AHĀRINYĀ

Loài ăn Thọ Mệnh

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

VĀNTA AHĀRINYĀ

Loài ăn hơi thở ra vào

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

VAŚA AHĀRINYĀ

Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

AŚUCYA AHĀRINYĀ

Loài ăn thứ bất tịnh

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

CITTA AHĀRINYĀ

Loài ăn tâm thức

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

TEŚĀM SARVEŚĀM\_ SARVA-GRAHĀNĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

PARIBRĀJAKA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

DĀKINĪ KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

MAHĀ-PASŪPATI, RUDRA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

NĀRĀYAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

TATVA GARUDA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điều

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

MAHĀ-KĀLA MĀTR-GAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

KĀPALIKA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀺𑀓

JAYA-KARA MADHU-KARA SARVĀRTHA-SĀDHANA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI



Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tụ Tất cả Nghĩa Lợi

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

CATUR-BHAGINĪ KRTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của bốn chị em Thần Nữ

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
BHRMGIRIṬIKA NANDIKĒŚVARA GAṆA-PATI SAHEYA KRTĀM  
VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Đâu Chiên Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyền thuộc của họ

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAGNA-ŚRAMAṆA KRTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của nhóm Ngoại Đạo Lỏa Thê

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

ARHANTA KRTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Sát Tặc

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

VETĀLA-GAṆA KRTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của chúng Khởi Thi Quỷ

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

VAJRAPĀṆI-GUHYAKA-ADHIPATI KRTĀM VIDYĀM CCHINDHA  
YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

RAKṢA RAKṢA MĀM\_ BHAGAVAM

Con xin Đức Thê Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV\_HỘI THỨ TƯ:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

BHAGAVAM STATHĀGATA-UṢNĪṢA-SITĀTAPATRA NAMOSTUTE

Quy mệnh kính lễ Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Bạch Tản Cái Thê Tôn

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ASITA ANALA ARĀKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA  
SITĀTAPATREḤ\_ JVALA JVALA\_ DARA DARA\_ VIDARA VIDARA\_  
CCHINDA CCHINDA\_ HŪM HŪM HŪM HŪM HŪM\_ PHAT PHAT PHAT  
PHAT PHAT\_ SVĀHĀ

Asita anala arākaḥ prabha sphuṭa vikaca sitātapatreḥ jvala jvala: Ngọn lửa linh thiêng màu trắng lóe ánh sáng thẳng tắp tròn đầy lóng lánh rực rỡ, là ánh lửa của Bạch Tản Cái phóng tỏa chiếu sáng

Dara dara: Giáng phục

Vidara vidara: Giáng phục khắp

Cchinda cchinda: Cắt đứt sự trói buộc bên trong và bên ngoài

**Hūm hūm hūm hūm hūm:** Chúng tử chỉ sự khùng bố các chướng ngại

**Phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ:** Phá bại Tham Sân Si Mạn Nghi

**Svāhā:** Quyết định thành tựu

𑖀𑖀 𑖀𑖀

HEHE PHAṬ

Hô Triệu phá bại

𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

AMOGHĀYA PHAṬ

Bất Không Thiên Sứ phá bại

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

APRATIHAṬĀYA PHAṬ

Phá bại không chướng ngại

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

VARA PRADĀYA PHAṬ

Nguyện ban cho phá bại

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

ASURA VIDARAPAKĀYA PHAṬ

Phá bại sự đốt cháy hủy hoại của A Tu La (Phi Thiên)

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀: 𑖀𑖀

SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả Thiên Chúng

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀: 𑖀𑖀

SARVA NĀGEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Rồng

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀: 𑖀𑖀

SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀: 𑖀𑖀

SARVA GANDHARVEBHYAṬ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Càn Thát Bà (Hương Thực Thần)

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀: 𑖀𑖀

SARVA ASUREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng A Tu La (Phi Thiên)

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀: 𑖀𑖀

SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAḤ

Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điều

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀: 𑖀𑖀

SARVA KIMNAREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Khẩn Na La (Nghi Thần)

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀: 𑖀𑖀

SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ma Hầu La Già (Đại Phúc Hành Thần)

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀: 𑖀𑖀

SARVA RĀKṢASEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng La Sát

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀: 𑖀𑖀

SARVA MANUṢYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả lỗi người

सर्वमनुष्यभ्यः फट्

SARVA AMANUṢYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Phi Nhân

सर्वपुत्रभ्यः फट्

SARVA PŪTANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ

कटपुत्रभ्यः फट्

KATAPŪTANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ

सर्वदुर्लम्भभ्यः फट्

SARVA DURLAMGHYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ngô Tương Quá (kẻ có lỗi do tương sai lầm)

सर्वदुष्प्रेक्षभ्यः फट्

SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ngô Kiến Quá (kẻ có lỗi do nhìn thấy sai lầm)

सर्वज्वरेभ्यः फट्

SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quỷ

सर्वअस्मारेभ्यः फट्

SARVA APASMĀREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quỷ

सर्वश्रमणभ्यः फट्

SARVA ŚRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Trì Chú

सर्वगैरिष्येभ्यः फट्

SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

सर्वउन्मदेभ्यः फट्

SARVA UNMĀDEBHYAṬ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Điên Cuồng Quỷ

सर्वविद्यारज्येभ्यः फट्

SARVA-VIDYĀ-RĀJA-CĀRYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh

जयकारि मधुकारि सर्वार्थसाधनेभ्यः फट्

JAYA-KARA, MADHU-KARA, SARVĀRTHA-SĀDHANE BHYAḤ PHAṬ

Phá bại hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu

विद्यारज्येभ्यः फट्

VIDYĀ-CĀRYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Minh Hạnh

चतुर्भगिणीभ्यः फट्

CATUR-BHAGINĪBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ

वज्रकुम्भिकाभ्यः फट्

VAJRA-KAUMĀRĪKEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Kim Cương Đòng Nữ

वज्रकुम्भिकाभ्यः फट्

VAJRA-KULANDHARĪBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Kim Cương Trì Tính Nữ

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩 𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩 𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

VIDYĀ-RĀJEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Minh Vương

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩 𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

MAHĀ-PRATYUṄGIREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Đại Điều Phục

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩 𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

VAJRA-ŚAṄKARĀYA PHAṬ

Phá bại hàng Kim Cương Tỏa

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩 𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

MAHĀ-PRATYUṄGIRA-RĀJĀYA PHAṬ

Phá bại hàng Đại Điều Phục Vương

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

MAHĀ-KĀLĀYA MĀTR-GAṆA NAMAḤSKRTĀYA PHAṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

VIṢṆAVĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Tỳ Nữu Mẫu Thiên

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

BRAHMĪNĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

AGNIYE PHAṬ

Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

KĀLA-DANḌĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Quỷ Súc Hắc Ao Thần Nữ

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

AINDRIYE PHAṬ

Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

CAMUNḌĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Nộ Thần Nữ

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

RAUDRĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Phần Nộ Thần Nữ

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

KĀLA-RĀTRĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

𑖔𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩

KĀPALĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

अधिमुक्तोक्ता स्मशाना-वासिनीये फाट्

ADHIMUKTOKA ŚMAŚĀNA-VĀSINĪYE PHAT

Phá bại hàng Âm Nữ vui thích ở gò mả và chôn hoang vắng

इन्धना ममस्य

INDHANA MAMAŚYA

Nguyên hầy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V HỘI THỨ NĂM:

येके चित्त-सत्वा ममा

YEKE CITTĀ-SATVA MAMA

Phàm có Hữu Tinh khởi tâm đối với ta

दुष्ट-चित्त

DUṢṬA-CITTĀ

Tâm độc ác

रौद्र-चित्त

RAUDRA-CITTĀ

Tâm phần nộ

उरु-आहार

ŪRJA AHĀRĀ

Loài ăn tinh khí

गर्भ-आहार

GARBHA AHĀRĀ

Loài ăn bào thai

रुधिर-आहार

RUDHIRA AHĀRĀ

Loài ăn máu huyết

मज्जा-आहार

MAJJA AHĀRĀ

Loài ăn Xương tủy

जात-आहार

JĀTA AHĀRĀ

Loài ăn sinh khí

जीवित-आहार

JĪVITA AHĀRĀ

Loài ăn thọ mệnh

बाल्या-आहार

BALYA AHĀRĀ

Loài ăn sức lực

गन्ध-आहार

GANDHA AHĀRĀ

Loài ăn mùi thơm

पुष्पा-आहार

PUṢPA AHĀRĀ

Loài ăn bông hoa

फल-आहार

PHALA AHĀRĀ

Loài ăn quả trái

सस्य अहारः  
 SASYA AHĀRĀ  
 Loài ăn hạt giống  
 पाप चित्तः  
 PĀPA-CITTĀ  
 Tâm tội lỗi  
 दुष्ट चित्तः  
 DUṢṬA-CITTĀ  
 Tâm độc ác  
 रौद्र चित्तः  
 RAUDRA-CITTĀ  
 Tâm giận dữ  
 मूढ चित्तः  
 AMAITRA-CITTĀ  
 Tâm không hiền lành  
 यक्ष ग्रहः  
 YAKṢA-GRAHĀ  
 Dạ Xoa Túy  
 रक्षस ग्रहः  
 RĀKṢASA-GRAHĀ  
 La Sát Túy  
 प्रेत ग्रहः  
 PRETA-GRAHĀ  
 Nga Quỷ Túy  
 पिशाच ग्रहः  
 PIŚĀCA-GRAHĀ  
 Xí Trung Quỷ Túy  
 भूत ग्रहः  
 BHŪTA-GRAHĀ  
 Hóa Sinh Quỷ Túy  
 कुम्भ ग्रहः  
 KUMBHĀṆDA-GRAHĀ  
 Ung Hình Quỷ Túy  
 स्कन्द ग्रहः  
 SKANDA-GRAHĀ  
 Thiên Thần Quỷ Túy  
 उन्मत्त ग्रहः  
 UNMĀDA-GRAHĀ  
 Điên Cuồng Quỷ Túy  
 कक्ष्य ग्रहः  
 CCHĀYĀ-GRAHĀ  
 Ảnh Quỷ Túy  
 अपस्मार ग्रहः  
 APASMĀRA-GRAHĀ  
 Kiện Vong Quỷ Túy  
 दाक दकिनी ग्रहः  
 DĀKA-DĀKINĪ-GRAHĀ

Không Hành Quỷ Túy  
 १४७ ॥  
 REVATI-GRAHĀ  
 Não Nhi Quỷ Túy  
 १४८ ॥  
 JANĠHIKĀ-GRAHĀ  
 Như Linh Dương Quỷ Túy  
 १४९ ॥  
 ŚAKUNI-GRAHĀ  
 Điều Hình Quỷ Túy  
 १५० ॥  
 NANDIKĀ-GRAHĀ  
 Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy  
 १५१ ॥  
 LAMBIKA-GRAHĀ  
 Như Kê Hình Quỷ Túy  
 १५२ ॥  
 KA᠅TAPĀ᠅NI-GRAHĀ  
 Loài ma của hàng quỷ có bàn tay đầy gai  
 १५३ ॥  
 JVARA  
 Quỷ gây bệnh nóng sốt  
 १५४ ॥  
 EKĀHIKĀ  
 Một ngày phát bệnh một lần  
 १५५ ॥  
 DVAITYAKĀ  
 Hai ngày phát bệnh một lần  
 १५६ ॥  
 TRETYAKĀ  
 Ba ngày phát bệnh một lần  
 १५७ ॥  
 CATURTHAKĀ  
 Bốn ngày phát bệnh một lần  
 १५८ ॥  
 NITYĀ-JVARA  
 Luôn luôn nóng sốt cao  
 १५९ ॥  
 VI᠅AMA-JVARA  
 Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm  
 १६० ॥  
 VĀTIKĀ  
 Phong bệnh  
 १६१ ॥  
 PAITTIKĀ  
 Bệnh vàng da  
 १६२ ॥

ŚLEṢMIKĀ  
 Bệnh đàm rãi  
 संश्लेषिक  
 SAMNIPATIKĀ  
 Bệnh do mọi thứ hòa hợp  
 सन्निपतिक  
 SARVA-JVARĀ  
 Tất cả bệnh nóng sốt  
 सर्वाज्वर  
 ŚIRORTTI  
 Bệnh đau nhức đầu (Đầu thống)  
 शिरोरति  
 ARDHĀVABHADAKA  
 Bệnh đau nhức nửa đầu  
 अर्धवभदाक  
 AROCAKA  
 Bệnh chẳng ăn được  
 अरोकाक  
 AKṢI ROGAM  
 Bệnh đau mắt  
 अक्षिरोग  
 MUKHA ROGAM  
 Bệnh đau miệng  
 मुखरोग  
 HRDROGAM  
 Bệnh đau toàn thể con người  
 हृद्रोग  
 GRAHĀ ŚŪLAM  
 Đau nhức do Ma Quỷ gây ra  
 ग्रहशूल  
 MARMAN ŚŪLAM  
 Đau buốt xương  
 मर्मणशूल  
 PĀRŚVA ŚŪLAM  
 Đau hông sườn  
 पार्श्वशूल  
 PRṢṬA ŚŪLAM  
 Đau lưng  
 प्रष्ठशूल  
 UDARA ŚŪLAM  
 Đau bụng  
 उदरशूल  
 KAṬI ŚŪLAM  
 Đau eo lưng, đau mông đít  
 कटिशूल  
 VASTI ŚŪLAM  
 Đau mắt cá chân



ऊरु सुलम्

ŪRU ŚŪLAM

Đau bắp đùi

जाम्घा सुलम्

JAMGHA ŚŪLAM

Đau ống chân

हस्ता सुलम्

HASTA ŚŪLAM

Đau bàn tay

पादा सुलम्

PĀDA ŚŪLAM

Đau bàn chân

सर्वगप्रत्युङ्गिरा सुलम्

SARVAGĀPRATYUṄGIRA ŚŪLAM

Đau buốt tất cả chi thể trên thân không thể chữa khỏi

भूता वेताल

BHŪTA VETĀLA

Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ

दकिनी

DĀKINĪ

Không Hành Nữ

ज्वर

JVARA

Nhọt do bị thiêu đốt

दत्रु

DATRŪ

Nhọt do cùi hủi

कण्ट्यु

KANṬYU

Nhọt ghè mọc dày như gai

किट्टि

KIṬṬI

Nhọt do dòi ăn , nhọt do ở bần

बहिलोत्तवै

BHAILOTĀVAI

Đinh Sang

सर्पालोहा

SARPALOHĀ

Xâm Dâm Sang

लिंग

LINGA

Xích Sang

शोषात्र

ŚOṢATRĀ

Nhọt do da khô nứt

सागरा

SAGARĀ

Nhọt trĩ  
 𑀅𑀲𑀓𑀢𑀺𑀭  
 VIṢAYOGA  
 Cỏ Độc  
 𑀭𑀺𑀓  
 AGNI  
 Lửa  
 𑀅𑀲𑀓  
 UDAKA  
 Nước  
 𑀭𑀺𑀓 𑀲𑀺𑀓 𑀲𑀺𑀓  
 MARA-VELA-KĀNTĀRA  
 Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)  
 𑀲𑀺𑀓 𑀲𑀺𑀓  
 AKĀLA-MṚTYU  
 Chết yếu không đúng thời  
 𑀲𑀺𑀓  
 TRAIMUKHA  
 Loài trùng có 3 cái miệng  
 𑀲𑀺𑀓  
 TRAILĀṬAKA  
 Một loài mòng  
 𑀲𑀺𑀓  
 VṚŚCIKA  
 Bò cạp  
 𑀲𑀺𑀓  
 SARPA  
 Rắn  
 𑀲𑀺𑀓  
 NAKULA  
 Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn  
 𑀲𑀺𑀓  
 SIMHA  
 Sư tử  
 𑀲𑀺𑀓  
 VYĀGHRA  
 Cọp  
 𑀲𑀺𑀓  
 RIKṢA  
 Gấu ngựa  
 𑀲𑀺𑀓  
 TARARIKṢA  
 Gấu heo  
 𑀲𑀺𑀓  
 CAMARA  
 Loài bò Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

𑖀𑖄𑖁𑖀

JIVIKA

Loài sống dưới nước

𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀

TEṢĀM SARVEṢĀM\_ SITĀTAPATRA MAHĀ-VAJRA-UṢNĪṢAM MAHĀ-PRATYUṆGIRAM

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan

𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀

YĀBA DVĀDAŚA-YOJANA ABHYANTARĪṆA

Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀

VIDYA BANDHAM KARA-UMI

Tôi kết buộc Minh Chú

𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀

TEJA BANDHAM KARA-UMI

Tôi kết buộc nhóm ánh sáng

𑖄𑖀𑖄𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀

PRAVIDYA BANDHAM KARA-UMI

Tôi kết buộc Năng Thắng Minh

𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀

𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀 𑖀𑖄𑖁𑖀

TADYATHĀ: OM\_ ANALE VISUDDHE\_ VĪRA VAJRA-DHĀRI\_ BANDHA BANDHANI\_ VAJRAPĀṆI PHAT\_ HŪM TRŪM PHAT\_ SVĀHĀ\_ OM HŪM VISUDDHE SVĀHĀ

**Tadyatha:** Liền nói Chú là

**Anale:** Ngọn lửa linh thiêng, năng lực siêu phàm

**Vi'suddhe:** Khiến cho thanh tịnh

**Vīra:** Tinh tiến dũng mãnh

**Vajradhāri:** Trì Kim Cương

**Bandha:** Cột trói , cột buộc

**Bandhani:** Cột trói

**Vajrapāṇi:** Kim Cương Thủ

**Phat :** Phá bại

**Hūm:** Chúng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề

**Ṭrūm:** Chúng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

**Phat:** Phá bại

**Svāhā:** Quyết định thành tựu

**Om:** Ba Thân quy mệnh

**Hūm:** Tâm Bồ Đề

**Vi'suddhe :** Khiến cho thanh tịnh

**Svāhā:** Thành tựu cát tường

Hiệu chỉnh lại chỗ sai sót xong vào ngày 09/02/2013

## PHẬT NÓI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TAM MUỘI \_QUYỀN THƯỢNG\_

Hán dịch: Đời Hậu Tần\_Nước Quy Tư\_ Tam Tạng CƯU MA LA THẬP  
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự trong núi Kỳ Xà Quật tại thành Vương Xá cùng với Đại Tỷ Kheo Tăng gồm ba vạn hai ngàn người đến dự.

Bồ Tát Ma Ha Tát gồm bảy vạn hai ngàn người mà ai cũng đã biết, đều được Đà La Ni, thành tựu biện tài nói năng không tận, an trụ Tam Muội mà chẳng động chuyển, khéo hay biết hết Tuệ không có tận, được **Nhẫn** của Pháp sâu xa, vào Pháp Môn thâm sâu. Ở trong vô lượng a tăng kỳ kiếp đã tu Pháp lành thấy đều thành tựu. Tồi phục chúng Ma, giáng phục các oán địch, nhiếp lấy cõi Phật tối tôn nghiêm tịnh, có Đại Từ Bi, các tướng nghiêm thân. Nơi Đại Tinh Tiên được đến bờ kia, khéo biết tất cả ngôn từ phương tiện, đầy đủ hạnh uy nghi trong sạch. Xong rồi được trụ vào ba Môn giải thoát, dùng Trí không ngại thông đạt ba đời, phát tâm quyết định chẳng buông bỏ tất cả, nghĩ nhớ nghĩa thú, kham nhẫn Trí Tuệ. Các vị Bồ Tát ấy đều có Đức Độ như vậy.

Tên các vị ấy là: **Chuyên Bất Thoái Pháp Luân Bồ Tát, Phát Tâm Tức Chuyển Pháp Luân Bồ Tát, Vô Ngại Chuyển Pháp Luân Bồ Tát, Ly Cấu Tịnh Bồ Tát, Trừ Chư Cái Bồ Tát, Thị Tịnh Uy Nghi Kiến Giai Ái Hỷ Bồ Tát, Diệu Tướng Nghiêm Tịnh Vương Ý Bồ Tát, Bất Cuồng Nhất Thiết Chúng Sinh Bồ Tát, Vô Lượng Công Đức Hải Ý Bồ Tát, Chư Căn Thường Định Bất Loạn Bồ Tát, Thật Âm Thanh Bồ Tát, Nhất Thiết Thiên Tán Bồ Tát, Đà La Ni Tự Tại Vương Bồ Tát, Biện Tài Trang Nghiêm Bồ Tát, Văn Thủ Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Tu Di Đỉnh Vương Bồ Tát, Hải Đức Bảo Nghiêm Tịnh Ý Bồ Tát, Đại Nghiêm Tịnh Bồ Tát, Đại Tướng Bồ Tát, Quang Tướng Bồ Tát, Quang Đức Bồ Tát, Tịnh Ý Bồ Tát, Hỷ Vương Bồ Tát, Kiên Thế Bồ Tát, Kiên Ý Bồ Tát**

Bồ Tát Ma Ha Tát của nhóm như vậy gồm bảy vạn hai ngàn người với hết thầy Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương và các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, Phi Nhân... của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới mà ai cũng đã biết, phần lớn đã gieo trồng căn lành, ưa thích Đại Pháp đều đến tập hội.

Bấy giờ **Kiên Ý Bồ Tát** (Dṛḍha-mati) ở trong Đại Hội, tác lời niệm này: “Nay Ta sẽ hỏi Đức Như Lai. Dùng câu hỏi ấy muốn thủ hộ hạt giống của Phật, hạt giống của Pháp, hạt giống của Tăng khiến cho các cung Ma bị che lấp chẳng thể hiện ra. Tồi phục kẻ Tăng Thượng Mạn tự cao. Vì người gieo trồng căn lành, nay khiến cho gieo trồng. Người đã gieo trồng căn lành, sẽ khiến cho tăng trưởng. Nếu có người chưa phát Tâm **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác), sẽ khiến cho phát Tâm. Người đã phát Tâm, sẽ khiến cho chẳng bị thoái chuyển. Người đã thoái chuyển, sẽ khiến cho mau được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Người tính gộp mọi điều có được... trụ vào các Kiến, thấy đều khiến cho phát Tâm xa lìa. Người ưa thích Pháp nhỏ, khiến cho chẳng nghĩ ngờ Pháp lớn. Người ưa thích Pháp lớn, khiến cho sinh vui vẻ”

Tác niệm đó xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con muốn ở trong Pháp của Như Lai, có chút điều cần hỏi. Nguyên xin nghe hứa cho”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Tùy theo điều ông hỏi. Ta sẽ giải nói khiến cho ông vui về”

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Phải chăng có Tam Muội hay khiến cho Bồ Tát mau được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thường được chẳng lìa, gặp thấy chư Phật, hay dùng ánh sáng chiếu khắp mười phương, được Tuệ tự tại dùng phá các Ma, được Trí tự tại, được Trí tự nhiên, được Trí Vô Sinh, hay chẳng tùy theo kẻ khác mà được, chẳng bị chặt đứt biện tài, tận bờ mé vị lai được Như Ý Túc thọ nhận mạng vô lượng. Người ưa thích Thanh Văn là Thanh Văn Thừa, người ưa thích Bích Chi Phật là Bích Chi Phật Thừa, người ưa thích Đại Thừa thì gọi là Đại Thừa. Thông đạt Pháp của Thanh Văn mà chẳng vào Thanh Văn Đạo, Thông đạt Pháp của Bích Chi Phật mà chẳng vào Bích Chi Phật Đạo, thông đạt Pháp của Phật mà rốt ráo chẳng diệt tận. Thị hiện hình sắc uy nghi của Thanh Văn mà bên trong chẳng lìa Tâm Bồ Đề của Phật, thị hiện hình sắc uy nghi của Bích Chi Phật mà bên trong chẳng lìa Tâm Đại Bi của Phật. Dùng sức Tam Muội **Như Huyền** thị hiện hình sắc uy nghi của Như Lai. Dùng sức của căn lành thị hiện ở ngay trên Trời Đâu Suất, hiện nhận thân sau, nhập vào bào thai, sơ sinh, xuất gia, ngồi ở Đạo Trường của Phật. Dùng sức Tuệ thâm sâu, hiện chuyển bánh xe Pháp. Dùng sức phương tiện, hiện nhập vào Niết Bàn. Dùng sức Tam Muội, hiện phân chia Xá Lợi. Dùng sức của Bản Nguyên, hiện Pháp diệt tận.

Dạ thưa! Bạch Đức Thế Tôn! Hành Tam Muội nào, hay khiến cho Bồ Tát thị hiện các việc Công Đức như vậy mà rốt ráo chẳng nhập vào Niết Bàn?”

Đức Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát rằng: “Lành thay! Lành Thay Kiên Ý! Hay hỏi Như Lai về nghĩa như vậy. Nên biết ông hay làm nhiều việc nhiều ích an vui cho chúng sinh, thương xót Thế Gian, lợi an Trời Người. Bồ Tát của đời này, đời sau được nương nhờ lợi ích. Nên biết ông đã gieo trồng sâu căn lành, cúng dường gần gũi vô lượng trăm ngàn ức Phật đời quá khứ, hành khắp các Đạo, giáng phục Ma Oán, ở trong Phật Pháp được Trí tự tại, giáo hóa thù hộ các chúng Bồ Tát, đã biết tất cả Pháp Tạng của chư Phật, từng ở hàng hà sa đẳng cõi Phật thành tựu việc hỏi đáp.

Này Kiên Ý! Như Lai ở trong Chúng Hội này chẳng thấy có Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà với các Thanh Văn, người cầu Bích Chi Phật nào có thể thưa hỏi như vậy. Chỉ có bậc Đại Trang Nghiêm của các ông mới có thể phát ra câu hỏi như vậy. Nay ông hãy lắng nghe ! hãy khéo nghĩ nhớ, Ta sẽ vì ông, các Bồ Tát thành tựu Tam Muội được Công Đức đó lại qua chôn này”

Kiên Ý bạch Phật rằng: “Con vui nguyện muốn nghe”

Đức Phật bảo: “Này Kiên Ý! Có **Tam Muội** (Samādhi) tên là **Thủ Lăng Nghiêm** (Śuraṃgama). Nếu có Bồ Tát được Tam Muội đó, như ông đã hỏi, đều hay thị hiện ở Bát Niết Bàn mà chẳng diệt hẳn. Bày các hình sắc mà chẳng hoại sắc tướng. Đạo khắp tất cả quốc độ của chư Phật mà ở quốc độ không có chỗ phân biệt. Thấy hay được gặp tất cả chư Phật mà chẳng phân biệt. Pháp Tính bình đẳng thị hiện hành khắp tất cả các Hạnh mà hay khéo biết các Hạnh trong sạch. Là bậc tối tôn tối thượng nơi các Trời Người mà chẳng tự cao kiêu mạn phóng dật. Hiện hành tất cả sức tự tại của Ma mà chẳng dựa theo việc Ma đã làm. Đi khắp trong tất cả ba cõi mà ở Pháp tướng không có chỗ động chuyển. Thị hiện sinh khắp ở trong các lối nẻo mà chẳng phân biệt tướng có các nẻo. Khéo hay giải nói tất cả Pháp Cú, dùng các ngôn từ mở bày nghĩa ấy mà biết văn tự nhập vào tướng bình đẳng, nơi các ngôn từ không có chỗ phân biệt. Thương ở tại Thiên Định mà hiện giáo hóa chúng sinh. Hành ở Tận Nhẫn, Vô Sinh Pháp Nhẫn

mà nói các Pháp có tướng sinh diệt. Bước đi một mình không có sợ hãi giống như sư tử”

Khi ấy trong Hội, các hàng Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương, tất cả Đại Chúng đều tác niệm là: “Chúng ta do chưa từng nghe tên gọi của Tam Muội đó, huống chi được nghe, giải nói nghĩa ấy. Nay đến gặp Phật mong được Thiện Lợi, đều cùng được nghe nói tên gọi của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện cầu Phật Đạo, nghe nghĩa thú của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, tin hiểu chẳng nghi, nên biết người ấy đều chẳng bị thoái chuyển nơi Phật Đạo, huống chi tin xong, thọ trì đọc tụng, vì người khác nói, tu hành như nói”

Thời các Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương đều tác niệm là: “Nay chúng ta vì Đức Phật Như Lai bày tòa Sư Tử, tòa Chính Pháp, tòa Đại Thượng Nhân, tòa Đại Trang Nghiêm, tòa Đại Chuyển Pháp Luân... rồi thỉnh Đức Như Lai ngồi trên tòa của ta, nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Người người trong đó, mỗi mỗi đều ở vị trí của mình, chỉ có ta vì Đức Phật bày tòa Sư Tử còn người khác thì chẳng thể làm”

Bấy giờ Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương đều vì Đức Như Lai bày tòa sư tử cao lớn đoan nghiêm thanh tịnh trang trọng với bày vô lượng áo báu. Ở trên Tòa ấy thầy đều dương dựng mọi lọng báu màu nhiệm, lại dùng mọi vật báu làm lan can. Ở bên trái Tòa có vô lượng cây báu với cành lá chen nhau, xếp thành hàng tương xứng với nhau. Các cây phượng, phan, trướng, trướng báu lớn rủ xuống. Mọi vật báu xen kẽ nhau, treo các chuông báu. Bên trên tán rải đủ mọi loại hoa màu nhiệm. Chư Thiên đốt mọi thứ hương thơm xông ướp. Vàng, bạc, mọi báu tỏa ánh sáng xen nhau. Mọi loại nghiêm tịnh không có gì không có đủ. Trong khoảng khắc ở trước mặt Đức Như Lai có tám vạn bốn ngàn ức Tòa Sư Tử báu đều ở tại Chúng Hội mà không hề gây chướng ngại cho nhau

Mỗi một vị Thiên Tử chẳng nhìn thấy Tòa khác, mỗi mỗi đều tác niệm là: “Riêng mình ta vì Đức Phật bày tòa Sư Tử. Đức Phật sẽ ở trên tòa của Ta, nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Thời các Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương bày Tòa xong rồi, đều bạch Phật rằng: “Nguyện xin Đức Như Lai ngồi trên tòa của con, nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Tức thời Đức Thế Tôn hiện đại thần lực, ngồi khắp trên tám vạn bốn ngàn ức Tòa. Chư Thiên mỗi mỗi đều thấy Đức Phật ngồi trên Tòa do mình an bày mà chẳng nhìn thấy Tòa khác.

Có một vị Đế Thích nói với vị Đế Thích khác rằng: “Ông hãy xem, Đức Như Lai ngồi trên tòa của tôi”

Như vậy Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương đều cùng nhau nói là: “Ông nhìn xem, Đức Như Lai ngồi trên Tòa của tôi”

Có một vị Đế Thích nói: “Nay Đức Như Lai chỉ ngồi trên tòa của tôi chứ chẳng ngồi tại tòa của ông”

Bấy giờ Đức Như Lai biết các Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương có duyên đời trước (tức duyên) đáng độ, lại muốn hiện chút ít thế lực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, cũng vì thành tựu Hạnh Đại Thừa cho nên khiến các Chúng Hội đều thấy Đức Như Lai ngồi khắp trên tám vạn bốn ngàn ức na do tha tòa Sư Tử báu.

Tất cả Đại Chúng đều rất vui vẻ được điều chưa từng có, đều từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay lễ Phật, rồi đều nói lời này: “Lành thay! Đức Thế Tôn có uy thần vô lượng khiến cho các **Thiên Tử** (Deva-putra) đều mãn ước nguyện. Các Thiên Tử ấy đã

vì Đức Như Lai tạo làm Tòa ngò, nhìn thấy thần lực của Đức Phật đều phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đều bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chúng con vì muốn cúng dường Đức Như Lai, diệt trừ khổ não của tất cả chúng sinh, thủ hộ Chính Pháp chẳng cho đứt mất hạt giống Phật. Vì thế cho nên đều phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nguyên khiến cho chúng con ở đời vị lai thành Phật có sức uy thần như vậy, biến hiện như Đức Như Lai đã làm ở ngày nay”

Khi ấy Đức Phật khen các Thiên Tử rằng: “Lành thay! Lành thay! Như ông đã nói, vì lợi ích cho tất cả chúng sinh nên phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây là sự cúng dường Như Lai lớn nhất”

Thời trong Phạm Chúng có một vị Phạm Vương tên là **Đẳng Hạnh** bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Đức Như Lai của nhóm nào mới là chân thật, là vị ngò trên tòa của con hay là vị ngò trên tòa khác?”

Đức Phật bảo: “Này Đẳng Hạnh! Tất cả các Pháp đều **trống rỗng** (Sūnya:không) như huyễn, theo sự hòa hợp mà có hay không có. Sự tạo tác đều từ tướng nhớ phân biệt mà khởi, do không có chủ cho nên tùy ý mà ra. Các Như Lai đó đều là chân thật. Tại sao là thật? Các Như Lai đó vốn tự chẳng sinh, vì thế là thật. Các Như Lai đó: ngày nay, ngày sau cũng không có, vì thế là thật. Các Như Lai đó chẳng phải vay mượn bốn Đại, vì thế là thật. Các Uân, Nhập, Giới đều không có chỗ nhiếp lấy, vì thế là thật. Các Như Lai đó như chẳng đầu, khoảng giữa, chặng cuối không có sai biệt, vì thế là thật.

Này Phạm Vương ! Các nhóm Như Lai đó không có sai biệt. Tại sao thế ? Các Như Lai đó dùng hình chất (Sắc) **Như** (Tathā) cho nên ngang bằng. Dùng cảm giác (thọ), tri giác (tưởng), hoạt động tâm ý (hành), nhận thức (thức) **Như** (Tathā) cho nên ngang bằng. Các Như Lai đó dùng đời quá khứ **Như** (Tathā) cho nên ngang bằng. Dùng đời vị lai **Như** (Tathā) cho nên ngang bằng. Dùng đời hiện tại **Như** (Tathā) cho nên ngang bằng. Dùng Pháp Như Huyền cho nên ngang bằng. Dùng Pháp như bóng ảnh cho nên ngang bằng. Dùng Pháp không có sở hữu cho nên ngang bằng. Dùng Pháp không có chỗ theo đến cho nên ngang bằng. Chính vì thế cho nên Như Lai có tên là **Bình Đẳng**

Như tất cả Pháp ngang bằng, các Như Lai đó cũng lại như vậy. Như tất cả chúng sinh ngang bằng, các Như Lai đó cũng lại như vậy. Như chư Phật của tất cả Thế Gian ngang bằng, các Như Lai đó cũng lại như vậy. Như tất cả Thế Gian ngang bằng, các Như Lai đó cũng lại như vậy. Chính vì thế cho nên chư Phật có tên là Bình Đẳng

Này Phạm Vương! Các Như Lai đó chẳng vượt qua tất cả các Pháp **Như** cho nên gọi tên là Bình Đẳng

Phạm Vương nên biết. Như Lai thấy đều biết tất cả các Pháp bình đẳng như vậy. Chính vì thế cho nên Như Lai ở tất cả Pháp, có tên là Bình Đẳng”

Đẳng Hạnh Phạm Vương bạch Phật rằng: “Thật chưa từng có! Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai được các Pháp **ngang bằng** đó xong, dùng sắc thân màu nhiệm hiện bày (thị hiện) cho chúng sinh”

Đức Phật nói: “Này Phạm Vương! Đó đều là **Sở Trí** thuộc thế lực Bản Hạnh của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Do việc đó cho nên Như Lai được các Pháp ngang bằng xong thì dùng sắc thân màu nhiệm hiện bày cho chúng sinh”

Lúc nói Pháp đó thời Đẳng Hạnh Phạm Vương với một vạn Phạm Thiên ở trong các Pháp được **Nhu Thuận Nhẫn**

Bấy giờ Đức Như Lai thân Thần Lực lại thi chư Phật với tòa ngò đều chẳng hiện ra, tất cả Chúng Hội chỉ thấy có một Đức Phật

Khi ấy Đức Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát: “Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội (Śuraṅgama-samādhī) chẳng phải là chỗ đắc được của Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa, Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. Chỉ có Bồ Tát trụ tại Thập Địa mới có thể đắc được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó.

Nhóm nào là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội? Ấy là:

- 1\_ Tu trì Tâm giống như hư không
- 2\_ Quán sát các Tâm của chúng sinh hiện tại
- 3\_ Phân biệt các căn **Lợi, Độn** của chúng sinh
- 4\_ Quyết định biết hết nhân quả của chúng sinh
- 5\_ Ở trong các Nghiệp, biết không có nghiệp báo
- 6\_ Vào mọi loại Lạc Dục, vào xong chẳng quên
- 7\_ Hiện biết vô lượng mọi loại các Tính
- 8\_ Thường Năng Du Hý Hoa Âm Tam Muội, Năng Thị Chúng Sinh Kim Cương Tâm Tam Muội, tất cả Thiền Định tự tại tùy ý
- 9\_ Quán khắp tất cả nơi đến của các Đạo
- 10\_ Đối với Túc Mệnh Trí, được không có chỗ ngăn ngại
- 11\_ Thiên Nhân không bị ngăn che
- 12\_ Được Lưu Tận Trí, chẳng phải thời chẳng chứng
- 13\_ Nơi Sắc, Vô Sắc được Trí **Đẳng Nhập**
- 14\_ Nơi tất cả sắc, thị hiện du hý
- 15\_ Biết các âm thanh giống như tướng của tiếng vang vọng lại
- 16\_ Thuận vào Niệm Tuệ
- 17\_ Hay dùng lời khéo khiến chúng sinh ưa thích
- 18\_ Tùy ứng nói Pháp
- 19\_ Biết đúng thời, chẳng đúng thời
- 20\_ Hay chuyên các căn
- 21\_ Nói Pháp chẳng hư dối
- 22\_ Thuận vào Chân Tế
- 23\_ Khéo hay nhiếp phục các loại chúng sinh
- 24\_ Thấy hay đầy đủ các Ba La Mật
- 25\_ Uy nghi tiến, dùng chưa từng có khác
- 26\_ Phá các nhớ tưởng, hư vọng phân biệt
- 27\_ Chẳng hoại Pháp Tính tận bờ mé ấy
- 28\_ Một lúc hiện thân trụ tất cả chỗ của Phật
- 29\_ Hay giữ gìn tất cả Pháp mà Phật đã nói
- 30\_ Ở khắp trong các Thế Gian, tự tại biến thân giống như ảnh hiện
- 31\_ Khéo nói các Thừa độ thoát chúng sinh, thường hay hộ trì Tam Bảo chẳng dứt
- 32\_ Phát Đại Trang Nghiêm tận bờ mé vị lai mà Tâm chưa từng có tướng mệt mỏi
- 33\_ Ở khắp tất cả các nơi sinh ra thường hay hiện thân tùy thời chẳng dứt
- 34\_ Ở các nơi sinh ra, bày có chỗ tạo làm
- 35\_ Khéo hay thành tựu tất cả chúng sinh
- 36\_ Khéo hay hiểu biết tất cả chúng sinh
- 37\_ Tất cả Nhị Thừa chẳng thể đo lường
- 38\_ Khéo hay biết đủ các phần âm thanh
- 39\_ Hay khiến cho tất cả các Pháp lớn mạnh
- 40\_ Hay khiến cho một kiếp làm A Tăng Kỳ Kiếp
- 41\_ A tăng kỳ kiếp khiến làm một kiếp
- 42\_ Hay khiến cho một đất nước nhập vào a tăng kỳ đất nước



- 43\_ A tãng kỳ đất nước nhập vào một đất nước  
44\_ Vô lượng cõi Phật nhập vào một lỗ chân lông  
45\_ Tất cả chúng sinh bày vào một thân  
46\_ Hiểu các cõi Phật đồng như hư không  
47\_ Thân hay biến đến cõi Phật không dư sót  
48\_ Khiến cho tất cả thân nhập vào Pháp Tính đều khiến cho không có thân  
49\_ Tất cả Pháp Tính thông đạt không có tướng (vô tướng)  
50\_ Khéo hay biết hết tất cả phương tiện  
51\_ Một âm đã nói thảy hay thông đạt tất cả Pháp Tính  
52\_ Diễn nói một câu hay đến vô lượng a tãng kỳ kiếp  
53\_ Khéo quán tất cả Pháp Môn sai biệt  
54\_ khéo biết **đồng, dị, lược, rộng** nói Pháp  
55\_ Khéo biết vượt qua tất cả Ma Đạo  
56\_ Phóng ánh sáng Trí Tuệ của phương tiện lớn  
57\_ Nghiệp thân khẩu ý ... dùng Trí Tuệ làm đầu  
58\_ Không hành Thần Thông thường hiện ngay trước mặt  
59\_ Dùng bốn Trí Vô Ngại khiến cho tất cả chúng sinh vui vẻ  
60\_ Hiện sức Thần Thông, thông tất cả Pháp Tính  
61\_ Hay dùng Nhiếp Pháp, nhiếp khắp chúng sinh  
62\_ Hiểu các Ngũ Ngôn của chúng sinh trong Thế Gian  
63\_ Đối với Pháp Như Huyền, không có sự nghi ngờ  
64\_ Khắp tất cả nơi sinh ra, đều hay tự tại  
65\_ Vật cần dùng đều tùy ý, không có thiếu  
66\_ Tự tại thị hiện tất cả chúng sinh  
67\_ Đối với việc Thiện, Ác đều đồng ruộng Phước  
68\_ Được vào Pháp bí mật của tất cả Bồ Tát  
69\_ Thường phóng ánh sáng chiếu soi Thế Giới không dư sót  
70\_ Trí ấy sâu xa không thể tính được  
71\_ Tâm ấy giống như Đất, Nước, Lửa, Gió  
72\_ Khéo đối với chương cú ngôn từ của các Pháp mà chuyển bánh xe Pháp  
(Pháp Luân)  
73\_ Đối với **Như Lai Địa** (Tathāgata-bhūmi) không có chỗ chướng ngại  
74\_ Tự nhiên mà được Vô Sinh Pháp Nhẫn  
75\_ Được Tâm như thật, các phiền não cấu không thể gây ô nhiễm được  
76\_ Khiến tất cả nước nhập vào một lỗ chân lông mà chẳng quấy rối Tính của  
nước  
77\_ Tu tập vô lượng Phước Đức, căn lành  
78\_ Khéo biết tất cả phương tiện hồi hướng  
79\_ Khéo hay hành khắp tất cả các Hạnh Bồ Tát  
80\_ Phật, tất cả Pháp, Tâm... được an ổn  
81\_ Đã được xa lìa bản thân của Nghiệp đời trước (túc nghiệp)  
82\_ Hay vào Pháp Tạng bí mật của chư Phật  
83\_ Thị hiện tự ban cho du hý các Dục  
84\_ Nghe vô lượng Pháp, hay giữ gìn đầy đủ  
85\_ Cầu tất cả Pháp, tâm không chán bỏ  
86\_ Thuận các Pháp ở đời mà chẳng nhiễm ô  
87\_ Ở vô lượng kiếp vì người nói Pháp đều khiến cho nói là như chỉ qua một bữa  
ăn.

89\_ Thị hiện mọi loại lung gù, tàn tật, què chân, đi khắp khênh, điếc tai, mù lòa, câm ngọng... để hóa độ chúng sinh

89\_ Trăm ngàn Mật Tích Kim Cương Lực Sĩ thường theo hộ vệ

90\_ Tự nhiên hay quán biết các Phật Đạo

91\_ Hay ở một niệm, bày nhận tuổi thọ của vô lượng vô số kiếp

92\_ Hiện hành tất cả Nghi Pháp của Nhị Thừa mà bên trong chẳng buông bỏ các Hạnh Bồ Tát

93\_ Tâm ấy khéo rỗng lặng, không có tướng

94\_ Đối với các kỹ nhạc hiện tự vui thích mà bên trong chẳng buông bỏ Niệm Phật Tam Muội

95\_ Hoặc thấy hoặc nghe với tiếp chạm cùng trụ đều hay thành tựu vô lượng chúng sinh

96\_ Hay đối với niệm niệm, bày thành Phật Đạo, tùy theo Bản Sở Hóa khiến được giải thoát

97\_ Thị hiện vào thai, lúc mới sinh ra

98\_ Xuất gia, thành tựu Phật Đạo

99\_ Chuyên bánh xe Pháp

100\_ Nhập vào Đại Diệt Độ mà chẳng diệt hẳn

Này Kiên Ý! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, như vậy vô lượng thấy hay bày tất cả Thần Lực của Phật, vô lượng chúng sinh đều được nhiều ích

Này Kiên Ý! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Chẳng thể dùng một việc, một duyên, một nghĩa mà có thể biết. Tất cả Thiên Định, Giải Thoát, Tam Muội, Thần Thông, Như Ý Vô Ngại, Trí Tuệ đều nhiếp ngay trong Thủ Lăng Nghiêm. Ví như hồ, suối, sông nhỏ, sông lớn, các giòng chảy đều nhập vào biển lớn. Như vậy hết thảy Thiên Định của Bồ Tát đều ở tại Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có đại dũng tướng, bốn loại binh thầy đều theo hầu

Này Kiên Ý! Như vậy hết thảy Tam Muội Môn, Thiên Định Môn, Biện Tại Môn, Giải Thoát Môn, Đà La Ni Môn, Thần Thông Môn, Minh Giải Thoát Môn. Các Pháp Môn đó thảy đều nhiếp tại Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Tùy có Bồ Tát hành Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thì tất cả Tam Muội thảy đều tùy thuận theo.

Này Như Ý! Ví như lúc Chuyển Luân Thánh Vương đi thời có bảy báu đều theo. Như vậy Kiên Ý! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có tất cả Pháp Trợ Bồ Đề thảy đều tùy theo. Chính vì thế cho nên Tam Muội này có tên là **Thủ Lăng Nghiêm**”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, chẳng hành cầu tài mà đem bố thí hết thảy vật báu, thức ăn uống, quần áo, voi, ngựa, xe cộ trong Đại Thiên Thế Giới với các biển lớn, cung Trời, Nhân Gian... Mọi vật của nhóm như vậy đều tự tại đem cho. Đây đều là Sở Trí của Bản Công Đức, hưởng chi dùng Thần Lực tùy ý tạo làm. Đây gọi là Bản Sự Quả Báo **Đàn Ba La Mật** (Dāna-pāramitā) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, chẳng thọ Giới lại, đối với Giới chẳng động. Vì muốn giáo hóa các chúng sinh cho nên hiện thọ trì các uy nghi của Giới Hạnh, là có chỗ phạm diệt trừ tội lỗi mà bên trong thanh tịnh, thường không có khuyết mất. Vì muốn giáo hóa các chúng sinh cho nên sinh ở cõi Dục làm Chuyển Luân Vương có các chúng cung nữ cung kính vây quanh, hiện có vợ con, năm Dục, tự phóng túng mà bên trong thường tại Thiên Định Tịnh Giới, khéo hay thấy hết lỗi lầm của ba Hữu.

Này Kiên Ý! Đây gọi là Bồ Tát trụ Bản Sự Quả Báo **Thi Ba La Mật** (Śīla-pāramitā: Giới Ba La Mật) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, tu hành Nhẫn Nhục trọn đủ hết, cho nên chúng sinh chẳng sinh mà tu nơi Nhẫn, các Pháp chẳng khởi mà tu nơi Nhẫn, Tâm không có hình sắc mà tu nơi Nhẫn, chẳng được Ta Người mà tu nơi Nhẫn, chẳng niệm sinh tử mà tu nơi Nhẫn, dùng Tính Niết Bàn mà tu nơi Nhẫn, Pháp Tính chẳng hoại mà tu nơi Nhẫn. Bồ Tát tu hành Nhẫn Nhục như vậy mà không có chỗ tu cũng không có gì không tu, vì hóa độ chúng sinh sinh ở **cõi Dục** (Kāma-dhātu: Dục Giới) hiện có sân nộ mà bên trong thanh tịnh, hiện hành xa lìa mà không có xa gần, vì chúng sinh hoại uy nghi của đời mà chưa từng hoại Tính của các Pháp, hiện có chỗ Nhẫn mà không có Pháp, thường định chẳng hoại có thể dùng để **Nhẫn**. Bồ Tát thành tựu Nhẫn Nhục như vậy vì chặt đứt tâm ác nhiều giận dữ của chúng sinh mà thường khen ngợi Phước của Nhẫn Nhục, cũng lại chẳng được giận dữ nhẫn nhục

Này Kiên Ý! Đây gọi là Bồ Tát trụ Bản Sự Quả Báo **Sạn Đề Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā: Nhẫn Nhục Ba La Mật) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, phát đại tinh tiến được các Pháp lành mà chẳng phát động Nghiệp của thân khẩu ý. Vì người lười biếng mà hiện hành tinh tiến, muốn khiến chúng sinh tùy theo bất chước sự học của Ta mà đối với các Pháp không có phân phát không có thọ nhận. Tại sao thế? Vì Bồ Tát đều biết tất cả các Pháp thường trụ Pháp Tính chẳng đến chẳng đi. Như vậy xa lìa hành của Thân Khẩu Ý mà hay thị hiện phát hành tinh tiến, cũng chẳng thấy Pháp có người thành tựu. Hiện ở Thế Gian phát hành tinh tiến nhưng ở bên trong bên ngoài không có chỗ tạo làm. Thường hay đi đến vô lượng nước Phật nhưng nơi thân tướng bình đẳng chẳng động Hiện bày phát hành tất cả Pháp lành nhưng đối với các Pháp chẳng được Thiện Ác. Hiện hành câu Pháp có nơi hỏi nhận nhưng đối với Phật Đạo chẳng tùy theo Giáo khác. Hiện hành gần gũi Hòa Thượng các Thầy nhưng làm tất cả các **Tôn của Trời Người** (Thiên Nhân Tôn). Hiện cần thỉnh hỏi nhưng bên trong tự được Biện Tài không có chướng ngại. Hiện hành cung kính nhưng làm nơi kính ngưỡng của tất cả Trời Người. Hiện vào bào thai nhưng đối với các Pháp không có chỗ nhiễm ô. Hiện có sinh ra nhưng đối với các Pháp chẳng thấy sinh diệt. Hiện làm trẻ con nhưng các Căn của thân thảy đều đầy đủ. Hiện hành kỹ nghệ, y phương (nghề làm thuốc), văn chương, toán số, công xảo sự năng... nhưng bên trong trước nay thảy đều thông đạt. Hiện có bệnh khổ nhưng đã lìa hẳn các tật bệnh phiền não. Hiện bày suy yếu già nua nhưng ở trước nay các căn chẳng hoại. Hiện bày có chết nhưng chưa từng có sinh diệt lùi mất

Này Kiên Ý! Đây gọi là Bồ Tát trụ Bản Sự Quả Báo **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, tuy biết các Pháp thường là **Định Tướng** nhưng bày cho chúng sinh các Thiên sai biệt. Hiện thân trụ Thiền cảm hóa kẻ loạn tâm nhưng đối với các Pháp chẳng thấy có loạn. Tất cả các Pháp như tướng Pháp Tính dùng điều phục Tâm nơi Thiền chẳng động. Hiện các uy nghi đi đứng ngồi nằm nhưng thường lặng lẽ tại nơi Thiền Định. Bày đồng với mọi người có chỗ nói năng nhưng thường chẳng bỏ các tướng Thiền Định. Thương xót chúng sinh vào ở thành ấp, thôn xóm, quận, nước nhưng thường tại Định. Vì muốn nhiều ích các chúng sinh cho nên hiện có sự ăn uống nhưng thường tại Định. Thân ấy bền chắc giống như Kim Cương, bên trong thật chẳng hư chẳng thể phá hoại. Bên trong ấy không có Sinh Tạng, Thục Tạng, đại tiểu tiện, xú uế chẳng sạch. Hiện có chỗ ăn

nhưng không có chỗ vào, chỉ vì thương xót nhiều ích chúng sinh, ở tất cả nơi chốn không có tai vạ lỗi lầm. Hiện hành tất cả chỗ hành của phàm phu nhưng thật không có hành, đã vượt qua các hành.

Này Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hiện ở tại chốn **Không Nhân, thôn làng** không có khác. Hiện ở tại nhà nhưng không khác xuất gia. Hiện làm Bạch Y nhưng chẳng phóng dật. Hiện làm Sa Môn nhưng chẳng tự cao. Ở trong Pháp xuất gia của các Ngoại Đạo, vì cảm hóa chúng sinh mà không có chỗ xuất gia, chẳng bị nhiễm dính tất cả Tà Kiến, cũng chẳng ở trong , nói là được thanh tịnh. Hiện hành tất cả Nghi Pháp của Ngoại Đạo nhưng chẳng tùy thuận đường lối đã hành ấy

Này Kiên Ý! Ví như Đạo Sư đưa mọi người băng qua lối đi nguy hiểm xong quay trở lại hóa độ người khác.

Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội tùy theo chỗ phát ý Đạo của chúng sinh, hoặc Thanh Văn Đạo, hoặc Bích Chi Phật Đạo, hoặc phát Phật Đạo. Tùy nghi bày đường lối khiến được hóa độ xong, liền lại quay về hóa độ các chúng sinh khác. Chính vì thế cho nên Đại Sĩ có tên gọi là **Đạo Sư**.

Ví như chiếc thuyền bèn chắc từ bờ bên này đưa vô lượng người khiến đến bờ bên kia. Đến bờ bên kia xong thì quay trở lại đón đưa người khác. Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thấy các chúng sinh rơi xuống nước sinh tử bị bốn giòng chảy cuốn trôi, ví muốn độ thoát khiến được ra khỏi cho nên tùy theo căn lành mà người ấy đã gieo trồng khiến cho thành tựu. Nếu thấy người có thể dùng **Duyên Giác** hóa độ liền vì họ hiện thân bày **đạo Niết Bàn** (Nirvāṇa-mārga). Nếu thấy người có thể dùng Thanh Văn hóa độ thì vì họ nói Tịch Diệt cùng với việc nhập vào Niết Bàn. Do sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cho nên quay trở lại hiện sinh độ thoát người khác. Chính vì thế cho nên Đại Sĩ có tên gọi là **Thuyền Sư**

Này Kiên Ý! Ví như Huyền Sư ở trước nhiều Chúng, tự hiện thân chết trương sinh xấu nát, hoặc bị lửa thiêu đốt, hoặc bị chim thú ăn, ở trước mọi người hiện thân như vậy. Khi được tài vật xong liền trở lại như cũ, ấy là do huyền thuật đã khéo hay học ấy. Bồ Tát như vậy trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội vì cảm hóa chúng sinh mà thị hiện già chết nhưng thật không có sinh già bệnh chết

Này Kiên Ý! Đây gọi là Bồ Tát trụ Bản Sự Quả Báo **Thiền Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, tu hành Trí Tuệ, các căn mạnh bén, chưa từng thấy có Tính của chúng sinh, vì muốn cảm hóa cho nên nói chúng sinh. Chẳng thấy người nhận (thọ giả), người có số phận (mệnh giả)...nói có người nhận, người có số phận. Chẳng được Tính của Nghiệp với Tính của Nghiệp Báo nhưng bày cho chúng sinh có Nghiệp, Nghiệp Báo. Chẳng được các Tính phiền não của sinh tử nhưng nói nên thấy biết phiền não của sinh tử. Chẳng thấy Niết Bàn nhưng nói đến Niết Bàn. Chẳng thấy các Pháp có tướng có sai biệt nhưng nói các Pháp có Thiện, Bất Thiện để hay vượt qua đến bờ **Vô Ngại Trí**. Hiện sinh ở cõi Dục (Dục Giới) nhưng chẳng nhiễm dính cõi Dục. Hiện hành Thiền của **cõi Sắc** (Rūpa-dhātu: Sắc Giới) nhưng chẳng nhiễm dính cõi Sắc. Hiện nhập vào Định của **Vô Sắc** nhưng sinh ở cõi Sắc. Hiện hành Thiền của cõi Sắc nhưng sinh ở cõi Dục. Hiện ở cõi Dục nhưng chẳng hành giới hạnh của Dục. Đều biết các **Thiền** với biết **Thiền Phần**, tự tại đều hay nhập Thiền, xuất Thiền. Vì cảm hóa chúng sinh, tùy theo nơi sinh của Ý, tất cả nơi sinh ra đều hay thọ nhận thân, thường hay thành tựu Trí Tuệ thâm diệu, đoạn trừ các Hạnh của tất cả chúng sinh. Vì cảm hóa chúng sinh nên hiện có chỗ hành (Sở Hạnh) nhưng đối với các Pháp, thật không có chỗ hành, đều đã vượt qua tất cả các Hành, từ

lâu đã diệt trừ Tâm của **Ngã** (Ta), **Ngã Sở** (cái của Ta) nhưng thị hiện thọ nhận các vật cần dùng.

Bồ Tát thành tựu Trí Tuệ như vậy, có chỗ **cho, làm** (Thí tác) đều tùy theo Trí Tuệ mà chưa từng bị vướng sự ô nhiễm của Nghiệp Quả. Vì cảm hóa chúng sinh, thị hiện cảm ngọng nhưng bên trong thật có Phạm Âm vi diệu, thông đạt ngữ ngôn, Kinh Thư, bờ kia... chẳng cần suy nghĩ trước nên nói Pháp nào, tùy theo Chúng đã đến, mọi điều nói ra đều màu nhiệm, thấy hay khiến tâm vui vẻ được bền chắc. Tùy theo chỗ tương ứng ấy mà nói Pháp mà **Trí Tuệ của Bồ Tát** đó chẳng giảm bớt.

Này Kiên Ý! Ví như nam nữ, hoặc lớn hoặc nhỏ, tùy theo vật khí đã cảm đi đến nơi có nước hoặc suối, hoặc ao, kênh ngòi, sông, biển lớn... tùy theo vật khí lớn nhỏ đều chứa đầy rồi quay về mà các nước ấy không có sự giảm bớt

Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội tùy theo Chúng đã đến, hoặc chúng Sát Lợi, Chúng Bà La Môn, hoặc chúng Cư Sĩ, Chúng Đế Thích, Chúng Phạm Thiên... đến các Chúng đó chẳng gia thêm tâm lực, hay dùng lời khéo đều khiến cho vui thích, tùy nghi chỗ tương ứng để mà diễn Pháp mà **Trí Biện** ấy không có chỗ giảm bớt.

Này Kiên Ý! Đây gọi là Bồ Tát trụ Bản Sự Quả Báo **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pāramitā) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Chúng sinh nhìn thấy đều được độ thoát. Có nghe tên gọi, có thấy uy nghi, có nghe nói Pháp, có thấy yên lặng... thì đều được cứu độ.

Này Kiên Ý! Ví như Đại Dược Thụ Vương tên là **Hỷ Kiên** có người nhìn thấy đều được khỏi bệnh. Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Chúng sinh nhìn thấy thời bệnh Tham Sân Si đều được trừ khỏi.

Như Đại Dược Vương tên là **Diệt Trừ**. Nếu lúc chiến đấu, đem xoa bôi cái trống thời các kẻ bị tên bắn, đao, mâu, gậy thương tích... được nghe tiếng trống thì trừ được chất độc phát ra từ mũi tên. Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Có người nghe tên thời mũi tên **Tham Sân Si** tự nhiên được bật ra, các chất độc **Tà Kiến** thấy đều trừ diệt, tất cả phiền não chẳng thể động phát.

Này Kiên Ý! Ví như cây thuốc tên là **Cụ Túc**. Có người dùng rễ thì bệnh được trừ khỏi. Cọng, lóng, lõi, vỏ, cành, lá, hoa, quả đều hay trừ khỏi bệnh. Hoặc tươi, hoặc khô, hoặc chặt đứt từng đoạn thấy hay trừ khỏi các bệnh của chúng sinh.

Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cũng lại như vậy. Đối với các chúng sinh không có lúc nào chẳng có ích, thường hay diệt trừ tất cả mọi tai vạ... ấy là dùng nói Pháp kèm hành bốn Nhiếp, các Ba La Mật khiến được độ thoát. Hoặc người cúng dường, hoặc chẳng cúng dường, có ích, không có ích nhưng Bồ Tát đó đều dùng Pháp lợi khiến được an ổn, cho đến thân bị chết, có loài ăn thịt. Hoặc các súc sinh: hai chân, bốn chân với các loài chim, thú, người và Phi Nhân... các chúng sinh đó đều do sức Giới Nguyện của Bồ Tát cho nên, chết được sinh về cõi Trời, thường không có bệnh đau nhức, suy não, các tai vạ...

Này Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội giống như cây thuốc”.

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, đời đời tự biết sáu Ba La Mật chẳng học theo người khác; nhắc bàn chân, hạ bàn chân, hít vào, thở ra... niệm niệm thường có sáu Ba La Mật. Tại sao thế? Này Kiên Ý! Bồ Tát như vậy, thân đều là Pháp Hành, đều là Pháp...”

Này Kiên Ý! Ví như có vị vua, hoặc các Đại Thần đem trăm ngàn loại hương giã làm bột. Nếu có người đến, lục tìm một loại trong đó, chẳng muốn hương khác xen lẫn vào

Kiên Ý! Như vậy, trong bột của trăm ngàn chủng hương có thể tìm được một loại mà chẳng bị tạp khác vương vào không?”

“Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng thể được”

“Này Kiên Ý! Bồ Tát đó dùng tất cả Ba La Mật xông ướp thân tâm cho nên ở trong niệm niệm thường sinh sáu Ba La Mật.

Kiên Ý! Bồ Tát làm thế nào để ở trong niệm niệm sinh sáu Ba La Mật?

Này Kiên Ý! Bồ Tát đó, tất cả thấy đều buông bỏ Tâm không có tham dính là **Đàn Ba La Mật** (Bố Thí Ba La Mật). Tâm khéo tịch diệt, rốt ráo không có ác là **Thi Ba La Mật** (Tri Giới Ba La Mật). Biết tướng tận cùng của Tâm, ở trong các Trần mà không có chỗ gây hại là **Sạn Đề Ba La Mật** (Nhẫn Nhục Ba La Mật). Siêng quán chọn Tâm, biết Tâm lia Tướng là **Tỳ Lê Gia Ba La Mật** (Tĩnh Tiến Ba La Mật), Rốt ráo khéo vắng lặng điều phục Tâm ấy là **Thiền Ba La Mật** (Thiền Định Ba La Mật). Quán Tâm, biết Tâm, thông đạt Tướng của Tâm là **Bát Nhã Ba La Mật** (Tuệ Ba La Mật)

Này Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Pháp Môn như vậy, niệm niệm đều có sáu Ba La Mật”.

Bấy giờ Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Thật chưa từng có!

Thế Tôn! Bồ Tát thành tựu Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thời chỗ đã thi hành ấy, thật chẳng thể nghĩ bàn!

Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát muốn hành Hạnh của Phật thì nên học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó. Tại sao thế? Vì Bồ Tát đó hiện hành tất cả Hạnh của các Phạm Phu nhưng ở Tâm của vị ấy không có tham sân si”

Lúc đó trong Chúng, có vị Đại Phạm Vương tên là **Thành Từ** bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu Bồ Tát muốn hành tất cả Hạnh của các phạm phu thì nên học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Tại sao thế? Vì Bồ Tát đó hiện hành tất cả Hạnh của các Phạm Phu nhưng ở Tâm của vị ấy không có Hạnh của tham sân si”

Đức Phật nói: “Lành thay! Lành thay Thành Từ! Như ông đã nói. Nếu Bồ Tát muốn hành tất cả Hạnh của các phạm phu thì nên học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Chẳng nghĩ nhớ tất cả các điều đã học (Sở học)”

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Bồ Tát muốn học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thì nên học như thế nào?”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Ví như học bắn. Trước tiên bắn mục tiêu lớn. Bắn mục tiêu lớn xong, học bắn mục tiêu nhỏ. Bắn mục tiêu nhỏ xong, tiếp học bắn cái đích. Học bắn cái đích xong, tiếp học bắn cây gậy. Học bắn cây gậy xong thì học bắn một trăm sợi lông. Bắn một trăm sợi lông xong, học bắn mười sợi lông. Bắn mười sợi lông xong, học bắn một sợi lông. Bắn một sợi lông xong, học bắn một phần trăm sợi lông. Hay bắn như thế xong thì gọi là Thiện Xạ, tùy ý chẳng không. Người đó nếu muốn ở trong bóng đêm nghe được âm thanh, hoặc Người, Phi Nhân... chẳng dùng tâm lực bắn đều trúng.

Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát muốn học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Trước tiên nên học **tâm yêu thích**. Học tâm yêu thích xong, nên học **tâm sâu kín**. Học tâm sâu kín xong, nên học **Đại Từ**. Học Đại Từ xong, nên học **Đại Bi**. Học Đại Bi xong, nên học **bốn Phạm Hạnh của Thánh** là: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Học bốn Phạm Hạnh của Thánh xong, nên học **Báo Đắc Tối Thượng Ngũ Thông** thường tự tùy thân. Học Thông đó

xong, khi ấy liền hay thành tựu **sáu Ba La Mật**. Thành tựu sáu Ba La Mật xong, liền hay **thông đạt phương tiện**. Thông đạt phương tiện xong, được trụ **Nhu Thuận Nhân thứ ba**. Trụ Nhu Thuận Nhân thứ ba xong, được **Vô Sinh Pháp Nhân**. Được Vô Sinh Pháp Nhân xong thời **chư Phật thọ ký**. Chư Phật thọ ký xong, hay nhập vào **Đệ Bát Bồ Tát Địa**. Vào Đệ Bát Bồ Tát Địa xong, được **Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội**. Được Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội xong, thường **chẳng lia sự thấy chư Phật**. Thường chẳng lia sự thấy chư Phật xong, hay đầy đủ **tất cả Nhân Duyên của Phật Pháp**. Đầy đủ tất cả Nhân Duyên của Phật Pháp xong, hay khởi **Công Đức trang nghiêm cõi Phật**. Hay khởi Công Đức trang nghiêm cõi Phật xong, hay đủ Chủng Tính của nhà sinh ra (Sinh Gia Chủng Tính). Hay đủ Chủng Tính của nhà sinh ra xong thời **vào Thai, ra khỏi Thai**. Vào Thai, ra khỏi Thai xong, hay đủ **mười Địa**. Hay đủ mười Địa xong, lúc đó liền được **thọ nhận Chức Hiệu của Phật**. Thọ Chức Hiệu của Phật xong, liền được **tất cả Tam Muội của Bồ Tát**. Được tất cả Tam Muội của Bồ Tát xong, sau đó liền được **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội**. Được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội xong, hay vì chúng sinh thi hành việc Phật nhưng cũng chẳng buông bỏ Pháp của Bồ Tát Hạnh

Này Kiên Ý! Nếu Bồ Tát học các Pháp như vậy, tức được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Bồ Tát đã được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, tức đối với các Pháp không có chỗ học lại. Tại sao thế? Vì trước kia đã khéo học tất cả Pháp cho nên ví như học bắn một phen của sợi lông thì chẳng học lại điều khác. Tại sao thế? Vì trước kia đã học rồi.

Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, đối với tất cả Pháp không có chỗ học lại vì tất cả Tam Muội, tất cả Công Đức đều đã học xong”.

Khi ấy Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con muốn nói thí dụ. Nguyên xin Đức Thế Tôn nghe hứa”

Đức Phật nói: “Ông hãy nói đi”

“Thế Tôn! Ví như **Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới Đại Phạm Thiên Vương** tự nhiên có thể quán khắp cả ba ngàn Đại Thiên Thế Giới mà chẳng cần gia thêm công sức. Như vậy Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đối với tất cả Pháp tự nhiên có thể quán khắp mà chẳng cần dùng công sức. Lại cũng có thể biết mỗi một chỗ hành của Tâm chúng sinh”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Như ông đã nói. Nếu Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội ắt biết tất cả Pháp của các Bồ Tát, tất cả Pháp của Phật”

Bấy giờ trong Hội có Thiên Đế Thích tên là **Tri Tu Di Đỉnh** ở cùng tận mé ngoài của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này, bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Ví như trụ ở đỉnh núi Tu Di ắt hay nhìn thấy tất cả thiên hạ. Bồ Tát như vậy trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đối với các Hạnh của Thanh Văn, Bích Chi Phật với tất cả Hạnh của chúng sinh tự nhiên có thể quán thấy”

Lúc đó Kiên Ý Bồ Tát hỏi vị **Tri Tu Di Đỉnh Thích** đó rằng: “Ông từ chỗ nào của bốn Thiên Hạ đi đến? Trụ tại đỉnh núi Tu Di nào?”

Tri Tu Di Đỉnh Thích đó bảo rằng: “Này Thiện Nam Tử! Nếu có Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thời chẳng nên hỏi nơi trú xứ của vị ấy. Tại sao thế? Như Bồ Tát này thời tất cả cõi Phật đều là trú xứ mà chẳng dính ở trú xứ, chẳng được trú xứ, chẳng thấy trú xứ”

Kiên Ý hỏi rằng: “Nhân Giả được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó chưa?”

Tri Tu Di Đỉnh Thích nói: “Trong Tam Muội đó, lại còn có tướng **được, chẳng được ư!**”

Kiên Ý nói: “Chẳng thể có”

Trì Tu Di Đỉnh Thích nói: “Này Thiện Nam Tử! Nên biết Bồ Tát hành Tam Muội đó, đối với các Pháp đều không có chỗ đắc”

Kiên Ý nói: “Như ông đã biện luận, ắt đã được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó”

Trì Tu Di Đỉnh Thích nói: “Này Thiện Nam Tử! Tôi chẳng thấy Pháp có chỗ trụ. Đối với tất cả Pháp không có chỗ trụ liền được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Này Thiện Nam Tử! Trụ Tam Muội đó tức đối với các Pháp không có chỗ trụ. Nếu không có chỗ trụ tức không có chỗ nhận lấy. Nếu không có chỗ nhận lấy tức không có chỗ nói”

Bây giờ Đức Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát: “Ông thấy vị **Trì Tu Di Sơn Thích** đó chưa?”

“Bạch Đức Thế Tôn! Đã thấy”

“Này Kiên Ý! Vị Trì Tu Di Đỉnh Thích đó tùy theo ý, hay được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Trụ Tam Muội đó ở các cung của Đệ Thích trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này đều hay hiện thân”

Lúc đó **Thích Đề Hoàn Nhân** của cõi này bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu vị Trì Tu Di Sơn Thích hay hiện thân ở các cung của Đệ Thích. Con ở tất cả nơi chôn của Đệ Thích, tại sao chẳng nhìn thấy?!...”

Khi ấy Trì Tu Di Sơn Thích nói với vị Đệ Thích này rằng: “Này Kiều Thi Ca! Nếu nay Tôi dùng **Thân thật** bày cho ông thấy thời ông ở cung điện chẳng được mừng vui. Tôi thường đến cung điện mà ông đã trụ mà ông chẳng thấy tôi”

Lúc đó Thích Đề Hoàn Nhân bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con muốn thấy Thân thành tựu màu nhiệm (Thành Tựu Diệu Thân) của Đại Sĩ này”

Đức Phật nói: “Này Kiều Thi Ca! Ông muốn thấy ư?”

“Bạch Đức Thế Tôn! Con vui nguyện muốn thấy”

Đức Phật bảo Trì Tu Di Sơn Thích rằng: “Này Thiện Nam Tử! Ông hãy hiện bày Thân chân thật màu nhiệm này”

Trì Tu Di Sơn Thích ấy liền hiện thân chân thật màu nhiệm

Khi đó trong Hội: các Thích, Vương, Hộ Thế Thiên Vương, Thanh Văn, Bồ Tát chưa được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thời thân đều chẳng hiện, giống như đồng mực. Thân của Trì Tu Di Sơn Thích như núi vua Tu Di cao lớn hùng vĩ tỏa ánh sáng chiếu xa. Lúc đó thân của Đức Phật càng hiện sáng thêm gấp bội.

Thích Đề Hoàn Nhân bạch Phật rằng: “Thật chưa từng có! Bạch Đức Thế Tôn! Nay thân của Đại Sĩ này thanh tịnh thù diệu khó theo kịp! Các thân của Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương đó đều chẳng hiện giống như đồng mực.

Thế Tôn! Con ở tại cung điện **Thiện Diệu** trên núi Tu Di, đeo Thích Ca Tỳ Lăng Già, Ma Ni Anh Lạc. Do ánh sáng đó nên tất cả thân của Thiên Chúng đều chẳng thể hiện. Nay thân của con do ánh sáng của của Đại Sĩ này lại chẳng thể hiện... mọi báu, Anh Lạc đã đeo cũng không có màu sắc, ánh sáng”

Đức Phật bảo Thích Đề Hoàn Nhân: “Này Kiều Thi Ca! Nếu trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này tràn đầy Thích Ca Tỳ Lăng Già, ngọc Ma Ni... Lại có ngọc Ma Ni của chư Thiên chiếu sáng, hay khiến cho viên ngọc này đều chẳng thể hiện.



Này Kiều Thi Ca! Nếu trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này tràn đầy ngọc Ma Ni của chư Thiên chiếu sáng ...Lại có **Kim Cương Minh Ma Ni Châu** hay khiến cho viên ngọc này đều chẳng thể hiện.

Này Kiều Thi Ca! Nếu trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này tràn đầy **Kim Cương Minh Ma Ni Châu** ...Lại có **Chư Minh Tập Ma Ni Châu** hay khiến cho viên ngọc này đều chẳng thể hiện.

Này Kiều Thi Ca! Ông có thấy **Chư Minh Tập Ma Ni Châu** mà vị Trì Tu Di Sơn Thích đã đeo không?”

—“Bạch Đức Thế Tôn! Con đã nhìn thấy. Chỉ vì ánh sáng của viên ngọc này quá sáng chói nên mắt của con chẳng thể chịu nổi”

Đức Phật bảo Kiều Thi Ca: “Nếu có Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hoặc làm Đệ Thích đều đeo Anh Lạc Ma Ni như vậy”

Bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhân bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chư Hữu chẳng phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề chẳng được thân màu nhiệm thanh tịnh như vậy, cũng lại bị mất Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó”

Lúc đó **Cò Vực Thiên Tử** nói với Thích Đề Hoàn Nhân rằng: “Các người Thanh Văn đã nhập vào **Pháp Vị** cho dù có khen ngợi, yêu thích Phật Đạo nhưng không thể làm, do ở sinh tử tạo sự che lấp ngăn cách. Nếu người đã phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề, nay phát, sẽ phát...thì người đó liền ứng với sự yêu thích Phật Đạo, hay được sắc thân thượng diệu như vậy. Ví như có người sinh ra đã bị mù, cho dù khen ngợi, yêu thích mặt trời mặt trăng nhưng kẻ ấy vẫn chẳng biết gì về ánh sáng của mặt trời mặt trăng. Như vậy Thanh Văn nhập vào Pháp Vị, cho dù có khen ngợi, yêu thích Phật Pháp nhưng Công Đức của Phật đối với thân vẫn không có ích gì. Chính vì thế cho nên người muốn được thân màu nhiệm, Đại Trí Tuệ này thì nên phát Tâm **Vô Thượng Phật Bồ Đề**, liền được sắc thân thượng diệu như vậy”

Lúc Cò Vực Thiên Tử nói lời đó thời một vạn hai ngàn Thiên Tử phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề

Khi ấy Kiên Ý Bồ Tát hỏi Cò Vực Thiên Tử rằng: “Hành Công Đức nào để chuyển thân người nữ?”

Đáp rằng: “Này Thiện Nam Tử! Người phát Đại Thừa chẳng thấy Nam Nữ có sự khác biệt. Tại sao thế? Vì Tâm Tát Bà Nhã (Tâm **Nhất Thiết Trí**) chẳng ở tại ba cõi. Do có phân biệt nam nữ cho nên có nam có nữ.

Nhân Giả đã hỏi: “*Hành Công Đức nào để chuyển thân người nữ?*”. Việc xưa kia, Tâm của Bồ Tát không có sự nịnh nọt quanh co”

—“Làm sao mà phụng sự?”

Đáp rằng: “Như phụng sự Đức Thế Tôn”

—“Làm thế nào mà Tâm ấy chẳng có sự nịnh nọt, quanh co?”

Đáp rằng: “Nghiệp của thân tùy theo miệng, nghiệp của miệng tùy theo Ý. Đấy gọi là Tâm của người nữ không có sự nịnh nọt, quanh co”

—Hỏi rằng: “Làm sao chuyển thân người nữ?”

Đáp rằng: “Như Thành”

—Hỏi rằng: “Làm sao **Như Thành?**”

Đáp rằng: “**Như Chuyên**”

Hỏi rằng: “Này Thiên Tử! Lời nói này có nghĩa gì?”

Đáp rằng: “Này Thiện Nam Tử! Trong tất cả các Pháp chẳng thành chẳng chuyên. Các Pháp có một vị ấy là vị của Pháp Tính.

Thiện Nam Tử! Ta tùy theo ước nguyện có thân người nữ. Nếu khiến thân của ta được thành nam tử thì đối với tướng của thân nữ vẫn chẳng hoại chẳng buông bỏ

Này Thiện Nam Tử! Chính vì thế nên biết Nam đó, Nữ đó đều là điên đảo. Tất cả các Pháp cùng với điên đảo thay đều trọn hết lia ở hai Tướng”

Kiên Ý Bồ Tát hỏi Cồ Vực rằng: “Ông đối với Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có biết chút phần nào chăng?”

Đáp rằng: “Thiện Nam Tử! Tôi biết người khác đã được, còn tự thân thì chưa chứng.

Tôi nhớ lúc trước, khi Đức Thích Ca mâu Ni Phật ở tại nhà của vua **Tịnh Phạm** làm Bồ Tát, thời ở trong Chúng Thê Nữ bên trong cung điện, nửa đêm thanh tịnh. Khi ấy hằng hà sa đặng các Phạm Vương từ phương Đông đi đến, có người hỏi về Bồ Tát Thừa, có người hỏi về Thanh Văn Đạo.... Bồ Tát tùy theo chỗ hỏi mà đáp. Ở trong Phạm Chúng có một vị Phạm Vương chẳng hiểu phương tiện mà Bồ Tát đã hành nên nói lời này: “*Nhân Giả đã có Trí Tuệ như vậy, khéo đáp việc đã hỏi. Tại sao còn tham ái vương vị, sắc dục?*”

Các vị Phạm Vương khác biết rõ Trí Tuệ Phương Tiện của Bồ Tát nên nói với vị Phạm Vương kia rằng: “*Bồ Tát chẳng tham vương vị sắc dục. Sắp tới vì giáo hóa thành tựu chúng sinh nên ở tại nhà hiện làm Bồ Tát rồi ngày nay ở phương khác thành tựu Phật Đạo, chuyển bánh xe Diệu Pháp*”

Vị Phạm Vương kia nghe xong, liền nói là: “*Được Tam Muội nào mà có thể làm Thần Biến tự tại như vậy?*”

Vị Phạm Vương khác nói rằng: “*Đây là thế lực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Này Thiện Nam Tử! Vào lúc đó, tôi tác niệm là: “**Bồ Tát trụ Tam Muội, Thần Lực cảm ứng thật chưa từng thấy! Ở tại ái dục, trông coi việc nước mà có thể chẳng lìa Tam Muội như vậy**”*”

Tôi nghe điều này xong thì tăng cung kính bội phần nơi Bồ Tát đã sinh, tướng Đức Thế Tôn, thâm sâu phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Nguyện ở đời sau cũng sẽ thành tựu Công Đức như vậy

Này Thiện Nam Tử! Chỗ thấy của tôi chỉ có chút phần như vậy. Tôi chỉ biết Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội này sẽ có vô lượng thế lực Công Đức chẳng thể nghĩ bàn”

Kiên Ý bạch Phật rằng: “Thật hiếm có! Bạch Đức Thế Tôn! Cồ Vực Thiên Tử đó dùng tâm sâu xa nói điều này đều là Đức Như Lai đã làm nơi thường thủ hộ của bậc Thiện Tri Thức

Thế Tôn! Cồ Vực Thiên Tử chẳng lâu cũng sẽ trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, được thế lực Thần Biến tự tại tại đó như ngày nay Đức Thế Tôn đã làm, không có khác”

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay trong Hội này còn có người nào được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó không?”

Bấy giờ trong Hội có vị Thiên Tử tên là **Hiện Ý** bảo Kiên Ý Bồ Tát rằng: “Vị như khách đi buôn vào trong biển lớn mà nói lời này: “*Trong biển lớn này có ngọc Ma Ni, có thể cảm vớt đi không?*”. Lời nói của ông tựa như điều đó. Tại sao thế? Vì ở Đại Trí Hải Hội của Đức Như Lai. Trong đó, Bồ Tát thành tựu Pháp Bảo, phát đại trang

nghiêm. Ông ngồi bên trong mà lại hỏi rằng: “*Ở trong Hội này còn có Bồ Tát nào được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó không?*”

Này Kiên Ý! Nay trong Hội này có Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội hiện thân Đế Thích, có vị hiện thân Phạm Vương. Có vị hiện thân của các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già. Có vị được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội hiện thân: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Có vị được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội dùng các tướng tốt để tự nghiêm thân. Tự có Bồ Tát vì cảm hóa chúng sinh hiện làm hình sắc tướng mạo của thân nữ. Có vị hiện hình sắc tướng mạo của Thanh Văn. Có vị hiện hình sắc tướng mạo của Bích Chi Phật.

Này Kiên Ý! Đức Như Lai tùy theo Chúng đã đến, hoặc chúng Sát Lợi, chúng Bà La Môn, hoặc chúng cư sĩ, chúng Đế Thích, chúng Phạm Thiên, các chúng Hộ Thế... tùy theo các chúng đó khắp hay thị hiện hình sắc tướng mạo. Nên biết đều là Bản Sự Quả Báo của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Này Kiên Ý! Nếu thấy nơi mà Đức Như Lai đã nói Pháp. Nên biết trong chỗ này tức có vô lượng các Đại Bồ Tát có Đại Trí Tự Tại, phát đại trang nghiêm, tự tại hành nơi tất cả Pháp, hay tùy theo Đức Như Lai chuyển bánh xe Pháp”.

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Nay con nói vị **Hiện Ý Thiên Tử** đó được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội như vị ấy có Trí Tuệ, biện tài không ngại, Thần Thông như vậy “

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Như ông đã nói. Hiện Ý Thiên Tử đó đã trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Thông đạt Tam Muội đó cho nên hay nói lời đó”

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiện Ý Thiên Tử: “Ông có thể thị hiện chút phần Bản Sự của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Hiện Ý Thiên Tử nói với Kiên Ý Bồ Tát rằng: “Nhân giả muốn thấy chút thể thực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội không?”

Đáp rằng: “Thiên Tử ! Tôi vui nguyện muốn thấy”

Do Hiện Ý Thiên Tử khéo được sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cho nên liền hiện biến khiến chúng hội đều là Chuyển Luân Thánh Vương có 32 tướng tự trang nghiêm với các quyền thuộc, bày báu theo hầu.

Thiên Tử hỏi rằng: “Ông thấy thế nào?”

Kiên Ý đáp rằng: “Tôi thấy chúng hội đều là sắc tướng của Chuyển Luân Thân Vương có quyền thuộc, bày báu theo hầu”

Khi ấy Thiên Tử lại hiện chúng hội đều là Thích Đề Hoàn Nhân ở cung Đạo Lợi có trăm ngàn Thiên Nữ tấu mọi kỹ nhạc vây quanh vui đùa. Lại dùng Thần Lực khiến khắp chúng hội đều là Phạm Vương với sắc tướng uy nghi ở tại cung Phạm, hành bốn Vô Lượng

Lại hỏi Kiên Ý: “Ông thấy thế nào?”

Đáp rằng: “Thiên Tử! Tôi thấy chúng hội đều là Phạm Vương”

Lại hiện Thần Lực khiến khắp chúng hội đều là Trưởng Lão **Ma Ha Ca Diếp** với hình sắc tướng mạo, cầm giữ y bát, nhập vào các Thiền Định, hành tám Giải Thoát không có khác .

Lại hiện Thần Lực khiến khắp chúng hội đều như Đức Thích Ca Mâu Ni Phật với thân tướng tốt uy nghi, đều có quyền thuộc Tỳ Kheo vây quanh.

Lại hỏi Kiên Ý: “Ông thấy thế nào?”

Đáp rằng: “Thiên Tử! Tôi thấy Đại Chúng đều là Thích Ca Mâu Ni Phật với thân tướng tốt uy nghi, đều có quyền thuộc Tỳ Kheo vây quanh”

Hiện Ý Thiên Tử nói với Kiên Ý rằng: “Đây là thế lực tự tại như vậy của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Này Kiên Ý! Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, có thể đem ba ngàn Đại Thiên Thế Giới vào trong một hạt cải, khiến cho các núi, sông, mặt trời, mặt trăng, tinh tú đều hiện như cũ mà chẳng chèn ép để bày chúng sinh đó.

Này Kiên Ý! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có thể lực chẳng thể nghĩ bàn như vậy”

Bây giờ các Đại Đệ Tử với các Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương đồng thanh bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu người được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó thì người ấy có Công Đức chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao thế? Vì người đó tức là Phật Đạo cứu cánh, thành tựu Trí Tuệ, Thần Thông, các Minh. Ngày nay chúng con ở trên một Tòa thấy khắp mỗi loại sắc tướng của chúng Hội, hoặc ngàn ấy cái hiện ra. Chúng con chỉ nhớ nếu người chẳng nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, nên biết đó là Ma được dịp thuận tiện gây hại. Nếu người được nghe, nên biết người đó được sự hộ giúp của chư Phật. Huống chi là Hành Giả nghe xong, lại tùy nói.

Thế Tôn! Nếu Bồ Tát muốn thông đạt Phật Pháp, đến ở bờ bên kia, thì nên một lòng lắng nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, thọ trì đọc tụng, vì người khác nói.

Thế Tôn! Nếu Bồ Tát muốn khiến khắp tất cả hình sắc uy nghi, muốn đều biết khắp tất cả tâm, chỗ hành của tâm ... của chúng sinh. Lại muốn biết khắp tất cả chúng sinh, tùy theo bệnh cho thuốc... thì nên khéo lắng nghe Pháp Bảo của Tam Muội đó rồi thọ trì đọc tụng.

Thế Tôn! Nếu người được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó. Nên biết người ấy nhập vào Cảnh Giới Trí Tuệ Tự Tại của Phật”

Đức Phật nói: “Như vậy! Như vậy! Như các ông nói. Nếu người chẳng được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thì chẳng được gọi là **Thâm Hành Bồ Tát**. Như Lai chẳng nói người này đầy đủ Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định, Trí Tuệ. Chính vì thế cho nên các ông nếu muốn hành khắp tất cả Đạo thì nên học được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, chẳng nhớ tất cả các điều đã học”

Khi ấy Kiên Ý Bồ Tát hỏi Hiện Ý Thiên Tử rằng: “Nếu Bồ Tát muốn được Tam Muội đó thì nên tu hành Pháp nào?”

Thiên Tử đáp rằng: “Nếu Bồ Tát muốn được Tam Muội đó thì nên tu hành Pháp của Phạm Phu. Nếu thấy Pháp của Phạm Phu, Pháp của Phật chẳng hợp chẳng tan thì đây gọi là tu tập Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Kiên Ý hỏi rằng: “Ở trong Pháp của Phật có hợp tan ư?”

Thiên Tử đáp rằng: “Trong Pháp của Phạm Phu còn không có hợp tan huống chi là Pháp của Phật. Thế nào gọi là tu hành? Nếu hay thông đạt các Pháp của Phạm Phu, Pháp của Phật không có hai thì đây gọi là tu tập nhưng thật ra Pháp này không có hợp, không có tan.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả Pháp Tập (góp lại) không có tướng sinh. Tất cả Pháp Tập không có tướng hoại. Tất cả Pháp Tập như tướng hư không. Tất cả Pháp Tập không có tướng thọ nhận”

Kiên Ý lại hỏi: “Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đi đến chôn nào?”

Thiên Tử đáp rằng: “Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đi đến tất cả Tâm Hành của chúng sinh nhưng cũng chẳng duyên theo tướng nhận lấy của Tâm Hành. Đi đến tất cả nơi đã sinh nhưng cũng chẳng bị sự ô nhiễm của nơi sinh. Đi đến tất cả Thế Giới, cõi Phật nhưng chẳng phân biệt thân tướng tốt. Đi đến tất cả âm thanh ngữ ngôn nhưng chẳng phân biệt các tướng của văn tự. Khấp hay mở bày tất cả Phật Pháp nhưng chẳng đến chôn rớt ráo cùng tận (tất cánh tận xứ)

Thiện Nam Tử hỏi Tam Muội đó đến chôn nào? Tùy theo chỗ Đức Phật đã đến thì Tam Muội đó cũng đến như vậy”

Kiên Ý hỏi rằng: “Đức Phật đến chôn nào?”

Thiên Tử đáp rằng: “Đức Phật **Như Như** cho nên đến nơi không có chỗ đến”

Lại hỏi: “Đức Phật chẳng đến Niết Bàn ư?”

Đáp rằng: “Tất cả các Pháp rớt ráo là Niết Bàn. Chính vì thế cho nên Như Lai chẳng đến Niết Bàn. Tại sao thế? Vì Tính Niết Bàn cho nên chẳng đến Niết Bàn”

Lại hỏi: “Hằng hà sa đấng chư Phật quá khứ chẳng đến Niết Bàn ư?”

Đáp rằng: “Hằng sa chư Phật vì điều đó sinh ư?”

Kiên Ý đáp rằng: “Đức Như Lai đã nói: *Hằng sa chư Phật đã diệt độ*”

Thiên Tử nói: “Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai há chẳng nói: *Một người ra đời đem lại nhiều sự nhiều ích an vui cho chúng sinh*. Ý của ông thế nào? Đức Như Lai vì định được các chúng sinh có sinh diệt ư?”

Đáp rằng: “Thiên Tử! Đức Như Lai đối với Pháp chẳng được sinh diệt”

— “Thiện Nam Tử nên biết tuy Đức Như Lai nói chư Phật xuất hiện ở Thế Gian nhưng đối với tướng của Như Lai thì thật không có sinh. Tuy nói chư Phật đến nơi Niết Bàn nhưng đối với tướng của Như Lai thì thật không có diệt”.

Lại hỏi: “Hiện nay vô lượng Như Lai được thành Đạo không?”

Đáp rằng: “Tướng không sinh không diệt của Như Lai, như thế là thành Đạo. Này Thiện Nam Tử! Hoặc chư Phật hiện ra, hoặc vào Niết Bàn đều không có sai biệt. Tại sao thế? Vì Như Lai thông đạt tất cả các Pháp là tướng Tịch Diệt. Đấy gọi là Phật”

Lại hỏi: “Nếu tất cả Pháp rớt ráo tịch diệt thì tướng của Niết Bàn có thể thông đạt chẳng?”

Đáp rằng: “Như tất cả Pháp rớt ráo tịch diệt đồng với tướng của Niết Bàn. Tướng thông đạt cũng lại như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Như Lai chẳng do Sinh Trụ Dị Diệt mà ra. Không có Sinh Trụ Dị Diệt, đấy gọi là Phật xuất hiện”

Kiên Ý hỏi rằng: “Ông trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hay tác nói như vậy sao?”

Đáp rằng: “Này Thiện Nam Tử! Ý của ông thế nào? Hóa Nhân (người do sự biến hóa) của Như Lai trụ trong Pháp nào để có chỗ nói?”

Kiên Ý đáp rằng: “Nương vào Thần Lực của Đức Phật, hay có chỗ nói”

Lại hỏi: “Đức Phật trụ nơi nào để tác Hóa Nhân?”

Đáp rằng: “Đức Phật trụ vào Thần Thông **không hai** để tác Hóa Nhân”

Thiên Tử nói: “Nhu Đức Như Lai trụ vào **Pháp chẳng trụ** để tác Hóa Nhân. Các Hóa Nhân cũng trụ vào **Pháp chẳng trụ** mà có chỗ nói”

Kiên Ý nói: “Nếu không có chỗ trụ thì làm sao có nói?”

Thiên Tử nói: “Nhu không có chỗ trụ nói cũng như vậy”

Lại hỏi: “Bồ Tát làm sao có đầy đủ **Nhạo Thuyết Biện Tài** ?”

Đáp rằng: “Bồ Tát chẳng dùng tướng của Ta, chẳng dùng tướng của cái kia, chẳng dùng tướng của Pháp nên có chỗ nói. Đây gọi là đầy đủ Nhạo Thuyết Biện Tài. Tùy theo chỗ nói Pháp mà tướng của văn tử chẳng tận, tướng của Pháp cũng chẳng tận. Như vậy người nói chẳng dùng hai Thuyết. Đây gọi là đầy đủ Nhạo Thuyết Biện Tài.

Lại nữa, Thiện Nam Tử! Nếu Bồ Tát chẳng buông bỏ tướng Huyền của các Pháp, đối với âm thanh chẳng buông bỏ tướng vang dội lại. Đây gọi là đầy đủ Nhạo Thuyết Biện Tài.

Lại như các văn tự, âm thanh, ngữ ngôn: không có nơi chốn, không có phương hướng, không có bên trong, không có bên ngoài, không có chỗ trụ, theo mọi Duyên có. Tất cả các Pháp cũng lại như vậy: không có nơi chốn, không có phương hướng, không có bên trong, không có bên ngoài cũng không có chỗ trụ. Chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai. Chẳng là nơi biểu thị của văn tự ngôn từ. Bên trong tự thông đạt mà có chỗ nói. Đây gọi là đầy đủ Nhạo Thuyết Biện Tại.

Ví như tiếng vang dội lại, tất cả âm thanh đều tùy theo tướng vang dội lại mà có chỗ nói”

Kiên Ý hỏi rằng: “Thế nào là *Tùy theo nghĩa*?”

“Này Thiện Nam Tử! Tùy theo hư không là tùy theo nghĩa. Như hư không không có chỗ tùy theo thì tất cả Pháp nói (Thuyết Pháp) cũng không có chỗ tùy theo. Các Pháp không có so sánh, không có ví dụ. Vì điều có được mà nói là có chỗ tùy theo”

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen Thiên Tử rằng: “Lành thay! Lành thay! Như ông đã nói. Bồ Tát đối với điều này chẳng nên kinh sợ. Tại sao thế? Vì nếu có chỗ để tùy theo thì chẳng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Vị Hiện Ý Thiên Tử đó từ cõi Phật nào đi đến chốn này?”

Thiên Tử nói rằng: “Ông hỏi để làm gì?”

Kiên Ý đáp: “Nay tôi muốn biết phương ấy là chốn nào để làm lễ trụ xứ du hành của Đại Sĩ đó”

Thiên Tử nói rằng: “Nếu người thủ đắc Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó thì tất cả chư Thiên, người dân của Thế Gian đều nên lễ kính”

Bấy giờ Đức Phật bảo Kiên Ý: “Hiện Ý Thiên Tử đó từ Thế Giới **Diệu Hỷ** của Đức Phật **A Súc** đi đến nơi này. Người đây ở đó thường nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Này Kiên Ý! Tất cả chư Phật, không có vị nào chẳng nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Này Kiên Ý! **Hiện Ý** Thiên Tử đó ở Thế Giới Ta Bà này sẽ được thành Phật. Người đó muốn chặt đứt điều ác năm trước, chọn lấy cõi Phật thanh tịnh để giáo hóa chúng sinh, tu tập tăng trưởng Thủ Lăng Nghiêm cho nên đi đến chốn này”

Kiên Ý bạch Phật rằng: “Nay Thiên Tử này, khoảng bao lâu sẽ ở Thế Giới này được thành Phật Đạo? Hiệu ấy thế nào? Thế Giới tên là gì?”

Đức Phật nói: “Thiên Tử đó trải qua ngàn vị Phật đời Hiền Kiếp diệt độ xong, sáu mươi hai kiếp lại không có Phật, khoảng giữa chỉ có trăm ngàn vạn ức Bích Chi Phật xuất hiện. Trong thời gian ấy, chúng sinh được gieo căn lành. Qua kiếp đó xong, sẽ được thành Phật hiệu là **Tịnh Quang Xung Vương Như Lai**, khi ấy Thế Giới tên là **Tịnh Kiến**. Thời đó Đức Tịnh Quang Xung Vương Như Lai hay khiến cho tâm của chúng sinh được thanh tịnh, chúng sinh trong Thế Giới chẳng bị Tham dục, giận dữ, ngu si ngăn che, được Pháp Tịnh Tín đều hành Pháp lành

Này Kiên Ý! Đức Tịnh Quang Xung Vương Phật đó thọ mười tiểu kiếp, dùng Pháp của ba Thừa độ thoát chúng sinh. Trong đó, vô lượng vô biên Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, ở trong các Pháp được sức tự tại. Bây giờ Ma hoặc Ma Dân đều tu Đại Thừa, thương lo cho chúng sinh. Quốc Độ của Đức Phật ấy không có ba nẻo ác với các chôn có nạn, trang nghiêm trong sạch như Uất Đan Việt, không có mọi việc Ma, lia các Tà Kiến. Sau khi Đức Phật diệt độ, Pháp trụ ngàn vạn ức năm.

Này Kiên Ý! Thiên Tử đó sẽ ở quốc độ thanh tịnh như vậy mà thành Phật Đạo”

Bây giờ Kiên Ý Bồ Tát nói với Thiên Tử rằng: “Ông được lợi lớn! Đức Như Lai trao cho ông A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Kỳ”

Thiên Tử đáp rằng: “Này Thiện Nam Tử! Đối với tất cả Pháp không có chỗ được, đây gọi là lợi lớn. Đối với Pháp có chỗ được, đây tức không có lợi. Thiện Nam Tử! Chính vì thế nên biết nếu chẳng được Pháp, đây gọi là lợi lớn”

Lúc nói Pháp đó thời hai vạn năm ngàn Thiên Tử từng ở đời trước gieo trồng gốc mọi Đức đều phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, có một vạn Bồ Tát được Vô Sinh Nhân.

PHẬT NÓI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TAM MUỘI  
\_QUYỂN THƯỢNG (Hết)\_

## PHẬT NÓI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TAM MUỘI \_QUYỀN HẠ\_

Hán dịch: Đồi Hậu Tần\_ Nước Quy Tư\_ Tam Tạng CƯU MA LA THẬP  
Việt dịch: HUYỀN THÀNH

Bấy giờ **Xá Lợi Phất** (Śāriputra) bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Thật chưa từng có! Nay nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội mà Ác Ma đó chẳng đến gây nhiễu loạn”  
Đức Phật bảo **Xá Lợi Phất**: “Ông muốn thấy việc suy não của Ma không?”  
“Dạ thưa! Con muốn thấy”

Khi ấy Đức Phật phóng ánh sáng của tướng Đại Nhân từ **Bạch Hào** (sợi lông trắng xoáy vòng theo bên phải) ở tam tinh thời tất cả chúng hội đều thấy Ác Ma bị năm sự cột trời mà chẳng thể tự giải.

Đức Phật bảo **Xá Lợi Phất**: “Ông có thấy Ác Ma bị năm sự cột trời chẳng?”

“Dạ thưa! Con đã thấy. Ác Ma này bị sự cột trời của ai?”

Đức Phật nói: “Đó là sức uy thần của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Tại nơi cõi Phật nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, các Ma trong chỗ ấy muốn dùng tâm ác gây sự chướng ngại. Do Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cùng với sức uy thần của chư Phật cho nên các Ác Ma ấy đều tự thấy thân bị năm sự cột trời.

Này **Xá Lợi Phất**! Tại nơi chốn đã nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hoặc Ta đang hiện tiền, hoặc sau khi Ta diệt độ. Trong đó hết thấy các Ma, Ma dân với nhóm người khác ôm mang tâm ác... Dùng sức uy thần của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cho nên đều bị năm sự cột trời”

Bấy giờ trong Hội: hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà ...bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chúng con đối với Tam Muội này, tâm không có nghi, chẳng bị chướng ngại. Chúng con chẳng muốn thân này bị năm sự cột trời.

Thế Tôn! Chúng con cung kính Tam Muội này cho nên đều sẽ đi đến hộ giúp người nói Pháp đó, đối với Tam Muội đó sinh tướng như Đức Thế Tôn”

Đức Phật bảo các Trời Rồng, Thần: “Ông dùng điều đó cho nên đối với mười hai **Kiến Phộc** (sự cột buộc của 12 loại Kiến) để được giải thoát.

Nhóm nào là mười hai?

- \_ Sự cột buộc của **Ngã Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Chúng Sinh Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Thọ Mệnh Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Nhân Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Đoạn Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Thường Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Ngã Tác Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Ngã Sở Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Hữu Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Vô Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Thử Bĩ Kiến**
- \_ Sự cột buộc của **Chư Pháp Kiến**



Đây là mười hai. Các ông nên biết, nếu có chúng sinh ở trong Phật Pháp khởi tâm sân hận muốn hủy hoại đều do trụ ở mười hai **Kiến Phộc** (sự cột buộc của 12 loại Kiến) này. Nếu người Tín Giải tùy thuận chẳng nghịch nơi mười hai Kiến Phộc này sẽ được giải thoát.

Lúc đó, Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Ác Ma ở ngày nay có được nghe nói tên của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội này không?”

Đức Phật nói: “Cũng được nghe. Do bị cột trời cho nên chẳng thể đến được”

Xá Lợi Phất nói: “Vì sao Đức Như Lai chẳng dùng Thần Lực khiến cho Ma chẳng được nghe nói tên gọi của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội ?”

Đức Phật nói: “Ngưng ngay! Đừng nói lời này! Giả sử lửa lớn tràn đầy trong hàng hà sa đặng Thế Giới, vì nghe nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội này, sẽ theo đó vượt qua được. Tại sao thế? Nếu người chỉ nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Ta nói người này được thiện lợi thù thắng lớn, được bốn Thiên, sinh vào bốn cõi Phạm

Này Xá Lợi Phất! Nếu khiến cho Ác Ma ngày nay được nghe nói tên gọi của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Do nhân duyên này sẽ được ra khỏi tất cả việc Ma. Nếu kẻ do bị cột trời mà được nghe cũng sẽ ở mười hai Kiến Phộc này mà được giải thoát.

Chính vì thế cho nên Xá Lợi Phất! Người ác **tà kiến** nhập vào lưới Ma còn nên nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội này huống chi là kẻ có tâm trong sạch, vui vẻ muốn nghe”

Bấy giờ trong Hội có một vị Bồ Tát tên là **Ma Giới Hành Bất Ô** bạch Phật rằng: “Dạ vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Nay con sẽ hiện ở trong cõi Ma (Ma giới) dùng sức Thần tự tại khiến cho Ma được trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Đức Phật nói: “Tùy theo ý của ông”

Thời **Ma Giới Hành Bất Ô** Bồ Tát liền ở trong Hội, đột nhiên chẳng hiện. Hiện ra ở cung Ma, nói với Ác Ma rằng: “*Người còn chưa nghe Đức Phật nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, vô lượng chúng sinh đều phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề ra khỏi cảnh giới của người, cũng đều sẽ lại độ thoát người khác ra khỏi cảnh giới của người*”

Ma liền báo rằng: “Tôi nghe Đức Phật nói tên gọi của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Do bị năm sự cột trời nên chẳng thể đến được. Năm sự cột trời ấy là: bị cột buộc ở hai bàn tay, hai bàn chân với cái đầu”

Lại hỏi Ác Ma: “Ai cột trời người?”

Ma liền đáp rằng: “Tôi ưa phát tâm muốn đến gây hoại loạn người nghe nhận Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, liền bị năm sự cột trời. Tôi lại nghĩ rằng: “*Chư Phật Bồ Tát có uy đức lớn, khó thể gây hoại loạn, nếu Ta đi đến, hoặc sẽ tự hoại chẳng như tự trụ ở cung điện này*”. Tác niệm đó xong liền ở năm sự cột trời mà được giải thoát”

Bồ Tát đáp rằng: “Như vậy tất cả phàm phu nhớ tưởng phân biệt, điên đảo nhận lấy tướng vì thế cho nên có sự trời buộc. Động niệm hý luận cho nên có sự trời buộc. Thấy, nghe, hiểu, biết cho nên có sự trời buộc. Trong đây thật không có sự cột buộc, sự cõi bỏ. Tại sao thế? Vì các Pháp không có cột trời, vốn giải thoát. Các Pháp không có cõi bỏ vốn không có trời buộc. Tướng thường giải thoát, không có ngu si. Đức Như Lai dùng Pháp Môn này nói Pháp. Nếu có chúng sinh được biết nghĩa này, muốn cầu Giải Thoát thì tâm nên siêng năng tinh tiến, liền ở các sự trời buộc mà được giải thoát”

Thời trong Ma Chúng có bảy trăm Thiên Nữ đem hương hoa, hương bột, hương xoa bôi với Anh Lạc của cõi Trời rải lên Ma Giới Hành Bất Ô Bồ Tát rồi nói rằng: “Vào lúc nào thời con ở cõi Ma mà được giải thoát?”

Bồ Tát bảo rằng: “Các người nếu chẳng hoại sự cột trói của Ma (Ma phộc), tức được giải thoát. Thế nào gọi là sự cột trói của Ma? Ấy là **sáu mươi hai Kiển**. Nếu người chẳng hoại các **Kiển** này, tức ở sự cột trói của Ma mà được giải thoát”

Thiên Nữ lại nói: “Vì sao gọi là chẳng hoại các **Kiển** mà được giải thoát?”

Đáp rằng: “Các **Kiển** vốn không có chỗ theo đến, đi không có chỗ đến. Nếu biết tướng không có **đi, đến** của các **Kiển**, tức ở sự cột trói của Ma mà được giải thoát. Các **Kiển** chẳng phải có, chẳng phải không có. Nếu chẳng phân biệt **có, không**, tức ở sự cột trói của Ma mà được giải thoát. Nếu không có chỗ thấy, đó là **Chính Kiển**. Chính Kiển như vậy không có chính, không có Tà. Nếu Pháp không có chính, không có Tà, không có tạo tác, không có thọ nhận, tức ở sự cột trói của Ma mà được giải thoát. Các **Kiển** đó chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài cũng chẳng phải khoảng giữa. Như vậy các Kiển cũng chẳng nhớ niệm, tức ở sự cột trói của Ma mà được giải thoát”.

Bảy trăm Thiên Nữ nghe nói Pháp này liền được **Thuận Nhẫn**, rồi nói rằng: “Chúng con cũng sẽ ở trong cõi Ma hành không có nhiễm ô, độ thoát tất cả sự cột trói của Ma”

Bấy giờ Ma Giới Hành Bất Ô Bồ Tát nói với Ác Ma rằng: “Các quyền thuộc của người đã phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Người làm việc gì?”

Ác Ma đáp rằng: “Tôi bị năm sự cột trói, chẳng biết việc làm”

Bồ Tát đáp rằng: “Người phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề sẽ theo sự cột buộc này mà được giải thoát”

Thời các Thiên Nữ thương lo cho Ma nên đều nói rằng: “Có thể phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Đừng ở chỗ an ổn mà sinh tưởng sợ hãi. Đừng ở trong niềm vui mà sinh tưởng khổ. Đừng ở chỗ giải thoát mà sinh tưởng trói buộc”

Khi ấy, Ác Ma sinh Tâm quanh co mà nói rằng: “Nếu người buông lìa Tâm Bồ Đề thì Ta sẽ phát Tâm”

Thời các Thiên Nữ dùng sức phương tiện, rồi nói với Ma rằng: “Chúng tôi đều đã buông lìa Tâm này. Ông liền có thể phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Nếu một Bồ Tát phát Tâm Bồ Đề thì tất cả Bồ Tát cũng đồng với Tâm đó. Tại sao thế Vì Tâm không có sai biệt, đối với tâm của các chúng sinh đều bình đẳng”

Khi đó Ác Ma nói với Ma Giới Hành Bất Ô Bồ Tát rằng: “Nay tôi sẽ phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Do căn lành đó khiến cho tôi cởi được sự cột trói”

Nói lời này xong, liền tự thấy thân từ sự cột buộc được giải bỏ. Thời Ma Giới Hành Bất Ô Bồ Tát dùng sức Thần Thông phóng ánh sáng lớn, hiện thân trong sạch màu nhiệm chiếu nơi cung Ma. Ma tự thấy thân không có uy quang giống như đồng mực.

Thời trong Ma Chúng, hai trăm Thiên Nữ dính sâu vào sự dâm dục nhìn thấy thân sắc đoạn chính của Bồ Tát này liền khởi niềm ái đều nói lời này: “Nếu người này có thể cho tôi theo phụng sự. Chúng tôi đều sẽ tùy thuận sự dạy bảo”

Thời Bồ Tát này biết các Thiên Nữ có Túc Duyên đáng độ. Tức thời hóa làm hai trăm vị Thiên Tử với sắc mạo đoạn nghiêm như thân không khác. Lại làm hai trăm đài báu liên tiếp ở chỗ trống, hơn hẳn cung quán của Ma. Các Thiên Nữ đó đều tự thấy thân ở tại Đài báu này, mỗi mỗi đều ở vị trí của mình, cùng với Bồ Tát này chung nhau vui đùa. Ước nguyện được thỏa mãn thì ý dâm dục liền dứt, đều sinh tâm sâu xa yêu

kính Bồ Tát. Tức thời Bồ Tát tùy theo chỗ thích ứng của họ mà nói Pháp, đều phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Thời Ma Giới Hành Bất Ô Bồ Tát nói với Ác Ma rằng: “Người có thể đến gặp Đức Phật”

Ma tác niệm này: “Sự cột trói của Ta đã được cởi bỏ. Ta sẽ đến chỗ của Đức Phật gây hoại loạn nói Pháp”

Bấy Giờ Ác Ma với quyền thuộc vây quanh đi đến chỗ của Đức Phật rồi bạch rằng: “Thế Tôn! Đừng nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó. Tại sao thế? Vì nói Tam Muội đó thì thân của con tức thời bị năm sự cột trói. Nguyên xin Đức Như Lai nên nói việc khác”

Thời Kiên Ý Bồ Tát nói với Ác Ma rằng: “Ai cởi bỏ sự cột trói cho ông?”

Đáp rằng: “Ma Giới Hành Bất Ô Bồ Tát cởi bỏ sự cột trói cho tôi”

“Ông hứa việc gì mà được cởi trói?”

Ma nói: “Tôi hứa phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề”

Bấy giờ Đức Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát: “Nay Ác Ma đó vì muốn cởi trói nên phát Tâm Bồ Đề chứ chẳng phải là ý trong sạch.

Như vậy Kiên Ý! Sau khi Ta diệt độ, năm trăm năm sau phần nhiều có Tỳ Kheo vì lợi dưỡng cho nên phát Tâm Bồ Đề chứ chẳng phải là ý trong sạch.

Này Kiên Ý! Ông quán thế lực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, uy thần của Phật Pháp. Các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đó dùng Tâm hời hợt đùa giỡn, Tâm lợi dưỡng tùy đuổi theo tâm của kẻ khác... nghe Tam Muội đó mà phát Tâm Bồ Đề. Ta đều biết Tâm này cùng với Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề được làm Nhân Duyên. Huống chi nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó, hay dùng Tâm trong sạch phát A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Nên biết người này ở trong Phật Pháp đã được định xong”.

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay Ác Ma này nghe nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, vì muốn được cởi trói cho nên phát Tâm Bồ Đề thời cũng được đầy đủ nhân duyên của Phật Pháp ư?”

Đức Phật nói: “Như ông đã nói. Ác Ma do Nhân Duyên Phước Đức của Tam Muội đó với nhân duyên phát Tâm Bồ Đề cho nên ở đời vị lai được buông bỏ tất cả việc Ma, hành của Ma, tâm quanh co của Ma, việc suy nảo của Ma. Từ nay về sau, dần dần sẽ được sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, thành tựu Phật Đạo”

Kiên Ý Bồ Tát nói với Ác Ma rằng: “Nay Đức Như Lai cho ông được thọ ký”

Ma nói: “Này Thiện Nam Tử! Nay tôi chẳng dùng Tâm thanh tịnh để phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Vì sao Đức Như Lai cho tôi được Thọ Ký?. Như Đức Phật nói rằng: “*Từ Tâm có Nghiệp, từ Nghiệp có Báo*”. Tôi tự không có Tâm cầu Đạo Bồ Đề. Vì sao Đức Như Lai cho tôi được thọ ký?”

Thời Đức Phật muốn cắt đứt sự nghi ngờ của Chúng Hội nên bảo Kiên Ý rằng: “Bồ Tát thọ ký. Phạm có bốn loại. Thế nào là bốn?”

- \_ Có kẻ chưa phát tâm mà cho Thọ Ký.
- \_ Có kẻ thích phát tâm mà cho Thọ Ký.
- \_ Có kẻ kín đáo Thọ Ký (Mật Thọ Ký)
- \_ Có kẻ được Vô Sinh Pháp Nhãn hiện tiền thì chi Thọ Ký.

Đấy gọi là bốn, chỉ có Như Lai hay biết việc này, tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật đều chẳng thể biết.

\_ Đây Kiên Ý! Thế nào gọi là **Có kẻ chưa phát tâm mà cho Thọ Ký**? Hoặc có chúng sinh đi đến năm nẻo, hoặc tại Địa Ngục, hoặc tại Súc Sinh, hoặc tại Ngạ Quỷ, hoặc trên cõi Trời, hoặc tại nhân gian... các căn mạnh bén, ưa thích Pháp lớn. Đức Phật biết người đó trải qua nhục can trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp này sẽ phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Lại ở **nhược can** (số nhiều) trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp hành Bồ Tát Đạo, cúng dường nhục can trăm ngàn vạn ức na do tha Phật, giáo hóa nhục can trăm ngàn vạn ức vô lượng chúng sinh khiến trụ Bồ Đề. Lại qua nhục can trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp sẽ được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, có tên hiệu như vậy, quốc độ như vậy, số chúng Thanh Văn thọ mệnh như vậy; sau khi diệt độ, Pháp trụ số năm như vậy “

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Như Lai thấy hay biết rõ việc này lại vượt qua điều đó. Đấy gọi là **chưa phát tâm mà cho Thọ Ký**”

Bấy giờ Trưởng Lão **Ma Ha Già Diệp** (Mahā-kāśyapa) ở trước mặt Đức Phật bạch rằng: “Từ nay về sau, chúng con sẽ đối với tất cả chúng sinh, sinh tướng như Đức Thế Tôn. Tại sao thế? Vì chúng con không có Trí Tuệ như vậy, chúng sinh của nhóm nào có căn Bồ Tát, chúng sinh của nhóm nào không có căn Bồ Tát.

Thế Tôn! Chúng con chẳng biết việc như vậy cho nên hoặc đối với chúng sinh, sinh tâm khinh mạn tức tự gây thương tích cho mình”

Đức Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Già Diệp mau chóng nói lời này. Do việc đó cho nên trong Kinh của Ta nói: *“Người tức chẳng nên vọng đánh giá chúng sinh. Tại sao thế? Nếu vọng đánh giá chúng sinh khác, tức tự gây thương tích cho mình. Chỉ có Đức Như Lai mới đánh giá đúng chúng sinh cùng với đẳng nhóm của họ. Do nhân duyên đó, nếu các Thanh Văn với Bồ Tát khác đối với chúng sinh, nên tưởng như Đức Phật”*.

\_ **Người thích phát Tâm xong được Thọ Ký**. Hoặc tự có người từ lâu đã gieo trồng gốc Đức, tu tập hạnh lành, tâm siêng năng tinh tiến, các căn mạnh bén, ưa thích Pháp lớn, có Tâm Đại Bi, vì khắp chúng sinh cầu Đạo giải thoát. Người đó phát Tâm, liền trụ A Duy Việt Trí, vào địa vị Bồ Tát, rơi hết định số, ra khỏi tám nạn

Lúc người của nhóm như vậy thích phát Tâm thời chư Phật liền cho thọ nhận A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề Ký, danh hiệu như vậy quốc độ như vậy, Thọ Mệnh như vậy. Người của nhóm như vậy, Như Lai biết Tâm mà cho thọ ký. Đấy gọi là **phát Tâm liền cho Thọ Ký**.

\_ **Thọ Ký kín đáo** (Mật Thọ Ký). Tự có Bồ Tát chưa được Thọ Ký mà thường siêng năng cầu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, vui bố thí mọi thứ, vui bố thí tất cả, thọ nhận Pháp bền chắc, giữ gìn Giới chẳng buông bỏ, sâu xa phát trang nghiêm, có sức Đại Nhẫn ngang bằng chúng sinh trong tâm, siêng hành tinh tiến cầu các Pháp lành, thân tâm chẳng lười biếng như cứu cái đầu bị đốt cháy, hành niệm an ổn, hay được bốn Thiên, vui cầu Trí Tuệ, Hành Bồ Đề của Phật, hành sáu Độ lâu xa, có tướng thành Phật.

Thời Bồ Tát khác, Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà... đều tác niệm là: “Như Bồ Tát này chuyên tâm tinh tiến, thật là hiếm có! Bao lâu sẽ được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề? Hiệu ấy thế nào? Quốc độ tên gì? Chúng Thanh Văn có nhiều ít thế nào?”

Đức Phật vì chặt đứt sự nghi ngờ của chúng sinh này mà cho Thọ Ký, khiến khắp Chúng Hội đều được nghe biết. Chỉ có riêng một mình Bồ Tát đó chẳng được nghe. Do

Thần Lực của Đức Phật cho nên khiến tất cả Chúng biết Bồ Tát đó thành Phật với tên hiệu, quốc độ như vậy, chúng Thanh Văn có số nhiều ít như vậy, thời sự nghi ngờ của Chúng đều giải quyết xong, đối với Bồ Tát này, sinh tướng như Đức Thế Tôn mà Bồ Tát đó chẳng thể tự biết: “*Ta được Thọ Ký, hay chưa được Thọ Ký*”. Đây là Bồ Tát được **Thọ Ký kín đáo**

**Thọ Ký ngay trước mặt** (Hiện Tiền Thọ Ký). Có Bồ Tát đã từ lâu gom chứa căn lành, không có gì chẳng thấy được, thường tu Phạm Hạnh, quán **Vô Ngã, Không**. Nơi tất cả Pháp, được Vô Sinh Nhẫn. Đức Phật biết người này đã đầy đủ hết Công Đức Trí Tuệ. Liên ở trong Đại Chúng: tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn... Thọ Ký ngay trước mặt, nói lời này: “*Này Thiện Nam Tử! Ông trải qua ngàn ấy trăm ngàn vạn ức kiếp sẽ được thành Phật, tên hiệu như vậy, quốc độ như vậy, số chúng Thanh Văn, Thọ Mệnh như vậy*”. Thời vô số tùy học người đó đều Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Người đó ở trước mặt Đức Phật được Thọ Ký xong thì thân bay lên hư không, cao khoảng bảy cây Ta La “

Này Kiên Ý! Đây gọi là **Hiện Tiền Thọ Ký** thứ tư

Khi ấy Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Nay trong Hội này còn có Bồ Tát nào do bốn việc này mà được Thọ Ký không ?”

Đức Phật đáp rằng: “Có”

“Bạch Đức Thế Tôn! Đó là ai ?”

Đức Phật nói: “**Sư Tử Hồng Vương Bồ Tát, Lạc Dục Cư Sĩ** này là kẻ chưa phát Tâm mà được Thọ Ký. Vô số Bồ Tát thuộc Thế Giới ở Phương khác của nhóm như vậy cũng chưa phát Tâm mà được Thọ Ký.

Lại có **Tịch Diệt Bồ Tát, Đại Đức Pháp Vương Tử Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát**, vô lượng các hàng Bồ Tát như vậy lúc thích phát Tâm liền cho Thọ Ký, đều trụ trong Địa **A Duy Việt Trí**

Trong đó lại có **Trí Dũng Bồ Tát, Ích Ý Bồ Tát**, vô lượng các hàng Bồ Tát như vậy đều là bậc kín đáo cho Thọ Ký

Này Kiên Ý! Ta với Di Lạc, ngàn vị Bồ Tát đời Hiền Kiếp đều được Vô Sinh Pháp Nhẫn Hiện Tiền Thọ Ký”

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thật hiếm có! Bạch Đức Thế Tôn! Chỗ hành của Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn ! Tất cả Thanh Văn , các Bích Chi Phật còn chẳng thể biết , huống chi là chúng sinh khác”

Đức Phật nói: “Này Kiên Ý! Chỗ hành của Bồ Tát đã phát tinh tiến, Uy Thần, Thế Lực chẳng thể nghĩ bàn”

Bấy giờ Thiên Nữ đã được Ma Giới Hành Bất Ô Bồ Tát giáo hóa, khiến phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề đều đem hoa Trời rải lên trên Đức Phật rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chúng con chẳng thích kín đáo được Thọ Ký. Chúng con nguyện được Vô Sinh Pháp Nhẫn Hiện Tiền Thọ Ký. Nguyện xin Đức Thế Tôn ở ngày nay trao cho con A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề Ký”

Thời Đức Phật mỉm cười, từ miệng tuôn ra mọi loại ánh sáng diệu sắc chiếu các Thế Giới rồi quay lại nhập vào đỉnh đầu.

**A Nan** (Ānanda) bạch Phật rằng: “Do Nhân nào mà Đức Thế Tôn cười?”

Đức Phật bảo A Nan: “Nay ông có thấy hai trăm Thiên Nữ chấp tay kính lễ Như Lai không ?”

“Bạch Đức Thế Tôn ! Đã thấy”

“Này A Nan! Các Thiên Nữ đó, xưa kia đã từng ở chỗ của năm trăm Đức Phật, gieo trồng căn lành thâm sâu. Từ đó trở đi, sẽ lại cúng dường vô số chư Phật, trải qua bảy trăm a tăng kỳ kiếp xong, đều được thành Phật hiệu là **Tịnh Vương**.”

Này A Nan! Các Thiên Nữ đó sau khi mệnh chung được chuyển thân nữ, đều sẽ sinh ở trên Trời Đâu Suất, cúng dường phụng sự Di Lặc Bồ Tát”

Khi ấy Ác Ma nghe các Thiên Nữ được thọ ký xong, liền bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con tự đối với hết thấy quyền thuộc chẳng được tự tại, do nghe nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó, hưởng chỉ nghe điều khác! Nếu người được nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, liền được quyết định trụ trong Phật Pháp”

Lúc đó Thiên Nữ dùng tâm không có khiếp sợ, nói với Ác Ma rằng: “Ông đừng quá buồn! Nay chúng tôi chẳng rời cõi của Ông. Tại sao thế? Vì cõi Ma **như** tức là cõi Phật **như**. Cõi Ma **như**, cõi Phật **như** chẳng phải hai chẳng phải khác, chúng tôi chẳng lìa cái **như** đó. Tướng của cõi Ma tức là tướng của cõi Phật. Pháp của cõi Ma Pháp của cõi Phật chẳng phải hai chẳng phải khác, chúng tôi đối với tướng của Pháp này chẳng ra khỏi chẳng vượt qua. Pháp không có định của cõi Ma có thể hiển bày, cõi Phật cũng có Pháp không có định có thể hiển bày, cõi Ma cõi Phật chẳng phải hai chẳng phải khác, chúng tôi đối với tướng của Pháp này chẳng ra khỏi chẳng vượt qua. Chính vì thế nên biết tất cả các Pháp không có quyết định, do không có quyết định nên không có quyền thuộc, không có gì chẳng phải là quyền thuộc”

Bấy giờ Ác Ma lo buồn khổ não muốn quay về trên Trời.

Ma Giới Hành Bất Ô Bồ Tát nói với Ác Ma rằng: “Ngươi muốn đi đâu?”

Ma nói:”Tôi muốn quay về cung điện đã trụ”

Bồ Tát nói rằng: “Chẳng lìa Chúng đó, tức là cung điện của ngươi”

Lúc đó Ác Ma liền tự thấy thân ở cung điện của mình

Bồ Tát nói rằng: “Ngươi thấy điều gì ?”

Ác Ma đáp rằng: “Tôi tự thấy thân ở cung điện của mình, rừng vườn ao xinh đẹp là sở hữu của tôi”

Bồ Tát nói rằng: “Nay ngươi có thể đem dâng lên Đức Như Lai”

Ma nói: “Có thể được”

Vừa nói lời đó liền thấy Đức Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, tất cả Đại Chúng đều ở ngay trong chốn đó nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Khi ấy A Nan bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nơi Đức Phật đã trụ, nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội với có kẻ dâng thí, ăn xong thời Đức Phật được thành Đạo. Hai vị Thí Chủ này có Phước nhiều như thế nào?”

Đức Phật nói: “Này A Nan! Dâng thí cho Đức Phật ăn xong, Đức Phật thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ăn xong, chuyển bánh xe Pháp. Ăn xong nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Phước của ba bữa ăn này không có sai biệt.

Này A Nan! Ta ở chỗ nào được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nên biết chỗ ấy tức là Kim Cương. Chư Phật quá khứ hiện tại vị lai đều ở trong chỗ đó được thành Phật Đạo. Tùy theo chỗ đã trụ, nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thời cả hai đều ngang bằng không có sai khác. Với nơi có đọc tụng, viết chép cũng lại như vậy.

Này A Nan! Dâng thí cho Đức Phật ăn xong, bắt đầu chuyển bánh xe Pháp. Nếu có Pháp Sư được dâng thí, ăn xong, đọc tụng, nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó thời Phước của hai việc dâng thí này ngang bằng không có khác.

Lại nữa A Nan! Đức Phật trụ ở Tịnh Xá dùng mười tám loại Thần Thông biến hóa độ thoát chúng sinh. Lại có kẻ ở trong Tịnh Xá, đọc tụng, nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó thời Phước của hai nơi dâng thí này chẳng khác”

Bấy giờ A Nan nói với Ác Ma rằng: “Ông được lợi lớn, hay đem cung điện dâng thí cho Đức Phật cư trú”

Ma nói: “Đây là ân lực an bày của Ma Giới Hành Bất Ô Bồ Tát”

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Ma Giới Hành Bất Ô Bồ Tát đó trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, có Thần Lực tự tại như thế sao?”

Đức Phật nói: “Này Kiên Ý! Như ông đã nói. Nay Bồ Tát này trụ Tam Muội đó hay dùng Thần Lực tùy ý tự tại, thị hiện tất cả hành Hạnh của cõi Ma mà hay chẳng bị sự nhiễm ô của Ma Hạnh. Cùng với Thiên Nữ hiện tướng vui đùa nhưng thật chẳng thọ nhận Pháp ác dâm dục. Thiên Nam Tử đó trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội hiện vào cung Ma nhưng thân chẳng lìa nơi Phật Hội. Hiện hành cõi Ma, du hí vui đùa nhưng dùng Phật Pháp giáo hóa chúng sinh”.

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Đức Như Lai trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó hay hiện Thần Lực tự tại ở bao nhiêu nơi? Lành thay! Nguyện xin Đức Thế Tôn diễn nói chút ít”

Đức Phật nói: “Này Kiên Ý! Nay Ta trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội này, ở ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này, trăm ngàn bốn Thiên Hạ, trăm ngàn mặt trời mặt trăng, trăm ngàn cõi Tứ Thiên Vương, trăm ngàn Đạo Lợi Thiên, trăm ngàn Dạ Ma Thiên, trăm ngàn Đâu suất Đà Thiên, trăm ngàn Hóa Lạc Thiên, trăm ngàn Tha Hóa Tự Tại Thiên cho đến trăm ngàn A Ca Nị Tra Thiên, trăm ngàn Tu Di Sơn Vương, trăm ngàn biển lớn. Đấy gọi là ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.

Này Kiên Ý! Ta trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội ở ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này . Hoặc ở Diêm Phù Đề hiện hành Đàn Ba La Mật (Bồ Thí Ba La Mật). Hoặc ở Diêm Phù Đề hiện hành Thí Ba La Mật (Tri Giới Ba La Mật). Hoặc ở Diêm Phù Đề hiện hành Sạn Đề Ba La Mật (Nhẫn Nhục Ba La Mật). Hoặc ở Diêm Phù Đề hiện hành Tỳ Lê Gia Ba La Mật (Tinh Tiến Ba La Mật). Hoặc ở Diêm Phù Đề hiện hành Thiên Ba La Mật (Thiên Định Ba La Mật). Hoặc ở Diêm Phù Đề hiện hành Bát Nhã Ba La Mật (Tuệ Ba La Mật). Hoặc ở Diêm Phù Đề hiện làm Ngũ Thông Thần Tiên. Hoặc ở Diêm Phù Đề hiện ngụ tại nhà. Hoặc ở Diêm Phù Đề hiện hành xuất gia. Hoặc ở bốn Thiên Hạ hiện làm Nhất Sinh Bồ Xứ tại Trời Đâu Suất. Hoặc ở bốn Thiên Hạ hiện làm Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc làm Thích Đề Hoàn Nhân, hoặc làm Phạm Vương , hoặc làm bốn Thiên Vương, hoặc làm Dạ Ma Thiên Vương, hoặc làm Đâu Suất Đà Thiên Vương, hoặc làm Hóa Lạc Thiên Vương, hoặc làm Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương, hoặc hiện Trưởng Giả, hoặc hiện cư sĩ. Hoặc lại hiện làm Tiểu Vương, Đại Vương. Hoặc làm Sát Lợi, hoặc làm Bà La Môn, hoặc làm Tát Bạc

Hoặc ở bốn Thiên Hạ, muỗn từ Đâu Suất sinh xuống Thế Gian, hoặc hiện nhập vào bào thai, hoặc hiện ở bào thai, hoặc hiện muỗn sinh, hoặc hiện sinh xong thì đi bảy bước, giơ tay tự xưng: **“Trên Trời dưới Trời chỉ có Ta là tôn quý”**. Hoặc hiện ở trong cung cùng ở chung với Thế Nữ, hoặc hiện xuất gia, hoặc hiện khổ hạnh, hoặc hiện lấy cỏ, hoặc hiện ngồi Đạo Trường, hoặc hiện Giảng Ma, hoặc hiện thành Phật, hoặc hiện quán Thụ Vương (cây vua), hoặc hiện Thích Phạm thỉnh chuyển bánh xe Pháp, hoặc

hiện chuyển bánh xe Pháp, hoặc hiện buông xả tuổi thọ, hoặc hiện vào Niết Bàn, hoặc hiện thiêu đốt thân, hoặc hiện Xả Lợi của toàn thân, hoặc hiện chia rải Xả Lợi của thân, hoặc hiện Pháp muốn diệt, hoặc hiện Pháp đã diệt, hoặc hiện Thọ Mệnh vô lượng, hoặc hiện Thọ Mệnh ngắn ngủi, hoặc hiện quốc độ không có tên của nẻo ác, hoặc hiện có các nẻo ác, hoặc hiện Diêm Phù Đề thanh tịnh nghiêm sức như cung điện của Trời, hoặc hiện xấu ác, hoặc hiện Thượng Trung Hạ

Này Kiên Ý! Đây đều là Thần Lực tự tại của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Bồ Tát thị hiện nhập vào Niết Bàn, chẳng diệt trọn hết mà ở ba ngàn Đại Thiên Thế Giới hay hiện Thần Lực tự tại như vậy, thị hiện các việc trang nghiêm như vậy.

Này Kiên Ý! Ông quán Đức Như Lai ở bốn Thiên Hạ này chuyển bánh xe Pháp. Ở cõi Diêm Phù Đề chưa thành Đạo, hoặc có cõi Diêm Phù Đề hiện nhập vào Diệt Độ. Đây gọi là Pháp Môn **Sở Nhập** của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Bấy giờ trong Hội: các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà... các Bồ Tát, Đại Đề Tử đều tác niệm này: “*Đức Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng những hay ở ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này có Thần Lực đó, mà ở Thế Giới khác cũng có sức ấy*”

Thời **Văn Thủ Sư Lợi Pháp Vương Tử** biết ý của chúng Hội, vì muốn chặt đứt sự nghi ngờ nên bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con đã du hành các Quốc Độ của Phật. Ở bên trên Thế Giới này vượt qua sáu mươi hằng hà sa quốc độ có Thế Giới của Phật tên là **Nhất Đăng Minh**, Đức Phật ở trong cõi đó vì người nói Pháp. Con đến chốn ấy, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật rồi hỏi rằng: “*Đức Thế Tôn có tên hiệu gì? Chúng con phải làm thế nào để phụng trì tên của Phật?*”

Đức Phật ấy đáp rằng: “*Ông đến chỗ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tự vị ấy sẽ nói cho ông biết*”

Thế Tôn! Công Đức trang nghiêm của quốc độ Phật ấy, cho dù nói một kiếp cũng chẳng thể hết. Hơn nữa nước ấy không có tên của Thanh Văn, Bích Chi Phật chỉ có các Bồ Tát Tăng, thường nói Bất Thoái Chuyển Pháp Luân. Nguyên xin Đức Thế Tôn nói tên của Đức Phật này, Đấng đang giảng nói Pháp ở cõi Nhất Đăng Minh”

Khi ấy Đức Phật bảo Văn Thủ Sư Lợi Pháp Vương Tử: “Các ông hãy khéo nghe! Đừng ôm ấp sự sợ hãi mà sinh nghi ngờ hối hận! Tại sao thế? Vì chư Phật có Thần Lực chẳng thể nghĩ bàn. Thế lực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Này Văn Thủ Sư Lợi! Đức Phật đang giảng nói Pháp ở cõi Nhất Đăng Minh có hiệu là **Nhất Thiết Công Đức Tự Tại Quang Minh Vương**.

Này Văn Thủ Sư Lợi! Đức Phật **Nhất Thiết Công Đức Tự Tại Quang Minh Vương** đó ở cõi Nhất Đăng Minh, tức là thân của Ta ở quốc độ ấy hiện Thần Lực của Phật. Ta ở cõi ấy nói Bất Thoái Chuyển Pháp Luân, là Tịnh Thổ mà Ta đã tu trong đời trước

Này Văn Thủ Sư Lợi! Nay ông nên biết Ta ở hết vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na do tha quốc độ, có Thần Lực, điều mà tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng thể biết

Này Văn Thủ Sư Lợi! Đây tức là thế lực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Bồ Tát thường ở vô lượng Thế Giới thị hiện Thần Biến, ở Tam Muội đó mà chẳng động chuyển.

Văn Thủ Sư Lợi! Ví như mặt trời mặt trăng ở cung điện. Bắt đầu chẳng di động mà hiện ở tất cả thành ấp, thôn xóm. Bồ Tát như vậy trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, thoát đầu chẳng di động mà hay ở khắp vô lượng Thế Giới thị hiện thân ấy, tùy theo sự ưa thích của Chúng mà nói Pháp”



Lúc đó chúng Hội được điều chưa từng có đều rất vui vẻ, hơn hờ vô lượng, chấp tay cung kính... cùng với các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già dùng trân châu, hoa, hương khí đủ màu sắc, hương bột, hương xoa bôi rải lên trên Đức Phật, đều tấu hết thầy các kỹ nhạc của chư Thiên cúng dường Đức Như Lai với các Đệ Tử, cũng đều cởi áo trên (thượng y) dâng lên Đức Phật, các hàng Bồ Tát. Đem hoa diêu sắc lớn như núi Tu Di kèm với mọi hương tạp, hương bột, hương xoa bôi, trân bảo, Anh Lạc rải lên trên Đức Phật, đều nói lời này: “Dạ vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Nếu nơi có nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thì đất ấy tức là Kim Cương. Nếu người được nghe nói Tam Muội đó, tin nhận đọc tụng, vì người diễn nói chẳng kinh chẳng sợ, nên biết người này cũng là Kim Cương thành **Bất Hoại Nhẫn**, trụ thâm sâu nơi Tín, được chư Phật hộ giúp, gieo trồng căn lành sâu dày, được thiện lợi lớn, giáng Ma oán địch, cắt đứt các nẻo ác, là nơi thủ hộ của Thiện Tri Thức”

Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa của điều Phật nói. Nếu có chúng sinh nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó, liền hay tin nhận, đọc tụng, giải nghĩa, vì người diễn nói, như Thuyết tu hành, nên biết người đó được trụ Phật Pháp, quyết định chẳng thoái lui”

Đức Phật nói: “Như vậy! Như vậy! Như các ông nói. Nếu người chẳng gieo trồng căn lành sâu dày, nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội chẳng thể tin nhận. Ít có chúng sinh nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội mà hay tin nhận, phần lớn chúng sinh chẳng thể tin nhận.

Này Thiện Nam Tử! Người có bốn Pháp, nghe Tam Muội đó, hay được tin nhận. Nhóm nào là bốn ?

Một là từng ở nơi của chư Phật quá khứ, nghe Tam Muội đó.

Hai là Được Thiện Tri Thức giúp đỡ, ưa thích Phật Đạo thâm sâu.

Ba là căn lành sâu dày ưa thích Pháp lớn.

Bốn là thân tự được chứng Pháp thâm sâu của Đại Thừa.

Có bốn Pháp đó liền hay tin nhận Tam Muội như vậy

Thiện Nam Tử! Lại có **Mãn Nguyên A La Hán** với bậc có đầy đủ Chính Kiến, người tin hành Kiến Hạnh. Người đó tin thuận lời nói của Đức Như Lai, tin Tam Muội đó mà thân chẳng chứng. Tại sao thế? Vì Tam Muội đó chẳng phải là nơi mà tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật thông đạt được, hưởng chi là chúng sinh khác”

Bấy giờ Trưởng Lão **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa) bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Ví như người sinh ra đã bị mù, trong mộng được con mắt, nhìn thấy mọi loại hình sắc thì tâm rất vui vẻ. Liền ở trong mộng cùng nói chuyện với người có mắt. Người đó tỉnh giấc xong, lại chẳng thấy hình sắc. Chúng con cũng vậy, lúc chưa nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó thời tâm vui vẻ, nói là được Thiên Nhân cùng trụ với các Bồ Tát, cùng nói chuyện, bàn luận nghĩa lý.

Thế Tôn! Nay con theo Đức Phật nghe Tam Muội đó mà chẳng biết việc ấy, như người sinh ra đã mù, chẳng thể được biết Pháp mà chư Phật Bồ Tát đã hành. Từ nay trở đi chúng con tự nhìn thân ấy như người sinh ra đã mù, đối với Pháp thâm sâu của Phật, không có Trí Tuệ, chẳng biết chẳng thấy chỗ hành của Đức Thế Tôn. Từ nay trở đi chúng con biết các Bồ Tát chân thật được Thiên Nhân, hay được các Trí Tuệ thâm sâu như vậy”

Thế Tôn! Nếu người không có Tâm **Tát Bà Nhã** (Nhất Thiết Trí) thì ai sẽ tự nói con là bậc Trí, con là ruộng phước ?”

Đức Phật nói: “Như vậy! Như vậy! Như ông đã nói. Các Trí Tuệ thâm sâu mà Bồ Tát đã được thời Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng thể theo kịp”

Lúc Ma Ha Ca Diếp nói lời đó thời tám ngàn chúng sinh đều phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Bấy giờ Kiên Ý Bồ Tát hỏi Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử rằng: “Văn Thù Sư Lợi đã nói **ruộng Phước**. Thế nào gọi là ruộng Phước?”

Văn Thù Sư Lợi nói: “Có mười Pháp Hạnh tên là ruộng Phước. Nhóm nào là mười ?

\_ Trụ Môn Giải Thoát: Không, Vô Tướng, Vô Nguyện nhưng chẳng nhập vào Pháp Vị.

\_ Thấy biết bốn Đế nhưng chẳng chứng Đạo Quả.

\_ Hành tám Giải Thoát nhưng chẳng buông bỏ Bồ Tát Hạnh

\_ Hay khởi ba Minh nhưng hành ở ba cõi

\_ Hay hiện hình sắc uy nghi của Thanh Văn nhưng chẳng tùy theo âm giáo từ người khác cầu Pháp

\_ Hiện hình sắc uy nghi của Bích Chi Phật nhưng dùng Biện Tài vô ngại nói Pháp

\_ Thường tại Thiên Định nhưng hay hiện hành tất cả các Hạnh

\_ Chẳng lìa Chính Đạo nhưng hiện nhập vào Tà Đạo

\_ Tham nhiễm ái sâu nhưng lìa tất cả các Dục phiền não

\_ Nhập vào Niết Bàn nhưng đối với sinh tử chẳng hoại chẳng buông bỏ

Có mười Pháp đó, nên biết người đây là ruộng Phước chân thật”.

Khi ấy Kiên Ý Bồ Tát hỏi **Tu Bồ Đề** (Subhūti) rằng: “Bạch Trưởng Lão Tu Bồ Đề! Đức Thế Tôn nói ông là ruộng Phước bậc nhất. Ông đã được mười Pháp đó chưa?”

Tu Bồ Đề nói: “Tôi đối với Pháp đó còn chưa được một, huống chi là có mười”

Kiên Ý nói: “Vậy do đâu mà ông được gọi là ruộng Phước bậc nhất?”

Tu Bồ Đề nói: “Tôi chẳng là ruộng phước bậc nhất ở trong chư Phật Bồ Tát. Đức Phật nói Tôi là ruộng phước bậc nhất ở trong Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Này Kiên Ý! Ví như Tiểu Vương ở biên địa cũng gọi là vua. Nếu Chuyển Luân Thánh Vương đến ở biên địa thì các hàng Tiểu Vương chẳng được gọi là vua. Khi ấy chỉ có Chuyển Luân Thánh Vương vì Thánh Vương có uy đức thù diệu vượt hơn hẳn

Này Kiên Ý! Tùy theo quốc độ, thành ấp, thôn xóm không có Bồ Tát ở thì tôi ở trong chỗ ấy được làm ruộng Phước. Nếu có Đức Phật ngự, có Đại Bồ Tát thì Tôi ở trong đó chẳng được gọi là ruộng phước. Các Bồ Tát có Tâm Tát Bà Nhã, vì thế hơn hẳn Tôi”

Lúc đó Đức Phật khen Tu Bồ Đề rằng: “Lành thay! Lành thay! Như ông đã nói. Đây là lời nói của bậc Đại Đệ Tử không có tăng thượng mạn”

Kiên Ý Bồ Tát lại hỏi Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử rằng: “Văn Thù Sư Lợi đã nói **Đa Văn** (Bahu-srūta). Thế nào gọi là Đa Văn?”

Văn Thù Sư Lợi nói: “Nếu người được nghe Pháp của một câu, liền giải được ngàn vạn ức nghĩa trong đó, trăm ngàn vạn kiếp diễn bày giải nói, Trí Tuệ biện tài chẳng thể cùng tận. Đây gọi là Đa Văn.

Lại nữa Kiên Ý Bồ Tát! Được nghe điều mà vô lượng chư Phật ở mười phương đã nói, đều hay thọ trì hết, không có một câu nào mà trước kia chẳng nghe. Phạm điều đã nghe đều là điều mà trước kia đã nghe. Tùy theo Pháp đã nghe, hay gìn giữ chẳng quên, vì chúng sinh nói nhưng không có chúng sinh. Thân và chúng sinh cùng với Pháp đã nói không có sai biệt. Đây gọi là Đa Văn”.

Bấy giờ trong Hội có Bồ Tát Thiên Tử tên là **Tịnh Nguyệt Tạng** tác niệm này: “*Đức Phật nói trong hàng Đa Văn thì A Nan là tối vi đệ nhất. Như Văn Thù Sư Lợi đã nói về Đa Văn thì nay A Nan còn có là bậc nhất chăng?*”

Tác niệm đó xong, hỏi A Nan rằng: “Đức Như Lai nói trong hàng Đa Văn thời ông là bậc tối vi đệ nhất. Đa Văn của ông có còn như điều Văn Thù Sư Lợi đã nói chăng?”

A Nan đáp rằng: “Đa Văn như Văn Thù Sư Lợi đã nói thì tôi không có việc đó”

Tịnh Nguyệt Tạng nói: “Vi sao Đức Như Lai thường xưng nói ông ở trong hàng Đa Văn là bậc tối vi đệ nhất?”

A Nan đáp rằng: “Các Đệ Tử của Phật tùy theo âm thanh mà được giải thoát nên ở trong nhóm người đó thời nói tôi là bậc nhất; chứ chẳng phải vì tôi ở trong các Bồ Tát có biện tài vô ngại, đại Tuệ vô đẳng của vô lượng biên Trí là bậc Đa Văn Đệ Nhất

Này Thiên Tử! Ví như do có ánh sáng của mặt trời mặt trăng nên người của cõi Diêm Phù Đề nhìn thấy các hình sắc mà được có chỗ làm. Tôi cũng như vậy, chỉ do ánh sáng Trí Tuệ của Đức Phật mà được thọ trì Pháp. Tôi ở trong đó, tự không có sức, nên biết đều là Thần Lực của Đức Như Lai”

Khi ấy Đức Thế Tôn khen A Nan rằng: “Lành thay! Lành thay! Như ông đã nói. Các Pháp mà ông đã thọ trì niệm tụng, nên biết tức là Thần Lực của Như Lai”

Bấy giờ Đức Phật bảo Tịnh Nguyệt Tạng rằng: “Các Pháp mà A Nan đã trì giữ rất ít, còn điều chẳng tụng thì nhiều vô lượng vô biên.

Này Thiên Tử! Các Pháp mà Ta đã đắc được ở Đạo Trường, trăm ngàn vạn phần chưa nói hết một phần. Điều Ta đã nói thì A Nan ở trong trăm ngàn ức phần chưa trì giữ hết một phần.

Này Thiên Tử! Như Lai chỉ ở một ngày một đêm cùng nói Pháp với các hàng Thích Phạm Vương, Hộ Thế Tứ Thiên Vương, Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, Thiên Tử Bồ Tát của mười phương Thế Giới. Dùng sức của Trí Tuệ mà làm Kệ Tụng, nói Tu Đa La, Nhân Duyên, Thí Dụ, chỗ hành của chúng sinh, các Ba La Mật với nói Thanh Văn Bích Chi Phật Thừa, Vô Thượng Thừa nhiếp Đại Thừa Pháp... chê bai hủy hoại sinh tử, khen ngợi Niết Bàn. Giả sử hết thấy chúng sinh bên trong cõi Diêm Phù Đề thành tựu Đa Văn đều như A Nan, ở trăm ngàn kiếp cũng chẳng thể thọ trì hết được.

Thiên Tử! Do nhân duyên đó, nên biết các Pháp mà Như Lai đã nói nhiều vô lượng vô biên. Chỗ A Nan trì giữ rất là ít ỏi”

Lúc đó Tịnh Nguyệt Tạng Thiên Tử liền đem mười vạn dù lọng bằng bảy báu dâng lên Đức Như Lai. Tức thời lọng ấy trụ khắp hư không, chúng sinh được che đều có màu vàng ròng. Dâng lọng lên xong, nói như vậy: “Thưa vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Nguyên do Phước này khiến khắp chúng sinh có biện tài nói Pháp sẽ như Đức Thế Tôn, hay thọ trì Pháp như Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử”

Thời Đức Phật biết Bồ Tát Thiên Tử đó ưa thích Phật Đạo thâm sâu nên trao cho A Nậu Đa La Tam Miêu Tam Bồ Đề Ký, rồi rói rằng: “Nay Thiên Tử đó trải qua bốn trăm bốn mươi vạn kiếp sẽ được thành Phật hiệu là **Nhất Bảo Cái**, quốc độ tên là **Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm**”

Lúc nói Pháp đó thời hai trăm Bồ Tát sinh tâm giải đãi. “*Pháp ấy của chư Phật Thế Tôn rất thâm sâu, A Nậu Đa La Tam Miêu Tam Bồ Đề như thế khó được. Chúng Ta chẳng thể có đầy đủ việc ấy, chẳng bằng dùng Bích Chi Phật Thừa nhập vào Niết*

*Bàn. Tại sao thế ? Vì Đức Phật nói nếu Bồ Tát có thoái chuyển, hoặc làm Bích Chi Phật, hoặc làm Thanh Văn ”*

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử biết hai trăm Bồ Tát này có Tâm lười biếng thoái lui, muốn cho quay lại phát khởi khiến được A Nậu Đa La Tam Miêu Tam Bồ Đề, cũng muốn giáo hóa hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già trong Hội nên bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con nhớ kiếp quá khứ tên là **Chiếu Minh**. Con ở trong ấy ba trăm sáu mươi ức đời, dùng Bích Chi Phật Thừa nhập vào Niết Bàn”

Khi ấy tất cả chúng Hội đều sinh tâm nghi ngờ “*Nếu vào Niết Bàn thì chẳng thể quay lại sinh tử nối tiếp. Nay vì sao Văn Thù Sư Lợi nói lời như vậy: “**Thế Tôn! Con nhớ kiếp quá khứ tên là Chiếu Minh. Con ở trong ấy ba trăm sáu mươi ức đời, dùng Bích Chi Phật Thừa nhập vào Niết Bàn**”. Việc đó thế nào?*”

Bấy giờ Xá Lợi Phất nương theo Thần Chi của Đức Phật, bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu người đã được nhập vào Niết Bàn thì chẳng thể nào lại có sinh tử nối tiếp. Làm thế nào mà Văn Thù Sư Lợi nhập vào Niết Bàn xong, lại mau chóng sinh ra?”

Đức Phật nói: “Ông có thể hỏi Văn Thù Sư Lợi. Tự vị ấy sẽ đáp lời ông”

Thời Xá Lợi Phất hỏi Văn Thù Sư Lợi rằng: “Nếu người đã được nhập vào Niết Bàn thì chẳng thể lại tiếp nối ở trong các Hữu. Nay vì sao ông lại nói là: “**Thế Tôn ! Con nhớ về quá khứ, trong kiếp Chiếu Minh, ba trăm sáu mươi ức đời, dùng Bích Chi Phật Thừa nhập vào Niết Bàn**”. Nghĩa này thế nào ?”

Văn Thù Sư Lợi nói: “Đức Như Lai hiện tại là bậc biết tất cả, thấy tất cả, nói lời chân thật, chẳng lừa mình dối người, Trời Người của Thế Gian không có ai lừa dối Ngài được. Điều Tôi đã nói thời Đức Phật tự chứng biết. Nếu Tôi nói khác tức là lừa dối Đức Phật.

Này Xá Lợi Phất! Lúc ấy trong kiếp Chiếu Minh có Đức Phật ra đời hiệu là **Phát Sa** làm lợi ích cho các Trời Người ở Thế Gian xong thì nhập vào Niết Bàn. Sau khi Đức Phật đó diệt độ thì Pháp trụ mười vạn năm. Sau khi Pháp diệt thì chúng sinh trong kiếp đó đối với Bích Chi Phật có nhân duyên hóa độ. Giả sử trăm ngàn ức Phật vì họ nói Pháp thì họ cũng chẳng tin chẳng nhận. Chỉ có thể dùng Pháp uy nghi của thân Bích Chi Phật mới độ thoát được. Các chúng sinh đó đều chí cầu Bích Chi Phật Đạo. Thời đó không có Bích Chi Phật ra đời, các chúng sinh ấy không có nơi chốn để gieo trồng nhân duyên căn lành. Vào lúc đó Tôi vì muốn giáo hóa nên tự xưng thân Tôi là Bích Chi Phật. Tùy theo các quốc độ, thành ấp, thôn xóm đều biết thân Tôi là Bích Chi Phật thời tôi đều vì họ hiện hình sắc uy nghi của Bích Chi Phật. Các chúng sinh đó thâm tâm cung kính, đều đem thức ăn uống cúng dường cho Tôi. Tôi nhận thức ăn xong, quán Duyên gốc của họ, Pháp đáng để nghe rồi vì họ giải nói xong, thân bay lên hư không giống như **Nhạn Vương** (vua của chim nhạn). Khi ấy chúng sinh đều rất vui vẻ, dùng tâm cung kính, cúi đầu mặt lễ Tôi rồi nói lời này: “*Nguyện khiến cho chúng con ở đời vị lai đều được Pháp lợi như người đó ở ngày nay*”

Này Xá Lợi Phất! Do nhân duyên đó, thành tựu vô lượng vô số chúng sinh, khiến gieo trồng căn lành. Thời Tôi quan sát các Nhân Chúng đó cúng dường thức ăn cho Tôi, sinh tâm lười biếng chán ghét, tức thời bảo họ rằng: “*Đã đến lúc Ta vào Niết Bàn*”. Trăm ngàn chúng sinh nghe lời nói đó xong, đều cầm hương hoa, hương tạt, bơ, dầu đi đến chỗ của Tôi. Ngay lúc đó Tôi nhập vào **Diệt Tận Định**, do Bản Nguyện cho nên, chẳng diệt trọn hết. Các chúng sinh đó nói Tôi đã mệnh chung. Vì cúng dường Tôi nên dùng củi thom để thiêu đốt thân Tôi, nói Tôi đã thật diệt.

Thời Tôi lại đến cái thành lớn của nước khác, tự xưng Tôi là thân Bích Chi Phật. Chúng sinh trong đó cũng đem thức ăn uống đến cúng dường cho Tôi. Tôi ở trong đó hiện bày nhập vào Niết Bàn, họ cũng nói là Tôi đã diệt đều đến cúng dường và thiêu đốt thân Tôi.

Như vậy Xá Lợi Phất! Tôi ở lúc đó mất một tiểu kiếp, ba trăm sáu mươi ức đời làm thân Bích Chi Phật hiện bày nhập vào Niết Bàn, ở các thành lớn, mỗi một thành đều dùng Bích Chi Phật Thừa độ thoát ba mươi sáu ức chúng sinh.

Này Xá Lợi Phất! Bồ Tát như vậy dùng Bích Chi Phật Thừa nhập vào Niết Bàn nhưng chẳng diệt mãi mãi”

Lúc Văn Thù Sư Lợi nói lời đó thời ba ngàn Đại Thiên Thế Giới chấn động theo sáu cách, ánh sáng chiếu khắp, ngàn ức chư Thiên cúng dường Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, tuôn các mưa hoa của cõi Trời, đều nói lời này: “Quả thật hiếm có! Ngày nay chúng con được thiện lợi lớn! Thấy Đức Phật Thế Tôn với thấy Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Lại nghe nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó.

Bạch Đức Thế Tôn! Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử thành tựu Pháp chưa từng có như vậy, trụ Tam Muội nào mà có thể hiện Pháp chưa từng có như thế?”

Đức Phật bảo chư Thiên: “Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hay làm việc khó khăn hiếm có như vậy. Bồ Tát trụ Tam Muội này để làm Tín Hạnh nhưng chẳng tùy theo niềm Tin của người khác. Cũng làm Pháp Hành nhưng ở Pháp Tướng chuyển ở Pháp Luân chẳng lui chẳng mất. Cũng làm tám người ở các vô lượng a tăng kỳ kiếp, là tám người Tà nhưng hành ở Đạo. Làm **Tu Đà Hoàn** (Srotāpanna: Nghịch Lưu) vì chúng sinh chịu nước sinh tử cuốn trôi nhưng chẳng nhập vào Pháp Vị. Làm **Tu Đà Hàm** (Sukṛtāgami: Nhất Lai) nhưng hiện thân ấy khắp ở các Thế Gian. Làm **A Na Hàm** (Anāgami: Bất Lai) nhưng cũng quay trở lại giáo hóa chúng sinh. Làm **A La Hán** (Arhanta: Vô Sinh, Vô Học) nhưng cũng thường tinh tiến cầu học Phật Pháp. Cũng làm **Thanh Văn** (Śrāvaka) dùng vô ngại biện vì người nói Pháp. Làm **Bích Chi Phật** (Pratyeka-buddha) vì muốn giáo hóa chúng sinh có nhân duyên mà hiện bày nhập vào Niết Bàn nhưng do sức Tam Muội cho nên quay lại sinh ra.

Này các Thiên Tử! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó đều hay hành khắp các Hạnh của Hiền Thánh, cũng tùy theo đất ấy có Pháp để nói nhưng chẳng trụ bên trong”

Chư Thiên nghe Đức Phật nói nghĩa như vậy thấy đều rơi lệ rồi nói rằng: “Thế Tôn! Nếu người đã nhập vào địa vị của Thanh Văn, Bích Chi Phật thời vĩnh viễn mất Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó.

Thế Tôn! Thà làm người gây tạo tội nặng năm Nghịch mà được nghe nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó chứ chẳng nhập vào Pháp Vị làm **Lậu Tận A La Hán**. Tại sao thế? Vì người gây năm tội nghịch nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó phát tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề xong, tuy bản tội duyên bị đọa tại Địa Ngục, Do nhân duyên căn lành nghe Tam Muội đó được quay trở lại thành Phật.

Thế Tôn! **Lậu Tận A La Hán** giống như vật khí bị phá vỡ, mãi mãi chẳng thể thọ nhận Tam Muội đó.

Thế Tôn! Ví như có người cho bơ, dầu, mật. Phần lớn nhân chúng cầm mọi loại vật khí, trong đó có một người dùng tâm chẳng bền chắc phá vỡ vật khí đã cầm. Tuy đến nơi ban cho bơ, dầu, mật nhưng không có chỗ lợi ích, chỉ được tự ăn no nhưng chẳng thể cầm giữ để quay lại ban cho người khác. Trong đó có người cầm vật khí bền chắc, đã được tự ăn no, cũng cầm vật khí tràn đầy thức ăn ban cho người khác.

Bơ, dầu, mật là Chính Pháp của Đức Phật.

Vật khí đã cầm bị phá vỡ chỉ được tự đủ chứ chẳng thể quay lại ban cho người khác tức là Thanh Văn với Bích Chi Phật.

Kẻ cầm vật khí quay lại tức là Bồ Tát, thân tự được đủ cũng hay gìn giữ cho tất cả chúng sinh”

Lúc đó hai trăm Thiên Tử, Tâm muốn thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, theo các Thiên Tử nghe lời nói đó xong, với nghe thể lực Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, liền dùng tâm sâu xa phát A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, chẳng tùy theo Tâm thoái chuyển lúc trước, đều bạch Phật rằng: “Chúng con cho dù bị nguy hại, mất mạng cũng chẳng buông bỏ Tâm đó. Cuối cùng cũng chẳng buông bỏ tất cả chúng sinh

Thế Tôn! Chúng con nguyện xin nghe nhân duyên căn lành của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó sẽ được mười Lực của Bồ Tát. Nhóm nào là mười?

\_ Nơi Tâm Bồ Đề, được sức bền chắc.

\_ Nơi Phật Pháp chẳng thể nghĩ bàn, được sức tin sâu.

\_ Nghe nhiều, được sức chẳng quên.

\_ Qua lại trong sinh tử, được sức không có mệt mỏi.

\_ Đối với chúng sinh, được sức Đại Bi bền chắc.

\_ Ở trong Bồ Thí, được sức buông bỏ bền chắc.

\_ Ở trong Trì Giới, được sức chẳng hoại

\_ Ở trong Nhẫn Nhục, được sức nhận chịu bền chắc.

\_ Ma chẳng thể hoại, được sức Trí Tuệ.

-Nơi các Pháp thâm sâu, được sức tin thích”.

Khi ấy Đức Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát: “Nếu có chúng sinh ở đời hiện tại này, hoặc sau khi Ta diệt độ, nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó mà hay tin thích. Nên biết người đó thấy đều được mười Lực của Bồ Tát đấy”

Bây giờ trong Hội có vị Bồ Tát tên là **Danh Ý** bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu muốn được Phước, cần phải cúng dường Phật. Muốn được Tuệ, cần phải nghe nhiều (đa văn). Muốn sinh vào chỗ tốt lành, cần phải giữ Giới. Muốn giàu có lớn, nên bố thí nhiều hơn. Muốn được hình sắc màu nhiệm, cần phải tu Nhẫn Nhục. Muốn được Biện tài, nên kính Sư Trưởng. Muốn được Đà La Ni, nên lìa Tăng Thượng Mạn. Muốn được Trí, cần phải ghi nhớ chân chính. Muốn được vui thích, nên buông bỏ tất cả ác. Muốn lợi ích cho chúng sinh, nên phát Tâm Bồ Đề. Muốn được âm thanh màu nhiệm, nên tu Thật Ngữ (lời nói chân thật). Muốn được Công Đức, nên vui lìa xa. Muốn cầu Pháp, nên gần Thiện Tri Thức. Muốn ngồi Thiền, nên lìa chỗ hội họp ồn ào. Muốn Tư Tuệ (suy xét ghi nhớ Tuệ), nên tu Tư Tính (suy xét ghi nhớ Tính). Muốn sinh vào cõi Phạm Thiên, nên tu Tâm vô lượng. Muốn sinh làm Trời Người, nên tu mười điều lành (Thập Thiện).

Thế Tôn! Nếu người muốn được Phước Đức, muốn được Tuệ, muốn sinh ở nơi tốt lành, muốn giàu có lớn, muốn hình sắc màu nhiệm, muốn Biện Tài, muốn Đà La Ni, muốn được Trí, muốn được vui thích, muốn lợi ích cho chúng sinh, muốn âm thanh màu nhiệm, muốn Công Đức, muốn cầu Pháp, muốn ngồi Thiền, muốn Tư Tuệ (suy xét ghi nhớ Tuệ), muốn sinh vào cõi Phạm Thiên, muốn sinh làm Trời Người, muốn được Niết Bàn, muốn được tất cả Công Đức... thì nên nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, thọ trì, đọc tụng, ví người khác nói, như Thuyết tu hành.

Thế Tôn! Bồ Tát làm thế nào để tu Tam Muội đó?”

Đức Phật nói: “Này Danh Ý! Nếu Bồ Tát hay quán các Pháp **trống rỗng** không có chỗ chướng ngại, niệm niệm diệt tận, lia nơi yêu ghét. Đây gọi là tu Tam Muội đó.

Lại nữa Danh Ý! Học Tam Muội đó chẳng do một việc. Tại sao thế? Tùy theo các tâm chúng sinh, chỗ đã hành của tâm thì Tam Muội đó có các Hành ấy. Tùy theo các Tâm chúng sinh, chỗ nhập của tâm thì Tam Muội đó có các **Nhập** ấy. Tùy theo cửa vào của các căn của các chúng sinh thì Tam Muội đó có cửa Nhập ấy. Tùy theo hết thấy danh sắc của chúng sinh, Bồ Tát được Tam Muội đó cũng hiện bày ngàn ấy danh sắc. Hay biết như vậy, đây gọi là tu Tam Muội đó.

Tùy theo danh sắc tướng mạo của tất cả Phật. Được Tam Muội đó, Bồ Tát cũng hiện bày ngàn ấy hình sắc tướng mạo. Hay biết như vậy, đây gọi là tu Tam Muội đó.

Tùy thấy tất cả các Quốc Độ của Phật. Bồ Tát cũng tự thành quốc độ đó. Đây gọi là tu Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó

Danh Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Tam Muội đó tu hành rất khó”

Đức Phật bảo Danh Ý: “Do việc đó cho nên có ít Bồ Tát trụ Tam Muội đó, mà có nhiều Bồ Tát hành Tam Muội khác”

Khi ấy Danh Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Di Lặc Bồ Tát này là vị Nhất Sinh Bồ Xứ tiếp nối Đức Thế Tôn sẽ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ngài Di Lặc được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó ư?”

Đức Phật nói: “Này Danh Ý! Các Bồ Tát ấy được trụ Nhất Sinh Bồ Xứ, nhận Chính Vị của Phật thấy đều được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó”

Tức thời Di Lặc Bồ Tát thị hiện Thần Lực như vậy. Danh Ý Bồ Tát với các chúng Hội thấy các cõi Diêm Phù Đề của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này. trong ấy đều là Di Lặc Bồ Tát. Hoặc thấy ở trên Trời, hoặc thấy tại nhân gian, hoặc thấy xuất gia, hoặc thấy tại gia, hoặc thấy hầu cận Phật như **A Nan** (Ānanda), hoặc thấy Trí Tuệ bậc nhất như **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), hoặc thấy Thần Thông bậc nhất như **Mục Kiền Liên** (Māudgalyāyana), hoặc thấy Đầu Đà bậc nhất như **Đại Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa), hoặc thấy nói Pháp bậc nhất như **Phú Lô Na** (Pūrṇa), hoặc thấy ưa thích Giới bậc nhất như **La Hầu La** (Rāhula), hoặc thấy giữ Luật bậc nhất như **Ưu Ba Ly**, (Upāli), hoặc thấy Thiên Nhân bậc nhất như **A Na Luật** (Aniruddha), hoặc thấy ngồi Thiền bậc nhất như **Ly Bà Đa** (Revata). Như vậy trong tất cả các bậc nhất đều thấy **Di Lặc** (Maitreya). Hoặc thấy vào các thành, ấp, thôn, xóm khát thực. Hoặc thấy nói Pháp, hoặc thấy ngồi Thiền.

Danh Ý Bồ Tát với các Đại Chúng, tất cả đều thấy Di Lặc Bồ Tát hiện thế lực Thần Thông của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Nhìn thấy xong, rất vui vẻ, bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Ví như vàng ròng tuy bị chà xát, mài giữa nhưng chẳng mất Tính ấy. Các Đại Sĩ đó cũng lại như vậy, tùy theo chỗ đã làm đều hay thị hiện Pháp Tính chẳng thể nghĩ bàn”

Bấy giờ Danh Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con nói Bồ Tát, nếu hay thông đạt Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, sẽ biết thông đạt tất cả Đạo Hạnh. Nơi Thanh Văn Thừa, Bích Chi Phật Thừa với Đại Thừa của Phật thấy đều thông đạt”

Đức Phật nói: “Như vậy! Như vậy! Như ông đã nói. Nếu Bồ Tát hay thông đạt Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, tức hay thông đạt tất cả Đạo Hạnh”

Khi ấy Trưởng Lão Ma Ha Ca Diếp bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con nói Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử từng ở đời trước đã làm việc Phật, hiện ngồi Đạo Trường chuyển bánh xe Pháp, bày cho các chúng sinh nhập vào Đại Diệt Độ”

Đức Phật nói: “Nhu vậy! Nhu vậy! Nhu ông đã nói.

Này Ca Diếp! Quá khứ lâu xa vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn a tăng kỳ kiếp, lúc đó có Đức Phật hiệu là **Long Chủng Thượng Như Lai** (Nāgagotrodara-tathāgata), Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ở phương Nam của Thế Giới này, vượt qua một ngàn quốc độ của Phật có nước tên là **Bình Đẳng**, không có núi, sông, cát, đá sỏi, ngói, đá, gò đồng, gò đất lớn... đất bằng phẳng như lòng bàn tay sinh cỏ mềm mại như Ca Lãng Già. Đức Long Chủng Thượng Phật ở Thế Giới đó được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Lúc bắt đầu chuyển bánh xe Pháp thì giáo hóa thành tựu bảy mươi ức số các chúng Bồ Tát, tám mươi ức người thành A La Hán, chín vạn sáu ngàn người trụ trong nhân duyên của Bích Chi Phật. Sau đó tiếp tục có vô lượng Thanh Văn Tăng.

Này Ca Diếp! Đức Long Chủng Thượng Phật có thọ mệnh bốn trăm bốn mươi vạn tuổi, hóa độ Trời Người xong thì nhập vào Niết Bàn, rải Xá Lợi của thân lưu bày thiên hạ, dựng ba mươi sáu ức cái Tháp cho chúng sinh cúng dường. Sau khi Đức Phật ấy diệt độ, Pháp trụ mười vạn năm. Lúc Đức Long Chủng Thượng Phật sắp vào Niết Bàn thì trao cho **Trí Minh Bồ Tát** lời Thọ Ký riêng rằng: “Trí Minh Bồ Tát này tiếp nối sau Ta sẽ được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, cũng có hiệu là **Trí Minh**”

Này Ca Diếp! Ông nói Đức Long Chủng Thượng Phật của Thế Giới Bình Đẳng như vậy há là người khác ư? Đừng sinh nghi ngờ này! Tại sao thế? Vì vị ấy tức là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử

Này Ca Diếp! Nay ông tạm quán thế lực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Các Đại Bồ Tát dùng sức đó cho nên thị hiện nhập vào bào thai, mới sinh ra, xuất gia, lên cây Bồ Đề, ngồi ở Đạo Trường, chuyển bánh xe Diệu Pháp, nhập vào Niết Bàn, chia bày Xá Lợi mà chẳng buông bỏ Pháp của Bồ Tát, ở Niết Bàn chẳng diệt trọn hết”

Bấy giờ Trưởng Lão Ma Ha Ca Diếp nói với Văn Thù Sư Lợi rằng: “Nhân Giả hay tạo làm việc khó khăn hiếm có như đây để hiện bày cho chúng sinh”

Văn Thù Sư Lợi nói: “Này Ca Diếp! Ý của ông thế nào? Núi Kỳ Xà Quật đó do ai tạo ra? Thế Giới đó cũng từ đâu mà ra?”

Ca Diếp đáp rằng: “Văn Thù Sư Lợi! Tất cả Thế Giới do bọt nước tạo thành, cũng từ nhân duyên nghiệp chẳng thể nghĩ bàn của chúng sinh mà ra”

Văn Thù Sư Lợi nói: “Tất cả các Pháp cũng theo nhân duyên nghiệp chẳng thể nghĩ bàn mà có. Tôi đối với việc này, không có công lực. Tại sao thế? Vì tất cả các Pháp đều thuộc nhân duyên, không có chủ cho nên tùy theo ý tạo thành. Nếu có thể hiểu điều này thì nói là **chẳng khó**

Này Ca Diếp! Nếu người chưa thấy bốn Đế, nghe việc như vậy mà hay tin hiểu. Đây tức là khó. Thấy bốn Đế xong, được các Thần Thông, nghe điều này, hay tin chẳng đủ là **khó**”.

Bấy giờ Thân của Đức Thế Tôn bay lên hư không cao bảy cây Ta La, ngồi Kiết Già, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp mười phương vô lượng Thế Giới. Tất cả Chúng Hội đều thấy vô lượng chư Phật ở mười phương thấy đều nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó chẳng tăng chẳng giảm, từ xa đều được nghe.



Mười phương chư Phật cũng bay lên hư không cao bảy cây Ta La, ngôi Kiết Già, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vô lượng Thế Giới ở mười phương. Các chúng sinh của các cõi ấy cũng thấy thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bay lên hư không, ngôi Kiết Già. Các Chúng Hội ấy thấy đều dùng hoa, từ xa rải lên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đều thấy mọi thứ hoa ở trên hư không hợp thành cái lọng hoa. Bồ Tát với các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà... của cõi này đều cũng dùng hoa rải lên chư Phật ấy, đều ở bên trên Đức Phật hóa thành cái lọng hoa.

Khi ấy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật nhiếp Thần Túc lại, ngôi ở Bản Tòa, bảo Kiên Ý rằng: “Đây là sức Thần Thông của Như Lai, vì khiến cho chúng sinh tăng ích Công Đức. Chính vì thế cho nên Đức Như Lai thị hiện việc đó”

Lúc Đức Phật hiện sức Thần Thông thời tám ngàn Trời, Người phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại khi nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó sắp hết thời Kiên Ý Bồ Tát với năm trăm Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thấy đều được thấy hết thấy Thần Lực của chư Phật ở mười phương, nơi Pháp thâm sâu của Phật được **Trí Quang Minh**, trụ Địa thứ mười, nhận chức vị Phật

Ba ngàn Đại Thiên Thế Giới chấn động theo sáu cách, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp Thế Giới, ngàn vạn kỹ nhạc cùng tấu một lúc, chư Thiên ở trong hư không tuôn mưa mọi loại hoa.

Bấy giờ Đức Phật bảo A Nan: “Ông nên thọ nhận Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó, giữ gìn, phụng tụng, đọc rồi rộng vì người nói”

Thời **Trì Tu Di Sơn Đỉnh Thích** bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Trí Tuệ của A Nan, nghĩ nhớ có hạn lượng, người Thanh Văn tùy theo âm thanh khác. Tại sao đem Pháp Bảo của Tam Muội đó giao phó cho A Nan?”

**Trì Tu Di Sơn Đỉnh Thích** phát lời chí thành là: “Nếu tôi hay ở đời này đời sau rộng tuyên lưu bố Tam Muội báu này không có hư dối thì cây ở trong núi Kỳ Xà Quật này thấy đều như cây Bồ Đề của Đức Phật. Bên dưới các cây ấy đều có vị Bồ Tát”

Trì Tu Di Đỉnh Thích nói lời đó xong. Liền thấy các cây như cây Bồ Đề, bên dưới mỗi một cây đều thấy vị Bồ Tát. Các cây Bồ Đề đều phát ra lời nói là: “Như lời mà Trì Tu Di Sơn Đỉnh Thích đã nói là thật thì người đó thấy hay khiến cho Tam Muội này được rộng tuyên lưu bố”

Khi ấy các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà đồng thanh bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Giả sử Đức Như Lai trụ thọ một kiếp, chẳng làm việc khác. Đem Thanh Văn Thừa vì người nói Pháp, mỗi một lúc nói Pháp thấy đều như lúc mới chuyển bánh xe Pháp để độ chúng sinh. Nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội để độ chúng sinh thì điều này tức hơn hẳn. Tại sao thế? Vì các chúng sinh đó đều dùng Thanh Văn Thừa hóa độ. Đối với Bồ Tát Thừa thì trăm phần chẳng theo kịp một phần, trăm ngàn vạn ức phần ... cho đến tính toán, thí dụ cũng chẳng thể theo kịp. Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội như vậy có vô lượng thế lực đó hay thành tựu các Bồ Tát, khiến được đầy đủ Phật Pháp”

Lúc đó Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Đức Thế Tôn có tuổi thọ thật là bao nhiêu? Lúc nào sẽ vào Niết Bàn rốt ráo?”

Đức Phật nói: “Này Kiên Ý! Ở phương Đông, cách Thế Giới này ba vạn hai ngàn cõi Phật có một nước tên là **Trang Nghiêm**. Trong đó có Đức Phật hiệu là **Chiếu Minh Trang Nghiêm Tự Tại Vương Như Lai** Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nay hiện tại đang nói Pháp.

Này Kiên Ý! Như Thọ Mệnh của Đức Chiêu Minh Trang Nghiêm Tự Tại Vương Phật, Thọ Mệnh của Ta cũng lại như vậy”

“Thế Tôn! Đức Chiêu Minh Trang Nghiêm Tự Tại Vương Phật ấy có Thọ Mệnh bao nhiêu?”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Ông tự đến hỏi, tự sẽ đáp lại cho ông”

Tức thời Kiên Ý nương theo Thần Lực của Đức Phật, lại dùng sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội với sức Thần Thông thuộc căn lành của mình, như khoảng một niệm liền đến Thế Giới **Trang Nghiêm** ấy, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật ấy, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng, lui về trụ một bên, rồi bạch Phật rằng: “Đức Thế Tôn có Thọ Mệnh bao nhiêu, thời sẽ vào Niết Bàn?”

Đức Phật ấy đáp rằng: “Như Thọ Mệnh của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật ấy, Thọ Mệnh của Ta cũng lại như vậy. Điều ông muốn biết là Ta thọ bảy a tăng kỳ kiếp, Thọ Mệnh của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật cũng vậy”

Khi ấy Kiên Ý Bồ Tát, tâm rất vui vẻ liền quay về Thế Giới Ta Bà bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Đức Chiêu Minh Trang Nghiêm Tự Tại Vương Phật ấy thọ bảy trăm a tăng kỳ kiếp, lại bảo con rằng: *”Như thọ mệnh của Ta, Thọ Mệnh của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật cũng lại như vậy”*

Lúc đó A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hờ vai phải, chấp tay hướng về Đức Phật rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa mà Đức Phật đã nói. Con nói Đức Thế Tôn ở Thế Giới Trang Nghiêm ấy dùng tên gọi khác để tạo lợi ích cho chúng sinh”

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen A Nan rằng: “Lành thay! Lành thay! Ông dùng sức của Phật, hay biết việc đó, Thân của Đức Phật ấy tức là Thân của Ta. Dùng tên gọi khác ở chốn ấy nói Pháp độ thoát chúng sinh.

Này A Nan! Sức Thần Thông tự tại như vậy đều là thế lực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó”

Khi ấy Đức Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát: “Này Kiên Ý! Do việc đó nên biết Ta thọ bảy trăm a tăng kỳ kiếp rồi sẽ rốt ráo nhập vào Niết Bàn”

Thời Đại Chúng trong Hội nghe Đức Phật đã nói Thọ Mệnh chẳng thể nghĩ bàn như vậy đều rất vui vẻ, được điều chưa từng có, bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Thần Lực của chư Phật thật chưa từng có! Tất cả chỗ hành chẳng thể nghĩ bàn, ở chốn này hiện tuổi thọ đoán mệnh như vậy mà thật ở chỗ khác thọ bảy trăm a tăng kỳ kiếp.

Thế Tôn! Nguyên khiến cho tất cả chúng sinh được đầy đủ Thọ Mệnh chẳng thể nghĩ bàn như vậy”

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo Kiên Ý: “Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó tùy ở tại quận, đất nước, thành ấp, thôn xóm, Tịnh Xá, Không Lâm (rừng vắng)... thì các Ma, Ma dân trong đó chẳng được dịp thuận tiện gây hại”

Lại bảo Kiên Ý: “Nếu có Pháp Sư viết chép, đọc tụng, giải nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó. Đối với Người, Phi Nhân không có sợ hãi, lại được hai mươi phần Công Đức chẳng thể nghĩ bàn.

Nhóm nào là hai mươi?

\_ Phước Đức chẳng thể nghĩ bàn

\_ Trí ấy chẳng thể nghĩ bàn

\_ Tuệ ấy chẳng thể nghĩ bàn

\_ Phương tiện chẳng thể nghĩ bàn

- \_ Biện tài chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Pháp Minh chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Tổng Trì chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Pháp Môn chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Nghĩ nhớ chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Các sức Thần Thông chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Hiểu sâu chỗ ưa thích của tâm chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Được thấy chư Phật chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Các Pháp đã nghe chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Giáo hóa chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Tam Muội tự tại chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Thành tựu Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Hình sắc tối diệu chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Công Đức tự tại chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Tu trì các Ba La Mật chẳng thể nghĩ bàn
- \_ Được Phật Pháp chẳng thoái chuyển chẳng thể nghĩ bàn.

Đấy là hai mươi.

Này Kiên Ý! Nếu người viết chép, đọc tụng Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó sẽ được hai mươi phần Công Đức chẳng thể luận bàn

Chính vì thế cho nên Kiên Ý! Nếu người muốn các lợi của đời này, đời sau thì nên viết chép, đọc tụng, giải thoát, tu hành Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó.

Này Kiên Ý! Nếu cầu Phật Đạo. Kẻ trai lành, người nữ thiện ở ngàn vạn kiếp chuyên Tâm tu hành sáu Ba La Mật. Nếu có nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó liền hay tin nhận, Tâm chẳng lui mất, chẳng kinh chẳng sợ, Phước vượt hơn điều kia, mau đến A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Huống chi nghe xong, thọ trì đọc tụng, như Thuyết tu hành, vì người giải nói.

Nếu có Bồ Tát muốn nghe Pháp chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, chẳng kinh chẳng sợ, muốn ở trong tất cả các Phật Pháp hiểu rõ, tự biết chẳng theo lời dạy của người khác, cần phải tu tập, hành Tam Muội đó. Nếu muốn được nghe, ấy là nghe Pháp tin nhận chẳng trái ngược cần phải nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó”.

Lúc nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó thời vô lượng chúng sinh phát Tâm A Nậu Đa La Tam Muội Tam Bồ Đề. Lại gấp đôi số đó trụ **A Duy Việt Trí Địa**. Lại gấp đôi số đó được Vô Sinh Pháp Nhẫn. Tám vạn bốn ngàn Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó. Tám vạn bốn ngàn Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni chẳng thọ nhận các Pháp cho nên hết Lậu, giải thoát, đắc A La Hán. Hai vạn sáu ngàn Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di ở trong các Pháp được sự trong sạch của con mắt Pháp. Ba mươi na do tha chư Thiên được vào địa vị Thánh.

Đức Phật nói Kinh xong thời Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Kiên Ý Bồ Tát... tất cả các Bồ Tát Ma Ha Tát với các Thanh Văn Đại Đệ Tử, tất cả các hàng Trời, Rồng, Thần, Càn Thát Bà, A Tu La... người dân của Thế Gian nghe điều Phật đã nói đều vui vẻ, tin nhận.

## PHẬT NÓI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TAM MUỘI \_ QUYÊN HẠ (Hết)\_

Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm hai Quyển vào ngày 02/03/2012

## Ý NGHĨA CĂN BẢN VỀ ĐẠO TRƯỜNG LĂNG NGHIÊM

Kinh Lăng Nghiêm, quyển 7 có ghi:

*“Đức Phật bảo A Nan. Nếu có người đời Mạt Pháp muốn lập Đạo Trường. Trước tiên phải lấy phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn hoà với đất vàng và mười thứ thảo mộc thơm như Chiên Đàn, Trầm Hương để làm nền Đạo Trường. Nơi đất bằng đào sâu năm thước, xây Đàn hình bát giác chu vi rộng mười sáu thước. Chính giữa Đàn chưng một hoa sen bằng kim loại, trong hoa sen để một bát nước đựng nước sương mù tháng tám, trong nước để nhiều lá sen, chung quanh bát sen đặt tám cái gương tròn nơi tám góc, bên ngoài gương để mười sáu bông sen xen với mười sáu lư hương, trong lư đốt bột Trầm Hương và dùng các thứ đồ ăn quý làm bánh sữa đựng trong mười sáu cái chén để cúng dường chư Phật và Đại Bồ Tát. Trước Đàn để một lư than nhỏ, đến mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm, dùng mật ong và tô lạc đổ vào lư than, đốt lên cúng dường Phật Bồ Tát. Bốn phía bên ngoài treo phướng, hoa. Bốn vách trong Đàn treo hình tượng chư Phật Bồ Tát. Hai bên cửa treo tượng Hộ Pháp Long Thiên. Lại lấy tám cái gương treo trên hư không chiếu thẳng vào tám gương tròn trong Đàn khiến thành hình bóng xen nhau, trùng trùng vô tận.*

*Trong Thất đầu, chỉ thành đỉnh lễ chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán. Sáu thời nhiều Đàn tụng Chú, chỉ tâm hành đạo*

*Thất thứ hai, chuyên tâm phát Nguyện Bồ Tát chẳng gián đoạn*

*Thất thứ ba, mười hai Thời luôn luôn trì Chú. Đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai cùng hiện tiền trong ánh sáng gương, được Phật xoa đầu, liền ở Đạo Trường vào Tam Ma Địa*

*Người đời Mạt Pháp tu học như thế thì thân tâm được sáng tỏ, trong sạch như ngọc Lưu Ly*

*Này A Nan! Nếu Bản Sư Truyền Giới của Tỳ Kheo này và mười Tỳ Kheo đồng tu trong Đàn, trong đó có một người giữ Giới chẳng được trong sạch thì Đạo Trường này chẳng thể thành tựu*

*Sau Thất thứ ba, tĩnh tọa an cư, trải qua một trăm ngày. Nếu người lợi căn có thể ngay đó chứng Sơ Quả, dấu cho thân tâm chưa thành chính quả nhưng tự biết sẽ thành Phật chẳng sai. Người hỏi cách kiến lập Đạo Trường là như thế đó”*

Theo truyền thống phổ thông của Mật Giáo thì Đạo Trường được gọi là **Đàn Trường** (Maṇḍala) hay vòng đai pháp thuật để có thể tách biệt với khu vực phạm tục chung quanh ngõ hầu hiển lộ được thần lực và thấu đạt trực kiến các luật lệ tâm linh. Do đó Maṇḍala là một biểu đồ chỉ một Thần Tính trong sự liên hệ Tâm Linh hay vũ trụ, trong đó Thần Tính được biểu thị qua hình ảnh nhân vật hoặc minh họa những căn vận qua chữ Cổ Phạn hay nương nhờ vào những hình tượng khác. Một số Maṇḍala biểu thị cho sự cô đọng toàn thể vũ trụ gồm có chư Phật, chư Bồ Tát, Chư Thiên, chư Thần Thánh, Ma Quỷ, sông, núi, biển, cung điện, vật báu, văn tự Kinh Điển, Ấn Quyết... Nói cách khác Maṇḍala tượng trưng cho Chân Thật Giới bằng hình tướng và sắc thể, biểu thị cho tướng mạo sai biệt hiển trên 6 Đại (Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Thức) qua hình tượng hoặc căn vận. Mỗi Maṇḍala có một câu Chú (Mantra) hay Chủng Tự (Bija) hướng dẫn và sau khi được một Đạo Sư (Guru) ấn chứng nghĩa là di chuyển sức mạnh huyền bí (Prāna-pratiṣṭha) của mình vào trong đó thì Maṇḍala sẽ biến hóa vô cùng tùy theo công năng và căn cơ của người thực hiện để minh xác năng

lực tâm linh. Vì thế Maṇḍala chính là cây cầu nối giữa Thế Giới thường ngày của tri giác có thời gian tính với Thế Giới Trí Tuệ không có thời gian tính. Một khi Hành Giả đã quán tưởng và gia trì các Chân Ngôn đến chỗ tự đồng hóa là một với Maṇḍala thì Hành Giả sẽ thành tựu quyền năng vượt thoát những xiềng xích của cuộc sống khổ đau.

Pháp tu Mật ở Ấn Độ nói là: “*Để ngăn ngừa Ma Chướng xâm nhập mà vẽ khu vực hình tròn, hình vuông hoặc xây dựng Đàn đất. Có lúc bên trên vẽ tượng Phật Bồ Tát. Khi xong việc rồi thì phá bỏ tượng đi cho nên thường dùng khu vực vẽ hình tròn hoặc hình vuông để làm Địa Vực và gọi là Man Trà La (Maṇḍala). Do coi bên trong Địa Vực ấy tràn đầy chư Phật và Bồ Tát mà gọi là **Luân Viên Cụ Túc***”

Ở trong Luật cũng nói là: “*Tránh sự bất tịnh mà ở mỗi trường hợp làm Man Trà La*”

Theo nghĩa rộng hơn, Maṇḍala được dịch âm là Man Đà La, Man Trà La, Mạn Trà La, Mạn Noa La, Mãn Noa La và được dịch ý là Đàn, Đạo Trường, Tụ Tập, Luân Viên Cụ Túc.

Đại Nhật Kinh Sớ quyển 4 ghi là : “*Man Trà La có các ý nghĩa là*

1) **Luân Viên Cụ Túc**: là các Tôn như bánh xe xoay vòng bốn phía ở **Phổ Môn** của Đại Nhật Như Lai, hiệp trợ Đức Đại Nhật khiến cho chúng sinh được vào **Phổ Môn**

2) **Phát Sinh**: là hay nuôi dưỡng Phật Chúng để sinh Phật Thọ Vương (Phật Quả). Lại do ý nghĩa của Phạm Ngũ , Maṇḍala là tinh chế sữa bò làm **Đề Hồ** cho nên Maṇḍala biểu thị cho sự thuần tịnh dung diệu của Phật Quả tức là địa vị **Cực Vô Tỷ** không có địa vị nào hơn”

Mật Giáo đời sau nhận định rằng sự chủ yếu của Man Trà La là ý **Tụ Tập** tức là đất cư ngụ của chư Phật, Bồ Tát, Thánh Giả. Ấn Độ đắp Đàn đất (**Thổ Đàn**) tức là y theo đồ hình trên làm các Tôn, sau khi xong việc lại phá bỏ đi. Ở Trung Hoa, Nhật Bản thì chuyên dùng giấy và lụa để vẽ hình các Tôn (**Mộc Đàn**), hoặc đơn giản tại nơi chốn ấy rưới vẩy nước thanh tịnh mà thành **Thủy Đàn**

Man Trà La có 4 loại gọi là **Tứ Chúng Man Trà La** hay gọi tắt là **Tứ Man** gồm có :

1) **Đại Man Trà La (Tôn Hình Man Trà La)**: là hình vẽ các Tôn đầy đủ dung mạo, tướng tốt

2) **Tam Muội Gia Man Trà La**: Do Tam Muội Gia (Samaya) của các Tôn biểu thị cho Bản Thể , là các vật khí được cầm trong tay như: Dao, kiếm, gậy, bông, khí tượng, Kinh Điển... Khi dùng hình vẽ ghi các vật hoặc tạo tay kết Ấn Khế mà được gọi là Tam Muội Gia Man Trà La

3) **Pháp Man Trà La (Chúng Tử Man Trà La)**: là hình vẽ các chúng tử với Chân Ngôn của các Tôn đặt ở Bản Vị của các Tôn. Hoặc dùng Tam Ma Địa (Samādhi) của Pháp Thân (Dharmakāya) rồi lấy tất cả văn nghĩa của Kinh Luận mà ghi nhận Tôn Vị

4) **Yết Ma Man Trà La**: là hình tượng biểu thị các sự nghiệp uy nghi của các Tôn

Bốn loại Man Trà La này đều có 3 thứ Man Trà La là :

a) **Đô Hội (Đô Môn, Phổ Môn) Man Trà La**: là các Tôn cùng tụ tập một chỗ như Đại Nhật Như Lai (Vairocana Tathāgata) được dùng làm trung tâm cho 2 Bộ Man Trà La (Thai Tạng Giới Man Trà la và Kim Cương Giới Man Trà La)

b) **Bộ Đô Man Trà La**: là bộ phận của các Tôn như Phật Đỉnh Man Trà La của Phật Bộ (Buddha kulāya), Thập Nhất Diện Quán Am Man Trà La của Liên Hoa Bộ (Padma Kulāya)

c) **Biệt Tôn (Nhất Môn) Man Trà La**: là dùng một Tôn làm trung tâm như Thích Ca Man Trà La, Như Ý Luân Man Trà La

Y theo sự thuyết Pháp của Kinh Đại Nhật thì có thể quy nạp nơi ba loại thân bí mật là :

1\_ **Chữ**: là Pháp Man Trà La (Dharma-maṇḍala)

2\_ **Ấn**: là Tam Muội Gia Man Trà La (Samaya-maṇḍala)

3\_ **Hình**: là Đại Man Trà La (Mahā Maṇḍala)

Ba Thân này đều đầy đủ sự nghiệp uy nghi nên gọi là Yết Ma Man Trà La (Karma-maṇḍala)

Bốn loại Man Trà La này tuy viên mãn đầy đủ vạn Đức nhưng tổng quát thì quy về một mà siêu việt sự tương đối, đây là **Thể Đại Man Trà La**. Do đầy đủ sự sai biệt của mọi tướng nên gọi là **Tướng Đại Man Trà La**. Do đầy đủ nghiệp dụng của 3 Mật nên gọi là **Dụng Đại Man Trà La**

Lại nữa do 4 Man Trà La nhiếp tất cả tướng trạng tồn tại nên đối với 6 Đại, Thể Đại, Tam Mật Dụng Đại mà gọi là **Tứ Man Tướng Đại** .

Ngoài ra còn có thuyết nói về **Tam Chủng Tứ Man Trà La** là :

1) *Nói về đời quá khứ* : Tập trung chúng Thánh nơi Pháp Hội do Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai nói Pháp, gọi là **Tự Tính Hội Tứ Man**

2) *Nói về đời vị lai*: Ảnh tượng với sự ghi chép tô vẽ, gọi là **Thế Gian Trụ Trì Man Trà La**

3) *Nói về đời hiện tại* : Du Hành Giả gọi là Hành Giả tu hành Tứ Man

Riêng 4 Trí Ấn (Tứ Ấn) gồm Đại Trí Ấn, Tam Muội Gia Trí Ấn, Pháp Trí Ấn, Yết Ma Trí Ấn cùng với 4 Man có chỗ dị đồng tức là đồng thể mà khác tên. Hoặc nói là Tứ Man đối với *Thế vốn có của Hữu Tình* mà có tên, còn Tứ Ấn thì đối với sự tu hành sinh ra mà có tên

**Tu Pháp Đàn**: tức Đàn được dùng theo Pháp tu. Khi tu Pháp thời an trí tượng Phật, Tam Muội Gia kèm phối trí vật được cúng với nhóm dụng cụ dùng để cúng. Y theo bảy ngày dựng lập Đàn Pháp. Ở đây có Đại Đàn, Hộ Ma Đàn, Tiểu Đàn...

**Đại Đàn** là bên trên vẽ làm **Chủ Đàn** là **Bản Tôn** của Pháp tu

**Hộ Ma Đàn** là ở chính giữa hoặc ở một bên của Đại Đàn có an trí một lò lửa thiêu đốt phẩm vật. Hình của cái lò tùy theo nhóm Pháp Tăng Ích... mà có hình vuông tròn khác nhau. Như Pháp **Tức Tai** làm Đàn hình tròn, Pháp **Tăng Ích** làm Đàn hình vuông, Pháp **Điều Phục** làm hình tam giác, Pháp **Câu Triệu**, **Kính Ái** làm đàn hoa sen

**Tiểu Đàn** dùng cho Đàn riêng của nhóm Quán Đỉnh

)Lại y theo hình dạng của Đàn mà phân chia: hình vuông là **Địa Luân Đàn**, hình tròn là **Thủy Luân Đàn**, hình tam giác là **Hỏa Luân Đàn**, hình nửa vành trăng là **Phong Luân Đàn**

)Nếu là Giới Trường để cùng nhau thọ nhận **Giới** thì xưng là **Giới Đàn**, Nơi chốn có an trí tượng Phật thì xưng là **Phật Đàn**

)**Đàn Thành** có hai bộ phận là Đàn và cái thành.

**Thành** là cái thành ở bên ngoài Đàn Tháp, hình vuông vức, dựng các tòa, điện báu cúng phụng chư Phật Bồ Tát

**Đàn** phân làm hai bộ phận **Hiển Mật**. **Hiển Đàn** làm hình tròn có nhiều lớp, bên trong dựng phương báu, trên đỉnh phương có dù lọng trang sức... các tầng phân biệt cúng phụng chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh, Hộ Pháp...**Mật Đàn** cúng phụng các Đức Như Lai thuộc Mật Bộ của Bản Tôn, là Nội Quyển Thuộc chuyên tu Đạo Trường

Dựa vào ý nghĩa **Phát sinh chư Phật**, các bậc Đạo Sư Mật Giáo thường cúng dường Maṇḍala và truyền dạy cho Môn Đồ nắm vững Mật Ý tu hành Chính Pháp qua việc xây dựng Đạo Trường và tạo dựng hình tượng các Tôn. Sự kiện này nhằm nhắc nhở Hành Giả tu trì Mật Pháp phải biết phối hợp Kinh Giáo với Mật Điển một cách nhuần nhuyễn để đừng bao giờ lãng quên ý hướng tu tập của mình đồng thời tránh xa sự chấp trước vào năng lực thần thông có được trong khi tu hành...

Theo ý nghĩa này thì cách tạo lập **Đạo Trường Lãng Nghiêm** hàm chứa những nghĩa thú như sau:

**“Phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn hòa với đất vàng và mười thứ thảo mộc thơm như Chiên Đàn, Trâm Hương... để làm nền Đạo Trường”**

Đây là ý niệm cơ bản của sự kết cấu thành Đạo Trường gồm 3 đỉnh giác ngộ mà Kinh Đại Nhật đã nói là: *“Tâm Bồ Đề là Nhân, Đại Bi là gốc rễ, Phương Tiện Thiện Xảo là Cứu Cánh (Quả)”*

#### **Phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn**

**Trâu trắng** ở núi Tuyết (Himalāya) là loài trâu khỏe mạnh, chịu đựng được mọi sự khắc nghiệt của giá lạnh, chuyên ăn các loại cỏ thơm tốt nên phân của nó không có mùi hôi thối. Vì thế các Hành Giả Mật Giáo thường hay dùng phân của nó để xoa tô Đạo Trường

Theo ý nghĩa khác thì **con trâu** biểu thị cho Pháp **Đại Thừa** (Mahā-yāna). **Màu trắng** biểu thị cho nghĩa vượt qua 160 Tâm Hữu Tình và cũng là màu sắc biểu thị cho đức tin trong sạch. Vì thế **con trâu trắng** biểu thị cho Pháp Đại Thừa trong trắng thanh tịnh

**Phân của loài trâu trắng**: biểu thị cho phương tiện Đại Bi vô tận của Như Lai nhằm nhắc nhở cho chúng sinh nhận biết rằng **Mình vốn có Trí Tuệ viên mãn giống như Phật không có sai khác**

**Núi Tuyết** (Himalāya) là dãy núi có ngọn cao nhất so với các ngọn núi khác trên quả địa cầu này nên nó biểu thị cho Trí Tuệ của Đấng Toàn Giác

Do đó nguyên câu này biểu thị cho ý nghĩa là: “Lòng tin sâu rộng vào Pháp Đại Thừa trong trắng thanh tịnh tức là niềm tin chân thật rằng mình vốn có Tâm Tính Bồ Đề giống như chư Phật không có sai khác”

#### **Đất vàng:**

**Đất** là nơi nương tựa của tất cả chúng sinh

**Màu vàng** biểu thị cho **Niệm**, lúc một Niệm tương ứng thì Định Tuệ cân bằng mở bày 7 Giác Phân. Hoặc màu vàng biểu thị cho sự tu trì hạt giống Bồ Đề nuôi dưỡng vạn hạnh qua Tâm Đại Bi bình đẳng

Như vậy đất màu vàng biểu thị cho Tâm Đại Bi bình đẳng. Là gốc rễ nuôi lớn Phước Đức, làm rạng rỡ muôn điều lành

#### **Mười thứ thảo mộc thơm:**

Mười thứ thảo mộc thơm thường dùng là:

- 1 \_ **Chiên Đàn Hương**: có mùi thơm ngát, nên còn gọi là **Bồ Thí Hương**
- 2 \_ **Bạch Giao Hương**: Trừ khí ác, trị ghê nên biểu thị cho sự trừ bỏ những điều bất thiện của thân. Do đó gọi là **Giới Hương**
- 3 \_ **Tô Hợp Hương**: có thính sát Quỷ trừ Tà, chế ngự Ma Quỷ nên còn gọi là **Nhẫn Hương**
- 4 \_ **Thanh Mộc Hương**: có tính trừ bỏ sự mất ngủ giúp cho ngủ ngon nên còn gọi là **Tinh Tiến Hương**
- 5 \_ **Huân Lục Hương**: có tính làm dứt sự đau nhức nên còn gọi là **Định Hương**
- 6 \_ **Linh Lãng Hương**: có tính làm cho sáng mắt nên còn gọi là **Tuệ Hương**

7 \_ **Trầm Thủy Hương**: có bột lỏi rất nặng, thả xuống nước liền chìm nên biểu thị cho sự cùng tột của các Pháp. Do đó gọi là **Bồ Đề Hương**

8 \_ **Uất Kim Hương**: có tính an thân nên biểu thị cho sự diệt ám phá chấp. Do đó gọi là **Pháp Hương**

9 \_ **Cam Tùng Hương**: có tính trừ bụng bị chướng hoặc hạ khí. Do hòa hợp các mùi thơm nên còn gọi là **Giải Thoát Hương**

10 \_ **Kê Thiệt Hương**: Khi uống vào thì thân miệng lúc nào cũng tỏa mùi thơm nên biểu thị cho sự dùng tất cả phương tiện đi vào khắp các cảnh giới. Do đó gọi là **Giải Thoát Tri Kiến Hương**

Nói theo cách khác thì 10 thứ hương biểu thị cho 10 câu Duyên Sinh mà các Bồ Tát tu hành Hạnh Bồ Tát trong Chân Ngôn Môn phải quán sát để thông đạt tác chứng nơi Hạnh Chân Ngôn :

1) **Như huyền**: Ví như Chú Thuật, sức của thuốc hay tạo ra các loại sắc tướng làm mê hoặc con mắt khiến cho mắt thấy những sự việc chưa từng có đang sinh hóa lưu chuyển qua lại khắp 10 phương. Tất nhiên hiện tượng đó chẳng có đi, chẳng phải không đi. Tại sao thế? Vì bản tính tĩnh lặng nên Chân Ngôn tuy là ảo nhưng nếu trì tụng thành tựu lại có thể sinh ra tất cả.

2) **Như dọn nước dưới ánh nắng**: Tất cả dọn nước dưới ánh nắng vốn là **Không** (Śūnya: Trống rỗng). Nó chỉ dựa vào vọng tưởng của người đời thành ra có chuyện đê đàm luận. Như vậy Tướng của Chân Ngôn chỉ là **Giả Danh**

3) **Như mộng**: Ví như nằm mộng, chỉ trong khoảng khắc mà thấy mình trải qua mấy năm dài với những cảnh khác lạ và thọ nhận các điều sướng khổ. Khi tỉnh giấc thì không thấy gì. Như vậy nên biết rằng Hạnh của Chân Ngôn cũng như giấc mộng.

4) **Như ảnh**: Lấy ảnh làm ví dụ thì hiểu rõ Chân Ngôn có thể phát sinh **Tất Địa** (Siddhi) như soi mặt vào gương thì thấy hình tượng của mặt. Như thế nên biết rằng Tất Địa của Chân Ngôn cũng như ảnh vậy.

5) **Như thành Càn Thát Bà**: Dùng thành Càn Thát Bà làm ví dụ thì hiểu rõ sự thành tựu của Cung Tất Địa

6) **Như tiếng vang**: Lấy tiếng vang dội làm ví dụ thì hiểu rõ âm thanh của Chân Ngôn. Giống như duyên theo âm thanh mà có tiếng vang dội. Người trì Chân Ngôn nên hiểu như thế

7) **Như bóng trăng dưới nước**: Do mặt trăng xuất hiện soi chiếu xuống giếng nước lặng yên mà hiện ra bóng trăng dưới nước. Như vậy Chân Ngôn cũng như bóng trăng dưới nước. Bạc Trì Minh nên nói như thế

8) **Như bọt nổi**: Như trời đổ mưa tạo thành bọt bong bóng nước. Các biến hóa của Tất Địa thuộc Chân Ngôn ấy cũng nên biết như vậy

9) **Như hoa đốm giữa hư không**: Ví như trong hư không không có chúng sinh, không có thọ mệnh, kẻ làm điều ấy cũng chẳng thể được. Vì dùng Tâm mê loạn nên phát sinh các loại Vọng Kiến như thế

10) **Như vòng lửa tròn**: Ví như lửa sắp tàn. Nếu có người cầm cục than lửa trên tay rồi quay tròn trong hư không thì trên hư không sẽ xuất hiện một vòng lửa. Do đó nên biết rõ các Câu Đại Thừa, câu của Tâm, câu Vô Đẳng Đẳng, câu Tất Định, câu Chính Đẳng Giác lần lượt đến các câu Sinh Đại Thừa. Theo thứ tự như thế sẽ được đầy đủ các Pháp Tài, sẽ sinh ra được các loại công xảo Đại Trí , biết khắp tất cả Tướng Tâm như thật

\_ **Nền Đạo Trường**: Là căn bản của các Pháp phát sinh chư Phật

Nguyên đoạn văn trên có ý nghĩa là:



Người tu hạnh Chân Ngôn muốn chứng được Phật Trí thì nền tảng căn bản là phải biết phát khởi Tâm Bồ Đề nghĩa là tự tin rằng **Ta vốn có đầy đủ Giác Tính như chư Phật chỉ do vọng niệm Vô Minh che lấp mà phải nổi trôi trong biển sinh tử**. Nay Ta phải sám hối mọi lỗi lầm Vô Minh, dùng mãnh phát Tâm tu thành bậc Chính Đăng Chính Giác, quán sát 10 câu Duyên Sinh để xa lìa mọi vọng tưởng chấp trước, biết khắp cả tướng Tâm như thật và rốt ráo thành tựu Phật Quả Vô Thượng

**“Nơi đất bằng đào sâu năm thước, xây Đàn hình bát giác chu vi rộng mười sáu thước”**

\_ **Đất bằng**: biểu thị cho sự sửa trị Tâm cho đúng đắn, xa lìa mọi sự chấp trước thiên lệch, xây dựng tâm bình đẳng. Đối với người tu tập Hạnh Bồ Tát thì phải cương quyết trừ bỏ tất cả bợn nhơ hết sức vi tế của tâm Vô Minh, phát khởi tâm vắng lặng bình đẳng, phát khởi tâm Bồ Đề Chân Thật.

\_ **Đào sâu năm thước**: Biểu thị cho sự trừ diệt 5 loại lỗi lầm (Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi) phát khởi 5 loại căn lành (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ) để thông nhiếp muôn hạnh

\_ **Xây Đàn hình bát giác**: Trái tim thịt (Hridaya) của chúng sinh có 8 múi vốn là hoa sen 8 cánh nhiếp trì Mạn Trà La của chư Tôn. Nơi đây hiển thị cho nghĩa **Tất cả chúng sinh thấy đều có Lý Thú của Phật Tính** và đây là nơi xây dựng Đàn Trường.

Ý nghĩa này được biểu thị bằng Đàn bát giác (8 góc)

\_ **Chu vi rộng mười sáu thước**: Biểu thị cho 16 lớp Huyền Nghĩa minh họa cho thứ lớp tu tập dần dần chứng nhập Phật Quả gồm có: 6 bậc Vô Úy và 10 Địa. Đây là căn bản của Pháp tu Mật Giáo để **mau chóng thành Phật**

. ) Sáu bậc Vô Úy gồm có:

1 \_ **Thiện Vô Úy**: Do tu các nghiệp lành (5 Giới, 10 Thiện) và dứt trừ được các nghiệp chướng lành (Tránh được mọi khổ não của 3 đường ác) khiến thân tâm được an ổn mà được Bậc Vô Úy thứ nhất. Đây là giai đoạn vào Đạo Trường và bắt đầu thực hành 3 Mật. Trong Bậc này, Hành Giả dùng Pháp Quán **Chữ của tiếng** mà tu hạnh Mạn Đà La

2 \_ **Thân Vô Úy**: Do biết **Ngã như thật** nên vất bỏ mọi sự dính mắc đến cái Ngã (Ātma) đi đến chỗ không còn thấy sợ hãi cho bản thân mà được Bậc Vô Úy thứ hai. Đây là giai đoạn thực thi 3 Mật đạt đến trình độ thấy hình tướng của Bản Tôn bằng cái thấy của Tâm. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong Pháp Quán **Hữu Tướng** mà tu hạnh Mạn Đà La

3 \_ **Vô Ngã Vô Úy**: Do thấy chỗ nhóm họp của các Thủ Uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) là Ngã Thân bèn quán sắc tượng rồi tự xả bỏ sự chấp trước vào cá vị của bản thân, thực chứng Ngã Không mà được bậc Vô Úy thứ ba. Đây là giai đoạn người tu Du Già suy tư về Tự Tính của Tâm, thấy Tâm chẳng thể đắc liền bỏ Ngã chẳng sinh kiêu mạn. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm chỉ có Uẩn Vô Ngã** mà tu hạnh Mạn Đà La

Ba Bậc này là quá trình dẹp bỏ vọng chấp thô thiển, thực chứng Đạo Lý Vô Ngã

4 \_ **Pháp Vô Úy**: Do dứt trừ Uẩn, trụ trong Pháp Phan Duyên (Duyên bảm niú) mà được bậc Vô Úy thứ tư. Đây là giai đoạn người hành Chân Ngôn thực thi 3 Mật, thấy các hình tướng hiện tiền vốn thật không có hiện hữu giống như bóng trăng dưới nước, hiểu rõ các Pháp Uẩn đều là rỗng không. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm duyên Pháp** mà tu hạnh Mạn Đà La

5 \_ **Pháp Ngã Vô Úy**: Do dứt trừ Pháp, trụ vào **Không Duyên** mà được bậc Vô Úy thứ năm. Người hành Chân Ngôn hiểu rằng tất cả hình tướng thấy được đều là

những trạng thái của chính Tâm ta. Quán thấy 3 cõi chỉ do Tâm, ngoài Tâm không có Pháp và chính Tâm Ta cũng rỗng không nên đạt được cái dụng tự tại của Tâm. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm Vô Duyên** mà tu hạnh Mạn Đà La

Hai Bậc này là quá trình diệt trừ sự vọng chấp sâu kín, thực chứng Đạo Lý về sự rỗng không của các Pháp trong chính 5 Uẩn

6 **Nhất thiết Pháp tự tính bình đẳng Vô Úy**: Do đối với tất cả Uẩn, Xứ, Giới, Năng Chấp, Sở Chấp, Ngã, Thọ Mệnh... với Vô Duyên Không, Tự Tính Vô Tính của Pháp mà sinh **Không Trí** (Śūnya-jñāna: Trí biết rõ sự trống rỗng) đạt được bậc Vô Úy thứ sáu. Hành Giả tu môn Chân Ngôn hiểu rằng các Pháp không hề có tự tính mà chỉ do các nhân quả chuyển níu nhau mà sinh ra nên thực chứng được tính bình đẳng của các Pháp, thực chứng Đạo Lý **Nhất Thừa** (Eka-yāna). Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm bình đẳng** mà tu hạnh Mạn Đà La

Đây là giai đoạn diệt trừ hết mọi vọng chấp rất vi tế về sự tin tưởng có tính Nhị Nguyên giữa chủ thể với đối tượng và cuối cùng là thừa nhận sự trống vắng trọn vẹn, sự không có tự tính của mọi Pháp và của chính Tâm Ta, thực chứng một phần trạng thái không dơ giống như hư không của Tâm Tĩnh Bồ Đề. Sau khi vào 10 Địa thì Hành Giả sẽ chứng ngộ hoàn toàn trạng thái chân thật của Tâm Tĩnh Bồ Đề.

. ) **Mười Địa** (Daśa-bhūmi):

Theo Hiền Giáo thì mười Địa này là 10 trình độ của Đạo Hạnh gồm có :

1) **Hoan Hỷ Địa** (Pramuditā): Hành Giả được bản tính Hiền Thánh đầu tiên và đạt đến Tịnh Lạc khi đã đoạn trừ mê hoặc ở **Kiến Đạo** (Darśana-mārga) và đã hoàn toàn chứng đắc 2 thứ Tính Không (Nhân Không và Pháp Không)

2) **Ly Cấu Địa** (Vimalā): Hành Giả đạt đến Giới Đức viên mãn và hoàn toàn vô nhiễm đối với Giới Hạnh

3) **Phát Quang Địa** (Prabhā-karī): Hành Giả đạt được Nhẫn Nhục viên mãn và thoát khỏi những mê vọng của **Tu Đạo** (Bhāvana-mārga) sau khi đã đạt được Nội Quán thâm sâu

4) **Diệm Tuệ Địa** (Arcis-matī): Hành Giả đạt được sự viên mãn của Tinh Tiến, nhân đó càng lúc càng tăng gia năng lực Quán Hạnh

5) **Nan Thắng Địa** (Sudurjayā): Hành Giả đạt được sự viên mãn của Thiền Định, nhân đó mà đạt được sự tương ứng của Nhị Đế (Tục Đế và Chân Đế) trong hoạt động tâm linh

6) **Hiện Tiền Địa** (Abhimukhī): Hành Giả đạt được sự viên mãn của **Trí Tuệ** (Prajñā) và giữ mãi Bình Đẳng Tính đối với Tịnh và Bất Tịnh

7) **Viễn Hành Địa** (Dūramgama): Hành Giả đã bỏ xa tình trạng Ngã Chấp của Nhị Thừa. Ở Địa này, Hành Giả thành tựu sự viên mãn của **phương tiện** (Upāya) và bắt đầu tu tập Đại Bi đối với tất cả chúng sinh

8) **Bất Động Địa** (Acalā): Hành Giả thành tựu **Nguyện Viên Mãn** (Pranidhāna) và trụ trong **Vô Tướng** (Alakṣaṇa) mà du hành tự tại tùy theo bất kỳ cơ hội nào

9) **Thiện Tuệ Địa** (Sādhu-matī): Hành Giả đạt được 10 Thần Lực, sau khi đã thành tựu **Lực** viên mãn (Bala) và giảng Pháp khắp nơi đồng thời phán xét những người đáng cứu độ và những người không được cứu độ

10) **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha): Hành Giả có thể giảng Pháp cho tất cả Thế Giới một cách bình đẳng như những đám mây tuôn xuống những cơn mưa lớn trong mùa đại hạn. Thực tế đây là địa vị của Đức Phật biểu hiện nơi một Bồ Tát

Theo Mật Giáo thì mười Địa có tên gọi giống như trên nhưng lại biểu thị cho 10 phần Công Đức của Tâm Tĩnh Bồ Đề. Do 10 Địa này đều ở trong Hạnh Tín Giải nên được gọi chung là **Địa Cứu Cánh** của Nhất Thiết Trí Trí

Nhờ vào 10 Trụ Địa này, Hành Giả sẽ thực chứng được 10 Pháp bất khả tư nghị của chư Phật là :

- 1 \_ Thân tướng tối thắng chẳng thể luận bàn
- 2 \_ Đại Trí tối thắng chẳng thể luận bàn
- 3 \_ Âm thanh diệu hảo chẳng thể luận bàn
- 4 \_ Ánh sáng vi diệu chẳng thể luận bàn
- 5 \_ Giới Định viên mãn chẳng thể luận bàn
- 6 \_ Thần Túc rộng lớn chẳng thể luận bàn
- 7 \_ Mười loại Trí Lực chẳng thể luận bàn
- 8 \_ Bốn Vô Sở Úy chẳng thể luận bàn
- 9 \_ Tâm Đại Bi chẳng thể luận bàn
- 10 \_ Phật Pháp Bất Cộng chẳng thể luận bàn

Trong mỗi Trụ Địa này đều quán trong Tâm cho nên việc tu Hạnh Mạn Đà La nói gọn lại là: ***“Lấy Hạnh Vị chia ra thành mười sáu tầng lớp sâu cạn chẳng đồng nhau”***

Dựa vào ý nghĩa của 6 Vô Úy và 10 Địa, các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã khẳng định đây là đường lối giúp cho Hành Giả mau chóng chứng đắc Phật Quả

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là :

*Muốn tu Hạnh Mạn Đà La , Hành Giả phải biết cách sửa trị Tâm cho đúng đắn và phải niệm trì quán chiếu 16 lớp tu chứng Phật Quả*

***Chính giữa Đàn chung một hoa sen bằng kim loại, trong hoa sen để một bát nước sương mù tháng tám, trong nước để nhiều lá sen. Chung quanh sen đặt tám cái gương tròn ở tám góc, bên ngoài gương dựng mười sáu bông sen xen với mười sáu lư hương. Trong lư đốt bột Trầm Hương và dùng các thứ đồ ăn quý làm bánh sữa dựng trong mười sáu cái chén để cúng dường chư Phật Bồ Tát***

\_ **Chính giữa Đàn:** Biểu thị cho Thật Tướng của Tâm, thật tướng của Trí Tuệ tự nhiên

\_ **Hoa sen bằng kim loại:** Biểu thị cho Trí Thể Kim Cương thâm diệu của Phật ở nơi Thể Thường Tịch mà hiển hiện Pháp Thân Bản Địa quan hệ với sự tác nghiệp Vô Vi. Đây là chân thân của chư Phật, tức là Pháp Thân thường trụ, Pháp Tính của Lý Trí đầy đủ tự nhiên thường hằng trong 3 đời và từ Thân này lưu xuất các Chúng Bồ Tát nói Pháp 3 Mật. Thân này được Thần Cách Hóa thành **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana Tathāgata) biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu parakṛti-jñāna) và được gọi là **Tự Tính Pháp Thân** (Svabhāva-dharma-kāya)

\_ **Bát nước dựng nước sương mù tháng tám, bên trong để nhiều lá sen**

.) **Nước sương mù tháng tám:** Biểu thị cho Đại Bi Thệ Thủy

.) **Bát nước dựng nước sương mù tháng tám:** Biểu thị cho Bản Thệ Đại Bi của Như Lai. Lúc hành Đạo Bồ Tát, Ngài có lập lời Nguyện rằng: ***“Ta sẽ thành tựu tất cả chư Phật. Độ thoát Pháp Giới với hết thảy chúng sinh giới không dư sót”***. Nay Sở Nguyện đã mãn nhưng còn phải độ chúng sinh chưa hết tức là Pháp Giới chưa được thành tựu đầy khắp cho nên Như Lai siêng tu sự nghiệp không có ngừng nghỉ.

Do nhân duyên Bản Nguyện này nên tất cả Như Lai đồng tập hội (nhiều lá sen trong bát nước) để cùng nhau dùng Thần Lực gia trì cho người tu Hạnh Mạn Đà La

\_ **Tám cái gương tròn ở tám góc:** Biểu thị cho Công Đức của Diệu Pháp Bản Tâm vốn có nơi Phật và tất cả Chúng Sinh, lưu xuất ra 8 bậc Thiện Tri Thức đi vào cửa Pháp Giới gồm có 4 Trí của Như Lai và 4 Hạnh của Như Lai

) **4 cái gương ở 4 phương** : Biểu thị cho 4 Trí của Như Lai

\_ **Cái gương ở phương Đông**: Biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** (Bodhicitta) vốn là cái tối sơ của muôn Hạnh. Nó được Thần Cách Hóa thành **Bảo Tràng Như Lai** (Ratnaketu Tathāgata) biểu thị cho **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) là cái Trí xa lìa tất cả phân biệt cấu nhiễm, tính tướng thanh tịnh như tấm gương tròn lớn chiếu soi khắp cả Lý Sự của vạn tượng. Do đó Đại Viên Kính Trí được xem là **Tự Thọ Dụng Pháp Thân** (Svasaṃbhoga-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai, tức là Trí Pháp Nhiên Thủy Giác, tự thọ dụng Pháp Lạc

\_ **Cái gương ở phương Nam**: Biểu thị cho sự thành tựu vạn Hạnh Đại Bi, viên mãn vạn Đức, mở bày Tâm Phật. Nó được Thần Cách Hóa thành **Khai Phu Hoa Vương Như Lai** (Sampuspītā-sāleन्द्रa-rājāya Tathāgata: Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai) biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là Trí quán sát tất cả Pháp **Tự Tha Hữu Tình** thấy đều bình đẳng. Do tương ứng hỗ cộng với Đẳng Đại Bi mà bình đẳng phổ độ chúng sinh. Vì thế Bình Đẳng Tính Trí được xem là **Tha Thọ Dụng Pháp Thân** (Parasaṃbhoga-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân ứng hiện 10 Địa gia trì cho Chúng Bồ Tát để họ tự Nội Chứng được Pháp Thân

\_ **Cái gương ở phương Tây**: Biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đặc được Quả Đức tự chứng nên còn gọi là **Chứng Bồ Đề**. Nó được Thần Cách Hóa thành **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus Tathāgata) biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chướng, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phạm Phu

\_ **Cái gương ở phương Bắc**: Biểu thị cho Trí Niết Bàn của Như Lai, là sự chứng nhập vào cảnh giới thâm sâu vắng lặng của Đại Niết Bàn. Nó được Thần Cách Hóa thành **Thiên Cổ Lô Âm Như Lai** (Divya-duṇḍubhi-megha-nirghoṣa Tathāgata) biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là Trí dùng 3 Nghiệp thân khẩu ý của Như Lai làm lợi lạc cho chúng Hữu Tình. Vì chúng sinh hành Thiện, thành Bản Nguyện Lực, Sở Ứng Tác Sự. Do đó Thành Sở Tác Trí được xem là **Đẳng Lưu Pháp Thân** (Niṣyanda-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai, là Thân đi vào muôn loài mang đầy đủ uy nghi, âm thanh, tướng mạo của từng loài để hoàn thiện việc Phật và việc Thế Gian

) **Bốn cái gương ở bốn góc**: Biểu thị cho 4 Hạnh của Như Lai

\_ **Cái gương ở góc Đông Nam** : Biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra Bodhisatva) tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề

\_ **Cái gương ở góc Tây Nam**: Biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Maṃjuśrī Bodhisatva) tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã

\_ **Cái gương ở góc Tây Bắc**: Biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara Bodhisatva) tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề

\_ **Cái gương ở góc Đông Bắc**: Biểu thị cho Hạnh Kết Kim Cương Thân. Nó được Thần Cách Hóa thành **Di Lạc Bồ Tát** (Maitreya Bodhisatva) tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn

Vì 4 Hạnh là **Nhân Đức** của Như Lai, 4 Trí là **Quả Đức** của Như Lai nên 4 Hạnh và 4 Trí là Đức Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai, tức là 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn.

Trong 9 Tôn này thì Đại Nhật biểu thị cho Tổng Thể nên là **Phật Bộ** (Buddha-kulāya), 4 vị Phật biểu thị cho Giác Trí nên là **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya), 4 vị Bồ Tát biểu thị cho Đức của Đại Bi nên là **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) và 9 Tôn này biểu thị cho Lý Thú của **Phật Tính** (Buddhatā) vốn có trong tâm của tất cả chúng sinh.

\_ **Mười sáu bông sen**: Biểu thị cho 16 Pháp, mỗi một Pháp đều là Pháp Giới bình đẳng. Do 8 loại Thiện Tri Thức, mỗi vị đều giữ một Tuệ Ấn Kim Cương và một Chân Ngôn tương ứng nên tổng cộng thành 16 Pháp. Tám Tuệ Ấn Kim Cương còn gọi là **Tám Ấn Bí Mật** tức là Bí Ấn Quán Đỉnh của Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho Đức của 4 Trí và 4 Hạnh của Như Lai

1) **Đại Uy Đức Sinh Ấn**: Ấn này do Đại Uy Đức của Đại Nhật Như Lai sinh ra (Thế lực của Tâm Bồ Đề thanh tịnh) nên gọi là **Đại Uy Đức Sinh**. Đây là Ấn của Bảo Tràng Như Lai ở phương Đông biểu thị cho Tâm Bồ Đề thanh tịnh hay sinh ra vạn Đức

Tướng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa trán không (Không Tâm Hợp Chưởng) bung tán 2 ngón trở, 2 ngón út như phóng tán ánh lửa.



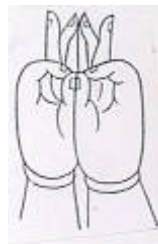
Chân Ngôn là :

ॐ ह्रीं स्रग् व ह्रीं नं ॐ ह्रीं स्रग् व

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ RAḤ RAḤ \_ SVĀHĀ

2) **Kim Cương Bất Hoại Ấn**: Trí kiên cố bất hoại của Đại Nhật Như Lai giống như Kim Cương nên gọi là **Kim Cương Bất Hoại**. Đây là Ấn của Sa La Thọ Vương Như Lai ở phương Nam, biểu thị cho địa vị đạt đến Kim Cương chân thật.

Tướng Ấn là: Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón trở đặt trên 2 ngón cái như hình chữ Phộc (𑖕\_ VA), dựng thẳng bung tán 2 ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं स्रग् व ह्रीं नं ॐ ह्रीं स्रग् व

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ VAḤ VAḤ \_ SVĀHĀ

3) **Liên Hoa Tạng Ấn**: Còn gọi là Như Lai Tạng Ấn. Đây là Ấn của A Di Đà Như Lai ở phương Tây, biểu thị cho Đức hàm chứa Đại Bi.

Tướng Ấn là: Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, bung tán 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trở như hoa sen 8 cánh.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्तबुद्धाय नमः स्वहा

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ SAM SAḤ \_ SVĀHĀ

4) **Vạn Đức Trang Nghiêm Ấn:** Còn gọi là Nội Ngoại Trang Nghiêm Ấn. Các Đức trong ngoài của Như Lai thầy đều đầy đủ nên gọi là **Vạn Đức Trang Nghiêm**. Đây là Ấn của Thiên Cổ Như Lai ở phương Bắc, biểu thị cho Đức thành mãn sự nghiệp **tự lợi, lợi tha** nên còn gọi là Nội Ngoại Trang Nghiêm.

Tướng Ấn là: Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón út vào trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्तबुद्धाय नमः स्वहा

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ HAM HAḤ \_ SVĀHĀ

5) **Nhất Thiết Chi Phần Sinh Ấn:** Còn gọi là Tùng Phật Chi Phần Sinh Ấn. Đây là Ấn của Phổ Hiền Bồ Tát ở góc Đông Nam, biểu thị cho Đức của Tâm Bồ Đề được sinh ra từ từng phần của Đức Phật.

Tướng Ấn là: Chắp 2 tay lại như hình đóa hoa chưa nở (Vị Khai Phu Hoa Hợp Chưởng) dựng thẳng đứng 2 ngón cái rồi hơi co lại.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्तबुद्धाय नमः स्वहा

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ AM AH \_ SVĀHĀ

6) **Đà La Ni Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Đà La Ni Ấn. Đây là Ấn của Quán Tự Tại Bồ Tát ở góc Tây Bắc, biểu thị cho nghĩa Tổng Trì là Thế Tính Pháp Môn

Tướng Ấn là: Dựa theo Vị Khai Phu Hoa Hợp Chương, co 2 ngón giữa vào trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् बुद्धधरिण श्रुति बल धरि कृते धरिण्य सक्तम्  
सर्वधरिण्य सक्तम् सर्वधरिण्य सक्तम्

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ BUDDHA-DHĀRAṆI SMṚTI \_  
BALĀ-DHĀNA KARI \_ DHĀRA DHĀRA DHĀRĀYA \_ SARVA BHAGAVATĪ  
ĀKĀRA-VATI SAMAYĒ \_ SVĀHĀ

7) **Pháp Trụ Ấn:** còn gọi là Như Lai Pháp Trụ Ấn. Đây là Ấn của Văn Thù Bồ Tát ở góc Tây Nam, biểu thị cho Đức trụ bền lâu nơi tất cả Pháp Môn nên gọi là Pháp Trụ.

Tướng Ấn là: Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng (Hur Tâm Hợp Chương) mở bung 2 ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् अ वेद विदे सक्तम्

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ Ā VEDA VIDE \_ SVĀHĀ

8) **Tán Tật Trì Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Tấn Tật Trì Ấn. Đây là Ấn của Di Lạc Bồ Tát ở góc Đông Bắc, biểu thị cho lực gia trì nhanh chóng của sức Thần Biến Bí Mật của Như Lai.

Tướng Ấn là: Hai tay kết Hur Tâm Hợp Chương, đan chéo 10 đầu ngón tay với nhau, bên phải đè bên trái, cùng nhau gia trì rồi tự xoay chuyển.



Chân Ngôn là:

ॐ मः समं वृ ह नमः मन्मना यगो नमः यगो नमः नमः नमः नमः नमः  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ-YOGA YOGINI  
YOGĒSVARĪ KHAM JALIKĒ SVĀHĀ

16 Pháp **Ẩn Chú** này là cửa ngõ bí mật để thực chứng được Thật Tướng của Tâm, nghĩa là thực chứng được Pháp Thân Thường Trụ của Phật.

### **Mười sáu lư hương:**

Lư Hương là nơi phát sinh mùi thơm thanh tịnh. Vì Giới Hương, Tính của nó vốn tịnh, không đến không đi mà thường đầy khắp Pháp Giới cho nên chư Phật thường theo Giới Hương mà đến. Do đó 16 lư hương biểu thị cho 16 Quỹ Giới của 16 Pháp Cảnh Thiền Định

### **Mười sáu chén thức ăn quý :**

Chư Phật Bồ Tát dùng Pháp vui Thiền Duyệt làm nghĩa **Ẩn** (Thiền Duyệt Thực). Do đó 16 chén thức ăn quý biểu thị cho mùi vị thượng diệu không gì sánh bằng của 16 cảnh giới Thiền Định của 8 Tôn và 8 Ẩn Bí Mật

Kinh **Đại Nhật, Phẩm 14\_ Tám Ẩn Bí Mật** ghi rằng: “*Tự thân trụ vào hình của Bản Tôn bền chắc chẳng động. Như Bản Tôn, rồi lại an trụ như Bản Tôn thì sẽ được Tất Địa*”

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là:

*Hành Giả phải kiến lập được Mandala **Bát Diệp Cửu Tôn** ( 9 Tôn trong hoa sen 8 cánh) ngay trong Bản Tâm mình để nắm vững Lý Thú của Phật Tính vốn có xưa nay trong Tâm của mọi chúng sinh đồng thời phát khởi niềm tin chắc thực rằng **Ta là Phật sẽ thành**. Từ đây Hành Giả tinh tiến giữ gìn Thân Khẩu Ý cho thật trong sạch và mạnh dạn bước vào con đường tu trì Thiền Định cho đến khi Hành Giả nhập vào được Pháp Giới , thực chứng được những biểu tượng của chư Phật Bồ Tát vốn là những điểm linh quang hiện hữu trong Tâm mình. Ngay lúc đó, Hành Giả sẽ trực nhận được Trí Giác Nguyên Thủy và mau chóng vượt qua các thứ lớp tu chứng, thành tựu Phật Quả*

**Trước Đàn để một lư than nhỏ. Đến mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm dùng Mật Ong và Tô Lạc đổ vào lư than, đốt lên cúng dường chư Phật Bồ Tát**

**Lư than nhỏ:** Biểu thị cho Nhiệt Tâm đam mê ích kỷ. Sau khi được lửa 3 Mật nung nóng sẽ chuyển thành nguyên lý phản chiếu rõ ràng mọi chân tướng của vạn vật

**Mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm:** Biểu thị cho thời điểm tu tập Thiền Định hoặc trì tụng Đà La Ni

**Mật ong:** Biểu thị cho Vị Tịnh Diệu của Pháp Thực

**Tô lạc:** Biểu thị cho sự tinh thuần của Pháp Thực

**Cúng dường chư Phật Bồ Tát:** Biểu thị cho việc dùng Pháp Thực **Tịnh Diệu Tinh Thuần** cúng dường phụng thí chư Tôn thì ngược lại chư vị sẽ cho Hành Giả mãn nguyện mong cầu và thường khiến được đầy đủ Vị **Bất sinh bất tử**

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là :

*Hành Giả tu Hạnh Mandala dùng phương tiện 3 Mật tu trì Thiền Định để khuấy động sửa Phật Tính của bản tâm cho đến khi nó thành Đê Hồ Diệu Giác Thuần Tịnh , dung hòa vi diệu. Dựa vào đó mà tất cả Trí Ẩn Kim Cương cùng nhóm họp trong Vị Cam Lộ bạc nhất để phát kiến Trí Giác Nguyên Thủy*



**Bốn phía ngoài treo phượng, hoa. Bốn vách trong Đàn treo hình tượng chư Phật Bồ Tát. Hai bên cửa treo tượng Hộ Pháp Long Thiên. Lại lấy tám cái gương treo trên hư không chiếu thẳng vào 8 cái gương tròn trong Đàn khiến thành hình bóng xen nhau trùng trùng vô tận**

\_ **Phượng:** Biểu thị cho phép tắc của Tâm Đại Bồ Đề

\_ **Hoa:** Biểu thị cho Tính Tuệ thành tựu, là điềm khai phát mầm thiện

\_ **Hình tượng chư Phật Bồ Tát:** Biểu thị cho sự kết tinh và dẫn dắt lời cầu nguyện của Hành Giả. Đây chính là phương tiện thiện xảo nhằm kêu gọi, đánh thức Phật Tính vốn có ngay trong bản tâm của Hành Giả

\_ **Hình tượng Hộ Pháp Long Thiên:** Biểu thị cho Tâm Ý dứt trừ Pháp bất thiện, xa lìa Pháp phiền não trói buộc và nuôi lớn Pháp Thiện, bảo vệ giữ gìn Chính Pháp Giải Thoát

\_ **Tám cái gương treo trên hư không chiếu thẳng vào tám cái gương tròn trong Đàn**

Theo nghĩa ngoài thì 8 cái gương treo trên hư không là 8 Phật Đỉnh biểu thị cho Quả Đức u huyền của Đại Nhật Như Lai. Trong đó 3 Phật Đỉnh (Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Am Thanh Phật Đỉnh) biểu thị cho 3 Đức Tính của 3 Bộ. Năm Phật Đỉnh (Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh) biểu thị cho 5 Trí của Thích Ca Như Lai. Thứ tự phương vị của 8 Phật Đỉnh là:

1\_ Tối Thắng Phật Đỉnh ở phương Đông

2\_ Vô Biên Am Thanh Phật Đỉnh ở góc Đông Nam

3\_ Quang Tụ Phật Đỉnh ở phương Nam

4\_ Cực Quảng Đại Phật Đỉnh ( Phát Sinh Phật Đỉnh) ở góc Tây Nam

5\_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh ở phương Tây

6\_ Thắng Phật Đỉnh ở góc Tây Bắc

7\_ Trừ Chướng Phật Đỉnh ở phương Bắc

8\_ Quảng Đại Phật Đỉnh (Quảng Sinh Phật Đỉnh) ở góc Đông Bắc

Đây là Pháp Tướng gia trì của 8 Phật Đỉnh tương ứng với 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn

Theo nghĩa bên trong thì Tính của Tâm vốn tịnh giống như gương sáng trong. Tuy thanh tịnh không có bụi dơ nhưng hay phản chiếu tất cả hình tượng. Các hình tượng trong gương chẳng từ gương sinh ra, chẳng từ ngoại chất sinh ra, chẳng cùng sinh cũng chẳng không Nhân Duyên mà có, các loại hý luận đều chẳng tương ứng, lại cũng chẳng thể nắm giữ được, chỉ thuộc các Nhân Duyên mà ra, Duyên hợp chẳng sinh, Duyên tan chẳng diệt. Tức là Vô thường, vô đoạn, vô khứ (Không có đi), vô lai (không có đến). Nếu hiểu được **Tức tượng là gương, tức gương là tượng** thì thấy được thực tướng của các Pháp, biết được tự tính của Tâm vốn chẳng nhiễm ô

Nay dùng 8 cái gương như Tâm đó để xem xét phản chiếu 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn ắt sẽ nhận biết được 4 Hạnh, 4 Trí của Như Lai với 8 cái gương Tâm ấy không hai không khác. Từ đó xem xét Pháp Giới như thế thì sẽ được Tam Muội **Trừ Cái Chướng**, có thể vì chúng sinh làm việc lợi ích không gì sánh bằng.

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là :

*Hành Giả tu Hạnh Chân Ngôn phải quyết Tâm xa lìa Tà Pháp, giữ gìn Chính Pháp Giải Thoát, cương quyết noi theo dấu bước của chư Phật Bồ Tát tu tập các hạnh lành, phát khởi và nuôi lớn Tâm Bồ Đề. Dùng cái Tâm như gương để xem xét cái gương như Tâm, nghĩa là **Tự Tâm thấy Tâm, Tâm tự biết Tâm** cho đến khi nhận biết*

được tự tính của Tâm vốn chẳng nhiễm ô. Lúc ấy mới có thể chuyển mê khai ngộ và thoát khỏi xiềng xích kèm tủa của vòng Luân Hồi

**Trong Thất đầu chí thành đĩnh lễ chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán. Sáu thời nhiều Đàn tụng Chú, chí Tâm hành Đạo**

**Đĩnh lễ chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán:**

Chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán là các Quả Vị vượt thoát biển sinh tử luân hồi của các Đẳng Giác Ngộ. Đây chính là các mục tiêu mà Hành Giả tu theo Phật Giáo cần phải đạt được tùy theo sự phát Tâm của mình

**Đĩnh lễ:** Biểu thị cho sự tôn kính các Đẳng Giác Ngộ Giải Thoát và cũng là phương pháp giúp cho Hành Giả dẹp tan Tâm kiêu mạn. Đồng thời **Đĩnh lễ** cũng giúp cho Hành Giả phát khởi Tâm Ý Hộ thẹn, thực hiện Pháp Sám Hối để làm tiêu mòn 3 Độc tham sân si và từ bỏ 2 loại chướng ngại bên ngoài với bên trong

Do vậy **Đĩnh lễ chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán** chính là phương tiện giúp cho Hành Giả **Thấy Quả mà gieo Nhân** và một khi thường xuyên thực hành phương pháp này thì Hành Giả sẽ mau chóng nương theo hình tượng biểu thị cho Giác Tính bên ngoài (Phật, Đại Bồ Tát, A La Hán) để đánh thức Tính Giác vốn có xưa nay trong bản tâm của mình. Như Đức Phật có nói: **“Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”**

**Sáu Thời nhiều Đàn tụng Chú**

**Sáu Thời:** là 6 kỳ hạn tu tập trong một ngày, biểu thị cho ý chí tinh tiến tu tập không ngưng nghỉ

**Đàn biểu thị cho ý nghĩa Phát sinh chư Phật.**

**Nhiều Đàn** (đi vòng quanh Đàn) biểu thị cho sự di chuyển nhưng luôn luôn chú tâm quán chiếu Chính Pháp **Phát Sinh chư Phật**

**Tụng Chú:** Biểu thị cho Pháp tu **Thiền Định với Âm Thanh** là phương pháp tương đối thích hợp nhất với căn cơ của chúng sinh trong **Thế Giới Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) vì Thế Giới này thường dùng âm thanh của ngôn ngữ để giao tiếp với nhau

Thoạt tiên Hành Giả có thể đọc tụng Thần Chú Lăng Nghiêm một cách lớn tiếng hoặc ngâm nga như ca tán kèm với sự chú tâm để giảm bớt sự xâm nhập quấy nhiễu của Trần Cảnh đồng thời kêu gọi sự tiếp độ hộ trì của Chư Phật, các Đại Bồ Tát, các vị Hiền Thánh Hộ Pháp

Thời gian sau Hành Giả đọc tụng Thần Chú một cách nhẹ nhàng từ tốn kèm với sự chú ý của tâm. Dần dần Hành Giả kết hợp Thần Chú với hơi thở qua cách đọc tụng thầm thì nhằm liên kết Thần Chú và ý thức. Cuối cùng Hành Giả mặc niệm Thần Chú trong Tâm Trí để hợp nhất Thân Khẩu Ý của mình với Thần Chú tạo thành nền tảng thâm nhập vào Đại Định

**6 Thời nhiều Đàn tụng Chú** chính là một phương pháp thu thúc 6 Căn, ngăn cản không cho ngoại giới chi phối Tâm Ý của mình đồng thời đánh thức Trí Giác vốn có xưa nay trong tâm nhằm tịnh hóa 3 nghiệp Thân Khẩu Ý, làm tiêu giảm năng lực của nghiệp chướng đời quá khứ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tu hành Thiền Định

**Chí Tâm hành Đạo:** Biểu thị cho Tâm Ý quyết định và thành khẩn để dẫn thân vào con đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát

Theo quan điểm của Thần Bí Giáo thì **Thần Chú** (Mantra) là cửa ngõ để cho con người giao tiếp với Thần Linh. Khi sự giao tiếp ấy đã trở thành sự cảm thông lâu dài giữa Thần Linh và con người thì sẽ biến hóa bản thân, tinh thần và vật chất của người tu hành khiến cho nó trở thành một cái hang Thánh Hóa

Điều kiện căn bản tạo nên sự giao tiếp cảm thông ấy là Hành Giả phải có tâm chân thành, niềm tin tuyệt đối vào hiệu lực của Thần Chú đồng thời Hành Giả phải biết cách phát âm đúng Thần Chú. Vì Thần Chú (Mantra) là âm tiết hay một chuỗi âm tiết chuyên tải năng lực vi diệu tự nhiên của vũ trụ qua dạng rung động. Do đó nếu phát âm đúng Mantra thì những rung động của Mantra sẽ vang dội trong không gian và tác động trực tiếp đến những trung tâm vi diệu của thân thể, khai mở dòng năng lực ngủ quên của Hành Giả và giúp cho Hành Giả mau chóng đạt được một số quyền năng siêu phàm, cũng như dễ dàng giao tiếp cảm thông với cõi siêu hình để tái tạo cơ thể thiêng liêng thoát tục.

Theo quan điểm của Mật Tông Phật Giáo thì mục tiêu cơ bản của Hành Giả là chứng ngộ được Chính Pháp Giải Thoát và mục đích cứu cánh là chứng đạt được mùi vị an lạc tự tại của Đại Niết Bàn để vượt thoát biển khổ luân hồi. Chính vì thế mà mọi quy tắc **Lễ bái, tán tụng, Ấn Quyết, Thần Chú, Đàn Giới** đều hàm chứa Lý Thú giải thoát hoặc biểu thị cho bản nguyện Từ Bi phổ độ của các vị Hiền Thánh, còn quyền năng siêu phàm chỉ là dấu hiệu ấn chứng tạm thời cho trình độ Tâm Linh bởi vì nó có thể được Bậc Thầy cho mượn, hoặc chỉ hiện hữu trong một vài giai đoạn và có thể mất hẳn sau một thời gian nào đó. Đây là lý do mà các bậc Đạo Sư Mật Tông Phật Giáo không lưu ý đến quyền năng có được mà chỉ chú trọng vào mức độ trong sáng của Tâm Linh đối với vạn Pháp.

Như vậy **Thất đầu tiên** là giai đoạn mà Hành Giả cần phải xác định được mục tiêu chân chính để tu tập, xác lập tâm Chính Tín, chân thành siêng năng hành trì Chân Ngôn để tịnh hóa Tâm Thức và tịnh trừ Nghiệp Chương

### **Thất thứ hai, chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát chửng gián đoạn**

Khi Tâm Hành Giả đã được an trụ, Nghiệp Chương đã tiêu giảm bớt. Đối với muôn sự muôn vật, Hành Giả có cái nhìn vô tư hơn trong sáng hơn. Nhưng Ngã Chấp chưa được tiêu trừ mà lại có thể phát tâm kiêu mạn coi thường chúng sinh vì thế dễ đọa lạc vào các nẻo bất thiện. Do đó trong giai đoạn này, Hành Giả cần phải phát khởi Tâm Đại Bi, nuôi dưỡng lòng thương xót không bờ bến đối với chúng sinh và luôn tìm cách giúp đỡ họ tùy theo mọi phương tiện có được. Đây chính là tâm nguyện của các Bồ Tát. Cụ thể là tham cứu và thực hiện 4 Thệ Nguyện Căn Bản là:

- 1) **Nguyện cứu độ tất cả chúng sinh không còn sót một ai**
- 2) **Nguyện sẽ dứt bỏ mọi phiền não**
- 3) **Nguyện sẽ học tinh thông mọi giáo lý Giải Thoát**
- 4) **Nguyện sẽ đạt được sự Giác Ngộ tối thượng**

Một khi Hành Giả đã chuyên tâm tu tập Tâm Đại Bi qua công hạnh **Phục vụ vị tha** thì Hành Giả sẽ mau chóng xa lìa tâm ý **vị kỷ vong tha** và tiêu giảm năng lực của **Ngã Chấp, Ngã Ái** hủy diệt tâm kiêu mạn. Nhờ vậy nhận thức của Hành Giả sẽ được thanh lọc, mọi phiền não nghiệp chương được tịnh hóa và trực nhận được bản tâm thanh tịnh vô cấu nhiễm vốn có nơi mình y như các Bậc Giác Ngộ không có sai khác

Nói cách khác, do Tâm hay tạo ra vạn Pháp. Nếu Hành Giả biết cách phác thảo ra hình tượng hoàn thiện và chuyên tâm điều chỉnh thân khẩu ý của mình tiến dần tới hình tượng hoàn thiện ấy thì năng lực vốn có của vũ trụ sẽ tự nhiên đưa đẩy Hành Giả đạt đến trạng thái hoàn hảo đó (Đây là lý do hình thành các cõi Tịnh Độ của chư Phật mười phương). Như các bậc Cổ Đức nói:

**“Khi còn mê muội thì chúng ta luôn cầu khẩn chư vị Bồ Tát phù hộ cho chúng ta có thêm các phương tiện thiện xảo để cải sửa thân tâm và giúp ích những người chung quanh tự tiến bộ. Nhưng khi Giác Ngộ, chúng ta lại thấy rằng ai cũng có Phật Tính và các vị Bồ Tát lại ở ngay trong lòng chúng ta, là chính ngay chúng ta”**

Từ ý nghĩa này, các vị Đạo Sư Mật Giáo thường truyền dạy cho môn đồ phương pháp **Quán Hóa Thần** để mau chóng thể nhập vào trạng thái giải thoát phiền não. Từ đó tạo dựng nền tảng để mau chóng thành Phật

Đường nét tốt nhất để tu Quán Hóa Thần là khẩn cầu Bản Tôn của Pháp tu để khai triển dòng Tâm Thức và quy hướng tâm ý vào Bồ Tát Đạo. Điều cần nhớ là Hành Giả phải xem Bản Tôn như là vị Thần Hộ Mệnh của mình. Từ đó qua sự khẩn cầu, những lực gia trì của chư Phật Bồ Tát và Bản Tôn sẽ thấm ướt dòng tâm thức của Hành Giả và Hành Giả sẽ mau chóng thực chứng được **Chính Pháp Cá Nhân** của mình

Khi khẩn cầu, Hành Giả ngồi Bán Già (Chân phải gác lên chân trái), điều chỉnh cột xương sống cho ngay thẳng, chú tâm điều hòa hơi thở để an định thân thể. Sau đó trì niệm Quy Y và phát Tâm Bồ Đề

Nam mô Phật

Nam mô Pháp

Nam mô Tăng

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

Nam mô thập phương thường trụ chư vị Hiền Thánh, Hộ Pháp Chúng

Con (Họ tên... Pháp Danh...) từ nay cho đến khi thành Chính Đẳng Chính Giác, con nguyện thệ cứu độ vô lượng vô biên chúng Hữu Tình khiến cho tất cả đều được giải thoát như con không khác. Nguyện xin chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh Từ Bi chứng biết và khuyến tấn cho con mau viên mãn lời thệ nguyện (3 lần)

\_ Tiếp theo Hành Giả quán tưởng tất cả các Pháp và sự tồn tại của Bản Ngã đều trống rỗng và tan thành **Tính Không** (Sūnyatā) và trì niệm Thần Chú TỰ TÍNH 3 lần

Tự Tính của con vốn thanh tịnh

Như tự tính thanh tịnh của các Pháp

OM\_ SVABHĀVA ISUDDHA \_ SARVA DHARMA SVABHĀVA  
ŚUDDHA-UHAM

Từ khoảng không của sự trống rỗng mênh mêng này xuất hiện chữ ॐ (PAM: Chủng tử biểu thị cho Đệ Nhất Nghĩa Vô Nhiễm) màu trắng tinh. Chữ PAM biến thành hoa sen màu trắng, trên hoa sen này có chữ ॐ (ĀH: Chủng tử biểu thị cho Ngũ Giác Ngộ là nguyên lý bao quát tất cả nghĩa của Chú Thuật hay âm thanh sáng tạo) màu trắng. Chữ ĀH biến thành vành trăng tròn trịa, bên trong vành trăng có chứa chữ ॐ (LAM: Chủng tử biểu thị cho ánh sáng Trí Tuệ che trùm khắp Pháp Giới chúng sinh) màu trắng tinh. Chữ LAM tỏa ánh sáng trắng rực rỡ đem lại sự tốt lành cho các loài Hữu Tình, sau đó ánh sáng quay trở về nhập vào chữ LAM. Liền đó chữ LAM biến thành Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn có thân hình màu trắng đầy đủ mọi tướng tốt đẹp, ngồi trên tòa sen trắng, tay phải kết Ấn Dữ Nguyện, tay trái cầm hoa sen và trên hoa sen có cái lọng màu trắng. Toàn thân phóng tỏa ánh sáng Đại Bi màu trắng tinh rực rỡ chiếu soi cứu độ muôn loài chúng sinh trong Pháp Giới

\_ Khi quán thấy Bản Tôn rõ ràng, Hành Giả liền xưng tán

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài là nơi chư Thiên cùng đỉnh lễ

Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪM BHRŪM

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài là Đấng cao cả mà các Thiên Nữ thường theo hầu cận

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay giáng phục các loài Quỷ gây bệnh  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay che chắn được các Chú Lục  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay giáng phục các chúng sinh khó giáng  
phục  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay ngăn dứt các điều ác  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay miễn trừ mọi sự chết yểu  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay giải thoát các sự trói buộc  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay làm mất mọi hiện tượng ác  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay đập tan 84000 phiền não  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay chặn đứng mọi kẻ oan gia và tiêu diệt  
tất cả mộng ác hãi hùng  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài luôn kịp thời cứu thoát những kẻ bị nạn nơi  
thuốc độc, dao gậy, nước, lửa  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài là hiện thân cho mọi tướng của Như Lai  
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
OM\_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Tiếp theo Hành Giả khẩn cầu Bản Tôn ban rải năng lực gia trì để tịnh hóa 3  
nghiệp Thân Khẩu Ý của mình

Hỡi Đức Bản Sư Tôn Quý của con

Xin hãy an vị trên Tòa Sen trong vành trăng trên đỉnh đầu của con

Xin xót thương con vì lòng Bi Mẫn

Cho con thành tựu về Thân, lời, Ý

OM ĀḤ HŪṢ \_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢĪṢA HŪṢ BHRŪṢ \_ SARVA  
SIDDHI HŪṢ (3 lần)

Nay con xin quay về nương tựa Bậc Thầy và ba ngôi báu

Xin ban phước cho dòng tâm thức của con

Xin gia hộ cho con: Tịnh trừ được tất cả chướng ngại Nội Tâm và Ngoại Cảnh để  
mau chóng thực chứng được Đạo Bồ Đề

OM\_ SARVA-TATHĀGATOṢṢĪṢA-SITĀTAPATRE HŪṢ PHAT\_ HŪṢ  
MAMA HŪṢ NI SVĀHĀ (108 lần)

Trong khi trì niệm, Hành Giả quán tưởng từ Bản Tôn tỏa ra ánh sáng trắng chiếu  
khắp châu thân, từ trên đỉnh đầu xuống tận gót chân, đẩy mọi Tập Khí nghiệp ác, các  
chướng do nghiệp Thân Khẩu Ý gây tạo ra khỏi thân thể Hành Giả qua các lỗ chân  
lông thành dạng sương khói đen kịt. Dần dần thân thể Hành Giả trở thành sắc chói rạng  
trắng tinh.

Sau đó Hành Giả quán tưởng Bản Tôn hóa thành luồng ánh sáng trắng tinh chui  
vào đỉnh đầu xuống trái tim và tan biến ngay trong tim Hành Giả.

\_ Cuối buổi Quán Niệm, Hành Giả chí thành Hồi Hướng

Nam mô Phật. Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

Nam mô Thập Phương thường trụ chư vị Hiền Thánh, Hộ Pháp Chúng

Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui

Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não

Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi

Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề

Sau đó Hành Giả xả bỏ và hoàn tất buổi công phu

*Trong giai đoạn này, Hành Giả luôn luôn tìm hiểu và thâm nhập vào mọi nghĩa  
thứ của Tâm Đại Bi với các Hạnh Nguyện của chư Phật Bồ Tát*

***Thất thứ ba, mười hai thời luôn trì Chú. Đến ngày thứ bảy, mười phương Như  
Lai cùng hiện trong ánh sáng gương, được Phật xoa đầu, liền nơi Đạo Trường được  
vào Tam Ma Địa***

Sau hai giai đoạn tu tập trước, nếu Hành Giả tự biết Tâm mình đã được an định  
nhiều hơn, Tri Thức rộng mở hơn, lòng thương xót chúng sinh cũng gia tăng hơn, khi  
đổi cảnh thì Tâm Ý vô tư bình đẳng hơn. Như vậy Hành Giả đã tương ứng được đôi  
phần với Bản Tôn. Tiếp theo Hành Giả gia công gấp đôi, một ngày đêm 12 Thời vừa trì  
niệm Thần Chú Lăng Nghiêm vừa tìm hiểu nghĩa thứ của Thần Chú, vừa thu nhiếp  
Tâm Ý để bước vào **Lăng Nghiêm Tam Muội** (Śuraṃgama-samādhī)

Đến giai đoạn này, Hành Giả lặng lẽ điềm nhiên dùng **cái Tâm như gương** để xem xét **cái gương như Tâm** cho đến lúc thực chứng được Bản Tôn, chư Phật, Bồ Tát, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp đều là những điềm linh quang hiện hữu trong Tâm của mình qua trạng thái Thiền Định. Nếu được thành tựu như thế thì thân tâm Hành Giả sẽ được sáng tỏ, trong sạch như ngọc Lưu Ly. Nghĩa là **Đất Tâm đã** được tinh sạch và sẵn sàng gieo mầm chủng Bồ Đề. Đây cũng là ý nghĩa của Kinh Văn **Mười phương chư Phật cùng hiện trong ánh sáng gương xoa đầu thọ ký**

*Sau Thất thứ ba, tĩnh tọa an cư, trải qua một trăm ngày. Nếu người lợi căn có thể chứng ngay Sơ Quả. Dẫu cho thân tâm chưa thành Chính Quả nhưng tự biết nhất định sẽ thành Phật chẳng sai*

Khi Đất Tâm được sửa trị trong sạch, tự thân lại tiếp nhận được lực gia trì của Bản Tôn và chư vị Hiền Thánh. Nhưng nếu chưa được Đạo Quả thì Hành Giả dễ sinh tâm kiêu mạn, nảy sinh chấp trước mà uổng phí công phu. Vì thế Hành Giả cần phải lặng lẽ quán niệm lại thân tâm của mình, đối chiếu tâm ý của mình khi đối cảnh với cách hành xử của chư Phật Bồ Tát, Hiền Thánh để kiểm tra tâm ý của mình. Thường xuyên nhận biết lỗi lầm của mình cho đến khi biết chắc đã gieo trồng được mầm giống Bồ Đề vào đất tâm thanh tịnh thì quyết định rằng mình sẽ thành Phật cũng như mau chóng chứng đắc Sơ Quả Bồ Đề

Có điều trong thời Mạt Pháp này, nếu có duyên lành thì Hành Giả sẽ được các bậc Thánh Giải Thoát tự tìm đến ấn chứng cho trình độ Giác Ngộ của mình. Nếu không được như vậy, Hành Giả càng phải cố gắng kiểm soát tâm ý của mình, đừng để cho bản tâm thanh tịnh bị tỳ vết mà uổng phí công phu tu hành.

## Ý NGHĨA VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA HỒNG DANH THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Theo **Đại Trí Độ Luận** và **Câu Xá Luận**: Cách nay khoảng 3 vô số kiếp, Đức Bản Sư Gautama có gặp Đức Phật hiệu là **Thích Ca Mâu Ni**. Do đối trước Đức Phật ấy phát tâm Bồ Đề, nguyện ngày sau sẽ được như Ngài, vì thế khi thành Chính Đẳng Chính Giác, Đức Bản Sư Gautama cũng có danh hiệu là **Thích Ca Mâu Ni**.

**Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) được dịch là Năng Nhân Tịch Mặc trong đó **Năng Nhân** (Śākya) là dòng họ Thích Ca và **Tịch Mặc** (Muṇi) là bậc Đại Thánh. Như vậy Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là Bậc Đại Thánh của dòng họ Thích Ca.

Theo ý nghĩa khác thì **Năng** biểu thị cho Đại Hùng Lực, **Nhân** biểu thị cho Đại Từ Bi, **Tịch Mặc** biểu thị cho Đại Trí Giác. Như vậy Hồng danh Thích Ca Mâu Ni biểu thị cho Phước Trí viên mãn của Đấng Toàn Giác.

Dựa vào ý nghĩa này, Thiền Sư **Đạo Nguyên** đã viết trong phần cuối của **Tu Chứng Nghĩa** là: “*Nói chư Phật tức là nói Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là **Tức Tâm là Phật**. Tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai khi thành Phật đều là Thích Ca Mâu Ni Phật*”

Do đó phái Tào Động không chấp nhận Tọa Thiền là phương tiện để đạt sự chứng ngộ mà **Tọa Thiền** chính là việc làm của Phật, là Thiền **Tự Thọ Dụng Tam Muội** của Đức Thích Ca Mâu Ni sau khi đã thành Đạo. Điều này có thể nói là **Tọa Thiền** trên căn bản an tâm về Bản Chứng, chính là Pháp tu vi diệu. Như vậy nội dung Chính Tín của phái Tào Động (Nhật Bản) gồm 3 điểm:

- 1) Bản Tôn là Thích Ca Mâu Ni Phật
- 2) Bản Chứng là Tọa Thiền
- 3) Báo ân là Hành Trì

Theo nghĩa khác thì **Năng Nhân** biểu thị cho sự chẳng tạm ở Niết Bàn, **Tịch Mặc** biểu thị cho sự chẳng trụ ở sinh tử và **Năng Nhân Tịch Mặc** biểu thị cho ý nghĩa **Tùy Cơ phổ hiện, thuyết Pháp lợi sinh**

Do ý nghĩa này, hệ thống Mật Giáo nhận định rằng: “*Chư Phật đều có phương tiện, chẳng phải thật Diệt Độ. Ở đất này hiện hiện sự diệt độ mà lại thật trú ở địa phương khác ví như Đức Thích Ca Mâu Ni hiện sự diệt độ ở rừng cây Sa La mà thật ra vẫn giảng Pháp ở núi Linh Thứu. Điều này còn có nghĩa là: “**Nghi thức của chư Phật ba đời đều giống nhau. Sau vô lượng vô biên A Tăng Kỳ Kiếp, giả hiện có diệt độ để thay đổi trú xứ. Do càng thay đổi trú xứ thì càng có thể hóa độ vô lượng chúng sinh**”*”

Kinh **Pháp Hoa**, Phẩm **Như Lai Thọ Lượng** có ghi rằng: “*Các ông hãy lắng nghe sức bí mật thần thông của Đức Như Lai. Tất cả Thế Gian đều tưởng rằng Đức Phật Thích Ca khi rời hoàng cung đến thành Già Gia, ngồi Đạo Trường, chứng quả Vô Thượng Bồ Đề. Nhưng sự thật, Ta thành Phật từ vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức kiếp không thể tính được. Từ đó đến nay, Ta luôn ở Ta Bà thuyết Pháp giáo hóa và cũng ở vô lượng nước khác giáo hóa chúng sinh. Mỗi nơi, Ta tự xưng danh hiệu không giống nhau và cho biết tuổi tác lớn nhỏ cũng khác nhau, lại nói sẽ nhập Niết Bàn và dùng nhiều phương tiện khác để chỉ bày Pháp vi diệu. Như Lai thấy chúng sinh ưa thích Pháp nhỏ, Đức mỏng, tội nặng cho nên vì những hạng người này mà nói lúc trẻ xuất gia được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Đây chỉ là phương tiện giáo hóa chúng sinh để vào Phật Đạo. Như Lai thấy rõ không sai lầm Tướng của ba cõi. Nhưng*”



*chúng sinh, căn tính khác nhau, ý muốn khác nhau, tướng nhớ khác nhau nên Như Lai phải thuyết Pháp khác nhau cho họ sinh căn lành. Việc Phật sự, Ta chưa ngừng nghỉ. Như vậy từ khi Ta thành Phật đến nay, thọ mệnh Ta dài vô lượng. Ta xưa tu hành Đạo Bồ Tát kết thành thọ mệnh, nay vẫn chưa hết mà còn hơn số như vậy. Cho nên dù chưa thật diệt độ, Ta vẫn nói sẽ diệt độ để làm phương tiện giáo hóa chúng sinh. Vì nếu Phật ở lâu trên cuộc đời, những người Đức mỏng không chịu trồng căn lành, ham ưa nắm món Dục, sinh tâm lười biếng kiêu mạn, không sinh lòng khát ngưỡng gặp Phật.....”*

Cuối cùng Đức Phật kết luận: *“Từ lúc thành Phật đến nay, vô lượng a tăng kỳ kiếp nhưng vì phương tiện cứu độ chúng sinh mà nói diệt độ, vì thế không thể nói Thế Tôn phạm lỗi hư dối”* (Bản dịch của ông **Đoàn Trung Còn**)

Cụ thể vào khoảng Thế Kỷ IV, Đời Trần và Đời Tùy, Ngài **Trí Khải** Đại Sư chuyên tụng Kinh Pháp Hoa, trải qua 14 ngày đến câu: **“Thị chân tinh tiến, thị danh chân Pháp, cúng dường Như Lai”** (Trong Phẩm **Dược Vương Bồ Tát Bản Sự**) thì thoát nhiên nhập Định. Trong Định, Ngài thấy Đức Phật thuyết Pháp tại Pháp Hội Linh Sơn chưa tan. Xuất Định, Ngài đem sở đắc ấy thuật lại cho **Tổ Nam Nhạc** (Huệ Tư) nghe. Tổ Nam Nhạc khen: **“Chỉ có ông chứng được, chỉ Ta mới biết”**

Như vậy, nếu dựa vào quan điểm trên thì Đức Phật Thích Ca quả là Đấng Cha Lành (Tù Phụ) luôn luôn để ý theo dõi cứu độ chúng sinh. Nếu chúng ta thường xuyên lễ bái, quán tưởng, trì niệm Hồng Danh của Ngài thì chắc chắn chúng ta sẽ mau thọ nhận ân sủng của Ngài để tiến hóa vững chắc trên con đường vượt khổ đau lia sinh tử, chúng đạt sự tự tại vô ngại của quả vị giải thoát

Theo truyền thống của hệ Bắc Truyền, sau khi được Đức Phật Thích Ca trao cho Chính Pháp Nhân Tạng trong Pháp Hội Linh Sơn, Đại Đức **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā Kāśyapa) đã mở Hội Nghị kết tập Pháp Điển tại động Tất Ba La Diên ở phía Đông Nam thành **Vương Xá** (Rāja-grha). Hội Nghị này được thành lập khoảng 90 ngày sau khi Đức Phật diệt độ, có khoảng 500 vị A La Hán họp tụng (Samgiti) và không có bút ký. Lần kết tập thứ nhất này được gọi là **Vương Xá Thành Kết Tập** hay **Ngũ Bách Kết Tập**. Sau đó khoảng 20 hay 30 năm, Đại Đức Ma Ha Ca Diếp đi đến núi Kê Túc ở phía Tây Nam thành Vương Xá, quyết định nhập diệt. Khi đã ngồi yên trên tòa cỏ, Ngài tự phát nguyện rằng: **“Hôm nay, Ta dùng thần lực giữ gìn nhục thân này, dùng y phấn tảo che phủ trên mình để đến 67 ức năm sau, khi Bồ Tát Di Lặc giáng sinh thành Phật, Ta sẽ đến bái kiến Ngài, giúp Ngài giáo hóa chúng sinh”**

Sự kiện Ngài Đại Ca Diếp giữ gìn Y Bát của Đức Phật Thích Ca, ở lại núi Kê Túc đợi đến thăm Đức Phật Di Lặc, trao lại Y Bát cho Ngài hàm chứa ý nghĩa là: **“Những ai có duyên lành với Đức Phật Thích Ca qua việc xưng tán, cúng dường, tu tập Chính Pháp của Phật, mà chưa đắc Đạo thì sẽ nương vào Nhân Duyên này để gặp Đức Phật Di Lặc ở thời tương lai và được Ngài hóa độ”**

Phật nói Kinh **Di Lặc Hạ Sinh Thành Phật** (ĐTK, Tập 14\_No.454) có ghi:

Bấy giờ Đức Phật Di Lặc nhìn các Đại Chúng, tác niệm này rồi nói rằng: “Nay các người chẳng dùng niềm vui sinh lên cõi Trời, cũng lại chẳng vì niềm vui của đời, cho nên đi đến chỗ của Ta, chỉ vì Nhân Duyên **Thường Lạc** của **Niết Bàn** (Nirvāna). Các nhóm người này đều ở trong Pháp Pháp gieo trồng các căn lành. Đức Phật **Thích Ca mâu Ni** (Sākya-muni) khiến đi đến, giao cho Ta thế nên ngày nay đều đến chỗ của Ta, nay Ta nhận lấy.

Các nhóm người này hoặc đọc tụng, phân biệt Tạng: **Tu Đố Lộ** (Sūtra), **Tỳ Ni** (Vinaya: Luật), **A Tỳ Đàm Tạng** (Abhidharma: Luận), tu các Công Đức đi đến chỗ của Ta.

Hoặc đem thức ăn, quần áo bố thí cho người, Trì Giới, Trí Tuệ...tu Công Đức này đi đến chỗ của Ta.

Hoặc đem phan, lọng, hương, hoa cúng dường Đức Phật...tu Công Đức này đi đến chỗ của Ta.

Hoặc dùng Bố Thí, trì Trai, tu tập Tâm Từ...thực hành Công Đức này đi đến chỗ của Ta.

Hoặc vì chúng sinh khổ não khiến cho họ được vui. Tu Công Đức này đi đến chỗ của Ta.

Hoặc dùng Trì Giới, Nhẫn Nhục, tu **Thanh Tịnh Từ**, đem Công Đức này đi đến chỗ của Ta.

Hoặc đã bố thí cho chư Tăng, thường ăn Trai, giảng, bày Hội cúng dường cơm ăn... Tu Công Đức này đi đến chỗ của Ta.

Hoặc đã trì Giới, Đa Văn, Trí Tuệ, tu hành Thiền Định, Trí Tuệ vô lậu... Dùng Công Đức này đi đến chỗ của Ta.

Hoặc đã dựng Tháp cúng dường Xá Lợi. Dùng Công Đức này đi đến chỗ của Ta.

Lành thay ! Đức Phật Thích Ca mâu Ni hay khiến giáo hóa trăm ngàn vạn ức chúng sinh của nhóm như vậy, khiến đến chỗ của Ta”

Đức Phật Di Lặc như vậy ba lần xưng tán Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sau đó nói Pháp rồi nói lời này: “Chúng sinh các người hay làm việc khó. Ở đời ác ấy, trong loài người tham dục, giận dữ, ngu si, mê hoặc, mạng ngắn mà hay tu trì Giới, làm các Công Đức rất là hiếm có. Thời ấy chúng sinh chẳng biết đến cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn; chẳng biết Đạo Pháp, cùng nhau gây não hại sát cạnh kiếp đao binh, Dính mắc sâu vào năm Dục, ganh ghét, dối lừa người khác (siểm khúc), nịnh hót, tà ngụy uế trước, không có Tâm thương xót, tranh giành lẫn nhau, giết hại, ăn thịt, uống máu. Các người có thể ở trong thời ấy tu hành việc lành, quả là hiếm có !

Lành thay! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng Tâm Đại Bi hay ở trong chúng sinh khổ não, nói lời thành thật là: “*Thời đương lai, Ta độ thoát các người*”. Bậc Thầy như vậy rất là khó gặp, thâm tâm thương xót chúng sinh đời ác, cứu giúp nhổ bứt khổ não khiến cho an ổn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì các người cho nên đem cái đầu bố thí, cắt đứt: lỗ tai, cái mũi, bàn tay, bàn chân, chi thể...nhận các khổ não để làm lợi cho các người!...”

**— Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, Phẩm Phân Thân Tập Hội** có ghi: “*Địa Tạng! Ông xem Ta đã trải qua bao nhiêu số kiếp nhọc nhằn độ thoát những chúng sinh cương cường đầy tội khổ khó khai hóa như thế. Ngoài ra, những kẻ chưa điều phục được thì phải theo nghiệp thọ báo.*

*Nếu khi Chúng đó có bị đọa vào đường dữ, chịu nhiều sự thống khổ thì ông nên nghĩ nhớ Ta ở cung Trời Đao Lợi ân cần phó chúc đây mà gắng độ chúng sinh, làm cho chúng sinh trong cõi Ta Bà này đến lúc Phật Di Lặc ra đời đều được giải thoát khỏi hẳn các đường khổ, gặp Phật được Đức Phật thọ Kỳ”.*

*Bấy giờ những Hóa Thân Địa Tạng Bồ Tát ở các Thế Giới hiệp chung lại một hình, rơi lệ thương cảm mà bạch cùng Đức Phật rằng: “ Từ vô số kiếp lâu xa đến nay, con nhờ Đức Thế Tôn tiếp độ dắt dìu làm cho con được Thần Lực chẳng thể nghĩ bàn, đầy đủ Trí Tuệ rộng lớn. Con phân hiện thân hình ra ở cùng khắp trăm nghìn muôn ức thân. Mỗi thân đó hóa hiện trăm nghìn muôn ức người làm cho quy kính Tam Bảo, khỏi hẳn vòng sinh tử, hưởng vui Niết Bàn*

*Như chúng sinh nào ở nơi Phật Pháp chỉ làm một việc lành bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một bụi nhỏ, hoặc bằng chùng mảng lông tóc. Con đều độ thoát lần lần làm cho chúng sinh đó được lợi ích lớn*

*Cúi mong Đức Như Lai chớ vì những chúng sinh Ác Nghiệp trong đời sau mà sinh lòng lo lắng! ... Cúi mong Đức Như Lai chớ vì những chúng sinh Ác Nghiệp trong đời sau mà sinh lòng lo lắng! “*

*Ngài Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng Đức Phật ba lần như thế*  
(Bản dịch của Thượng Tọa **Thích Trí Tịnh**)

Căn cứ vào truyền thống này, nếu chúng sinh nào có duyên lành với Giáo Pháp của Đức Phật Thích Ca mà chưa đắc quả. Hoặc phát tâm kính ngưỡng trì niệm Hồng Danh của Ngài sẽ được Thần Lực của Ngài và chư Hiền Thánh đui dắt hướng dẫn cho họ gặp Chính Pháp của Phật Di Lặc trong tương lai

Lại nữa Đức Phật Thích Ca là Giáo Chủ hiện tại của cõi Ta Bà nên mọi Giáo Pháp Giải Thoát hiện hành trong cõi này Ngài đều thấy biết rõ ràng và mỗi một căn tính của từng chúng sinh, Ngài đều thấu tỏ. Do lòng Đại Bi thương xót chúng sinh như con đẻ nên sau khi diệt độ, Ngài hóa thân thành Thần Chú **Bộ-Lâm** (𑖀𑖃 BHRŪM) để giữ gìn Giáo Pháp Giải Thoát. Ngoài ra Đức Phật Thích Ca còn nhắc nhở các hàng quyền thuộc phải tinh tiến trong công việc hoằng hóa độ sinh. Vì thế vô lượng quyền thuộc của Ngài cùng với vô lượng bậc Thiện Tri Thức ở cõi Ta Bà này đều y theo Tâm Nguyên của Ngài mà cứu độ hộ trì các chúng sinh đã gieo duyên lành với Ngài

**— Kinh Đại Đà La Ni Mật Pháp Trung Nhất Tự Tâm Chú có ghi:**

*Hết thấy các Phật Tử  
Các ông nay lắng nghe  
Ta nói câu Chú này  
Đầy đủ các Công Đức  
Sau này khi đời ác  
Pháp Ta sắp muốn diệt  
Hay ở trong thời ấy  
Hộ trì Mật Pháp Ta  
Hay trừ ác Thế Gian  
Độc hại các Quỷ Thần  
Và các Thiên Ma Nhân  
Hết thấy các Chú Pháp  
Nếu nghe danh Chú này  
Thấy đều tự nép phục  
Sau khi Ta diệt độ  
Phân khắp Xá Lợi rồi  
Sẽ ần các tướng tốt  
Biến thân làm Chú này (𑖀𑖃 BHRŪM)  
Phật có hai thứ Thân  
Chân Thân và Hóa Thân  
Nếu hay cúng dường ấy  
Phước Đức không có khác  
Chú này cũng như thế  
Tất cả các Trời người  
Thường sinh lòng hy hữu  
Thọ trì và cúng dường  
Đã được các Công Đức  
Như thân Ta không khác*

Công đức Chủ Vương này  
Ta nay chỉ lược nói  
(Bản dịch của Sa Môn Thích Viên Đức)

— Kinh **Uế Tích Kim Cương Cấm Bách Biến Pháp Môn** có ghi :  
*Khi ấy vị Kim Cương (Uế Tích Kim Cương) lại nói rằng: “Nếu có chúng sinh hành Pháp này. Tôi liền đi đến hiện thân trước mặt người đó và ban cho mọi sự nguyện cầu. Tôi cũng khiến cho người đó được mọi thứ biến hiện, mọi loại Thần Thông, nơi làm không bị trở ngại. Thường nên niệm Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của tôi. Tôi liền thường tùy toại khiến cho tất cả đều trợ giúp cho thành tựu”*

— Kinh **A Sá Nang Chi** (Ātanatiya Suttanta) thuộc Kinh Trường Bộ có ghi :  
*“Bốn vị Thiên Vương trấn giữ bốn phương gồm Trì Quốc Thiên Vương với quyền thuộc Càn Thát Bà ở phương Đông, Tỳ Lô Lặc Xoa Thiên Vương với quyền thuộc Cưu Bàn Trà ở phương Nam, Tỳ Lô Bác Xoa Thiên Vương với quyền thuộc Na Già ở phương Tây, Tỳ Sa Môn Thiên Vương với quyền thuộc Dạ Xoa ở phương Bắc đều đỉnh lễ Đức Phật Thích Ca với câu xưng tán là :*

*Quý vị xin đỉnh lễ  
Gotama chiến thắng!  
Chúng con xin đỉnh lễ  
Gotama chiến thắng!  
Đỉnh lễ Gotama  
Bậc Trí Đức viên mãn*

*Các vị này đều sẵn lòng giúp đỡ các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ thoát khỏi sự hãm hại của các hàng Phi Nhân không tin Phật Pháp đồng thời che chở cho bốn Chúng được sống thoải mái hạnh phúc”*

(Bản dịch của Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam)

— Hệ thống Mật Giáo Tây Tạng cho rằng phương pháp tốt nhất để triển khai dòng Tâm Thức là khẩn cầu Bậc Thầy (Guru). Do kết quả của sự khẩn cầu thì Hành Giả sẽ triển khai được những kinh nghiệm Tôn Giáo và thực chứng trong dòng Tâm Thức nhờ những năng lực gia trì mà Hành Giả nhận được. Tất cả bậc Đạo Sư Tây Tạng đều nhận định rằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc Đạo Sư cao cả nhất trong tất cả các bậc Thầy, Ngài là ruộng phước tốt nhất cho mọi sự cúng dường, Ngài là chỗ nương tựa tối thượng... Vì thế trong khi Thiên Quán, các vị Đạo Sư Tây Tạng thường khuyên dạy Môn Đồ hãy quán vị Thầy trên đầu của mình trở thành Đức Thích Ca Mâu Ni, Đạo Sư của chúng ta, đồng thời xem Ngài như Hiện Thân của mọi chỗ Quy Y và dâng cúng Ngài một Maṇḍala với sự cầu nguyện gồm 7 thành phần:

- 1 \_ **Kính lễ chư Phật, Hiền Thánh**: để làm tiêu tan sự kiêu mạn
- 2 \_ **Cúng dường**: làm tiêu tan tính keo kiệt và Ngã Sở Chấp
- 3 \_ **Sám Hối**: làm tiêu mòn 3 độc Tham, Sân Si và từ bỏ 2 loại chướng ngại
- 4 \_ **Tùy hỷ Công Đức**: để dứt trừ tâm ganh tỵ tranh đấu và phát triển căn lành
- 5 \_ **Thỉnh chuyển Pháp Luân**: nhằm dứt trừ sự thiếu thốn Phật Pháp, được Phạn Âm như Phật
- 6 \_ **Thỉnh Phật trụ Thế**: nhằm dứt trừ tâm ý chê bai bậc Thầy và thực biết về thọ mệnh của thân Kim Cương
- 7 \_ **Hồi hướng Công Đức**: nhằm dứt trừ sự nóng vội và thấu hiểu tất cả đức tính của một vị Phật

Hãy làm sự khẩn cầu như thể Hành Giả làm với sự hiện thân của Tam Bảo và tất cả chỗ nương tựa.

(Theo bản dịch của Sư Cô **Thích Nữ Trí Hải**) những câu sau đây rút từ quyển sách Thần Diệu của phái Gelugpa cho nên rất linh nghiệm:

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể của bốn Thân

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể Pháp Thân vô ngại

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể Báo Thân Phúc Lạc

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể vô lượng Ứng Thân

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả vị Thầy

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả vị Trời

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả chư Phật

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả Pháp

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của Tăng Già

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của Nam Thần

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của mọi Thần Hộ Pháp

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả chỗ Quy Y

Con khẩn cầu Thầy: Thích Ca Mâu Ni \_ Kim Cương Trì

(Chú ý: Độ dài các dòng trên đây phải bằng nhau, không nên phá hủy nhịp điệu)

\_ Theo hệ thống Thuần Mật ở Trung Hoa thì **Đại Nhật Như Lai** (Mahā-vairocana Tathāgata) đã dùng 2 Đức: **Trí** (Jñāna), **Bi** (Kāruṇa) hiện thân thành **Thích Ca Mâu Ni Như Lai** (Śākya-muṇāye Tathāgata) để hóa độ chúng sinh. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni là thân biến hóa của Đức Đại Nhật, biểu thị cho Bản Địa Pháp Thân vô dị và là nghĩa của quả đức u huyền

Do Đức Phật Thích Ca nhập vào Tam Muội **Bảo Xứ** (Dựa vào Tam Muội này mà Như Lai xuất hiện ở đời để nuôi lớn mầm giống Phật) tuyên nói **Tự Tâm Chân Ngôn** cùng với **Tâm Chân Ngôn** của các hàng quyền thuộc, cho nên 39 Tôn trong viện Thích Ca thuộc **Thai Tạng Giới Mạn Đà La** (Garbhadhātu Maṇḍala) biểu thị cho phương tiện Nhiếp Hóa, Thuyết Pháp Lợi Sinh của Đại Nhật Như Lai

Các Tôn trong viện Thích Ca gồm có:

a) Thích Ca Như Lai biểu thị cho Phật Bảo, Quán Tự Tại Bồ Tát biểu thị cho Pháp Bảo, Hư Không Tạng Bồ Tát biểu thị cho Tăng Bảo. Cả 3 Tôn này biểu thị cho 3 Đức đầy đủ của Tam Bảo

b) Tám Phật Đỉnh biểu thị cho Quả Đức u huyền

.) 3 Phật Đỉnh: Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh biểu thị cho 3 đức tính của 3 Bộ trong Thai Tạng Giới

) 5 Phật Đỉnh: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh biểu thị cho 5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai

c) 26 Tôn biểu thị cho Tự Tính Pháp Thân thường trụ xưa nay của Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, gồm có :

) Như Lai Từ, Như Lai Bi, Như Lai Mẫn, Như Lai Hỷ, Như Lai Xả, Như Lai Hào Tướng, Như Lai Nha, Như Lai Thiệt, Như Lai Ngữ, Như Lai Tiểu, Như Lai Xước Khất Đễ, Nhất Thiết Như Lai Đẳng

) Đa Ma La Hương Tích Chi Phật, Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật, Luân Bức Tích Chi Phật, Bảo Bức Tích Chi Phật

) Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diệp Bà, Tu Bồ Đề, Câu Hy La, A Nan, Ca Chiên Diên, Ưu Bà Ly, Trí Câu Hy La, Cúng Đường Vân Hải

d) Hai Tôn: Vô Năng Thắng Minh Vương và Vô Năng Thắng Minh Phi biểu thị cho Đức Giáng Ma của Đại Nhật Như Lai khi Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề tại Đạo Trường

Ngoài ra, Đức Thích Ca Như Lai còn biểu thị cho sự xa lìa khỏi 5 Độc của Thế Gian nên Ngài có Mật Hiệu là **Tịch Tĩnh Kim Cương** (Śānti-vajra)

Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 7 có ghi :

*“Khi ấy từ nhục kế của Đức Thế Tôn phóng ra trăm thứ hào quang. Trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh , có vị Hóa Phật ngồi trong hoa sen , trên đỉnh phóng ra mười tia sáng , trong mỗi tia đều hiện ra mười hàng hà sa số vị Kim Cương đội núi, cầm chày...đầy khắp hư không. Đại Chúng ngó thấy đều kính mến cầu Phật gia hộ, một lòng nghe Phóng Quang Như Lai nơi Vô Kiến Đỉnh Tướng của Phật, tuyên nói Thần Chú”*

Căn cứ vào truyền thống này thì Đức Thích Ca Như Lai biểu thị cho Đức Pháp Thân là **Đại Định Môn**. Vị Hóa Phật tức Bạch Tản Cái Phật Đỉnh biểu thị cho Đức Giải Thoát là **Đại Bi Môn**. Các vị Kim Cương Hộ Pháp biểu thị cho Đức Bát Nhã là **Đại Trí Môn**. Cả 3 Môn này nhằm tịnh hóa 3 nghiệp Thân Khẩu Ý của chúng sinh để dẫn nhập họ vào Chính Pháp Giải Thoát

Nói cách khác, Đức Thích Ca Như Lai biểu thị cho Pháp Lý của vũ trụ là **Phật Tính** (Buddhatā) vốn có trong tâm của mọi chúng sinh. Bạch Tản Cái Phật Đỉnh biểu thị cho Quả Đức thành tựu do công năng tu hành, là Đại Bi vạn hạnh hay làm tươi tốt muôn điều lành. Các vị Kim Cương Hộ Pháp biểu thị cho phương tiện tùy cơ giáo hóa, là lực dụng của Trí Tuệ Như Lai có thể nghiền nát mọi chướng ngại phiền não cho chúng sinh.

Chính vì thế cho nên muốn thành tựu được Pháp tu trì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh thì căn bản là phải gieo trồng được duyên lành với Đức Phật Thích Ca, nghĩa là phải thường xuyên cung kính đỉnh lễ trì niệm Hồng Danh và tìm hiểu Giáo Pháp của Ngài

Tóm lại :

\_ Đối với bậc Thượng Căn: Nếu trì niệm Hồng Danh **Thích Ca Mâu Ni Phật** cho đến khi niệm niệm nhất niệm thì trực kiến được Bản Địa Pháp Thân của Như Lai. Từ đó mọi Chân Pháp, Chân Trí được nảy nở trong Tâm của Hành Giả và thúc đẩy Hành Giả hoàn thiện Đạo Quả giải thoát

\_ Đối với bậc Trung Căn: Hồng Danh **Thích Ca Mâu Ni Phật** là cửa ngõ để trực kiến được cảnh giới vi diệu của chư Phật, thể hội được ánh quang minh trắng tinh vô nhiễm cấu của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, mau chóng trực ngộ được diệu lý Thiên Định,

tiến tu các Thánh Vị, dứt trừ mọi phiền não trong 3 cõi, hoàn thiện từng phần Pháp Thân và mau chóng chứng đắc Quả Vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác

\_ Đối với bậc Hạ Căn: Hồng Danh **Thích Ca Mâu Ni Phật** là món duyên lành giúp cho Hành Giả gieo trồng mầm giống Phật, kết duyên với chư Phật 3 đời, được sự che chở giúp đỡ của các vị Bồ Tát, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp... để vững chắc tinh tiến trên con đường giải thoát chân chính

Như các bậc Cổ Đức có nói: **“Thành Tâm lễ Phật, niệm Phật, tu đúng như Phật, quyết định sẽ thành Phật”**

## VÀI PHƯƠNG CÁCH TU TRÌ BẠCH TẢN CÁI PHẬT ĐỈNH PHÁP

Trên căn bản thì Pháp tu trì **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh** chuyên về Pháp Tứ Tai (Śāntika) nghĩa là ngăn ngừa, dứt trừ mọi tai họa tội chướng để hỗ trợ cho Pháp tu Thiền Định. Vì thế người trì Chú cần phải nắm vững cách thức liên hệ với Bản Tôn để nhận được sự gia trì. Một khi nhận được sự gia trì của Bản Tôn thì Hành Giả có thể phá bại hoặc ngăn cấm được các thế lực gây chướng ngại khác (tức là Pháp Hàng Phục: Abhicāruka) đồng thời lại tăng thêm được Phước Đức Trí Tuệ (tức là Pháp Tăng Ích Pustika) và được muôn loài thương yêu kính trọng (tức là Pháp Kính Ái: Vaśikaraṇa). Từ ý nghĩa này, các Đạo Sư Mật Tông Tây Tạng thường nhấn mạnh vào phương thức khẩn cầu Bản Tôn. Tương tự, các Pháp Tắc trì tụng phổ thông thường nhấn mạnh vào Pháp Tứ Tai.

Để có thể khẩn cầu và tương ứng với Bản Tôn, Hành Giả cần phải nắm vững những điều cần thiết của Bản Tôn như là: Dòng Phái tu tập, Tâm Nguyện, Cấm Giới, Thời khắc, Nghi Thức... Riêng Đại Bạch Tản Cái Thế Tôn thì yêu cầu Hành Giả phải có Tâm chân thật, ý nguyện cương quyết vượt qua mọi chướng ngại phiền não trên con đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát, ưa thích tu Thiền Định và phải tìm hiểu thâm sâu về Bản Thể của Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngoài ra điều kiện chung cho mọi Bản Tôn là Hành Giả phải có Tâm Tàm Quý (tức là phải biết xấu hổ trước việc làm sai trái kém cỏi của mình và phải có ý chí cương quyết sửa chữa cho đúng với Chính Pháp), thành tâm thọ trì **Tam Quy, Ngũ Giới** quyết chí lánh xa Pháp bất thiện, gần gũi Pháp Thiện và tự thanh lọc Tâm ý của mình cho thật trong sạch như Đức Phật đã dạy là :

***Đừng làm các việc ác***

***Nên làm mọi điều lành***

***Tự tịnh tâm ý mình***

***Đấy là lời Phật dạy***

Đồng thời Hành Giả cần phải tin hiểu nghĩa thú và thực hành **8 Niệm Quang Phổ**

**Chiếu Trang Nghiêm** là :

- 1) Nhớ nghĩ tất cả điều lành, thường không quên bỏ
- 2) Đã tu Thiện Căn, phải khiến cho tăng trưởng
- 3) Tùy chỗ nghe Pháp, nhớ nghĩ không quên
- 4) Đối với nghĩa thâm sâu vi tế, phải hiểu rõ
- 5) Tâm không bị chuyên theo 6 Trần Cảnh
- 6) Thường lấy Chính Niệm thủ hộ Căn Môn
- 7) Vì đoạn hết thấy Pháp bất thiện, vì khiến Pháp thiện đầy đủ nên thường **Niệm**

**Phật**

- 8) Vì muốn thủ hộ thành quách của Phật Pháp

Điều cần nhớ trong khi tu tập, Hành Giả nên thường xuyên nhìn thấy lỗi lầm của mình để nhanh chóng tu sửa kịp thời cho khỏi uổng phí công phu tu hành

Sau đây là vài phương pháp tu hành căn bản về **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Pháp**

### **I \_ Phương Pháp Phổ Thông:**

- 1) Trì tụng toàn bài **Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni Kinh**
- 2) Trì tụng **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú** theo Nghi Thức buổi sáng
- 3) Dựa theo ý nghĩa của toàn bài Chú Lăng Nghiêm, trì niệm từng đoạn thích hợp để đối trị từng việc



4) Trì tụng **Lăng Nghiêm Trường Chú** hoặc chuyên trì **Tâm Chú Lăng Nghiêm**

5) Trì tụng nghĩa của toàn bài Chú Lăng Nghiêm rồi chuyên trì Tâm Chú Lăng Nghiêm

6) Chuyên trì **Bạch Tản Cái Phật Mẫu Tổng Trì Tán Thán Đảo Chúc Kệ** như sau

Án\_ Diệu Tòa trong trắng trên hoa sen  
Kim Cương Già Phu, thân sắc trắng  
Tay trái ngang ngực cầm lọng trắng  
Đủ nơi lọng trắng, xung tán lễ  
Tay phải kết nơi Vô Úy Ấn  
Khuôn mặt tươi cười, thân yếu diệu  
Phật Mẫu nhiếp thọ mọi Chính Giác  
Tất cả xung tán lễ nơi ấy  
Điều phục tất cả chôn Hữu Tình  
Tùy loại hóa hiện muôn thứ thân  
Đại Bảo trang nghiêm cực mỹ diệu  
Duyệt Ý Mẫu Xứ, xung tán lễ

OM APARĀJITĀGURĀ MAHĀ-CANḌANĀM MAHĀ-DĪPTĀM MAHĀ-  
TEJĀM MAHĀ-ŚVETĀM-JVALĀ MAHĀ-BĀLA-ŚRĪYĀ PĀṆDARA-  
VĀSINĪM ĀRYA-TĀRĀ BHRĀKUṬĪM CIVA VIJAYA VAJRA MALATI  
VIŚRUTĀM PADMA-ĀGMAM VAJRA JIHVAKAḤ MĀLĀ CIVA  
APARĀJITAḤ VAJRA DANḌI VIŚĀLAKA ŚĀNTĀ VAIDEHA PŪJITĀḤ  
SAUMI-RŪPĀ MAHĀ-ŚVETĀ ĀRYA-TĀRĀ MAHĀ-BALĀḤ APARA-  
VAJRA-ŚAṆKARA CIVAḤ VAJRA-KAUMĀRĪ-KULANDHARĪ VAJRA-  
HASTĀKA MAHĀ-VIDYĀ TATHĀ-KAMPANA-MĀLIKAḤ KUSUMBHA-  
RATNA-CIVA VAIROCANA CODĀRTHA UṢṆĪṢA VIJRM̄BHA-MĀNADA-  
VAJRA KAṆAKA-PRABHĀ-LOCANĀḤ VAJRA-TUNḌIKA ŚVETĀKA  
KAMALĀKṢA ŚĀSĪ-PRABHĀ

Xung tán lễ nơi Tụ Thủ Ấn

BHAGAVAM STHATHĀGATOṢṆĪṢA SITĀTAPATRAM MAHĀ-  
VAJROṢṆĪṢA MAHĀ-PRATYUNḂĪRA MAHĀ-SAHASRA-BHŪYE  
SAHASRA-ŚIRṢAI KOṬĪ-ŚATA-SAHASRA-NETRE ABHEDYA JVALĀ  
TANATADĀKĀ MAHĀ-VAJRODARA TR̄BHUVANĀ-MANḌALA

Tôi cực nơi con, cầu ủng hộ  
Tôi cực nơi con, xin che giúp

Án\_ Quốc vương, giặc cướp, nước, lửa, độc  
Khí giới, đói khát, Tà Ma, tật  
Sét đánh, phi thời và chết yếu  
Sấm sét, phi không, các Bồ tán  
Loài cọp, thú ác, trong nạn lớn  
Trong tất cả Thời, xin che giúp

Thiên Ma, các Ma gây trở ngại  
Loài đoạt uy lực và Quỷ đói  
Nhóm Phong Đám Đám trong đại bệnh  
Trong tất cả Thời, xin che giúp

Nhóm tham sân si, các phiền não  
Mười nghiệp bất thiện, năm Vô Gián  
Ngăn che tự tính gây nghiệp tội  
Nẻo ác, quả khổ trong sợ hãi  
Ngu Tu (vốn Tính ngu muội) nay con cầu che giúp

Dùng Thiết Câu của Đại Từ Bi  
Giống như con yêu, xin hộ trì  
Trong tất cả Thời, ủng hộ con  
OM \_ SARVA-TATHĀGATOŚNĪṢA-SITĀTAPATRE HŪM PHAT  
HŪM MAMA HŪM NI \_ SVĀHĀ

## II \_ Phương Pháp riêng biệt:

### 1) Sám Hối theo Chú Lăng Nghiêm của Ngài VAJRA-HAMSA

Trong 49 ngày Sám Hối. Hành Giả cần phải giữ gìn trai giới cho trong sạch. Sắm sửa hương, hoa, quả trái, thức ăn uống ... để cúng dường và hàng ngày thay đổi vật cúng dường (nếu không đủ khả năng sắm sửa vật cúng dường thì dùng hương, đèn, nước trong sạch cũng được. Chủ yếu là phải nhất tâm cung kính cúng dường tu tập)

Trong 7 ngày đầu, Hành Giả chỉ trì tụng riêng Hội thứ nhất của Chú Lăng Nghiêm, mỗi lần trì tụng 7 biến sau đó kết Ấn **Tội Chướng Trừ** và tụng Tâm Chú Lăng Nghiêm 108 biến

7 ngày thứ hai chỉ tụng riêng Hội thứ hai và kết Ấn tụng Tâm Chú

7 ngày thứ ba chỉ tụng Hội thứ ba và kết Ấn tụng Tâm Chú

7 ngày thứ tư chỉ tụng Hội thứ tư và kết Ấn tụng Tâm Chú

7 ngày thứ năm chỉ tụng Hội thứ năm và kết Ấn tụng Tâm Chú

14 ngày cuối. Hành Giả trì tụng đủ cả 5 Pháp Hội (tức là trì tụng đủ toàn bài Chú Lăng Nghiêm) và kết ấn trì tụng Tâm Chú 108 biến

Sau 49 ngày Sám Hối, nếu Hành Giả nằm mộng thấy các điềm lành thì tự biết nghiệp chướng của mình đã được tiêu giảm. Ngược lại nếu thấy mộng dữ thì Hành Giả nên tiếp tục Sám Hối lại từ đầu. Điều cần nhớ là ngoài những lúc Sám Hối, Hành Giả nên chuyên tâm trì niệm Hồng Danh Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

### 2) Tu trì 5 Phật Đỉnh Minh tạo thành bài Chú Lăng Nghiêm của Hoà Thượng LINH NGHIÊM:

a \_ Trì tụng hết **Đoạn một** sau đó kết Ấn và trì tụng Kim Luân Phật Đỉnh Chú 108 biến

b \_ Trì tụng hết **Đoạn hai** sau đó kết Ấn và trì tụng Phổ Thông Thành Tựu Phật Đỉnh Chú 108 biến

c \_ Trì tụng hết **phần năm** của **Đoạn ba** sau đó kết Ấn và trì tụng Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Chú 108 biến

d \_ Trì tụng hết **phần 6, phần 7** của **Đoạn ba** sau đó kết Ấn và trì tụng Quang Tụ Phật Đỉnh Chú 108 biến

e \_ Trì tụng hết **Đoạn bốn** sau đó kết Ấn và trì tụng Biện Sự Phật Đỉnh Chú 108 biến

Tất cả các giai đoạn trên đều trì tụng liền nhau trong một Thời Khóa

### 3) Trì tụng Chú Lăng Nghiêm theo phương cách sau:

Nam mô Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái Vô Năng Thắng Thập Năng  
Điều Phục Đà La Ni (3 lần)

#### 1) HỘI THỨ NHẤT:

Kính lễ tất cả Phật với hàng Bồ Tát

Quy mệnh bảy ức Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Dự lưu

Quy mệnh chúng Nhất Lai

Quy mệnh chúng Bất Hoàn

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả với chúng đạt bốn Hướng trong Thế Gian

Quy mệnh ba báu Phật, Pháp, Tăng

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dững Mãnh Quân Kịch Vương Như Lai Ứng Cúng  
Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính  
Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính  
Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương như Lai Ứng Cúng Chính  
Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính  
Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng  
Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Liên Hoa Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Kim Cương Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Ma Ni Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Khổ Tàng Bộ Tộc

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp Ac Tác Thiện

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

Quy mệnh chúng Đế Thích

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Thiên Hậu Ô Ma với hàng quyền thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, Thiên Hậu Cát Khánh, hàng quyền thuộc,  
năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô ái Tử

Quy mệnh Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ  
của chúng Âm Mẫu

Kính lễ các hàng ấy xong rồi

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

Ngài là Vô Năng Thắng Thập Năng Điều Phục Mẫu

Ngài là nơi kính lễ của tất cả chư Thiên

Ngài là nơi cúng dường của Thiên Chúng

Ngài là Đấng tối cao mà các Thiên Nữ đều theo hộ vệ

Ngài hay giáng phục tất cả quỷ ác gây phiền não

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

Ngài hay giáng phục chúng Hữu Tình khó giáng phục

Ngài hay ngăn chặn các điều ác  
Ngài hay chặn đứng sự chết yếu không đúng thời  
Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc  
Ngài hay chặn đứng tất cả giấc mộng xấu ác  
Ngài hay tòi hoai tám mươi bốn ngàn phiền não  
Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ  
Ngài hay tòi hoai tám ngàn phiền não lớn  
Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia  
Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu hãi hùng  
Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về: chất độc, dao gậy, lửa, nước...  
Ngài hay sai khiến tất cả Án chúng:  
Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu  
Đại Sân Nộ Mẫu  
Đại Uy Quang Mẫu  
Đại Uy Diệu Mẫu  
Đại Bạch Quang Diễm Mẫu  
Đại Lực Cát Tường Mẫu  
Bạch Y Mẫu  
Thánh Cứu Độ Mẫu  
Phẫn Nộ Mẫu  
Phổ Mãn Tội Thắng Kim Cương Hoa Danh Xưng Mẫu  
Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu  
Kim Cương Thiệt Mẫu  
Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu  
Kim Cương Bồng Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu  
Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Đường Mẫu  
Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu  
Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu  
Tội Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu  
Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu  
Kim Cương Thủ Mẫu  
Đại Minh Chân Thật Niệm Châu Mẫu  
Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu  
Biển Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu  
La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu  
Kim Quang Nhân Mẫu  
Kim Cương Chúc Mẫu  
Bạch Sắc Mẫu  
Liên Hoa Nhân Mẫu  
Nguyệt Quang Mẫu  
Mọi Án như vậy, hết thầy đều ủng hộ thủ hộ cho chúng con

II \_ HỘI THỨ HAI:

OM\_ RṢĪ-GAṆA PRAŚASTA TATHĀGATOṢṆĪṢA HŪṀ BHRŪṀ  
JAMBHANA HŪṀ BHRŪṀ  
STAMBHANA HŪṀ BHRŪṀ  
MOHĀNAḤ HŪṀ BHRŪṀ  
MATHĀNA HŪṀ BHRŪṀ  
PARAVIDYA SAMBHAḶṢAṆA-KARA HŪṀ BHRŪṀ

SARVA DUṢṬĀNĀM STAMBHANA-KARA HŪM BHRŪM  
 SARVA YAKṢA RĀKṢASA GRAHĀṆĀM VIDHVAMŚANA-KARA HŪM  
 BHRŪM  
 CATUR-AŚĪTĪNĀM-GRAHĀ-SAHASRĀṆĀM VIDHVAMŚANA-KARA  
 HŪM BHRŪM  
 AṢṬA-VIMŚATĪNĀM-NAKṢTRĀNĀM PRASĀDANA-KARA HŪM  
 BHRŪM  
 AṢṬĀNĀM-MAHĀ-GRAHĀṆĀM VIDHVAMŚANA-KARA HŪM BHRŪM  
 RAKṢA RAKṢA MĀM  
 BHAGAVAM STHATHĀGATOṢṆĪṢA  
 MAHĀ-PRATYUṆĠĪRA  
 MAHĀ-SAHASRA-BHŪYE  
 SAHASRA-ŚIRṢAI  
 KOṬĪ-ŚATA-SAHASRA-NETRE  
 ABHEDYA JVALA TANATAḌĀKĀ MAHĀ-VAJRODARA  
 TRBHUVANA-MANḌALA  
 OM\_ SVASTIRBHAVATU MAMA

### III) HỘI THỨ BA:

Phạm có mọi tai nạn gây ra từ: Vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy, chiến tranh, đói khát, sấm sét, chết yểu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt của vương pháp, Rồng độc, sét đánh, Kim Xí Điều...

Lại có sự phiền não do các loài gây ra như: Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ở trong nhà cầu, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ vẹo môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hộp bóng (Ánh Quỷ), Quỷ có hình cái túi, Quỷ gây hại cho con nít, loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn máu huyết, loài ăn đồ dơ của sự sinh sản, loài ăn thịt, loài ăn thảo mộc có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức...

Nay con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Không Hành Nam và Không Hành Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thù Chủ và Tự Tại Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điều cùng với quyền thuộc của chúng

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên và chúng Âm Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Thành tựu tất cả Nghĩa Lợi

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đâu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyền thuộc của họ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo lửa thể

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Sát Tặc

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Khởi Thi Quỷ

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Thần Dạ Xoa cầm chày Kim Cương

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của các hàng: Phạm Thiên, Tụ Tại Thiên, Na La Diên Thiên

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tán Cái. Xin hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng Hữu Tình đều được thành tựu tốt lành.

IV) HỘI THỨ TƯ:

BHAGAVAM SITATĀPATRA NAMOSTUTE  
ASITĀNALĀRĀKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA SITATĀPATREḤ  
JVALA JVALA DHĀKA DHĀKA VIDHĀKA VIDHĀKA DARA DARA  
VIDARA VIDARA CCHINDA CCHINDA BHINDA BHINDA HŪM HŪM  
PHAT PHAT

HE HE PHAT

AMOGHĀYA PHAT

APRATIHAṬĀYA PHAT

VARA-PRADĀYA PHAT

ASURA VIDARA PAKĀYA PHAT

SARVA DEVEBHYAḤ PHAT

SARVA NĀGEBHYAḤ PHAT

SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAT

SARVA RĀKSAṢEBHYAḤ PHAT

SARVA GARUḌEBHYAḤ PHAT

SARVA GANDHARVEBHYAḤ PHAT

SARVA ASUREBHYAḤ PHAT

SARVA KIMNAREBHYAṬ PHAT

SARVA MAHORAGEBHYAḤ PHAT

SARVA MANUṢYEBHYAḤ PHAT

SARVA AMANUṢYEBHYAḤ PHAT

SARVA BHŪTEBHYAḤ PHAT

SARVA PIŚĀCEBHYAḤ PHAT

SARVA KUMBHAṆḌEBHYAḤ PHAT

SARVA PŪTANEBHYAḤ PHAT

SARVA KAṬAPŪTANEBHYAḤ PHAT

SARVA DURLAṂGHYEBHYAḤ PHAT

SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAT

SARVA JVAREBHYAḤ PHAT

SARVA APASMĀREBHYAḤ PHAT

SARVA ŚRAMAṆEBHYAḤ PHAT

SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHAT

SARVA UNMĀDEBHYAḤ PHAT

SARVA VIDYACĀRYEBHYAḤ PHAT

JAYĀ-KARA, MADHU-KARA, SARVĀRTHA SĀDHANEBHYAḤ,  
VIDYACĀRYEBHYAḤ PHAT

CATUR-BHAGINĪBHYAḤ PHAT

VAJRA-KAUMĀRĪ KULANDHARĪ VIDYARĀJEBHYAḤ PHAT

MAHĀ-PRATYUṅGĪREBHYAḤ PHAT

VAJRA-ŚAṅKARĀYA PRATYUṅGĪRA-RĀJĀYA PHAT

MAHĀ-KĀLĀYA, MĀTRGAṆĀYA NAMASKṚTĀYA PHAT

INDRĪYE PHAT

BRAHMĪNĪYE PHAṬ  
 RUDRĪYE PHAṬ  
 VI.ṢṆAVĪYE PHAṬ  
 VIṢṆEVĪYE PHAṬ  
 VARĀHĪYE PHAṬ  
 AGNIYE PHAṬ  
 MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ  
 RAUDRĪYE PHAṬ  
 KĀLA-DANḌĪYE PHAṬ  
 AINDRIYE PHAṬ  
 MĀṬṚYE PHAṬ  
 CĀMUṆḌĪYE PHAṬ  
 KĀLA-RĀṬṚYE PHAṬ  
 KĀPALĪYE PHAṬ  
 ADHIMUKTIKA ŚMAŚĀNA-VĀSINĪYE PHAṬ  
 OM\_ HŪM BHRŪM BANDHA BANDHA RAKṢA RAKṢA MĀM

#### V) HỘI THỨ NĂM:

Phàm có các Hữu Tình đối với ta khởi sinh tâm độc ác, tâm tội lỗi, tâm phần nộ, tâm giận ghét, tâm không hiền lành mà phát ra sự căm đoán, độc tụng Thần Chú, cúng bái cầu đảo để hãm hại

Lại có các loài gây não hại như: loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ, loài ăn xương tủy, loài ăn thứ dơ bẩn do sự sinh đẻ, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn tóc, loài ăn sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác...

Lại có nhóm ma của hàng Trời, nhóm ma của loài Rồng, nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của hàng A Tu La, nhóm ma của loài Kim Xí Điều, nhóm ma của hàng Nghi Thần, nhóm ma của hàng Đại Phúc Hành Thần, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của loài Quỷ ở trong nhà cầu, nhóm ma của loài Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của loài Quỷ hôi thối, nhóm ma của loài Quỷ hôi thối lạ kỳ, nhóm ma của loài Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của loài Quỷ vẹo môi, nhóm ma của loài Quỷ điên cuồng, nhóm ma của loài Quỷ hợp bóng (Ảnh Quỷ), nhóm ma của loài Quỷ khiến cho mất trí nhớ, nhóm ma của hàng Không Hành Nam và Không Hành Nữ, nhóm ma của loài Quỷ não hại con nít, nhóm ma của loài quỷ có hình như con Linh Dương, nhóm ma của loài Quỷ có hình con chim, nhóm ma của loài Quỷ có hình như loại gia cầm, nhóm ma của loài Quỷ có hình con gà, nhóm ma của loài Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có loài Quỷ gây bệnh sốt rét: một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần, bốn ngày phát một lần

Lại có các thứ bệnh tật như: thường nóng sốt cao, bệnh nóng sốt gây nguy hiểm, bệnh nhiễm gió, bệnh vàng da, bệnh kéo đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cả bệnh nóng sốt, bệnh đau nhức đầu, bệnh đau nhức nửa đầu, bệnh chẳng ăn được, bệnh đau mắt, bệnh đau miệng, bệnh đau toàn thể thân xác và tâm hồn, bệnh đau tai, bệnh đau răng, bệnh đau tim, bệnh đau đốt xương, bệnh đau hông sườn, bệnh đau lưng, bệnh đau bụng, bệnh đau eo lưng hay mộng đít, bệnh đau bắp đùi, bệnh đau ống chân, bệnh đau mắt cá chân, bệnh đau bàn tay, bệnh đau bàn chân, bệnh đau buốt các chi tiết trên thân

Lại có hàng Bộ Đa (Ma Quỷ độc ác), hàng Khởi Thi Quỷ, Không Hành Nam, Không Hành Nữ

Lại có các loại ung nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do cùi hủi, nhọt ghẻ mọc đầy như gai, nhọt do Dời ăn, Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, nhọt do da bị khô nứt, nhọt trĩ

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yếu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng trailataka, bò cạp, rắn, chồn dữ, sư tử, cạp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sống dưới nước...

Tất cả tật nạn như trên. Dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đỉnh Kế Đại Năng Điều Phục sẽ khiến cho chúng tự nhiên lui tan Trong vòng 12 Do Tuần, tất cả tai nạn bệnh tật ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay ta kết buộc Giới

Kết buộc khắp mười phương

Ta kết Năng Thắng Minh

Ta kết nhóm ánh sáng (Quang Tụ)

Ta kết buộc bàn tay

Ta kết buộc bàn chân

Ta dùng mọi chi tiết

Kết buộc khắp tất cả

Khiến cho các tật nạn

Chẳng thể xâm nhiễu được

Liên nói Thân Chú là (Kết Ấn Tội Chướng Trừ)

**OM\_ A NA LÊ, A NA LÊ \_ VI SÁ ĐÁ, VI SÁ ĐÁ\_ BAN ĐA, BAN ĐA \_  
BAN ĐA NI, BAN ĐA NI\_ VAI RA VA DI-RA BÁ NI, PHẬT \_ HÙM, BỒ-HỜ-  
RUM, PHẬT \_ XỜ-VA HÃ (108 lần)**

**TÁN THÁN CHÚ:**

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác \_ Hãy khiến cho con thành tựu Chân Ngôn Cú viên mãn cát tường

#### **4) Quán tưởng và trì niệm Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Bách Tự Minh:**

Hành Giả tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới sạch, đối trước tượng Bản Tôn gieo 5 vốc sát đất, phát tâm ân trọng đỉnh lễ tất cả Như Lai với các Bồ Tát

Đệ tử, họ tên là ...

Cúi đầu quy mệnh lễ

Khấp hư không Pháp Giới

Các Như Lai mười phương

Giáo **Tổng Trì Du Già**

Các Chúng Đại Bồ Tát

Và lễ Tâm Bồ Đề

Hay mãn nhóm Phước Trí

Khiến được Vô Thượng Giác

**OM\_ SARVA TATHĀGATA KĀYA, VĀK, CITTA VAJRA \_ VANDĀNĀM  
KARA-UMI (3 lần)**

Nam mô tận hư không biến Pháp Giới Phật, Pháp, Tăng, Thường Trụ Tam Bảo

Nam mô Tự Tính Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật

Nam mô Tự Thọ Dụng Pháp Thân Bảo Tràng Phật

Nam mô Tha Thọ Dụng Pháp Thân Khai Phụ Hoa Vương Phật

Nam mô Biến Hóa Pháp Thân Vô Lượng Thọ Phật

Nam mô Đẳng Lưu Pháp Thân Thiên Cổ Lôi Am Phật

Nam mô Thâm Nhập Bồ Đề Tâm Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát

Nam mô Trưởng Dưỡng Bồ Đề Tâm Hạnh Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát



Nam mô Toàn Thiện Kim Cương Tâm Hạnh Quán Tự Tại Bồ Tát  
 Nam mô Kết Kim Cương Thân Di Lạc Bồ Tát  
 Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật  
 Nam mô Quảng Đại Phật Đỉnh  
 Nam mô Cực Quảng Đại Phật Đỉnh  
 Nam mô Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh  
 Nam mô Thắng Phật Đỉnh  
 Nam mô Tối Thắng Phật Đỉnh  
 Nam mô Quang Tự Phật Đỉnh  
 Nam mô Trừ Chướng Phật Đỉnh  
 Nam mô Bạch Tản Cái Phật Đỉnh  
 Nam mô Đại Bi Thai Tạng Hiền Thánh Chúng  
 (Mỗi câu lễ 1 lạy)

Tiếp theo, Hành Giả chân thành phát Tâm Bồ Đề như sau:

**“ Con (Họ Tên... Pháp Danh... ) từ hôm nay trở đi cho đến khi thành Chính Đẳng Chính Giác. Con thể phát Tâm Bồ Đề, thệ nguyện cứu độ vô lượng vô biên chúng Hữu Tình khiến cho tất cả đều giải thoát như con không khác. Nguyện xin chư Phật Bồ Tát, Hiền Thánh từ bi chứng biết và khuyến tấn cho con mau viên mãn lời nguyện”**

OM\_BODHI-CITTAṀ UTPĀDA YĀMI (3 lần)

Tiếp đến là sự Thiền Định trên tự thân. Điều này bắt đầu bằng sự tinh lọc Thiền Định trong **Thức Không** (Vijnāna ‘Sūnya) nhờ sự trợ giúp của Thần Chú **Tự Tính** Hành Giả ngồi Kiết Già, tự điều chỉnh thân thể và hơi thở, nhiếp tâm niệm tụng:

**Tự Tính của con vốn thanh tịnh  
 Như tự tính thanh tịnh của các Pháp**

OM\_SVABHĀVA ŚUDDHA\_SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAM (3 lần)

Hành Giả quán tưởng tất cả các Pháp với sự tồn tại của Bản Ngã đều trống rỗng và tan thành **Tính Không** (Śūnyatā). Từ khoảng không của sự trống rỗng mênh mông này xuất hiện chữ PAM (𑖫𑖮) màu trắng tinh. Chữ PAM biến thành hoa sen màu trắng, trên hoa sen này có chữ ĀḤ (𑖠𑖡) màu trắng. Chữ ĀḤ biến thành vành trăng tròn đầy, bên trong vành trăng có chứa chữ LAM (𑖫𑖮) màu trắng. Chữ LAM tỏa ánh sáng chói rực tạo thành các lễ vật dâng lên Đức Thế Tôn và tạo ra mọi điều tốt lành cho chúng Hữu Tình. Sau đó ánh sáng lại quay về nhập vào chữ LAM. Tức thời chữ LAM biến thành **Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn** có thân hình màu trắng với đầy đủ mọi tướng tốt đẹp. Dung mạo Ngài là tướng Bồ Tát rất hoan hỷ đoan nghiêm. Tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có cái lọng màu trắng. Tay phải hơi gập cánh tay, co đều 5 ngón tay ngang vai, ngón cái vịn đầu ngón trở. Ngồi Kiết Già trên tòa sen trắng.

Từ chữ LAM trong vành trăng trên trái tim của Ngài phát ra những tia sáng trắng rực rỡ thỉnh mời các bậc **Trí Giả** (Jñāna-satva) giống hết Ngài.

Hành Giả chí thành vận Tâm tưởng dâng các lễ vật đến các vị ấy.

OM\_ARGHAM (Nước uống) PRATĪCCHĀYA\_SVĀHĀ  
 OM\_PĀDYAM (Nước rửa chân) PRATĪCCHĀYA\_SVĀHĀ  
 OM\_PUṢPE (Bông hoa) PRATĪCCHĀYA\_SVĀHĀ

OM\_ DHŪPE (Trầm hương) PRATĪCCHĀYA\_ SVĀHĀ  
 OM\_ ĀLOKA (Đèn nến) PRATĪCCHĀYA\_ SVĀHĀ  
 OM\_ GANDHE (Dầu thơm) PRATĪCCHĀYA\_ SVĀHĀ  
 OM\_ NAIVIDYE (Thực phẩm) PRATĪCCHĀYA\_ SVĀHĀ  
 OM\_ ŚABDA (Âm thanh, kỹ nhạc) PRATĪCCHĀYA\_ SVĀHĀ  
 JAḤ HŪM VAḤ HOḤ

Sau đó các vị được triệu thỉnh hòa nhập thành một thể với Đại Bạch Tán Cái Phật Đỉnh Thế Tôn. Từ chữ LAM trong trái tim của Đại Bạch Tán Cái Phật Đỉnh lại phát ra ánh sáng triệu thỉnh các Tôn đến quán đỉnh. Hành Giả liền khẩn cầu là:

***“Hỡi chư Như Lai! Xin hãy quán đỉnh cho con”***

Chư Phật hài lòng ban Pháp Quán Đỉnh, các vị Phật Mẫu cầm bình nước báu rưới nước Cam Lộ Trí Giác và đọc kệ là:

***“Giống như lúc Phật Đản Sinh***

***Chư Thiên hóa hiện xối nước tắm***

***Nay chúng ta cũng tắm cho người***

***Bằng nước Cam Lộ Quán Đỉnh Bí Mật”***

OM\_ SARVA-TATHĀGATA-ABHIŚEKATA-SAMAYA ŚRĪYA HŪM

Đọc kệ này xong, chư vị rưới nước Cam Lộ Trí Giác lên toàn thân của Đại Bạch Tán Cái Phật Đỉnh. Phần nước dư thừa quyện trên đỉnh đầu thành hình tượng Đức Phật Tỳ Lô Giá Na (Vairocana Buddha) ngồi Kiết Già trên tòa sen báu, hai tay kết Định Ấn và ngự trên đầu của Bạch Tán Cái Phật Đỉnh

Hành Giả thành tâm vận tưởng cúng dường tất cả chư Phật

OM\_ SARVA-TATHĀGATOŚNĪṢA-SITĀTAPATRA\_ ARGHAM  
 PRATĪCCHA HŪM\_ SVĀHĀ

OM\_ SARVA-TATHĀGATOŚNĪṢA-SITĀTAPATRA\_ PĀDYAM  
 PRATĪCCHA HŪM\_ SVĀHĀ

OM\_ SARVA-TATHĀGATOŚNĪṢA-SITĀTAPATRA\_ PUṢPE PRATĪCCHA  
 HŪM\_ SVĀHĀ

OM\_ SARVA-TATHĀGATOŚNĪṢA-SITĀTAPATRA\_ DHŪPE  
 PRATĪCCHA HŪM\_ SVĀHĀ

OM\_ SARVA-TATHĀGATOŚNĪṢA-SITĀTAPATRA\_ ĀLOKA  
 PRATĪCCHA HŪM\_ SVĀHĀ

OM\_ SARVA-TATHĀGATOŚNĪṢA-SITĀTAPATRA\_ GANDHE  
 PRATĪCCHA HŪM\_ SVĀHĀ

OM\_ SARVA-TATHĀGATOŚNĪṢA-SITĀTAPATRA\_ NAIVIDYE  
 PRATĪCCHA HŪM\_ SVĀHĀ

OM\_ SARVA-TATHĀGATOŚNĪṢA-SITĀTAPATRA\_ ŚABDA  
 PRATĪCCHA HŪM\_ SVĀHĀ

Hành Giả lại khẩn cầu :

***“ Bạch Đức Thế Tôn Bạch Tán Cái Phật Đỉnh! Xin hãy gia trì cho con tẩy trừ được hết thảy hạt giống của nghiệp ác, phiền não chướng, sở tri chướng cùng với tội phạm Giới do con và chúng sinh gây ra”***

Thỉnh nguyện xong, ánh hào quang phát ra từ chữ LAM trong trái tim của Bạch Tán Cái Phật Đỉnh chiếu chạm đến các Hữu Tình. Tịch trừ các tội gây ra bởi nghiệp ác, các chướng và tội hủy phạm Giới Cấm. Hào quang lại chiếu đến chư Phật Bồ Tát ở 10 phương tạo thành phẩm vật dâng cúng các Ngài



Phật Bồ Tát. Các lực Thệ Nguyên do thân khẩu ý của các Thánh Giả quay trở về và hoà nhập vào các chữ này.

Một dòng nước Cam Lộ màu trắng từ các chủng tự Chú này tuôn chảy trong thân của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh rồi tuôn chảy vào đỉnh đầu của Hành Giả tràn đầy khắp châu thân. Đầy mọi tập khí nghiệp ác, các chương do nghiệp thân khẩu ý gây tạo ra khỏi thân Hành Giả qua các khiếu với lỗ chân lông thành dạng sương khói đen kịt.

Hành Giả liền thanh tịnh được mọi nghiệp chương ác. Dòng nước Cam Lộ Trí Giác tràn đầy thân Hành Giả thành sắc chói rạng trắng tinh. Các Trí Tuệ và Đạo Pháp thù thắng tuôn chảy vào Hành Giả

(Trong khi quán tưởng như vậy, Hành Giả luôn trì niệm Bách Tự Minh)

Xong rồi, Hành Giả lại khấn cầu

**“Do vô minh làm lạc**

**Con đã vi phạm các Cấm Giới**

**Xin Đấng Đạo Sư thủ hộ**

**Hãy độ trì khuyến tấn cho con**

**Nhất là Đức Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn**

**Vua của các chúng sinh**

**Xin hãy làm chỗ cho chúng con nương tựa”**

Bạch Tản Cái Phật Đỉnh đáp rằng:

**“Này Thiện Nam Tử! Các nghiệp chương xấu ác và sự phạm Giới của ngươi đã được thanh tịnh”**

Nói xong, Ngài biến thành chữ LAM (𑖀). Chữ LAM tan thành ánh sáng chiếu vào đỉnh đầu Hành Giả đi qua đỉnh môn đến trái tim và khiến cho thân khẩu ý của Hành Giả trở thành một với thân khẩu ý của Ngài.

Sau khi xả Thiền, Hành Giả chí thành Hồi Hương:

Nam mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

Nam mô Đại Bi Thai Tạng Giới Thánh Chúng

Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được an vui

Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não

Nguyện cho chúng sinh sớm khởi Từ Bi

Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề

##### **5) Quán niệm Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Đạo Sư Du Già :**

Hành Giả tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới sạch, đối trước tượng Bản Tôn, điều chỉnh thân thể ngay ngắn, điều hòa hơi thở, ngồi Kiết Già rồi phát nguyện:

“Vì tất cả Hữu Tình đang luân hồi trong sáu nẻo, khiến cho hết thảy được giải thoát. Nguyện cho con thành Cứu Cánh Giác”

Phát nguyện xong, Hành Giả hướng lên không trung tượng Bạch Tản Cái Phật Hội. Ngay nơi ấy dùng Tâm chân thật trì niệm:

\_ Quy mệnh khắp Pháp Giới

\_ Chư Như Lai các cõi

\_ Hoá tướng Tôn Kỳ đặc

\_ Dòng Phật Đỉnh tối thắng

\_ Kính lễ đấng Đại Bi

\_ Chúng Bồ Tát cảm hoa

Tĩnh trừ nghiệp Cầu Chướng  
 Lợi khắp các Hữu Tình  
 Quy y Bí Mật Chủ  
 Kim Cương Thủ Tạng Vương  
 Theo Phật nhận gian khó  
 Hộ trì cho tất cả  
 Chúng Đại Tiên, Minh Tôn  
 Hàng Thanh Văn, Duyên Giác  
 Trời, Rồng, Tô (A Tu La), Dược Xoa  
 Ngày đêm thường cung kính  
 Đại Bạch Tản Cái này  
 Che khắp cả Đại Thiên  
 Thần Biên lia tư nghị  
 Hư Không không chướng ngại  
 Chư Phật hay khen ngợi  
**Gọi Đại Phật Đỉnh Vương**  
 Nhân đây chứng Bồ Đề  
 Hay chuyển Pháp vô thượng  
 Chúng Thánh cùng du học  
 Con cũng tùy thuận tu  
 Cầu xin được gia hộ  
 Mau chóng chứng Bồ Đề

Trì niệm xong, Hành Giả quán tưởng Phật Hội tan thành ánh sáng rực rỡ nhập vào thân của mình, rồi thân mình hóa thành thân ánh sáng. Trong sắc thân ánh sáng, Hành Giả trì niệm Thần Chú Tự Tính

Tự Tính của con vốn thanh tịnh  
 Như tự tính thanh tịnh của các Pháp

OM SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAM ( 3 lần )

Hành Giả quán tưởng tất cả các Pháp với sự tồn tại của Bản Ngã đều trống rỗng và tan thành **Tính Không**

Từ khoảng không của sự trống rỗng mênh mông này, xuất hiện chữ PAM (𑖫) màu trắng tinh. Chữ PAM biến thành hoa sen trắng, trên hoa sen có chữ ĀḤ (𑖇) màu trắng. Chữ ĀḤ biến thành vành trăng tròn đầy, bên trong vành trăng có chứa chữ LAM (𑖇) màu trắng. Chữ LAM tỏa ra ánh sáng tạo thành các lễ vật dâng lên Đức Thế Tôn và tạo ra mọi điều tốt lành cho các loài Hữu Tình, sau đó ánh sáng quay trở về nhập vào chữ LAM. Tức thời chữ LAM biến thành Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn với thân hình màu trắng tinh khiết, dung mạo hoan hỷ đoan nghiêm... Tay trái cầm hoa sen, bên trên hoa sen có cái lọng màu trắng biểu thị cho bản nguyện **Dùng tàn lọng Từ Bi trắng tươi để che chở cho chúng sinh**. Tay phải hơi co gập cánh tay, co đều 5 ngón ngang vai với ngón cái vịn đầu ngón trở biểu thị cho ý nghĩa **Trí Tuệ che trùm khắp Pháp Giới Chúng Sinh**. Ngồi Kiết Già trên tòa sen báu. Trên đỉnh đầu của Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn có vành trăng chứa chữ OM (𑖀) màu trắng, trên cổ họng có vành trăng chứa chữ ĀḤ (𑖇) màu đỏ, trên trái tim có vành trăng chứa chữ HŪM (𑖦) màu xanh lam

Từ chữ HŪM nơi trái tim của Ngài phát ra những tia sáng triệu thỉnh Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai từ cung Pháp Giới Kim Cương được bao quanh bởi vô lượng chư Phật Bồ Tát

Từ Cung Pháp Giới Kim Cương rộng lớn  
Phát sinh từ chủng tử HŪM rực rỡ  
Chủng tử HŪM đang phát sáng  
Ánh sáng rực rỡ hay cứu thoát chúng Hữu Tình  
Hỡi Đức Tỳ Lô Giá Na Phật và quyền thuộc  
Cầu xin các Ngài hãy đến  
JAH HŪM VAM HOH

Chư vị được triệu thỉnh đều hòa hợp lại và trở thành một thể với Bạch Tản Cái Phật Đỉnh

Hành Giả chân thành vận tâm cúng dường và dâng Maṇḍala tượng trưng cho toàn thể vật báu trong Thế Giới (xem thứ lớp quán tưởng ở đồ hình Meru-maṇḍala)

OM VAJRA-BHŪMI AH HŪM (Đây là đất Kim Cương vàng ánh)

OM VAJRA-REKHE AH HŪM (Đây là rào sắt Kim Cương vây bọc)

Ở chính giữa là núi Tu Di (Sumeru) vua của các núi

Phương Đông là lục địa Thắng Thân Châu

Phương Nam là cõi Diêm Phù Đề

Phương Tây là Ngu Hó Hóa Châu

Phương Bắc là Câu Lô Châu

Tiếp ở phương Đông có hai lục địa nhỏ là: Thân Châu và Thắng Châu

Phương Nam có hai lục địa nhỏ là: Phât Châu và Diệu Phât Châu

Phương Tây có hai lục địa nhỏ là: Siểm Châu và Thắng Đạo Hạnh Châu

Phương Bắc có hai lục địa nhỏ là: Câu Lô Châu và Câu Lô Nguyệt Châu

Núi châu báu, cây Như Ý, con bò ước và lúa gạo tự nhiên không do cây cấy

Vành xe báu, viên ngọc báu, người nữ báu, quân thần báu, voi báu, ngựa báu, tướng quân báu, bình chứa ngọc châu báu

Những Nữ Thần: Sắc đẹp, tràng hoa, ca hát, nhảy múa, bông hoa, hương thơm, ánh sáng, dầu thơm

Mặt trời, mặt trăng, cây lọng báu, cây phượng tôn thắng

Đây là tất cả tài sản mỹ lệ của chư Thiên và nhân loại. Con xin dâng tất cả thứ này lên Đấng Đạo Sư Bản Tôn đầy lòng Từ Bi của con cùng với chư Thiên và tất cả quyền thuộc

Vì chúng Hữu Tình, xin Ngài hãy rũ lòng xót thương mà nạp thọ và ban cho con các Nguyên Lực

IDAM GURU RATNA-MANḌALAKAM NIRYĀTA YĀMI

Tiếp theo Hành Giả lại khấn cầu:

Con xin đỉnh lễ Đấng Đạo Sư tôn quý

Ngài là viên ngọc báu Như Ý ban cho con các Nguyên

Nhờ lòng Từ Bi của Ngài

Mà con sớm thành tựu quả Đại An Lạc

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể của bốn Thân

Con khấn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM ṬRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể Pháp Thân Vô Ngai

Con khấn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM ṬRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể Báo Thân Phước Lạc

Con khấn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM ṬRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, Chúa Tể vô lượng Ứng Thân

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM \_ SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM TRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả vị Thầy

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM \_ SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM TRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả vị Trời

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM \_ SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM TRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả chư Phật

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM \_ SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM TRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả Pháp

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM \_ SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM TRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của Tăng Già

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM \_ SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM TRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả Nam Thần

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM \_ SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM TRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của chư Thần Hộ Pháp

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM \_ SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM TRŪM

\_Bậc Thầy Thánh Thiện của con, hiện thân của tất cả chỗ Quy Y

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM \_ SARVA TATHĀGATOŚNĪṢA HŪM TRŪM

Hành Giả lại khẩn cầu:

Hỡi Đấng Đạo Sư Tôn Quý! Xin hãy gia trì khiến cho con sớm phát sinh thành tựu về Đạo Quả Thế Gian và Xuất Thế Gian. Xin Ngài hãy gia trì khiến cho con mau chóng tịnh trừ được các sự trở ngại của Duyên xấu ác và sung mãn được các Duyên hiền thiện để viên mãn mọi ước nguyện

OM ĀḤ HŪM \_ UŚNĪṢA-SITĀTAPATRA \_ SARVA SIDDHI HŪM (3 lần)

Vị Đạo Sư mỉm cười hài lòng, ánh sáng trắng từ chữ OM trên đỉnh đầu Ngài chiếu vào đỉnh đầu Hành Giả, tràn ngập toàn thân khiến cho thân thể Hành Giả phát ra ánh hào quang trắng tịnh hóa các Nghiệp ác do thân của Hành Giả gây ra. Hành Giả được Đạo Sư ban Pháp **Bình Báu Quán Đỉnh** và gieo trồng hạt giống của thân Kim Cương cho Hành Giả.

Ánh sáng đỏ từ chữ ĀḤ trên cổ họng Đạo Sư chiếu vào cổ họng Hành Giả, tràn ngập toàn thân làm cho thân thể Hành Giả phát ra ánh hào quang đỏ, tịnh hóa các Nghiệp ác do miệng của Hành Giả gây ra. Hành Giả được Đạo Sư ban Pháp **Bí Mật Quán Đỉnh** và gieo trồng hạt giống của Ngũ Kim Cương cho Hành Giả

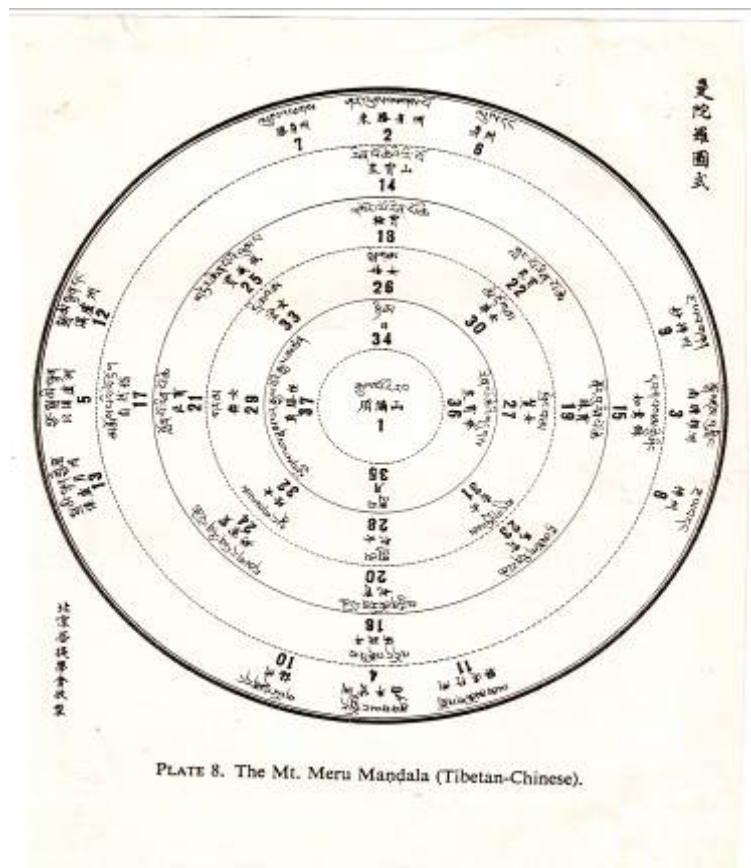
Ánh sáng xanh lam phát ra từ chữ HŪM trên trái tim Đạo Sư chiếu vào trái tim Hành Giả, tràn ngập toàn thân khiến cho thân thể Hành Giả phát ra ánh hào quang xanh lam, tịnh hóa các Nghiệp ác do ý của Hành Giả gây ra. Hành Giả được Đạo Sư ban Pháp **Trí Giác Quán Đỉnh** và gieo trồng hạt giống của Ý Kim Cương cho Hành Giả

Cuối cùng ánh sáng đủ màu phát ra từ khắp thân phần của Đạo Sư chiếu phủ khắp mọi phía rồi nhập vào thân Hành Giả, tịnh hóa các Nghiệp ác vi tế do thân khẩu ý của Hành Giả gây ra. Hành Giả được Đạo Sư ban Pháp **Quán Đỉnh thứ tư** và gieo trồng hạt giống của thân ngữ ý Kim Cương làm cho kết hợp không rời

Xong Đạo Sư từ phía trước hạ xuống đỉnh môn của Hành Giả, hòa nhập vào thân thể Hành Giả khiến cho thân khẩu ý của Hành Giả trở thành một thể với thân khẩu ý của Đạo Sư và thân ánh sáng của Hành Giả lại biến thành sắc thân bình thường.

Sau khi xả Thiền, Hành Giả chí thành Hồi Hướng  
\_ Bao nhiêu chút ít Công Đức con có được  
Do việc tu tập ngày hôm nay  
Con đều xin Hồi Hướng cho sự Toàn Giác của con  
Sở dĩ con gặp được Giáo Lý của đấng Đạo Sư Vô Thượng  
Là nhờ vào lòng tử tế của Thầy con  
Xin cho tất cả Hữu Tình đều được những Đạo Sư chăm sóc  
\_ Như Bồ Tát Văn Thù biết cách Hồi Hướng  
Như Bồ Tát Phổ Hiền cũng biết cách  
Con xin Hồi Hướng tất cả công đức này  
Để học làm theo cách của các Ngài ấy  
Theo cách mà tất cả chư Phật ba đời  
Đều ca tụng là tốt nhất  
Con xin Hồi Hướng đến những hành vi cao cả ấy  
\_ Nam mô Phật \_ Nam mô Pháp \_ Nam mô Tăng  
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật  
Nam mô Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn  
Nam mô các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp thường ở khắp mười phương  
Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui  
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não  
Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi  
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề





\* \_ **Ghi chú đồ hình Meru Mandala:**

- 1) Núi Tu Di (Sumeru): Vua của các ngọn núi
- 2) Đông: Thắng Thân Châu (Pūrva-videha)
- 3) Nam: Thiệm Bộ Châu (Jambū-dvīpa)
- 4) Tây: Ngưu Hóa Châu (Aparagodānīya)
- 5) Bắc: Câu Lô Châu (Uttara Kuru)
- 6) Thân Châu (Deha)
- 7) Thắng Thân Châu (Videha)
- 8) Phất Châu (Cāmara)
- 9) Diệu Phất Châu (Apara-cāmara)
- 10) Siểm Châu (Śāthā)
- 11) Thắng Đạo Hạnh Châu (Uttara-mantrim)
- 12) Câu Lô Châu (Kuvāra)
- 13) Câu Lô Nguyệt Châu (Kauvara)
- 14) Chúng Bảo Sơn (Uparatna Giri: núi chứa mọi vật báu)
- 15) Như Ý Thọ (Kalpa-vṛkṣa: cây Như Ý)
- 16) Mãn Dục Ngưu (Kāma-dhenu: con bò ước)
- 17) Tự Nhiên Đạo (Mahā-usadhi: cây thuốc, lúa tự nhiên có)
- 18) Luân Bảo (Cakra-ratna: bánh xe báu)
- 19) Châu Bảo (Maṇi-ratna: viên ngọc báu)
- 20) Phi Bảo (Strī-ratna: người vợ báu)
- 21) Thần Bảo (Puraṣa-ratna: bễ tôi báu)
- 22) Tượng Bảo (Hasti-ratna: con voi báu)
- 23) Mã Bảo (Aśva-ratna: con ngựa báu)
- 24) Tướng Quân Bảo (Khaḍga-ratna)
- 25) Bảo Tạng Bình (? Ratna-garbha-kuṇḍali)

- 26) Hý Nũ (Vajra-lāsye)
- 27) Man Nũ (Vajra-māle)
- 28) Ca Nũ Vajra-gīte)
- 29) Vũ Nũ (Vajra-nrtye)
- 30) Hoa Nũ (Vajra-puṣpe)
- 31) Hương Nũ (Vajra-gandhe )
- 32) Đăng Nũ (Vajra- āloke)
- 33) Đồ Nũ (Vajra-dhūpe)
- 34) Nhật (Sūrye: mặt trời)
- 35) Nguyệt (Candra: mặt trăng)
- 36) Chúng Bảo Tản (? Uparatna-patra)
- 37) Tỏi Thẳng Tràng (Kuṇḍa-dhvaja)

06/03/2014

# ĐẠI BẠCH TẢN CÁI HỘ QUỐC TỨC TAI PHÁP HỘI NIỆM TỤNG NGHI QUY

Tạng Hán: Tây Khang Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ truyền thụ  
Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

## 1) **Tứ Quy Y Chân Ngôn:**

NAMO GURUBHYAḤ

NAMO BUDDHAYA

NAMO DHARMAYA

NAMO SAṄGHAYA

Tụng 7 biến, hoặc 21 biến, hoặc 108 biến

2)

**Hồng\_ Kim Cương Đỉnh Kế đại Quýnh Già Mẫu, Cụ Thiên Thủ Thánh Mẫu, Thiên Diện Thánh Mẫu, Bách Thiên Vạn Nhân Thánh Mẫu, Bất Nhị Xí Nhiên Cụ Chủng Tướng Kim Cương Khoan Quảng Đại Bạch Mẫu, Chủ Tể Tam Giới Trùng Vi Mẫu**

**Tương ngã dữ nhất thiết chúng sinh, vô tướng chi ma hữu tướng chi ma, tha nhất thiết quân binh đẳng, sở lai phương hại giả, hộ trì hộ trì (3 biến hoặc 7 biến)**

## 3) **Đại Bạch Tản Cái Chú Thiết Yếu:**

(Thiết yếu này là sự hợp thành của 3 chú. Như có thể tụng hết ắt cực tốt. Nếu chẳng có thể tụng hết thì lựa chọn 1 trong 3 chú này, đoạn chính tâm trì tụng thì công đức cũng tương đồng)

a) OM\_ ASITA ANALĀRKA PRABHA SPUṬA VIKĀ (?SPHUṬA VIKACA) SĪTĀTAPATRE

OM\_ JVALA JVALA\_ KHĀDA KHĀDA\_ HANA HANA\_ DAHA DAHA\_ DARA\_ DARA\_ VIDARA VIDARA\_ CCHINDA CCHINDA\_ BHINDA BHINDA\_ HŪM HŪM\_ PHAṬ PHAṬ\_ SVĀHĀ

b) TADYATHĀ: OM\_ ANALE ANALE\_ KHASAME KHASAME\_ VAIRE VAIRE\_ SOME SOME\_ ŚANTE ŚANTE\_ DĀNTE DĀNTE\_ VIṢADE VIṢADE\_ VĪRE VĪRE\_ DEVI VAJRA-DHĀRI\_ BANDHA BANDHANI\_ VAJRAPĀṆI PHAṬ

OM\_ HŪM HŪM TRUṀ ṢṬOM PHAṬ SVĀHĀ  
HŪM TRUṀ BANDHA PHAṬ VATAGALA ŚRUTA SAŚIG SVĀHĀ  
OM\_ VAJRAPĀṆI BANDHA BANDHA PASINA MAMA\_ SARVA DUṢṬOM VINĀYAKA\_ HŪM HŪM\_ PHAṬ PHAṬ\_ SVĀHĀ

c) OM\_ SARVA-TATHĀGATOṢṆĪṢA-SITĀTAPATRE HŪM PHAṬ  
HŪM MAMA HŪM NI SVĀHĀ

Chú này có uy lực rất lớn, hay khiến cho cừ địch tự lùi tránh, thấy đều hàng phục tất cả Thiên Ma Ngoại đạo, hủy nát tất cả Cấm ngữ, ngoại trừ hạn kỳ của tuổi thọ đã đến, chỉ có thọ mệnh đã hết thì Đức Phật chẳng có thể vãn hồi.

Phạm trì chú này có thể trừ nguy hại, l ại lao ngục xiềng xích chẳng thể xâm phạm đến. Hồn mộng chẳng an, thấy nghe chẳng tỏ, vông lượng (Ma Quỷ) hiện hình đều có thể ngầm tiêu tan. Tai ách của đao binh, nước, lửa, Tinh Tú biến đổi, đói khát, các

chúng cùi hủi, kinh phong, trúng độc, lãng quên với 84000 ách nạn. Quyết định hay được mặt trời, mặt trăng, Tinh Đầu (các vì Sao) vui vẻ hộ trì mà giáng sát tường

Nếu hay viết thọ trì đọc tụng hoặc cúng dường, đeo mang nguyên văn Chú này thì công đức như nhau. Sau khi chết chẳng bị đọa vào 6 nẻo, vãng sinh về Cực Lạc


#### 4) Đại Bạch Tản Cái Kiên Giáp Chú:

◆ HŪM MAMA HŪM NI SVĀHĀ

Câu chú này với Pháp Bí Mật của Đại Mật Tông có công năng trấn hộ quốc gia, đẩy lùi giặc mạnh, ngưng tai giải nạn, là Chí Bảo dùng bảo vệ đất nước

Nay nước Ta (Trung Hoa) bị nạn biến loạn của nước ngoài không biết mất nước lúc nào. Thượng Sư TÂY KHANG NẶC NA HỒ ĐỒ KHẮC ĐỒ thương cho đất nước lâm vào cảnh gian nan, tưởng Tâm vận rộng đặc biệt truyền chú này và dặn phải lưu truyền rộng rãi để cứu quốc gia khỏi cảnh nguy vong

Thượng Sư nói rằng: “Nếu có thiện nam thiện nữ phát tâm tu trì chú này, ngoài những lúc thường trì với lúc tùy ý niệm. Nếu vì bảo vệ quốc gia làm ngưng tai nạn thầy nên cắt đứt tất cả niệm ác (xâm lăng, ăn trộm... dùng pháp này chẳng những vô hiệu mà còn bị nghiệp tội Vô Giá) phát tâm Đại Bồ Đề hộ trì cứu độ tất cả chúng sinh và chân thành trai giới, tắm gội xây dựng pháp hội ĐẠI BẠCH TẢN CÁI (Pháp hội chẳng hạn định số người, chỉ 1 người tu trì cũng được, nhiều người lại càng tốt. Từ ngày mồng một trải qua 1 ngày, 7 ngày, 21 ngày, 49 ngày đều được)

Xây dựng đàn tràng ĐẠI BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU làm cúng dường rộng lớn. liên tác niệm này: “**Nay tôi vì quốc gia làm ngưng tai nạn, Nguyện cho tất cả chúng sinh đều là biển khổ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề**”. Quán tưởng Đại Bạch Tản Cái giáng lâm Đạo Trường, chân thành Tam Quy Y. Sau đó dùng Chu Sa viết chép Chú này ở trên phướng màu vàng (1 mặt hoặc nhiều mặt cũng được). Mỗi ngày y theo thời vào Đàn tu Pháp chẳng được gián đoạn. Trước hết trì tụng ĐẠI BẠCH TẢN CÁI THIẾT YẾU măn 10 vạn biến, kế đó trì KIÊN GIÁP CHÚ này cũng măn 100 vạn biến. Lúc niệm tụng, tưởng Tâm Ấn chữ AN ( \_OM) của ĐẠI BẠCH TẢN CÁI PHẬT MẪU tuôn ra ánh sáng lớn chiếu trên cờ phướng. Phướng này phóng ra ánh sáng phản chiếu tức thời biến thành ĐẠI BẠCH TẢN CÁI HỘ QUỐC KIÊN GIÁP THOẢI ĐỊCH THẦN PHAN tai địch thủy đều tiêu diệt.

Sau khi làm xong, liền đem cây phướng này cúng ở trên Phật Đàn hoặc chia ra, rải cắm trên các đất đạo trường cúng dường. Khi thỉnh linh cần đến, gặp lúc địch đánh liền ở trận địa giương cờ theo gió thổi về phía địch. Ất ở vùng lân cận, vùng cao sát bên, đem treo phướng này đồng thời chân thành trì Chú này cầu xin Đức Phật Mẫu từ bi gia bị cứu hộ tất cả chúng sinh (lúc giương cờ thì theo gió thổi về phía địch là tốt nhất. Như gió thổi cả hai bên hoặc không có gió cũng được. Như gió thổi về phía mình ất bày vật nâng cao lên để tránh ngộ sự, có thể trì chú là xong). Sau khi giương cờ hoặc như hướng gió biến chuyển cũng nên giữ gìn nơi treo, giương cờ phát dương Chú lực tràn khắp Pháp Giới. Như tu trì Pháp này sẽ có Đại uy thần lực chẳng thể tư nghị khiến cho địch tự sợ hãi mà thoái lui vậy.

02 / 11/ 1998

# CHƯƠNG MÔN PHỔ TRUYỀN CHÂN NGÔN TẬP.

Tạng-Hán: Tây Khang NẶC NA HỒ ĐỒ KHẮC ĐỒ truyền thụ.

Đệ tử là: NGÔ NHUẬN GIANG biên thuật

Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

## CÔNG ĐỨC CỦA CHÂN NGÔN

Chân ngôn là Tâm Ấn thuộc Âm thanh của Tâm Phật, Bồ Tát dùng để phổ độ chúng sinh. Nói cứu cánh ấy liền tương đồng với công đức của tất cả Chân Ngôn. Lại vì Nhân Duyên tức căn cơ của vạn loại chúng sinh đều khác nhau. Do vậy Đức Thế Tôn nói 8 Vạn 4 ngàn môn Đà La Ni. Hai giáo Hiền Mật đều ở một nửa, dùng Uy dùng Đức, khắc Cương khắc Nhu không có gì không dựa theo Căn Khí chẳng đồng của chúng sinh mà tùy bệnh cho thuốc.

Trong kinh ĐẠI BẠCH TẢN CÁI ĐÀ LA NI có 4 đoạn của Đại Chú, phần cuối cùng lại chia làm 5 đoạn Tiểu Chú. Công đức của chú ấy, trong Kinh đã ghi rõ ràng nhưng Công Đức của Tiểu Chú thì trong Kinh còn chưa nói đủ, riêng tôi cần trọng nói là: “Vâng theo Thượng Sư NẶC NA HỒ ĐỒ KHẮC ĐỒ đối với Công Đức của Tiểu Chú này mà khai thị, ghi thuật khái yếu ấy, biên thêm các Chân Ngôn cũng đều vâng theo Thượng Sư đem Công Đức ấy ghi vào khiến cho Hành Giả có mọi thắc mắc đều thỏa mãn cả”.

### 1) Đại Bạch Tản Cái Phần Nộ Kim Cương Khiển Ma Ủng Hộ Chú:

TADYATHĀ: OM\_ ṢṬOM BANDHA BANDHA MAMA RAKṢA RAKṢA SVĀHĀ

OM\_ ṢṬOM BANDHA BANDHA VAJRA MAMA RAKṢA RAKṢA VAJRAPĀṆI HŪM PHAT

Thường trì Chú này, hay sai khiến tất cả Tà Ma, ủng hộ Hành Giả, miễn trừ nguy hiểm với mọi thứ tai nạn

### 2) Đại Bạch Tản Cái Hằng Thường Trì Tâm Chú:

OM\_ SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA ANALE AVALOKITEC URṆATE JVARASĪ.

OM\_ JVALA JVALA DHAKA DHAKA DARA DARA VIDARA VIDARA CCHINDHA CCHINDHA BHINDHA BHINDHA HŪM HŪM PHAT PHAT SVĀHĀ.

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là Phật Đỉnh Tâm Chú:

**Namo sarva-jñāya**

**Om\_ tathāgatoṣṇīṣa** (Quy mệnh Như Lai Đỉnh Kế) **anāvalokita mūrdha tejorāsī** (tuân theo sự quán chiếu ánh sáng rực rỡ ở đỉnh đầu) **hūm** (thành tựu)\_ **jvala jvala, dhaka dhaka, vidhaka vidhaka, dara dara, vidara vidara, cchinda cchinda, bhinda bhinda, hūm phat phat svāhā]**

Chú này hay tổng quát tất cả Công Đức của Kinh Đại Bạch Tản Cái. Hành Giả thường trì Chú này là phương tiện tốt nhất thành Pháp Bảo duy nhất của Pháp tu

### 3) Đại Bạch Tản Cái Tăng Trưởng Thân (thể xác) Thân (gần gũi) Tâm Chú:

OM\_ SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA HŪM PHAT SVĀHĀ.

Chú này hay tăng trưởng Thọ Mệnh và Phước Tuệ khiến cho người kính yêu, mọi sự mong cầu như ý

**4)Đại Bạch Tản Cái Nhiếp Thọ Chú:**

TADYATHĀ: OM ANALE ANALE KHASAMI KHASAMI VAIRE  
VAIRE SOME SOME SARVA BUDDHA ADHIṢṬHANA ADHIṢṬHATE  
SARVA TATHĀGATOṢṆĪṢA-SITĀTAPATRE HŪM PHAT

Hành Giả thường trì Chú này, tất cả Như Lai phóng ánh sáng nhiếp thọ, sau khi chết vãng sinh về Cực Lạc. Lại trì Chú này cứu độ người chết, công năng rất lớn.

**5)Đại Bạch Tản Cái Kiên Giáp Chú:**

HŪM MAMA HŪM NI SVĀHĀ

Chú này với Pháp bí mật của Đại Mật Tông có công năng trấn hộ quốc gia, đẩy lùi giặc mạnh, ngưng giải tai nạn, là Chí Bảo dùng bảo vệ đất nước.

\*) Dùng 5 Tiêu Chú trên đều đầy đủ tất cả Công Đức của Kinh Đại Bạch Tản Cái và Công Đức của 4 đoạn thuộc Đại Chú không khác. Hành Giả tùy chọn một Chú mà thọ trì thì Công Đức lúc trước chẳng thể luận bàn được.

**6)Lăng Nghiêm Tâm Chú:**

TADYATHĀ: OM ANALE ANALE VISUDDHE VISUDDHE VIRE  
VIRE SOME SOME VAJRADHĀRIṆĪ CCHINDHA CCHINDHA  
BHINDHA BHINDHA VAJRAPĀṆĪ HŪM PHAT SVĀHĀ

HŪM TRŪM BANDHA PHAT SVĀHĀ

Công Đức của Chú này tương đồng với Đại Bạch Tản Cái Chú như Kinh Đại Bạch Tản cái và Kinh Lăng Nghiêm đã nói.

**7)A Di Đà Phật Vãng Sinh Tâm Chú:**

OM PADMA-DHARI HŪM

Trì Chú này hay tiêu trừ tất cả nghiệp chướng, vãng sinh về Thế giới Cực Lạc và hay siêu độ tất cả vong linh được sinh Tịnh Thổ.

**8) A Di Đà Phật Vãng Sinh Chú:**

NAMO BHAGAVATE AMITABHĀYA TATHĀGATAYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM AMITE AMITODDBHAVE AMITA SAMBHAVE  
AMITA VIKRĀNTE AMITA GAMINI GAGANA KIRTIKARE SARVA  
KLEṢA KṢAYAM KĀRI SVĀHĀ.

Chân thành siêng năng niệm Chú này có Công Đức như sau:

1) Đức Phật A Di Đà thường trụ trên đỉnh đầu, ngày đêm ủng hộ, oan gia chẳng có thể làm hại. Đời này an ổn, sau khi chết tùy ý mà vãng sinh.

2) Hay tiêu tai, diệt tội, tăng phước, diên thọ

3) Hay siêu độ tất cả vong linh vãng sinh về thế giới Cực Lạc

4) Hay khiến cho ta, người lúc đi đường lỡ đạp chết động vật thì chúng được siêu sinh .

5) Hay khiến cho người bình thường chẳng đoạn Huân (Tam yếm, ngũ tân). Trước khi ăn, tụng chân ngôn này 7 biến tức các động vật bị ăn đều được siêu độ.

6) Hay khiến cho động vật được phóng sinh kia, ngày sau đều được thành Phật

**9) A Di Đà Phật Tâm Chú:**

OM\_ ĀḤ HRĪḤ HŪḤ

Chú này là Chân Ngôn Minh 4 chữ của tất cả chư Phật ở 4 phương. Trì Chú này thì tất cả 4 phương chư Phật đều giáng lâm Đạo Trường ủng hộ Hành Giả. Công Đức ấy tương đồng với Chú Vãng Sinh.

**10) Lục Tự Đại Minh Chú:**

OM\_ MAṆI PADME HŪḤ

Đây là Tâm Chú căn bản của Quán Thế Âm Bồ Tát, hay mở tất cả Trí Tuệ, hay độ chúng sinh trong 6 nẻo, hay thành Đại Bồ Đề, hay cứu khổ cứu nạn, hay lợi ích cho tất cả hữu tình, hay giáng Ma trị bệnh, hay khiến cho tất cả chúng sinh đều đầy đủ thức ăn quần áo, tiền tài, vật báu, mọi việc mong cầu đều như ý. Công đức ích lợi vô biên đầy đủ như Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** đã nói.

**11) Đại Bi Tâm Chú:**

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO BHAGAVATE MAHĀ-KARUṆIKĀYA VAJRASARA  
PRAMARBHAṆI TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM\_ DHARA DHARA\_ DHIRI DHIRI\_ DHURU DHURU  
\_INTE VANTE (? ITI\_ VATI)\_ CALE CALE\_ PRACALE PRACALE\_ SARVA  
KLEŚA SARVA KARMA ĀVARAṆANI\_ ŚUDDHE ŚUDDHE\_ VIŚUDDHE  
VIŚUDDHE\_ GAGANA SVABHĀVA VIŚUDDHE\_ SVĀHĀ.

Chú này hay trị bệnh khổ với tất cả tai nạn, hay độ chúng sinh đã chết. Công Đức Chú này tương đồng với Chú Vãng Sinh, Chú Lục Tự Đại Minh, Chú Lục Độ Mẫu.

**12) Trường Thọ Phật Chú:**

(ND: Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang minh Vương Đà La Ni).

OM\_ NAMA (?NAMO) BHAGAVATE APARIMITA-ĀYURJÑĀNA-  
SUVINE-ŚCIDAHEJO (? ŚCITA-TEJA) RĀJAYA TATHĀGATAYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM\_ PŪṆYE PŪṆYE\_ MAHĀ-PŪṆYE\_ APARIMITA-  
PŪṆYE APARIMITE- PŪṆYE-JÑĀNA SAMBHĀROPA CITTE

OM\_ SARVA SAṂSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE GAGANA  
SAMUDGATE SVĀBHAVA (? SVABHĀVA) VIŚUDDHE\_ MAHĀ-NAYA  
PARIVERE (? PARIVĀRE)\_ SVĀHĀ.

Trì Chú này hay tăng trường Thọ Mệnh và Phước Tuệ, tiêu trừ tất cả tội nghiệp từ vô thủy đến nay. Sau khi chết vãng sinh về Tây phương.

**13) Trường Thọ Phật Tâm Chú:**

OM\_ AMARANI JIVANA TEJE\_ SVĀHĀ.

(Bản khác ghi nhận câu Chú này là:

OM\_ AMARANI JĪVANTAYE SVĀHĀ)

Công Đức của Chú này cũng tương đương Đại Chú.

**14) Lục Đạo Kim Cương Chú:**

AḤ AḤ ŚAḤ SAḤ MAḤ HAḤ

**15)Đại Mật Tông Căn Bản Chú:**

MAMA KOLID SAMANTAḤ

Công Đức của hai Chú này tương đồng, chuyển độ chúng sinh trong 6 nẻo khiến cho họ thành Phật. Chân Ngôn một lần đi qua lỗ tai liền hay tiêu trừ nghiệp đời trước. Nếu người cần thành niệm tụng sẽ ngộ Vô Sinh Nhân. Lại Công Đức độ vong của Chú này rất lớn, nếu trải qua chân thành niệm tụng mãn 10 vạn biến làm căn bản, tức vào lúc độ vong niệm tụng 7 biến thì chúng sinh trong 6 nẻo được độ ngay lập tức vãng sinh về Cực Lạc. Lại trì Chú này nhiều biến gia trì vào đất cát, rải lên mộ người chết, nếu vong linh đã đọa vào 3 nẻo ác cũng có thể tiêu trừ tội chướng vãng sinh về Thế giới Cực Lạc, thấy Phật nghe Pháp.

**16)Kim Cương Tát Đỏa Tâm Chú:**

OM VAJRA-SATVA HŪM AḤ

Thường trì Chú này, hay tiêu trừ tội nghiệp từ vô thủy đến nay, tăng trưởng vô biên Phước Tuệ, sau khi chết vãng sinh về Tây Phương.

**17)A Di Đà Phật Nhất Tụ Tâm Chú:**

OM AMIDHEVA HRĪḤ

Chú này là Tâm Ấn của Phật A Di Đà. Nếu người trì Nhất Tụ Chân Ngôn này, hay trừ tai họa trị bệnh. Sau khi chết vãng sinh về Thế giới Cực Lạc được Thượng Phẩm Thượng Sinh.

**18)Hoàng Văn Thù Bồ Tát Tâm Chú:**

OM VAG ISVARI MUM

Công Đức của Chú này hay phát khai Trí Tuệ, kiên cố ký ức.

**19)Kim Cương Thủ Bồ Tát Tâm Chú:**

OM VAJRAPĀNI HŪM

Công Đức của Chú này hay giáng Ma trừ Chướng, miễn trừ nguy hiểm.

**20)Liên Hoa Sinh Đại Sĩ Tâm Chú:**

OM PADMA-VAJRA HŪM

Thọ trì Chân Ngôn này hay tiêu tai diên thọ, tăng trưởng Phước Tuệ, mọi việc mong cầu như ý. Sau khi chết vãng sinh về Cực Lạc, hoặc tùy nguyện vãng sinh vào Thế Giới của Đại Sĩ.

**21)A Súc Phật Tâm Chú:**

NAMO BHAGAVATE AKṢOBHYĀYA SVĀHĀ

Bản Tôn được xưng là Đông Phương Bất Động Phật, cũng xưng là Cứu Độ Tam Tế Phật. Bản Tôn đối với việc cứu tế chúng sinh trong 3 nẻo ác có Bi Nguyện rất thâm sâu. Đối với sự siêu độ vong linh thì phá các khổ của Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh mà làm Tôn Chủ duy nhất cho nên lúc độ vong, trì tụng Chú này thì Công Đức cực lớn.

**22)Được Sư Phật Chú:**

OM NAMO BHAGAVATE BHAIṢAJYA-GURU-VAITURYA  
PRABHARĀJAYA TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA  
TADYATHĀ: OM BHAIṢAJYE BHAIṢAJYE MAHĀ-BHAIṢAJYA-RĀJA  
SAMUDGATE SVĀHĀ



Công Đức của Chú này chuyên trừ bệnh khô, tăng Thọ Mệnh, miễn mưa đá, hay tiêu trừ tất cả tai nghiệp. Sau khi chết vãng sinh về Thế giới Thanh Tịnh Lưu Ly, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, thẳng đến thành Phật.

### 23) Dược Sư Phật Tâm Chú:


(Dược Sư Tâm Chú gia trì vào dược vật là pháp trị bệnh).


TADYATHĀ: OM\_BHAIṢAJYE BHAIṢAJYE \_ MAHĀ-BHAIṢAJYA-RĀJA  
SAMUDGATE \_ SVĀHĀ





Đức Phật Dược Sư có đầy đủ 32 tướng, thân khoác áo Cà Sa, tướng mạo giống như Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Tay trái kết Định Ấn ôm cái bát, trong bát đựng đầy nước Cam lộ để trị bệnh. Tay phải cầm quả HA TỬ dùng giáng 3 Độc (Hình dạng giống như Thanh Quả ở Tây Tạng) và duỗi tay ra đặt trên đầu gối.

Phàm trị bệnh thông thường, lấy Dược Phẩm hoặc nước sạch, hoặc thực vật như quả Trám, Thanh Quả, hồng, táo, trà, gạo.... Một hai thứ rồi chân thành tụng Dược Sư Phật Tâm Chú 1080 biến, quán tưởng Đức Phật Dược Sư giáng lâm Đàn Trường. Do

Ấn của chữ HỒNG (  : HŪM) phóng ra ánh sáng chiếu soi các Dược Vật. Gia trì như vậy xong, uống vào liền khỏi bệnh

Nếu trị các chứng ác hiểm, cố tật cho đến bệnh cam điếc, tất cả bệnh khó trị. Nên lấy Dược Vật đặt trong cái bình sạch, lấy giấy viết chữ HỒNG (  : HŪM) xếp thành hình vuông, bọc giấy lụa màu hồng, lấy sợi dây tơ màu hồng cột buộc lại rồi đặt lên trên Dược Vật, đầu giấy để thừa một chút bỏ ở ngoài cái bình, dùng lụa màu hồng hoàng đậy miệng bình, lấy chỉ màu hồng lục cột luôn rồi đem cái bình đó cúng ở Tịnh Thất. Vào Đàn đốt hương lễ Phật, tay phải đặt ở vành ngoài cái bình, chân thành tụng Dược Sư Tâm Chú, quán tưởng Đức Phật Dược Sư giáng lâm Đàn Trường.

Trước hết, từ chữ HỒNG (  : HŪM) ở trong bình phóng ra ánh sáng cúng dường Đức Phật Dược Sư. Tiếp theo, từ chữ HỒNG (  : HŪM) của Dược Sư Phật Tâm Ấn phóng ra ánh sáng cúng dường 10 phương Phật. Mười phương Phật cũng đều phóng ra ánh sáng tương ứng. Hai luồng ánh sáng tương ứng gặp nhau, hỗn hợp thành một. Mười phương Phật thấy đều biến thành Đức Phật Dược Sư, tất cả chúng sinh ở 6 nẻo của 10 phương với Ta gặp công đức của ánh quang minh này thấy đều tiêu diệt tội nghiệp, khỏi hết bệnh tật, hết thấy biến thành Đức Phật Dược Sư, tất cả đều tụng Dược

Sư Phật Chân Ngôn. Như vậy một lúc, tướng ánh sáng này quay trở lại nhập vào Dược Sư Phật Tâm Ấn tức chữ HỒNG (𑖀𑖢𑖦: HŪṂ) với chữ HỒNG (𑖀𑖢𑖦: HŪṂ) trong bình.

Lúc này tất cả công đức của Dược Sư đều tụ ở trong cái bình khiến cho thuốc trong bình đều biến thành Cam Lộ, tất cả bệnh tật đều có thể trị lành. Lúc đầy dứt tuyệt Ngoại Duyên, chân thành trì tụng Dược Sư Phật Tâm Chú và phát Tâm Đại Bồ Đề cứu độ bệnh khổ của tất cả chúng sinh. Mỗi lần trì tụng nên đủ 1080 biến, nhiều hơn càng tốt. Cứ như thế 7 ngày, 21 ngày hoặc 49 ngày. Mỗi ngày tu Pháp: một Đán, hai Đán, ba Đán đều được. Đợi đến mãn kỳ, đem ra dùng ắt không có bệnh gì không trừ ngay được. Nếu chuyên tu Pháp này dùng làm Thời Khóa thì công hiệu càng lớn”.

#### 24)Miễn Hại Địa Thượng Động Vật Chú:

OM \_ GAVIRAGAM \_ SVĀHĀ

Ta và người khi đi đứng, mỗi lần đều sát hại chúng sinh trên mặt đất. Tụng Chân Ngôn này 21 biến thì khi đi, các chúng sinh bị làm thương hại trong lúc vô ý thấy đều được siêu độ. Lại thấy người khác đập chết động vật, trì Chân Ngôn này 21 biến làm Pháp hồi hướng thì chúng sinh ấy cũng được siêu độ.

Lại do hoàn cảnh quan hệ chẳng có thể đoạn Huân, hoặc thấy người khác ăn Huân, hoặc vật chẳng nên ăn. Trì tụng Chú này liền đem sinh mệnh của vật Huân độ cho chúng vãng sinh về Thế giới Cực Lạc.

#### 25)Lục Độ Mẫu Chú:

OM \_ TĀRE TUTTARE (?TUTTĀRE) TURE \_ SVĀHĀ



Bản Tôn tức Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát cũng xưng là Lục Cứu Độ Phật Mẫu, tức Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát.

Thường siêng năng tụng Chú này hay đoạn căn gốc Luân Hồi, miễn trừ tất cả Ma Chướng, ôn dịch bệnh khổ. Tiêu trừ tất cả tai nạn về nước lửa, đao binh, trộm cướp...và hay tăng trưởng Thọ Mệnh với Phước Tuệ.

Phàm có sự mong cầu thì không gì không như nguyện. Thành tâm phụng trì thì linh ứng đến liền như Âm đội của tiếng vang. Công Đức ấy rộng lớn, thật khó mà thuật hết được.

**26) Sư Tử Hồng Quán Âm Căn Bản Chú:**

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO ĀRYA-AVALOKITEŚVARAYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KARUṆIKĀYA (?MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA).

TADYATHĀ: OM AKATE VIKATE NIKATE KATAMKATE KAROTE KAROKAMTE VERYAI SVĀHĀ.

**27) Sư Tử Hồng Quán Âm Tâm Chú:**

OM AH HRĪ SIMHA-NADA (?SIMHA-NĀDA) HŪM BRUM AM JREM KHAM HŪM. OM AH (?ĀH) HŪM.

Công Đức của 2 Chú này hay trị tất cả bệnh tật cũng hay trị Long Vương, Thổ Thần...các loại bệnh tật khó trị như chứng bệnh hủi. Chân thành niệm Chân Ngôn này mãn 10 vạn biến thì không có bệnh gì không trừ hết được. Xong Chú này có uy lực cực lớn, chỉ hay mặc niệm chẳng thể cao giọng. Lại ở bên cạnh giòng nước với sông, biển đều chẳng thể niệm vì sợ làm kinh động đến Long Vương, nhiều nãi chúng sinh. Người trì hãy cẩn thận.

**28) Nhất Thiết Phật Tâm Trung Tâm Chú:**

NAMA (?NAMAḤ) SARVA TATHĀGATĀ-HRĪDAYA ANUGATE OM KURUMGINI SVĀHĀ

Chú này gom tụ Công Đức của tất cả Phật, hay tiêu trừ tội nghiệp, thành tựu Nhất Thiết Chúng Trí.

**29) Đại Bảo Lô Các Tâm Chú:**

OM MAṆI-VAJRA HŪM

**30) Đại Bảo Lô Các Tùy Tâm Chú:**

OM MAṆI-DARE (?MAṆI-DHĀRE) HŪM PHAT

Tùy Tâm Chú này 20 vạn biến liền thấy tất cả cõi Phật, tiêu trừ tất cả tội nghiệp, lại hay siêu độ chúng sinh trong 3 nẻo ác, vãng sinh về Cực Lạc.

**31) Bát Nhã Ba La Mật Đa Chú :**

TADYATHĀ: OM GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAMGATE BODHI SVĀHĀ.

Đây là Tâm Chú của Bát Nhã Đại Phật Mẫu, hay đoạn tất cả phiền não sinh Đại Trí Tuệ. Lại hay siêu độ tất cả chúng sinh vãng sinh về Cực Lạc.

**32) Ngũ Phương Phật Tâm Chú:**

**a) Tỳ Lô Phật Tâm Chú:**

OM ĀḤ JINA-JIK OM HŪM

**b) A Súc Phật Tâm Chú:**

OM ĀḤ VAJRA-DHRIK HŪM HŪM.

**c) Bảo Sinh Phật Tâm Chú:**

OM ĀḤ RATNA-DHRIK SVĀ HŪM.

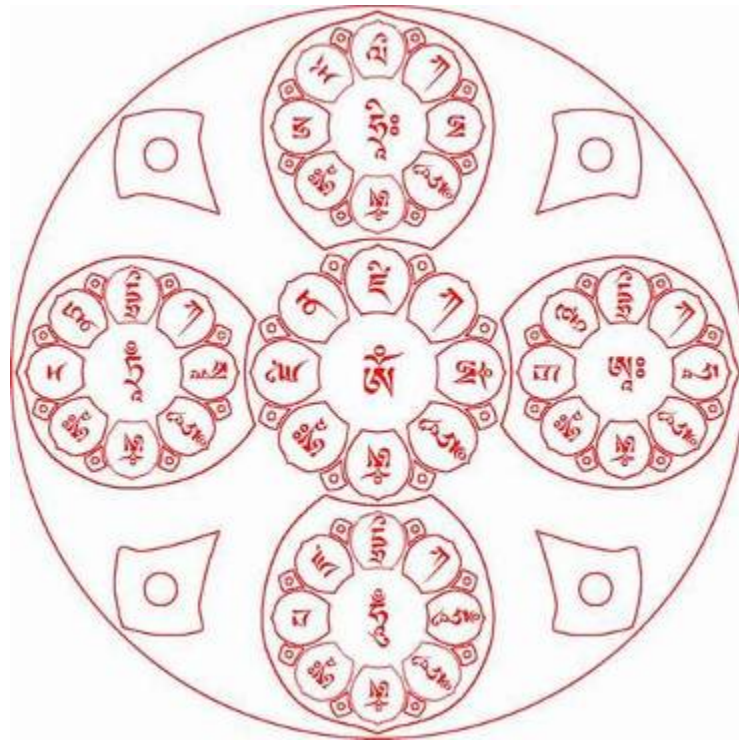
**d) A Di Đà Phật Tâm Chú:**

OM ĀḤ AROLIK A HŪM.

(Bản khác ghi nhận Tâm Chú này là: OM ĀḤ AROLIK HRĪḤ HŪM)

**e) Bất Không Thành Tựu Tâm Chú:**

OM ĀḤ PRAJÑA-DHRIK HĀ HŪM.



Tâm Chú của 5 vị Phật này có đủ Công Đức của tất cả Phật, hay thành tựu tất cả sự nghiệp, Nhất Thiết Chúng Trí. Sự to lớn vô biên ấy không thể nói hết.

**33)Liên Hoa Sinh Đại Sĩ Chú:**

OM ĀḤ HŪM \_ VAJRA-GURU-PADMA SIDDHI HŪM.

Công Đức tương đồng với Liên Hoa Sinh Đại Sĩ Tâm Chú. Người trì Chú vui nhiều vui ít tùy ý lựa chọn một Chú để trì tụng.

**34)Tiêu Tai Cát Tường Thần Chú:**

(Đại Hoả Luân Kim Cương chú)

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNAM APRATIHAṬ ŚASANĀNAM  
(?APRATIHAṬA-ŚASANĀNĀM)

OM\_ KHA KHA \_ KHAHI KHAHI \_ HŪM HŪM \_ JVALA JVALA \_  
PRAJVALĀ PRAJVALĀ \_ TIṢṬHA TIṢṬHA \_ PHAṬ PHAṬ \_ SARVA DURA-  
NIMITTA DURA-SVAPAM ŚINTUM KURU (?ŚĀNTIṀ KURU) SVĀHĀ.

Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai nói: “Quá khứ Sa La Vương Phật có Đại Phật Đỉnh Xí Thịnh Quang Tiêu Tai Cát Tường Chân Ngôn. Nếu có quốc vương, đại thần với các quyền thuộc, tất cả dân chúng hoặc bị 5 vì Sao La Hầu, Kế Đô, Tuệ Bội (sao Chối) ....yêu quái, ác Tinh lẩn hiếp Đé Toạ. Nơi đất nước nơi nhà ở, nơi trồng vắng, nơi cung thất sở thuộc, tai nạn tranh nhau khởi, hoặc Trần Tinh lẩn hiếp tạo các chương nạn. Thường ở nơi thanh tịnh, xây dựng Đạo Trường tụng Chân Ngôn này 108 biến hoặc 1000 biến. Như 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày cho đến 7 ngày, chí Tâm trì tụng thì tất cả tai nạn thấy đều tiêu diệt chẳng có thể làm hại.

**35)Bạch Độ Mẫu Chú:**

OM\_ TĀRE TUTTĀRE TURE\_ MAMA ĀYU (?ĀYUḤ) PUṆYE JÑĀNA  
PUṢṬIṀ KURU \_ SVĀHĀ.

Chú này tăng trưởng Thọ Mệnh, miễn trừ tất cả hung tai, Công Đức tương đồng với Lục Độ Mẫu Chú

**36)Thập Tam Luân Kim Cương Căn Bản Chú:**

OM\_ VAJRAPAṆI (?VAJRA-PĀṆI) CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA HŪM  
PHAT

OM\_ DHURU CAKRA (1) JAYA JAYA CAKRA (2) HANA HANA CAKRA  
(3) BHURU BHURU CAKRA (4) BHRAMARA BHRAMARA CAKRA (5) BHIDĀ  
MAṆI CAKRA (6) JALA JALA CAKRA (7) SAMBHAVE GAGANAYA SARA  
CAKRA (8) SĀLAYA SĀLAYA CAKRA (9) NĀGAŚAYA NAGAŚAYA  
(?NĀGĀŚAYA NĀGĀŚAYA) CAKRA (10) VAṆ VAṆ CAKRA (11) HŪM  
HŪM PHAT PHAT SAMANTA-GARA CAKRA (12) TAMTI CAKRA (13)  
HŪM PHAT.

Chú này hay ngưng tai nạn, đẩy lui địch. Công năng tương đồng với Chú Lăng  
Nghiêm, Chú Tiêu Tai Cát Tường.

**37)Đại Phẫn Nộ Kim Cương Tâm Chú:**

OM\_ VAJRA KĪLA KĪLAYA\_ SARVA VIGHNAṆ VAṆ HŪM PHAT  
JAḤ HŪM AH.

Thường trì Chú này hay giáng Ma, tức tai. Là Pháp Môn duy nhất để miễn trừ  
oán nạn.

**38)A Súc Như Lai Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Chú:**

NAMO RATNA-TRAYĀYA

OM\_ KAṆKANI KAṆKANI\_ ROCANI ROCANI\_ TROṬANI TROṬANI\_  
TRĀSAṆI TRĀSAṆI\_ PRATIHAṆA PRATIHAṆA\_ SARVA KARMA  
PARAṆPAṆI ME\_ SARVA-SATVAÑĀNCA\_ SVĀHĀ.

Thường trì Chú này hay tiêu diệt tất cả tội nghiệp từ vô thủy đến nay. Lại hay  
siêu độ vong linh bị đọa trong 3 nẻo ác, vãng sinh về cõi Phật Thanh Tịnh của Bản  
Tôn.

**39)Thích Ca Mâu Ni Phật Diệt Ác Thú (nẻo ác) Vương Căn Bản Chú:**

OM NAMO BHAGAVATE SARVA-DHURU-GATE-PARIŚODHANI-  
RĀJAYA TATHĀGATAYA (?SARVA-DURGATE-PARIŚODHANI-RĀJĀYA  
TATHĀGATĀYA) ARHATE SAMYAKSAMBUDDHAYA

TADYATHĀ: OM\_ ŚODHANI ŚODHANI\_ SARVA PĀPAṆ VIŚODHANI  
ŚUDDHE VIŚUDDHE\_ SARVA KARMA ĀVARAṆA VIŚUDDHE KURU\_  
SVĀHĀ.

Chú này là sở thuyết của Đại Nhật Thích Ca. Người trì hay diệt Định Nghiệp, sau  
khi chết vãng sinh về Cực Lạc.

**40)Kim Cương Tát Đỏa Bách Tự Minh Chân Ngôn:**

OM\_ VAJRA-SATVA-SAMAYAM ANAPĀLAYA  
(?ANUPĀLAYA ) VAJRASATVA TVENA UPATIṢṬHA\_ TIDHO  
(?DR̥DHO) ME BHAVA\_ SUTOŚYO ME BHAVA\_ SUPOŚYO ME BHAVA\_  
ANURAKTO ME BHAVA\_ SARVA SIDDHIṆ ME PRAYACCHA\_ SARVA  
KARMĀ SU CA ME CITTAM ŚRĪYAM KURU HŪM\_ HA HA HA HA HOḤ  
BHAGAVAN SARVA TATHĀGATĀ VAJRA\_ MA (?MĀ) ME MUṆCA\_

VAJRA BHĀVA (?VAJRĪ BHAVA)\_ MAHĀ-SAMAYA-SATVA \_ AH (ĀḤ)  
HŪM PHAT

Thường tụng Chú này có Công Đức như sau:

- a) Hay sám hối và tiêu trừ tội nghiệp từ vô thủy đến nay.
- b) Hay chặn đứng tất cả niệm ác chẳng cho tăng trưởng
- c) Hay phá trừ tất cả phiền não.
- d) Hay tăng trưởng Phước Trí vô lượng vô biên.
- e) Hay sinh mọi loại Công Đức.
- g) Tùy nguyện sở cầu mọi việc như ý.

Sau khi tu Pháp kia, lại hay tụng thêm Chú này. Nếu 1000 biến thì Pháp sở tu, thoảng có lỗi lầm sai trái khiến cho dò rỉ Pháp thì cũng chẳng trái nghịch với chư Phật Bồ tát.

41)**Bổ Khuyết Chân Ngôn:**

OM\_ DHURU DHURU\_ JAYA-MUKHE (?JAYE-MUKHA)\_ SVĀHĀ.

Lúc xong mỗi khoá chiều, tụng Chân Ngôn này 7 lần. Sau đó Hồi Hướng, tức Kinh Chú niệm tụng trong ngày hay tăng thêm một ngàn vạn ức Công Đức.

Hiệu chỉnh xong vào ngày 10/02/2014



## LĂNG NGHIÊM ĐẠI BI THẬP CHÚ

Theo Phật Giáo Bắc Truyền, phần lớn ở các chùa chiền, chư Tăng Ni thường trì niệm Khóa tụng buổi sáng là **Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú**. Đến khi Phật Giáo được phát triển rộng rãi cho các Đồ Chúng Phật Giáo thì rất nhiều người đã thực hành Khóa Tụng này

Mục đích chính của Khóa Tụng này đã được Pháp Sư **Quán Nguyệt** giảng giải trong quyển **Nhị Khóa Hiệp Giải** (Hòa Thượng **Thích Khánh Anh** việt dịch) là:

**Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú** có công năng điều trị mầm mống **Ngũ Dục** nhằm mau chóng hiển bày Tính màu nhiệm Chân Như của **Như Lai Tạng** (Tathāgata-garbha)

Tiếp đến là **Đại Bi Thần Chú** có công năng rửa sạch bụi phiền não trong Tâm của Ta nhằm thấu tỏ được Tâm **Đại Bi đồng Thể**

Tiếp đến **Như Ý Bảo Luân Vương Thần Chú** mang công năng vận chuyển bánh xe Pháp Như Ý

Tiếp tụng **Tiêu Tai Cát Tường Thần Chú** để diệt tai ương, thành tựu sự an vui và làm cho bánh xe Pháp càng thêm vững chắc

Tiếp tụng **Công Đức Bảo Sơn Thần Chú** nhằm vun đắp điều tốt lành đã có nơi Tâm, trở thành núi báu Công Đức

Tiếp tụng **Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú** để phá tan Lý Chướng, trực kiến **Pháp Tính** (Dharmatā)

Tiếp tụng **Được Sư Quán Đỉnh Chân Ngôn** để phát triển Trí Tuệ Diên Mệnh, tạo thành ánh sáng Lưu Ly chiếu rọi vào đỉnh đầu nhằm dứt trừ muôn bệnh

Tiếp tụng **Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn** để tương ứng với Pháp Môn **Viên Thông** của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và thành tựu sự linh cảm

Tiếp tụng **Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn** để diệt sạch Nghiệp Căn (gốc rễ của Nghiệp) vô thủy, hiện rõ vành trăng Trí Tuệ

Tiếp tụng **Vãng Sinh Quyết Định Chân Ngôn** nhằm thực chứng cảnh giới Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà

Tiếp tụng **Thiện Nữ Thiên Chú** nhằm gom chứa Pháp Quán màu nhiệm trên, cộng thành diệu dụng của Pháp Tính, viên mãn mọi sở nguyện

Tiếp tụng bài **Bát Nhã Tâm Kinh** để dứt trừ sự chấp trước nơi Quán Cảnh, thực chứng **Tính Không** (Śūnyatā) của vạn Pháp

Tuy nhiên đối với 12 bài Mật Chú và một bài Hiền Kinh này thì rất nhiều người mong muốn tìm cầu nguyên ngữ Phạn Văn để phát huy Uy Lực của chư Phật, Hiền Thánh. Ngay bản thân tôi cũng có ước nguyện này.

Trải qua nhiều năm tìm cầu, nhờ chút duyên lành, tôi đã sưu tập được 12 bài Mật Chú viết theo văn tự Siddham. Trong giai đoạn này (1995\_1998) dưới sự khuyến khích của Ni Sư **Thích Nữ Trí Hải**, tôi đã ghi lại phần sưu tập của mình và diễn dịch ý nghĩa của Phạn Chú ra Việt Văn nhằm củng cố hướng phóng Tâm của người trì tụng. Thật không may vì thiếu thốn tài liệu tham khảo nên các bài dịch chưa diễn đạt chính đúng, nhất là bài Chú **Thủ Lăng Nghiêm**

Sau này nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình của Thầy **Thích Pháp Quang** với sự khuyến tấn chân thành của Thầy **Thích Quảng Trí** nên tôi tạm hoàn thành các bản phiên dịch và đăng tải các bài **Lăng Nghiêm Thập Chú** trên trang web [www.tinhluat.org](http://www.tinhluat.org) vào năm 2001. Vào đầu tháng năm 2006, Thầy **Pháp Quang** đã cho tôi đĩa CD (CBETA Điện Tử Phật Điển Đại Chính Tạng) trong có ghi nhận phần văn tự Siddham nên tôi chèn thêm vào các bản dịch và được phép in ấn trong quyển **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng**

**Nghiêm Thân Chú Pháp** (cuối năm 2006) nhằm hỗ trợ cho người đọc tự học được chữ Siddham cũng như có thể tự mình xác định được sự sai đúng của các bản dịch.

Tuy vậy, các bản ghi chép ấy vẫn còn nhiều sự khiếm khuyết và sai sót, nên tôi soạn dịch lại tập ghi chép này nhằm giúp cho người đọc có thể tự mình tham cứu một cách thuận lợi hơn. Mọi sai sót của các bản ghi chép trước, tôi xin chân thành cúi đầu sám hối trước Tam Bảo và xin lỗi các vị đã đọc qua. Nguyên xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho con và tất cả chúng sinh tránh được mọi sự sai lầm, mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên Hương Linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**), Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**), Giác Linh của sư cô **Thích Nữ Trí Hải** là những bậc Thầy đầu tiên giúp cho con soạn dịch tập sách này.

Con xin bày tỏ lòng tri ân đến các Thầy **Thích Quảng Trí, Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy đã khuyến tấn, thúc đẩy con nghiên cứu Phật Pháp cho chính đúng

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến các bậc Tiền Bối đã soạn dịch các Kinh Bản giúp cho tôi hoàn thành phần ghi chép này. Đồng thời tôi cũng cảm ơn em Mật Trí (**Tổng Phước Khải**) đã hỗ trợ phần tài liệu bổ sung cho tập ghi chép này.

Tôi xin chân thành cảm ơn nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong suốt thời gian soạn dịch Kinh bản.

Tôi cũng xin chân thành cảm tạ người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) là người đã chịu nhiều phần thiệt thòi và từ bỏ mọi thú vui chơi trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi bước đi trên con đường tìm hiểu Giáo Lý Giải Thoát của Đấng Phật Đà .

Cuối cùng nguyện xin các bậc ân nhân của tôi cùng với toàn thể chúng Hữu Tình trong ba nẻo sáu đường đều mau chóng vượt qua mọi chướng nạn và chứng đạt được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Hạ năm Giáp Ngọ (2014)

HUYỀN THANH (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi



# ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ

Hán dịch: Thiên Trúc sa Môn BÁT LẠT MẬT ĐẾ

Việt dịch: Bản phổ thông ghi trong Kinh Nhật Tụng được lưu hành tại Việt Nam

Phục hồi âm Phạn: HUYỀN THANH

I HỘI THỨ NHẤT:

1) **Nam mô tát đát tha tô già đá gia, a la ha đế tam miệu tam bồ đà tả**

NAMO STATHĀGATĀYA SUGATĀYA ARHATE

SAMYAKSAMBUDDHĀYA

2) **Tát đát tha phật đà câu đề sắt ni sam**

STATHĀGATA KOṬI UṢṆĪSĀM

3) **Nam mô tát bà bột đà bột địa tát đá bệ tệ**

NAMAH SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVEBHYAḤ

4) **Nam mô tát đa nam tam miệu tam bồ đà câu tri nam**

NAMO SAPTĀNĀM SAMYAKSAMBUDDHA KOṬĪNĀM

5) **Sa xá la bà ca tăng già nẫm**

SAŚRĀVAKA SAMGHĀNĀM

6) **Nam mô lô kê a la hán đá nẫm**

NAMO LOKE ARHĀNTĀNĀM

7) **Nam mô tô lô đa ba na nẫm**

NAMO SROTĀPANNĀNĀM

8) **Nam mô sa yết li đà già di nẫm**

NAMO SUKṚTĀGĀMINĀM

9) **Nam mô lô kê tam miệu già đá nẫm**

NAMO LOKE SAMYAGGATĀNĀM

10) **Tam miệu già ba la để bà đa na nẫm**

SAMYAK-PRATIPANNĀNĀM

11) **Nam mô đề bà ly sắt noãn**

NAMO DEVA ṚṢĪNĀM

12) **Nam mô tát đà gia tỳ địa gia đà la ly sắt noãn**

NAMO SIDDHA-VIDYĀ-DHĀRA-ṚṢĪNĀM

13) **Xá ba nô yết la ha sa ha sa la ma tha nẫm**

ŚĀPĀNU GRAHĀ SAHASRA MATHĀNĀM

14) **Nam mô bạt la ha ma ni**

NAMO BRAHMAṆE

15) **Nam mô nhân đà la gia**

NAMO INDRĀYA

16) **Nam mô bà già bà đế**

NAMO BHAGAVATE

17) **Lô đà la gia**

RUDRĀYA

18) **Ô Ma bát đế**

UMĀPATĪ

19) **Sa hê dạ gia**

SAHEYĀYA

20) **Nam mô bà già bà đế**

NAMO BHAGAVATE

- 21) **Na La dã noa gia**  
NĀRĀYAṆĀYA
- 22) **Bà giá ma ha tam mộ đà la**  
PAMCA-MAHĀ-MUDRA
- 23) **Nam mô tất yết lệ đa gia**  
NAMASKṚTĀYA
- 24) **Nam mô bà già bà đế**  
NAMO BHAGAVATE
- 25) **Ma ha ca la gia**  
MAHĀ-KĀLĀYA
- 26) **Địa lệ bát lạt na già la**  
TRIPURA-NAGARA
- 27) **Tỳ đà la ba noa ca la gia**  
VIDARAPAṆA-KĀRĀYA
- 28) **A địa mục đế**  
ADHIMUKTIKA
- 29) **Thi ma xá na nê bà tất nê**  
ŚMA-ŚĀNA-VĀSINI
- 30) **Ma đất lệ già noa**  
MĀTRGAṆA
- 31) **Nam mô tất yết lệ đa gia**  
NAMASKṚTĀYA
- 32) **Nam mô bà già bà đế**  
NAMO BHAGAVATE
- 33) **Đa tha già đa câu la gia**  
TATHĀGATĀ-KULĀYA
- 34) **Nam mô bát đầu ma câu la gia**  
NAMO PADMA-KULĀYA
- 35) **Nam mô bạt xà la câu la gia**  
NAMO VAJRA-KULĀYA
- 36) **Nam mô ma ni câu la gia**  
NAMO MAṆI-KULĀYA
- 37) **Nam mô già xà câu la gia**  
NAMO GARJA-KULĀYA
- 38) **Nam mô bà già bà đế**  
NAMO BHAGAVATE
- 39) **Đế lệ tra du la tây na**  
DRDHA-ŚURASENA
- 40) **Ba la ha la noa la xà gia**  
PRAHARAṆA-RĀJĀYA
- 41) **Đá tha già đa gia**  
TATHĀGATĀYA
- 42) **Nam mô bà già bà đế**  
NAMO BHAGAVATE
- 43) **Nam mô a di đa bà gia**  
NAMO AMITĀBHĀYA (?dur câu NAMO)
- 44) **Đá tha già đa gia**  
TATHĀGATĀYA
- 45) **A la ha đế**

ARHATE

46) **Tam miếu tam bồ đà gia**  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

47) **Nam mô bà già bà đế**  
NAMO BHAGAVATE

48) **A sô bệ gia**  
AKṢOBHYĀYA

49) **Đá tha già đa gia**  
TATHĀGATĀYA

50) **A la ha đế**  
ARHATE

51) **Tam miếu tam bồ đà gia**  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

52) **Nam mô bà già bà đế**  
NAMO BHAGAVATE

53) **Bệ sa xà gia câu lô phệ trụ lị gia**  
BHAṢAIJYA-GURU-VAIDURYA

54) **Bát la bà la xà gia**  
PRABHA-RĀJĀYA

55) **Đá tha già đa gia**  
TATHĀGATĀYA

56) **Nam mô bà già bà đế**  
NAMO BHAGAVATE

57) **Tam bồ sư bí đa**  
SAMPUSPĪTĀ

58) **Tát lân nại la lạt xà gia**  
SĀLENDRA-RĀJĀYA

59) **Đá tha già đa gia**  
TATHĀGATĀYA

60) **A la ha đế**  
ARHATE

61) **Tam miếu tam bồ đà gia**  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

62) **Nam mô bà già bà đế**  
NAMO BHAGAVATE

63) **Xá kê dã mẫu na duệ**  
ŚĀKYA-MUNĀYE

64) **Đá tha già đa gia**  
TATHĀGATĀYA

65) **A la ha đế**  
ARHATE

66) **Tam miếu tam bồ đà gia**  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

67) **Nam mô bà già bà đế**  
NAMO BHAGAVATE

68) **Lạt đát na kê đô la xà gia**  
RATNA-KETU-RĀJĀYA

69) **Đá tha già đa gia**  
TATHĀGATĀYA

- 70) **A la ha đế**  
ARHATE
- 71) **Tam miếu tam bồ đà gia**  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA
- 72) **Đế biểu. Nam mô tất yết li đa**  
EBHYO NAMAHSKṚTVA
- 73) **Ế đàm bà già bà đế**  
IDĀM BHAGAVATE
- 74) **Tát đất tha già đô sắt ni sam**  
STATHĀGATA-UṢNĪṢA
- 75) **Tát đất đa bát đất lam**  
SITĀTAPATRAM
- 76) **Nam mô a bà la thị đām**  
NAMAḤ APARĀJITAM
- 77) **Bát la đế dương kỳ la**  
PRATYUṄGIRA
- 78) **Tát la bà bộ đa yết la ha**  
SARVA BHŪTA GRAHĀ
- 79) **Ni yết la ha, yết ca la ha ni**  
NIGRAHĀ KARĪM
- 80) **Bạt la tử địa gia sắt đà nễ**  
PARAVIDYA CCHEDANA
- 81) **A ca la mật li trụ**  
AKĀLA-MṚTYU
- 82) **Bát li đất la gia nãnh yết li**  
PRAŚAMANA KARĪM
- 83) **Tát la bà bàn đà na mục xoa ni**  
SARVA BANDHANA MUKṢANA
- 84) **Tát bà đột sắt tra**  
SARVA DUṢṬA
- 85) **Đột tất pháp bát na nễ phạt la ni**  
DUḤ-SVAPNA NIVĀRAṆĪM
- 86) **Giả đô la thất đế nam**  
CATUR-AŚITĪNĀM
- 87) **Yết la ha sa ha tát la nhã xà**  
GRAHĀ SAHASRĀNĀM
- 88) **Tỳ đa băng sa na yết li**  
VIDHVAMŚANA KARĪM
- 89) **A sắt tra băng xá đế nam**  
AṢṬA-VIṢĀTĪNĀM
- 90) **Na xoa sát đất la nhã xà**  
NAKṢATRĀNĀM
- 91) **Ba la tát đà na yết li**  
PRASĀDANA KARĪM
- 92) **A sắt tra nam**  
AṢṬANĀM
- 93) **Ma ha yết la ha nhã xà**  
MAHĀ-GRAHĀNĀM

- 94) **Tỳ đa băng tát na yết li**  
VIDHVAMŚANA KARĪM
- 95) **Tát bà xá đô lô nễ bà la nhã xà**  
SARVA ŚATRŪ NIVĀRAṆĪM
- 96) **Hô lam đột tát phạp nan giá na xá ni**  
GURĀM DUḤ-SVAPNANĀMCA NĀŚANĪM
- 97) **Bí sa, xá tất đát la**  
VIŚA, ŚASTRA
- 98) **A cát ni, ô đà ca, la nhã xà**  
AGNI, UDAKA UTTRANĪM
- 99) **A bát la thị đa cụ la**  
APARĀJITA AGURĀ
- 100) **Ma ha bát la chiến trì**  
MAHĀ-BALĀ-CANḌĀNĀM
- 101) **Ma ha điệp đa**  
MAHĀ-DĪPTĀM
- 102) **Ma ha đế xà**  
MAHĀ-TEJĀM
- 103) **Ma ha thuế đa xà bà la**  
MAHĀ-ŚVETA-JVALA
- 104) **Ma ha bặt la bạn đà la bà tất nễ**  
MAHĀ-BALĀ-PĀṆḌARAVĀSINĪM
- 105) **A li gia đa la**  
ĀRYA-TĀRĀ
- 106) **Tỳ li câu tri**  
BHRĀKUTĪM
- 107) **Thệ bà tỳ xà gia**  
CIVA-VIJAYA
- 108) **Bạt xà la ma lễ đễ**  
VAJRA-MĀLATI
- 109) **Tỳ Xá Lô đa**  
VIŚRŪTĀM
- 110) **Bộ đặng vông ca**  
PADMA-AGMAM
- 111) **Bạt xà la chế hạt na a giá**  
VAJRA-JIHVAKAḤ
- 112) **Ma la chế bà bát la chất đa**  
MĀLA-CIVA-APARĀJITĀḤ
- 113) **Bạt xà la đàn trì**  
VAJRA-DANḌI
- 114) **Tỳ xá la giá**  
VIŚALAKA
- 115) **Phiến đa xá bộ đề bà bổ thị đa**  
ŚĀNTĀ-VAIDEHĀ-PŪJITĀḤ
- 116) **Tô ma lô ba**  
SAUMI-RŪPA
- 117) **Ma ha thuế đa**  
MAHĀ-ŚVETĀ
- 118) **A li gia đa la**

ĀRYA-TĀRĀ

119) **Ma ha ba la, a bát la**

MAHĀ-BALĀH APARA

120) **Bạt xà la thương yết la chế bà**

VAJRA-ŚAṅKARA CIVAḤ

121) **Bạt xà la câu ma lị**

VAJRA-KAUMĀRĪH

122) **Câu lam đà lị**

KULANDHARĪ

123) **Bạt xà la hạt tát đa giá**

VAJRA-HASTAKA

124) **Tỳ địa gia, càn giá na ma lị ca**

VIDYA-KAMPANA-MĀLIKAḤ

125) **Khuất tô mẫu bà yết la hàm na**

KUSUMBHA-RATNA-CIVA

126) **Bệ lô giá na câu lị gia**

VAIROCANA-CODA

127) **Dạ la thổ sắt ni sam**

ARTHA UṢṆĪṢA

128) **Tỳ chiết lam bà ma ni giá**

VIJṚMBHA-MĀNADA

129) **Bạt xà la, ca na ca, ba la bà**

VAJRA KANAKA-PRABHĀ

130) **Lô xà na bạt xà la đốn trĩ giá**

LOCANĀḤ VAJRA-TUṆḌĪKA

131) **Thuế đa giá ca ma la**

ŚVETAKA KAMALA (?KAMALĀKṢA)

132) **Sát xa thi ba la bà**

ŚAŚI-PRABHĀ

133) **Ê đế di đế**

ITYETE

134) **An đà la yết noa**

MUDRA-GAṆAH

135) **Sa bệ la sám**

SARVE RAKṢAM

136) **Quật phạm đô**

KURVATTU (?KURVATTU MAMAṢYA)

137) **Ấn thổ na mạ mạ tả**

INDHANA MAMAṢYA

Người tụng Chú đến câu này thì xưng là: “Đệ tử ( Họ tên... ) xin thọ trì”

II HỘI THỨ HAI :

138) **Ô hồng**

OM

139) **Lị sắt yết noa**

RṢĪ-GAṆA

140) **Bát lạt xá tất đa**

PRAŚASTA

141) **Tát đất tha già đô sắt ni sam**

TATHĀGATA-UṢṢĪṢĀM

142) **Hổ hồng**

HŪM

143) **Đô lô ung**

TRŪM

144) **Chiêm bà na**

JAMBHANA

145) **Hổ hồng**

HŪM

146) **Đô lô ung**

TRŪM

147) **Tát đam bà na**

STAMBHANA

148) **Hổ hồng**

HŪM

149) **Đô lô ung**

TRŪM

150) **Ba la sắt địa gia tam bát xoa noa yết la**

PARAVIDYĀ SAMBHAḶṢANA-KARA

151) **Hổ hồng**

HŪM

152) **Đô lô ung**

TRŪM

153) **Tát bà dược xoa hạt la sát sa**

SARVA YAKṢA RĀḶṢASA

154) **Yết la ha nhã xà**

GRAHĀṢĀM

155) **Tỳ đẳg bằg tát na yết la**

VIDHAVĀṢANA-KARA

156) **Hổ hồng**

HŪM

157) **Đô lô ung**

TRŪM

158) **Giả đô la thi đễ nam**

CATUR-AṢĪTĪṢĀM

159) **Yết la ha sa ha tát la nam**

GRAHĀ SAHASRĀṢĀM

160) **Tỳ đẳg bằg tát na yết la**

VIDHAVĀṢANA-KARA

161) **Hổ hồng**

HŪM

162) **Đô lô ung**

TRŪM

163) **La xoa**

RAḶṢA

164) **Bạc già phạm**

BHAGAVĀM

165) **Tát đát tha già đô sắt ni sam**

STATHĀGATA-UṢṢĪṢĀ

- 166) **Ba la điêm xà cát lị**  
PRATYUNḠIRE
- 167) **Ma ha sa ha tát la**  
MAHĀ-SAHASRA
- 168) **Bội thọ sa ha tát la thất lị sa**  
BHŪJE SAHASRA-ŚIRṢAI
- 169) **Câu tri sa ha tát nê đế lệ**  
KOṬI-ŚATA-SAHASRĀ-NETRE
- 170) **A tộ đề thị bà lị đa**  
ABHEDYA-JVALI TANA
- 171) **Tra tra anh ca**  
ṬAḌĀKA
- 172) **Ma ha bậi xà lô ðà ra**  
MAHĀ-VAJRODĀRA
- 173) **Đế lị bô bà na**  
TRBHUVANA
- 174) **Mạn trà la**  
MANDALA
- 175) **Ồ hồng**  
OM
- 176) **Sá tát đế bậi bà ðo**  
SVASTIRBHAVATU
- 177) **Ma ma**  
MAMA
- 178) **Ấn thổ na mạ mạ tả**  
INDHANA MAMAṢYA
- Đến câu này, y theo trước xưng: “Đệ tử ( Họ tên... ) xin thọ trì”

### III\_HỘI THỨ BA:

- 179) **La xà bà dạ**  
RĀJA BHAYA
- 180) **Chủ la bậi dạ**  
CORA BHAYA
- 181) **A kỳ ni bà dạ**  
AGNI BHAYA
- 182) **Ồ ðà ca bà dạ**  
UDAKA BHAYA
- 183) **Tỳ sa bà dạ**  
VIṢA BHAYA
- 184) **Xả tát ða la bà dạ**  
ŚASTRA BHAYA
- 185) **Bà la chước yết la bà dạ**  
PARACAKRA BHAYA
- 186) **Đội sắt xoa bà dạ**  
DURBHIKṢA BHAYA
- 187) **A xá nễ bà dạ**  
AŚANI BHAYA
- 188) **A ca la mật lị trụ bà dạ**  
AKĀLA-MṚTYU BHAYA



- 189) **Đà la ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ**  
DHARANĪ BHŪMI-KAMPA BHAYA
- 190) **Ô la ca bà đa bà dạ**  
ULKOPĀTI BHAYA
- 191) **Lạt xà đàn trà bà dạ**  
RĀJA-DANḌA BHAYA
- 192) **Na già bà dạ**  
NĀGA BHAYA
- 193) **Tỳ điều đất bà dạ**  
VIDYU BHAYA
- 194) **Tô ba la noa bà dạ**  
SUPARṆI BHAYA
- 195) **Dược xoa yết la ha**  
YAKṢA GRAHĀ
- 196) **La sát tư yết la ha**  
RĀKṢASA GRAHĀ
- 197) **Tất lị đa yết la ha**  
PRETA GRAHĀ
- 198) **Tỳ xá già yết la ha**  
PIŚĀCA GRAHĀ
- 199) **Bộ đa yết la ha**  
BHŪTA GRAHĀ
- 200) **Cưu bàn trà yết la ha**  
KUMBHANḌA GRAHĀ
- 201) **Bổ đản na yết la ha**  
PŪTANA GRAHĀ
- 202) **Ca tra bổ đản na yết la ha**  
KAṬA-PŪTANA GRAHĀ
- 203) **Tất kiên độ yết la ha**  
SKANDA GRAHĀ
- 204) **A bá tất ma la yết la ha**  
APASMĀRA GRAHĀ
- 205) **Ô đàn ma đà yết la ha**  
UNMĀDA GRAHĀ
- 206) **Xa dạ yết la ha**  
CCHĀYĀ GRAHĀ
- 207) **Hê lị bà đế yết la ha**  
REVATI GRAHĀ
- 208) **Xã đa ha lị nam**  
ŪRJA AHĀRIṆYĀ
- 209) **Yết bà ha lị nam**  
GARBHA AHĀRIṆYĀ
- 210) **Lô địa la ha lị nam**  
RUDHIRA AHĀRIṆYĀ
- 211) **Mang sa ha lị nam**  
MAṂSA AHĀRIṆYĀ
- 212) **Mê đà ha lị nam**  
MEDA AHĀRIṆYĀ
- 213) **Ma xà ha lị nam**

MAJJA AHĀRIṆYĀ  
 214) **Xà đa ha li nữ**  
 JĀTA AHĀRIṆYĀ  
 215) **Thị tử đa ha li nam**  
 JĪVITA AHĀRIṆYĀ  
 216) **Tỳ đa ha li nam**  
 VAŚA AHĀRIṆYĀ  
 217) **Bà đa ha li nam**  
 VĀNTA AHĀRIṆYĀ  
 218) **A du giá ha li nữ**  
 AŚUCYA AHĀRIṆYĀ  
 219) **Chát đa ha li nữ**  
 CITTA AHĀRIṆYĀ  
 220) **Đế sam tát bệ sam**  
 TEṢĀM SARVEṢĀM  
 221) **Tát bà yết la ha nam**  
 SARVA-GRAHĀṆĀM  
 222) **Tỳ đà gia xà sân đà dạ di**  
 VIDYĀM CCHINDHA YĀMI  
 223) **Kê la dạ di**  
 KĪLA YĀMI  
 224) **Ba li bạt la giả ca ngật li đảm**  
 PARIBRĀJAKA KṚTĀM  
 225) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
 VIDYĀM CCHINDHA YĀMI  
 226) **Kê la dạ di**  
 KĪLA YĀMI  
 227) **Trà diễn ni ngật li đảm**  
 DĀKIṆĪ KṚTĀM  
 228) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
 VIDYĀM CCHINDHA YĀMI  
 229) **Kê la dạ di**  
 KĪLA YĀMI  
 230) **Ma ha bát du bát đát dạ**  
 MAHĀ-PAŚUPATIYA  
 231) **Lô địa la ngật li đảm**  
 RUDRA KṚTĀM  
 232) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
 VIDYĀM CCHINDHA YĀMI  
 233) **Kê la dạ di**  
 KĪLA YĀMI  
 234) **Na la dạ noa ngật li đảm**  
 NĀRĀYAṆA KṚTĀM  
 235) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
 VIDYĀM CCHINDHA YĀMI  
 236) **Kê la dạ di**  
 KĪLA YĀMI  
 237) **Đát đỏa già lô trà tây ngật li đảm**  
 TATVA GARUDA KṚTĀM

- 238) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 239) **Kê la dạ di**  
KĪLA YĀMI
- 240) **Ma ha ca la ma đát lị già noa ngật lị đảm**  
MAHĀ-KĀLA MĀTR-GAṆA KṚTĀṂ
- 241) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 242) **Kê la dạ di**  
KĪLA YĀMI
- 243) **Ca ba lị ca ngật lị đảm**  
KĀPALIKA KṚTĀṂ
- 244) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 245) **Kê la dạ di**  
KĪLA YĀMI
- 246) **Xà gia yết la ma độ yết la**  
JAYA-KARA MADHU-KARA
- 247) **Tát bà la tha sa đạt na ngật lị đảm**  
SARVĀRTHA-SĀDHANA KṚTĀṂ
- 248) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 249) **Kê la dạ di**  
KĪLA YĀMI
- 250) **Giả đót la bà kỳ nễ ngật lị đảm**  
CATUR-BHAGINĪ KṚTĀṂ
- 251) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 252) **Kê la dạ di**  
KĪLA YĀMI
- 253) **Tỳ lị dương ngật lị tri**  
BHRMGIRITĪKA
- 254) **Nan đà kê sa la già noa bát đế**  
NANDIKĒŚVARA GAṆA-PATI
- 255) **Sách hê dạ ngật lị đảm**  
SAHEYA KṚTĀṂ
- 256) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 257) **Kê la dạ di**  
KĪLA YĀMI
- 258) **Na yết na xá la bà noa ngật lị đảm**  
NAGNA-ŚRAMAṆA KṚTĀṂ
- 259) **Tỳ đạ dạ xà sân đà dạ di**  
VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 260) **Kê la dạ di**  
KĪLA YĀMI
- 261) **A la hán ngật lị đảm. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**  
ARHANTA KṚTĀṂ VIDYĀṂ CCHINDHA YĀMI
- 262) **Kê la dạ di**

KĪLA YĀMI

263) **Tỳ đa la già ngật lệ đảm**

VETĀLA-GAṆA KṚTĀM

264) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**

VIDYĀM CCHINDHA YĀMI

265) **Kê la dạ di. Bạt xà la ba nễ**

KĪLA YĀMI. VAJRAPĀṆI

266) **Cụ hê dạ cụ hê dạ**

GUHYA GUHYA (? dư chữ GUHYA)

267) **Ca địa bát đế ngật lệ đảm**

KA- ADHIPATI KṚTĀM (?chữ KA phải ở cuối câu trên là GUHYAKA)

268) **Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di**

VIDYĀM CCHINDHA YĀMI

269) **Kê la dạ di**

KĪLA YĀMI

270) **La xoa vông**

RAKṢA MĀM

271) **Bà già phạm**

BHAGAVAM

272) **Ấn thổ na mạ mạ tả**

INDHANA MAMAṢYA

Đến đây, y theo trước xung: “Đệ tử ( Họ tên... ) xin thọ trì”

IV\_HỘI THỨ TƯ:

273) **Bạc già phạm**

BHAGAVAM

274) **Tát đất đa bát đất la**

SITĀTAPATRA

275) **Nam mô Tốt đồ đế**

NAMOSTUTE

276) **A tát đa na la lật ca**

ASITA ANALA ARĀKAḤ

277) **Ba la bà tát phổ tra**

PRABHA SPHUṬA

278) **Tỳ ca tát đất đa bát đế lệ**

VIKACA SITĀTAPATREḤ

279) **Thập phạt la thập phạt la**

JVALA JVALA

280) **Đà la đà la**

DARA DARA

281) **Tần đà la tần đà la \_ sân đà sân đà**

VIDARA VIDARA\_ CCHINDA CCHINDA

282) **Hổ hồng**

HŪM

283) **Hổ hồng**

HŪM

284) **Phán tra**

PHAT

285) **Phán tra, phán tra, phán tra, phán tra, phán tra**

PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ  
 286) **Sa ha**  
 SVĀHĀ  
 287) **Hê hê phán**  
 HEHE PHAṬ  
 288) **A mâu ca gia phán**  
 AMOGHĀYA PHAṬ  
 289) **A ba la đề ha đa phán**  
 APRATIHAṬĀYA PHAṬ  
 290) **Bà la ba la đà phán**  
 VARA PRADĀYA PHAṬ  
 291) **A tổ la Tỳ đà la ba ca phát**  
 ASURA VIDARAPAKĀYA PHAṬ  
 292) **Tát bà đề bệ tộ phán**  
 SARVA DEVEBHYAḤ PHAṬ  
 293) **Tát bà na già tộ phán**  
 SARVA NĀGEBHYAḤ PHAṬ  
 294) **Tát bà được xoa tộ phán**  
 SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAṬ  
 295) **Tát bà càn đật bà tộ phán**  
 SARVA GANDHARVEBHYAṬ PHAṬ  
 296) **Tát bà bồ đàn na tộ phán**  
 SARVA PŪTANEBHYAḤ PHAṬ  
 297) **Ca tra bồ đàn na tộ phán**  
 KAṬAPŪTANEBHYAḤ PHAṬ  
 298) **Tát bà đột lang chỉ đế tộ phán**  
 SARVA DURLAṆGHYEBHYAḤ PHAṬ  
 299) **Tát bà đột sáp tỷ lê ngật sắt đế tộ phán**  
 SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAṬ  
 300) **Tát bà thập bà lê tộ phán**  
 SARVA JVAREBHYAḤ PHAṬ  
 301) **Tát bà a bá tát ma lê tộ phán**  
 SARVA APASMĀREBHYAḤ PHAṬ  
 302) **Tát bà xá la bà noa tộ phán**  
 SARVA ŚRAMAṆEBHYAḤ PHAṬ  
 303) **Tát bà địa đế kê tộ phán**  
 SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHAṬ  
 304) **Tát bà đất ma đà kê tộ phán**  
 SARVA UNMĀDEBHYAṬ PHAṬ  
 305) **Tát bà tỳ đà gia la thệ giá lê tộ phán**  
 SARVA-VIDYĀ-RĀJA-CĀRYEBHYAḤ PHAṬ  
 306) **Xà dạ yết la, ma độ yết la**  
 JAYA-KARA, MADHU-KARA  
 307) **Tát bà la tha sa đà kê tộ phán**  
 SARVĀRTHA-SĀDHANEBHYAḤ PHAṬ  
 308) **Tỳ đà dạ giá lê tộ phán**  
 VIDYĀ-CĀRYEBHYAḤ PHAṬ  
 309) **Giả đô la phộc kỳ nễ tộ phán**  
 CATUR-BHAGINĪBHYAḤ PHAṬ

- 310) **Bạt xà la câu ma li**  
VAJRA-KAUMĀRĪ
- 311) **Tỳ đà dạ la thệ tộ phán**  
VIDYĀ-RĀJEBHYAḤ PHAṬ
- 312) **Ma ha ba la đĩnh dương xoa kỳ li tộ phán**  
MAHĀ-PRATYUṆḠIREBHYAḤ PHAṬ
- 313) **Bạt xà la thương yết la dạ**  
VAJRA-ŚAṆKARĀYA
- 314) **Ba la trượng kỳ la xà gia phán**  
PRATYUṆḠIRA-RĀJĀYA PHAṬ
- 315) **Ma ha ca la dạ**  
MAHĀ-KĀLĀYA
- 316) **Ma ha mặt đất li ca noa**  
MAHĀ- MĀṬṬ-GAṆA
- 317) **Nam mô sa yết li đa dạ phán**  
NAMAḤSKRTĀYA PHAṬ
- 318) **Bí sắt noa tỳ duệ phán**  
VIṢṆAVĪYE PHAṬ
- 319) **Bột la ha mâu ni duệ phán**  
BRAHMĪNĪYE PHAṬ
- 320) **A kỳ ni duệ phán**  
AGNIYE PHAṬ
- 321) **Ma ha yết li duệ phán**  
MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ
- 322) **Yết la đàn trì duệ phán**  
KĀLA-DANḌĪYE PHAṬ
- 323) **Miệt đất li duệ phán**  
AINDRIYE PHAṬ
- 324) **Lạo đất li duệ phán**  
RAUDRĪYE PHAṬ
- 325) **Giá văn trà duệ phán**  
CAMUṆḌĪYE PHAṬ
- 326) **Yết la la đất li duệ phán**  
KĀLA-RĀTRĪYE PHAṬ
- 327) **Ca bát li duệ phán**  
KĀPALĪYE PHAṬ
- 328) **A địa mục chất đa thi ma xá na**  
ADHIMUKTOKA ŚMAŚĀNA
- 329) **Bà tư nễ duệ phán**  
VĀSINĪYE PHAṬ
- 330) **Diễn cát chất**  
YEKE CI (?chữ CI phải ở đầu câu bên dưới, để thành chữ CITTĀ)
- 331) **Tát đỏa bà tả**  
TTĀ- SATVAṢYA (?chữ TTA phải ở cuối câu trên, thành chữ CITTĀ)
- 332) **Ma ma**  
MAMA  
(ba câu 330, 331 và 332 phải ở đầu Hội Thứ Năm)
- Ấn thổ na mạ mạ tả**  
INDHANA MAMAṢYA

Đến câu này, y theo trước xưng: “Đệ tử ( Họ tên... ) xin thọ trì”

V\_HỘI THỨ NĂM:

333) **Đột sắt tra chất đa**

DUṢṬA-CITTĀ

334) **A mặt đất li chất đa**

AMAITRA-CITTĀ

335) **Ô xà ha ra**

ŪRJA AHĀRĀ

336) **Già bà ha la**

GARBHA AHĀRĀ

337) **Lô địa la ha la**

RUDHIRA AHĀRĀ

338) **Bà sa ha la**

VASĀ AHĀRĀ

339) **Ma xà ha la**

MAJJA AHĀRĀ

340) **Xà đa ha la**

JĀTA AHĀRĀ

341) **Thị tử đa ha la**

JĪVITA AHĀRĀ

342) **Bạt lược dạ ha la**

BALYA AHĀRĀ

343) **Kiền đà ha la**

GANDHA AHĀRĀ

344) **Bố sử ba ha la**

PUṢPA AHĀRĀ

345) **Phả la ha la**

PHALA AHĀRĀ

346) **Bà tả ha la**

SASYA AHĀRĀ

347) **Bát bà chất đa**

PĀPA-CITTĀ

348) **Đột sắt tra chất đa**

DUṢṬA-CITTĀ

349) **Lao đà la chất đa**

RAUDRA-CITTĀ

350) **Dược xoa yết la ha**

YAKṢA-GRAHĀ

351) **La sát sa yết la ha**

RĀKṢASA-GRAHĀ

352) **Bé lệ đa yết la ha**

PRETA-GRAHĀ

353) **Tỳ xá già yết la ha**

PIŚĀCA-GRAHĀ

354) **Bộ đa yết la ha**

BHŪTA-GRAHĀ

355) **Cru bàn trà yết la ha**

KUMBHĀṆḌA-GRAHĀ

- 356) **Tát kiên đà yết la ha**  
SKANDA-GRAHĀ
- 357) **Ô đát ma đà yết la ha**  
UNMĀDA-GRAHĀ
- 358) **Xa dạ yết la ha**  
CCHĀYĀ-GRAHĀ
- 359) **A bá tát ma la yết la ha**  
APASMĀRA-GRAHĀ
- 360) **Trạch khur cách trà kỳ ni yết la ha**  
ḌĀKA-ḌĀKINĪ-GRAHĀ
- 361) **Lị phật đế yết la ha**  
REVATĪ-GRAHĀ
- 362) **Xà di ca yết la ha**  
JAṄGHĪKĀ-GRAHĀ
- 363) **Xá câu ni yết la ha**  
ŚAKUNI-GRAHĀ
- 364) **Mụ đà la nan địa yết la ha**  
NANDĪKĀ-GRAHĀ
- 365) **A lam bà yết la ha**  
LAMBIKA-GRAHĀ
- 366) **Kiên độ ma ni yết la ha**  
KAṆṬAPĀṆĪ-GRAHĀ
- 367) **Thập phật la yên ca hê ca**  
JVARA EKĀHIKĀ
- 368) **Trụy đế dược ca**  
DVAITYAKĀ
- 369) **Đát Lệ Đế Dược Ca**  
TRETĪYAKĀ
- 370) **Giả Đột Thác Ca**  
CATURTHAKĀ
- 371) **Ni đề thập Phật la. Bí sam ma thập phật la**  
NITYĀ-JVARA VIṢAMA JVARA
- 372) **Bạc Để Ca**  
VĀTIKĀ
- 373) **Ty Để Ca**  
PAITTIKĀ
- 374) **Thất Lệ Sát mật ca**  
ŚLEṢMIKĀ
- 375) **Sa Nễ Bát Đế Ca**  
SAMNIPATIKĀ
- 376) **Tát Bà Thập Phật La**  
SARVA-JVARĀ
- 377) **Thất Lô cát đế**  
ŚĪRORTTI
- 378) **Mạt đà bộ đát lô chế kiếm**  
ARDHĀVABHADAKA
- 379) **A ỷ lô kiếm**  
AKṢI ROGAM
- 380) **Mục khur lô kiếm**



MUKHA ROGAM  
 381) **Yết Li Đột Lô** kiềm  
 HRDROGAM  
 382) **Yết La Ha yết Lam**  
 GRAHĀ ŚŪLAM  
 383) **Yết Noa Du lam**  
 𑀧𑀢𑀤𑀓  
 KARNA ŚŪLAM  
 384) **Đạn Đa Du Lam**  
 DANTA ŚŪLAM  
 385) **Hất li dạ du lam**  
 HRDAYA ŚŪLAM  
 386) **Mạt ma du lam**  
 MARMAN ŚŪLAM  
 387) **Bạt li thất bà du lam**  
 PĀRŚVA ŚŪLAM  
 388) **Bí Lật Sắt tra du lam**  
 PRṢṬA ŚŪLAM  
 389) **Ô đà la du lam**  
 UDARA ŚŪLAM  
 390) **Yết tri du lam**  
 KAṬI ŚŪLAM  
 391) **Bạt tất đế du lam**  
 VASTI ŚŪLAM  
 392) **Ô lô du lam**  
 ŪRU ŚŪLAM  
 393) **Thường già du lam**  
 JAMGHA ŚŪLAM  
 394) **Hạt tất đa du lam**  
 HASTA ŚŪLAM  
 395) **Bạt đà du lam**  
 PĀDA ŚŪLAM  
 396) **Sa phòng áng già bát la trượng già du lam**  
 SARVAGĀPRATYUNḠIRA ŚŪLAM  
 397) **Bộ đa bí đá trà**  
 BHŪTA VETĀLA  
 398) **Trà kỳ ni. Thập bà la**  
 DĀKINĪ JVARA  
 399) **Đà đột lô, ca kiến đột lộ, cát tri, bà lộ đà tỳ**  
 DATRŪ KAṆṬYU KIṬṬI BHAILOTĀVAI  
 400) **Tất bà lô ha, lãng già**  
 SARPALOHĀ LIṄGA  
 401) **Du sa đất la, bà na yết la**  
 ŚOṢATRĀ SAGARĀ  
 402) **Tỳ sa dụ ca**  
 VIṢAYOGA  
 403) **A kỳ ni, ô đà ca**  
 AGNI UDAKA

- 404) **Mạt la bệ la, kiến đá la**  
MARA-VELA-KĀNTĀRA
- 405) **A ca la mật lệ trụ , đốt đất liêm bộ ca**  
AKĀLA-MṚTYU TRAIMUKHA
- 406) **Địa lật lật tra**  
TRAILĀṬAKA
- 407) **Bí lệ sắt chất ca**  
VR̥ŚCIKA
- 408) **Tát bà, na câu la**  
SARPA NAKULA
- 409) **Tứ già, tộ yết la, Lệ dược xoa, đất la xô**  
SIMHA VYĀGHRA RIKṢA TARARIKṢA
- 410) **Mạt la, thị phê, đế sam tát bệ sam**  
CAMARA JIVIKA TEṢĀM SARVEṢĀM
- 411) **Tất đất đa bát đất la**  
SITĀTAPATRA
- 412) **Ma ha bạt xà lô sắt ni sam**  
MAHĀ-VAJRA-UṢṆĪṢAM
- 413) **Ma ha bát lạc trượng kỳ lam**  
MAHĀ-PRATYUṆGIRAM
- 414) **Dạ bà đột đà xá du xà na**  
YĀBA DVĀDAŚA-YOJANA
- 415) **Biện đất lệ noa**  
ABHYANTARĪṆA
- 416) **Tỳ đà bàn đàm ca lô di**  
VIDYA BANDHAM KARA-UMI
- 417) **Đế thù bàn đàm ca lô di**  
TEJA BANDHAM KARA-UMI
- 418) **Bát la tỳ đà bàn đàm ca lô di**  
PRAVIDYA BANDHAM KARA-UMI
- 419) **Đất điệt tha**  
TADYATHĀ:
- 420) **Án**  
OM
- 421) **A na lệ**  
ANALE
- 422) **Tỳ xá đề**  
VIŚUDDHE
- 423) **Bệ la bạt xà la đà lệ**  
VAIRA VAJRADHĀRI
- 424) **Bàn đà bàn đà nễ**  
BANDHA BANDHANI
- 425) **Bạt xà la báng ni phán**  
VAJRAPĀṆI PHAṬ
- 426) **Hổ hồng, đô lô ung, phán**  
HŪM ṬRŪM PHAṬ
- 427) **Sá bà ha**  
SVĀHĀ

\_Hết\_

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ  
(Bản Phổ Thông của Ngài Bát Lạt Mật Đê)

\*) Phục hồi và dịch nghĩa Phạm Văn: HUYỀN THANH

I. HỘI THỨ NHẤT :

नमो सत्यगतेय सुगतये सुकते सम्यक्सुतेय सत्यगते कोटिउशिसं  
NAMO STATHĀGATĀYA SUGATĀYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA STATHĀGATA KOṬI UṢŪSĀM

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác cùng với một ức (100 triệu) đỉnh kế tuyệt hảo của tất cả Như Lai

नमो सर्व बुद्धा बोधि-सत्वेभ्यः  
NAMAḤ SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVEBHYAḤ

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

नमो सप्तानाम सम्यक्सुते कोटिनम सारवाका  
NAMO SAPTĀNĀM SAMYAKSAMBUDDHA KOṬĪNĀM SAŚRĀVAKA  
SAMGHĀNĀM

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

नमो लोके अरहन्तानाम  
NAMO LOKE ARHANTĀNĀM

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

नमो स्रोतपन्नानाम  
NAMO SROTĀPANNĀNĀM

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

नमो सुकृतागमिनम  
NAMO SUKRTĀGĀMINĀM

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

[नमो अनगमिनम  
NAMO ANĀGĀMINĀM  
Quy mệnh Chúng Bất Hoàn Quả ]

नमो लोके सम्यगतानाम सम्यकप्रतिपन्नानाम  
NAMO LOKE SAMYAGGATĀNĀM SAMYAK-PRATIPANNĀNĀM

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và Chúng đạt bốn Hương trong Thế Gian

नमो देव रसिनम  
NAMO DEVA RŚĪNĀM

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

नमो सिद्धा-विद्या-धारा-रसिनम सपानु ग्राहा साहस्रा  
NAMO SIDDHA-VIDYĀ-DHĀRA-RŚĪNĀM ŚAPĀNU GRAHĀ SAHASRA  
MATHĀNĀM

Quy mệnh chúng Thành Tụ Trì Minh Tiên với chúng khéo hủy diệt hàng ngàn phiền não đáng ghét

नमो ब्रह्मणे  
NAMO BRAHMAṆE

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

नमो इन्द्राय  
NAMO INDRĀYA

Quy mệnh chúng Đê Thích Thiên

नमो भगवते रुद्राय उमापतिमहादेवे

NAMO BHAGAVATE RUDRĀYA UMĀPATĪ SAHEYĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyền thuộc

नमो भगवते नारायणाय पञ्चमहासुख महापुत्र नमस्तुते

NAMO BHAGAVATE NĀRĀYAṆĀYA PAṆCA-MAHĀ-MUDRA AKĀMA-PUTRA NAMASKRTĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

नमो भगवते महाकालाय त्रिपुर नगरे त्रिसुपमकाले महासुखे त्रिसुखे मृगम नमस्तुते

NAMO BHAGAVATE MAHĀ-KĀLĀYA TRIPURA-NAGARA VIDARAPANA-KĀRĀYA ADHIMUKTIKA ŚMA-ŚĀNA-VĀSINI MĀTRGAṆA NAMASKRTĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

नमो भगवते तथगतकुल्यै

NAMO BHAGAVATE TATHĀGATĀ-KULĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

नमो पद्मकुल्यै

NAMO PADMA-KULĀYA

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

नमो वज्रकुल्यै

NAMO VAJRA-KULĀYA

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

नमो मणिकुल्यै

NAMO MAṆI-KULĀYA

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

नमो गरजकुल्यै

NAMO GARJA-KULĀYA

Quy mệnh Khó Tàng Bộ Tộc

नमो भगवते द्रुहसुरस्यै चक्राय तस्यै तथगतकृत्यै मस्तुत्तुते

NAMO BHAGAVATE DRUHA-ŚURASENA-PRAHARAṆA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kịch Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अमिताभ्यै तथगतकृत्यै मस्तुत्तुते

NAMO BHAGAVATE AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अक्षय्यै तथगतकृत्यै मस्तुत्तुते

NAMO BHAGAVATE AKṢOBYĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

नमो भगवते अचलस्यै वैश्वे चक्र तस्यै तथगतकृत्यै मस्तुत्तुते

NAMO BHAGAVATE BHAÏSAIJA-GURU-VAIDURYA-PRABHA-  
RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính  
Đẳng Chính Giác

नमो भगवते संपुष्पितासैलद्राज्याय तथगताय स्याकंबुद्धाय

NAMO BHAGAVATE SAMPUSPĪTĀ-SĀLENDRA-RĀJĀYA  
TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính  
Đẳng Chính Giác

नमो भगवते शक्यमुनये तथगताय स्याकंबुद्धाय

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYA-MUNĀYE TATHĀGATĀYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính  
Giác

नमो भगवते रत्नकेतुस्य तथगताय स्याकंबुद्धाय

NAMO BHAGAVATE RATNA-KETU-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA  
ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính  
Giác

ॐ नमः

EBHYO NAMAḤSKRTVA

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

ॐ नमो भगवते स्तथागतायुनिषासितापत्राम नमः

IDĀM BHAGAVATE STATHĀGATA-USŪNĪṢA-SITĀTAPATRAM NAMAḤ

Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

स्वपरेण प्रत्युंगिरा

APARĀJITAM PRATYUNḠIRA

Ngài là Vô Năng Thắng Thâm Năng Điều Phục Mẫu

सर्वभूताग्राहानिग्राहकरि

SARVA BHŪTA GRAHĀ NIGRAHĀ KARĪM

Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

पराविद्याच्छेदन

PARAVIDYA CCHEDANA

Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

सर्वमृत्युप्रसमनकरि

AKĀLA-MṚTYU PRAŚAMANA KARĪM

Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời

सर्वबन्धनमुक्षय

SARVA BANDHANA MUKṢANA

Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

सर्वदुष्टदुःस्वप्ननिवारणमि

SARVA DUṢṬA DUḤ-SVAPNA NIVĀRANĪM

Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác

चतुरसृतिनामग्राहसाहस्रानामविध्वंसनकरि

CATUR-ASĪTĪNĀM GRAHĀ SAHASRĀNĀM VIDHVAMSANA KARĪM

Ngài hay tòi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

सर्वविघ्नान्नकुर्वन्नप्रसदनकरि

AṢṬA-VIMŚATĪNĀM NAKṢATRĀNĀM PRASĀDANA KARĪM

Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

ਸ੍ਰਸ਼੍ਟੰ ਮਨੁ ਗ੍ਰਹੰ ਭੁਕੰ ਸ੍ਰੀ ਕ੍ਰੀ

AṢṬANĀM MAHĀ-GRAHĀNĀM VIDHVAMŚANA KARĪM

Ngài hay tột hoại tám phiền não lớn

ਸ੍ਰ ਸ੍ਰੀ ਕ੍ਰ ਭੁਕੰ ਸ੍ਰੀ

SARVA ŚATRŪ NIVĀRANĪM

Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia

ਗੁਰੰ ਦੁਃਸੁਖੰ ਵਪਸ੍ਰੀ

GURĀM DUḤ-SVAPNANĀMCA NĀŚANĪM

Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu nặng nề

ਵਿਸ਼ਾ ਸਾਸ੍ਰਾ ਅਗਨਿ ਉਦਾਕਾ ਉਤ੍ਰਾਨੰ

VIṢA, ŚASTRA, AGNI, UDAKA UTTRANĪM

Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về : chất độc, dao gậy, lửa, nước...

ਸ੍ਰ ਪਾਰਾਗੁਰਾ

APARĀJITA AGURĀ

Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu

ਮਨੁ ਵਲੁ ਵਪਸ੍ਰੀ

MAHĀ-BALĀ-CANḌĀNĀM

Đại Lực Sân Nộ Mẫu

ਮਨੁ ਦੀਪ੍ਤੰ

MAHĀ-DĪPTĀM

Đại Uy Quang Mẫu

ਮਨੁ ਤੇਜੰ

MAHĀ-TEJĀM

Đại Uy Diệu Mẫu

ਮਨੁ ਸ਼ਿਵੰ ਭੁਵੰ

MAHĀ-ŚVETA-JVALA

Đại Bạch Quang Diễm Mẫu

ਮਨੁ ਵਲੁ ਪੰਡਾਰਾਵਸਿਨੰ

MAHĀ-BALĀ-PĀNḌARAVĀSINĪM

Đại Lực Bạch Y Mẫu

ਸ੍ਰ ਸ੍ਰੀ ਗੁਰਾ

ĀRYA-TĀRĀ

Thánh Cứu Độ Mẫu

ਸ੍ਰ ਭ੍ਰੁਕੁੰ

BHRKUTĪM

Phần Nộ Mẫu

ਸ੍ਰ ਵਯਸ੍ਰਿ ਸ੍ਰ ਵਜ੍ਰਾ ਮਾਲਤੀ ਵਿਸ੍ਰੁਤੰ

CIVA-VIJAYA-VAJRA-MĀLATI VIŚRŪTĀM

Phổ Mãn Tội Thắng Kim Cương Man Mẫu

ਪਦਮ ਸ੍ਰ ਗਮੰ

PADMA-AGMAM

Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu

ਵਯ੍ਰਾ ਜਿਹਵਾਕਾ

VAJRA-JIHVAKAḤ

Kim Cương Thiệt Mẫu

मल विवपरजः  
 MĀLA-CIVA-APARĀJITĀH  
 Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu  
 वज्र दण्डि विमलव  
 VAJRA-DANDI VIŚALAKA  
 Kim Cương Bông Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu  
 मिन व दण्ड पुजितः  
 ŚĀNTĀ-VAIDEHĀ-PŪJITĀH  
 Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Đường Mẫu  
 मधिरूप मन् शिव  
 SAUMI-RŪPA MAHĀ-ŚVETĀ  
 Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu  
 मण्ड गण्ड मन् वज्र  
 ĀRYA-TĀRĀ MAHĀ-BALĀH  
 Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu  
 मयि वज्र मिन विवः  
 APARA-VAJRA-ŚAṅKARA CIVAH  
 Tối Thượng Kim Cương Tòa Phổ Mãn Mẫu  
 वज्र कैमरे कुलवरी  
 VAJRA-KAUMĀRĪH KULANDHARĪ  
 Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu  
 वज्र कर्म  
 VAJRA-HASTAKA  
 Kim Cương Thủ Mẫu  
 विद्यु कल्प मन् विवः  
 VIDYA-KAMPANA-MĀLIKAH  
 Minh Chú Niệm Châu Mẫu  
 कुसुम्भ विव विव  
 KUSUMBHA-RATNA-CIVA  
 Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu  
 वीरोचन वदथ उशुष  
 VAIROCANA-CODĀRTHA-UṢṆĪṢA  
 Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu  
 विज्र मन् व वज्र  
 VIJRM BHA-MĀNADA-VAJRA  
 La Sát Thân Nữ Kim Cương Mẫu  
 कनक प्रभ ववः  
 KANAKA-PRABHĀ-LOCANĀH  
 Kim Quang Nhãn Mẫu  
 वज्र तुण्डिक  
 VAJRA-TUNḌĪKA  
 Kim Cương Chúc Mẫu  
 शिव क  
 ŚVETAKA  
 Bạch Sắc Mẫu  
 कमलक  
 KAMALĀKṢA





Đại Thiên Tý Mẫu

सहस्र शिख

SAHASRA-ŚIRŚAI

Thiên Đầu Mẫu

कोटी शत सहस्र नख

KOṬI-ŚATA-SAHASRĀ-NETRE

Úc Bách Thiên Nhân Mẫu

अभेद्या ज्वालि तनाटदका महा-वज्रोदरा

ABHEDYA-JVALI TANATADĀKA MAHĀ-VAJRODĀRA

Nội Diễm Cụ Chủng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu

त्रिभुवन मण्डल

TRIBHUVANA-MANḌALA

Tam Hữu Đàn Trường Mẫu

ॐ स्वस्त्यिर्वभवातु माम

OM SVASTIRBHAVATU MAMA

Hãy khiến cho chúng con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành

ॐ श्वन ममश्रु

INDHANA MAMAŚYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

### III. HỘI THỨ BA :

राजा भया

RĀJA BHAYA

Nạn vua chúa

कोरा भया

CORA BHAYA

Nạn giặc cướp

अग्नि भया

AGNI BHAYA

Nạn lửa thiêu đốt

उदाका भया

UDAKA BHAYA

Nạn nước cuốn trôi

विष भया

VIṢA BHAYA

Nạn thuốc độc

शस्त्र भया

ŚASTRA BHAYA

Nạn dao gậy

पराका भया

PARAKAKRA BHAYA

Nạn quân binh

दुर्भिक्षा भया

DURBHIKṢA BHAYA

Nạn đói khát

असानी भया

AŚANI BHAYA

Nạn mưa đá  
 𑀅𑀲𑀸𑀓 𑀮𑀸𑀢𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 AKĀLA-MṚTYU BHAYA  
 Nạn chết không đúng thời  
 𑀠𑀸𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 DHARAṆĪ BHŪMI-KAMPA BHAYA  
 Nạn động đất  
 𑀠𑀸𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 ULKOPĀTI BHAYA  
 Nạn trên đường đi nguy hiểm  
 𑀸𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 RĀJA-DANḌA BHAYA  
 Nạn bị hình phạt của vua chúa  
 𑀮𑀺𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 NĀGA BHAYA  
 Nạn do loài Rồng gây hại  
 𑀸𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 VIDYU BHAYA  
 Nạn sét đánh  
 𑀮𑀺𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 SUPARṆĪ BHAYA  
 Nạn do loài Kim Xí Điểu gây ra  
 𑀸𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 YAKṢA GRAHĀ  
 Hàng Dạ Xoa gây ra điều ma quái (Dạ Xoa Túy)  
 𑀸𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 RĀKṢASA GRAHĀ  
 Điều ma quái của hàng La Sát ( La Sát Túy)  
 𑀮𑀺𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 PRETA GRAHĀ  
 Ngạ Quỷ Túy  
 𑀮𑀺𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 PĪSĀCA GRAHĀ  
 Thục Huyết Nhục Quỷ Túy  
 𑀮𑀺𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 BHŪTA GRAHĀ  
 Hóa Sinh Quỷ Túy  
 𑀮𑀺𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 KUMBHAṆḌA GRAHĀ  
 Ung Hình Quỷ Túy  
 𑀮𑀺𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 PŪTANA GRAHĀ  
 Xú Quỷ Túy  
 𑀮𑀺𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺  
 KAṬA-PŪTANA GRAHĀ  
 Kỳ Xú Quỷ Túy  
 𑀮𑀺𑀮𑀺 𑀲𑀺𑀮𑀺

SKANDA GRAHĀ

Điều ma quái của loài Quỷ vẹo môi ( Thiên Thần Quỷ Túy)

ਸੁਖਸ਼ਰੁ ਗ੍ਰਹ

APASMĀRA GRAHĀ

Kiên Vong Quỷ Túy

ਭ੍ਰਮ ਚ ਗ੍ਰਹ

UNMĀDA GRAHĀ

Điên Cuồng Quỷ Túy

ਭਯ ਗ੍ਰਹ

CCHĀYĀ GRAHĀ

Ảnh Quỷ Túy

ਰੁਯ ਗ੍ਰਹ

REVATI GRAHĀ

Não Nhi Quỷ Quý

ਭ੍ਰਮੁ ਗ੍ਰਹ

ŪRJA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn tinh khí

ਗ੍ਰਹੁ ਗ੍ਰਹ

GARBHA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn bào thai

ਭ੍ਰਮੁ ਗ੍ਰਹ

RUDHIRA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn máu huyết

ਭ੍ਰਮੁ ਗ੍ਰਹ

MAMSA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn thịt

ਭ੍ਰਮੁ ਗ੍ਰਹ

MEDA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ

ਭ੍ਰਮੁ ਗ੍ਰਹ

MAJJA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn xương tủy

ਭ੍ਰਮੁ ਗ੍ਰਹ

JĀTA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn sinh khí

ਭ੍ਰਮੁ ਗ੍ਰਹ

JĪVITA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn Thọ Mệnh

ਭ੍ਰਮੁ ਗ੍ਰਹ

VĀNTA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn hơi thở ra vào

ਭ੍ਰਮੁ ਗ੍ਰਹ

VAŚA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ

ਭ੍ਰਮੁ ਗ੍ਰਹ

AŚUCYA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn thứ bất tịnh

विहङ्गः

CITTA AHĀRIṆYĀ

Loài ăn tâm thức

विहङ्गस्य विहङ्गः सर्वग्राहणं विद्यां च्छिन्द्यात्

TEṢĀM SARVEṢĀM SARVA-GRAHĀNĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế

परिव्रजकः विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

PARIBRĀJAKA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc Ngoại Đạo

दक्षिणः विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

DĀKṢIṆĪ KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu

महापशुपतिः रुद्रः विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

MAHĀ-PASUPATIYA, RUDRA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên

नारयणः विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

NĀRĀYAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

तट्वारुडः विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

TATVA GARUDA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điều

महाकालः मातृगणः विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

MAHĀ-KĀLA MĀTR-GAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

कपालकः विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

KĀPALIKA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

जयकारः मधुकारः सर्वार्थसाधना विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

JAYA-KARA MADHU-KARA SARVĀRTHA-SĀDHANA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tự Tất cả Nghĩa Lợi

चतुर्भगिणी विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

CATUR-BHAGINĪ KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

भ्रमगिरिका नन्दिश्वरः गणपतिः साहेयः विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

BHRMGIRIṬIKA NANDIKEŚVARA GAṆA-PATI SAHEYA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đẩu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyền thuộc của họ

नयः विहङ्गः विद्यां च्छिन्द्यात्

NAGNA-ŚRAMAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của nhóm Ngoại Đạo Lỗ Thê

नग्नश्रमणं कृतां विद्यां च्छिन्द्यामि किला यामि

ARHANTA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Sát Tặc

अरहन्तां कृतां विद्यां च्छिन्द्यामि किला यामि

VETĀLA-GAṆA KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của chúng Khởi Thi Quý

वेतालगणकृतां विद्यां च्छिन्द्यामि किला यामि

VAJRAPĀṆI-GUHYAKA-ADHIPATI KṚTĀM VIDYĀM CCHINDHA  
YĀMI, KĪLA YĀMI

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.

वज्रपानिगुह्याकाधिपतिं कृतां च्छिन्द्यामि किला यामि

RAKṢA RAKṢA MĀM\_ BHAGAVAM

Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con

ॐ रक्ष मम

INDHANA MAMAṢYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV. HỘI THỨ TU' :

भगवंतं (सगणपतये नमस्तुते

BHAGAVAM SITĀTAPATRA NAMOSTUTE

Quy mệnh kính lễ Bạch Tản Cái Thế Tôn

सितामाला अरका प्रभा स्पृष्टा विकारा  
सितामाला अरका प्रभा स्पृष्टा विकारा

ASITA ANALA ARĀKAḤ PRABHA SPHUṬA VIKACA  
SITĀTAPATREḤ\_ JVALA\_ JVALA\_ DARA\_ DARA\_ VIDARA\_ VIDARA\_  
CCHINDA\_ CCHINDA\_ HŪM\_ HŪM\_ \_ PHAṬ\_ PHAṬ\_ PHAṬ\_ PHAṬ\_ PHAṬ\_  
SVĀHĀ

**Asita anala arākaḥ prabha sphuṭa vikaca sitātapatreḥ jvala jvala:** Ngọn lửa linh thiêng màu trắng lóe ánh sáng thẳng tắp tròn đầy lóng lánh rực rỡ, là ánh lửa của Bạch Tản Cái phóng tỏa chiếu sáng

**Dara dara:** Giáng phục

**Vidara vidara:** Giáng phục khắp

**Cchinda cchinda:** Cắt đứt sự trói buộc bên trong và bên ngoài

**Hūm hūm:** Chủng tử chỉ sự khủng bố 2 chướng trong ngoài

**Phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ:** Phá bại Tham Sân Si Mạn Nghi

**Svāhā:** Quyết định thành tựu

हेहे फाट

HEHE PHAṬ

Hô Triệu phá bại

अमोघया फाट

AMOGHĀYA PHAṬ

Bất Không Thiên Sứ phá bại

अप्रतिहात्या फाट

APRATIHAṬĀYA PHAṬ

Phá bại không chướng ngại

VARA PRADĀYA PHAT

Nguyên ban cho phá bại

ASURA VIDARAPAKĀYA PHAT

Phá bại sự đốt cháy hủy hoại của A Tu La (Phi Thiên)

SARVA DEVEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả Thiên Chúng

SARVA NĀGEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Rồng

SARVA YAKṢEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa

SARVA GANDHARVEBHYAṬ PHAT

Phá bại tất cả chúng Càn Thát Bà ( Hương Thực Thần)

SARVA PŪTANEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ

KATĀPŪTANEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ

SARVA DURLAMGHYEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Ngộ Tướng Quá (kẻ có lỗi do tướng sai lầm)

SARVA DUṢPREKṢITEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá (kẻ có lỗi do nhìn thấy sai lầm)

SARVA JVAREBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quỷ

SARVA APASMĀREBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quỷ

SARVA ŚRAMAṆEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Trì Chủ

SARVA TĪRTHIKEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

SARVA UNMĀDEBHYAṬ PHAT

Phá bại tất cả chúng Điên Cuồng Quỷ

SARVA-VIDYĀ-RĀJA-CĀRYEBHYAḤ PHAT

Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh

ꠘꠞꠘꠞꠞ ꠘꠞꠘꠞꠞ ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞꠞꠞꠞꠞꠞꠞꠞ ꠞ

JAYA-KARA, MADHU-KARA, SARVĀRTHA-SĀDHANEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞ ꠞꠞ

VIDYĀ-CĀRYEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Minh Hạnh

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞ ꠞꠞ

CATUR-BHAGINĪBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞ ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞ ꠞꠞ

VAJRA-KAUMĀRĪ VIDYĀ-RĀJEBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Kim Cương Đòng Nữ Minh Vương

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞ ꠞꠞ

MAHĀ-PRATYUNḠIREBHYAḤ PHAṬ

Phá bại chúng Đại Điều Phục

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞ ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞ ꠞꠞꠞꠞ ꠞꠞ

VAJRA-ŚAṆKARĀYA PRATYUNḠIRA-RĀJĀYA PHAṬ

Phá bại hàng Kim Cương Tòa Điều Phục Vương

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞ ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞ ꠘꠞꠘꠞꠞꠞꠞꠞ ꠞꠞ

MAHĀ-KĀLĀYA MĀTR-GAṆA NAMAḤSKRTĀYA PHAṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Am Mẫu

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞ ꠞꠞ

VIṢṆAVĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Tỳ Nữu Mẫu Thiên

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞ ꠞꠞ

BRAHMĪNĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

ꠘꠞꠘꠞꠞ ꠞꠞ

AGNIYE PHAṬ

Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞ ꠞꠞ

MAHĀ-KĀLĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞ ꠞꠞ

KĀLA-DANḌĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Quý Súc Hắc Áo Thần Nữ

ꠘꠞꠘꠞꠞ ꠞꠞ

AINDRIYE PHAṬ

Phá bại hàng Đé Thích Thiên Nữ

ꠘꠞꠘꠞꠞ ꠞꠞ

RAUDRĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Phần Nộ Thần Nữ

ꠘꠞꠘꠞꠞ ꠞꠞ

CAMUNḌĪYE PHAṬ

Phá bại hàng Nộ Thần Nữ

ꠘꠞꠘꠞꠞꠞ ꠞꠞ

KĀLA-RĀTRĪYE PHAT  
Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ

कपालीय कल  
KĀPALĪYE PHAT

Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ

अधिमक्तोक श्मशाना वसिनीय कल  
ADHIMUKTOKA ŚMAŚĀNA-VĀSINĪYE PHAT

Phá bại hàng Âm Nữ vui thích ở gò mả và chôn hoang vắng

इधना ममस्य  
INDHANA MAMAŚYA

INDHANA MAMAŚYA

Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V. HỘI THỨ NĂM :

यक सि सत्स्य मम  
YEKE CITTĀ-SATVAŚYA MAMA

YEKE CITTĀ-SATVAŚYA MAMA

Phàm có chúng Hữu Tình khởi tâm đối với ta

दुष्ट सि स  
DUṢṬA-CITTĀ

DUṢṬA-CITTĀ

Tâm độc ác

अमित्र सि स  
AMAITRA-CITTĀ

AMAITRA-CITTĀ

Tâm không hiền lành

उरजा अहार  
ŪRJA AHĀRĀ

ŪRJA AHĀRĀ

Loài ăn tinh khí

गर्भा अहार  
GARBHA AHĀRĀ

GARBHA AHĀRĀ

Loài ăn bào thai

रुधिरा अहार  
RUDHIRA AHĀRĀ

RUDHIRA AHĀRĀ

Loài ăn máu huyết

वशा अहार  
VAŚA AHĀRĀ

VAŚA AHĀRĀ

Loài ăn thứ do sinh đẻ

मज्जा अहार  
MAJJA AHĀRĀ

MAJJA AHĀRĀ

Loài ăn Xương tủy

जाता अहार  
JĀTA AHĀRĀ

JĀTA AHĀRĀ

Loài ăn sinh khí

जीवित अहार  
JĪVITA AHĀRĀ

JĪVITA AHĀRĀ

Loài ăn thọ mệnh

बाल्या अहार  
BALYA AHĀRĀ

BALYA AHĀRĀ

Loài ăn sức lực

गर्भ अहार



GANDHA AHĀRĀ  
 Loài ăn mùi thơm  
 पुष्पक्षु  
 PUṢPA AHĀRĀ  
 Loài ăn bông hoa  
 फलक्षु  
 PHALA AHĀRĀ  
 Loài ăn quả trái  
 मृक्षु  
 SASYA AHĀRĀ  
 Loài ăn hạt giống  
 पपक्षु  
 PĀPA-CITTĀ  
 Tâm tội lỗi  
 दुष्टक्षु  
 DUṢṬA-CITTĀ  
 Tâm độc ác  
 ईदक्षु  
 RAUDRA-CITTĀ  
 Tâm giận dữ  
 अक्रयक्षु  
 YAKṢA-GRAHĀ  
 Dạ Xoa Túy  
 ऐक्षु  
 RĀKṢASA-GRAHĀ  
 La Sát Túy  
 अक्षु  
 PRETA-GRAHĀ  
 Nga Quỷ Túy  
 ऐक्षु  
 PĪSĀCA-GRAHĀ  
 Xí Trung Quỷ Túy  
 अक्षु  
 BHŪTA-GRAHĀ  
 Hóa Sinh Quỷ Túy  
 अक्षु  
 KUMBHĀṆDA-GRAHĀ  
 Ung Hình Quỷ Túy  
 अक्षु  
 SKANDA-GRAHĀ  
 Thiên Thần Quỷ Túy  
 अक्षु  
 UNMĀDA-GRAHĀ  
 Điên Cuồng Quỷ Túy  
 अक्षु  
 CCHĀYĀ-GRAHĀ  
 Ảnh Quỷ Túy

𑀧𑀺𑀢𑀺𑀧𑀺 𑀧𑀺𑀢  
 APASMĀRA-GRAHĀ  
 Kiện Vong Quỷ Túy  
 𑀧𑀺𑀢𑀺𑀧𑀺𑀢𑀺 𑀧𑀺𑀢  
 DĀKA-DĀKINĪ-GRAHĀ  
 Không Hành Quỷ Túy  
 𑀺𑀶𑀧 𑀧𑀺𑀢  
 REVATI-GRAHĀ  
 Nảo Nhi Quỷ Túy  
 𑀺𑀸𑀧𑀺𑀢 𑀧𑀺𑀢  
 JAṄGHĪKĀ-GRAHĀ  
 Như Linh Dương Quỷ Túy  
 𑀧𑀺𑀢𑀺𑀧 𑀧𑀺𑀢  
 ŚAKUNI-GRAHĀ  
 Điều Hình Quỷ Túy  
 𑀺𑀸𑀧𑀺𑀢 𑀧𑀺𑀢  
 NANDIKĀ-GRAHĀ  
 Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy  
 𑀸𑀸𑀧𑀺𑀢 𑀧𑀺𑀢  
 LAMBIKA-GRAHĀ  
 Như Kê Hình Quỷ Túy  
 𑀺𑀸𑀢𑀺𑀧 𑀧𑀺𑀢  
 KAṆṬAPĀNI-GRAHĀ  
 Loài ma của hàng quỷ có bàn tay đầy gai  
 𑀺𑀸𑀺  
 JVARA  
 Quỷ gây bệnh nóng sốt  
 𑀺𑀸𑀺𑀸𑀺  
 EKĀHIKĀ  
 Một ngày phát bệnh một lần  
 𑀺𑀸𑀺𑀸𑀺  
 DVAITYAKĀ  
 Hai ngày phát bệnh một lần  
 𑀺𑀸𑀺𑀸𑀺  
 TRETYAKĀ  
 Ba ngày phát bệnh một lần  
 𑀺𑀸𑀺𑀸𑀺  
 CATURTHAKĀ  
 Bốn ngày phát bệnh một lần  
 𑀸𑀸𑀺𑀸𑀺𑀺  
 NITYĀ-JVARA  
 Luôn luôn nóng sốt cao  
 𑀸𑀸𑀺𑀸𑀺𑀺  
 VIṢAMA JVARA  
 Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm  
 𑀺𑀸𑀺𑀸𑀺  
 VĀTIKĀ

Phong bệnh  
 पित्त  
 PAITTIKĀ  
 Bệnh vàng da  
 कृमि  
 ŚLEŚMIKĀ  
 Bệnh đàm rãi  
 सन्निपत्ति  
 SAMNIPATIKĀ  
 Bệnh do mọi thứ hòa hợp  
 सर्वज्वर  
 SARVA-JVARĀ  
 Tất cả bệnh nóng sốt  
 शिरः  
 ŚIRORTTI  
 Bệnh đau nhức đầu (Đầu thống)  
 अर्धशिरः  
 ARDHĀVABHADAKA  
 Bệnh đau nhức nửa đầu  
 अक्षि  
 AKṢI ROGAṀ  
 Bệnh đau mắt  
 मुख  
 MUKHA ROGAṀ  
 Bệnh đau miệng  
 शिरः  
 HRDROGAṀ  
 Bệnh đau toàn thể con người  
 ग्रह  
 GRAHĀ ŚŪLAṀ  
 Đau nhức do Ma Quỷ gây ra  
 कर्ण  
 KARNA ŚŪLAṀ  
 Đau tai  
 दन्त  
 DANTA ŚŪLAṀ  
 Bệnh đau răng  
 हृदय  
 HRDAYA ŚŪLAṀ  
 Đau tim  
 मर्म  
 MARMAN ŚŪLAṀ  
 Đau buốt xương  
 पार्श्व  
 PĀRŚVA ŚŪLAṀ  
 Đau hông sườn  
 पृष्ठा  
 PṚṢṬHĀ ŚŪLAṀ

PRṢṬA ŚŪLAM

Đau lưng

𑀧𑀲𑀭𑀸𑀓

UDARA ŚŪLAM

Đau bụng

𑀭𑀸𑀓

KAṬI ŚŪLAM

Đau eo lưng, đau mông đít

𑀶𑀸𑀓

VASTI ŚŪLAM

Đau mắt cá chân

𑀧𑀸𑀓

ŪRU ŚŪLAM

Đau bắp đùi

𑀸𑀶𑀓

JAMGHA ŚŪLAM

Đau ống chân

𑀶𑀸𑀓

HASTA ŚŪLAM

Đau bàn tay

𑀶𑀲𑀓

PĀDA ŚŪLAM

Đau bàn chân

𑀸𑀶𑀲𑀸𑀓

SARVAGĀPRATYUNḂIRA ŚŪLAM

Đau buốt tất cả chi thể trên thân không thể chữa khỏi

𑀸𑀶𑀲𑀸𑀓

BHŪTA VETĀLA

Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ

𑀶𑀸𑀓

DĀKINĪ

Không Hành Nữ

𑀶𑀸𑀓

JVARA

Nhọt do bị thiêu đốt

𑀶𑀲𑀓

DATRŪ

Nhọt do cùi hủi

𑀶𑀲𑀓

KANṬYU

Nhọt ghẻ mọc dày như gai

𑀶𑀸𑀓

KIṬṬI

Nhọt do dòi ăn , nhọt do ở bản

𑀶𑀸𑀓

BHAILOTĀVAI

Đinh Sang

सर्पलोह

SARPALOHĀ

Xâm Dâm Sang

लिङ्ग

LĪNGA

Xích Sang

शोषत्र

ŚOṢATRĀ

Nhọt do da khô nứt

सगर

SAGARĀ

Nhọt trĩ

विषय

VIṢAYOGA

Cổ Độc

अग्नि

AGNI

Lửa

उदक

UDAKA

Nước

मरुवेला कान्तारा

MARA-VELA-KĀNTĀRA

Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)

अकाल मृत्यु

AKĀLA-MṚTYU

Chết yếu không đúng thời

त्रिमूक

TRAIMUKHA

Loài trùng có 3 cái miệng

त्रिलोक

TRAILĀṬAKA

Một loài mòng

वृषिक

VRŚCIKA

Bò cạp

सर्प

SARPA

Raén

नकुल

NAKULA

Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn

सिंह

SIMHA

Sư tử

व्याघ्र

VYĀGHRA

Cọp  
𑖜𑖚𑖛

RIKṢA  
Gấu ngựa

𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛  
TARARIKṢA  
Gấu heo

𑖜𑖚𑖛  
CAMARA  
Loài bò Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛  
JIVIKA  
Loài sống dưới nước

𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛  
TEṢĀM SARVEṢĀM\_ SITĀTAPATRA MAHĀ-VAJRA-UṢŪNĪṢAM MAHĀ-PRATYUṆḂIRAM

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tản Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan

𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛  
YĀBA DVĀDAŚA-YOJANA ABHYANTARĪṆA

Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛  
VIDYA BANDHAM KARA-UMI

Tôi kết buộc Minh Chú

𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛  
TEJA BANDHAM KARA-UMI

Tôi kết buộc nhóm ánh sáng

𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛  
PRAVIDYA BANDHAM KARA-UMI

Tôi kết buộc Năng Thắng Minh

𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛  
𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛𑖜𑖚𑖛

\_ TADYATHĀ: OM\_ ANALE VIŚUDDHE\_ VAIRA VAJRADHĀRI\_ BANDHA BANDHANI\_ VAJRAPĀṆI PHAT\_ HŪṀ TṚŪṀ PHAT\_ SVĀHĀ

Tadyathā: Liền nói Chú là

Anale: Ngọn lửa linh thiêng, năng lực siêu phàm

Viśuddhe: Khiến cho thanh tịnh

Vaira: Sự chống lại, dũng cảm, có năng lực khác thường

Vajradhāri: Trì Kim Cương

Bandha: Cột trói, cột buộc

Bandhani: Cột trói

Vajrapāṇi: Kim Cương Thủ

Phat: Phá bại

HūṀ: Chủng tử biểu thị cho Tâm Bò Đê

TṚūṀ: Chủng tử biểu thị cho nghĩa Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp xa lìa bụi

dơ kiêu mạn

Phat: Phá bại

**Svāhā:** Quyết định thành tựu

Hiệu chỉnh lại chỗ sai sót xong vào ngày 10/02/2013

**ĐẠI PHẬT ĐÌNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ**  
(Dựa theo Bài Chú Lăng Nghiêm phổ thông của Ngài Bát Lạt Mật Đê)

Việt dịch: HUYỀN THANH

**I\_ HỘI THỨ NHẤT:**

Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác cùng với một ức (100 triệu) đình kế tuyệt hảo của tất cả Như Lai

Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

Quy mệnh chúng Bát Hoàn Quả

Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và chúng đạt bốn Hương trong Thế Gian

Quy mệnh chúng Thiên Tiên

Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng khéo hủy diệt hàng ngàn phiền não đáng ghét

Quy mệnh chúng Phạm Thiên

Quy mệnh chúng Đê Thích Thiên

Quy mệnh Thế Tôn Tự Tại Thiên, Ô Ma Phi với hàng quyến thuộc

Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở gò mả là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

Quy mệnh Khó Tàng Bộ Tộc

Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kích Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Quy mệnh Thế Tôn Bảo Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

\_ Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này  
 Ngài là Vô Năng Thắng Thập Năng Điều Phục Mẫu  
 Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não  
 Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác  
 Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời  
 Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc  
 Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác  
 Ngài hay tột hoại tám mươi bốn ngàn phiền não  
 Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ  
 Ngài hay tột hoại tám phiền não lớn  
 Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia  
 Ngài hay cứu thoát mọi tai nạn về: chất độc, dao gậy, lửa, nước...  
 \_ Ngài hay khiến cho tất cả Ấn Chúng  
 Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu  
 Đại Lực Sân Nộ Mẫu  
 Đại Uy Quang Mẫu  
 Đại Uy Diệu Mẫu  
 Đại Bạch Quang Diễm Mẫu  
 Đại Lực Bạch Y Mẫu  
 Thánh Cứu Độ Mẫu  
 Phần Nộ Mẫu  
 Phổ Mãn Tội Thắng Kim Cương Man Mẫu  
 Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu  
 Kim Cương Thiệt Mẫu  
 An Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng Mẫu  
 Kim Cương Bông Thiên Thần Lực Sĩ Mẫu  
 Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng Dường Mẫu  
 Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch Mẫu  
 Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu  
 Tội Thượng Kim Cương Tỏa Phổ Mãn Mẫu  
 Kim Cương Đồng Nữ Trì Tính Nữ Mẫu  
 Minh Chú Niệm Châu Mẫu  
 Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu  
 Biến Chiếu Thắng Nghĩa Lợi Đỉnh Kế Mẫu  
 La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu  
 Kim Quang Nhân Mẫu  
 Kim Cương Chúc Mẫu  
 Bạch Sắc Mẫu  
 Liên Hoa Nhân Mẫu  
 Nguyệt Quang Mẫu  
 Hết thấy Ấn Chúng như vậy hãy ủng hộ , thủ hộ cho chúng con  
 \_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

## **II \_ HỘI THỨ HAI :**

Quy mệnh chúng tử HÙM, TỜ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế

Với HÙM TRÙM thường nghiền nát mọi nghiệp tội  
 Với HÙM TRÙM thường uy trấn hộ trì thân căn  
 Với HÙM TRÙM thường hoàn thiện các Minh Chú khác



Với HÙM TRÙM thường tôi hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não  
Với HÙM TRÙM thường tôi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não  
Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh  
\_ Hỡi Đức Thế Tôn! Ngài là Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu, Điều Phục Mẫu,  
Đại Thiên Tý Mẫu, Thiên Đầu Mẫu, Úc Bách Thiên Nhân Mẫu, Nội Diễm Cụ Chúng  
Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu, Tam Hữu Đàn Trường Mẫu  
Hãy khiến cho chúng con đạt được sự phồn vinh thịnh vượng tốt lành  
\_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

### III \_ HỘI THỨ BA:

Phàm có các tai nạn gây ra từ: vua chúa, giặc cướp, lửa, nước, chất độc, dao gậy,  
quân binh, đói khát, sấm sét, chết yểu không đúng thời, động đất, sao băng, hình phạt  
của phép vua, rồng độc, sét đánh, Kim Xí Điều...

Lại có các loài gây ra sự phiền não như: Dạ Xoa, La Sát, Quỷ đói, Quỷ ăn máu  
thịt, Quỷ Hoá Sinh, Quỷ có hình ung nhọt, Quỷ hôi thối, Quỷ hôi thối lạ kỳ, Quỷ veo  
môi, Quỷ Kiện Vong, Quỷ điên cuồng, Quỷ hợp bóng (Ảnh Quỷ), Quỷ hại trẻ con, loài  
ăn tinh khí, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn cây cỏ có chất như mỡ, loài ăn xương  
tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn hơi thở ra vào, loài ăn thứ sinh đẻ, loài  
ăn thứ bất tịnh, loài ăn tâm thức

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được tất cả loài như thế  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của tất cả loài gây phiền não  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của bọn giặc Ngoại Đạo  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Không Hành Mẫu  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của Na La Diên Thiên  
Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của loài Kim Xí Điều  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ  
Mẫu

Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành  
Tự Tất cả Nghĩa Lợi  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của bốn chị em Thần Nữ  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Đẩu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại  
Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyến thuộc của họ  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của nhóm Ngoại Đạo Lỏa Thế  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Sát Tặc  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của chúng Khởi Thi Quỷ  
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.  
Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con  
\_ Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

### IV \_ HỘI THỨ TƯ:

Cúi đầu con quy mệnh  
**Bạch Tản Cái Thế Tôn**  
Hào quang lửa tròn đầy  
Màu trắng tinh rực rỡ  
Ánh sáng Bạch Tản Cái  
Phóng tỏa khắp muôn nơi  
Giáng phục, giáng phục khắp

Cắt đứt mọi trói buộc  
 Khủng bố trừ hai Chương  
 Phá bại Tham, Sên, Si  
 Cùng phá bại Mạn, Nghi  
 Thành tựu sự cát tường  
 \_ Nay hô triệu phá bại  
 Hàng Bất Không Thiên Sứ  
 Phá bại không chương ngại  
 Nguyên ban cho phá bại  
 Phá bại sự phá hoại của A Tu La  
 Phá bại tất cả Thiên Chúng  
 Phá bại tất cả Chúng Rồng  
 Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa  
 Phá bại tất cả chúng Hương Thực Thần  
 Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối  
 Phá bại tất cả chúng Quỷ hôi thối lạ kỳ  
 Phá bại tất cả chúng có lỗi do tưởng sai lầm (Ngộ Tường Quá)  
 Phá bại tất cả chúng có lỗi do nhìn thấy sai lệch (Ngộ Kiến Quá)  
 Phá bại tất cả chúng Quỷ gây bệnh nóng sốt  
 Phá bại tất cả chúng Quỷ Kiện Vong  
 Phá bại tất cả chúng Trì Chú  
 Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo  
 Phá bại tất cả chúng Quỷ Hóa Sinh (Chúng Bộ Đa)  
 Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh  
 Phá bại tất cả chúng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tựu tất cả Nghĩa Lợi  
 Phá bại tất cả chúng Minh Hạnh (Trì Chú Bác Sĩ)  
 Phá bại chúng của bốn chị em Thần Nữ  
 Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ Minh Vương  
 Phá bại chúng Đại Điều Phục  
 Phá bại hàng Kim Cương Tòa Điều Phục Vương  
 Phá bại Đại Hắc Thiên nơi kính lễ của chúng Đại Quỷ Mẫu  
 Phá bại hàng Tỳ Nữ Thiên Phi  
 Phá bại hàng Phạm Thiên Phi  
 Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi  
 Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi  
 Phá bại hàng Quỷ Súc Hắc Áo Thần Nữ  
 Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ  
 Phá bại hàng Phần Nộ Thần Nữ  
 Phá bại hàng Sân Nộ Thần Nữ  
 Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ  
 Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ  
 Phá bại chúng Nữ Quỷ vui thích cư ngụ ở gò mả  
 \_ Nguyên hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

#### **V \_ HỘI THỨ NĂM:**

Phàm có Hữu Tình đối với ta khởi tâm độc ác, tâm không hiền lành  
 Lại có các loài gây nhiễu hại như: loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu  
 huyết, loài ăn thứ sinh dề, loài ăn xương tủy, loài ăn sinh khí, loài ăn thọ mệnh, loài ăn

sức lực, loài ăn mùi thơm, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn hạt giống, loài có tâm tội lỗi, loài có tâm độc ác, loài có tâm phần nộ.

Lại có nhóm ma của hàng Dạ Xoa, nhóm ma của hàng La Sát, nhóm ma của loài Quỷ đói, nhóm ma của Quỷ ở nhà xí, nhóm ma của Quỷ Hóa Sinh, nhóm ma của Quỷ có hình ung nhọt, nhóm ma của Quỷ vẹo môi, nhóm ma của Quỷ điên cuồng, nhóm ma của Ảnh Quỷ, nhóm ma của Quỷ Kiện Vong, nhóm ma của Không Hành Nam và Không Hành Nữ, nhóm ma của Quỷ hại trẻ con, nhóm ma của Quỷ có hình như con Linh Dương, nhóm ma của Quỷ có hình con chim, nhóm ma của Quỷ có hình Gia Cầm, nhóm ma của Quỷ có hình con gà, nhóm ma của Quỷ có bàn tay đầy gai.

Lại có Quỷ gây bệnh sốt rét: một ngày phát một lần, hai ngày phát một lần, ba ngày phát một lần, bốn ngày phát một lần, thường nóng sốt cao

Lại có các thứ bệnh như: nóng sốt cao, nhiễm gió (Phong bệnh), vàng da, đàm rãi, bệnh do mọi thứ hòa hợp, tất cả bệnh nhiệt, đau đầu, đau nhức nửa đầu, đau mắt, đau miệng, đau toàn thân, đau nhức do Ma Quỷ gây ra, đau tai, đau răng, đau tim, đau buốt đốt xương, đau hông sườn, đau lưng, đau bụng, đau eo lưng, đau xương mắt cá chân, đau bắp đùi, đau ống chân, đau bàn tay, đau bàn chân, đau buốt tất cả chi tiết...

Lại có loài Bộ Đa, Khởi Thi Quỷ, Không Hành Nữ với các loại ung nhọt như : nhọt do bị thiêu đốt, nhọt do bị cùi hủi, nhọt ghẻ dày như gai, nhọt dờn ăn (Tri Thủ Sang), Đinh Sang, Xâm Dâm Sang, Xích Sang, nhọt do da khô nứt, nhọt trĩ...

Lại có tai nạn phát sinh do Cổ Độc, lửa, nước, vườn rừng gây sự chết chóc, chết yểu không đúng thời, loài trùng Traimukha, loài mòng Trailātaka, Bò Cạp, rắn, chồn dữ, sư tử, cọp, gấu heo, gấu ngựa, loài trâu Yak, loài sông dưới nước...

Tất cả tai nạn bệnh tật như trên, dùng Bạch Tán Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho chúng tự nhiên lui tan. Trong vòng 12 Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

Nay Ta kết Minh Chú

Ta kết nhóm Ánh Sáng (Quang Tụ)

Kết buộc Năng Thắng Minh

Liền nói Thần Chú là:

**Om, a na lê, vi xút đê, vai ra va-di ra đa ri , ban đa, ban đa ni, va-di ra pa ni, phạt, hùm, tờ-ru-um, phạt, sờ-va ha.**

16/ 01/2002

## CÔNG ĐỨC CỦA BÀI CHÚ LĂNG NGHIÊM

(Trích trong Kinh Lăng Nghiêm, quyển 7)

\_ Chú Lăng Nghiêm hay bài Chú **Phật Đỉnh Quang Tụ Tất Đát Đa Bát Đát La** hàm chứa những vần thơ bí mật, những câu văn vi diệu. Là nguyên nhân sinh ra tất cả chư Phật trong mười phương

\_ Mười phương Như Lai do Tâm Chú này mà được thành Vô Thượng Chính Biến Tri Giác (hay quả vị Toàn Giác)

\_ Mười phương Như Lai trì Tâm Chú này mà hàng phục được các Tà Ma, Ngoại Đạo

\_ Mười phương Như Lai dùng Tâm Chú này làm xe sen báu để đi ứng hóa nơi vô số Quốc Độ

\_ Mười phương Như Lai dùng Tâm Chú này để chuyển bánh xe Đại Pháp trong vô số Quốc Độ

\_ Mười phương Như Lai trì Tâm Chú này nên hay xoa đầu thọ ký cho các hàng Bồ Tát, Thanh Văn và những người chưa chứng Quả Vị ở khắp mười phương

\_ Mười phương Như Lai y theo Tâm Chú này mà cứu vớt tất cả Chúng Sinh ở khắp mười phương thoát khỏi mọi sự khổ não của Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, đui, điếc, câm, ngọng, 8 điều khổ đồng thời giải thoát các ách nạn: Giặc cướp, binh đao, phép vua, tù ngục, bão lụt, lửa, nước, đói khát, nghèo nàn...

\_ Mười phương Như Lai tùy theo Tâm Chú này mà đi khắp mười phương để phụng sự các bậc Thiện Tri Thức. Trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm ngồi đều được như ý cúng dường vô lượng vô số chư Phật. Ở trong Pháp Hội của Như Lai đều được suy tôn là Đại Pháp Vương Tử.

\_ Mười phương Như Lai thực hành Tâm Chú này mà hay đi khắp mười phương để nhiếp thọ những người có nhân duyên và khiến cho hàng Tiểu Thừa nghe thấy Bí Tạng, chẳng sinh lòng khiếp sợ

\_ Mười phương Như Lai tụng Tâm Chú này mà ngồi dưới gốc cây Bồ Đề thành tựu Đạo Vô Thượng Giác cho đến khi vào Đại Niết Bàn

\_ Mười phương Như Lai truyền lại Tâm Chú này để sau khi diệt độ, phó chúc Pháp Phật cho người sau giữ gìn được đến nơi đến chốn cùng tột và đều giữ gìn trong sạch những Giới Luật nghiêm tịnh.

\_ Nếu có ai ngộ nhập vào những chữ những câu trong Tâm Chú Lăng Nghiêm thì mới biết tất cả chúng Hữu Tình và Vô Tình cũng thường nói Chú này. Do đó Chú này còn gọi là **Như Lai Đỉnh**.

# CÔNG NĂNG CỦA THẦN CHỦ THỦ LĂNG NGHIÊM

(Trích trong Kinh Lăng Nghiêm, quyển 7)

Như hàng Hữu Học chưa thoát khỏi Luân Hồi, có Tâm chí thành cầu tu chứng quả vị A La Hán. Nếu ở trong Đạo Trường, không trì bài Chú này thì thân tâm của Hành Giả khó có thể tránh thoát khỏi được sự quấy nhiễu của Tà Ma.

Nếu có chúng sinh tùy theo vật dụng có được trong nước mình cư ngụ như : Vỏ cây hoa, lá cây Bối, giấy trắng, nhung trắng... đem viết bài Chú này vào rồi đựng trong một cái túi thơm. Như người ấy ngu muội chẳng thể tụng nhớ được thì đeo ở trên thân mình hoặc để trong nhà thì trọn đời người ấy chẳng bị các thứ độc làm hại.

Bài Chú Lăng Nghiêm hay cứu chúng sinh thoát khỏi mọi sự sợ hãi và giúp cho chúng sinh tu thành Trí Tuệ xuất Thế Gian.

Trong thời Mật Pháp. Nếu có người trì tụng hoặc dạy người khác trì tụng Thần Chú Lăng Nghiêm thì kẻ ấy không bị các nạn: Lửa đốt, nước cuốn trôi, độc hại... cho đến tất cả Chú Ngũ độc ác của các hàng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Yêu Tinh, Ma, My... đều chẳng thể hại được. Khi trì tụng bài Chú này mà Tâm được chính định rồi thì hết thảy mọi thứ bùa chú, nọc độc, thuốc độc, các hơi độc ở vàng, bạc, cỏ cây, rắn, rết, sâu bọ và các loài khác ... nếu lọt vào trong miệng người ấy cũng đều hóa thành vị Cam Lộ. Tất cả các vị Hung Tinh, Ác Quỷ, Ác Thần dù có Tâm ác hãm hại người cũng không dám khởi Tâm làm hại Người Trì Chú ấy. Các loài Tàn Na Dạ Ca và chúa Quỷ ác cùng với quyến thuộc đã thọ ân sâu của Phật Pháp thường đến ủng hộ những người trì tụng Chú ấy.

Bài Chú Lăng Nghiêm thường có tám vạn bốn ngàn vô số Chúng Tộc Bồ Tát Kim Cương Tạng Vương, mỗi mỗi vị đều có quyến thuộc ngày đêm hộ vệ. Nếu có chúng sinh, Tâm còn tán loạn chẳng thể vào Tam Ma Địa được mà kẻ ấy: Tâm trì, miệng tụng bài Chú Lăng Nghiêm thì các vị Kim Cương thường theo ủng hộ kẻ ấy hướng chỉ là người có Tâm quyết định vào Đạo Bồ Đề. Các vị Kim Cương này thường đem sức thần ủng hộ khiến cho người ấy tinh tiến thân tâm, phát khởi Thần Thức, ngay đó nhớ lại những việc từ tám vạn bốn ngàn hằng hà sa số kiếp cho đến nay, mỗi mỗi đều rõ ràng, chẳng có nghi hoặc. Kể từ lúc mới tu học là Kiếp thứ nhất cho đến khi thành Phật là Kiếp cuối cùng, dù phải trải qua bao nhiêu Kiếp nữa thì chẳng khi nào phải sinh làm Quỷ Dạ Xoa, Quỷ La Sát, Quỷ bệnh tật, Quỷ ung thối, Quỷ Yểm My, Quỷ hút tinh khí, cùng các loài Ngạ Quỷ có hình vô hình, có tướng vô tướng và những xứ ác độc.

Bậc Thiện Trì Thức ấy hoặc đọc tụng hoặc đeo giữ và cúng dường Tâm Chú này thì kiếp kiếp chẳng sinh vào những chốn nghèo nàn hèn hạ và những nơi chẳng an lành. Các chúng sinh này dù cho tự thân chẳng làm Phước Nghiệp thì mười phương Như Lai cũng ban công đức cho họ, do đó trong vô số kiếp thường sinh đồng một chỗ với chư Phật, liên kết chặt chẽ vô lượng vô số công đức để cùng tu tập tại một nơi với nhau. Cho nên Tâm Chú này khiến cho người đã Phá Giới lại được Giới Căn trong sạch, người chưa đắc Giới khiến cho đắc Giới, người chưa tinh tiến khiến cho tinh tiến, người không có Trí Tuệ khiến cho được Trí Tuệ, người chẳng thanh tịnh khiến cho mau chóng thanh tịnh, người chưa giữ được Trai Giới khiến cho giữ được Trai Giới.

Kẻ Thiện Nam Tử ấy. Giả sử trước kia có phạm Giới Cấm thì sau khi trì Chú, các tội Phá Giới chẳng kể nặng nhẹ đều được tiêu diệt. Dù cho đã uống rượu, ăn ngũ tân và các thứ Bất Tịnh thì tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cương, Thiên Tiên, Quỷ Thần cũng chẳng cho là có lỗi mà bắt tội nữa. Dù có mặc quần áo rách rưới bẩn thỉu, khi đi đứng trì niệm Thần Chú cũng vẫn được coi như người thanh tịnh. Dù chẳng lập Đàn, chẳng vào Đạo Trường cũng chẳng hành Đạo mà trì tụng Chú này thì cũng được công đức đầy đủ như là người lập Đạo Trường hành Đạo.

Nếu những kẻ trước kia đã tạo ra năm tội Nghịch và cái tội nặng đáng đọa vào Địa Ngục Vô Gián, hoặc các Tăng Ni đã phạm tội Tứ Khí, Bát Khí, tuy trong các đời trước chưa kịp sám hối. Nay biết đọc tụng, biên chép bài Chú này, đeo giữ trên mình hoặc để ở nơi cư ngụ thì những Nghiệp tích chứa từ trước đều tiêu tan hết, chẳng bao lâu sẽ được Vô Sinh Nhân.

Như người phụ nữ chưa có con. Nếu muốn cầu con mà hay chí Tâm tưởng niệm hoặc đeo Chú này thì sẽ sinh được những đứa con trai, con gái có phước đức Trí Tuệ. Kẻ nào cầu sống lâu được sống lâu, cầu Phước Báo được Phước Báo, cho đến cầu thân thể xinh đẹp khỏe mạnh sẽ đều được như thế. Sau khi chết, tùy Nguyên vãng sinh trong mười phương Quốc Độ, chắc chắn chẳng sinh vào nơi biên địa, giòng tộc hạ tiện và không phải mang những thân hình uế tạp.

Nếu có các Quốc Độ, châu huyện, làng xóm bị nạn đói kém, ôn dịch hoặc những nơi bị binh loạn, giặc cướp đánh nhau và tất cả những nơi có tai nạn khác... thì cứ viết bài Chú này dán ở bốn cửa thành, các Tháp Miếu hoặc viết lên ngọn cờ, cây phướng và khiến chúng sinh nơi ấy thừa phụng bài Chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường đồng thời khiến mỗi người dân đeo bài Chú trên mình hoặc để ở nơi cư ngụ thì tất cả tai nạn thầy đều tiêu diệt.

Nếu có chúng ở các Quốc Độ. Hễ chỗ nào có bài Chú này thì Trời Rộng vui mừng, mưa gió thuận hòa, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui. Những tai chướng do tất cả Ác Tinh biến quái ở mọi nơi đều chẳng thể sinh khởi, người chẳng chết yểu, gông cùm xiềng xích chẳng dính vào thân, ngày đêm ngủ yên thường chẳng gặp mộng ác.

Cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến do Ác Tinh, do 28 Ác Tinh làm Thượng Thủ. Lại có 8 Đại Ác Tinh làm chủ hay xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng hay gây các tai họa kỳ lạ cho chúng sinh, hễ có bài Chú này thì hết thầy đều bị tiêu diệt. Trong phạm vi 12 Do Tuần, các tai biến hung dữ trọng chẳng thể xâm phạm

Đức Như Lai nói bài Chú này để bảo hộ cho người tu hành mới vào Đạo trong khi tu Thiên Định, thân tâm được thư thái an ổn không bị những Tà Ma, Quỷ Thần, Tiền Oan Nghiệp Chướng, nợ nần tích lũy từ đời vô thủy đến quấy phá hãm hại.

Nếu người tu hành y theo Pháp, Trì Giới trong Đạo Trường lại được vị Thầy Truyền Giới trong sạch. Đối với Tâm Chú này chẳng sinh nghi hoặc thì ngay tại thân máu thịt do cha mẹ sinh này sẽ được Tâm sáng suốt. Nếu chẳng được như vậy thì mười phương Như Lai đều nói lời hư vọng.

## HỘI PHÁP CỦA THẦN CHÚ LĂNG NGHIÊM

(Trích trong Kinh Lăng Nghiêm, Quyển 7)

Bấy giờ trong Hội có vô số trăm ngàn vị Kim Cương đều chấp tay đảnh lễ Đức Phật và bạch rằng: “Nhu lời Phật dạy, chúng con xin thành tâm bảo hộ người tu Đạo Bồ Đề”

Khi ấy Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương cũng cùng nhau đảnh lễ Đức Phật và bạch rằng: “Nếu có người Thiện Nhân tu học như thế thì chúng con xin hết lòng chí thành bảo hộ khiến cho suốt đời người ấy tu hành đều được như nguyện”

Lại có vô số vị Dược Xoa Đại Tướng, các chúa Quỷ La Sát, chúa Quỷ Phú Đan Na, chúa Quỷ Cru Bàn Trà, chúa Quỷ Tỳ Xá Già, Sứ Giả Tần Na Dạ Ca và các Quỷ Sứ đều chấp tay đảnh lễ Đức Phật và bạch rằng: “Chúng con thề nguyện hộ trì cho người tu hành ấy khiến cho mau chóng được viên mãn Tâm Bồ Đề”

Lại có vô số vị Thiên Tử ở Nhật Cung và Nguyệt Cung, các vị Thần Gió, Thần mưa, Thần sấm, Thần chớp, các vị Tuần Quan Đương Niên và những quyền thuộc của các vị sao cũng ở trong Hội ấy cùng nhau đảnh lễ dưới chân Đức Phật và bạch rằng:” Chúng con cũng xin bảo hộ người tu hành ấy lập được Đạo Trường yên ổn không phải sợ hãi gì”

Lại có vô số vị Thần núi, Thần biển, Thần Thổ Địa, Thần dưới nước, Thần trên cạn, Thần trên sông, các Thần làm chủ mọi vật khác, cả Thần gió và cõi Trời Vô Sắc cũng đảnh lễ dưới chân Đức Phật và bạch rằng: “Chúng con cũng xin bảo vệ người tu hành ấy được thành Đạo Bồ Đề, không bao giờ có những sự Tà Ma”

Khi ấy tám vạn bốn ngàn ức hàng hà sa số Bồ Tát Kim Cương Tạng Vương cùng ở trong Đại Hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Đức Phật và bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Như chúng con đã tu thành Bồ Đề từ lâu nhưng chẳng thủ chứng Niết Bàn, thường chỉ đi theo bài Chú này cứu giúp những người chân chính tu hành Pháp Đại Định trong thời Mạt Pháp.

Bạch Đức Thế Tôn! Những người tu Tâm cầu Pháp **Chính Định** như thế. Dù ở Đạo Trường hay lúc kinh hành cho đến khi đi dạo chơi thì con và Đồ Chúng của con thường theo hộ vệ người ấy. Dù cho Ma Vương ở cõi Trời Đại Tự Tại muốn tìm cách quấy nhiễu cũng chẳng thể được. Còn những Quỷ Thần nhỏ phải cách xa người ấy hơn 10 Do Tuần, ngoại trừ họ đã phát tâm tu Chính Pháp Thiền Định thì mới được gần người ấy.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu những Ác Ma hay quyền thuộc của Ma muốn đến xâm nhiễu người ấy thì chúng con dùng chày Kim Cương đập nát đầu chúng tan ra như bụi nhỏ để khiến cho người Thiện Nhân ấy tu hành được như nguyện”

## ĐẠI BI THẦN CHÚ

Bài Chú này được ghi nhận trong các bản Kinh **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** do Ngài **Già Phạm Đạt Ma** (Bhagavad-dharma) phiên dịch, được ghi nhận trong Mật Tạng Bộ 3, số 1060 và bản Kinh **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni** do Ngài Đại Quảng Trí **Bất Không** (Amogha-vajra) phiên dịch, được ghi nhận trong Mật Tạng Bộ 3, số 1064.

Nội dung của hai bản Chú này giống hệt nhau, chỉ sai khác cách chia câu. Bản số 1060 ghi nhận 82 câu ghi nhận 84 câu (trong đó câu 81 Án, tắt điện đô mạn đá la bát mặc gia của bản số 1060 được ghi nhận thành 3 câu: câu 81 Án, tắt điện đô, câu 82 Mạn Đá La, câu 83 Bát Đà Gia trong bản số 1064) và Phật Giáo Bắc Truyền tại Việt Nam thường sử dụng bản 84 câu trong các Khóa tụng.

### ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

- 1) Nam mô hạt la đất na đá la dạ gia
- 2) Nam mô a lị gia
- 3) Bà lô yết đế thước bát la gia
- 4) Bồ đề tát đỏa bà gia
- 5) Ma ha tát đỏa bà gia
- 6) Ma ha ca lô ni ca gia
- 7) Án
- 8) Tát bà la phạt duệ
- 9) Số đất na đất tòa
- 10) Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a lị gia
- 11) Bà lô cát đế thất phạt la lăng đà bà
- 12) Nam mô na la căn trì
- 13) Hê lị Ma ha bàn đá sa mế
- 14) Tát bà a tha đậu thâu bằng
- 15) A thệ dưng
- 16) Tát bà tát đá na ma bà già
- 17) Ma phạt đặc đậu
- 18) Đát điệt tha
- 19) Án, a bà lô hê
- 20) Lô ca đế
- 21) Ca la đế
- 22) Di hê lị
- 23) Ma ha bồ đề tát đỏa
- 24) Tát bà tát bà
- 25) Ma la ma la
- 26) Ma hê ma hê lị đà dưng
- 27) Câu lô câu lô yết mông
- 28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế
- 29) Ma ha phạt xà gia đế
- 30) Đà la đà la
- 31) Địa lị ni
- 32) Thất phạt la gia
- 33) Giá la giá la
- 34) Ma ma phạt ma la



- 35) Mục đế lệ
- 36) Y hê di hê
- 37) Thất na thất na
- 38) A la sâm phật la xá lợi
- 39) Phật xa phật sâm
- 40) Phật la xá gia
- 41) Hô lô hô lô ma la
- 42) Hô lô hô lô hê lị
- 43) Sa la sa la
- 44) Tất lị tất lị
- 45) Tô rô tô rô
- 46) Bò đề dạ, bò đề dạ
- 47) Bò đà dạ, bò đà dạ
- 48) Di đế lị dạ
- 49) Na la cần trì
- 50) Tha lị sắt ni na
- 51) Bà dạ ma na
- 52) Sa bà ha
- 54) Sa bà ha
- 55) Ma ha tất đà dạ
- 56) Sa bà ha
- 57) Tất đà dụ nghệ
- 58) Thất bàn la dạ
- 59) Sa bà ha
- 60) Na la cần trì
- 61) Sa bà ha
- 62) Ma la na la
- 63) Sa bà ha
- 64) Tất la tăng a mục khư gia
- 65) Sa bà ha
- 66) Sa bà ma ha a tất đà dạ
- 67) Sa bà ha
- 68) Giả cát la a tất đà dạ
- 69) Sa bà ha
- 70) Ba đà ma yết tất đà dạ
- 71) Sa bà ha
- 72) Na la cần trì bàn già la gia
- 73) Sa bà ha
- 74) Ma bà lị thắng yết la dạ
- 75) Sa bà ha
- 76) Nam mô hạt la đất na đá la dạ gia
- 77) Nam mô a lị gia
- 78) Bà lô cát đế
- 79) Thước bàn la dạ
- 80) Sa bà ha
- 81) Ấn tất điện đô
- 82) Mạn đá la
- 83) Bạt đà gia
- 84) Sa bà ha

महा करुणिका चित्त धारणी  
MAHĀ-KĀRUNĪKA-CITTA-DHĀRANĪ  
ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

नमो रत्न त्रयै

**1) Nam mô hạt la dát na đá la dạ gia**

NAMO (Quy y) RATNA (Bảo, Vật báu) TRAYĀYA (Tam đẳng, ba nhóm)

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y Tam Bảo

नमो ऋषे

**2) Nam mô a lị gia**

NAMAḤ (Quy mệnh, kính lễ) ĀRYA (Bậc thánh)

NAMAḤ ĀRYA: Quy mệnh Thánh

वैलोकितेश्वर्यै

**3) Bà lô yết đế thước bát la gia**

AVALOKITA (Quán sát, xem xét) ISVARĀYA (Đấng tự tại)

AVALOKITEŚVARĀYA: Quán Tự Tại

बोधिसत्वै

**4) Bồ đề tát đỏa bà gia**

BODHI (Giác tuệ, Phật Trí) SATVĀYA (Loài Hữu Tình)

BODHI-SATVĀYA : Bồ Tát (Bậc Giác Hữu Tình)

महा सत्त्वै

**5) Ma ha tát đỏa bà gia**

MAHĀ (Đại, to lớn) SATVĀYA (Loài Hữu Tình)

MAHĀ-SATVĀYA: Đại Giác Hữu Tình

महा करुणै

**6) Ma ha ca lô ni ca gia**

MAHĀ (Đại) KĀRUNĪKĀYA (Bậc có Tâm Bi)

MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA: Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

ॐ

**7) Ân**

OM (Ba Thân, quy mệnh, cúng dường, cảnh giác, nhiếp phục)

OM: Quy mệnh

सर्वे सुखे

**8) Tát bà la phạt duệ**

SARVA (Tất cả) RABHAYE (Cấp đẳng thường hay gánh vác đảm nhận công việc khó khăn)

SARVA RABHAYE: Tất cả Thánh Tôn hay đảm nhận các công việc khó khăn

सुद्धा नृपै

**9) Số dát na dát tỏa**

SUDDHA (Thanh tịnh) NĀDA (Âm thanh, âm giọng) ŚYA (Đẳng nhóm)

SUDDHA-NĀDASYA: Đẳng nhóm có âm thanh thanh tịnh. Câu này có nghĩa là: Vui vẻ dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU

नमस्तुभ्यो ॐ नमः शिवाय

**10) Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a li gia**

NAMASKRṬVA (Quy y kính lễ) IMAM (của tôi) ĀRYA (Bậc Thánh)

वन्देतेनमस्तुभ्यो ॐ नमः

**11) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà**

AVALOKITEŚVARA (Quán Tự Tại) LAMTABHA (Sự nâng nhắc, nơi cư ngụ)

NAMASKRṬVA IMAM ĀRYA-AVALOKITEŚVARA LAMTABHA: Kính lễ núi Bồ Đà Lạc Ca (Potalaka:Hương sơn) là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát của tôi

नमः शिवाय

**12) Nam mô na la cần trì**

NAMO (Quy Mệnh) NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh: Đấng có cái cổ màu xanh biểu thị cho Tâm Từ Bi Hiền ái của Bồ Tát Quán Tự Tại)

NAMO NĪLAKAṆṬHA: Quy mệnh Đức Thanh Cảnh Bồ Tát

ॐ नमः पद्मनिभे

**13) Hê li Ma ha bàn đá sa mế**

HR (Nội tâm) MAHĀ (Đại) PATA (Ánh sáng) ŚAMI (Hàm chứa ngọn lửa)

HR MAHĀ-PATAŚAMI:Tâm Từ Bi hiền ái phóng tỏa ánh Đại Quang minh

सकलैः सुखैः

**14) Tát bà a tha đậu thâu bằng**

SARVĀTHA (Khắp mọi nơi) DU (Đốt cháy) ŚUPHAM (Chiếu sáng)

SARVĀTHA DU ŚUPHAM: Đốt cháy khắp mọi nơi khiến cho chiếu sáng. Câu này biểu thị cho Vô Vi nghiêm tịnh.

शिवैः

**15) A thệ dưng**

AJIYAM ( Không thể sánh, không thể vượt thắng hơn được )

AJIYAM: Vô tỷ Pháp, Vô tỷ Giáo

सर्वं सर्वं नमस्तुभ्यो

**16) Tát bà tát đá na ma bà già**

SARVA (Tất cả) SATVA (Hữu tình, kẻ có Tâm dũng mãnh) NĀMA (Danh xưng) BHAGA (Đức tính, đức hạnh, sự mong muốn hạnh phúc, hiệu lực, hiệu nghiệm)

SARVA SATVA NĀMA BHAGA: Tất cả Đức hạnh, danh xưng của bậc có Tâm dũng mãnh. Câu này biểu thị cho Phật Pháp rộng lớn vô biên

सर्वं सर्वं

**17) Ma phạt đặc đậu**

MĀ (Đừng làm như vậy, đừng bỏ rơi) BHĀTI (Chối lợi rục rờ) DU (Đốt cháy, Làm hư hỏng)

MĀ BHĀTI DU: Đừng làm hư hỏng sự chói lợi rục rờ. Câu này biểu thị cho Bản lãnh của Thế Gian mang thân cõi Trời (Thiên Thân Thế Hữu) khiến cho kẻ tu hành hết mê muội, giữ được Giới Thanh Tịnh

17 câu trên là phần: “QUY KÍNH TÔN ĐỨC MÔN”

नमस्तुभ्यो

**18) Đát điệt tha**

TADYATHĀ: như vậy, ấy là, liền nói Thần Chú là

ॐ नमस्तुभ्यो

**19) Án, a bà lô hê**

OM (Ba Thân, Quy mệnh, cảnh giác, cúng dường, nhiếp phục)

AVALOKI (Quán sát xem thấu khắp mọi nơi)

OM AVALOKI: Cảnh giác kêu gọi Đức Quán Thế Am

ॐ ॐ ॐ

**20) Lô ca đế**

LOKATE (Hiểu biết, chiếu sáng)

LOKATE: Biểu hiện cho Thế Quang Minh

ॐ ॐ ॐ

**21) Ca la đế**

KALATI (Tính đếm, trù hoạch, dự định, đặt đê)

KALATI: Biểu thị cho lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn để hưng vượng sự nghiệp

ॐ ॐ ॐ

**22) Di hê li**

I (Kêu gọi vang lừng) HELIH (Mặt Trời, sự chiếu sáng một cách vô tư)

I HELIH: Thuận dạy Vô Tâm phổ hóa chúng sinh

ॐ ॐ ॐ

**23) Ma ha bồ đề tát đỏa**

MAHĀ-BODHISATVA: Đại Bồ Tát

ॐ ॐ ॐ

**24) Tát bà tát bà**

SARVA (tất cả)

SARVA SARVA: Hết thảy Phật Pháp Bình Đẳng làm lợi lạc cho tất cả Chúng

Sinh

ॐ ॐ ॐ

**25) Ma la ma la**

MĀLA (Chuỗi Anh lạc, tràng hoa biểu thị cho sự gom chứa Pháp lành)

MĀLA MĀLA: Tặng trưởng Thiện Pháp Như Ý cho ta và người

ॐ ॐ ॐ

**26) Ma hê ma hê li đà dộng**

MASĪ (Nhìn về, trông vào, xem xét) HRDAYAM (Tâm Đẳng)

MASĪ MASĪ HRDAYAM: Quán sát Tâm mình và Tâm người để tu thành thân

Kim Cương Pháp được ngồi trên Toà Hoa Sen báu

9 câu trên là phần: “PHỔ CHÚNG ĐẠI BI TÂM MÔN”

ॐ ॐ ॐ

**27) Câu lô câu lô yết môn**

KURU (Tác làm) KARMAM (Nghiệp Đẳng)

KURU KURU KARMAM: Làm Pháp tác dụng Trang Nghiêm, thổi Loa Pháp kết Giới, gieo trồng các Công Đức

ॐ ॐ ॐ

**28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế**

TURU (Nhanh chóng vượt thoát) BHAṢI (Ngôn ngữ, giáo pháp) YATI (Điều khiển hướng dẫn)

TURU TURU BHAṢI YATI: Hướng dẫn giáo pháp nghiêm tịnh rộng khắp khiến cho ta và chúng sinh nhanh chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử

2 câu trên là phần: “TỊNH HÓA LỤC ĐẠO MÔN”

महा भूष यति

**29) Ma ha phật xà gia đế**

MAHĀ-BHAṢI YATI: Hướng dẫn Đạo Pháp tối thượng rộng lớn hay giải thoát sinh tử khổ não chẳng bị các thứ độc làm hại

𑖀𑖩𑖩

**30) Đà la đà la**

DHĀRA (Nhiếp trì, gia trì)

DHĀRA DHĀRA: Gia trì, gia trì

𑖀𑖩𑖩

**31) Địa li ni**

DHIRINĪ: Người Trì Chú (chẳng luận Nam Nữ)

𑖀𑖩𑖩

**32) Thất phật la gia**

ĪSVARĀYA (Tự Tại Đẳng)

ĪSVARĀYA: Tự tại phóng ra Đại Quang Minh

4 câu trên là phần: “THIỆN MINH QUÁN ĐỈNH MÔN”

𑖀𑖩𑖩

**33) Giá la giá la**

CALA (Lay động, tác động, hành động)

CALA CALA: Hiện tướng Đại Phần Nộ rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh

𑖀𑖩𑖩

**34) Ma ma phật ma la**

MAMA (Chỗ thọ trì của tôi) VIMALA ( Xa lia cấu nhiễm )

MAMA VIMALA: Chỗ thọ trì của tôi là nơi ly cấu tối thắng, là cảnh thâm diệu khó lường

𑖀𑖩𑖩

**35) Mục đế lệ**

MUKTE: Giải thoát

𑖀𑖩𑖩

**36) Y hê di hê**

EHYEHI (Khéo đến, khéo dạy dỗ)

EHYEHI: Thuận dạy, Tâm thuận theo các điều tự nhiên

𑖀𑖩𑖩

**37) Thất na thất na**

ŚINA (Quân nhân, chiến sĩ. Người có Tâm Kiên Định)

ŚINA ŚINA: Tâm Đại kiên định sinh Đại Trí Tuệ

𑖀𑖩𑖩

**38) A la sâm phật la xá lợi**

ARASIṀ (Sự trống rỗng về cảm giác và mùi vị) BHALA (Trông thấy, chứng kiến) ŚARI (Loài thú hoang, mãnh thú, trực giác nhạy bén)

ARASIṀ BHALA ŚARI: Tu hành Pháp Thân thanh tịnh vượt ra khỏi các pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bạc Pháp Vương ở Pháp Tự Tại

𑖀𑖩𑖩

**39) Phật xa phật sâm**

BHAṢĀ (Ngôn ngữ, giáo pháp) BHAṢIM (Người thành thạo ngôn ngữ , người có Đạo Hạnh)

BHAṢĀ BHAṢIM: Kẻ Đạo Hạnh thành Đạo Chân Lạc

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**40) Phật la xá gia**

BHARA (Ứng hộ, tán trợ) ŚAYA (Ngọa, nằm. Dùng Pháp Y đắp thân nằm, chính niệm chính giác mà chẳng mất uy nghi)

BHARA ŚAYA: Tự tỉnh ngộ Bản Lai Diện Mục (Khuôn mặt xưa nay. Đây là thuật ngữ của Thiền Tông nhằm chỉ bậc đã kiến Tính)

𑖀𑖩 𑖀𑖩 𑖀

**41) Hô lô hô lô ma la**

HULU (Nhanh chóng) PRA (Sự thắng thượng như ý)

HULU HULU PRA: nhanh chóng làm pháp Như Ý Thắng thượng

𑖀𑖩 𑖀𑖩 𑖀𑖩

**42) Hô lô hô lô hê li**

HULU (nhanh chóng) ŚRĪ (Cát tường)

HULU HULU ŚRĪ: Nhanh chóng làm pháp Cát Tường tự tại

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**43) Sa la sa la**

SARA (Kiên cố, bền chắc)

SARA SARA: Sức kiên cố, thật bền chắc

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**44) Tát li tát li**

SIRI (Dũng mãnh thù thắng)

SIRI SIRI: Dũng mãnh thù thắng cát tường

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**45) Tô rô tô rô**

SURU (Ban rải nước Cam Lộ)

SURU SURU: Ban nước Cam Lộ tế độ khắp cả chúng sinh

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**46) Bô đề dạ, bô đề dạ**

BUDHIYA (Giác ngộ, tỉnh ngộ)

BUDDHIYA BUDDHIYA: Khiến cho khắp cả chúng sinh Giác ngộ tỉnh ngộ

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**47) Bô đà dạ, bô đà dạ**

BUDDHĀYA (Tuệ giác, Trí giác)

BUDDHĀYA BUDDHĀYA: Khiến cho khắp cả chúng sinh đạt được Tuệ Giác

Trí Giác

15 câu trên là phần: “THẦN LỰC GIA TRÌ MÔN”

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**48) Di đế li dạ**

MAITRIYA: Tâm Từ , ban vui cho người khác

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**49) Na la cần trì**

NĪLAKANṬHA (Thanh cảnh, cái cỏ màu xanh)

NĪLAKAṆṬHA: Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Đấng Hiền Thủ hay thương yêu kẻ hiền bảo vệ người lành

𑖀𑖄𑖒𑖓

**50) Tha li sắt ni na**

TRI (Ba) ŚARAṆA (sự cúng bèn)

TRISĀRAṆA: cương quyết tu Đạo của Ba Thừa (Thanh Văn Giác, Độc Giác, Toàn Giác )

𑖀𑖄𑖒𑖓

**51) Bà dạ ma na**

ABHAYA (Bậc vô úy) MAṆA (Tâm ý )

ABHAYA MAṆA: Tâm Ý của Đấng Vô Úy

𑖀𑖄𑖒𑖓

**52) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖀𑖄𑖒𑖓

**53) Tát đà dạ**

SIDDHIYA (Thành tựu đấng)

SIDDHIYA: Pháp cởi bỏ danh lợi, nhận thức rõ các điều chân giả

𑖀𑖄𑖒𑖓

**54) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖀𑖄𑖒𑖓

**55) Ma ha tát đà dạ**

MAHĀ-SIDDHIYA (Đại thành tựu đấng)

MAHĀ-SIDDHIYA: Tất cả sự lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

𑖀𑖄𑖒𑖓

**56) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖀𑖄𑖒𑖓

**57) Tát đà dụ nghệ**

SIDDHA (Thành tựu) YOGA (Du già, sự tương ứng)

SIDDHAYOGA: Thành tựu Du Già, tức là Pháp Vô Vi

𑖀𑖄𑖒𑖓

**58) Thất bàn la dạ**

ĪSVARĀYA: Tự tại đấng

Siddhayoga+ Īsvarāya = siddhayogeśvarāya

𑖀𑖄𑖒𑖓

**59) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖀𑖄𑖒𑖓

**60) Na la cần trì**

NĪLAKAṆṬHA: Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát biểu thị cho Công Đức nội chứng của Quán Tự Tại Bồ Tát là Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái

𑖀𑖄𑖒𑖓

**61) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖀𑖄𑖒𑖓

**62) Ma la na la**

PRA (Thắng thượng) VARĀHA (heo) MUKHĀYA (khuôn mặt)

PRAVARĀHA-MUKHĀYA: Khuôn mặt heo thắng thượng biểu thị cho Đạo Như ý thắng thượng vô lượng bền chắc

𑖔𑖩

**63) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖔𑖩 𑖔𑖩 𑖔𑖩

**64) Tất la tăng a mục khư gia**

ŚRĪ (Cát Tường) SIMHA (Sư Tử) MUKHĀYA (Diện mạo, khuôn mặt)

ŚRĪ-SIMHA-MUKHĀYA: Khuôn mặt sư tử cát tường biểu thị cho Tâm ái Hộ làm Đại Y Vương trừ các bệnh khổ não cho tất cả chúng sinh

𑖔𑖩

**65) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖔𑖩 𑖔𑖩 𑖔𑖩

**66) Sa bà ma ha a tất đà dạ**

SARVA (Tất cả) MAHĀ (Đại, to lớn) MUKTĀYA (Viên ngọc)

SARVA MAHĀ-MUKTĀYA: Tất cả viên ngọc to lớn biểu thị cho Tất cả Pháp Đại Thừa vô thượng vô tỷ

𑖔𑖩

**67) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖔𑖩 𑖔𑖩

**68) Giả cát la a tất đà dạ**

CAKRĀ (Luân, bánh xe) YUDHĀYA (Cây gậy)

CAKRĀ YUDHĀYA: Đạo Thanh Tịnh vô thượng dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán

𑖔𑖩

**69) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖔𑖩 𑖔𑖩

**70) Ba đà ma yết tất đà dạ**

PADMA (Hoa sen hồng) HASTĀYA (Thủ đấng, bàn tay)

PADMA-HASTĀYA: Liên Hoa Thủ Đấng (chư vị cầm hoa sen trong bàn tay), tức là Pháp Thiện Thắng của hoa sen hồng hay giải thoát tất cả sự trói buộc của khổ não

𑖔𑖩

**71) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖔𑖩 𑖔𑖩 𑖔𑖩

**72) Na la cần trì bàn già la gia**

NĪLAKANṬHA (Thanh Cảnh) ŚANĀKHA (vỏ ốc biểu thị cho cái loa Pháp) RĀJA (Vương, vua chúa)

NĪLAKANṬHA-ŚANĀKHA-RĀJA: Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát biểu thị cho sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ sự ách nạn sợ hãi



ॐ

**73) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

ॐ वरु ऋणुय

**74) Ma bà li thắng yết la dạ**

MĀ (Đừng buông bỏ) VARI (Tâm nguyện) ŚĀṆKARĀYA (Sự cầu tởa)

MĀ VARI ŚĀṆKARĀYA: Đừng buông bỏ sự cầu tởa của Tâm nguyện tức là bản tính Đại chí đại dũng của hàng Bồ Tát

ॐ

**75) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

28 câu trên là phần: “THÂM NHẬP ĐẠI BI TÂM MÔN”

ॐ नम ऋणुय

**76) Nam mô hạt la dát na đá la dạ gia**

NAMO (Quy y , quy mệnh) RATNA (Bảo, vật báu) TRAYĀYA (Ba nhóm)

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y ba báu: Phật, Pháp, Tăng

ॐ नम ऋणुय

**77) Nam mô a li gia**

NAMAḤ (Quy mệnh) ĀRYA (Thánh)

ॐ नम ऋणुय

**78) Bà lô cát đế**

AVALOKITA (Quán , xem xét khắp nơi)

ॐ नम ऋणुय

**79) Thước bàn la dạ**

ÍSVARĀYA (Tự tại đấng)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA: Quy mệnh Đức Thánh Quán Tự Tại

ॐ

**80) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn công đức nội chứng

5 câu trên là phần: “HIỀN HIỆN ĐẠI BI TÂM MÔN”

ॐ (ॐ ऋणुय)

**81) Ân tất điện đô**

OM (Thân khẩu ý) SIDDHI (Thành tựu) YANTU (Ban cho)

(SIDDHI YANTU viết gọn lại thành SIDDHYANTU)

ॐ

**82) Mạn đá la**

MANTRA: Thần Chú, Chân Ngôn

ॐ ऋणुय

**83) Bạt đà gia**

PADĀYA: Câu cú

ॐ

**84) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn

4 câu trên là phần: “THÀNH TỰU NIẾT BÀN MÔN”

# ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Việt dịch: HUYỀN THANH

## 1) Quy kính Tôn Đức Môn:

- Con xin quy y Phật Pháp Tăng thường ở khắp mười phương
- Con xin quy mệnh Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát
- Con xin quy mệnh tất cả các bậc Thánh thanh tịnh hay dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU
- Con xin kính lễ núi Bồ Đà Lạc Ca là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại
- Con xin quy mệnh Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Bạc có Tâm từ bi hiền ái hay phóng tỏa ánh quang minh vô vi nghiêm tịnh, dạy Pháp không thể sánh là Phật Pháp rộng lớn vô biên khiến cho kẻ tu hành hết si mê giữ được giới thanh tịnh

## 2) Phổ chứng Đại Bi Tâm Môn:

Như vậy:

- Hỡi Đức Quán Thế Âm! Ngài là bậc Đại Bồ Tát biểu hiện cho Thế Quang Minh, thường mang lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn hóa độ khắp cả chúng sinh
- Xin Ngài đem Phật Pháp bình đẳng làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh, giúp cho họ tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý Thắng Thượng, tu thành thân Kim Cương, ngồi trên tòa hoa sen báu.

## 3) Tịnh hóa Lục Đạo Môn:

- Xin Ngài làm Pháp tác dụng trang nghiêm, thổi Loa Pháp kết giới khiến cho chúng sinh gieo trồng Công Đức, tu hành theo Giáo Pháp Nghiêm Tịnh rộng khắp để mau chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử.

## 4) Thiện Minh Quán Đỉnh Môn:

- Xin Ngài đem Pháp Tối Thượng rộng lớn gia trì cho người trì Chú, khiến họ được Pháp Quang Minh tự Tại.

## 5) Thần Lực Gia Trì Môn:

- Xin Ngài hiện tướng Đại Phẫn Nộ, rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh, hiển hiện Đạo Cảnh Ly Cấu Tối Thắng thâm diệu khó lường, khiến cho người tu Pháp Giải Thoát thuận theo các điều tự nhiên, mau chóng kiên định Đạo Tâm, sinh Trí Tuệ lớn, tu thành Pháp Thân thanh tịnh, vượt ra khỏi các Pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bạc Pháp Vương ở Pháp tự tại.
- Xin Ngài hãy khiến cho người có Đạo Hạnh tự chứng ngộ được Bản Lai Diện Mục
- Xin Ngài làm Pháp Như Ý Thắng Thượng, Pháp Cát Tường Tự Tại và đem sức kiên cố dũng mãnh thù thắng rưới nước Cam Lộ bất tử, tế độ khắp cả chúng sinh khiến cho họ giác ngộ thành đạt Trí Giác.

### 6) Thâm nhập Đại Bi Tâm Môn:

- Xin Đấng Đại Từ Thanh Cảnh Bồ Tát hãy thương yêu kẻ hiền, bảo hộ người lành khiến cho họ cương quyết tu hành Đạo của Ba Thừa, thành tựu viên mãn Tâm Ý của Đấng Vô Úy và thành tựu mọi sự như:

- . ) Thành tựu viên mãn Pháp cõi bỏ danh lợi và nhận biết rõ các điều chân giả
- . ) Thành tựu viên mãn tất cả điều lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp
- . ) Thành tựu viên mãn Pháp Du Già Tự Tại
- . ) Thành tựu viên mãn Chính Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái của Đức Thanh Cảnh Bồ Tát
- . ) Thành tựu viên mãn Đạo Như Ý Thắng Thượng bền chắc
- . ) Thành tựu viên mãn Pháp Đại Y Vương hay trừ bỏ các bệnh khổ não cho chúng sinh
- . ) Thành tựu viên mãn Đạo Vô Thượng thanh tịnh, dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán
- . ) Thành tựu viên mãn Pháp Thiện thắng của hoa sen hồng để thoát khỏi sự trói buộc của khổ não
- . ) Thành tựu viên mãn sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ mọi ách nạn sợ hãi của Đấng Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát
- . ) Thành tựu viên mãn bản tính Đại Chí Đại Dũng của Bạc Đại Bồ Tát.

### 7) Hiện hiện Đại Bi Tâm Môn:

- Nay con xin quy y ba Báu Phật Pháp Tăng
- Nay con xin quy mệnh công đức nội chứng của Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát.

### 8) Thành tựu Niết Bàn Môn:

- Nguyện cho thân khẩu ý của con mau chóng tương ứng với sự thành tựu Chân Ngôn cú để thọ hưởng mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn.



## CÔNG NĂNG CỦA THẦN CHÚ ĐẠI BI

Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni ghi nhận công năng của Thần Chú Đại Bi là:

“Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu các Người, Trời tụng trì Đại Bi Chương Cú, lúc lâm chung thời chư Phật ở mười phương đều đền trao vào bàn tay, muốn sinh về cõi Phật nào, tùy theo Nguyên đều được vĩnh sinh.

Lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu chúng sanh tụng trì Thần Chú Đại Bi, mà bị đọa vào ba đường ác thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng sinh về các cõi Phật thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng được vô lượng Tam Muội Biện Tài thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu chẳng được quả thỏa thích thì Chú này chẳng được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Chỉ trừ việc chẳng lành, trừ kẻ chẳng chí thành.

Nếu các người nữ chán ghét khinh rẻ thân nữ, muốn thành thân nam. Tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng chuyển thân nữ thành thân nam tử thì con thề chẳng thành Chính Giác. Như kẻ nào tụng Chú này, nếu còn sanh chút lòng nghi, tất không được toại nguyện. Người sinh chút tâm nghi ngờ ắt chẳng được quả thỏa thích.

Nếu các chúng sinh xâm tổn tài vật, thức ăn uống của chốn Thường Trụ thì một ngàn Đức Phật ra đời cũng chẳng thông sám hối được, giả sử có ăn năn (Sám) cũng chẳng trừ diệt được. Nay tụng Thần Chú Đại Bi liền được trừ diệt.

Nếu xâm tổn, ăn dùng tài vật, thức ăn uống của chốn Thường Trụ thời cần thiết nên đối trước bậc Thầy ở mười phương, ăn năn tạ lỗi (sám tạ) như thế mới trừ diệt được. Tại sao thế? Vì nay lúc tụng Đại Bi Đà La Ni thời bậc Thầy ở mười phương liền đến làm chứng minh, nên tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt. Tất cả tội mười Ác, năm Nghịch, chê bai người, phi báng Pháp, Phá Trai, phá Giới, phá Tháp, hủy hoại chùa, trộm vật của Tăng Kỳ, làm như bản Phạm Hạnh trong sạch. Tất cả Nghiệp ác, tội nặng của nhóm như vậy thảy đều diệt hết. Chỉ trừ một việc: người đối với Chú còn sinh nghi ngờ, cho đến tội nhỏ, nghiệp nhẹ cũng chẳng diệt được, huống chi là tội nặng. Tuy chẳng ngưng diệt được tội nặng, nhưng còn có thể làm nhân Bồ Đề cho đời lâu xa

Lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu có Người, Trời tụng trì Đại Bi Tâm Chú sẽ được 15 loại sinh lành (thiện sinh), chẳng bị 15 loại chết ác.

Loại chết ác ấy là:

- 1) Chẳng bị chết do đói khát khôn khổ
- 2) Chẳng bị chết do gông tù đánh đập
- 3) Chẳng bị chết vì oan gia thù địch
- 4) Chẳng bị giết chết trong quân trận
- 5) Chẳng bị chết do chó sói, thú ác tàn hại
- 6) Chẳng bị chết bởi rắn , rắn hổ mang, bò cạp cắn
- 7) Chẳng bị chết bởi nước cuốn trôi , lửa thiêu cháy
- 8) Chẳng bị chết vì trúng thuốc độc
- 9) Chẳng bị chết do Cổ Độc (một loại chất độc gây mê hoặc hay giết chết do người mạn ngược chế ra từ loài sâu độc) làm hại
- 10) Chẳng bị chết vì điên cuồng , mất niệm
- 11) Chẳng bị chết do rớt té từ trên cây, ngọn núi, bờ vách cao
- 12) Chẳng bị chết bởi người ác trừ ếm

13) Chẳng bị chết bởi Tà Thần, Quỷ ác làm hại

14) Chẳng bị chết vì bệnh ác ràng buộc thân

15) Chẳng bị chết vì tự hại chẳng đúng phần số (Tự tử)

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, chẳng bị 15 loại chết ác như vậy. Được 15 loại sinh lành

1) Sinh ra nơi nào, thường gặp vị vua hiền lành (Thiện Vương)

2) Thường sinh vào nước tốt lành (Thiện Quốc)

3) Thường gặp Thời tốt đẹp

4) Thường gặp bạn lành

5) Thân căn thường được đầy đủ

6) Đạo Tâm thuần thực

7) Chẳng phạm Cấm Giới

8) Hết thấy quyền thuộc hòa thuận có ân nghĩa

9) Vật dụng cần thiết, tiền bạc, thức ăn thường được đầy đủ

10) Luôn được người cung kính giúp đỡ

11) Hết thấy tiền bạc, vật báu không bị người khác cướp đoạt

12) Ý muốn mong cầu thấy đều được toại nguyện

13) Rồng, Trời, Thiện Thần luôn thường ủng hộ, phòng giữ

14) Sinh ra nơi nào đều thấy Phật nghe Pháp

15) Đã nghe Chính Pháp thời ngộ giải được nghĩa thâm sâu

Nếu có người tụng trì Đại Bi Tâm Đà La Ni sẽ được 15 loại sinh lành của nhóm như vậy. Tất cả hàng Trời, Người nên thường tụng trì, đừng sinh tâm lười biếng”

## NHƯ Ý BẢO LUÂN VƯƠNG THẦN CHÚ

Bài **Như Ý Bảo Luân Vương Thần Chú** được ghi nhận trong Khóa Tụng buổi sáng được lưu hành tại Việt Nam là:

“**Nam mô Phật đà gia**

**Nam mô Đạt ma gia**

**Nam mô Tăng già gia**

**Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Cụ Đại Bi Tâm Già**

**Đát diệt tha: Án, chước yết ra phạt để, chấn đa mạt ni, ma ha bát đẵng mé, rô rô rô rô, để sắt tra, thước la, a yết rị sa dạ, hồng, phẩn, toá ha**

**Án, bát đạp ma, chấn đa mạt ni, thước ra, hồng**

**Án, bát lật đà, bát đẵng mé, hồng”**

Bài Chú này chính là bài tổng hợp từ 3 bài Chú: **Căn Bản Đà La Ni Minh** (Như Ý Luân Thân Chú), **Đại Tâm Đà La Ni Minh** (Như Ý Luân Tâm Chú) và **Tiểu Tâm Đà La Ni Minh** (Như Ý Luân Tùy Tâm Chú) được ghi nhận trong các Kinh Bản của **Như Ý Luân Bồ Tát** trong Mật Tạng Bộ 3 mà hình thành. Trong đó:

“**Nam mô Phật đà gia**

**Nam mô Đạt ma gia**

**Nam mô Tăng già gia**

**Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Cụ Đại Bi Tâm Già**

**Đát diệt tha: Án, chước yết ra phạt để, chấn đa mạt ni, ma ha bát đẵng mé, rô rô rô rô, để sắt tra, thước la, a yết rị sa dạ, hồng, phẩn, toá ha”** là bài **Như Ý Luân Thân Chú**:

ॐ भूट्टवृद्धय नमोवृद्धय नमोसंख्यय  
नमः शुकवृद्धय नमोवृद्धय नमोसंख्यय नमोसंख्यय नमोसंख्यय  
नमोसंख्यय ॐ वृद्धय नमोवृद्धय नमोसंख्यय नमोसंख्यय नमोसंख्यय  
नमोसंख्यय ॐ वृद्धय नमोवृद्धय नमोसंख्यय

Namo buddhāya

Namo dharmāya

Namo saṃghāya

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

Tadyathā: **Om\_ Cakra-vartti cintāmaṇi mahā-padme ruru tiṣṭa jvala akarṣaya hūṃ** phat svāhā

“**Án, bát đạp ma, chấn đa mạt ni, thước ra, hồng”** là bài **Như Ý Luân Tâm Chú**:

ॐ पद्म (वृद्धय) नमोवृद्धय ॐ

**Om\_ Padma cintāmaṇi mahā-jvala hūṃ**

“**Án, bát lật đà, bát đẵng mé, hồng”** là bài **Như Ý Luân Tùy Tâm Chú**:

ॐ वरु पद्म ॐ

**Om\_ Varada padme hūṃ**



Ý nghĩa của các Bài Chú này là:

1) CĂN BẢN CHÚ:

ॐ नमो बुद्धाय

\_ Nam mô Phật đà gia

\* ) NAMO BUDDHĀYA

Quy mệnh Phật Bảo

ॐ नमो धर्माय

\_ Nam mô Đạt ma gia

\* ) NAMO DHARMĀYA

Quy mệnh Pháp Bảo

ॐ नमो संघाय

\_ Nam mô Tăng già gia

\* ) NAMO SAMGHĀYA

Quy mệnh Tăng Bảo

ॐ नमो शिवसुवर्णाय नमो शिवसुवर्णाय

\_ Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

\* ) NAMO AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA\_ MAHĀ-SATVĀYA

महा करुणाय

\_ Cự Đại Bi Tâm Giả

\* ) MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

ॐ

\_ Đát diệt tha

\* ) TADYATHĀ

Khai mở Như Lai Tạng tuyên nói Thân Chú

ॐ

\_ Ân

\* ) OM

Chữ OM được kết hợp bởi ba chữ A, U, MA trong đó

A là “Tất cả Pháp vốn chẳng sinh” biểu thị cho nghĩa của **Pháp Thân** (Dharma-kāya)

U là: “Tất cả Pháp Thí Dụ chẳng thể đắc” biểu thị cho nghĩa cả **Báo Thân** (Sambhoga-kāya)

MA là: “Tất cả Pháp Ngô Ngã chẳng thể đắc” biểu thị cho nghĩa của **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya)

Do đó OM nhiếp nghĩa vô biên, là đầu mối của các Chữ tức là chỗ phát sinh của tất cả các Pháp. Từ đây OM là Mẫu của các Đà La Ni nên thường đặt ở đầu câu. Ngoài ra, tùy theo ý nghĩa của câu Chú theo sau mà O/M biểu thị cho các nghĩa: Tam Thân, Quy mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, Nhiếp phục

**ॐ**

**\_ Chước yết ra phạt để**

**\*) CAKRA VARTTI**

Hay chuyên bánh xe Vô Thượng, cũng có nghĩa là Tội Phá

**ॐ**

**\_ Chấn đa mật ni**

**\*) CINTĀ-MANI**

Suy tư, cũng có nghĩa là Báu của Như Lai. Báu có 6 loại hay làm mãn ước nguyện của chúng sinh

**ॐ**

**\_ Ma ha bát đàng mế**

**\*) MAHĀ-PADMA**

Hoa sen lớn biểu thị cho sự tĩnh các Phi Pháp, vốn chẳng nhiễm dính

**ॐ**

**\_ Rô rô rô rô**

**\*) RURU**

Lìa bụi dơ. Bụi có hai loại nên xưng hai lần. Ấy là: Nội Trần và Ngoại Trần

Nội Trần là năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân

Ngoại Trần là năm trần: Hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm xúc khi va chạm

Cả hai loại Trần đều không có Sở Đắc dùng làm phương tiện thành Du Già Quán Trí

**ॐ**

**\_ Để sắt tra**

**\*) TIṢṬA**

Trụ, cũng nói là Vô Trụ. Vô Trụ dùng làm gốc của tất cả Pháp, cũng nói là: “Chẳng trụ Niết Bàn, chẳng trụ sinh tử”. Do Đại Trí nên chẳng dính vào sinh tử, do Đại Bi nên chẳng trụ Niết Bàn

**ॐ**

**\_ Thước la**

**\*) JVALA**

Cháy bùng. Ánh sáng chiếu diệu tràn khắp Hư Không Pháp Giới ở mười phương, cảnh giác chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng giảng tập phó hội. Bên dưới triệu tất cả tám Bộ Trời Rồng, loại hữu tình làm lợi ích gia trì

**ॐ**

**\_ A yết rị sa dạ**

**\*) AKARṢĀYA**

Thỉnh triệu. Do sự thỉnh triệu này mà chư Phật, Bồ Tát, tám Bộ Trời Rồng ứng theo sự triệu đều vân tập, gia trì hộ niệm

**ॐ**



**Hông**  
\* ) HŪM

HŪM có nghĩa là: “Tất cả Pháp không có Nhân” cũng nói là Bồ Đề Đạo Trường. Như Kim Cương Đỉnh Du Già Kinh nói: “Vừa mới phát tâm Bồ Đề liền ngồi Bồ Đề Đạo Trường, chuyển bánh xe Chính Pháp”. Do dự tương ứng này mà một chữ của Chân Ngôn này ắt hay chứng ngộ tất cả Phật Pháp. Lúc niệm niệm chứng ngộ Phật Pháp thì đầy đầy đủ **Tất Bà Nhã Trí** (Sarva-Jñā-Jñāna: Nhất Thiết Trí Trí) thăng đến cứu cánh ngồi tòa Kim Cương, bốn Ma hiện trước mặt ắt nhập vào **Đại Từ Tam Ma Địa** (Mahā-maitra-samādhī) giảng phục bốn Ma mà thành Chính Giác.

Bốn Ma là : Uẩn Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma, Thiên Ma đều tự giảng phục.

Lại nói là Pháp không có NHÂN (Hetu) y theo QUẢ (Phala) của Thắng Nghĩa Đế cũng không có đắc. Vì không có NHÂN QUẢ cho nên xưa nay thanh tịnh.



**Phán**  
\* PHAT

Chữ PHA (𑖔) có nghĩa là Phá Hoại, cũng có nghĩa là Tội Hoại. Lúc được thành Phật thì tội hoại bốn Ma, cũng nói ở trong ba Đức là ĐOẠN ĐỨC. Do dùng Trí cắt đứt tập khí phiền não của ba cõi, cũng cắt đứt 9 Địa Vị thủy đều viên mãn hai loại tư lương PHƯỚC ĐỨC, TRÍ TUỆ. Từ vô thủy đến nay, tất cả Hữu Tình dùng làm nơi gần gũi, vì nhớ Ân ấy nên đi đến nơi chuyển Pháp Luân diễn nói 12 Hạnh Pháp Luân.

Chữ T (𑖔) có nghĩa là: “Tất cả Pháp không có Sở Đắc”. Theo Phạm Thư thì chữ T có hình như nửa vành trăng nên giải thích là: Tất cả Pháp không có NGÃ, không có SỞ ĐẮC, dùng làm phương tiện ắt sinh thành KHÔNG, sinh BÁN KHÔNG (một nửa của cái KHÔNG).



**Toá ha**  
\* SVĀHĀ

Chữ SVĀ (𑖔) nghĩa là: “Không có ngôn thuyết” làm thành Trí không của các Pháp, có nghĩa là Chữ đầy đủ (Mãn Tự) cũng nói là : Thành Tự Đại Phước Đức.

Chữ HĀ (𑖔) nghĩa là: Cắt đứt phiền não khiến cho các Hữu Tình gom chứa Đại Phước Đức, cắt đứt tất cả tập khí của Phiền Não và Tùy Phiền Não trong thân TA, NGƯỜI tràn khắp lời dạy của Mãn Tự, chứng được VÔ DƯ Y VÔ TRỤ NIỆT BÀN.

Toàn Bài CĂN BẢN CHÚ trên đây được Hòa Thượng TĨNH NGHIÊM ghi chú nghĩa thú.

Theo ý nghĩa khác thì :

OM có nghĩa là Tam Thân quy mệnh

CAKRA VARTTI có nghĩa là Chuyển luân Vương

CINTĀMANI có nghĩa là Như Ý Bảo Châu (Viên Ngọc Như Ý)

MAHĀ-PADMA có nghĩa là Đại Liên Hoa (Hoa Sen to lớn)

RURU có nghĩa là Xa lìa Nội Trần và Ngoại Trần

TIṢṬA có nghĩa là Kiên Trụ (An trú bền chắc)

JVALA có nghĩa là Phóng tỏa ánh sáng rực rỡ

AKARṢĀYA có nghĩa là Thịnh Triệu

HŪM có nghĩa là NHÂN KHỦNG BỐ nhằm dứt trừ Tâm vị Ngã phát khởi Tâm Bồ Đề

PHAT có nghĩa là Phá Bại

SVĀHĀ có nghĩa là Thành tựu cát tường.

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

**“ Nam mô Phật Bảo**

**Nam mô Pháp Bảo**

**Nam mô Tăng Bảo**

**Nam mô Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát**

**Như vậy!**

**Con xin quy mệnh với Đức CHUYÊN LUÂN VƯƠNG NHƯ Ý BẢO CHÂU ĐẠI LIÊN HOA là Bạc đã xa lìa Nội Trần và Ngoại Trần**

**Con xin an trụ theo ánh lửa rực rỡ của Ngài để thỉnh triệu Chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh Chúng, Tám Bộ Trời Rồng, Chư Vị Hộ Pháp nhằm giúp cho con phá bại Tâm Vị Ngã phát khởi Tâm Bồ Đề, thành tựu cát tường”**

2) ĐẠI TÂM CHÚ:

ॐ

Án

OM

Tam Thân quy mệnh, cảnh giác

५३

**Bát đệp ma**

PADMA

Hoa sen

४१ ३३

**Chấn đa mạc ni**

CINTĀMANI

Viên ngọc Như Ý

३३

**Thước ra**

JVALA

Quang Diễm (ánh sáng rực rỡ như ngọn lửa)

ॐ

**Hồng**

HŪM

Đẩy lui Tâm Vị Ngã thành tựu Tâm Bồ Đề

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

**“Hỡi ánh sáng rực rỡ của LIÊN HOA NHƯ Ý BẢO CHÂU hãy giúp cho tôi thành tựu Tâm Bồ Đề “**

3) TÙY TÂM CHÚ

ॐ

Án

OM

Chữ OM có nghĩa là Tất cả Pháp Lưu Chú không có SỞ ĐẮC dùng làm phương tiện, cũng có nghĩa là GIÁC chẳng thể đắc.

𑀓 𑀕 𑀘

**Bát lật đà**

VARADA

Chữ VA (𑀓) có nghĩa là Tất cả Pháp siêu việt (Vượt qua) đường ngôn ngữ chẳng thể đắc

Chữ RA (𑀕) có nghĩa là Tất cả Pháp lia như bản rớt ráo chẳng thể đắc

Chữ DA (𑀘) có nghĩa là Tất cả Pháp THÍ (Ban bố) rớt ráo không có sở đắc.

𑀧 𑀢

**Bát đẳng mế**

\*PADME

Chữ PA (𑀧) có nghĩa là Tất cả Pháp THẮNG TÍNH TƯỚNG chẳng thể đắc

Chữ DME (𑀢) có nghĩa là Tất cả Pháp lia NGÃ THỦ CHẤP chẳng thể đắc

𑀇

**Hồng**

HŪM

Chữ HŪM có nghĩa là Tất cả Pháp rớt ráo cũng chẳng thể đắc

Toàn Bài Chú trên đây được Hòa Thượng TĨNH NGHIÊM ghi chú nghĩa với mục đích dùng Pháp BỔ TỰ (an bày Chữ) trên thân thể để quán tưởng tu tập

Chữ OM ( ॐ ) đặt trên đỉnh đầu

Chữ VA ( 𑀓 ) đặt nơi vàng trán

Chữ RA ( 𑀕 ) đặt trong hai con mắt

Chữ DA ( 𑀘 ) đặt nơi trái tim

Chữ PA ( 𑀧 ) đặt ở cái miệng

Chữ DME ( 𑀢 ) đặt ở hai bắp tay

Chữ HŪM ( 𑀇 ) đặt ở cái rốn

Quán chiếu các Chữ nói trên rõ ràng như mặt trời mới mọc tỏa ánh sáng rực rỡ chói chan rộng lớn vô cùng. Như Quán Chiếu này chẳng bao lâu sẽ chứng PHÁP THÂN Tam Muội

\_Theo ý nghĩa khác thì :

OM có nghĩa là Tam Thân Quy mệnh

VARADA có nghĩa là Dữ Nguyện , Thí Nguyện (Ban bố cho vật dụng tiền của)

PADME có nghĩa là Bên trong Hoa Sen. Vì hoa sen còn biểu thị cho Bản Tâm thanh tịnh không nhiễm cấu, nên PADME còn mang nghĩa là Bên trong Bản Tâm

HŪM có nghĩa là Cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

**“Khi phát khởi được sự ban bố cứu độ trong Tâm thì mới thật sự bước vào cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân”**

Kinh Như Ý Luân Đà La Ni\_ Phẩm thứ 2: **Phá Nghiệp Chương** (Mật Tạng Bộ 3\_ Số 1080) do Ngài **Bồ Đề Lưu Chí** phiên dịch, ghi nhận rằng:

“Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu có Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, đồng nam, đồng nữ nơi thân đời này cầu điều hiện báo về Đại Công Đức. Nên ở ngày đêm, y theo Pháp tinh cần tu trì NHƯ Ý LUÂN ĐÀ LA NI Chú này, chẳng nên bói toán lựa chọn ngày, tháng, sao tốt; cũng chẳng nhịn ăn 1 ngày, 2 ngày; cũng chẳng mặc dục; cũng chẳng làm Đàn, mặc quần áo thường, nước trong rảy tịnh. Như thường ăn vừa đủ, tác Pháp thành tựu.

Nên cả ngày đêm, ở trong tỉnh thất, ngòi quay mặt về phương Đông tướng Thánh Quán Tự Tại có thân tướng tốt đẹp viên mãn như mặt trời mới mọc, phóng ra ánh sáng lớn, ngòi trên hoa sen, đôi ngay trước mắt, tụng niệm chẳng loạn. Đốt hương Trầm Thủy, vận Tâm cúng dường, cung kính lễ bái, tùy Tâm bày biện hương hoa cúng hiến liên tục chẳng dứt. Sáu thời mỗi thời một ngàn tám mươi biến liên tục chẳng dứt. Mỗi mỗi chữ tụng mãn ba Lạc xoa (30 vạn biến). Do trụ Pháp **quán Du Già**, tụng niệm thì bao nhiêu tội Vô Gian của đời quá khứ, hiện tại; nghiệp chướng cực ác tự nhiên tiêu diệt, sẽ thấy đủ mọi loại mộng đại thiện, nên biết đây tức là tướng diệt tội. Thánh Quán Tự Tại gia bị hộ niệm. Do căn lành đó, trăm ngàn sự nghiệp cử Tâm tụng niệm thì tất cả chỗ làm ắt được thành tựu. Tất cả uy lực thần thông của các MINH không thể theo kịp lực thần thông của Như Ý Đà La Ni Minh này. Tại sao vậy? Đà La Ni đó, nếu có thể tìm nhận, thọ trì thì tội chướng **10 ác, 5 Nghịch, 4 Trọng** đã làm trong đời quá khứ, hiện tại đáng bị đọa vào Địa ngục **A Tỳ** (Avīci) đều có thể tiêu diệt.

Như bệnh nhiệt trong 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày cho đến 7 ngày. Bệnh phong, bệnh vàng da, bệnh đàm, cổ độc, êm đối, nhọt mủ, ghẻ, cùi hủi, điên cuồng, phong ngứa, thần kinh. Tất cả bệnh về đầu, mũi, mắt, tai, môi, lưỡi, răng, cổ họng, ngực, hông sườn, tim, bụng, eo, lưng, tay chân chi tiết ... Mọi loại tai ác, vọng lượng Quỷ thần. Do trải qua tụng niệm đều được trừ diệt. Tất cả Dược Xoa, La Sát, Tỳ Na Dạ Ca, nhóm Quỷ thần ác đều chẳng có thể hại. Dao binh, nước lửa, gió ác, sét, mưa đá, nạn vua chúa, nạn giặc cướp oán thù ... chẳng có thể làm hại. Tất cả tướng ác, nghiệp do kém phước, sao ác biến quái đều tự tiêu diệt. Rắn độc, bò cạp, rết, thủ cung, nhện nhện, sư tử, cạp, chó sói, tất cả thú ác cũng chẳng làm hại được. Nếu có chiến đấu trong quân trận, tranh tụng nơi việc quan; do Minh Thành tựu nên được giải thoát.

Nếu thường ở **canh năm** tụng Đà La Ni này một ngàn tám mươi biến (1.080) thì các việc như trên đều được giải thoát, tự tại như ý.

Nếu có thể một ngày 6 thời, mỗi thời tụng Đà La Ni này 1.080 biến thì Thánh Quán Tự Tại hiện thân trong mộng, đứng trước mặt người đó bảo rằng: “Này Thiện nam tử! Đừng sợ hãi! Muốn cầu điều gì, Ta cho ngươi tất cả”.

Hoặc thấy Đức Phật A Di Đà, hoặc thấy cung điện, lầu gác, các việc trang nghiêm trong Thế giới Cực Lạc.

Hoặc thấy chúng hội của Bồ Tát trong Thế giới Cực Lạc.

Hoặc thấy cung điện bảy báu trên núi Bồ Đà Lạc là nơi cư trú của Thánh Quán Tự Tại.

Hoặc thấy Tự Thân trong ngoài thanh tịnh.

Hoặc thấy Quốc Vương, đại thần cung kính cúng dường.

Hoặc thấy Tự thân có bao nhiêu tội chướng đã gây ra trong đời quá khứ đều được tiêu diệt.

Nên biết người đó sau khi xả bỏ thân mệnh sẽ chẳng thọ sinh trong bào thai mà được sinh trong hoa sen, có thân tướng tốt đẹp đoan chính, mặc quần áo của cõi Trời mà tự trang nghiêm. Đời đời sinh ra biết **TÚC MỆNH TRÍ** cho đến Bồ Đề, chẳng bị rơi vào ba nẻo ác, thường cùng với tất cả Chư Phật Bồ Tát sinh chung một nơi, trú ở Địa Bất Thoái”.

Ngoài ra, người tu trì Pháp **Như Ý Bảo Luân Vương Thần Chú** này còn được thoát khỏi khổ não, tăng trưởng thọ mệnh, thành tựu mọi ước nguyện như phú quý, tài sản, Trí Tuệ, Thế Lực, Uy Đức.



Hoặc bị La Hầu che lấp gây khốn đốn. Mặt trời, mặt trăng bị che. Hoặc Tuế Tinh hiện, hoặc hạn hán, sóng to. Nên ở nơi ẩn mật trong Đạo Trường, thân mặc áo màu đen, ngồi hướng mặt về phương Nam. Đem tro đốt tử thi vẽ tam giác. Trong Đàn vẽ nhóm **La Hầu** (Rāhu) **Tuế Tinh** (Ketu) ấy. Khi hạn hán, sóng to thì vẽ hình **Rồng** (Nāga), ở trên trái tim người ấy thì viết tên người ấy. Vào lúc giữa đêm (giờ Tý) hay giờ Ngọ thì đốt An Tất Hương, niệm tụng. Ở trong câu Chân Ngôn, gia thêm tên người đó. Lấy cành Thạch Lựu quất vạt hình người ấy, tụng Chân Ngôn 21 biến, mỗi biến vạt một lần, liền trừ

Nếu **5 Tinh** lẫn bức cường thịnh, mệnh suy thì cũng tác Pháp này”

Ý nghĩa căn bản của Thần Chú này là:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम्

**Năng mô tam mãn đa mẫu đà nẫm**

\* NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM

Quy mệnh khắp cả chư Phật

ॐ अप्रतिहता ससानानाम्

**A bát ra để hạ đa xá ta nẫm nẫm**

\* APRATIḤATA-ŚASANĀNĀM

Các Bậc không có chướng ngại

ॐ तद्यथा

**Đát diệt tha**

\* TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

ॐ

**Án**

\* OM

Tam Thân quy mệnh

ॐ क्ख

**Khư khư**

\* KHA KHA

Chữ KHA có nghĩa là Hư Không. Thế Gian cùng nhau công nhận là Pháp VÔ TÁC. Nếu tất cả các Pháp vốn chẳng sinh, lia các sự tạo tác thì rốt ráo như tướng Hư Không. Các Pháp như tướng Hư Không đó là tướng chẳng hư dối. Do dùng hai lần chữ KHA biểu thị cho các Pháp vốn chẳng tạo tác, bình đẳng như Hư Không.

ॐ क्ख क्ख

**Khư hứ, khư hứ**

\* KHAHI KHAHI

Chữ KHA là Hư Không

Chữ HI gồm có chữ HA là NHÂN và chữ I là CĂN GỐC

Do đó KHAHI tức là Nhân Căn của các Pháp như Hư Không. Vì dùng hai lần chữ KHAHI biểu thị cho Nhân Căn của các Pháp vốn chẳng sinh, bình đẳng như Hư Không

Do tướng Hư Không chẳng thể đặc nên KHAKHA KHAHI KHAHI biểu thị cho tướng VÔ KIẾN ĐỈNH của Như Lai.

ॐ हूँ हूँ

**Hồng Hồng**

\* HŪM HŪM

Chữ HŪM là Nhân Khủng Bó. Do hai lần dùng chữ HŪM nên phá diệt hai loại Phiền Não không còn dư sót khiến cho Trọng Chương Nhị Biên rốt ráo thanh tịnh

**ज्वल ज्वल**

**Nhập phạ ra, nhập phạ ra**

\* JVALA JVALA

Chữ JVALA có nghĩa là Cháy Bùng nên biểu thị cho ánh lửa rực rỡ, hoặc mang nghĩa Tỏa ánh sáng rực rỡ (Phóng Quang). Do hai lần dùng chữ JVALA nên thiêu cháy hết cả NANG CHẤP và SỔ CHẤP thành tựu sự thanh tịnh

**प्रज्वल प्रज्वल**

**Bát la nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra**

\* PRAJVALA PRAJVALA

Chữ PRAJVALA có nghĩa là Vô Thượng Quang Diễm (ánh lửa rực rỡ vô thượng). Do hai lần dùng PRAJVALA biểu thị cho sự phóng ánh sáng Vô Thượng từ Đỉnh Kế của Phật gia trì cho chúng sinh trừ diệt các Ái để được sự chẳng nhiễm dính sáu Trần.

**टिष्ठ टिष्ठ**

**Để sắt sá, để sắt sá**

\* TIṢṬA TIṢṬA

Chữ TIṢṬA có nghĩa là Kiên Trú. Do hai lần dùng chữ TIṢṬA nên biểu thị cho sự cầu nguyện được an trú vững chắc trong sự gia trì của Phật Đỉnh để diệt trừ các Ái chẳng nhiễm sáu Trần.

**श्रि श्रि**

**Sắt trí rị, sắt trí rị**

\* ṢṬRI ṢṬRI

Chữ ṢṬRI có nghĩa là Bụi Trần phá hoại khiến cho trì độn chậm chạp. Do hai lần dùng chữ ṢṬRI biểu thị cho sự trì độn chậm chạp phá hoại của Nội Chướng và Ngoại Chướng.

**शफट शफट**

**Ta phán tra, ta phán tra**

\* SPHAṬ SPHAṬ

Chữ SPHAṬ có nghĩa là Phá Hoại Tồi Diệt . Do hai lần dùng chữ SPHAṬ nên phá bại diệt trừ được sự tàn phá trì độn chậm chạp của Nội Chướng và Ngoại Chướng.

**शान्तिका**

**Phiến đề ca**

\* ŚĀNTIKA

Chữ ŚĀNTIKA có nghĩa là Túc Tai nên dùng chữ này để dứt trừ chận đứng mọi tai họa, nạn chướng.

**श्रीय**

**Thất rị duệ**

\* ŚRĪYE

Chữ ŚRĪYE có nghĩa là Cát Tường. Dùng Chữ này biểu thị cho sự đạt đến mọi điều an vui khoái lạc.

**स्वाहा**

**Ta phạ ha**

\* SVĀHĀ

Thành tựu

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

**“Quy mệnh hết thấy chư Phật, các Bậc Vô Chướng Ngại ở khắp mười phương**

Như vậy! hơi ánh lửa rực rỡ của Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng đã thiêu cháy mọi NẮNG CHẤP, SỔ CHẤP hãy tỏa sáng rực rỡ khiến cho con được an trú trong sự gia trì này nhằm phá tan sự trì độn chậm chạp của Nội Chương và Ngoại Chương. Đồng thời khiến cho con dứt trừ được mọi tai nạn, thành tựu sự an vui tốt lành”

\_Ngài Tây Khang Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ ghi nhận tên gọi khác của bài Chú này là Đại Hoả Luân Kim Cương chú và truyền dạy như sau:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIHATA-ŚASANĀNĀM  
 OM\_ KHA KHA \_ KHAHI KHAHI \_ HŪM HŪM \_ JVALA JVALA \_  
 PRAJVALA PRAJVALA \_ TIṢṬHA TIṢṬHĀ \_ PHAṬ PHAṬ \_ SARVA DURA-  
 NIMITTA DURA-SVAPAM\_ ŚĀNTIṀ KURU SVĀHĀ.

\_Một số vị Đạo Sư Trung Hoa truyền dạy bài Chú này là

**TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THÂN CHÚ**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIHATA-ŚASANĀNĀM  
 OM\_ KHAKHA KHĀHI KHĀHI\_ HŪM HŪM\_ JVALA JVALA\_  
 PRAJVALA\_ TIṢṬHĀ TIṢṬHĀ\_ ṢṬIRI ṢṬIRI\_ PHAṬ PHAṬ\_ ŚĀNTIKA ŚRĪYE  
 SVĀHĀ



## CÔNG ĐỨC BẢO SƠN THẦN CHÚ

Bài Chú này không biết rõ xuất xứ, và được ghi nhận trong Khóa tụng buổi sáng được lưu hành tại Việt Nam là:

“**Nam mô Phật đà gia**

**Nam mô Đạt Ma gia**

**Nam mô Tăng Già gia**

Án, tất đế, hô, độ rô, tất độ rô, chỉ li ba, kiết li bà, tất đạt rị, bố rô rị, ta phạ ha”

Thế nhưng bản **Mật Chú Viên Nhân Vãng Sinh Tập** trong Đại Tạng Kinh, Tập 46, số 1956 có ghi nhận bài **Công Đức Sơn Đà La Ni Chú** với câu cú tương đương với **Công Đức Bảo Sơn Thần Chú** là:

"Nại ma mặc nại dã, nại ma nại linh-ma dã, nại ma san át dã, tây ninh hồ, lỗ lỗ tây các lỗ, cát lặc-bát cát lặc-bát, tây nại linh, bố lỗ linh, toa ha"

ॐ नमो बुद्धाय नमो धर्माय नमो संघाय

ॐ (महं ज्ञः षड् शुश्रू ऋरु ऋरु संघं पुरं सत्त

\*) **Namo buddhāya**

**Namo dharmāya**

**Namo saṃghāya**

**Om\_siddhi\_hoḥ\_dhuru\_sudhuru\_garja garbha\_sadhāri\_pūrṇi\_svāhā**

Kinh **Đại Tập** ghi rằng: "Nếu người tụng Chú này một biến như lễ **Đại Phật Danh Kinh** bốn vạn năm ngàn bốn trăm biến. Lại như chuyễn **Đại Tạng Kinh** sáu mươi vạn năm ngàn bốn trăm biến. Tôi đã gây tạo vượt hơn mười quốc độ đáng vào Địa Ngục A Tỳ chịu tội hết kiếp mới sinh mà niệm Chú này một biến thì tội ấy đều được tiêu diệt, chẳng bị vào Địa Ngục. Khi chết, quyết định vãng sinh về Thế Giới ở phương Tây được thấy Đức Phật A Di Đà, được Thượng Phẩm Thượng Sinh".

\_ Ý nghĩa căn bản của bài **Công Đức Bảo Sơn Thần Chú** là:

ॐ नमो बुद्धाय

- **Nam mô Phật đà gia**

◆ **NAMO BUDDHĀYA**

Quy mệnh Phật Bảo

ॐ नमो धर्माय

- **Nam mô Đạt Ma gia**

◆ **NAMO DHARMĀYA**

Quy mệnh Pháp Bảo

ॐ नमो संघाय

- **Nam mô Tăng Già gia**

◆ **NAMO SAMGHĀYA**

Quy mệnh Tăng Bảo

ॐ

- **Án**

◆ **OM**

Tam Thân quy mệnh

(महं

- **Tất đế**

◆ SIDDHI

Sự thành tựu

ॐ

- Hô

◆ HOḤ

Vui vẻ, hoan hỷ

ॐ ॐ ॐ ॐ

- Độ rô, tất độ rô

◆ DHURU SUDHURU

Bảo trì (ôm giữ) diệu bảo trì (khéo ôm giữ), lóe sáng, khéo lóe sáng

ॐ ॐ

- Chỉ li ba

◆ GARJA

Khó (cái kho)

ॐ ॐ

- Kiết li bà

◆ GARBHA

Tàng (nơi cất chứa che dấu)

ॐ ॐ ॐ

- Tất đạt rị

◆ SADHĀRI

Diệu trì (khéo cầm nắm )

ॐ ॐ

- Bồ rô rị

◆ PŪRṆI

Mãn túc (đầy đủ)

ॐ ॐ

- Ta phạ ha

◆ SVĀHĀ

Thành tựu Tự Tính nn lạc của Đại Niết Bàn

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là :

**“Quy Y Phật Bảo**

**Quy Y Pháp Bảo**

**Quy y Tăng Bảo**

**OM! Vinh quang thay sự thành tựu! Hãy vui vẻ ôm giữ, khéo ôm giữ kho tàng Chân Như! Hãy khéo thành tựu Tự Tính an lạc của Đại Niết Bàn”**



ॐ

*Ta bà ha*

\* SVĀHĀ

Thành tựu vị an lạc của Đại Niết Bàn

Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

**“ Quy mệnh Bảy trăm triệu Chính Đẳng Chính Giác**

**Như vậy: Khi Thân, Khẩu, Ý hợp nhất với sự Giác Ngộ Phật Tính sẽ đi thẳng vào Tự Tính thanh tịnh của Tâm Bồ Đề và thọ nhận mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn”**

Kinh **Chuẩn Đề Đà La Ni** ghi rằng:

Đức Phật nói: “Chú này hay diệt mười ác, năm Nghịch, tất cả tội chướng, thành tựu tất cả Công Đức của Pháp trắng. Người trì chú này, chẳng kể Tại Gia, Xuất Gia, uống rượu ăn thịt, có vợ con... chẳng chọn tịnh uế, chỉ y theo Pháp của Ta thì không có gì chẳng thành tựu. Chí tâm trì tụng hay khiến cho chúng sinh đoản mệnh được tăng thêm thọ mệnh với trừ vô lượng bệnh khổ, bệnh tật Ca Ma La còn được trừ khỏi huống chi là bệnh khác. Nếu chẳng tiêu mất khỏi bệnh, ắt không có chuyện đó.

Nếu tụng Chú này 108 biến, như vậy chẳng dứt, đủ 49 ngày thời mỗi khi có việc thiện ác, cát tường, tai biến, Chuẩn Đề Bồ Tát sai hai vị Thánh thường đi theo người ấy, hết thấy thiện ác, sở niệm của tâm ...đều mỗi mỗi báo đầy đủ ở bên tai

Nếu tụng Chú này hay khiến cho quốc vương, đại thần, trưởng giả, Bà La Môn... sinh tâm yêu kính, nhìn thấy liền vui vẻ, tùy theo ước nguyện của người ấy đều được thành tựu.

Nếu người không có phước, không có tướng ...cầu quan chẳng thuyên chuyển, nghèo khổ áp bức...thường tụng Chú này, hay khiến đời này được phước của Luân Vương, quan vị đã mong cầu đều sẽ vừa ý.

Nếu thường trì tụng thời nước chẳng thể cuốn chìm, lửa chẳng thể thiêu đốt. Thuốc độc, đao binh, oan gia, bệnh khổ đều chẳng thể hại

Nếu y theo Pháp, tụng đủ một trăm vạn biến, liền được đi đến tịnh thổ ở mười phương, trải qua phụng sự chư Phật, được nghe Pháp màu nhiệm, mau chứng Bồ Đề”

**THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ  
QUYẾT ĐỊNH QUANG MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI**

Bài Chú này được ghi nhận chính thức tại hai bản Kinh trong Mật Tạng Bộ 2 là: **Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh** (số 956) và **Phật nói Kinh Đại Thừa Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni** (số 937) là:

“**Năng mô bà nga phộc đế, a bá lý nhĩ đá, dũ nghê-dã năng, tổ vĩ nĩnh, thất chỉ đất, đế tổ, la nhạ dã, đất tha nga đá dã, la hạ đế, tam ma đượ cật-tam một đà dã.**”

**Đát nễ-dã tha: Án, tát phộc tăng tặc-ca la, ba lý thuận đà, đạt lật ma đế, nga nga năng, tam mẫu nỗ nghiệt đế, sa-phộc bà phộc, vĩ thuận đệ, ma hạ năng dã, bà lý phộc lê, sa-phộc hạ”**

ॐ भगवते नमः ॥ अविनाशिन्यो नमः ॥ अमृतं देहि मे ॥  
ॐ ह्रीं ॥ ॐ ह्रीं ह्रीं ॥ परिसुद्धा धर्मते गगना समुद्रगे  
स्वर्वात्मने नमः ॥ परवरे नमः ॥

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं ह्रीं ॥ परिसुद्धा धर्मते गगना समुद्रगे  
स्वर्वात्मने नमः ॥ परवरे नमः ॥

\*) NAMO BHAGAVATE APARIMITA-AYURJÑĀNA-SUVINE-ŚCITA-TEJA-RĀJĀYA-TATHĀGATĀYA- ARHATE – SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM SAMSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE, GAGANA SAMUDGATE SVABHĀVA VISUDDHE, MAHĀ-NAYA PARIVĀRE \_ SVĀHĀ

Còn bài **Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni** được ghi nhận trong Khóa tụng buổi sáng được lưu hành tại Việt Nam là:

“**Án, nại mo, bo cót ngỏa đế, a ba na mật đạp, a ru rị a nạp, tô tát nễ, thật chấp đạp điệp tả, ra tể dã, đất thạp cả đạp dã, a ra ha tê, tam đượ tam bắt đạp dã**

**Án, tát rị ba, tang tư cót rị, bót rị thuật đạp, đạp ra mã đế, ca ca nại, tam mã ngọt ca đế, tát ba ngỏa, tỳ thuật đế, ma hắc na dã, bát rị ngỏa rị, tóa hắc”**

\*) OM NAMO BHAGAVATE APARIMITA-AYURJÑĀNA-SUVINE-ŚCITA-TEJA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA- ARHATE- SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM SAMSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE, GAGANA SAMUDGATE SVABHĀVA VISUDDHE, MAHĀ-NAYA PARIVĀRE \_ SVĀHĀ

Ý Nghĩa căn bản của bài Chú này là:

ॐ नमः

**Án nại mo**

OM NAMO

Quy mệnh kính lễ

भगवते

**Bo cót ngỏa đế**

BHAGAVATE

Thế Tôn

अविनाशिन्यो नमः

**A ba na mật đạp, a ru rị a nạp**

APARAMITA-AJURJÑĀNA

Vô Lượng Thọ Trí

अमृतं देहि मे

**Tô tất nễ, thật chấp đạp điệp tả**

SUVINE-ŚCITA TEJA

Quyết Định Quang Minh

𑖀𑖩𑖫𑖪

**Ra tể dĩa**

RĀJĀYA

Vương ( Vua Chúa )

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

**Đát tháp cả đạt dĩa**

TATHĀGATĀYA

Như Lai

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

**A ra ha tề**

ARHATE

Ứng Cúng (A La Hán)

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

**Tam được tam bất đạt dĩa**

SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Chính Đẳng Chính Giác

ॐ

Án

OM

Tam Thân quy mệnh

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

**Tất rị ba, tang tư cớ t rị**

SARVA SAMSKĀRA

Tất cả sự cúng tế ở nhà (Gia Tế) hay tất cả hoạt động của tâm trí

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

**Bót rị thuật đạp**

PARISUDDHA

Tối thượng thanh tịnh

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

**Đạt ra mã đế**

DHARMATE

Pháp Tính

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

**Ca ca nại**

GAGANA

Hư Không

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

**Tam mã ngọt ca đế**

SAMUDGATE

Thắng thượng

𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩𑖫𑖪

**Tất ba ngõa**

SVABHĀVA

Tự Tính

विशुद्ध

Tỳ thuật đế

VISUDDHE

Thanh tịnh

महा नया

Ma hắc na dã

MAHĀ-NAYA

Rộng lớn bao la

परिवार

Bát rị ngõa rị

PARIVĀRE

Thắng nguyện

स्वाहा

Tóa hắc

SVĀHĀ

Thành tựu Tự Tính an lạc của Đại Niết Bàn

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là:

**“Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn VÔ LƯỢNG THỌ TRÍ QUYẾT ĐỊNH  
QUANG MINH VƯƠNG Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

**Như vậy : OM**

**Tất cả hoạt động Tâm Ý đều là Pháp Tính cực thanh tịnh**

**Thanh tịnh như Tự Tính thắng thượng của Hư Không**

**Hãy phát khởi Thắng Nguyện rộng lớn để mau chóng đạt được sự an lạc  
thanh tịnh của Đại Niết Bàn”**

Kinh Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai ghi rằng: “Nếu có chúng sinh được thấy Đà La Ni này với nghe danh hiệu mà chí tâm viết chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, lễ bái thời người đoản thọ lại tăng thêm trường thọ, sống đủ trăm tuổi

Nếu lại có người, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết thời sau này chẳng bị rơi vào Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh, cõi Diêm La Vương, Nghiệp Đạo Minh Quan... vĩnh viễn chẳng ở trong các nẻo ác đó chịu quả báo ác ấy.

Nếu viết Chú này liền đồng với viết chép tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng, liền đồng với việc tu sửa tám vạn bốn ngàn cái Tháp báu

Nếu có nghiệp Địa Ngục thuộc năm tội Vô Gián. Do sức công đức đó cho nên nhóm nghiệp chướng ấy thầy đều tiêu diệt. Lúc lâm chung thời 99 câu chi Phật hiện ngay trước mặt đến nghênh đón người đó vãng sinh ở trong quốc độ Phật ấy.

Lại viết Chú này thì sau này vĩnh viễn chẳng thọ nhận thân nữ, hàng Tứ Thiên Vương âm thầm hộ vệ.

Nếu nghe Chú này, vĩnh viễn chẳng thọ nhận thân của nhóm chim bay, loài có bốn chân, loài có nhiều chân... mau thành Vô Thượng Bồ Đề.

Bây giờ Đức Thế Tôn nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ) đó là

Nếu vào trong tinh thất Đại Bi

Tại tạm nghe qua Đà La Ni

Giả sử sáu Độ chưa viên mãn

Người đó mau chứng Thiên Nhân Sư.

\_Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận bài **Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang minh Vương Đà La Ni** là **Trường Thọ Phật Chú** và Ngài Tây Khang Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ truyền dạy bài Chú như sau:

OM NAMA (?NAMO) BHAGAVATE APARIMITA-ĀYURJÑĀNA-SUVINE-ŚCIDAHEJO (?SCITA-TEJA) RĀJAYA TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM PŪṆYE PŪṆYE MAHĀ-PŪṆYE \_ APARIMITA-PŪṆYE APARIMITE-PŪṆYE-JÑĀNA SAMBHĀROPA CITTE

OM SARVA SAṂSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE GAGANA SAMUDGATE SVĀBHAVA (?SVABHĀVA) VIŚUDDHE \_ MAHĀ-NAYA PARIVERE (?PARIVĀRE) \_ SVĀHĀ.

Tri Chú này hay tăng trưởng Thọ Mệnh và Phước Tuệ, tiêu trừ tất cả tội nghiệp từ vô thủy đến nay. Sau khi chết vãng sinh về Tây phương.

\_Ngoài ra các vị Đạo Sư Tây Tạng còn truyền dạy thêm bài **Vô Lượng Thọ Trường Chú** là:

OM VAJRA ĀYUṢE HŪM AḤ

OM PUNYE PUNYE MAHĀ-PUNYE APARAMITA-ĀYUR-PUNYA-JÑĀNA SAMBHĀROPACITE SVĀHĀ

OM NAMO BHAGAVATE APARAMITA-ĀYUR-JÑĀNA SUVINE ŚCITA TEJA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA TADYATHĀ: OM PUNYE PUNYE MAHĀ-PUNYE APARAMITA-PUNYA APARAMITA-PUNYA-JÑĀNA SAMBHĀROPACITE

OM SARVA SAṂSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE GAGANA SAMUDGATE SVABHĀVA VIŚUDDHE, MAHĀ-NAYA PARIVĀRE SVĀHĀ

\_Kinh ghi rằng: “Tri tụng **Trường Thọ Phật Chú Ngũ** hay tăng trưởng Thọ Mạng và Phước Đức Trí Tuệ, tránh khỏi cái chết đột ngột không đúng thời và chết yếu, ý ngoại thân vong, tiêu trừ tất cả tội nghiệp từ kiếp sâu xa đến nay, chứng Thành Tựu sự Bất Tử, cũng vãng sinh tịnh thổ cực lạc ở phương Tây”.

\_**Trường Thọ Phật Pháp** lại xưng là **Trường Thọ Bách Tuế Pháp**, siêng tu Pháp này thì hay kéo dài Thọ Mệnh, tăng trưởng Tu Lương: Phước Đức, Trí Tuệ... cũng hay tòi diệt sự chết không đúng thời. Hết thấy tội chướng, mười ác, bốn nặng, năm vô gián trong thân thấy đều được tiêu tan hết

Tại Tây Tạng, rất nhiều người mong cầu được diên niên ích thọ, đều tham gia vào Pháp Hội của Trường Thọ Phật để cầu xin Đức Phật gia trì khiến cho mình được mạnh khỏe sống lâu





**Lũ rô**

\* GURU

Nghĩa đen là “Sức nặng” nhằm chỉ một người tràn đầy đức tính kỳ diệu, thể hiện Trí Tuệ, hiểu biết, Từ Bi và phương tiện thiện xảo nên thường dịch là SU (vị Thầy)

𑖀 𑖄 𑖆

**Thích lưu ly**

\* VAIDURYA

Ngọc Lưu Ly là thứ ngọc màu xanh biếc và trong vắt

𑖑 𑖔

**Bát lạc bà**

\* PRABHA

Quang (ánh sáng)

𑖀 𑖄 𑖆

**Hắc ra xà dã**

\* RĀJĀYA

Vương (vua chúa)

𑖀 𑖄 𑖆

**Đát tha yết đa gia**

\* TATHĀGATĀYA

Như Lai

𑖀 𑖄 𑖆

**A ra hắc đế**

\* ARHATE

A La Hán, Ứng Cúng (bậc xứng đáng thọ nhận vật cúng dường)

𑖀 𑖄 𑖆

**Tam miệu tam bô đát gia**

\* SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Chính Đẳng Chính Giác

𑖀 𑖄 𑖆

**Đát diệt tha**

\* TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

𑖀

**Án**

\* OM

Tam Thân quy mệnh. Chân Ngôn này được tuyên nói trong ánh sáng trên đỉnh đầu của Đức Dược Sư Như Lai nên OM có thể mang ý nghĩa là Quy mệnh như Lai Đỉnh Tướng

𑖀 𑖄 𑖆

**Bệ sai thệ**

\* BHAIṢAIJYE

Như Dược (Thuốc) Đây là quán niệm Thiện Căn Dược, tức là thuốc trị Nghiệp Tật và biểu thị cho Ý MẬT

𑖀 𑖄 𑖆

**Bệ sai thệ**

\* BHAIṢAIJYE

Như Dược. Đây là Chú Dược, tức là thuốc trị Quỷ Tật và biểu thị cho NGŨ MẬT

𑖀𑖩𑖪

**Bệ sai xā**

\* BHAI, SAIJYA

Như Dược. Đây là Y Dược, tức là thuốc trị bệnh về bốn Đại và biểu thị cho THÂN MẬT

𑖀𑖩𑖪𑖫

**Tam một yết đế**

\* SAMUDGATE

Thượng thắng, phát sinh, tự độ tha độ

Chân Ngôn này dùng chữ BHAI (𑖀) Làm Chung Tử. Trong chữ BHAI có chứa chữ BHA (𑖀) biểu thị cho các Âm Quán, tức là Tam Quán (GIẢ QUÁN, KHÔNG QUÁN, TRUNG QUÁN). Do Bản Thệ của Đức Phật này trừ tất cả các bệnh về : Quả Báo, nghiệp ác, kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc.... Nên Ngài có tên là DƯỢC SƯ.

Lại nữa chữ BHA mang nghĩa của các Quán tức Tam Quán, vì thêm nét trên đầu chữ nên biểu thị cho Tam Muội TAM CHỈ (3 sự chặn đứng). Do dùng Tam Chỉ Tam Quán Dược để diệt trừ bệnh của ba cõi (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) nên được gọi là DƯỢC SƯ.

𑖀𑖩

**Toá ha**

\* SVĀHĀ

Quyết định thành tựu. Nguyên xin Đức Dược Sư cho con quyết định thành tựu Chú này

Đây cũng là Cảnh Phát Bản Nguyên khiến cho tác chứng minh, cũng có nghĩa là Vô Trụ Niết Bàn. Do trừ bệnh của Ba Cõi khiến trụ nơi an lạc bí mật của ba Đức (Pháp Thân Đức, Trí Đức, Phước Đức) nên lại nói là: “Cho đến lúc chứng được Vô Thượng Bồ Đề “

Toàn Bài Chân Ngôn trên có thể diễn dịch là

**“Quy mệnh Đức Thế Tôn DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG VƯƠNG Như Lai  
Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác**

**Như vậy OM!**

**Xin Ngài hãy ban cho con thuốc diệt trừ bệnh Quả Báo, bệnh Nghiệp Ác, bệnh Kiến Tư, bệnh Trần Sa, bệnh Vô Minh để cho con mau chóng phát sinh được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề”**

**Thất Phật Dược Sư Lưu ly Quang Bản Nguyên Công Đức Kinh, quyển Hạ** ghi nhận là: “Bấy giờ, trong ánh sáng nói Chú này xong thì đại địa chấn động, phóng ánh sáng lớn, tất cả bệnh khổ của chúng sinh đều được tiêu trừ, thọ nhận niềm vui an ổn.

Này Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thấy người nam, người nữ có bệnh khổ thì nên nhất tâm vì người bệnh ấy súc miệng sạch sẽ. Hoặc thức ăn, hoặc thuốc men, hoặc nước không có trùng... chú vào 108 biên rồi cho người ấy ăn uống thì hết thấy bệnh khổ thấy đều tiêu trừ.

Nếu có mong cầu, chỉ dùng tâm niệm tụng đều được như ý, không có bệnh, sống lâu, sau khi chết được sinh về Thế Giới ấy, được Bất Thoái Chuyển, cho đến Bồ Đề.

Chính vì thế cho nên, Mạn Thù Thất Lợi! Nếu có người nam, người nữ đối với Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nên chí tâm ân trọng, cung kính, cúng dường, thường trì Chú này, đừng để quên mất.

Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi! Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện có niềm tin trong sạch được nghe hết thấy danh hiệu của bảy Đức Phật Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác như trên. Nghe xong, tụng trì, sáng sớm nhai nhấm Xỉ Mộc, tắm rửa, súc miệng sạch sẽ, đem các hương hoa, hương bột, hương đốt, hương xoa bôi, tấu các kỹ nhạc cúng dường hình tượng. Đối với Kinh Điển này, hoặc tự mình viết, hoặc dạy người viết, một lòng thọ trì, lắng nghe nghĩa ấy. Đối với vị Pháp Sư ấy cần phải cúng dường, tất cả hết thấy vật dụng của thân này thấy đều đem cho dùng để thiếu thốn. Như vậy liền được chư Phật hộ niệm, đầy đủ mọi nguyện cầu, cho đến Bồ Đề".

\_Theo Mật Giáo Tây Tạng thì Bài Đại Chú có tên gọi là **Dược Sư Phật Chú** đồng thời có vài chỗ sai khác là :

OM NAMO BHAGAVATE BHAIŞAJYA GURU VAIDURYA PRABHA RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OM (Quy mệnh)

BHAIŞAJYE (Như Thuốc)

BHAIŞAJYE (Như Thuốc)

MAHĀ-BHAIŞAJYA-RĀJA (Đại Dược Vương)

SAMUDGATE (Thắng Thượng)

SVĀHĀ (Ngài khéo nói như vậy)

Công đức của Bài Chú này chuyên trừ bệnh khổ, tăng thọ mệnh, miễn trừ nạn mưa đá, hay tiêu trừ tất cả tai nghiệp, sau khi chết được vãng sinh về Thế Giới Thanh Tịnh Lưu Ly, vĩnh viễn chẳng bị thoái chuyển, thẳng đến thành Phật



Theo sự truyền thừa khác thì bài Đại Chú Dược Sư là:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*) NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAIDŪRYA PRABHA RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ : OM\_ BHAIṢAIJYE BHAIṢAIJYE BHAIṢAIJYA-RĀJA BHAIṢAIJYA-SAMUDGATA\_ SVĀHĀ

[NAMO BHAGAVATE BHAIṢAIJYA GURU VAIDŪRYA PRABHA RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Quy mệnh Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OM (Tam thân quy mệnh)

BHAIṢAIJYE (Như thuốc. Đây là thuốc trị các bệnh về thân)

BHAIṢAIJYE (Như thuốc. Đây là thuốc trị các bệnh về Tâm)

BHAIṢAIJYA-RĀJA (Dược Vương Bồ Tát chuyên chữa trị các bệnh về thân thể và khuyến tấn Hành Giả thực hiện viên mãn Phước Đức)

BHAIṢAIJYA- SAMUDGATA (Dược Thượng Bồ Tát chuyên chữa trị các bệnh về Tâm và khuyến tấn Hành Giả thực hiện viên mãn Trí Đức)

SVĀHĀ (Quyết định thành tựu Phật Quả)]

# QUÁN ÂM LINH CẢM CHÂN NGÔN

Bài Chú này không xác định được xuất xứ. Theo người soạn dịch thì bài Chú này được khai triển từ Pháp tu **Lục Tự Đại Minh Thần Chú** nhằm để tu tập Thiền Định, tinh luyện các Căn cho tinh sạch

**“Án, ma ni bát di hồng, ma hát nghê nha nạp tích đô đặc ba đạt, tích đặc ta nạp, vi đạt rị cát, át nhi cán nhi tháp, bóc rị tất tháp cát, nạp bồ ra nạp, nạp bóc rị, thu thất ban nạp. Nại ma lô kiết thuyết ra gia, tóa ha”**

ॐ मम पद्मे हूं मन् कुनकुरु सर्व कुरुनिन वरवय मङ्गल  
परमवय नपुन नपरे डनपन नमः वरवय मङ्गल

OM MAṆI PADME HŪM MAHĀ-JŪNĀNA-KETU SAVĀDA, KETU ŚANA, VIDHĀRIYA, SARVĀTHA PARISĀDHAYA NĀPURṆA NĀPARI, UTTĀPANĀ, NAMAḤ LOKEŚVARĀYA SVĀHĀ

Ý nghĩa căn bản của bài Chú này là:

ॐ मम पद्मे हूं

**Án, ma ni bát di hồng**

\* ) OM MAṆI PADME HŪM

मन् कुनकुरु सर्व

**Ma hát nghê nha nạp tích đô đặc ba đạt**

\* ) MAHĀ-JŪNĀNA-KETU SAVĀDA

Tính chất mâu nhiệm của cây phượng Đại Trí

कुरुनिन

**Tích đặc ta nạp**

\* ) KETU ŚANA

Ngôi dưới cây phượng này

वरवय

**Vi đạt rị cát**

\* ) VIDHĀRIYA

Xa lìa sự chấp giữ

मङ्गल परमवय

**Tất nhi cán nhi tháp, bóc rị tất tháp cát**

\* ) SARVĀTHA PARISĀDHAYA

Tác thành tựu trong khắp các cõi

नपुन

**Nạp bồ ra nạp**

\* ) NĀPURṆA

Không có gì không đầy đủ

नपरे

**Nạp bóc rị**

\* ) NĀPARI

Không có gì có thể vượt hơn được

डनपन

**Thu thất ban nạp**

\* ) UTTĀPANĀ

Luyện căn, tinh luyện các căn làm cho trong sạch

नमः वरवय मङ्गल

**Nại ma lô kiết thuyết ra gia**

\* ) NAMAḤ LOKEŚVARĀYA

Quy mệnh Đức Thế Tụ Tại

ॐ

**Tóa ha**

\* ) SVĀHĀ

Thành tựu công Đức nội chứng của Ngài

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“**OM MAṆI PADME HŪM** là tinh chất màu nhiệm của cây phướng Đại Trí. Hãy ngồi dưới cây phướng ấy, xa lìa mọi sự chấp giữ mà tác thành tựu trong khắp các cõi. Hãy tinh luyện các Căn cho tinh sạch sao cho không có gì không làm đầy đủ và không có gì có thể vượt hơn được.

Con xin quy mệnh Công Đức nội chứng của Đức Thế Tụ Tại. Nguyện cho con được thành tựu như Ngài”



# THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHÂN NGÔN

Chân Ngôn này trích từ **Đại Phương Đẳng Đà La Ni Kinh**. Đức Thế Tôn nhân vào sự thỉnh cầu của **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử**, nói câu Chú mà bảy Đức Phật quá khứ đã từng tụng qua. Nếu một người gây tạo bốn tội nặng, năm tội Nghịch thời chẳng những đời sau chịu khổ báo rất lớn mà đời này cũng chẳng được bình yên. Vì muốn tiêu diệt hết tội chướng đã gây, nên rất thích hợp trì tụng **Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn**

“Ly bà, ly bà đế, cầu ha, cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha ra đế, tỳ lê ni đế, ma hà già đế, chân lăng càn đế, tóa bà ha”

ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥ ॠॡॢॣ।॥

REPA REPATE, KUHA KUHATE, TRANITE NIGALA RITE, VIMA RITE. MAHĀ-GATE ŚĀNTIM KRṬE SVĀHĀ

Ý nghĩa căn bản của Chân Ngôn này là:

ॠॡ

\_ Ly bà

\* ) REPA

Đáng khinh, đê tiện, thấp kém, hèn hạ, dữ tợn, hung ác, tàn bạo, tàn nhẫn

ॠॡॢ

\_ Ly bà đế

\* ) REPATE

Tình chất thấp hèn đáng khinh

ॠॡॢॣ

\_ Cầu ha

\* ) KUHA

Vị chúa tể của sự giàu có phước lạc uy quyền, tức là Tài Thần KUBERA

ॠॡॢॣ।

\_ Cầu ha đế

\* ) KUHATE

Tính chất cao quý phước lạc

ॠॡॢॣ।॥

\_ Đà la ni đế

\* ) TRANITE

TARA: Vượt qua, băng qua, lối đi

NITE: Mang vác, điều khiển, phẩm hạnh, hướng dẫn chỉ đạo, cánh vận chuyển, thái độ hành động đứng đắn

TARA NITE viết gọn là TRANITE biểu thị cho nghĩa **Đường lối của phẩm hạnh**

ॠॡॢॣ।॥ ॠॡ

\_ Ni ha ra đế

\* ) NIGALA RITE

NIGALA: Nuốt thức ăn, chịu đựng, cả tin, cầu xé, phá hủy, tiêu xài hoang phí

RITE: Di chuyển qua, đi theo, vận chuyển, kiến nghị, dòng nước, đuổi theo

NIGALA RITE: Tuân theo sự hấp thụ

ॠॡॢॣ।॥ ॠॡ



— Tỳ lê nễ đế

\* ) VIMA RITE

VIMA: Ánh sáng, sự xinh đẹp, mặt trăng, sự vinh quang, ánh sáng rực rỡ

RITE: Tuân theo

VIMA RITE: Tuân theo ánh sáng rực rỡ của sự vinh quang

𑖀𑖩𑖫𑖪

— Ma ha già đế

\* ) MAHĀ-GATE: Đại thú hướng, tức là lối nẻo rộng lớn

𑖀𑖩𑖫𑖪

— Chân lẳng kiên đế

\* ) ŚĀNTIM KRTE: Tác tức tai, hành động ngăn chặn tai họa

𑖀𑖩

— Toá bà ha

\* ) SVĀHĀ

Viên mãn Phước Trí

Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là: **“Mọi đường lối Phẩm hạnh của sự thấp hèn và tính chất thấp hèn đều tuân theo sự hấp thụ điều cao quý và tính chất cao quý mà vận chuyển thành ánh sáng rực rỡ vinh quang**

**Đây là con đường rộng lớn hay chặn đứng mọi tai họa để viên mãn Phước Trí”**

# VÃNG SINH QUYẾT ĐỊNH CHÂN NGÔN

Chân Ngôn này còn có tên gọi là: **Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Thần Chú** được trích ra từ Kinh **Tiểu Vô Lượng Thọ** do Tam Tạng **Câu Na Bạt Đà La** (Guna-bhadra) phiên dịch và được ghi nhận trong Đại Tạng Kinh, Tập 12, số 368) là

“Nam mô a di đà bà (1) dạ đá tha già đá (2) dạ đá địa (3) dạ tha. A di lợi (4) đô bà tỳ (5) A di lợi đá (6) tất đām bà tỳ (7) A di lợi đá (8) tỳ ca lan đế (9) A di lợi đá (10) tỳ ca lan đá (11) già di nị (12) già già na (13) chỉ đa, ca lệ (14) toa bà ha (15)”

ॐ नमो अमिताभया तथगतया  
ॐ तद्यथा अमृतोद्भवो अमृतसिद्धाम्भवो अमृतविक्रान्तो अमृतगामिने गगानकिर्त्तिकारे स्वामिने  
ॐ नमो अमिताभया तथगतया

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhambhave, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, gagana kirtti kare svāhā

Ý nghĩa căn bản của Chân Ngôn này là:

ॐ नमो अमिताभया

*Nam mô a di đà bà dạ*

\* NAMO AMITĀBHĀYA

Quy mệnh Vô Lượng Quang (A Di Đà)

ॐ तद्यथा

*Đá tha già đá dạ*

\* TATHĀGATĀYA

Như Lai

ॐ नमो

*Đa địa dạ tha*

\* TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

ॐ अमृतोद्भवो

*A di lị đô bà tỳ*

\* AMRTODDBHAVE (AMṚTA-UDDBHAVE)

Cam Lộ hiện lên

ॐ अमृतसिद्धोद्भवो

*A di lị đá tất đām bà tỳ*

\* AMṚTA SIDDHAM-BHAVE

Phát sinh thành tựu Cam Lộ

ॐ अमृतविक्रान्तो

*A di lị đá tỳ ca lan đá*

\* AMṚTA VIKRĀNTE

Cam Lộ dững mãnh

ॐ अमृतविक्रान्तोगामिने

*A di lị đá tỳ ca lan đá già di nị*

\* AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE

Đạt đến Cam Lộ Dững mãnh

ॐ तथगतया

**Già già na, chỉ đa ca lệ**  
 \* GAGANA KĪRTTI KARE

Rải đầy Hư Không  
 𑖅𑖩𑖫𑖰

**Ta bà ha**  
 \* SVĀHĀ

Thành tựu cát tường  
 Toàn Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

**“Quy mệnh A Di Đà Như Lai. Như vậy OM! Hiện lên Cam Lộ, phát sinh thành tựu Cam Lộ, Cam Lộ dũng mãnh, đạt đến Cam Lộ dũng mãnh, rải đầy Hư Không, thành tựu Cát Tường”**

Tại Việt Nam thường dùng bản dịch của **Cầu Na Bạt Đà La** (Guṇa-bhadra). Nhưng thời gian gần đây thì dùng bản này [thay câu AMṚTA-SIDDHAM-BHAVE (phát sinh thành tựu Cam Lộ) bằng câu AMṚTA-SAMBHAVE (phát sinh Cam Lộ)] là:

𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰𑖑𑖤𑖰 𑖅𑖩𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰𑖑𑖤𑖰  
 𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰𑖑𑖤𑖰 𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰𑖑𑖤𑖰 𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰𑖑𑖤𑖰 𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰  
 𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰𑖑𑖤𑖰 𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, gagana kīrtti kare svāhā

Ý nghĩa căn bản của Chân Ngôn này là:

**“Quy mệnh A Di Đà Như Lai. Như vậy OM! Hiện lên Cam Lộ, phát sinh Cam Lộ, Cam Lộ dũng mãnh, đạt đến Cam Lộ dũng mãnh, rải đầy Hư Không, thành tựu Cát Tường”**

**Bản dịch Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Thần Chú** của Tam Tạng **Cầu Na Bạt Đà La** ghi nhận là:

“Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện hay tụng Chú này thì Đức Phật A Di Đà thường trụ trên đỉnh đầu của người ấy, ngày đêm ủng hộ, không để cho Oan Gia được dịp thuận tiện hãm hại, đời này thường được an ổn, sau khi mệnh chung, tùy ý vãng sinh.....

Nếu muốn thọ trì Chú Pháp. Nhai nhấm cành Dương, Táo Đậu xúc miệng cho thơm. Ở trước tượng Phật, quỳ gối, chấp tay, ngày đêm sáu Thời đều tụng 21 biến, liền diệt được bốn tội **nặng**, năm tội **ngịch**, mười tội **ác**. Tội chê bai Phương Đăng... đều được trừ diệt, đời hiện tại đều được sự mong cầu, chẳng bị tất cả các Quỷ Thần ác gây nhiễu loạn.

Nếu đủ 20 vạn biến liền cảm được mầm Bồ Đề sinh ra

Nếu đủ 30 vạn biến, liền nhìn thấy Đức Phật A Di Đà

**Thật ra bài Chân Ngôn trên chỉ là bản lược ra từ bài A Di Đà Phật Thập Cam Lộ Đà La Ni**

𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰𑖑𑖤𑖰 𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰𑖑𑖤𑖰  
 𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰𑖑𑖤𑖰 𑖅𑖩𑖫𑖰𑖠𑖫𑖰𑖑𑖤𑖰𑖑𑖤𑖰

नमो रत्न-त्रय-या नमो अर्या अमि-त-भ-या तथ-ग-त-या अर-ह-ते स-म्य-क-स-म्ब-ध-या  
नमो अर्या अमि-त-भ-या तथ-ग-त-या अर-ह-ते स-म्य-क-स-म्ब-ध-या नमो अर्या अमि-त-भ-या तथ-ग-त-या अर-ह-ते स-म्य-क-स-म्ब-ध-या  
नमो अर्या अमि-त-भ-या तथ-ग-त-या अर-ह-ते स-म्य-क-स-म्ब-ध-या नमो अर्या अमि-त-भ-या तथ-ग-त-या अर-ह-ते स-म्य-क-स-म्ब-ध-या

Namo ratna-trayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛtagarbhe, amṛta  
siddhe, amṛta teje, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, amṛta gagana  
kirtti kare, amṛta duṇḍubhisvare, sarva artha sādhanē, sarva karma kleśa  
kṣayaṃ kare svāhā

[NAMO RATNA-TRAYĀYA ( Quy mệnh Tam Bảo )

NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AMITĀBHĀYA (Vô Lượng Quang)  
TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng, Sát Tặc, Vô Sinh, A La Hán)  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OM (Cảnh giác)

AMṚTE (Cam lộ)

AMṚTA (Cam Lộ) UDBHAVE (Hiện lên)

AMṚTA (Cam Lộ) SAMBHAVE (Phát sinh)

AMṚTA (Cam Lộ) GARBHE (Tạng, kho tàng)

AMṚTA (Cam Lộ) SIDDHE (Thành tựu)

AMṚTA (Cam Lộ) TEJE (Uy quang, uy đức)

AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTE (Dũng mãnh)

AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTA (Dũng mãnh) GAMINE (Đạt đến được)

AMṚTA (Cam Lộ) GAGANA (Hư Không) KĪRTTI (Trương xướng) KARE  
(Tác làm, tạo tác)

AMṚTA (Cam Lộ) DUṆḌUBHI (Cổ, cái trống) SVARE (Âm Thanh)

SARVĀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SĀDHANE (Nghỉ thức thành tựu)

SARVA KARMA (Tất cả nghiệp) KLEŚA (Phiền não) KṢAYAM (cùng tận,  
không còn sót) KARE (Tạo tác)

SVĀHĀ (Quyết định thành tựu, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là:

“ Quy mệnh Tam Bảo

Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy: Hỡi Cam Lộ! Hiện lên Cam Lộ. Phát Sinh Cam Lộ. Kho Tàng Cam  
Lộ. Thành tựu Cam Lộ. Cam Lộ Uy Quang. Cam Lộ Dũng mãnh, đạt đến Cam Lộ  
Dũng Mạnh. Rải đầy hư không Cam Lộ. Âm thanh của tiếng trống Cam Lộ, thành  
tựu tất cả nghĩa lợi khiến cho tất cả nghiệp không còn phiền não, thọ hưởng mùi vị  
an lạc của Đại Niết Bàn”]

Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai Niệm Tụng Nghi ghi rằng: "Vừa mới tụng Đà  
La Ni này một biên liền diệt tội: mười ác, bốn nặng, năm Vô Gián trong thân. Tất cả  
Nghiệp Chương thấy đều tiêu diệt

Nếu Bất Sô, Bất Sô Ni phạm tội căn bản, tụng bảy biến xong thời trở lại được  
Giới Phẩm thanh tịnh. Tụng mãn một vạn biến đắc được Tâm Bồ Đề chẳng quên, Tam  
Ma Địa Bồ Đề Tâm hiển hiện ánh sáng tròn trịa (viên minh) sáng tỏ trong thân giống  
như trăng trong. Lúc lâm chung thời thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cùng với vô  
lượng câu chi Bồ Tát chúng hội vây quanh đi đến nghênh đón Hành Giả, an ủi thân  
tâm, liền sinh về Thế Giới Cực Lạc, Thượng Phẩm Thượng Sinh, chứng địa vị của Bồ  
Tát"

# THIỆN NỮ THIÊN CHÚ

Bài Chú này do Đại Cát Tường Thiên Nữ (Śrī-mahā-devī) tuyên nói và được ghi nhận trong Kinh Kim Quang Minh, Phẩm 17 Tăng Trưởng Tài Vật là:

“**Nam mô Phật Đà gia**

**Nam mô Đạt Ma gia**

**Nam mô Tăng Già gia**

**Nam mô Thất li, ma ha đề tỳ gia**

Đát nễ dā tha: Ba li phú lâu na, giá li Tam mạn đà, đạt xá ni Ma ha tỳ ra ha đế Tam mạn đà, tỳ ni già đế Ma ha ca li dā ba nễ Ba ra ba nễ Tát li phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lê đế, phú lệ na A li na, đạt ma đế Ma ha tỳ cổ tất đế Ma ha di lạc đế Lâu phả tăng kỳ đế Hê đế tỳ Tăng kỳ hê đế Tam mạn đà, a tha a nậu đà la ni

ॐ बुद्धाय

ॐ धर्माय

ॐ संघाय

ॐ श्री महादेव्यै

गृह्य चरितुं ब्रह्म समगं दक्षिणं मन्त्रं ब्रह्म गणं समगं ब्रह्म गणं मन्त्रं कृत्वा च सुचरितुं मन्त्रं समगं सुचरितुं मन्त्रं च मन्त्रं ब्रह्मण्यं मन्त्रं च उपसंज्ञं कृत्वा संगृह्यं समगं मन्त्रं च

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMO SAMGHĀYA

NAMO ŚRĪ MAHĀ-DEVĀYA

TADYATHĀ: PARIPŪRṆA CALE, SAMANTA DARŚANI, MAHĀ-VIHARA GATE, SAMANTA VIDHĀNA GATE, MAHĀ-KĀRYA-PATI, SUPARIPŪRE SARVATHĀ SAMANTA SUPRATI PŪRṆA, AYANA DHARMATE, MAHĀ-VIBHAṢITE, MAHĀ-MAITRE, UPASAMḤHITE HE! TITHU, SAṂGRHITE, SAMANTA ARTHA ANUPALANI

Kinh này còn ghi chú là: SVĀHĀ nghĩa là tán khur. Vì Chú này cầu tài vật nên không có SVĀHĀ bởi lẽ điều này chẳng dính với SVĀHĀ

Ý nghĩa căn bản của bài Chú này là:

ॐ बुद्धाय

**Nam mô Phật Đà gia**

\* ) NAMO BUDDHĀYA

Quy y Phật

ॐ धर्माय

**Nam mô Đạt Ma gia**

\* ) NAMO DHARMĀYA

Quy y Pháp

ॐ संघाय

**Nam mô Tăng Già gia**

\* ) NAMO SAMGHĀYA

Quy y Tăng

ॐ श्री महादेव्यै

**Nam mô Thất li, ma ha đề tỳ gia**

\* ) NAMO ŚRĪ-MAHĀ-DEVĀYA

Quy y Cát Tường Đại Thiên

𑖦𑖜𑖞

**Đát nễ dā tha**

\* ) TADYATHĀ

Như vậy, liền nói Chú là

𑖘𑖞𑖜𑖞 𑖜𑖞

**Ba lị phú lâu na, giá lị**

\* ) PARIPŪRṆA CALE

Lay động sự thẳng mãi

𑖜𑖞𑖜 𑖜𑖞𑖞

**Tam mạn đà, đạt xá ni**

\* ) SAMANTA DARŚANI

Nhìn thấy khắp cả

𑖜𑖞 𑖞𑖞𑖞𑖞𑖞

**Ma ha tỳ ra ha đế**

\* ) MAHĀ-VIHARA GATE

Đường lối phân ly rộng lớn

𑖜𑖞𑖜 𑖞𑖞𑖞𑖞𑖞

**Tam mạn đà, tỳ ni già đế**

\* ) SAMANTA VIDHĀNA GATE

Đường lối kết hợp hình thành rộng lớn

𑖜𑖞 𑖞𑖞𑖞 𑖘𑖞

**Ma ha ca lị dā ba nễ**

\* ) MAHĀ-KARYA-PATI

Đại tác nghiệp Chủ

𑖜𑖞𑖞𑖞𑖞

**Ba ra ba nễ**

\* ) SUPARIPŪRE

Đều khéo đầy đủ

𑖜𑖞𑖞𑖞 𑖜𑖞𑖜 𑖜𑖞𑖞𑖞𑖞𑖞

**Tát lị phạ lậ tha, tam mạn đà, tu bát lê đế, phú lệ na**

\* ) SARVĀRTHA SAMANTA SUPRATI PŪRṆA

Khắp tất cả mọi nơi khéo viên mãn tối thù thắng

𑖜𑖞𑖞𑖞 𑖞𑖞𑖞

**A lị na, đạt ma đế**

\* ) AYANA DHARMATE

Lý Thú Pháp Tính

𑖜𑖞 𑖞𑖞𑖞𑖞

**Ma ha tỳ cổ tất đế**

\* ) MAHĀ-VIBHAṢITE

Tính chiếu diệu rộng lớn

𑖜𑖞 𑖜𑖞

**Ma ha di lặc đế**

\* ) MAHĀ-MAITRE

Đại Từ

𑖞𑖞𑖞𑖞𑖞

**Lâu phả tăng kỳ đê**

\* ) UPASAMHĪTE

Gần gũi thân cận lợi ích chân chính

𑖀𑖦𑖣𑖪

**Hê đê tỳ**

\* ) HE! TITHU

Mừng thay! Đáng ban rải yêu thương

𑖦𑖢𑖢𑖪𑖣

**Tăng kỳ hê đê**

\* ) SAMGRHITE

Chân chính trì giữ lợi ích

𑖦𑖢𑖢𑖪𑖣𑖪𑖣𑖪𑖣

**Tam mạn đà, a tha a nậu đà la ni**

\* ) SAMANTA ARTHA ANUPALANI

Giữ gìn lợi ích của cải cho khắp cả

\_ Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

*(Quy y Phật*

*Quy Y Pháp*

*Quy Y Tăng*

*Quy Y Cát Tường Đại Thiên*

*Như vậy : Hỡi Đấng Quyền Năng hay ban bố sự viên mãn thù thắng!*

*Đấng Chủ Tể Đại Tác Nghiệp hay nhìn thấy khắp cả nẻo phân ly rộng lớn và nẻo kết hợp rộng lớn*

*Hãy khéo léo làm cho tất cả mọi nơi đều được đầy đủ*

*Hãy khiến cho khắp tất cả mọi nơi đều được sự viên mãn thù thắng tối thượng*

*Hãy thể hiện lòng Đại Từ làm cho Lý Thú Pháp Tính phóng tỏa ánh sáng màu nhiệm rộng lớn khiến cho con và chúng sinh được thích ứng với sự lợi ích chân chính*

*Mừng thay Đấng biểu hiện của lòng yêu thương!*

*Đấng chân chính gìn giữ sự lợi ích*

*Hãy giúp cho con và chúng sinh đều gìn giữ được khắp mọi tài sản lợi ích)*

\_ Truyền thống khác ghi nhận bài Chú này là:

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMO SAṄGHĀYA

NAMO ŚRĪ MAHĀ-DEVĪYA

TADYATHĀ: (OM) PARI-PŪRṆA-CARE, SAMANTA DARŚANE, MAHĀ-VIHĀRA GATE, SAMANTA VIDHĀ-MANE, MAHĀ-KĀRYA-PRATI-ṢṬHĀPANE SARVĀRTHA-SĀDHNE, SUPRATI-PŪRE, ĀYĀNA DHARMATĀ, MAHĀ-AVĪKOPITE, MAHĀ-MAITRĪ, UPA-SAMHĪTE, MAHĀ-KLEŚE SU-SAMGRHĪTE, SAMANTĀRTHA ANUPĀLANE SVĀHĀ

.)Ý nghĩa của **Đại Thân Chú** này là:

**Namo buddhāya:** Quy y Phật đấng

**Namo dharmāya:** Quy y Pháp đấng

**Namo saṅghāya:** Quy y Tăng đấng

**Namo śrī-mahā-devīya:** Quy y Cát Tường Đại Thiên Nữ đấng

**Tadyathā:** Như vậy, liền nói Chú là  
**Om:** Nhiếp triệu  
**Pari-pūrṇa-care:** Viên Mãn Hành, thực hiện tròn đủ  
**Samanta-darśane:** có thể thấy tràn khắp  
**Mahā-vihāra-gate:** Đại Trụ Xứ Bỉ Ngạn, bờ bên kia của trú xứ to lớn  
**Samanta-vidhā-mane:** Ý niệm dạy bảo khắp  
**Mahā-kārya:** Đại Sự Nghiệp, sự nghiệp to lớn  
**Prati-ṣṭhāpane:** An trụ  
**Sarvārtha-sādhane:** Tất cả nhiều ích, lợi ích  
**Suprati-pūre:** Khéo đầy đủ, cứu cánh viên mãn  
**Āyāna-dharmatā:** tiếp cận Pháp Tính  
**Māha-avikopite:** Đại bất thoái, đại bất hoại  
**Mahā-maitrī:** Đại Từ  
**Upa-saṃhīte:** Gần gũi thân cận lợi ích chân chính  
**Mahā-kleśe-su-saṃgrhīte:** khéo chân chính giữ gìn lợi ích bên trong **sự Phiền**  
**Não rộng lớn** (Đại phiền não)  
**Samantārtha anupālāne:** Giữ gìn lợi ích của cải cho khắp cả  
**Svāhā:** Đem đến sự tốt lành

\_Kinh **Kim Quang Minh** ghi nhận là: “Đối với Thần Chú này, hoặc những kẻ tụng, người nghe, với ai dâng hương cúng hoa, phàm muốn cần dùng điều chi, như vàng bạc, châu, báu. Trâu, dê, ngũ cốc tất cả vật dụng, thì đều được đủ cả”.



## BÁT NHÃ TÂM KINH

Bát Nhã Tâm Kinh, nguyên bản xưa nhất là Phạn văn ghi bằng Thư pháp Tất Đàn (Sidham) trên là bói. Hiện nay có một lược bản (bản ngắn) được tồn trữ tại Trường Cốc Tự (Hasadera) và một lược bản Tất Đàn khác tại Pháp Long Tự (Hōryūjo) trong Thành Nara của Nhật Bản. Truyền thuyết cho rằng Tổ **Bồ Đề Đạt Ma** (Bodhi Dharma) mang cả hai bản này đến Trung Hoa rồi từ đó truyền qua Nhật.

Theo truyền thống Hoa Văn thì bản dịch sớm nhất là của Chi Khiêm năm 223 nhưng đã thất lạc. Các Bản Kinh còn lại là :

1) MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA CHÚ KINH do Ngài Tam Tạng **Cưu Ma La Thập** dịch trong đời Diêu Tần vào khoảng năm 402\_412

2) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài Tam Tạng Pháp Sư **Huyền Trang** phụng chiếu dịch vào đời Đường , năm 649

3) PHẬT THUYẾT BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài Tam Tạng Pháp Sư **Nghĩa Tịnh** dịch năm 700 giống như Bản của Ngài Huyền Trang, chỉ có phần Chú thì dùng Thư pháp Tất Đàn chứ không dịch âm và kèm theo một đoạn về công năng của Chú như sau:

*Liên nói Chú là: GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAMGATE BODHI SVĀHĀ*  
(Công năng): *Tụng Kinh này phá mười ác, năm nghịch, 95 loại Tà Đạo. Nếu muốn cúng dường chư Phật mười phương, báo đáp ân sâu của chư Phật mười phương nên tụng **Quán Âm Bát Nhã** một trăm biến, ngày đêm không gián đoạn, thường tụng Kinh này ắt không có nguyện gì không đạt kết quả.*

Cả 3 bản này đều là Lược bản, riêng bản của Ngài Huyền Trang lưu loát hơn cả nên được phổ biến

Lại còn có các bản dài (Quảng bản) là

4) PHỔ BIẾN TRÍ TẠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài **Pháp Nguyệt** (Dharma-candra) dịch vào năm 732 trong Đời Đường

5) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Sa Môn **Pháp Nguyệt** dịch, tuy trùng tên với người dịch Bản trên nhưng nội dung hai bản khác nhau

6) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài **Bát Nhã** (Prajña) và Ngài Lợi Ngôn dịch năm 790 trong Đời Đường

7) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài **Trí Tuệ Luân** (Prajñā cakra) dịch năm 850 trong Đời Đường

8) BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài **Pháp Thành** dịch năm 856. Bản này được tìm thấy ở Đôn Hoàng

9) PHẬT THUYẾT THÁNH PHẬT MÃU BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH do Ngài **Thi Hộ** dịch năm 980 trong Đời Tống

10) BẠC GIÀ PHẠM MÃU TRÍ TUỆ ĐÁO BỈ NGẠN TÂM KINH do Ngài Kim Cương Thượng Sư **Cống Cát Pháp Sư Tử** dịch

12) MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH là bản dịch đời Khang Hy năm 1723

Ngoài ra còn có hai bản dịch âm Phạn bằng Hoa văn do Ngài **Đại Giác** Thiền Sư dịch trong Đời Tống và một bản của Ngài **Huyền Trang** được tìm thấy trong Động đá ở Đôn Hoàng. cả hai Bản này đều là Lược Bản.

Bên phía Âu Học, Bát Nhã Tâm Kinh được dịch sang Anh Ngữ, Đức Ngữ, Pháp Ngữ. Người đầu tiên khám phá ra hai bản Tất Đàn là học giả **Nanjō Bunjin** nhưng ông chỉ tập thành mà không phiên dịch ra Anh Văn, đăng trong Anecdota Oxoniensia (1884) ngoài ra còn có **HL Feer** chỉ tập thành và chú giải Quảng Bản in trong

L'essence de la Science transcendante en 3 langues Tibetain, Sancrit, Mongol (Paris 1886). Đến năm 1894 **F.Max Muller** là người đầu tiên tập thành và dịch cả hai loại Quảng Bản với Lược Bản theo thư pháp Devanagari ra Anh văn và in trong Sacred Books op East tập 49. Ông **Shaku Hanya** dịch ra lần thứ hai và in vào năm 1923. Năm 1934 Bác sĩ **DT Suzuki** cũng dịch lại và in trong bộ “Thiền Luận”. Sau đó **Ed-ward Conze** tập thành hai bản kinh này bằng thư pháp Devanagari mới được ông tìm thấy ở Bắc Ấn đồng thời đưa ra một bản dịch khác vào năm 1948.

Riêng về Việt Học, nhiều bậc Thượng Căn Đại Đức đã dịch Bản Hán Văn của Ngài **Huyền Trang** ra Việt Văn qua các thể loại như văn xuôi, thơ song thất lục bát, thơ lục bát... và ghép vào mỗi thời khóa tụng niệm để hướng dẫn Phật Tử Việt Nam trì niệm để hiểu ý nghĩa bài TÂM KINH BÁT NHÃ dễ dàng và mau chóng hơn

Trong phần ghi chép này, tôi xin phục hồi lại bản Phạn âm **Bát Nhã Tâm Kinh** do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát truyền trực tiếp cho Đường Tam Tạng Pháp Sư Ngài **Huyền Trang** được lưu giữ trong động đá ở Đôn Hoàng, đồng thời chú giải Thần Chú Bát Nhã

# BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

(Bản Đường Phạn phiên đối tự âm, được lưu giữ trong động đá ở Đôn Hoàng)

Bản Phạn văn do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát truyền trực tiếp cho Đường Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG

Dịch âm Hán Việt: HUYỀN THANH

**Bát-la nga nương bả la nhĩ đá ngật-ly na dã tố đất-lam** (Bát nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh)

**A li-dã phộc lộ chỉ đế thấp phộc lộ mạo địa sa đất một nghiêm tị lam, bát-la nga nương bát la di đá tả li-diêm. Tả la ma nô vĩ-dã** (Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa hạnh, hành thời )

**Phộc lô ca để sa-ma bạn tả tắc kiến đà sa đất thất-tả sa phộc bà thú nễ-diêm bá thất-dã để sa-ma** (Chiếu kiến ngũ uẩn tự tính không, kiến)

**Y hạ xả li bỏ đất-la** (Thử Xá Lợi Tử )

**Lộ bạn thú nễ diêm** (Sắc Không )

**Thú nễ-dã đối phộc lộ bạn** (Không Tính thị sắc)

**Lộ bả năng bỉ-lật tha thú nễ-dã đa** (Sắc bất dị Không)

**Thú nễ-dã đá dã năng bỉ-lật tha tát-lộ bạn** (Không diệt bất dị sắc, thị sắc)

**Dạ nô-lộ bạn sa thú nễ-dã đá** (Bi Không)

**Dạ thú nễ-dã đá sa lộ bạn** (Thị không bỉ sắc)

**Ế phộc nhĩ phộc phệ na năng tán nga nương tán sa ca la vĩ nga nương nẫm** (Nhu thọ tướng hành thức)

**Y hạ xả li bỏ đất-la** (Thử Xá Lợi Tử)

**Tát la phộc đạt ma thú nễ-dã đá lạc khát-xoa noa** (Chư Pháp không tướng)

**A nô đá-bả** (Bất sinh)

**Năng a ninh lộ đà** (Bất diệt)

**A ma la** (Bất cấu)

**A vĩ ma la** (Bất tịnh)

**A nô năng** (Bất giảm)

**A bả li bỏ la noa** (Bất tăng)

**Đá sa một, xả li bỏ đất-la** (Thị cố Xá Lợi Tử)

**Thú nễ-dã đá diêm năng lộ bạn** (Không trung vô sắc)

**Năng phệ na năng** (Vô thọ)

**Năng tán nga-nương** (Vô tướng)

**Năng tán sa ca-la** (Vô hành)

**Năng vĩ nga-nương nẫm** (Vô thức)

**Năng chiết khát xô thú lộ đất-la ca-la noa nễ hạ phộc, ca ma năng lạc** (Vô nhãn nhĩ tỵ thiệt thân ý )

**Năng lộ bạn nhiếp na ngạn đà la sa bả-la sắt tra vĩ-dã đạt ma** (Vô sắc thanh hương vị xúc pháp)

**Năng chước khát-sô đà đô** (Vô nhãn giới)

**Li-dã phộc năng ma nô nga nương-nga nẫm đà đô** (Nãi chí vô ý thức giới)

**Năng vĩ nễ dã** (Vô Vô minh)

**Năng vĩ nễ dã khát xoa dụ** (Vô vô minh tận)

**Dã năng nhạ la ma la nẫm** (Nãi chí vô lão tử)

**Năng nhạ la ma la noa khát xoa dụ** (Vô lão tử tận)

**Năng nậu khư sa một na dã ninh lộ đà ma li nga nẫm** (Vô khổ tập diệt đạo)

**Năng nga nương nẫm** (Vô Trí)  
**Năng bát-la bỉ đế** (Vô đắc)  
**Năng tị sa ma** (Vô chứng)  
**Đá sa một, na bát-la bỉ-đế đất phọc** (Dĩ vô sở đắc cố)  
**Mạo địa sa đất phộc nẫm. Bát-la nga-nương bả la di đá ma thất-lị đễ-dã vĩ**  
**hạ la đễ-dã** (Bồ Đề Tát Đỏa, Bát Nhã Ba La Mật Đa y u trú)  
**Chỉ đá phộc la noa** (Tâm vô quái ngại tâm)  
**Chỉ đá phộc la noa năng tất đễ đất-phộc** (Quái ngại vô hữu cố)  
**Na hãn-lị tố-đô** (Vô khủng bố)  
**Vĩ bả lị-dã sa đễ gia loan đá** (Điên đảo viễn ly)  
**Ninh sắt tra ninh lị dã-phộc nẫm** (Cứu cánh Niết Bàn)  
**Đễ lị-dã đà-phộc vĩ-dã phộc tất thể đá sa phộc một đà** (Tam thế sở kinh chư  
Phật) **Bát-la nga-nương bả la di đá ma thất-lị đễ-dã** (Bát Nhã Ba La Mật Đa y u) **A**  
**nậu đa loan sâm miệu-dã một địa ma tử miệu một đà** (Vô thượng chính đẳng chính  
giác hiện chứng)  
**Đá sa-một nga-nương đá vĩ diễn** (Thị cố ưng tri)  
**Bát-la nga-nương bả la di đá ma hạ mãn đất la** (Bát Nhã Ba La Mật Đa đại  
chú)  
**Ma Hạ vĩ nễ-dã mãn đất la** (Đại Minh Chú)  
**A nậu đá la mãn đất la** (Vô thượng chú)  
**A sa ma sa ma mãn đất la** (Vô đẳng đẳng chú)  
**Tất phộc nậu khư bát-la xả năng** (Nhất thiết khổ chỉ tức)  
**Sa đễ dã ma di tán-lị dã đất-phộc** (Chân thật bất hư)  
**Bát-la nga-nương bả la di đa mục khuất cầu mãn đất lam** (Bát Nhã Ba La  
Mật Đa thuyết)  
**Đất nễ-dã tha: Nga đế, nga đế, bả la nga đế, bả la tăng nga đế, mạo địa, sa**  
**phộc hạ**

18/11/1997

पञ्च परमिग हृदय सूत्रं  
PRAJNĀ-PĀRAMITA-HRDAYA SŪTRAM

Phạn âm do Đức Quán Tự Tại Bồ Tát truyền trực tiếp cho Pháp Sư HUYỀN TRANG

Phục hồi và chú thích Phạn Văn: HUYỀN THANH

अर्यावलोकिश्वर बोधिसत्व

ĀRYA-AVALOKITEŚVARA BODHI-SATVA (Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát)

गम्भीरं पञ्च परमिग वृत्तं

GAMBHĪRĀM PRAJÑĀ-PĀRAMITA-CARYĀM (Thâm thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa Hạnh: Hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu)

चरमण

CARAMAṆO (vào lúc tu hành)

व्यवलयति स्म

VYAVALOKAYATI SMA (Quán sát rõ ràng xong)

चं वक्ष्ये स्वस्वैस्त्वं पश्यति स्म

PAMCA-SKANDHA-STA-ŚCA SVABHĀVA ŚŪNYA PAŚYATI SMA (Soi thấy tự tính của nhóm năm uẩn đều Không)

ॐ हिरण्य

ĪHA ŚĀRIPUTRA! (Nói với ông Xá Lợi Tử)

रूपं तु

RŪPAM ŚŪNYAM (Sắc là Không)

तु त्वैव रूपं

ŚŪNYATA IVA RĪPAM (Không Tính cũng là Sắc)

रूपं न पृथक् तु त्वै

RŪPAM NA PRTHAK ŚŪNYATĀ (Sắc chẳng khác với Không Tính)

तु त्वैव न पृथक् च

ŚŪNYATĀ YĀ NA PRTHAG RŪPAM (Không Tính cũng chẳng khác với Sắc)

यद रूपं स तु त्वै

YAD RŪPAM SĀ ŚŪNYATĀ (chính Sắc là Không Tính)

य तु त्वै स रूपं

YĀ ŚŪNYATĀ SĀ RŪPAM (chính Không Tính là Sắc)

एवमैवा वेदानं समं संसृज्यते

EVAM EVA VEDANĀ SAMJÑĀ SAMSKĀRĀ VIJÑĀNĀM (Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng đều như vậy)

ॐ हिरण्य

ĪHA ŚĀRIPUTRA! (Này Xá Lợi Tử)

सर्वं धर्मं तु त्वैव संसृज्यते सर्वं धर्मं संसृज्यते

SARVA DHARMA SŪNYATA

(Không Tính của tất cả Pháp) ALAKṢAṆA (vô tướng) ANUTPANNĀ (chẳng sinh) ANIRUDDHĀ (chẳng diệt) AMALĀ (chẳng cấu nhiễm) AVIMALĀ (chẳng lia cấu nhiễm) ANUNA (chẳng giảm) APARIPŪRAṆA (chẳng tăng)

गम्भीरं पञ्च

TASMAI ŚĀRIPUTRA! (Như vậy, Xá Lợi Tử)

इत्युच्यते

ŚŪNYATĀYĀM (Trong Không Tính)

न रूपां

NA RŪPAM (không có Sắc)

न वेदानं

NA VEDANĀ (không có Thọ)

न संज्ञं

NA SAMJÑĀ (không có Tưởng)

न संस्कारं

NA SAMSKĀRĀ (không có Hành)

न विज्ञानं

NA VIJÑĀNĀM (không có Thức)

न चक्षुःश्रोत्रं च नास्ति नास्य मनुष्यं

NA: CAKṢUḤ ŚROTRA GHRĀṆA JIHVA, KĀYA MANOJÑĀḤ (không có: Nhãn, Nhĩ, Ty, Thiệt, Thân, Ý)

न रूपं वा रसं वा वायं वा धर्मं वा

NA: RŪPA ŚABDA GANDHA RASA SPRASṬAVYA DHARMA (không có: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp)

न चक्षुःश्रोत्रं च नास्ति नास्य मनुष्यं

NA: CAKṢU-DHĀTUR YAVAN NA MANOVIJÑĀNA-DHĀTU (không có Nhân Giới cho đến không có Ý Thức Giới)

न विद्यां न अविद्यां कश्चिदपि ज्ञानं नास्ति नास्य मनुष्यं

NA VIDYĀ NA AVIDYĀ-KṢAYO (không có Vô Minh, không có Vô Minh tận) YAVAN NA JARĀ MARANAM NA JARĀ-MARANAM-KṢAYO (cho đến không có Lão Tử, không có Lão Tử tận)

न दुःखं न सुखं न च मृत्युं न जन्मं

NA: DUḤKHA SAMUDAYA NIRODHA MĀRGĀNĀM (không có: Khổ, Tập, Diệt, Đạo)

न ज्ञानं

NA JÑĀNĀM (không có Trí)

न प्राप्तिं

NA PRĀPTI (không có Đắc)

न अभिसंयमः

NA ABHISAMAYAḤ (không có Chứng)

न च न प्रीतिं न च भयं न च शोकं न च मृत्तं न च क्षयं न च वृद्धिं न च क्लेशं न च त्रिषु

TASMAI! NA PRĀTITVA (Như vậy, nhờ không có sở đắc) BODHISATVĀNĀM (Các vị Bồ Tát) PRAJÑĀ-PĀRAMITAM (Bát Nhã Ba La Mật) ĀŚRITYA (Y cứ) VIHĀRATYA (cư trú) ACITTA-AVARAṆA (không có Tâm chướng ngại)

न च भयं न च शोकं न च मृत्तं न च क्षयं

ACITTA-AVARAṆA (không có Tâm chướng ngại) NA STITVAD (Không có sở hữu) ASTRASṬO (sợ hãi) VIPARYĀSA (điên đảo) TIKRĀNTA (Quá khứ hay đã xa lìa hẳn)

न च भयं न च शोकं

NIṢṬITA (Cứu cánh) NIRVĀṆA (Niết Bàn)

**श्रु प्र शु व क्षि नः स रं व ङ**

TRYA-DHVA (Ba đời) VYAVASTHITAH (sở hữu) SARVA BUDDHĀH (tất cả Phật)

**प ङ्क प रं (म नं प णि शु)**

PRAJÑĀ-PĀRAMITĀM (Bát Nhã Ba La Mật Đa) ĀŚRITYA (Y cứ)

**अ नु त्त रं स म्य अ क ष णे म र्क णं व ङ**

ANUTTARĀ-SAMYAKSAMBODHIM (Đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) ABHISAMBUDHĀH (Hiện thành Chính Giác, chứng đắc, sở chứng)

**न श्रु ङ्क न शु**

TASMAI! JÑĀTA VYA (Như vậy, nên biết)

**प ङ्क प रं (म नं म न्त म न्त व ङ्क म न्त म न्त रं म न्त म म म म म न्त**

**म रं ङः व प णि म ङः म शु म (म णु ङ्क व ङ्क प रं (म नं म ङ्क म ङ्क**

PRAJÑĀ-PĀRAMITĀ (Bát Nhã Ba La Mật Đa) MAHĀ-MANTRA (Đại Chú) MAHĀ-VIDYĀ-MANTRA (Đại Minh Chú) ANUTTARA-MANTRA (Vô Thượng Chú) ASAMASAMA-MANTRA (Vô đẳng đẳng Chú) \_ SARVA DUḤKHA (tất cả khổ) PRASĀMANAḤ (chận đứng) SATYAM (chân thật) AMITHYA (không có Tà bậy, Giả dối) TVĀK (Nên nói) PRAJÑĀ-PĀRAMITĀ MUKTO-MANTRAM (Bát Nhã Ba La Mật Đa Giải Thoát Chú)

**न शु ण**

TADYATHĀ (Liên nói chú là) :

**ग ग ग ग प रं ग ग प रं सं ग ग व णे म न**

GATE (vượt qua) GATE (vượt qua) PĀRAGATE (vượt qua bờ bên kia) PĀRASA, MGATE (vượt qua bờ bên kia hoàn toàn) BODHI (Tuệ giác, Trí giác) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

22/02/2012

# BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Viết dịch: HUYỀN THANH

Khi Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành và xem xét kỹ về hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu. Ngài soi thấy Tự Tính của nhóm năm Uẩn đều trống rỗng.

Ngài bảo ông Xá Lợi Tử rằng: “Hình chất là trống rỗng, Tính trống rỗng cũng là hình chất. Hình chất chẳng khác với Tính trống rỗng, Tính trống rỗng chẳng khác với hình chất. Chính hình chất là Tính trống rỗng, chính Tính trống rỗng là hình chất. Bốn Uẩn: Cảm giác, tri giác, hoạt động tâm ý, nhận thức cũng đều như vậy.

Này Xá Lợi Tử! Tính trống rỗng của tất cả Pháp vốn không có tướng, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng cấu nhiễm chẳng lia cấu nhiễm, chẳng giảm bớt chẳng tăng thêm.

Chính vì thế cho nên trong Tính trống rỗng ấy không có hình chất, không có cảm giác, không có tri giác, không có hoạt động tâm ý, không có nhận thức. Không có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không có: hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, Pháp cảnh. Không có Giới của mắt cho đến không có Giới nhận biết của ý. Không có vô minh cũng không có chấm dứt vô minh, cho đến không có già chết cũng không có chấm dứt già chết. Không có: khổ não, nguyên nhân kết tạo khổ não, trạng thái xóa bỏ khổ não, đường lối thoát khỏi khổ não. Không có Trí, không có đắc, không có chứng.

Như vậy! Nhờ không có sở đắc mà các vị Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa nên không có tâm chướng ngại. Do không có tâm chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi sự điên đảo, cuối cùng đạt được Niết Bàn.

Hết thầy chư Phật ba đời đều y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa mà chứng được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Vì thế nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là lời chú nguyện to lớn, là lời chú nguyện rất sáng tỏ, là lời chú nguyện vô thượng, là lời chú nguyện không có gì sánh bằng hay chận đứng tất cả khổ não và đây là sự chân thật không giả dối. Cho nên nói **BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA GIẢI THOÁT CHÚ**.

Liên nói Chú là:

GA TÊ, GA TÊ, PA RA GA TÊ, PA RA XĂM GA TÊ, BỒ ĐI, XỜ-VA HA

22/02/2012





Tát bà ha (𑖀𑖄𑖆 – SVĀHĀ) là Đem lại sự an lành phước tuệ cho tất cả chúng sinh

Như vậy toàn bộ câu chú nguyện GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAMGATE BODHI SVĀHĀ có thể diễn dịch là:

“Vượt qua Kiến Hoặc, vượt qua Tư Hoặc, dứt trừ Lậu Hoặc, dứt trừ Vô Minh Hoặc, chúng đấng Phật Trí, đem lại sự an lành cho tất cả chúng sinh”

20/07/1985



## KỆ HỒI HƯỚNG

Nguyện đem Công Đức này  
Tiêu trừ nghiệp xưa nay  
Tăng trưởng các Phước Tuệ  
Viên thành căn Thắng Thiện  
Bao nhiêu kiếp đao binh  
Cùng với nạn đói khát  
Đều diệt sạch không còn  
Nhân danh tập lễ tán  
Tất cả giúp thành người  
Người xoay chuyển lưu thông  
Quyển thuộc nay an lạc  
Tiên vong được siêu thăng  
Mưa gió thường thuận hòa  
Nhân dân đều khang ninh  
Pháp Giới các hàm thức  
Đồng chứng đạo vô thượng .

# MỤC LỤC

1_ Thay lời tựa.....	Tr.01
2_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh .....	Tr.10
3_ Bạch Tản Cái Đại Phật Đỉnh Vương Tối Thắng Vô Tỷ Đại Uy Đức Kim Cương Vô Ngại Đại Đạo Trường Đà La Ni Niệm Tụng Pháp Yếu (No.975) .....	Tr.25
4_ Phật Đỉnh Đại Bạch Tản Cái Đà La Ni Kinh (No.976).....	Tr.34
5_ Phật Thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni Kinh (No.977) .....	Tr.43
6_ Đại Bạch Tản Cái Phật Mẫu Tổng Trì Tán Thán Đảo Chúc Kệ.....	Tr.54
7_ Phật thuyết Đại Bạch Tản Cái Tổng Trì Đà La Ni Kinh (Phật sống Nặc Na)..	Tr.56
8_ Đại Phật Đỉnh Như Lai Phóng Quang Tất Đát Đa Bát Đát La Đà La Ni (No.944A).....	Tr.66
9_ Dịch Phạn Âm : Đại Phật Đỉnh Đại Đà La Ni (No.944B).....	Tr.74
10_ Thủ Lăng Nghiêm Chú Phạn Anh Hoa.....	Tr.90
11_ Giải Thích Đại Phật Đỉnh Chân Ngôn (ĐTK_No.2234) .....	Tr.99
12_ Kiểm tra và ghi chú Đại Phật Đỉnh Như Lai Phóng Quang Tất Đát Đa Bát Đát La Đà La Ni (ĐTK_No.2235) .....	Tr.112
14_ Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Đà La Ni (Quảng Bản) .....	Tr.125
15_ Đại Phật Đỉnh Như Lai Phóng Quang Tất Đát Đa Bát Đát La _Bồ Tát Vạn Hạnh Phẩm Quán Đỉnh Bộ Lục Xuất Nhất Danh Trung Ấn Độ Na Lan Đà Man Trà La Quán Đỉnh Kim Cương Đại Đạo Trường Thần Chú (No.945) .....	Tr.173
16_ Phục hồi Phạn Văn Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Chú (Trung Bản)..	Tr.183
17_ Phật nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội (ĐTK_No.642).....	Tr.204
.)Quyển Thượng.....	Tr.204
.)Quyển Hạ.....	Tr.224
18_ Ý nghĩa căn bản về Đạo Trường Lăng Nghiêm.....	Tr.244
19_ Ý nghĩa và tầm quan trọng của Hồng Danh Thích Ca Mâu Ni Phật .....	Tr.264
20_ Vài phương cách tu trì Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Pháp .....	Tr.272
21_ Bạch Tản Cái Hộ Quốc Túc Tai Pháp Niệm Tụng Nghi Quỹ .....	Tr.291
22_ Chư Môn Phổ Truyền Chân Ngôn Tập.....	Tr.293
23_ Lăng Nghiêm Đại Bi Thập Chú.....	Tr.303
24_ Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Chú (Bản Phổ Thông).....	Tr.305
26_ Phục hồi Phạn Văn Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Chú (Lược Bản)..	Tr.323
27_ Đại Bi Thần Chú .....	Tr.352
28_ Như Ý Bảo Luân Vương Thần Chú.....	Tr.366
29_ Tiêu Tai Cát Tường Thần Chú.....	Tr.373

30_ Công Đức Bảo Sơn Thần Chú .....	Tr.377
31_ Phật Mẫu Chuẩn Đề Thần Chú .....	Tr.379
32_ Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni .....	Tr.381
33_ Dược Sư Quán Đỉnh Chân Ngôn .....	Tr.385
34_ Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn .....	Tr.390
35_ Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn .....	Tr.392
36_ Vãng Sinh Tịnh Độ Thần Chú .....	Tr.394
37_ Thiện Nữ Thiên Chú .....	Tr.397
38_ Bát Nhã Tâm Kinh .....	Tr.401
39_ Kệ Hồi Hương .....	Tr.411
40_ Mục lục .....	Tr.412

